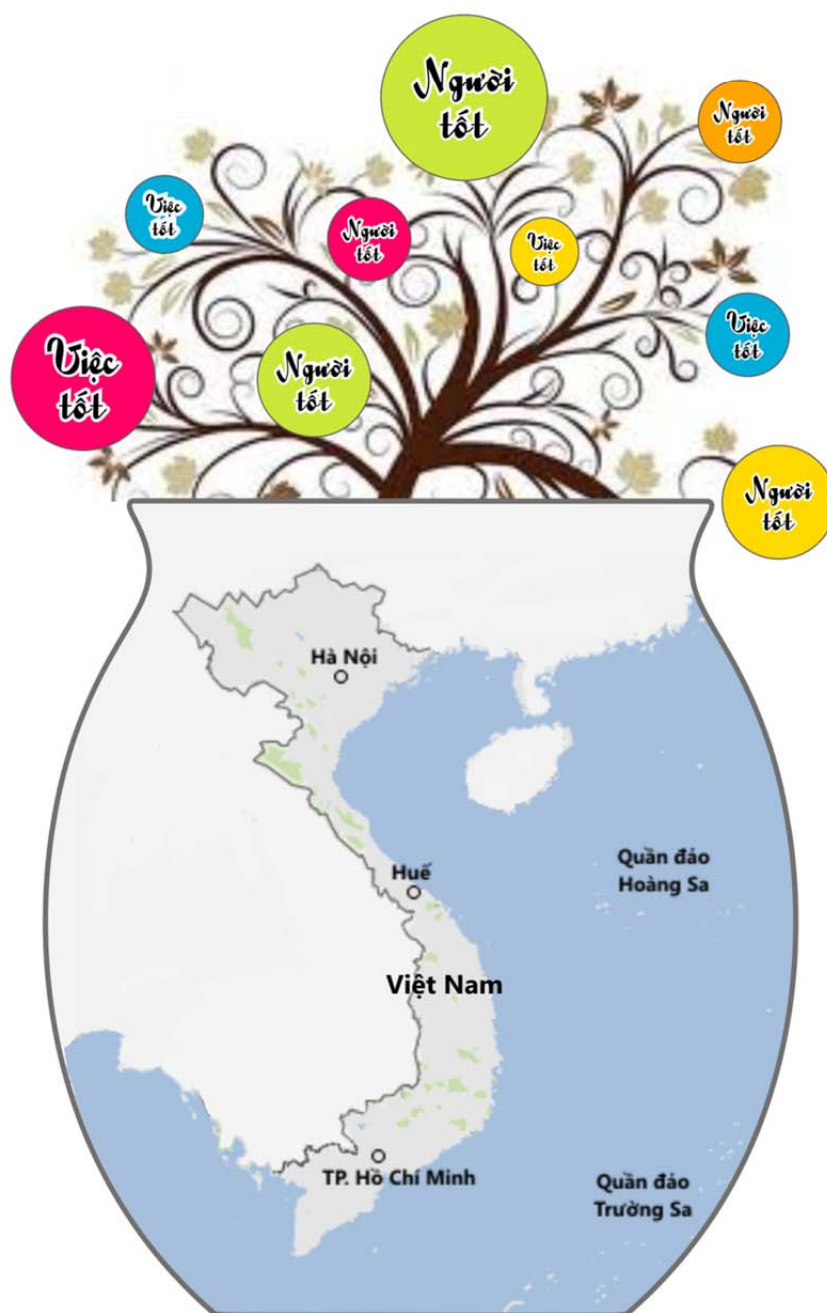


PHAN DŨNG

Để có thật nhiều hành động tốt trong xã hội



TRUNG TÂM SÁNG TẠO KHOA HỌC-KỸ THUẬT (TSK)
Trường đại học khoa học tự nhiên - Đại học quốc gia TP.HCM

2012

PHAN DŨNG

ĐỂ CÓ THẬT NHIỀU HÀNH ĐỘNG TỐT TRONG XÃ HỘI

MỤC LỤC

1. Mở đầu.....	5
2. Hành động cá nhân	5
3. Nhu cầu cá nhân	8
3.1. Nhu cầu cá nhân	8
3.2. Mối liên hệ giữa nhu cầu cá nhân và hành động cá nhân.....	12
4. Xúc cảm cá nhân	16
4.1. Xúc cảm cá nhân	16
4.2. Mối liên hệ xúc cảm cá nhân với nhu cầu và hành động của cá nhân.....	22
5. Thói quen tự nguyện	34
5.1. Thói quen tự nguyện	34
5.2. Mối liên hệ của thói quen tự nguyện với các yếu tố khác	42
6. Tư duy cá nhân	44
6.1. Tư duy cá nhân	44
6.2. Phương pháp (tự nhiên) thử và sai	48
6.3. Mối liên hệ của tư duy với các yếu tố cá nhân khác	57
6.4. Tư duy tự nhiên hiện nay và tư duy cần có	60
7. Xúc cảm cá nhân – yếu tố quan trọng nhất đối với hành động cá nhân.....	63
7.1. Xúc cảm cá nhân – yếu tố quan trọng nhất đối với hành động cá nhân.....	63
7.2. Một số cách tạo xúc cảm cá nhân	64
8. Cá nhân và môi trường.....	76
8.1. Cá nhân trong tư cách là con người hiện đại.....	76
8.2. Cá nhân và xã hội lý tưởng	81
9. Giáo dục.....	92
9.1. Nhân cách và nhân cách lý tưởng.....	92
9.2. Giáo dục nhân cách lý tưởng trong trường học	101
9.3. Nhân cách sáng tạo	122
10. Mối liên hệ giữa giáo dục và xã hội.....	129
10.1. Các trường hợp có thể xảy ra.....	129
10.2. Các điều kiện xã hội và giáo dục lý tưởng để có nhiều hành động cá nhân tốt	132

11. Một số suy nghĩ về xã hội và giáo dục ở nước ta	133
11.1. Về xã hội.....	134
11.2. Về giáo dục	168
12. Thay cho kết luận	204
Phụ lục: Một số đặc điểm của nhân cách	207
Các tài liệu tham khảo chính và nên tìm đọc thêm, kể cả các công trình của tác giả.....	217

1. Mở đầu

Thời gian gần đây, chỉ cần thông qua báo chí, người đọc đã có thể thấy rất nhiều hành động xấu xảy ra trong xã hội với quy mô và mức độ xấu có vẻ như ngày càng tăng. Đây là các hành động bội tín; dối trá; bịp bợm; lừa đảo; đạo đức giả; đểu; lưu manh; táng tận lương tâm; bất nhân; bất nghĩa; ma túy; mại dâm; buôn lậu; cho nhiều loại chất cấm vào thực phẩm; làm hàng giả (kể cả các loại giấy tờ, bằng cấp giả); bất chấp tất cả miễn kiếm được tiền, coi tiền là trước hết và trên hết; gây ra các loại tai nạn; dừng dừng, vô cảm, nhẫn tâm đối với khó khăn, đau khổ của những người khác; hành dân; xa hoa; trọc phú; háo danh; sa đọa; hủ hóa; ăn cắp (kể cả đạo văn, đạo nhạc, rút ruột công trình...); ăn trộm; bạo lực (kể cả bạo lực học đường, bạo hành trong gia đình, ngoài đường phố); thú tính; giết người với nhiều vụ cực kỳ độc ác và man rợ; chạy chọt đủ việc, đủ kiểu; quan liêu; đút lót; nhận hối lộ; tham nhũng; cố ý làm trái để hưởng lợi; lãng phí; vô trách nhiệm; lãnh đạo, quản lý yếu kém; gây ô nhiễm môi trường; tàn phá tài nguyên; xâm hại các di tích lịch sử;...

Trên báo chí cũng xuất hiện các bài báo cố gắng lý giải nguyên nhân của các hành động xấu mang tính báo động cao và nêu ra các ý kiến khắc phục.

Nhằm góp vào tiếng nói chung, quyển sách này được viết ra với mục đích tìm hiểu cơ chế hình thành và thực hiện hành động của cá nhân nói chung, từ đó xây dựng và thực hiện các biện pháp để trong xã hội càng ngày càng có nhiều hành động tốt và càng ít hành động xấu.

Nhiều ý của quyển sách này đã được trình bày trong các quyển sách “Giới thiệu: Phương pháp luận sáng tạo và đổi mới” và “Thế giới bên trong con người sáng tạo” của bộ sách “Sáng tạo và đổi mới” (Phan Dũng, Nhà xuất bản “Trẻ”, năm 2010). Ở đây, người viết sắp xếp lại, làm rõ, đào sâu và mở rộng hơn các ý nói trên nhằm tập trung phục vụ cho đề tài của quyển sách “Để có thật nhiều hành động tốt trong xã hội”. Các ý của quyển sách còn được minh họa bằng rất nhiều thí dụ thực tế.

2. Hành động cá nhân

- Hành động của một người, trong trường hợp chung, là các cử chỉ, động tác, thao tác của cơ thể người đó được những người khác ghi nhận trực tiếp bằng các giác quan. Những gì của người đó không được những người khác ghi nhận bằng các giác quan sẽ coi là thuộc về thế giới bên trong của người đó.

Như vậy, những cử chỉ của một người như nháy mắt, nhăn mặt, cười, khóc,..., các động tác như cử động chân tay, nói, viết,..., các thao tác thực hiện một công việc nào đó, các hoạt động được những người khác ghi nhận được bằng các giác quan chính là các hành động của người đó và có một loại hành động đặc biệt là không hành động gì cả. Còn nhu cầu, xúc cảm, tư duy (các ý nghĩ), không được những người khác có thể trực tiếp ghi nhận bằng các giác quan thuộc về thế giới bên trong của người đó.

Hành động của một người chính là quyết định cuối cùng của thế giới bên trong người đó được thực hiện, thể hiện trên thực tế ra bên ngoài và được những người khác cảm nhận thông qua các giác quan của họ. Ví dụ, bạn nghe thấy một người nói: “Tôi mua cái này!”, rồi bạn thấy người đó trả tiền cho người bán hàng và xách món hàng ra về. Hành động “mua” của người đó chính là quyết định cuối cùng của người đó sau khi suy nghĩ, cân nhắc (thuộc về thế giới bên trong) về việc mua hay không mua món hàng.

- Có thể phân loại hành động theo những cách xem xét khác nhau, ví dụ:
 - Các hành động do di truyền, bẩm sinh, được chọn lọc tự nhiên giữ lại mang tính lập trình sẵn: Các phản xạ không điều kiện, bản năng như khi gặp ánh sáng chói, mắt người tự động khép lại; hít, thở; chớp mắt; bú, nuốt sữa...
 - Các hành động ứng với lứa tuổi.

Dưới 4 tuổi, các hành động, chủ yếu, xảy ra theo cơ chế bẩm sinh có sự tham gia của loại tư duy trực quan–hành động.

Từ 4 đến 7 tuổi, đứa bé có thêm các hành động mới, chủ yếu, học từ các thành viên trong gia đình. Ngoài tư duy trực quan–hành động, ngày càng nhiều hơn, có các hành động với sự tham gia của tư duy trực quan–hình ảnh.

Từ 7 tuổi trở lên, các hành động có được, ngoài gia đình còn nhờ việc đi học trong trường học, với sự tham gia ngày càng tích cực của tư duy từ ngữ–lôgic, là loại tư duy tạo nên sự khác biệt cơ bản nhất giữa người và động vật.

Ngoài các hành động bẩm sinh, sống trong xã hội, chịu sự di truyền xã hội, con người còn thừa kế (dưới dạng bất chước, tham gia các trò chơi, được dạy...) nhiều loại hành động khác.

- Các hành động có tính mới được cá nhân tìm ra và thực hiện khi cá nhân phải giải quyết một vấn đề nào đó hoặc phải ra một quyết định hành động mà hành động đó khác với các hành động cá nhân đã biết trước đó.
- Các hành động đơn lẻ thường xảy ra trong thời gian ngắn như ăn, uống, bắt tay người khác, trả lời ngắn gọn các câu hỏi, các hành động bột phát...
- Các hành động quá trình là tập hợp của nhiều hành động đơn lẻ liên kết với nhau, xảy ra trong thời gian dài nhằm đạt được mục đích nào đó. Ví dụ, người công nhân phải sản xuất từ khâu đầu tiên đến khâu cuối một sản phẩm, nhà văn sáng tác một tác phẩm, cảnh sát điều tra phá một vụ án, cho đến tập hợp các hành động tạo nên sự nghiệp cả đời của một con người.
- Có các hành động lời nói (chữ viết) và các hành động việc làm (có sự tham gia của tay chân). Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong nhiều trường hợp cụ thể, người ta đánh giá hành động việc làm cao hơn hành động lời nói: “*Nói phải đi đôi với làm*”; “*Lời nói gió bay*”; “*Hứa lèo*”; “*Nói như rồng leo, làm như mèo mửa*”; “*Nói vậy mà không phải vậy*”; “*Nói hay không tày làm tốt*”; “*Nói thì có mó thì không*”;...
- Các hành động phản ánh xúc cảm cá nhân như đỏ mặt tía tai; khóc; cười; mắt

trở nên sáng rực hoặc u ám; trông giận dữ, cău kính...

- Các hành động của cá nhân chỉ ảnh hưởng đến cá nhân.
- Các hành động của cá nhân ảnh hưởng lên những người khác, cộng đồng, xã hội.

.....

Nhân đây, người viết đưa ra hai khái niệm hành động cá nhân tốt (viết tắt là hành động tốt) và hành động cá nhân xấu (viết tắt là hành động xấu). Ở những nơi người viết chỉ nói “hành động” không thôi, người viết ngụ ý rằng đó là những hành động bất kỳ, có thể tốt, xấu hoặc trung tính.

– **Hành động tốt là hành động tuân thủ luật pháp^{*}; phù hợp quy luật^{*} mang tính đạo đức, văn hóa, văn minh cao; không chỉ tốt cho cá nhân hành động mà tốt cho cả những người khác, tốt cho cả cộng đồng, xã hội, môi trường; giúp xã hội tồn tại một cách lành mạnh và phát triển một cách bền vững.**

– **Hành động xấu là những hành động ngược lại với hành động tốt.** Trong mục 1. Mở đầu, người viết có liệt kê một loạt các hành động xấu như là các ví dụ minh họa.

- Trong tất cả những cái thuộc về cá nhân, hành động và kết quả hành động của cá nhân được xem là cần thiết, quan trọng, chính xác nhất để hiểu và đánh giá chính cá nhân đó. Đồng thời, một xã hội muốn tồn tại và phát triển một cách bền vững, xã hội đó cũng nhận ra tầm quan trọng thiết yếu của các hành động cá nhân tốt. Không phải ngẫu nhiên, nhiều danh nhân đã nhận xét về những hành động tốt bằng những lời lẽ như:

– *“Mục đích vĩ đại của cuộc sống không phải là kiến thức mà là hành động”.* T. Huxley.

– *“Mục đích chính của giáo dục không phải dạy cho trẻ hiểu nhiều, biết rộng mà dạy cho trẻ biết hành động”.* H. Spencer.

– *“Đối với năng lực thì chỉ có một cách chứng minh: Đó là hành động”.* M. Eschenbach.

– *“Không làm gì (không hành động – người viết giải thích) thì chẳng thu được gì”.* Shakespear.

– *“Cái khó nhất trên thế giới là biến các ý tưởng của bạn thành hành động”.* Goethe.

– *“Trong bất kỳ công việc mang tính thực tế nào, ý tưởng chỉ chiếm từ 2 đến 5 phần trăm, phần còn lại từ 98 đến 95 phần trăm là thực hiện” (hành động – người viết giải thích).* A.N. Krulov.

^{*} Có một điều thú vị là hai từ khác nhau “luật pháp” và “quy luật” trong tiếng Việt đều chỉ dịch thành một từ trong tiếng Anh – “law”, trong tiếng Nga – “закон”, trong tiếng Pháp – “loi”

– “Không nên đào tạo ra những con người thuộc sách lâu lâu, cụ Mác nói thế này, cụ Lênin nói thế kia, nhưng nhiệm vụ của mình được giao quét nhà (hành động việc làm – người viết giải thích) lại để cho nhà đầy rác. Đó là điều thứ nhất cần rõ”. Hồ Chí Minh, “Hồ Chí Minh tuyển tập II”, Nhà xuất bản “Sự thật”, Hà Nội, 1980.

Rõ ràng, một xã hội tốt phải là một xã hội, ở đó các hành động tốt của các công dân (cá nhân) chiếm số lượng tuyệt đối và ngày càng tăng theo thời gian.

Có câu hỏi đặt ra: *Hành động cá nhân có xuất xứ từ đâu và cá nhân hành động để làm gì?* Mục tiếp theo sẽ trả lời câu hỏi này.

3. Nhu cầu cá nhân

3.1. Nhu cầu cá nhân

- Nhu cầu của cá nhân là sự đòi hỏi của cá nhân có được những điều kiện, phương tiện (hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả kiến thức, công cụ...) và kết quả cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của cá nhân đó. Nhu cầu cá nhân thuộc về thế giới bên trong của cá nhân.

Có nhiều cách phân loại các nhu cầu cá nhân. Người viết sử dụng cách phân loại dưới đây.

Theo P.V. Ximonov, các nhu cầu cơ bản (mang tính nguyên tố) của cá nhân có thể tập hợp và phân thành ba nhóm:

1) Các nhu cầu sinh học: Ăn, uống, ngủ, giữ thân nhiệt (vì người là động vật máu nóng), bảo vệ khỏi những tác động có hại của môi trường (hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả những người xung quanh, tự nhiên, xã hội), tiết kiệm sức lực, duy trì nòi giống... Đây là những nhu cầu để cá nhân tồn tại và phát triển như một cá thể, một giống loài sinh học trong thế giới tự nhiên.

2) Các nhu cầu xã hội: Nhu cầu thuộc về một cộng đồng (nhóm, tầng lớp...) xã hội nào đó và giữ một vị trí nhất định (không phải là thấp nhất và chưa chắc là cao nhất) trong cộng đồng đó. Nhu cầu được những người xung quanh chú ý, quan tâm, kính trọng và yêu mến... Đây là những nhu cầu để cá nhân tồn tại và phát triển trong xã hội.

Các nhu cầu xã hội của cá nhân chia thành hai loại: 1) Các nhu cầu “cho mình” mà cá nhân nhận biết như các quyền lợi của mình; 2) Các nhu cầu “cho những người khác”, được cá nhân nhận biết như là nghĩa vụ. Điều này dễ hiểu vì, để thuộc về và giữ một vị trí nhất định trong một cộng đồng xã hội nào đó (có được những quyền lợi nào đó), cá nhân phải có những đóng góp cho cộng đồng. Tương tự như vậy, để có được sự quan tâm, kính trọng, yêu mến từ những người khác, cá nhân phải có những hành động thỏa mãn nhu cầu của những người khác. Không phải ngẫu nhiên, kinh nghiệm lịch sử của nhân loại cho thấy, người hạnh phúc nhất là người mang hạnh phúc cho nhiều người nhất. Trong sự thống nhất, các nhu cầu “cho mình” làm nảy sinh lòng tự trọng, tự chủ trong tư duy, phán xét, đánh giá một cách độc lập. Các nhu

cầu “cho những người khác” làm cho con người trở nên nhân hậu, có khả năng đồng cảm và cộng tác với những người khác.

3) Các nhu cầu lý tưởng (nhận thức): Nhận thức (biết, hiểu, giải thích, dự đoán về...) thế giới xung quanh (những người khác, tự nhiên, xã hội) và chính bản thân mình. Loại nhu cầu này thể hiện thành nhu cầu trả lời các câu hỏi cụ thể nảy sinh trong đầu của cá nhân như ai? cái gì? tại sao? để làm gì? ở đâu? xảy ra như thế nào? sẽ xảy ra chuyện gì?... Trong ý nghĩa này, có người định nghĩa: “Con người là động vật tò mò nhất thế giới”. Đây là các nhu cầu để cá nhân tồn tại và phát triển như động vật cấp cao có khả năng tư duy, liên quan đến việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan.

Các nhu cầu lý tưởng (nhận thức) của cá nhân đòi hỏi trả lời các câu hỏi liên quan đến thế giới xung quanh, vị trí của cá nhân trong đó, ý nghĩa và mục đích cuộc sống của cá nhân, bằng cách kế thừa các giá trị văn hóa đã có, phát minh và sáng chế những cái mà các thế hệ trước chưa biết. Con người không chỉ sống đơn thuần mà luôn trăn trở sống để làm gì? cho ai? Nhận thức hiện thực, con người hướng tới tìm các quy tắc và các quy luật hoạt động mà thế giới xung quanh phải tuân theo dưới dạng, có thể là các câu chuyện thần thoại, các tác phẩm nghệ thuật, các lý thuyết khoa học. Trong đó, khoa học được đánh giá tin cậy hơn cả trong việc nhận thức, nhờ tính khách quan và được kiểm tra bằng thực tiễn. Các câu chuyện thần thoại, sự tích, cổ tích làm thỏa mãn nhu cầu nhận thức khi các kiến thức đã có, được chứng minh bằng thực tiễn, không đủ để thỏa mãn nhu cầu nhận thức. Con người không chấp nhận, không chịu đựng được tình trạng bất định, không rõ ràng, không hiểu, không đoán trước đối với thế giới xung quanh (các câu hỏi nảy sinh trong đầu chưa có câu trả lời). Điều này làm cho con người bối rối, bất lực, do dự. Đặc biệt, đối với những người sơ khai, các câu chuyện thần thoại, cổ tích đã giúp họ thỏa mãn nhu cầu nhận thức (có được các câu trả lời cho các câu hỏi nảy sinh trong đầu). Ví dụ, chuyện “Sự tích Hòn vọng phu” là câu trả lời cho câu hỏi “Vì sao hòn đá cho trước lại giống người mẹ bỗng dưng con?”. Các câu chuyện thần thoại không thay thế, làm tăng kiến thức mà có tác dụng “an thần”, lấp những “chỗ trống” hiểu biết trong đầu con người. Điều này cũng góp phần giải thích vì sao nạn mê tín, dị đoan rất khó khắc phục. Ví dụ, các thầy bói luôn có sẵn các câu trả lời cho các câu hỏi của các thân chủ về nguyên nhân thất bại, đường tình duyên, số phận... của họ.

Ngoài các nhu cầu cơ bản, con người còn có nhu cầu thỏa mãn các nhu cầu, thể hiện cụ thể thành các nhu cầu hỗ trợ cho các nhu cầu cơ bản: Nhu cầu được trang bị các phương tiện (hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả các kiến thức, kỹ năng, tay nghề, kỹ xảo và công cụ) để có thể đạt được mục đích thỏa mãn nhu cầu và nhu cầu có những hành động vượt qua các khó khăn (ý chí) gặp trên con đường tới đích thỏa mãn các nhu cầu. Trong những trường hợp nhất định, ý chí mạnh có thể làm cá nhân sai lầm khi xác định nhu cầu ưu tiên hoặc việc vượt qua các khó khăn trở thành mục đích tự thân mà quên mất mục đích ban đầu cần đạt. Những lúc như vậy, cá nhân có thể trở nên bướng bỉnh trong hành động và không để ý trả lời câu hỏi: “Vượt qua các khó khăn để làm gì?”. Ý chí kiểu như vậy có thể dẫn đến “duy ý chí” và “những nỗ lực,

cố gắng vô ích”.

Sự thể hiện mang dấu ấn cá tính cao và sự phối hợp độc đáo riêng của hai loại nhu cầu hỗ trợ nói trên xác định tính cách của cá nhân cho trước. Mức độ trang bị tốt giúp cá nhân có được sự tự tin, kiên quyết, độc lập, tự chủ trong những hoàn cảnh có các vấn đề cần giải quyết. Việc trang bị không tốt làm cá nhân lo lắng, rối trí, trở nên phụ thuộc, cần sự che chở. Để thỏa mãn nhu cầu trang bị phương tiện, cá nhân cần phải học (hiểu theo nghĩa rộng nhất, bao gồm bất chước, tham gia các trò chơi). Nhu cầu vượt khó là cơ sở của các phẩm chất ý chí cá nhân.

Các nhu cầu cơ bản và hỗ trợ là những nhu cầu khởi phát, hiểu theo nghĩa, theo thời gian, tùy theo điều kiện xã hội cụ thể, chúng dẫn đến những nhu cầu khác (những nhu cầu thứ phát). Ví dụ, từ nhu cầu sinh học khởi phát “*giữ thân nhiệt*” làm nảy sinh nhu cầu về quần, áo. Đến lượt mình, nhu cầu quần, áo làm nảy sinh nhu cầu sản xuất (nuôi, trồng để có nguyên vật liệu, dệt, may, đan...)

Là các nhu cầu cơ bản, hỗ trợ và thứ phát, chúng còn có thể phối hợp, tổ hợp, kết hợp... với nhau, tạo ra sự thay đổi về chất (chứ không phải là phép cộng số học), hình thành những nhu cầu phức tạp hơn, gọi là các nhu cầu hợp thành (các nhu cầu mang tính hệ thống), ở những thang bậc hệ thống khác nhau với những sắc thái khác nhau. Ví dụ, nhu cầu về một quần áo có thể hợp thành từ các nhu cầu giữ thân nhiệt, được để ý, chú ý, nhận thức... Tương tự như vậy, nhu cầu du lịch có thể hợp thành từ các nhu cầu nhận thức, được để ý, chú ý... Tóm lại, nếu bạn thấy có những nhu cầu không được liệt kê tên ra ở đây, chúng có thể là các nhu cầu hợp thành và bạn thử phân tích để tìm các yếu tố (nguyên tố) tạo nên chúng.

Trong các nhu cầu của cá nhân, cần phải kể đến nhu cầu hợp thành đặc biệt. Đây là nhu cầu tiền mà nếu là tiền có thể chuyển đổi được thì càng tốt. Ở thời kỳ săn bắn, hái lượm, bạn muốn thỏa mãn nhu cầu ăn, bạn phải tự làm điều đó bằng cách đi săn và hái quả. Sang thời kỳ có sự trao đổi sản phẩm, bạn không nhất thiết tự làm mọi thứ tương ứng với các nhu cầu của mình. Ví dụ, bạn chỉ cần rèn dao, qua trao đổi bạn vẫn có được lương thực, thực phẩm, quần áo... để thỏa mãn các nhu cầu khác. Khi tiền, một loại hàng hóa trung gian xuất hiện, việc trao đổi càng trở nên thuận tiện hơn nữa. Cùng với giao thương quốc tế rồi khuynh hướng toàn cầu hóa, nhiều loại tiền trở nên chuyển đổi được giữa các quốc gia. Nếu bạn có tiền, nhiều nhu cầu cá nhân sẽ được thỏa mãn. Cho nên, không phải ngẫu nhiên các cá nhân, công ty, quốc gia đều cố gắng trở nên giàu, thành công về mặt kinh tế.

Các nhu cầu của con người đều có thể thể hiện thành hai dạng: Các *nhu cầu giữ gìn* và các *nhu cầu phát triển*. Xã hội loài người trải qua các giai đoạn lịch sử (thời đại) cụ thể khác nhau. Ở mỗi giai đoạn, do sự tương tác của các yếu tố như lịch sử, kinh tế, văn hóa... hình thành những chuẩn mực cụ thể phản ánh trong ý thức xã hội của những con người thuộc giai đoạn đó. Các nhu cầu giữ gìn là những nhu cầu đòi hỏi phải đạt được sự thỏa mãn trong giới hạn các chuẩn mực. Các nhu cầu phát triển đòi hỏi sự thỏa mãn cao hơn các chuẩn mực đã có, bởi vì con người, theo Marx và

Engels, “có các nhu cầu vô hạn và có khả năng mở rộng những nhu cầu đó”¹. Các nhu cầu phát triển thường dẫn đến các bài toán vì người ta chưa biết cách làm sao thỏa mãn cao hơn những chuẩn mực đã có.

Các nhu cầu của con người còn có thể phân loại theo mức độ đòi hỏi thỏa mãn. Có những nhu cầu thỏa mãn được thì tốt, không thỏa mãn được thì cũng không sao. Ví dụ như nhu cầu du hành vũ trụ của cá nhân nào đó. Có những nhu cầu đòi hỏi nhất định phải thỏa mãn, nếu không, ảnh hưởng đến việc thỏa mãn các nhu cầu khác, thậm chí ảnh hưởng đến sự tồn tại. Ví dụ như nhu cầu ăn, uống (“*Có thực mới vực được đạo*”, “*Một cái bụng đói thì chẳng có tại đâu*” – Ngạn ngữ Anh). Các nhu cầu có mức độ đòi hỏi thỏa mãn cao (các nhu cầu cấp bách) thường làm nảy sinh các bài toán phải ưu tiên giải trước. Tuy nhiên, xác định hoặc tự xác định chính xác nhu cầu cấp bách của con người cụ thể, nhiều khi, là vấn đề khó ngay cả đối với chính con người cụ thể đó. Có những nhu cầu ổn định, kéo dài về mặt thời gian, có khi cả đời, được gọi là những nhu cầu chủ đạo. Ví dụ nhu cầu thực hiện một công việc dài hạn nào đó, nhu cầu xây dựng một sự nghiệp nào đó...

Trong các nhu cầu cá nhân có các nhu cầu bẩm sinh, được chọn lọc tự nhiên giữ lại. Các nhu cầu bẩm sinh cùng các giải pháp thỏa mãn nhu cầu đã được lập trình sẵn và được kích hoạt theo tuổi đời. Ví dụ, để thỏa mãn nhu cầu ăn thức ăn rắn, răng mọc ra; để thỏa mãn nhu cầu duy trì nòi giống, hệ sinh dục khởi động và phát triển. Các nhu cầu cá nhân khác là các nhu cầu hình thành trong sự tương tác giữa cá nhân và môi trường (tất cả những gì xung quanh cá nhân) trong suốt cuộc đời của mình. Các nhu cầu cá nhân này có thể là các nhu cầu thuần túy phục vụ lợi ích cá nhân; phục vụ lợi ích xã hội; vừa phục vụ lợi ích cá nhân vừa xã hội; các nhu cầu cá nhân mới mà cá nhân tự đề ra...

Trên đây là những nét chung về các nhu cầu của con người. Đi vào các nhu cầu cụ thể của các cá nhân cụ thể thì mỗi cá nhân có thể giới riêng các nhu cầu của mình, không ai giống ai cả. Điều này có thể hiểu được, ít ra, vì tổng hợp các lý do sau:

- 1) Các cá nhân khác nhau về cấu trúc di truyền dẫn đến có các nhu cầu bẩm sinh khác nhau.
- 2) Các cá nhân khác nhau sống ở các môi trường (hiểu theo nghĩa rộng nhất) khác nhau nên những nhu cầu hình thành do môi trường cũng khác nhau.
- 3) Các cá nhân khác nhau về mặt di truyền nên dù sống trong cùng một môi trường, những nhu cầu hình thành do tương tác của môi trường với cá nhân cũng khác nhau.
- 4) Tuy ai cũng có các nhu cầu cơ bản, hỗ trợ giống nhau về tên gọi nhưng rất khác nhau về cường độ và sắc thái.

¹ Tiếng Nga: Архив К. Маркса и Ф. Энгельса. T2/7, М, 1935, с.235

5) Ở những cá nhân khác nhau, cách dẫn đến các nhu cầu thứ phát và hợp thành cũng khác nhau.

6) Những cá nhân khác nhau có các mức độ đòi hỏi thỏa mãn các nhu cầu khác nhau.

7) Sự thay đổi các nhu cầu (kể cả chủng loại, cường độ, sắc thái, mức độ đòi hỏi thỏa mãn...) theo tuổi của một đời người ở những người khác nhau thì khác nhau.

Thông thường, cá nhân có thể nhận biết các nhu cầu của mình thông qua các ý nghĩ nảy sinh trong đầu: “Tôi muốn...” và trả lời các câu hỏi: “Để làm gì?”, “Để thỏa mãn nhu cầu nào?” cho đến tận cùng. Ví dụ: “Tôi muốn có cái áo vét đó”; “Để làm gì?”; “Để mặc lúc trời lạnh”. “Để thỏa mãn nhu cầu nào?”; “Để không bị mất nhiệt”. Như vậy nhu cầu ở đây là giữ thân nhiệt. “Tại sao là áo vét đó? Để làm gì?”; “Để trông bụi bụi một tý” hoặc “Để cho nó đứng đắn”... Nếu thế, ở đây còn có “nhu cầu thuộc về nhóm người nào đó” hoặc “nhu cầu được chú ý”, “nhu cầu được kính trọng”...

Trong đời sống hàng ngày, các nhu cầu của cá nhân thường thể hiện thông qua các mục đích cụ thể nào đó mà đạt được chúng thì các nhu cầu của cá nhân được thỏa mãn. Ví dụ, khi đạt được mục đích gắn các bánh xe vào vali để kéo, thay cho khiêng, vác, xách thì nhu cầu tiết kiệm sức lực được thỏa mãn. Các mục đích phản ánh các nhu cầu cá nhân một cách chủ quan, nhiều khi, phản ánh như thế nào, chính cá nhân cũng không nhận biết. Do vậy, ở đây có thể nảy sinh các vấn đề liên quan đến năng lực cá nhân về sự lựa chọn cách phản ánh, độ chính xác của phản ánh, thu thập thông tin cần thiết cho sự phản ánh... Những vấn đề này ở những cá nhân khác nhau cũng khác nhau cả về lượng lẫn về chất. Các mục đích đề ra có thể được phát biểu rõ ràng, đầy đủ hoặc không rõ ràng, có nhiều khiếm khuyết; có thể cụ thể hoặc chung chung; có thể đúng hoặc sai... Người viết muốn lưu ý bạn đọc rằng xác định mục đích đúng, liên quan đến việc phát biểu bài toán phản ánh nhu cầu, là công việc không dễ dàng, do vậy, cần rất đáng để tâm. Để đạt được các mục đích đề ra (thực chất là làm thỏa mãn các nhu cầu cụ thể), cá nhân phải có những hành động thích hợp, ít ra, nhìn theo quan điểm của chính cá nhân người hành động.

Ngoài các nhu cầu của cá nhân còn có các nhu cầu của xã hội. Hai loại nhu cầu này liên quan chặt chẽ với nhau. Người viết sẽ đề cập đến sự liên quan này trong những phần riêng.

3.2. Mối liên hệ giữa nhu cầu cá nhân và hành động cá nhân

Engels, đã từ lâu, khẳng định: “Mọi người thường quen giải thích các hành động của mình xuất phát từ tư duy, mà đúng ra là từ các nhu cầu của mình (những nhu cầu này, tất nhiên, được phản ánh, nhận thức trong đầu), và bằng cách này (coi tư duy là nguồn gốc, động lực hoạt động của con người – người viết nhấn mạnh), với thời gian đã hình thành chính thể giới quan duy tâm...”¹; “Không ai có thể làm cái gì đó (hành

¹ Tiếng Nga: Маркс К., Энгельс Ф. Соч. – 2-е изд. Т.20, с.493

động – người viết nhấn mạnh) mà không vì nhu cầu nào đó trong số các nhu cầu của mình và vì cơ quan của nhu cầu đó”¹ và “Ý tưởng” luôn tự đánh mất uy tín, ngay khi nó bị tách ra khỏi “sự quan tâm”² (xuất phát từ nhu cầu – người viết nhấn mạnh). Như vậy, nguồn gốc sâu xa, tận cùng của các hành động cá nhân là các nhu cầu của cá nhân và các hành động của cá nhân là nhằm thỏa mãn chính các nhu cầu cá nhân ấy. Khi bạn tác động lên tư duy (làm công tác tư tưởng lên ý thức) người khác, những ý tưởng của bạn nêu ra mà không liên quan, tẻ hợt, không giúp làm thỏa mãn các nhu cầu cá nhân của người đó, các ý tưởng tự đánh mất uy tín và không được tiếp nhận. Mặc dù, nhìn về hình thức bề ngoài của người đó, bạn tưởng là bạn đã thành công. Các nhu cầu cá nhân cũng chính là nguyên nhân làm nảy sinh các vấn đề khi chúng không được thỏa mãn bằng các hành động đã biết.

Việc công nhận các nhu cầu là nguyên nhân khởi đầu các hành động của con người và bác bỏ quan điểm cho rằng tư duy của con người là nguồn gốc, động lực hoạt động của con người, đã trở thành xuất phát điểm của những giải thích khoa học về các hành vi hướng đích của con người.

Như vậy, nói chung, nếu cá nhân không có nhu cầu nào đó thì cá nhân sẽ không có những hành động nhằm thỏa mãn nhu cầu đó. Nếu cá nhân có nhu cầu nào đó và cá nhân đã hành động làm thỏa mãn hoàn toàn nhu cầu đó, cá nhân sẽ không còn tiếp tục hành động nữa. Nếu cá nhân có nhu cầu (cấp bách) nào đó không được thỏa mãn trong thời gian tương đối dài và cá nhân không tìm ra được cách hành động thỏa mãn nhu cầu, cá nhân có thể rơi vào bế tắc, mắc bệnh tâm thần, có những hành động nổi loạn hoặc tự tử.

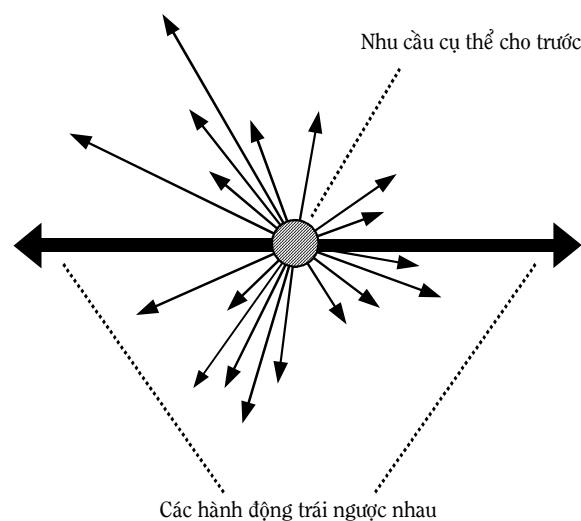
Như trên đã biết, nguồn gốc hành động cá nhân là nhu cầu cá nhân và cá nhân hành động là nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Trong các hành động cá nhân có những hành động tốt và những hành động xấu (xem mục 2. *Hành động cá nhân*). Nếu vậy, liệu các nhu cầu cá nhân cũng có thể phân thành những nhu cầu tốt và những nhu cầu xấu? Những nhu cầu tốt là nguồn gốc của những hành động tốt và những nhu cầu xấu là nguồn gốc của những hành động xấu. Ví dụ, nhu cầu có nhiều vợ là nguồn gốc của hành động xấu sống đa thê, vi phạm luật pháp.

Thực tế cho thấy không đơn giản như vậy. Thứ nhất, nhu cầu cá nhân thuộc thế giới bên trong của cá nhân, không được nhận biết bằng các giác quan của những người khác như hành động cá nhân thể hiện ra bên ngoài. Rất khó liên kết hai đối tượng thuộc hai thế giới khác nhau như thế. Thứ hai, hành động cá nhân mang tính cụ thể hơn nhu cầu cá nhân. Ví dụ, cá nhân có nhu cầu “ăn” mang tính chất chung, trong khi đó hành động “ăn” của cá nhân là hành động cụ thể: Ăn cá điêu hồng nấu canh chua, ăn rau muống luộc, ăn thịt bò xào thơm... Khó có thể phân tích và tìm mối liên hệ tin cậy giữa các đối tượng có mức độ cụ thể khác nhau. Thứ ba, mối liên hệ giữa nhu cầu cá nhân và hành động cá nhân không phải là mối liên hệ tương ứng một-một và trực tiếp.

¹ Tiếng Nga: Маркс К., Энгельс Ф. Соч. – 2-е изд. Т.3, с.245

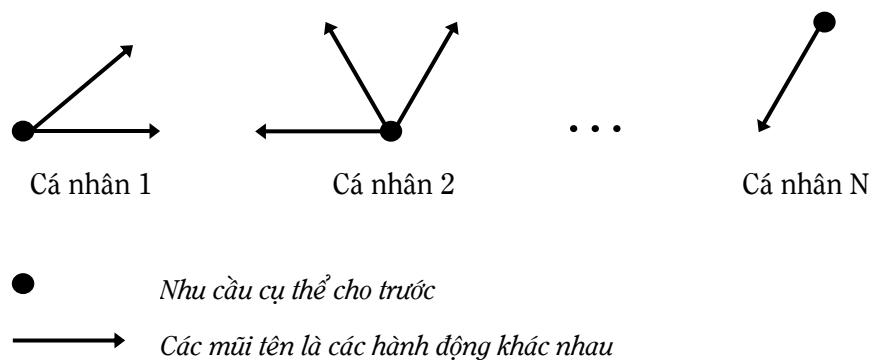
² Tiếng Nga: Маркс К., Энгельс Ф. Соч. – 2-е изд. Т.2, с.89

Đối với con người nói chung, có thể có nhiều chứ không phải duy nhất một cách hành động nhằm đạt mục đích (thỏa mãn nhu cầu) cụ thể cho trước. Trong số đó, thậm chí, có những cách hành động hoàn toàn trái ngược nhau, xem Hình 1. Nói cách khác, một nhu cầu có thể dẫn đến các mục đích khác nhau với các hành động thực hiện khác nhau ở những người khác nhau hoặc trong cùng một con người. Trong những hành động này có thể có những hành động tốt, hành động xấu, hành động trung tính. Hết sức tránh cho rằng chỉ có duy nhất một cách hành động để thỏa mãn nhu cầu. Điều này làm cho cá nhân cảm thấy bế tắc. Có nhiều cách hành động giúp cho cá nhân lựa chọn, thay đổi hành động để thỏa mãn nhu cầu.



Hình 1: Có thể có nhiều cách hành động (các mũi tên) để thỏa mãn nhu cầu cụ thể cho trước

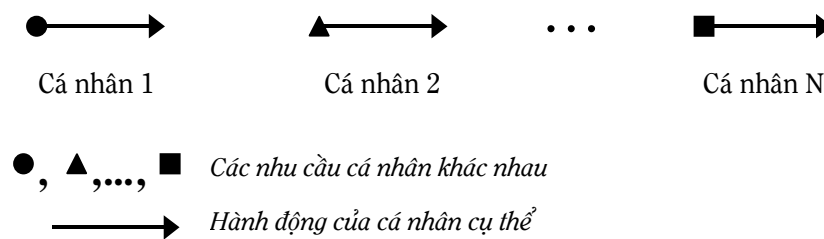
Đối với các cá nhân cụ thể khác nhau, để thỏa mãn nhu cầu cụ thể cho trước, họ có thể có các hành động hoàn toàn khác nhau, xem Hình 2. Nói cách khác, cùng một nhu cầu có thể dẫn đến các mục đích, hành động khác nhau ở những người khác nhau.



Hình 2: Các cá nhân khác nhau có thể có các hành động khác nhau nhằm thỏa mãn cùng loại nhu cầu

Ví dụ, một mặt, để thỏa mãn nhu cầu tiền nói chung, có thể có nhiều cách hành động: Chuyển chỗ làm; chuyển nghề để tăng thu nhập; phấn đấu về chuyên môn, nghiệp vụ để nhận lương cao hơn; sáng tạo ra các loại dịch vụ, sản phẩm bán chạy hơn trên thị trường; chơi số đề; ăn cắp; ăn cướp; buôn ma túy; tham nhũng... xem Hình 1. Mặt khác, những cá nhân khác nhau lựa chọn các hành động khác nhau, từ những hành động có thể có liệt kê ở trên. Có những hành động trái ngược nhau và có những hành động xấu của cá nhân không phù hợp với các chuẩn mực của xã hội lành mạnh, xem Hình 2.

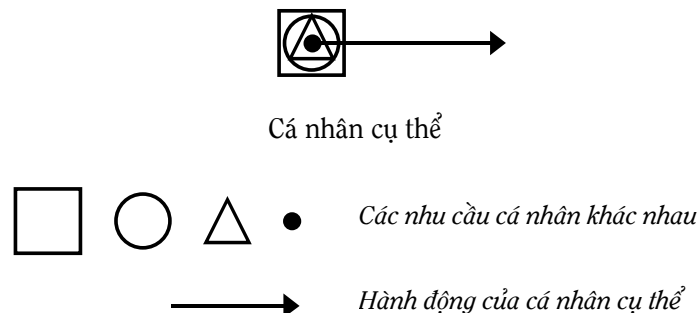
Ngược lại, những cá nhân khác nhau có thể có hành động giống nhau về mặt hình thức nhưng hành động đó lại xuất phát từ những nhu cầu cá nhân khác nhau, xem Hình 3. Nói cách khác, một mục đích có thể phản ánh các nhu cầu khác nhau ở những người khác nhau.



Hình 3: Hành động giống nhau có thể xuất phát từ những nhu cầu cá nhân khác nhau

Ví dụ, các thí sinh trong phòng thi cùng làm một đề thi vào đại học. Tất cả họ đều có mục đích đậu đại học. Người thì xuất phát từ nhu cầu kiến thức; người thì cần bằng cấp; người muốn cha, mẹ vui lòng; người đơn giản muốn học chung với bạn thân của mình...

Thêm vào những gì nói ở trên, một hành động của cá nhân còn có thể thỏa mãn cùng một lúc nhiều nhu cầu, xem Hình 4. Điều này có thể hiểu được vì có những nhu cầu là loại nhu cầu hợp thành. Nói cách khác, có những mục đích là mục đích hợp thành.

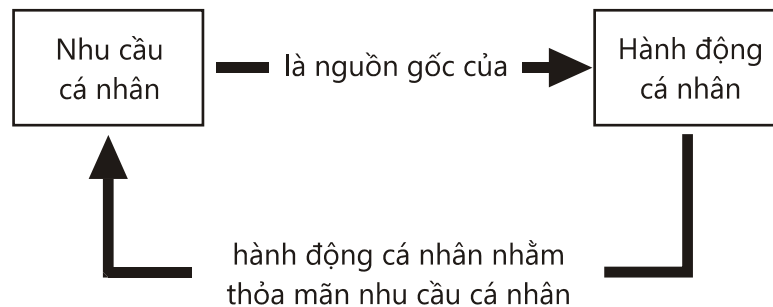


Hình 4: Một hành động có thể thỏa mãn nhiều nhu cầu

Ví dụ, hành động kiếm tiền giúp thỏa mãn khá nhiều loại nhu cầu. Hoặc việc sử dụng điện thoại di động đời mới nhất đối với nhiều người vừa thỏa mãn nhu cầu tiết kiệm sức lực, vừa thỏa mãn nhu cầu được để ý, chú ý.

- Tóm lại, qua những gì trình bày ở mục 2. *Hành động cá nhân* và mục 3. *Nhu cầu cá nhân*, chúng ta thấy:

- **Nhu cầu (chứ không phải tư duy) cá nhân là nguồn gốc của hành động cá nhân và cá nhân hành động nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân** (xem Hình 5).



Hình 5: *Mối liên hệ giữa nhu cầu cá nhân và hành động cá nhân*

- Để thỏa mãn nhu cầu nào đó có thể có nhiều cách hành động, trong đó có những hành động tốt, xấu, trung tính và có cả những hành động hoàn toàn ngược nhau.

- Một hành động làm thỏa mãn thực sự một nhu cầu nào đó chỉ khi nhu cầu đó được thỏa mãn và không ảnh hưởng xấu đến việc thỏa mãn các nhu cầu khác. Ví dụ, hành động ăn cắp để thỏa mãn nhu cầu tiền dẫn đến việc bị bắt, đi tù (nhu cầu tự do không thỏa mãn). Vậy hành động ăn cắp trong trường hợp này không dẫn đến thỏa mãn thực sự nhu cầu tiền.

- Tình huống trên thực tế rất đa dạng. Có những tình huống quen thuộc, ở đó cá nhân có những hành động quen thuộc và nhu cầu cá nhân được thỏa mãn thực sự.

- Có những tình huống, ở đó cá nhân biết mục đích cần đạt (mục đích phản ánh nhu cầu) nhưng không biết chắc chắn phải hành động như thế nào mới thực sự thỏa mãn nhu cầu. Những tình huống như vậy gọi là vấn đề hay bài toán. Lúc này, nhiều khi cá nhân phải thực hiện những hành động mới mang tính chất thử, xem có thỏa mãn nhu cầu hay không.

4. Xúc cảm cá nhân

4.1. Xúc cảm cá nhân

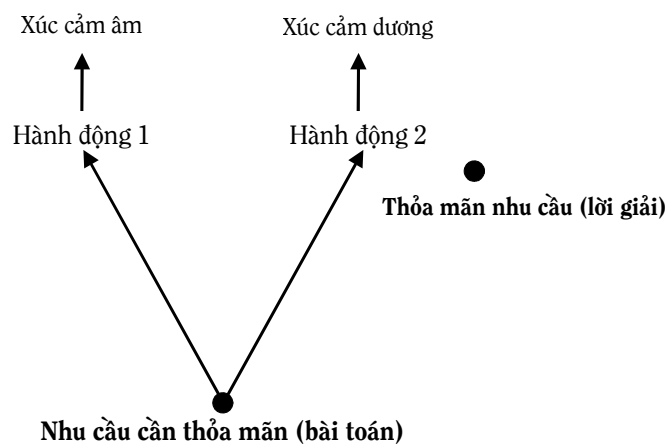
Từ “*xúc cảm*”, người viết dùng ở đây, được hiểu theo nghĩa rộng. Nó bao gồm các cảm giác mang sắc thái xúc cảm (như đói, mệt), các xúc cảm (hiểu theo nghĩa

thông thường như vui, buồn, giận), tình cảm (ví dụ tình yêu), lòng (ví dụ lòng yêu nước), tinh thần (ví dụ tinh thần trách nhiệm)... Ở những chỗ cần thiết, người viết sẽ đi vào phân biệt cụ thể hơn. Có những nhà nghiên cứu ước tính, số lượng xúc cảm của con người có tới hàng chục ngàn loại khác nhau. Trong khi đó, số lượng từ ngữ diễn đạt xúc cảm chỉ trong khoảng 5 đến 6 ngàn từ. Điều này có nghĩa, có những xúc cảm mà bạn không thể diễn tả được cho người khác và hiểu những xúc cảm của nhau để đồng cảm, thông cảm, chia sẻ là vấn đề không dễ. Xúc cảm thường đi kèm với sự thay đổi trạng thái sinh lý cơ thể, ví dụ, thay đổi nhịp tim, huyết áp, điện trở da; mạch máu co hoặc giãn; các cơ co, giãn, thả lỏng...

Xúc cảm cá nhân là sự phản ánh tâm lý của cá nhân về việc cá nhân cảm thấy thỏa mãn hay không thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

Có nhiều cách hình thành xúc cảm cá nhân mà người viết sẽ trình bày chi tiết hơn trong những phần sau này. Ở đây, người viết lấy một cách làm ví dụ.

Khi cá nhân lần đầu tiên gặp bài toán (có nhu cầu cấp bách nào đó cần thỏa mãn nhưng hành động như thế nào để chắc chắn thỏa mãn nhu cầu thì không biết), các hành động của cá nhân mang tính chất thử và sai (xem Hình 6). Nếu hành động sai, ví dụ hành động 1: Cá nhân tốn sức lực mà không thỏa mãn nhu cầu. Lúc này, trong cá nhân hình thành xúc cảm âm. Xúc cảm âm xuất hiện không biến mất mà được lưu giữ để trong các hoàn cảnh tương tự xảy ra trong tương lai, sẽ ngăn cản cá nhân lặp lại hành động đó. Trường hợp đặc biệt, nếu phép thử đó sai đến nỗi cá nhân bị tiêu diệt, có nghĩa chọn lọc tự nhiên đã đào thải cá thể đó. Ngược lại, nếu hành động giúp cá nhân thỏa mãn nhu cầu (có khi chỉ một phần nào), trong cá nhân hình thành xúc cảm dương. Xúc cảm dương cũng được lưu giữ và có tác dụng trong những tình huống tương tự xảy ra trong tương lai, sẽ thúc đẩy việc lặp lại hành động đó (lời giải) để thỏa mãn nhu cầu. Như vậy, xúc cảm âm thể hiện sự không hài lòng của chủ thể đối với việc không thỏa mãn nhu cầu, còn xúc cảm dương – sự hài lòng vì nhu cầu được thỏa mãn.



Hình 6: Một cách hình thành xúc cảm

Xúc cảm giúp thay đổi hành động cá nhân theo hướng cực đại hóa hành động nào làm tăng thỏa mãn nhu cầu và cực tiểu hóa hành động nào không thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Ví dụ, một em học sinh giao tiếp với những học sinh khác trong lớp nhằm thỏa mãn nhu cầu được để ý, chú ý, quan tâm. Đối với những người làm thỏa mãn các nhu cầu của em như biết chia sẻ vui, buồn, tôn trọng em, em rất mừng khi gặp những người đó và có những hành động để số lần gặp nhau nhiều hơn. Ngược lại, đối với những người không làm em thỏa mãn nhu cầu, như coi thường, chọc phá, bắt nạt em, em thấy khó chịu, ghét và tìm cách tránh mặt. Thông thường, cá nhân có khuynh hướng hành động để cực đại hóa các xúc cảm dương và cực tiểu hóa các xúc cảm âm. Rõ ràng, các xúc cảm dương làm cá nhân cảm thấy hạnh phúc hơn các xúc cảm âm. Ở đây, “*dương*” không có nghĩa là tốt, “*âm*” không có nghĩa là xấu. “*Dương*” chỉ có nghĩa thúc đẩy hành động tương ứng với nó và “*âm*”, ngược lại, ngăn cản hành động tương ứng với nó, trong khi hành động tương ứng với xúc cảm có thể tốt hoặc xấu. Do vậy, xúc cảm dương có thể thúc đẩy hành động tốt hoặc xấu. Tương tự, xúc cảm âm cũng có thể ngăn cản hành động tốt hoặc xấu.

Ngoài ra, thực tế cho thấy, “thúc đẩy” và “ngăn cản” mang tính tương đối. Thúc đẩy hành động này cũng có nghĩa ngăn cản hành động ngược lại hoặc hành động liên quan và ngăn cản hành động kia cũng có nghĩa thúc đẩy hành động ngược lại hoặc liên quan. Ví dụ, một người đi xe có xúc cảm dương thúc đẩy hành động vượt đèn đỏ. Điều này cũng có nghĩa chính xúc cảm đó ngăn cản hành động dừng xe lại. Ngược lại, một người sợ bị phạt vì vượt đèn đỏ, xúc cảm âm này ngăn chặn hành động vượt đèn đỏ nhưng thúc đẩy hành động dừng xe lại sau vạch trắng.

Ngoài ra còn có những xúc cảm trung tính, hiểu theo nghĩa, chúng vẫn được cá nhân cảm nhận nhưng không cho cá nhân cảm giác thích thú do thỏa mãn nhu cầu hoặc không thích thú do không thỏa mãn nhu cầu. Dưới đây là một số xúc cảm dương, âm và trung tính:

1) Các xúc cảm dương: Khoái trá, sung sướng, hoan lạc, hân hoan, khâm phục, tự hào, tự hài lòng, tự tin, tin cậy, kính trọng, cảm tình, tình dục, tình yêu, biết ơn, lương tâm thanh thản, sự nhẹ nhõm tâm hồn, cảm giác an toàn, vui sướng trên đau khổ người khác, thỏa mãn sau khi báo thù...

2) Các xúc cảm âm: Không hài lòng, đau khổ, buồn tủi, chán nản, thất vọng, lo lắng, sợ hãi, tiếc rẻ, thương hại, thông cảm, tự ái, cău, giận, cảm thấy bị sỉ nhục, không cảm tình, ghen tỵ, nghi ngờ, căm thù, không tin cậy, cảm thấy khó xử, ngưỡng, xấu hổ, hối hận, lương tâm cắn rứt, kinh tởm...

3) Các xúc cảm trung tính: Dửng dưng, lãnh đạm, thờ ơ và gồm cả tò mò, ngạc nhiên, sửng sốt... nếu không kèm theo sự thích thú hay không thích thú, sự hài lòng hay không hài lòng.

Thống kê cho thấy các xúc cảm âm nhiều hơn xúc cảm dương.

Tương tự như các hiện tượng tâm lý khác, xúc cảm hình thành và phát triển trong quá trình tiến hóa để thích nghi với môi trường xung quanh và con người có kế thừa

một số xúc cảm từ những động vật tổ tiên. Trước hết, xúc cảm có chức năng báo hiệu. Ví dụ, cảm giác “đói” báo hiệu cho động vật phải đi tìm thức ăn khá lâu trước khi các chất dinh dưỡng trong cơ thể cạn kiệt. Bởi vì, động vật khác với thực vật, phải di chuyển, vận động. Chờ các chất dinh dưỡng trong cơ thể không còn, như xe hết xăng mới biết, để di chuyển đi tìm thức ăn đồng nghĩa với cái chết chắc chắn. Tình hình tương tự cũng xảy ra với việc hình thành các cảm giác mang sắc thái xúc cảm khác như cảm giác khát, mệt mỏi, đau đớn... và được chọn lọc tự nhiên giữ lại nhằm thỏa mãn nhu cầu tồn tại như là động vật.

Xúc cảm còn có chức năng thay đổi (điều khiển) loại xúc cảm, do vậy, thay đổi loại hành động, đặc biệt, trong những trường hợp cần huy động các nguồn dự trữ của cơ thể để tồn tại. Ví dụ, cảm giác mệt mỏi báo hiệu cho cơ thể phải chuẩn bị nghỉ ngơi, hồi phục sức lực trước khi cạn các năng lượng cơ bắp. Nhưng nếu đúng vào lúc đó, động vật rơi vào tình huống khẩn cấp như bị đe dọa tính mạng, cảm giác mệt mỏi được thay thế bằng sự sợ hãi hoặc nổi giận. Chính sự thay đổi xúc cảm này làm con vật chuyển được sang trạng thái sử dụng tối đa các nguồn lực của mình hoặc để chạy trốn, hoặc lao vào cuộc chiến đấu một mất, một còn. Thêm một lần nữa, chức năng này được chọn lọc tự nhiên giữ lại nhằm thỏa mãn nhu cầu tồn tại như là động vật.

Với sự phát triển xã hội và tư duy, ở con người hình thành những xúc cảm mới, phức tạp và cao cấp hơn, gọi là những xúc cảm trí tuệ. Ví dụ, ý thức công bằng, danh dự, nghĩa vụ, tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nước, tình cảm đoàn kết, lòng nhiệt tình lao động, cảm hứng sáng tạo, tình yêu đối với cái đẹp, tình cảm cao thượng, mong muốn chia sẻ các xúc cảm, lòng vị tha, đồng cảm, óc hài hước, ý thức sở hữu, lòng tham... Tóm lại, những xúc cảm cao cấp là những xúc cảm thuộc các lĩnh vực nhận thức, đạo đức, thẩm mỹ và sáng tạo.

Mọi người không chỉ khác nhau về khả năng cảm nhận xúc cảm, về phản ứng xúc cảm đối với cùng một sự kiện hoặc thông tin, mà còn ở những trạng thái sức khỏe khác nhau, lứa tuổi khác nhau, dưới những tác động khác nhau hoặc với các tâm trạng khác nhau. Theo thời gian, chúng ta cũng không giống chính mình về các xúc cảm nảy sinh. Ví dụ, cùng đọc một tác phẩm “*Truyện Kiều*”, những người khác nhau có những xúc cảm khác nhau. Ngay chính một con người, khi học phổ thông đọc “*Truyện Kiều*” cảm nhận khác với khi đã lớn tuổi, sau những thăng trầm của cuộc đời. Điều này có thể hiểu được vì xúc cảm phản ánh nhu cầu và khả năng thỏa mãn hoặc không thỏa mãn nhu cầu, có tác dụng thúc đẩy hoặc ngăn chặn hành động mà quan hệ nhu cầu – hành động khá phức tạp. Dưới đây, người viết nhấn mạnh một số ý:

– Xúc cảm phản ánh nhu cầu từ hai phía: Phía nhu cầu cá nhân vốn có (mang tính chất chung) và phía mục đích (cụ thể hơn) do cá nhân đề ra để hành động (nhằm thỏa mãn nhu cầu) trong bối cảnh các điều kiện ảnh hưởng đến việc có thể thỏa mãn hay không thỏa mãn nhu cầu. Nói cách khác, xúc cảm làm cụ thể hóa nhu cầu và tạo ra các xung lực kích thích bên trong để chủ thể hành động một cách cụ thể. Ví dụ, nhu cầu ăn tuy dẫn đến hành động ăn nhưng xúc cảm chỉ ra trực tiếp và cụ thể hơn: Thích ăn thịt bò hơn thịt heo, thích ăn ở quán này hơn quán kia...

– Xúc cảm có thể có những cường độ và sắc thái khác nhau, góp phần tạo nên những khí chất khác nhau. Xúc cảm dương với cường độ mạnh thường thể hiện thành sự mong muốn mạnh mẽ thúc đẩy thực hiện hành động tương ứng. Ví dụ như sự say mê, nhiệt tình cháy bỏng, khát vọng.

– Một nhu cầu cho trước, tùy theo hành động, có thể dẫn đến những xúc cảm vui, buồn... khác nhau. Ngược lại, các nhu cầu khác nhau, cũng tùy theo hành động, có thể dẫn đến xúc cảm giống nhau. Ví dụ, các hành động làm thỏa mãn các nhu cầu khác nhau có thể dẫn đến cùng một niềm vui như nhau.

– Các xúc cảm có thể kết hợp, phối hợp với nhau thành các xúc cảm phức tạp, gọi là các xúc cảm hợp thành mang tính hệ thống. Ví dụ, buồn vui lẫn lộn; giận thì giận mà thương thì thương; những xúc cảm không nói nên lời.

– Các xúc cảm có thể bổ sung cho nhau. Ví dụ, người đã từng buồn nhiều, khi có niềm vui, cường độ xúc cảm thường mạnh hơn những người khác.

– Các xúc cảm có thể chuyển hóa lẫn nhau, đặc biệt, khi vượt quá một ngưỡng nào đó. Ví dụ, thắm lăm chóng phai; thoang thoang hoa nhài mà lại thơm lâu; thân nhau lăm thì cắn nhau đau; giòn cười, tươi khóc; hết khôn dần đến dại; niềm vui nhỏ người ta cười, niềm vui lớn người ta khóc; từ yêu đến ghét, nhiều khi, chỉ một bước.

– Các xúc cảm có thể đấu tranh với nhau, xúc cảm nào thắng, xúc cảm đó sẽ thúc đẩy hoặc ngăn chặn hành động tương ứng.

– Các xúc cảm có thể mâu thuẫn nhau, hiểu theo nghĩa, xúc cảm này được thỏa mãn thì xúc cảm khác không được thỏa mãn. Ví dụ, bỏ tiền mua sách đọc, có được niềm vui thỏa mãn nhu cầu nhận thức nhưng tiếc, vì phải dè sẻn trong ăn, mặc.

– Xúc cảm có thể thay thế nhau. Ví dụ, đối với nhiều người, niềm vui trong nghiên cứu khoa học hoàn toàn thay thế được niềm vui ăn chơi, xài những đồ xịn, hàng hiệu...

– Những người từng trải qua nhiều loại xúc cảm thường hiểu những người khác (về mặt xúc cảm) dễ dàng hơn, đồng cảm hơn, bao dung hơn.

– Xúc cảm thúc đẩy cá nhân hành động theo các quy luật xúc cảm, do vậy, tùy trường hợp cụ thể, xúc cảm đó có thể tốt, có thể xấu. Ví dụ, tin người khác mình có thể bị lừa; yêu tức là mù; giận mất khôn; yêu nên tốt, ghét nên xấu.

– Xúc cảm không chỉ thúc đẩy hoặc ngăn chặn những hành động thể hiện ra bên ngoài mà còn có ảnh hưởng mạnh mẽ đến những gì thuộc thế giới bên trong con người như nhu cầu, các thói quen tự nguyện, tư duy. Các ảnh hưởng này có thể tốt hoặc xấu. Ví dụ, sự chán nản có thể làm tư duy bị tê liệt. Ngược lại, sự hứng thú lại giúp phát nhiều ý tưởng sáng tạo bất ngờ. Do vậy, ở đây cá nhân cần có sự điều khiển các xúc cảm của mình.

Người viết còn quay trở lại các ý nói trên trong những phần sau.

Thực tế cho thấy, khi nói về con người, phần lớn mọi người thường nhấn mạnh và đánh giá chỉ số thông minh IQ, các năng lực trí tuệ, tư duy sáng tạo mức cao. Gần

đây, các nhà chuyên môn mới chú ý nhiều hơn đến EQ (Emotional Quotient) và cho rằng chính EQ (hay còn gọi là trí tuệ xúc cảm) đóng vai trò rất đáng kể, giúp thành công, mặc dù vai trò to lớn đó của xúc cảm đã được nhiều người nổi tiếng đề cập đến từ lâu. Để minh họa, dưới đây, người viết trích dẫn một số câu nói về xúc cảm (người viết in đậm những từ diễn tả xúc cảm trong các câu đó) để bạn đọc thấy xúc cảm thúc đẩy hành động tốt rất quan trọng và được đánh giá cao như thế nào.

– Leo Buscaglia: “Nếu không có **tình yêu thương**, cuộc sống của bạn xem như đã mất”.

– D.H. Lawrence: “Nếu cái đó không làm bạn **rung động**, nếu nó **không thú vị**, bạn đừng làm”.

– Rollan: “Phẩm chất quý giá nhất trong cuộc sống là **tính tò mò** luôn trẻ mãi. Nó không bị thỏa mãn theo tháng, năm và sáng nào nó cũng như mới vừa sinh ra”.

– Rollan: “**Trái tim** là đòn bẩy của những gì vĩ đại”.

– Montaigne: “... điều cơ bản nhất là tập các thói quen **thích** và **yêu** khoa học. Nếu khác đi, đơn giản, chúng ta đào tạo những con lừa chất đầy những điều sách vở khó hiểu”.

– Đ.Y. Pixarep: “Ai đã có lần **yêu** khoa học, người đó sẽ **yêu** khoa học suốt đời và không khi nào chia tay với nó một cách tự nguyện”.

– Lebbok: “... **tình yêu** đối với một khoa học nào đó thúc đẩy trong chúng ta **sự ham thích** tất cả các khoa học còn lại”.

– France: “... tâm hồn chúng ta sẽ thua kém những người nguyên thủy nếu không làm cho cuộc sống của con cháu mình tốt hơn và yên lành hơn cuộc sống của chúng ta. Để đạt được mục đích, phải nắm được hai điều bí mật: Cần biết **yêu** và biết nhận thức. Khoa học và **tình yêu** sáng tạo cuộc sống”.

– Galileo: “Không có gì vĩ đại trên thế giới này đã được hoàn thành mà thiếu **lòng say mê**”.

– Pascan: “Không **say mê**, không **phấn khởi**, không làm được việc lớn”.

– I. Pavlov: “Không có **tình yêu** và lòng **say mê** thực sự thì không có công việc nào trôi chảy”.

– Monden: “Không có **khát vọng** thì không có thiên tài”.

– Ludwig: “Hãy đừng trở nên giàu về trí tuệ đến độ bạn trở nên nghèo về **tâm hồn**”.

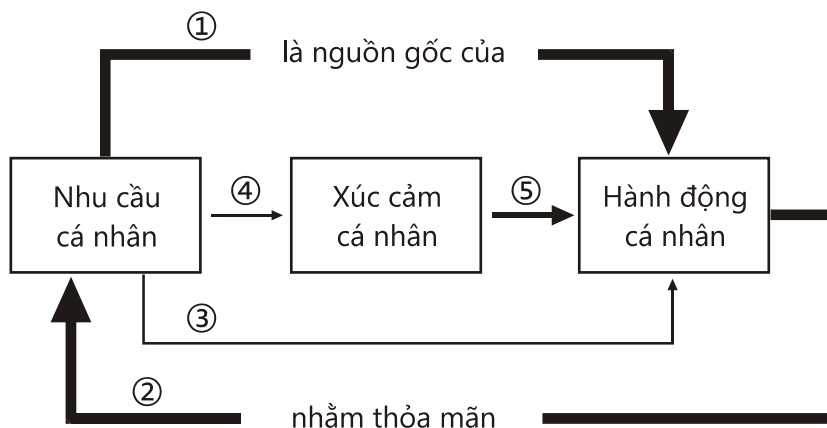
– William A. Ward: “Người thầy trung bình chỉ biết nói. Người thầy giỏi biết giải thích. Người thầy xuất chúng biết minh họa. Người thầy vĩ đại biết cách truyền **cảm hứng**”.

– Tục ngữ Trung Quốc: “**Hứng thú** là người thầy tốt nhất”.

- S. Simon: “Mức lương cao nhất trả cho người cầm quyền là **sự tin yêu** của xã hội”.
- Nguyễn Trãi: “Khử thực, khử binh, **tín** bất khả khử (có thể bỏ ăn, bỏ việc binh nhưng chữ **tín** thì không thể bỏ)”.
- “*Nhân vô **tín** bất lập*” (Không có chữ **tín** không đứng ở đời được).
- “***Tín** vi quốc chi bảo*” (**Tín** là vật báu quốc gia).
- G. Dimitrôv: “Biết phải làm gì chưa đủ, còn phải có **dũng cảm** thực hiện điều đó nữa”.
- K. Marx: “**Xấu hổ** là một loại **nổi giận** nhưng chỉ hướng vào bên trong. Và nếu như cả một dân tộc cảm thấy **xấu hổ** thì nó sẽ giống như con sư tử thu mình lại để chuẩn bị phóng tới”.
- Lênin: “Thiếu **những xúc cảm** của con người, không bao giờ đã có, đang có và sẽ có thể có sự tìm kiếm chân lý của con người”.

4.2. Mối liên hệ xúc cảm cá nhân với nhu cầu và hành động cá nhân

Mối liên hệ nhu cầu, xúc cảm và hành động cá nhân được thể hiện thành Hình 7, trên cơ sở những gì đã được trình bày cho đến nay.



Hình 7: Mối liên hệ nhu cầu, xúc cảm và hành động cá nhân

- Đường ① cho thấy nhu cầu cá nhân là nguồn gốc của hành động cá nhân.
- Đường ② – cá nhân hành động nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân.
- Đường ③ chỉ ra loại hành động cá nhân xuất phát thẳng từ nhu cầu cá nhân. Đây là những hành động do di truyền, bẩm sinh được chọn lọc tự nhiên giữ lại, mang tính chất bản năng, tự động, đã được lập trình trong gen.
- Xúc cảm của cá nhân được hình thành và lưu giữ do nhu cầu cá nhân thỏa

mãn hay không thỏa mãn. Nếu thỏa mãn, cá nhân hài lòng, trong cá nhân hình thành và lưu giữ xúc cảm dương. Nếu không thỏa mãn, cá nhân không hài lòng, trong cá nhân hình thành và lưu giữ xúc cảm âm. Đến lượt mình, sau khi được hình thành và lưu giữ, đạt mức đủ độ (xúc cảm đủ độ), xúc cảm có tác dụng thúc đẩy hoặc ngăn chặn hành động một cách chắc chắn. Từ nay, khi người viết dùng từ xúc cảm, bạn đọc hãy hiểu ngầm rằng đây là xúc cảm đủ độ. Đi vào cụ thể, xúc cảm dương có tác dụng thúc đẩy hành động tương ứng với nó để tăng đến cực đại việc thỏa mãn nhu cầu. Ngược lại, xúc cảm âm ngăn cản hành động tương ứng với nó để giảm đến tối thiểu cái hại của việc không thỏa mãn nhu cầu, thậm chí, cá nhân không hành động nữa.

Như vậy, xúc cảm cá nhân dường như nằm ở giữa nhu cầu và hành động cá nhân (xem Hình 7). Ở đầu bên này, xúc cảm cá nhân được định đoạt (hình thành và lưu giữ) nhờ việc nhu cầu thỏa mãn hay không thỏa mãn. Ở đầu bên kia nó tác động (thúc đẩy hoặc ngăn chặn) lên hành động (xem đường ④ và đường ⑤).

– Xúc cảm hình thành không biến mất mà được lưu giữ. Điều này có nghĩa, xúc cảm có thể tồn tại trong một khoảng thời gian, có thể rất dài. Do vậy, xúc cảm có thể coi là một yếu tố (bộ phận) mang tính độc lập nhất định, cần phải tính đến trong chuỗi từ yếu tố nhu cầu đến yếu tố hành động. Trên Hình 7 “xúc cảm cá nhân” được biểu diễn thành một ô tương đương với các ô “nhu cầu cá nhân” và “hành động cá nhân”.

– Nhu cầu của cá nhân là nguồn gốc của hành động cá nhân. Trong các nhu cầu của cá nhân, chỉ có một số ít nhu cầu bẩm sinh có tác động trực tiếp lên hành động (xem đường ③). Tuy vẫn là nguồn gốc của hành động, những nhu cầu còn lại (kể cả những nhu cầu mới được hình thành trong quá trình sống và làm việc của cá nhân) không trực tiếp tác động lên hành động mà tác động gián tiếp thông qua xúc cảm (xem đường ④, đường ⑤). Như vậy, **xúc cảm tác động (thúc đẩy, ngăn chặn) lên hành động trực tiếp, mạnh mẽ, nhanh và cụ thể hơn nhu cầu**. Không phải ngẫu nhiên, trên Hình 7, đường ⑤ (đường mô tả xúc cảm tác động lên hành động) được vẽ đậm hơn đường ③ và đường ④.

– Ngoài ra, **xúc cảm cá nhân dễ được chính cá nhân và những người khác nhận biết, nhận dạng hơn nhu cầu cá nhân**. Bởi vì, như chúng ta biết trong mục nhỏ 4.1. *Xúc cảm cá nhân*: Xúc cảm cá nhân thường đi kèm với sự thay đổi trạng thái sinh lý cơ thể của chính cá nhân, ví dụ thay đổi nhịp tim, huyết áp, điện trở da; mạch máu co hoặc giãn; các cơ co, giật, thả lỏng... Còn những người xung quanh có thể nhận biết, nhận dạng xúc cảm cá nhân thông qua các hành động phản ánh xúc cảm cá nhân như cá nhân đó lắc đầu; nhún vai; nhíu mày; đỏ mặt tía tai; khóc; cười; mắt trở nên sáng rực hoặc u ám; trông vui, buồn, giận dữ, căm kình... (xem mục 2. *Hành động cá nhân*). Điều này, về mặt nguyên tắc, giúp cho những người giao tiếp với nhau dễ nhận ra xúc cảm của những người khác để có thể tìm hiểu, thông cảm, chia sẻ và có những hành động thích hợp.

– Do những đặc điểm nổi trội của xúc cảm cá nhân so với nhu cầu cá nhân, nếu

cái thực sự chúng ta quan tâm là hành động cá nhân thì chúng ta phải chú ý nhiều đến xúc cảm cá nhân.

Xúc cảm cá nhân cụ thể hơn nhu cầu cá nhân và thúc đẩy hoặc ngăn cản hành động cá nhân cụ thể. Do sự tương đương về tính cụ thể, ở đây, chúng ta có thể xem xét sự tương ứng giữa xúc cảm và hành động. Mục 2. *Hành động cá nhân* có đưa ra hai khái niệm hành động tốt và hành động xấu. Vậy, các xúc cảm có thể phân thành hai loại: Loại xúc cảm thúc đẩy thực hiện các hành động tốt và loại xúc cảm thúc đẩy thực hiện các hành động xấu. Loại xúc cảm thứ nhất thúc đẩy hành động tốt, người viết gọi là xúc cảm cá nhân tốt hay gọi tắt là xúc cảm tốt. Loại xúc cảm thứ hai thúc đẩy các hành động xấu, người viết gọi là xúc cảm cá nhân xấu hay gọi tắt là xúc cảm xấu. Như vậy, **để cá nhân có những hành động tốt, cần phải tạo ra bên trong cá nhân những xúc cảm tốt**. Cần phải làm những gì và làm thế nào để cá nhân có những xúc cảm tốt? Những mục còn lại của quyển sách này sẽ dần dần trả lời câu hỏi đó.

– Trên Hình 7, “xúc cảm cá nhân” được biểu diễn như một yếu tố mang tính độc lập nhất định, tương đương với hai yếu tố kia là “nhu cầu cá nhân” và “hành động cá nhân”. Nếu nhìn theo quan điểm tương tác (tác động qua lại giữa các yếu tố), chúng ta còn có thể thấy thêm các tác động khác ngoài các tác động đã trình bày ở trên. Ví dụ, xúc cảm có thể tác động ngược lại nhu cầu, hành động tác động ngược trở lại xúc cảm. Chẳng hạn, bạn say mê nghiên cứu khoa học, lòng say mê này làm giảm nhu cầu chạy theo các mốt mang tính chất hình thức bề ngoài; hoặc bạn từ chối giúp đỡ một người bạn thân, sau đó bạn cảm thấy xấu hổ.

– Hình 7 còn cho thấy, để một người có hành động cụ thể mà hành động đó chưa được thực hiện trước đó, cần tạo cho người đó có nhu cầu thực hiện hành động đó (thể hiện dưới dạng mục đích người đó biết là cần đạt) và xúc cảm đủ độ thúc đẩy hành động của người đó. D. Carnegie diễn tả như sau: *“Chỉ có cách làm duy nhất dưới bầu trời này để buộc một người làm một điều gì đó. Đó là làm cho người đó muốn làm điều đó”*.

Như vậy, D. Carnegie khuyên chúng ta không nên áp đặt, cưỡng bức (kiểu dùng roi đánh hay gí súng vào đầu) bắt *“một người làm một điều gì đó”* (thực hiện hành động gì đó) mà phải *“làm cho người đó muốn”*. “Muốn” ở đây là phải làm sao cho người đó thấy kết quả *“làm điều gì đó”* (mục đích cần đạt) là nhu cầu của chính mình chứ không phải do áp đặt, cưỡng bức từ bên ngoài và mình có xúc cảm đủ độ thúc đẩy làm điều đó. Trong các cuốn sách của mình, chẳng hạn, cuốn *“Đắc nhân tâm”*, D. Carnegie có dẫn ra không ít các ví dụ minh họa cho ý kiến nói trên.

– Nếu như xúc cảm cá nhân thúc đẩy hoặc ngăn chặn hành động cá nhân một cách trực tiếp và mạnh mẽ thì ngược lại, thông qua hành động cá nhân chúng ta có thể đánh giá được “chất lượng” của xúc cảm. Những hành động tốt mà không phải ai cũng làm được cho chúng ta thấy những xúc cảm lớn, cao thượng đứng đằng sau các hành động đó. Dưới đây là một số ví dụ:

◎ Ấu ơ... Sông dài cá lội bất tâm / Phải duyên chồng vợ ngàn năm em vẫn chờ...
Lớn lên cùng những lời ru thấm đượm tình người, tình yêu quê hương xứ sở của mẹ, nhưng mãi sau này, khi đã trưởng thành, anh em tôi mới hiểu được tình yêu của mẹ gửi cho ba đậm sâu đến mức không chỉ ngàn năm em vẫn chờ mà còn nơi đâu em cũng tìm.

Năm 1954, Hiệp định Genève được ký kết, ba mẹ tôi từ Campuchia trở về Việt Nam. Theo chủ trương của Đảng, ba tập kết ra Bắc, để lại người vợ trẻ đang mang thai đứa con đầu lòng với lời hẹn ước “*hai năm sẽ về*”. Mẹ tôi ở lại quê nội, một mình vượt cạn trong nỗi nhớ chồng da diết. Chính sách ép buộc những người vợ có chồng tập kết phải lấy người khác đã đẩy những người như mẹ tôi vào tình thế khó khăn. Được sự đồng ý của tổ chức, mẹ tôi quyết định đi tìm chồng để tiếp tục đi theo con đường ba mẹ đã chọn. Hành trình tìm chồng của mẹ tôi đã trở thành giai thoại của tình yêu và niềm tin.

Hai miền Nam – Bắc chỉ cách nhau bởi con sông Bến Hải (vĩ tuyến 17), nhưng sao với vợ đầy trắc trở, hiểm nguy. Mẹ tôi không thể vượt sông Bến Hải để đến với chồng mình mà phải trải qua con đường dài đầy cam go, thử thách. Ba năm, với đứa con trai nhỏ, mẹ tôi “đóng” đủ thứ vai, làm nhiều nghề để tìm đường đến với miền Bắc. Khi là một mẹ, một con; khi lại vào vai người chị của chính con trai mình để tránh sự truy tìm, bắt bớ của địch, nay mẹ tôi ở Rạch Giá, mai đã về Sóc Trăng; lúc ở Châu Đốc, khi qua Campuchia với bao nghề ở dợ, làm bánh, xẻ khô, làm mắm mướp... Khổ cực trăm bề, nguy hiểm rình rập, mẹ tôi vẫn sắt son một lòng tìm chồng. Cuối năm 1955, sau khi ba tôi đi được hơn một năm, cơ sở hoạt động của mẹ bị bố ráp, mẹ phải tạm biệt ông bà nội, cùng con rời Rạch Giá về Ngã Năm – Sóc Trăng làm mướn cho một nhà địa chủ để tránh sự ve vãn, ép buộc của một tên chiêu hồi vì chúng biết mẹ có chồng tập kết. Ở đây, với vai nhà nghèo phải đi ở dợ, mẹ đã tập cho đứa con nhỏ (anh Hai tôi) gọi mẹ là “chị” để giấu thân phận của mình. Làm “con ở”, mẹ đã chịu bao nỗi cực khổ, đắng cay. Có lần địch lùng sục, truy tìm vợ những người theo kháng chiến, mẹ trốn dưới ghe, để anh Hai ngồi chơi một mình. Khi mẹ bị bắt, chúng tra hỏi anh Hai “*bà này là ai?*”, anh Hai đã cứu mẹ trong gang tấc khi gọi mẹ là “chị”. Nhưng có kẻ chỉ điểm, mẹ bị địch bắt, giam cầm, nhưng vẫn một lòng kiên trung giữ trọn khí tiết của mình. Không khai thác được gì địch đã phải thả mẹ ra. Bồng con nhỏ về Tân Châu, Châu Đốc, mẹ tôi móc nối với tổ chức, tiếp tục hoạt động và làm đủ thứ nghề gánh nước thuê, làm khô, xẻ mắm mướp, bán bánh, làm vú em... nhằm kiếm tiền thực hiện mong ước của mình.

Khi đã dành dụm được một số tiền kha khá, mẹ tôi tìm đường sang Campuchia tiếp tục làm mướn để mưu sinh và thực hiện hành trình tìm chồng của mình. Ở xứ người, một lần nữa mẹ lại bị những tên “dê xồm” ve vãn, o ép, dụ dỗ đến nỗi mỗi khi ra đường mẹ phải tự bôi bẩn, làm xấu mình để tránh những ánh mắt cú vọ của chúng. Cuối năm 1958, được sự giúp đỡ của một số Việt kiều yêu nước, mẹ hoàn tất thủ tục giấy tờ, mua vé máy bay qua Hồng Kông rồi qua Bắc Kinh để từ đó đi tàu liên vận về Hà Nội tìm gặp chồng.

Kể ra thì ngắn vậy, nhưng ngày đó, một người mẹ trẻ với đứa con thơ, không biết tiếng Campuchia, tiếng Hoa mà dám vượt chặng đường gian nan như thế để tìm chồng thì không phải ai cũng dám làm. Mỗi lần nghe ba mẹ kể lại “hành trình tìm chồng” của mẹ, anh em tôi lại thắc mắc: “*Sao mẹ gan thế?*” Mẹ chỉ cười, ánh mắt hướng về ba đầy tin yêu. Tình yêu ấy của ba mẹ đã nuôi dưỡng anh em tôi nên người, biết yêu thương, chia sẻ. Để mãi sau này, trên mọi ngã đường cuộc sống, những lúc khó khăn, ngã lòng, tình yêu ấy lại tiếp thêm sức mạnh để chúng tôi đứng dậy, mạnh mẽ bước tiếp.

(Bài “*Tìm chồng*” của Thanh Tân, báo Phụ Nữ Tp.HCM, ra ngày 14/5/2012).

◎ Nhà văn Đoàn Phú Tứ sinh năm 1910 tại Hà Nội, quê chính của ông ở huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. 15 tuổi ông đã viết văn rồi sau trở thành nhà văn, nhà viết kịch và có bài thơ *Màu thời gian* nổi tiếng. Sau Cách mạng tháng 8-1945, ông được bầu là đại biểu Quốc hội khóa I (1946), giảng dạy ở Trường văn hóa kháng chiến, làm Tạp chí văn nghệ, thường vụ Đoàn sân khấu Việt Nam, Hội văn hóa Việt Nam.

Mùa đông năm 1949 ở chiến khu Việt Bắc, Đoàn Phú Tứ với tư cách là đại biểu Quốc hội, cùng một số nghệ sĩ đi thăm bộ đội vừa đánh giặc trở về. Thấy chiến sĩ ta ăn đói mặc rét, người bị thương bị bệnh thiếu thuốc men điều trị, sinh hoạt rất cực khổ, ai cũng rưng rưng nước mắt. Sự thiếu thốn này do kháng chiến một phần, cái chính là Trần Dụ Châu, đại tá cục trưởng Cục quân nhu tham nhũng. Y lợi dụng chức quyền vơ vét của công, ăn bớt ăn xén các tiêu chuẩn của bộ đội để tiêu xài xa hoa lãng phí. Nhiều người biết nhưng không ai dám tố cáo hoặc nói năng điều gì, bởi Châu quyền lực lớn lại có đám tay chân rất trung thành và tàn bạo.

Trần Dụ Châu đứng ra tổ chức đám cưới cho một thuộc hạ rất thân cận với hắn. Cỗ cưới xếp kín mấy dãy bàn dài đủ những chim quay, gà tần, nấm hương, giò chả, rượu Tây, thuốc lá thơm hảo hạng. Có cả ban nhạc sống từ khu 3 được Châu điều lên phục vụ cho đám cưới. Trần Dụ Châu đích thân mời nhà văn Đoàn Phú Tứ dự tiệc cưới. Ông nhìn cỗ cưới mà hoa mắt, cứ tưởng mình nằm mơ. Châu mặc bộ quân phục đại tá mới tinh, cưỡi ngựa, đeo súng ngắn xệ bên hông để làm chủ hôn. Hắn tươi cười giới thiệu: “*Đám cưới hôm nay có một vị khách đặc biệt là nhà thơ Đoàn Phú Tứ nổi tiếng. Mời nhà thơ cho một bài thơ mừng cô dâu chú rể và quan viên hai họ...*”.

Đoàn Phú Tứ đứng lên, mắt đăm đăm nhìn ly rượu vang tràn đầy đỏ như máu. Mặt ông tím lại, tay run run. Mọi người hồi hộp chờ. Ai cũng tưởng ông sẽ đọc một bài thơ ca ngợi hoặc phát biểu thật hay như các quan khách khác, nhưng không, nhà thơ chột ngắc đầu, nhìn thẳng vào Trần Dụ Châu nói gần từng tiếng: “*Tôi xin đọc tặng chủ hôn và cô dâu chú rể câu thơ hay nhất mà tôi vừa nghĩ ra...*”. Mọi người xì xào, Trần Dụ Châu nín thở chờ đợi. Khi mọi người đã yên lặng, Đoàn Phú Tứ mới tiếp:

*Bữa tiệc mà chúng ta sắp chén đầy hôm nay,
Được dọn bằng máu xương của bao chiến sĩ*

Nghe xong Trần Dụ Châu tái mặt, quát: “*Láo!*”. Tên vệ sĩ của Châu xông đến tát bốp vào mặt nhà thơ. Ông lặng lẽ rút khăn lau mặt, nhổ một bãi nước bọt vào cốc rượu rồi dĩnh đạc bước ra.

Đêm đó, Đoàn Phú Tứ gửi một bức thư dài lên Bác Hồ, vạch mặt Trần Dụ Châu về tội tham nhũng, hống hách. Mười ngày sau, Tòa án quân sự đặc biệt lập ngay tại nơi cử hành hôn lễ. Với những chứng cứ không thể chối cãi về tội tham nhũng, sa đọa biến chất, Trần Dụ Châu phải cúi đầu thú tội và nhận mức án nghiêm khắc nhất: Tử hình! Chú rể, tay sai của Châu sợ quá đã tự sát trong nhà tù.

(Bài “*Nhà văn chống tham nhũng*” của Vũ Chi, báo Sài Gòn Giải Phóng, ra ngày 13/4/2008).

◎ Ông Tám On (Lê Văn On ngụ ở ấp Tiên Long 1, xã Tiên Long, huyện Châu Thành, Bến Tre), 65 tuổi, trình độ văn hóa lớp 5. Ông từng sống trong căn nhà lá cột gòn và lao động kiếm sống, nên rất thấu hiểu cảnh thiếu khó của người nghèo neo đơn không nơi nương tựa. Năm 31 tuổi, khi gia đình bắt đầu có của ăn, của để, ông đã nghĩ đến việc giúp những gia đình nghèo sống trong cảnh nhà dột cột xiêu, bằng cách cất

cho họ căn nhà che nắng, che mưa. Ông nói: *“Người nghèo cho họ tiền, họ tiêu xài hết, chỉ bằng cho họ cái nhà. Người sống có cái nhà, người chết có mồ mả. Cho nhà tức là gánh hết phần nửa lo toan, họ chỉ còn lo cái ăn, cái mặc, sắm sửa trong gia đình”*.

Lúc đầu ông cất nhà tình thương cho người nghèo, mỗi năm khoảng 5-10 căn. Trong khoảng thời gian từ 1990-2000, huê lợi vườn nhà khá lên, số lượng nhà ông cất giúp người nghèo, bình quân mỗi năm 30 căn. Ban đầu ông cất nhà cho người nghèo trong ấp, trong xã. Sau đó, được những người làng đi làm ăn, buôn bán trong và ngoài tỉnh như Tiền Giang, Đồng Tháp, Trà Vinh... giới thiệu, ông Tám On tìm hiểu và sẵn lòng giúp nhà cho những người nghèo thật sự biết lo làm ăn. Chẳng hạn như trường hợp Phước “mù” bán vé số ở ấp Phước Hòa, xã Thành Triệu, Châu Thành, ông vừa cất cho căn nhà tình thương vào tháng 8/2003. Phước “mù” là một người hiếu thảo, cặm cụi làm ăn, vừa bán vé số nuôi bà ngoại vừa để dành tiền mua được nền nhà. Ông giúp Phước “mù” tận tình, không chỉ giúp nhà mà còn mua thêm ít gỗ để đóng cho cái giường, cái bàn, cái ghế. Người nghèo khi nhận nhà đều cảm ơn, ông khuyên họ: *“Hãy cố gắng làm ăn, chăm lo gia đình hạnh phúc là đáp ơn tôi rồi”*.

Nhà ông cho người nghèo cũng chẳng phải sang trọng gì, thường là nhà bằng thân cây dừa lão xẻ ra làm sườn. Nhà có bề ngang 4 m, dài 6 m. Thời giá những năm 1990 khoảng 600.000 đồng một sườn nhà. Tuy vậy, khối người nhiều tiền hơn ông đã không làm gì cả. Còn bây giờ, cây dừa già làm nhà được cũng tăng theo thời giá, khoảng 1,5 triệu đồng một căn. Dù là vậy, nghe ở đâu có người nghèo thiếu nơi ăn, chốn ở là ông Tám On lại có mặt và lặn lội vào với niềm vui làm việc thiện... Trong suốt hơn 30 năm, ông đã cất gần 600 căn nhà tình thương cho người nghèo. Phóng viên khó khăn lắm mới gọi được ông nói về việc làm từ thiện của mình. Ông tâm niệm là làm việc thiện thì kể làm chi... Ông cũng không nhắc gì tới bằng khen do Chủ tịch nước trao tặng vì có công nuôi giấu cán bộ cách mạng nhiều năm liền.

(Trích từ bài báo: *“Ông già 30 năm làm nhà tình thương”* của Lữ Thế Nhã, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 1/11/2003 và bài báo: *“Một gia đình nông dân ở Bến Tre: 30 năm: Xây hơn 600 căn nhà tặng người nghèo”* của Hồng Tâm, báo Phụ Nữ, ra ngày 1/11/2003).

☉ Chuyện này do một đồng nghiệp của tôi kể lại và cũng như anh, tôi nhớ hoài về em học trò nhỏ là nhân vật trong câu chuyện dưới đây.

Lớp 1A do anh phụ trách phần lớn là các em nhà tại chợ, hoàn cảnh kinh tế khá giả nên tinh tươm, sáng sủa lắm. Đây Tường Vi hay nũng nịu, đây Diễm Thúy trông cứ như thiên thần, còn Kiên Hùng con một viên chức thì nhìn rất thông minh... Duy có em, nhân vật làm anh day dứt mãi, là cậu học trò khốn khổ lạc giữa đàn thiên nga. Em ngồi cuối lớp, gầy gộc, cao lêu nghêu, đen đúa... Nhìn em chẳng có điểm nào chung với các bạn. Đến cái tên cũng chẳng quý phái gì: Đen.

Em đã lưu ban và đến khi anh nhận lớp, em học lại lớp 1 năm thứ hai. Kỹ năng làm tính và đọc của em rất kém, hình thức thì lồi thối lếch thếch nên hầu như em bị bỏ rơi nơi góc khuất cuối lớp.

Một lần họp hội đồng về sớm anh đã đi tìm nhà Đen. Đến trước nhà Đen, anh đã hiểu vì sao cậu trò nhỏ của mình có vẻ khốn khổ đến thế: một túp lều tạm bợ chen giữa dãy nhà cao tầng, trước nhà là chiếc xe đẩy bằng gỗ - công cụ lao động của cha mẹ em. Hàng ngày hai đáng sinh thành của em phải len lỏi khắp chợ chở hàng thuê kiếm sống. Bên trong nhà chẳng có gì đáng giá, hình như điện cũng không, cặp sách của em nằm trên chiếc giường tre đã cũ lắm... Đen bối rối khi thầy đến nhà...

Chuyến đi ấy giúp anh giải mã nhiều vấn đề về cậu trò nhỏ, thậm chí anh mất ngủ và tự trách mình sao quá vô tâm, không đi thăm em sớm hơn.

Hôm sau vào lớp, anh gọi Đen lên và nhờ cậu rời lớp học giúp thầy một việc. Thời gian vắng Đen, anh sinh hoạt với lớp về chuyến thăm hôm qua. Anh nói về cha mẹ Đen, về căn nhà của em... Anh khuyên các em không nên chọc ghẹo bạn Đen, phải thân mật và gần gũi, giúp đỡ bạn ấy trong học tập... Anh nói rất nhiều, các cô cậu học trò bé xiu tròn xoe mắt song anh nghĩ các thiên thần bé bỏng của mình đã hiểu.

Một kế hoạch âm thầm được tiến hành. Anh vận động đồng nghiệp trích đồng lương ít ỏi, qua vài tháng được một món tiền nhỏ. Anh cùng các bạn đến nhà thăm cha mẹ Đen, xin phép đóng cho em một chiếc bàn, làm một góc học tập và trước khi ra về họ trân trọng trao cho cha mẹ em món tiền đủ để mua một chiếc xe nước mía bán trước nhà, không phải quần quật suốt ngày ngoài chợ. Cha mẹ Đen hết sức cảm động, mấy thầy trong lòng vui như hội.

Một phụ huynh là chủ một doanh nghiệp lớn, biết việc mấy thầy làm đã đến nhà Đen tặng cha mẹ em một sổ tiết kiệm kèm theo lời hứa sẽ thường xuyên quan tâm và đỡ đầu cho cậu trò nghèo học hành đến nơi đến chốn. Thật như chuyện cổ tích.

Giờ thì lớp 1A của anh chỉ gồm toàn thiên nga thôi. Đen đã ăn mặc tinh tươm hơn, nét mặt rạng rỡ hơn, dạn dĩ đùa vui cùng các bạn. Thành tích học tập của em khá dần lên. Thầy giáo của Đen là một trong những người vui nhất, cảm thấy yêu đời hơn, tin vào tình người hơn và vô cùng yêu quý 34 thiên thần của mình.

Còn với tôi, đồng nghiệp của anh, ghi nhớ câu chuyện này trong lòng và thường kể lại cho các học trò của mình. Giản dị vậy thôi, các bạn ạ. Khi nào anh bạn tôi “cập nhật” tình hình cậu trò tên Đen, tôi lại kể tiếp cho các bạn, hãy đợi nhé!

(Bài “*Lớp học toàn thiên nga*” của Thành Công, báo Tuổi Trẻ Cuối Tuần, ra ngày 14/11/2010).

☉ Người nghèo thường cam chịu, dễ bị dè đầu cúi cổ. Nhưng với anh nông dân nghèo Phùng Sĩ Lâm thì không...

Tiếp tôi ngay bên bờ ruộng với đôi tay vẫn còn lấm lem bùn lầy, người nông dân không im lặng Phùng Sĩ Lâm ở xã nghèo Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa trầm tư kể: “*Họ bắn tin đe dọa sẽ diệt từng người dám tố cáo mà trong đó đầu danh sách là tôi. Lúc đầu tôi cũng lo. Nhưng rồi tôi nghĩ lại nếu sợ hãi mà rút lui giữa chừng thì mình cũng chết! Tôi có niềm tin rằng khi những nông dân chân đất ít học như tôi mà dám đứng lên vì lẽ phải thì chắc chắn cái thiện sẽ chiến thắng cái xấu thôi...*”.

Mồ hôi, nước mắt ở quê nghèo

Trước khi về Thanh Hóa tìm Phùng Sĩ Lâm, tôi đã gặp những người cùng anh được mời đi dự hội nghị vinh danh chống tham nhũng ở Đà Nẵng. Bác Nguyễn Công Uẩn, người từng “*lên bờ xuống ruộng*” vì đấu tranh chống tiêu cực ở Bắc Ninh, kể: “*Cái nhà anh Lâm ấy được trung ương mời đi vinh danh mà chân tay vẫn còn đen sì sì bùn đất, nhưng tính cách mạnh mẽ lắm. Anh chẳng vòng vo cứ vỗ thẳng mặt, nói thẳng tên những kẻ tham nhũng, hại dân*”.

Từ Hà Nội, tôi đã gọi điện hẹn trước anh Lâm, nhưng khi về tận xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, vẫn rất khó khăn mới tìm được nhà. Vợ chồng anh đang cày cuốc ngoài ruộng, cô con gái làm công nhân ở tận Đồng Nai. Hàng xóm có người lại ngại chỉ đường.

Hình như họ chẳng muốn vạ lây cùng anh nông dân đã “chiến đấu” và gây thù chuốc oán với một loạt quan địa phương này. Cuối cùng, cũng có một bác lạng lẽ chịu chỉ đường nhưng kín đáo dặn dò: *“Ai hỏi đừng nói tôi chỉ nhà anh Lâm nhé. Lâm kẻ không thích anh ta đâu”*. Tiếp tôi ngay bờ ruộng, Lâm rơm rớm nước mắt xúc động khi nghe giọng miền Nam. Anh tâm sự muốn vào Nam thăm con gái lắm nhưng chưa xoay đủ tiền tàu xe để vào. Nhà nghèo quá, quanh quẩn chỉ trông vào mấy sào ruộng, xót con nhưng chẳng biết làm thế nào!

Lặng nhìn hình ảnh nông dân cần mẫn gập lưng làm việc, mồ hôi ròng ròng nhỏ giọt trên đồng, Lâm ưu tư tâm sự gia đình anh cũng chỉ là nhà nghèo trong rất nhiều nhà nghèo ở miền quê Thanh Hóa này. Hầu hết dân địa phương đều sống nhờ ruộng. Nhưng đất chật người đông, họ cố gắng, vất vả thế nào thì vẫn khó tránh khỏi cảnh nghèo. Trung bình mỗi sào ruộng ở đây chỉ thu hoạch được 1,5 tạ thóc cho vụ trũng. Trừ chi phí đầu tư canh tác và chục thứ thuế phí, lệ phí cho địa phương, may mắn lắm cũng chỉ còn khoảng 50kg thóc về nhà nông dân. Đó là chưa kể công sức, mồ hôi trực tiếp của nông dân đổ ra.

Có vun vén từng hạt thóc, họ cũng rất khó khăn trong trang trải cuộc sống, lo ăn học cho con cái. Nhiều bậc cha mẹ như anh Lâm phải bậm môi đến bật máu, nuốt nước mắt vào trong để con cái ly hương mưu sinh phương xa. *“Từ một nông dân ít học, tôi buộc phải mở mỏm, phải đấu tranh với cái xấu, cái sai cũng vì chuyện này. Người dân quê tôi kiếm miếng ăn cũng đã đầm mồ hôi nhọc nhằn rồi, không thể chịu khổ hơn được nữa!”*.

Lâm trầm ngâm kể mọi chuyện bắt đầu từ những sai phạm trong quản lý, sử dụng đất đai nông nghiệp của chính quyền địa phương. Ruộng đồng khan hiếm, thiếu hụt đến mức nông dân không dám lời tay, cho đất nghỉ lúc nào. Trên một mảnh đất nhỏ, họ phải cần mẫn xoay xở ba tầng kinh tế với chuồng heo trên ao cá, rồi lại thêm giàn bí trên mái chuồng heo để kiếm thêm từng đồng lẻ.

Thế nhưng, từ chủ trương nặng tính hình thức xây dựng mới nhà văn hóa thôn, chính quyền xã Hải Ninh đã đồng loạt cho bán đất nông nghiệp sai thẩm quyền, sử dụng tiền sai mục đích và vi phạm trong quản lý đất đai, kinh tế, xây dựng cơ bản. Trong đó, cấp thôn cũng được xã “bật đèn xanh” để bán đất canh tác nông nghiệp, đất dự phòng và bán luôn cả nhà văn hóa thôn cũ để lấy tiền xây nhà văn hóa mới.

Đặc biệt, tiền thu từ hàng chục ngàn mét vuông đất bị bán đi chỉ nộp về ngân sách xã một ít, còn lại bị sử dụng sai mục đích. Nông dân nghèo Hải Ninh đã thiếu đất sản xuất lại càng thiếu hơn. Nhiều trai tráng tiếp tục rời quê kiếm sống tha phương! Trong khi đó, các cuộc họp địa phương vẫn liên tiếp yêu cầu nông dân đóng góp thêm tiền để xây dựng các công trình chưa thật sự cần thiết.

Tiếng dân sau lũy tre làng

“Dân quê tôi sinh ra trên ruộng rồi đổ mồ hôi trên ruộng để kiếm miếng ăn. Những chuyện đổi thay từ đất đai chúng tôi đều cảm thấy như từ chính máu thịt mình!” – anh Lâm đau đầu tâm sự vụ việc khuất tất này kéo dài, nhiều nông dân bức xúc thể hiện rõ thái độ không đồng tình nhưng vẫn chìm trong bóng tối. Thậm chí, một số người dân còn bị cán bộ địa phương gây khó khăn, trở ngại vì thái độ bất hợp tác của họ với sự sai trái. Con em họ đi làm ăn xa rất khó khăn trong xin giấy tạm vắng. Nhiều trường hợp phải đóng tiền mới được ký.

Bức xúc, anh Lâm phản ứng quyết liệt, đòi phải minh bạch mọi chuyện đúng sai. Nhiều đêm anh thức trắng để suy nghĩ viết thư kiến nghị, tố cáo lên cấp trên. Sự việc đến tai những đối tượng liên đới, anh Lâm bị đe dọa “tiêu diệt từng người”.

Những lời hăm dọa không lay chuyển được người nông dân, họ quay sang tố cáo anh là thành phần gây rối nguy hiểm, làm mất ổn định ở địa phương. *“Nhưng tôi đau lòng nhất là họ đã chửi tôi ngu dốt, không biết điều và thách thức làm được gì. Tôi trả lời thẳng họ rằng tôi có thể là nông dân ít học thật, nhưng tôi không tham những một tấc đất của ai, không ăn trên mồ hôi nước mắt người nào và cũng không làm điều gì có tội với xóm làng mình”.*

Phản ứng trực tiếp với địa phương đã không có kết quả mà còn bị hăm dọa, miệt thị, anh Lâm gửi đơn kiến nghị lên trên thì được trả lời đã chuyển vụ việc về địa phương giải quyết. Anh về làng, đề nghị bà con nông dân họp biểu quyết ý kiến. Những đối tượng liên đới biết tin tìm cách cản trở không cho cuộc họp diễn ra.

Họ bắn tin: *“Thằng Lâm là thành phần gây rối, nguy hiểm, ai dây vào nó chỉ thiệt thân”.* Nhưng cuối cùng, nông dân vẫn đến họp. Hầu hết ý kiến đều đồng tình kiến nghị lên cấp trên phải làm rõ những khuất tất trong quản lý, mua bán đất đai, thu chi tài chính và xây dựng công trình ở địa phương.

Ngồi làm thư ký ghi chép cuộc họp, anh Lâm đã xúc động không cầm được nước mắt khi nghe nông dân nghèo kể nỗi niềm của mình! Thậm chí khi biên bản cuộc họp đã hoàn thành, những đối tượng liên đới vẫn tìm đến từng nhà nông dân để vừa hăm dọa vừa năn nỉ xin xóa chữ ký đồng tình kiến nghị. Nhưng họ kiên quyết lắc đầu và nói thẳng: *“Chúng tôi chỉ ủng hộ cái đúng”.*

“Tôi chỉ làm những điều lương tâm thấy đúng”

Vụ việc lan dần ra thôn xóm. Anh Lâm từ một mình lặng lẽ đấu tranh chống tiêu cực đã được nhiều nông dân khác trực tiếp hoặc âm thầm ủng hộ. Họ đóng góp phí cho anh đi lại gửi thư kiến nghị và thu thập chứng cứ, tài liệu. Sự việc kéo dài suốt từ năm 2006 đến năm 2009 thì dần ra ánh sáng. Từ cơ sở các kiến nghị, tố cáo của nông dân, các cơ quan thanh tra, công an, viện kiểm sát vào cuộc.

Cuối cùng, lẽ phải và sự công bằng đã thuộc về những nông dân nghèo Hải Ninh. Cáo trạng của Viện KSND huyện Tĩnh Gia truy tố 13 cá nhân, gồm cả nguyên bí thư, nguyên chủ tịch UBND xã và nguyên sáu trưởng thôn xã Hải Ninh. Hội đồng xét xử tuyên nguyên chủ tịch UBND xã Lê Hữu Nho 36 tháng tù treo, bí thư chi bộ bị đình chỉ công tác và các đối tượng khác cũng bị án treo 18-36 tháng...

Buổi sáng hôm tòa xét xử, anh Lâm vẫn lặng lẽ vác cuốc ra đồng. Có người hỏi: *“Sao không đến tòa xem kết cuộc đấu tranh của mình thế nào?”.* Anh nhẹ nhàng trả

Ăn bản đến thế là cùng

Có lần anh Lâm đã rớt nước mắt chứng kiến cảnh một nữ sinh không có cha mẹ, phải sống nương tựa vào người bà đã ngoài 80 tuổi bán khoai sắn. Gia cảnh quá khó khăn, em đành phải nghỉ học vào Nam làm công nhân. Nhưng khi xin giấy tạm vắng, cán bộ xã đã làm khó, bắt em phải vay mượn tiền đóng cho xã mới được ký. Họ ăn bản đến thế là cùng...

“Hôm nay chúng tôi có thể thua, nhưng ngày mai chúng tôi sẽ thắng, và nếu không thì con cháu chúng tôi cũng sẽ thắng”

Phùng Sĩ Lâm

lời: “*Trách nhiệm công dân của tôi đã hoàn thành, giờ hãy để pháp luật xét xử công minh*”.

Cuối năm 2009, được mời đi dự hội nghị vinh danh các cá nhân đấu tranh chống tham nhũng ở Đà Nẵng, có người đã hỏi nông dân Phùng Sĩ Lâm rằng sau cuộc đấu tranh này sẽ tiếp tục như thế nào? Anh bình thản xòe bàn tay đen đui, càu lèn bần đất rồi nhẹ nhàng trả lời: “*Thì lại tiếp tục cày ruộng thôi. Tôi vẫn là nông dân mà. Tôi chỉ làm những điều gì lương tâm tôi thấy đúng cho mình và đồng bào mình thôi*”.

(Bài “*Người nông dân không im lặng*” của Quốc Việt, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 26/12/2010).

© Đã ngoài 60 tuổi, nhưng bà Hoàng Thị Diện vẫn ngày ngày lộc cộc đạp xe hàng mấy chục cây số từ huyện Thường Tín (Hà Tây) lên Hà Nội, để mong tìm sự công bằng. Gần 20 năm nay, gần như đó là “*công việc*” chính của người phụ nữ này, dù gánh nặng của một gia đình cán bộ về hưu nghèo vẫn chất lên đôi vai bé nhỏ của bà, với người chồng bị tai biến mạch máu não chỉ đi lại được trong nhà, hai đứa con đang tuổi ăn học và những món nợ cứ chồng chất lên mãi...

Năm 1986, UBND tỉnh Hà Sơn Bình đã ra quyết định số 167 cho phép Điện lực Hà Sơn Bình mở rộng Trạm điện Tía trên diện tích 8.002m². Do việc mở rộng này, mảnh đất 407m² của gia đình bà Hoàng Thị Diện bị cắt đi 274m², chỉ còn lại 133m².

Bà Diện cho biết, chấp hành chủ trương của tỉnh, gia đình bà đã tự nguyện tháo dỡ các công trình trên phần đất 274m² đó, giao đất cho các đơn vị vào thi công trạm điện, không hề nhận một đồng đền bù nào. Gần 10 năm sau, vào ngày 30/3/1995, Trạm điện Tía được UBND tỉnh Hà Tây cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 5.652m² đất, số đất còn lại 2.350m² được dùng làm hành lang lưới điện và chia làm nhà ở cho 16 cán bộ của Trạm (trong đó có cả diện tích 274m² của nhà bà Diện). Thấy đất của mình thực chất là bị lấy để chia lô xây nhà riêng, chưa kịp phản ứng, bà Diện đã bị TAND tỉnh Hà Tây gọi ra vì đã “*chiếm đất của Trạm điện Tía*”! Sau đó, liên tục hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm của tòa án tỉnh Hà Tây đã đứng về phía nguyên đơn (Trạm điện Tía) buộc bà Diện phải... tháo dỡ toàn bộ nhà cửa và công trình phụ đi nơi khác để “*trả lại phần đất 133m²*” mà gia đình bà đang sinh sống nhằm “*tiếp tục giải phóng mặt bằng bảo đảm an toàn cho lưới điện*”!

Điều không thể chấp nhận trong sự việc trên là sự nhập nhằng của Trạm điện Tía và hai bản án đi ngược lại công lý kia của TAND sở tại. Trạm điện Tía đã không trung thực khi đưa ra lý do “*mở rộng...*” nhằm hợp lý hóa việc chiếm đất tư của nhà bà Diện, trong khi thực tế việc xây dựng trạm điện cũng như mở rộng dự án và bảo đảm hành lang an toàn của lưới điện khu vực này đã hoàn thành trước đó 11 năm (từ năm 1987). Nhập nhằng hơn, với lý do “*để đảm bảo an toàn hành lang lưới điện*”, tại sao Trạm điện Tía chỉ đòi phần đất còn lại của bà Diện ở xa Trạm hơn, trong khi diện tích đất gần Trạm được đem chia cho 16 hộ gia đình CBCNV của Trạm?

Ngôi nhà cấp 4 trên mảnh đất 407m² tại thôn Tử Dương, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, Hà Sơn Bình, bà Diện đã mua bằng tiền riêng của mình là căn nhà hợp pháp, được pháp luật công nhận. Thực tế, suốt thời gian 20 năm ở trên mảnh đất này, gia đình bà Diện đã liên tục và nghiêm chỉnh thực hiện việc đóng thuế đất. Việc Trạm điện Tía được cấp sổ đỏ diện tích đất 5.652m² bao gồm cả mảnh đất 133m² của bà Diện là điều vô cùng khó hiểu. Nếu căn cứ sơ đồ mặt bằng Trạm điện Tía lập ngày 18/11/1995 thì Trạm chỉ có các lô đất 17, 18, 19, 20 (tổng diện tích 5.652m²), trong khi mảnh đất 407m² của bà Diện không thuộc các lô đất trên. Không rõ vì lẽ gì, hai cấp

xét xử đã lặp đi lặp lại sự nhầm lẫn tai hại khi buộc bà Diện phải “trả đất” tại những lô đất mà bà không có (VD: Bản án sơ thẩm số 09 buộc bà Diện phải dỡ nhà tại lô đất 227 bản đồ số 5 lập năm 1993, trong khi bà Diện đang ở lô 228; bản án phúc thẩm số 76 buộc bà Diện phải dỡ nhà trên lô đất 13/410, bản đồ số 2, trong khi bà đang ở lô đất 12/407!). Bản án như vậy nên khi thi hành án, cơ quan chức năng đành phải bó tay.

Ngày 15/1/2003, Viện trưởng VKSNDTC Khuất Văn Nga đã ký QĐ kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với hai bản án sai của Tòa sơ thẩm huyện Thường Tín và Tòa phúc thẩm TAND tỉnh Hà Tây. Ba tháng sau, phiên tòa tái thẩm của TANDTC đã ra quyết định hủy hai bản án sai trên và tiếp tục tìm ra những điểm phi lý trong “sổ đỏ” của Trạm điện Tía do UBND tỉnh Hà Tây cấp năm 1995: Không hề có trích lục bản đồ kèm theo, không có số thửa, số tờ bản đồ, chỉ ghi vền vện diện tích đất 5.652m² với mục đích “xây dựng trạm điện”. Đối chiếu tất cả những hồ sơ, bản đồ kèm theo của Sở địa chính Hà Tây và Chi nhánh điện đều cho thấy một sự thật: Đất đang bị tranh chấp của bà Diện hiện tại không hề nằm trong diện tích đất 5.652m² có sổ đỏ của Trạm điện Tía. Theo luật, thẩm quyền giải quyết các tranh chấp đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc UBND tỉnh Hà Tây chứ không thuộc thẩm quyền của TAND địa phương. Vì lẽ đó, TANDTC đã ra quyết định hủy hai bản án sai của cấp dưới và chuyển hồ sơ về UBND tỉnh Hà Tây yêu cầu giải quyết theo thẩm quyền.

Sự việc đã hai năm rưỡi, nhưng bà Diện còn phải chờ đến bao giờ nữa, sau 20 năm đơn đi khắp nơi với hơn 4.000 lá đơn dầm nước mắt để tìm sự công bằng?

(Bài “Người đàn bà và gần 4.000 lá đơn đòi công lý” của Hà Châu, báo Phụ Nữ, ra ngày 28/2/2004).

◎ J. Bruno (1548 – 1600) phát triển các ý tưởng của N. Copernicus: Ông cho rằng Mặt Trời chỉ là một ngôi sao bình thường trong vô số các ngôi sao có trong vũ trụ và xung quanh chúng có vô số các hành tinh quay, tương tự như Trái Đất chúng ta... Ông bị nhà thờ đàn áp: Ngồi tù 8 năm và ngày 8 tháng hai năm 1600, tòa án giáo hội ở Roma tuyên phạt thiêu sống ông. Bản án được thi hành ngày 17 tháng hai năm 1600 trên quảng trường có tên rất thơ mộng: Quảng trường các bông hoa. Thời gian giam giữ lâu, sự chậm trễ trong việc tuyên và thi hành án là do nhà thờ hy vọng J. Bruno sẽ phải từ bỏ niềm tin vào chân lý của mình.

Năm 1889, ngay tại nơi thiêu sống J. Bruno, người ta dựng đài kỷ niệm với hình ông cầm cuốn sách. Chân tượng đài khắc dòng chữ: “Người đã cất cao tiếng nói của mình vì tự do tư tưởng của tất cả các dân tộc và làm quyền tự do đó trở nên thiêng liêng bằng chính cái chết của mình”.

◎ Từ xa xưa, các nhà bác học đều cho rằng những vân hoa trên ngón tay mang tính cá nhân độc đáo và những vân tay ấy sẽ giữ như thế suốt đời không thay đổi. Có những kẻ phạm tội sợ để lại dấu tay khi hành động, đã phá bỏ vân trên ngón tay mình. Nhưng liệu làm cách đó vân tay có biến đi hay thay đổi không?

Hai nhà nghiên cứu hình sự Loca và Vicopski quyết định xem xét lại chuyện đó. Họ bèn lấy nước sôi, mỡ sôi và cả sắt nung để phá bỏ vân tay của chính mình. Bằng những cách làm tự nguyện như vậy, họ khám phá ra rằng sau khi bị phá hủy, trên những ngón tay đã lành, vân tay vẫn xuất hiện trở lại đúng y như cũ.

◎ Grace Paley là một nhà thơ lớn của văn học Mỹ hiện đại. Bà đã từng được phong tặng danh hiệu cao quý của thi ca Mỹ: *Thi bá bang New York*. Bà là người Mỹ gốc Nga. Gia đình bà sang Mỹ định cư năm 1905. Năm nay, bà đã ngoài tám mươi tuổi. Hai vợ

chồng bà sống trong một ngôi nhà giản dị ở một vùng nông thôn, ngoại ô New York. Họ trồng trọt và chăn nuôi một số bò sữa.

...Chỉ khi bị hỏi thì Grace mới nhớ lại những ngày bà lãnh đạo phong trào chống chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Ngày ấy – những ngày đầu Mỹ đưa quân đội đến tham chiến trực tiếp ở chiến trường Việt Nam. Vào một buổi sáng, người ta thấy xuất hiện một phụ nữ nhỏ bé, hiền hậu và nhẵn nại đứng giữa một ngã tư của thành phố với tấm biển ghi dòng chữ phản đối chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

...Thời gian đầu, những người dân Mỹ đi qua bà, bước đến gần bà, nhìn bà như một sinh vật lạ và nhỏ nước bọt vào bà. Họ cho bà là kẻ chống lại quyền lợi nước Mỹ và ủng hộ những người cộng sản ở bên kia bờ đại dương, mà chính họ cũng không hiểu biết gì nhiều. Một người Mỹ nhỏ nước bọt vào bà, rồi hai người, ba người và hàng trăm người nhỏ nước bọt vào bà cùng những lời nguyên rủa. Nhưng bà vẫn im lặng đứng đó, mắt nhìn lên cao, tấm biển chống chiến tranh vẫn giữ chặt trong tay. Bà đứng đó như một bức tượng sống đầy thách thức với cả bộ máy chiến tranh khổng lồ của Nhà Trắng. Nước bọt ướt đầm thân thể bà. Người ta tin rằng bà sẽ phải hạ tấm biển kia và nhục nhã bỏ cái ngã tư đường phố đó về nhà và không bao giờ quay lại đó nữa. Tối tối bà trở về nhà, ngồi im lặng cùng người chồng cũng là một nhà văn trong ngôi nhà bé nhỏ. Bà không hề khóc vì cô độc và những lời nguyên rủa của dân chúng. Chỉ trái tim bà đau đớn về tội ác của con người càng ngày, càng tinh vi hơn và man rợ hơn. Nhưng bà tin vào lương tâm con người. Bà tin vào sự thật của cuộc đời. Bà tin lòng nhân ái của bà, một nhà văn yêu đến thốt thức cả một cái cây bị đổ trong một cơn bão. Đêm đêm bà làm thơ, ban ngày bà lại bước đến ngã tư trung tâm thành phố để thực thi sứ mệnh của lương tâm và hòa bình.

Và sáng sớm hôm sau, người ta lại thấy bà đứng đó nhẵn nại và câm lặng như một người mắc bệnh trầm uất. Sau một thời gian nhỏ nước bọt cùng những lời nguyên rủa trút lên người bà, người ta đã bắt đầu thấy một người đến đứng bên cạnh bà với một tấm biển chống chiến tranh như bà. Rồi hai người đến, rồi ba người, rồi một trăm người, rồi hàng ngàn người. Chính những người đã nhỏ nước bọt cùng câu chửi độc nào đó lên bà giờ đã đến và đứng bên bà. Ngã tư đường phố sau bao ngày tháng bà đứng trong cô độc và những lời nguyên rủa đã trở thành một quảng trường lớn của những người Mỹ yêu hòa bình. Trước hàng ngàn con người yêu hòa bình và công lý, bà đã nói về đất nước Việt Nam, nói về cuộc chiến tranh của Mỹ gây ra trên mảnh đất này. Ngày ngày, như một người lao công cần mẫn, bà đã đi và đã nói khi còn hơi sức về hòa bình, về công lý của con người, về những tội lỗi của chiến tranh mà chính quyền Mỹ đã gây ra. Một chiếc túi vải cũ kỹ luôn đeo bên người bà với một chai nước và những mẩu bánh ngọai. Người ta nói rằng FBI đã gọi điện và đe dọa bà. Bà đã đồng ý nói rằng: *“Nếu các người ám sát tôi nghĩa là các người đã ám sát hòa bình và công lý. Tất cả những gì mà tôi và những người Mỹ đang làm chính là để cứu nước Mỹ khỏi nỗi hổ nhục của hiện tại và của tương lai”*. Sự thật, bà và những người Mỹ chân chính đã cứu nước Mỹ khỏi một phần hổ nhục trong lịch sử của họ. Sau này bà nói: *“Tôi và những người Mỹ yêu hòa bình đã không dập tắt được cuộc chiến tranh man rợ ngay lập tức, nhưng chúng tôi đã làm cho lương tâm Mỹ khỏi sự sụp đổ hoàn toàn. Một người dân bình thường không thể cho phép tội ác đứng lên diễn đàn rao giảng về đức hạnh và công lý hướng hồ là một nhà thơ. Tôi có thể lẩn tránh mọi điều và sống yên bình trong ngôi nhà nơi thôn dã ngút ngàn cây cối, rực rỡ hoa nở trong mùa hạ và viết những câu thơ về tiếng thì thầm của rừng thông, của bầy chim di cư, của hoa anh đào... Nhưng như thế, tôi chỉ là một nhà thơ hèn hạ và những câu thơ ấy là những câu thơ vô nhân khi lịch sử đang bị đánh lừa và chảy máu”*.

(Trích từ bài báo: “Người đàn bà phản chiến: Nước bọt và bức tượng không dựng” của Petter Phan, báo An Ninh Thế Giới Cuối Tháng, tháng 9/2003).

☉ Tình cảm phản chiến tiếp tục chia mũi dùi vào tôi (tôi tức McNamara, lúc đó đang là bộ trưởng Bộ quốc phòng Mỹ – người viết giải thích) từ nhiều phía khác nhau. Đôi khi nó đến từ những người mà tôi yêu quý nhất...

Marg (vợ của McNamara – người viết giải thích) khi ấy đi du lịch nên tôi một mình đến New York dùng bữa chiều với Jackie (vợ của cố tổng thống Kennedy – người viết giải thích). Sau bữa ăn, chúng tôi ngồi trên một chiếc trường kỷ trong thư phòng ở căn hộ Manhattan của bà để thảo luận về tác phẩm của nhà thơ Chilê đoạt giải thưởng Nobel Gabriela Mistral...

Không biết những xúc cảm của bà trào dâng do những vần thơ hay do những lời mà tôi thốt ra, tôi cũng chẳng rõ nữa. Bà bỗng tỏ ra rất chán nản và rất gay gắt đối với chiến tranh. Nói gì thì nói, bà đã trở nên căng thẳng đến mức nghẹn ngào không thốt được nên lời. Bất chợt bà bật khóc. Bà quay phắt lại và đứng theo nghĩa đen, giáng cho tôi một bạt tai, và đòi tôi phải “*làm gì đó để chấm dứt cảnh chém giết*”.

Những lần va chạm của tôi với những người phản kháng trở nên âm ỉ và tồi tệ hơn. Một trong những lần gây bối rối nhất đã diễn ra vào tháng 8-1966. Đang khi cùng cả nhà chờ máy bay ở phi trường Seattle sau cuộc leo núi Rainier với Jim và Lou Whitaker (Jim là người đầu tiên chinh phục đỉnh Everest) thì một gã đàn ông tiến lại, hét lớn “*quân giết người*” và nhổ toẹt vào tôi. Sau đó, trong dịp lễ Giáng sinh, khi tôi dùng bữa trưa với Marg tại một nhà hàng trên đỉnh Aspen, một thiếu phụ đã tiến lại bàn và hét to đủ để cả phòng nghe thấy: “*Đồ thiêu sống trẻ em! Bàn tay mày đang vấy máu!*”.

(Trích từ bài báo: “*Khó khăn cứ chồng chất*” của hồi ký McNamara “*Nhìn lại tấn thảm kịch và bài học ở Việt Nam*”, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 1/6/1995, Khắc Thành và Anh Việt trích dịch).

5. Thói quen tự nguyện

5.1. Thói quen tự nguyện

Trong các hành động của con người có một loại hành động đặc biệt. Đó là loại hành động được con người thực hiện một cách chính xác, thuần thực, thường xuyên, ổn định lâu dài một cách bình thường, tự nhiên, hiểu theo nghĩa, chính người hành động dường như không thực sự chú ý đến những hành động của mình. Thậm chí, nếu người khác hỏi: “*Tại sao anh (chị) hành động như thế?*”. Có khi, chính người đó ngạc nhiên: “*Không lẽ phải hành động khác đi hay sao?*”, thậm chí, “*Tôi vừa hành động thế đấy à?*”. Các hành động tự nhiên có thể do bẩm sinh. Ví dụ, hít thở; chớp mắt; bú, nuốt sữa.

Trong mục này, người viết muốn nhấn mạnh loại hành động tự nhiên khác, hình thành do con người sống, học tập, làm việc trong xã hội, được thúc đẩy bởi các thói quen tự nguyện. Dưới đây là một số hành động loại đó:

– Các buổi sáng thức dậy vào đúng giờ nhất định, vệ sinh cá nhân, thu dọn chăn màn, thay quần áo đi học hoặc đi làm mà chính người hành động không thực sự chú ý

đến những hành động của mình.

- Đi xe ngoài đường, mặc dù có những tình huống phức tạp, người đi xe vẫn khéo léo xử lý, vẫn chấp hành luật giao thông nhưng chính người đi xe dường như không thực sự chú ý về các hành động đi xe của mình.

- Người đánh đàn dương cầm, hai tay như múa trên mặt đàn, vừa đánh vừa nói chuyện với người khác mà không sai một lỗi nhỏ. Người đánh đàn không chú ý đánh đàn mà hành động vẫn rất chuẩn.

- Có những người, tuy không giàu nhưng coi công việc làm từ thiện như lẽ sống. Họ làm một cách tự nguyện, không khoe khoang, không cần ai động viên, khen thưởng.

- Trong phóng sự của mình, đăng trên báo Thanh Niên 2/8/2005, Đình Phú kể về cậu bé 15 tuổi, Rơ Chăm Tư làng Păng Gol, xã Ia Hrun, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Rơ Chăm Tư đã 6 lần dũng cảm lao xuống suối Ia Grăng chảy xiết cứu sống 5 người. Lần đầu tiên xảy ra vào năm 2001, khi Rơ Chăm Tư mới 11 tuổi, đã cứu được bạn mình là Hồ Ngọc Cường. Đình Phú viết: *“Trong một cuộc trò chuyện với tôi, sự kiêu hãnh và tự hào hầu như không xuất lộ tí gì trên nét mặt sạm đen, răn rỏi của cậu bé Jrai này. Cậu nhiều khi quên bằng những chiến tích của mình... Giọng tiếng Kinh lơ lơ, Rơ Chăm Tư nhắc khéo chúng tôi: “Các anh đừng hỏi Tư nghĩ gì trước lúc nhảy xuống cứu người. Tư không nghĩ gì cả. Thấy người gặp nạn thì làm vậy thôi”.*

- Có những người chơi đề, dù tán gia, bại sản vẫn lao vào. Dường như những hậu quả xấu không được họ để ý đến.

- Có những người buôn lậu, thậm chí, sau nhiều lần bị bắt, bị đi tù, ra khỏi tù vẫn tiếp tục buôn lậu như cũ.

Như vậy, các thói quen tự nguyện là các động lực trực tiếp thúc đẩy các hành động quen thuộc (các hành động thói quen), được thực hiện với sự chú ý không đáng kể của chủ thể, trong các tình huống quen thuộc. Còn bản thân hành động thói quen, theo cách hiểu thông thường, là hành động mà việc thực hiện nó trở thành nhu cầu của cá nhân. Nếu không thực hiện hành động đó, cá nhân cảm thấy khó chịu, không yên. Một mặt, hành động thói quen được thúc đẩy bởi các thói quen tự nguyện có thể tốt, có thể xấu, rất đa dạng về hình thức và mức độ phức tạp. Mặt khác, bạn đọc có thể nhận thấy, thay đổi loại hành động thói quen nói trên rất khó. Có nhà nghiên cứu nhận xét, các thói quen của một người là bản chất của người đó.

Có câu hỏi đặt ra: *“Các thói quen tự nguyện được hình thành như thế nào?”.*

Như chúng ta đã biết từ những mục trước: Về nguyên tắc, hành động của cá nhân xuất phát từ các nhu cầu cá nhân và nhằm thỏa mãn chúng. Các hành động đó có thể đúng hoặc sai. Các hành động đúng (hiểu theo nghĩa thỏa mãn nhu cầu) giúp tạo thành các xúc cảm dương thúc đẩy hành động tương tự trong tương lai và các hành động sai – các xúc cảm âm giúp ngăn chặn những hành động tương tự trong tương lai. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, các tiêu chuẩn để đánh giá “đúng”, “sai” không khách quan, rạch ròi và cố định mà thay đổi tùy theo từng cá nhân, từng môi trường

(hiểu theo nghĩa rộng, là tất cả những gì xung quanh cá nhân) và từng cách tương tác giữa cá nhân và môi trường cụ thể. Ví dụ, hành động nói dối trong môi trường cụ thể có thể dẫn đến những khả năng như:

1) Người nói dối thỏa mãn nhu cầu đề ra (vì không chịu các hậu quả xấu do nói dối). Do vậy, người đó cho hành động của mình là đúng, có xúc cảm dương với nói dối và tiếp tục nói dối rất nhiều lần mà vẫn tiếp tục thỏa mãn nhu cầu (xúc cảm dương được củng cố), trở nên “nói dối thành thần”, không còn biết ngượng nữa.

2) Người nói dối lập tức bị mọi người phát hiện, nên nhu cầu ban đầu đề ra không những không thỏa mãn mà còn kéo theo không thỏa mãn các nhu cầu khác như bị mọi người lên án, không được mọi người kính trọng, thậm chí bị gạt ra khỏi cộng đồng xã hội mà người đó muốn thuộc về. Trong trường hợp này, người nói dối thấy hành động đó là sai và xúc cảm âm giúp người đó ngăn ngừa những hành động nói dối trong tương lai.

3) Người nói dối thỏa mãn nhu cầu đề ra của mình trong một khoảng thời gian tương đối dài. Sau nhiều lần nói dối thành công, người đó mới bị phát hiện và lãnh những hệ quả xấu như ở trường hợp hai. Trong trường hợp này, tùy từng cá nhân, cách và mức độ đối xử của môi trường, người nói dối có thể nhận ra mình sai để thay đổi; có thể tiếp tục cho mình đúng nên vẫn tiếp tục nói dối. Nói cách khác, xúc cảm dương và âm cùng tồn tại, đấu tranh với nhau và có thể cho các kết quả khác nhau, tùy theo cái nào mạnh hơn.

Trong ba trường hợp nói trên, ở trường hợp thứ nhất, nếu xúc cảm dương với nói dối đủ lâu và cường độ đủ mạnh để lập thành “*đường mòn*” trong não, thói quen tự nguyện nói dối được hình thành. Ở trường hợp thứ hai, ngược lại, có thể hình thành thói quen tự nguyện nói thật. Ở trường hợp thứ ba, người nói dối có thể thắng được mình và có thể không, tùy hoàn cảnh cụ thể. Trong thực tế, còn có thể nảy sinh nhiều trường hợp đa dạng hơn nữa.

Có những trường hợp các thói quen tự nguyện xuất phát không phải từ “*sáng kiến*” cá nhân (như trường hợp nói dối ở trên) mà từ sự “*bắt buộc*” của môi trường. Ví dụ, bố mẹ bắt các con phải rửa tay trước khi ăn trong khi các con không muốn; xã hội bắt các công dân phải chấp hành các luật lệ (ví dụ luật an toàn giao thông) nhưng nhiều công dân không muốn. Mặc dù, suy cho cùng, trong những trường hợp vừa nêu, những gì môi trường “*bắt buộc*” cũng nhằm đem lại các ích lợi cho cá nhân.

Có những trường hợp các thói quen tự nguyện xuất phát từ sự cộng hưởng của cá nhân và môi trường. Ví dụ, cá nhân muốn có một nghề nào đó và ở trong môi trường dạy chính nghề đó. Lúc này, các thói quen tự nguyện có thể là các động lực đứng đằng sau các hành động thực hiện kỹ xảo, kỹ năng, phương pháp, các hành động chuyên nghiệp, được các thầy cô, các huấn luyện viên truyền cho, mà cá nhân phải luyện tập, củng cố những hành động đó rất nhiều.

Người viết muốn lưu ý bạn đọc về điều kiện để có thể hình thành các thói quen tự nguyện: *Các xúc cảm liên quan phải được hình thành, có tác dụng đủ lâu và đủ mạnh.* Còn cách hình thành xúc cảm nào là thích hợp, lâu và mạnh đến đâu là đủ,

phụ thuộc vào các điều kiện tạo ra chúng, vào sự lựa chọn cách hình thành xúc cảm của cá nhân và môi trường cụ thể. Ví dụ, để hình thành xúc cảm dẫn đến hành động rửa tay trước khi ăn, có thể đánh cho đứa bé sợ, có thể thuyết phục để thấy ích lợi của việc rửa tay, có thể động viên bằng cách khen, thưởng... Có đứa bé chỉ cần dọa đánh là đủ để nó phải rửa tay trước khi ăn. Có đứa phải bị đánh thật. Có đứa bé chỉ cần đánh một lần là đủ để tạo cho nó thói quen rửa tay, có đứa bé phải nhiều lần... Tương tự như vậy đối với các cách tạo xúc cảm khác như thuyết phục, động viên, khen thưởng... về mức độ lâu, mạnh.

Việc hình thành xúc cảm dương hay âm nói chung, thói quen tự nguyện tốt hay xấu nói riêng, như trên đã nhấn mạnh, còn phụ thuộc vào cá nhân cụ thể. Một mặt, rất may, nhờ vậy, trong những môi trường không lành mạnh vẫn có các cá nhân lành mạnh và chính các cá nhân đó có thể làm thay đổi môi trường theo hướng tích cực. Mặt khác, rất tiếc, trong môi trường lành mạnh vẫn có thể xuất hiện các cá nhân không lành mạnh. Nếu như không có các biện pháp cần thiết, môi trường lành mạnh có thể bị xuống cấp vì ảnh hưởng lan tỏa của các cá nhân không lành mạnh đó.

Mặt khác nữa, khi đã tạo lập được thói quen tự nguyện, các xúc cảm sẽ giảm đi, thậm chí, biến mất. Ví dụ, đứa bé những lần đầu rửa tay trước khi ăn là vì sợ bị đánh đòn. Khi đã thành thói quen tự nguyện, thói quen tự nguyện này thúc đẩy đứa bé rửa tay một cách bình thản, không hề có xao động (xúc cảm) nào trong lòng. Cao hơn nữa, nếu vì lý do gì đó mà quên rửa tay, hoặc ở hoàn cảnh không có nước để rửa tay, trí nhớ mang tính xúc cảm sẽ nhắc, đứa bé cảm thấy thiếu thiếu, bứt rứt, bồn chồn, không yên tâm, thấy như mình có lỗi... để những lần sau tiếp tục rửa tay một cách bình thường.

Dưới đây là ba thí dụ, hai thí dụ đầu nói về thói quen tự nguyện tốt và thí dụ ba nói về thói quen tự nguyện xấu.

◎ Cái nghèo của vợ chồng ông Dung “nổi tiếng” khắp xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, Nghệ An. Mỗi ngày một ấm nước chè xanh với mỗi bát nước giá 200 đồng là thu nhập chính của ông bà.

Chị bán cá trước lều ông Dung kể lại: “Dân ở đây nghèo lắm, bán mấy yến thóc mới mua được đôi dép nhựa chỉ để đi vào những dịp lễ tết hay giỗ chạp mà thôi, nên bình thường đều đi chân đất. Mấy năm trước đây, hồi ông bà Dung mới dọn ra ở chợ Cấm, có chị L. chẳng may giẫm phải kim tiêm do bọn nghiện ma túy vứt lại, chị ấy ôm chân nằm kêu khóc giữa chợ vì sợ lây bệnh xã hội. Chúng tôi phải bồng chị ấy vào lều để bà Dung băng bó chân cho chị. Cùng kể từ ngày đó mọi người đi chợ không còn thấy kim tiêm vứt bừa bãi nữa. Thì ra, ông Dung đã dậy sớm nhặt đem chôn các kim tiêm hàng ngày”. Ngã bệnh nằm liệt giường, ông Dung vẫn thều thào dặn bà Dung thay ông mỗi sáng sớm đi khắp chợ nhặt bằng hết kim tiêm. Nghe lời chồng, mặc dù nửa người gần như bị liệt sau một căn bệnh hiểm nghèo, sáng nào bà Dung cũng cố cà nhắc đi hết khu chợ rộng lớn để nhặt kim tiêm. Nếu tính mỗi ngày ít nhất ông bà Dung nhặt được mười chiếc kim tiêm, thì đến nay, hai ông bà đã thay phiên nhau nhặt và chôn hơn 5000 chiếc kim tiêm. Ông bà làm chỉ vì sợ các bà, các chị đi chợ, chẳng may, giẫm vào thì tội nghiệp lắm.

(Bài “Đôi vợ chồng già và 5.000 chiếc kim tiêm” của Võ Văn Thành, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 12/5/2004).

☉ Giữa cuộc sống xô bồ tấp nập, đã có nhiều con người hành xử bằng mệnh lệnh cao thượng của trái tim: Vượt qua mọi khó khăn, phiền phức để ra tay nghĩa hiệp, cứu người trong lúc lâm nguy. Họ đã viết nên những trang sách đẹp trong cuộc đời mình...

Hà Nội, 16g30. Đường Phạm Hùng, người xe như mắc cửi sau giờ tan tầm. Bất chợt... rầm... Một thanh niên đang đi bộ ngã vật ra đường sau cú tông trực diện từ một chiếc xe gắn máy đang phóng nhanh giành đường. Người bị nạn nằm bất động. Máu chảy tràn ra từ miệng, mũi, tai của anh, rồi lan cả vùng trên mặt đường.

Chuyện trước ngày cưới

Đúng lúc đó, một chiếc xe buýt trở tới. Phạm Văn Lương từ trên xe bước xuống. Anh vừa dự đám tang một người em kết nghĩa trở về, và chuẩn bị đón tiếp xe xuống Hải Phòng. Người yêu của anh mới gọi điện nhắn anh về để chuẩn bị cho ngày thành hôn. Chỉ ít hôm nữa chàng trai 27 tuổi này sẽ làm lễ cưới. Anh đang rất bận rộn, hồi hộp, chuẩn bị bước vào giai đoạn mới của cuộc đời.

Vừa xuống xe, Lương đã giật mình. Nạn nhân bị đụng xe đâm đầu máu nằm ngay trước mặt anh. Không kịp suy nghĩ gì, anh lao đến bên nạn nhân, áp tai nghe thấy vẫn còn tiếng thở yếu ớt. Anh cuống quýt vẫy taxi, nhưng mấy chiếc chạy thẳng qua mà không chịu dừng lại. Cuối cùng, một chiếc chịu dừng. Nhưng khi tài xế mở cửa xe, thấy nạn nhân bị chảy máu bết đầm người, lại ngần ngừ tỏ vẻ không muốn chở. Lương phải hét lên: “*Thôi, làm phúc đi anh!*”.

Bây giờ, ngồi kể lại chuyện này, Lương nhớ khoảnh khắc ấy mình không kịp suy nghĩ gì cả. “*Tôi chỉ thấy trước mặt mình có một con người sắp chết, và thế là tôi lao đến*” – Lương kể tiếp. Cuối giờ chiều, đường phố Hà Nội tắc nghẽn, taxi phải mất cả nửa giờ mới lượn lách đến được Bệnh viện 19-8 ở cách đó không xa. Cuống quýt bế nạn nhân vào phòng cấp cứu, nhân viên y tế hỏi gì Lương cũng gật, kể cả anh có phải là thân nhân không. Anh muốn mọi thủ tục thật nhanh để nạn nhân được cấp cứu kịp thời. Mãi sau đó Lương mới sực nhớ lục tìm giấy tờ trong túi quần áo nạn nhân để tìm người thân, nhưng chẳng có gì, kể cả điện thoại di động.

Một ngày, hai ngày, rồi ba ngày chậm chạp trôi qua, lòng Lương nóng như lửa đốt. Anh vừa thương nạn nhân đang thoi thóp giữa làn ranh sinh tử, vừa lo việc đám cưới dở dang ở nhà. Bác sĩ rồi công an đến điều tra tai nạn không gặp được người thân, chỉ biết gặp Lương. Họ hỏi nhiều điều nhưng anh chẳng biết gì hơn ngoài điều duy nhất mình chính là người bế nạn nhân vào đây.

Cả tuần lễ Lương không về nhà, gia đình phải gửi quần áo, tiền nong lên cho anh. Lương lấy quần áo mình mặc cho nạn nhân đỡ lạnh lẽo, tủi thân trong giờ phút sinh tử đau đớn. Lương liên hệ với các báo để thông tin tìm người thân, rồi anh lại gặp các cơ quan công an xem có manh mối gì.

Không thể về nhà chuẩn bị lễ cưới, nhưng Lương may mắn có người yêu hiểu chuyện, thông cảm với việc giữa đường của mình. Cô từ Hải Phòng lên Hà Nội, chia sẻ khó khăn và nỗi buồn với người chồng sắp cưới. Ngày thứ sáu thì nạn nhân xấu số tử vong. Cuối cùng, khi Lương về đến quê thì sụt đúng 5kg!

Số phận của trái tim

Những ngày về Hải Phòng, tôi nghe rất nhiều chuyện kể về Lương. Người đầu tiên mà tôi gặp ở cầu Quán Toan chính là Trần Thị Cẩm, vợ mới cưới của anh. Cẩm có vẻ gầy yếu nhưng ánh mắt toát niềm vui, lạc quan: *“Số nhà em lạ lắm anh à, cứ ra đường là gặp người bị nạn. Có hôm anh về nhà mà máu me đầy người. Em cứ tưởng anh bị tai nạn, hóa ra là máu người bị nạn được anh giúp đỡ bắt vào”*.

Rồi Cẩm lại vui vẻ tâm sự tiếp: *“Nói vậy thôi, chứ em nghĩ chắc tính anh thấy người bị nạn không nỡ làm ngơ nên mới hay gặp chuyện này”*. Nhiều lần Lương đưa nạn nhân vào bệnh viện cấp cứu, rồi lại hối hả kêu vợ đưa tiền lên trang trải viện phí giúp. Sáng ra vợ nhìn chồng, chồng nhìn vợ mới hay chẳng ai còn đồng nào...

Về quê Lương, có người nói số phận anh là thế. Riêng tôi nghĩ rằng đó là *“số phận của trái tim”* thì đúng hơn. Chuyện Lương tình cờ giúp đỡ thanh niên bị tai nạn giao thông vừa rồi chỉ là một trong rất nhiều trường hợp anh không thể làm ngơ. Nhà nghèo, mới 15 tuổi Lương đã ra đường buôn gà. Ngày ngày chứng kiến bao nhiêu nụ cười lẫn nước mắt ngoài xã hội làm anh hay nặng lòng.

Người đầu tiên mà anh giúp đỡ chính là ở chợ Vĩnh Bảo. Sáng hôm đó chợ ế, Lương đang chuẩn bị về thì thấy một phụ nữ lớn tuổi đang ngồi bồng đứa con ra đất, rồi cứng đờ như tắt thở. Mọi người xúm lại chưa biết làm gì thì Lương nhanh trí công đến bệnh viện. Bác sĩ nói bà rất may mắn vì đến kịp bệnh viện trong cơn tai biến, chậm tích tắc có thể ảnh hưởng đến tính mạng mà nhẹ lắm là bại liệt. Sau đó, Lương mới biết tên bà là Thận. Và xúc động là bà Thận đã xin nhận Lương làm con nuôi để tạ ơn cứu mạng mình.

Mới đây, Lương lại lao vào cứu một người buôn đồng nát bị tai nạn giao thông ngay cầu Quán Toan, Hải Phòng. Buổi tối chập choạng trên đường đi làm về, người đàn ông này bị xe máy đụng lăn ra đường, chảy máu đầm đìa cả người. Nhiều người qua đường lạng lè bỏ chạy luôn, có người tò mò dừng lại nhưng chỉ đứng nhìn mà không làm gì để giúp nạn nhân. Ông bị ra máu nhiều quá, họ ngại vấy vào mình, kể cả nghĩ chắc ông chết rồi. Lúc đó Lương đang ăn cơm sau nhà. Nghe tiếng ồn ào trước đường, anh bỏ dở bát cơm, lao ra rồi vội vàng đưa nạn nhân đi cấp cứu.

Trong lúc đợi bác sĩ cứu chữa, anh lấy số máy nạn nhân gọi thử thì trúng ngay số máy nhà ông ở sát hiện trường vụ tai nạn. Chính họ cũng có mặt trong đám người tò mò đứng xem, nhưng vì máu ra nhiều quá nên không nhận diện được thân nhân mình. Khi qua khỏi, ông (tên Hiến) đã dẫn vợ sang tạ ơn Lương. Anh nhẹ nhàng nói: *“Lúc ấy, con chỉ thấy có người sắp chết thì cứu thôi, chứ chẳng biết bác là ai. Gặp bác hay gặp người khác con cũng làm thế thôi mà. Đâu có gì mà bác ơn nghĩa”*.

Tháng 10-2010 ở Hà Nội, Lương lại tình cờ cứu kịp hai học sinh bị tai nạn giao thông trên đường Kim Mã. Hai em bị xe máy đâm, xuất huyết rất nhiều và nằm bất động. Người qua lại rất đông nhưng chỉ tò mò đứng nhìn. Lương ngang qua thấy cảnh đau lòng, vội kêu taxi chở nạn nhân đến bệnh viện. Mấy tài xế thấy máu me, vội luôn. Lương phải đứng chặn trước mũi, một chiếc mới chịu dừng lại. Đưa hai em vào cấp cứu ở Bệnh viện Việt - Đức, Lương lấy điện thoại các em gọi về nhà. Lát sau, bố mẹ các em đến nhưng thất thần, chẳng còn biết làm gì. Lương nán lại ở bệnh viện cả đêm để giúp thủ tục cấp cứu cho các em.

Ba tháng sau, bố các em đưa con từ Hà Nội về Hải Phòng tìm Lương để tạ ơn. Nhưng hôm đó, họ không gặp được Lương vì anh lại đang đi tìm người thân cho một nạn nhân tai nạn giao thông khác tình cờ gặp trên đường...

(Bài *“Không thể làm ngơ”* của Quốc Việt, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 26/11/2011).

◎ Ba đưa con vừa khóc vừa kể trước tòa: *“Mấy chị em con nhiều lần phải chạy trốn, sợ hãi và xấu hổ vì các chủ nợ kéo đến nhà đòi tiền do mẹ cờ bạc gây nợ nần. Tụi con chỉ yên ổn từ khi ba mẹ ly hôn và chúng con sống với ba”*.

Lúc đó, mọi ánh mắt đều hướng về phía người mẹ và một lần nữa, bà đã khiến những người dự khán phiên tòa ngạc nhiên khi kiên quyết không đồng ý cho con mình đứng tên chủ sở hữu nhà trong phần tài sản tranh chấp giữa vợ chồng bà, mà yêu cầu bán chia đôi, trong khi, người chồng hoàn toàn chấp nhận chuyển giao cho các con – dù căn nhà đã là tài sản của riêng ông.

Nỗi ám ảnh... mẹ

Ký ức của ba chị em Huỳnh Kiệt P., Huỳnh Kiệt L., Huỳnh Kiệt M. vẫn còn nguyên hình ảnh những ngày chủ nợ đến nhà réo gọi tên bà Hoa – mẹ của các em. Mẹ thì núp sau chiếc tủ, không dám ra mặt, ba đưa con co ro núp sau lưng mẹ, mặt xanh như tàu lá. Có những khi chủ nợ dàn trận cả ngày trước cửa nhà hoặc “mai phục” gần đó khiến mấy chị em sợ hãi vì bị hăm dọa: *“Sẽ bắt cóc, đánh chết nếu mẹ không trả nợ”*.

Để bảo vệ danh dự gia đình và sự an toàn cho các con, ông Huỳnh Kế đã nhiều lần trả nợ thay vợ, như ông trình bày với Hội đồng xét xử (HĐXX): *“Người ta đến đòi nợ hoài, tôi trả hoài, trả hoài không thể nhớ nổi bao nhiêu lần và bao nhiêu tiền”*. Bà Hoa hứa sẽ từ bỏ cờ bạc, nhưng vài tháng thì lại có chủ nợ kéo đến. Biết không thể “cải tạo” được vợ và để giữ lại tài sản cho con nên ông Kế chọn giải pháp ly hôn. Trong quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn vào tháng 9/2009 giữa ông Kế – bà Hoa tại Tòa án Q.11, TP.HCM thể hiện: Đối với tài sản chung gồm: Ba căn nhà ở Q.Bình Tân, hai chiếc xe tải được vợ chồng ông Kế thỏa thuận là ông giữ nhà, xe và thối lại cho bà Hoa 200 triệu đồng (theo ông Kế, bà Hoa hưởng ít vì trừ những khoản mà ông đã trả nợ cho bà). Về con chung thì ông Kế nuôi hai con lớn, bà Hoa nuôi con út là Kiệt M.. Tuy nhiên, trên thực tế, cả ba con đều do ông Kế nuôi dưỡng.

Mọi việc tưởng chừng đã giải quyết xong, nhưng một năm sau, bà Hoa khởi kiện ra Tòa án Q.Bình Tân yêu cầu công nhận khối tài sản trên là của chung và phải chia đôi. Bà Hoa cho rằng, do bà ở nhà làm nội trợ, không biết đến việc làm ăn của chồng nên không biết vợ chồng có khối tài sản lớn, vì vậy bà mới đồng ý nhận 200 triệu đồng.

Tháng 3/2011, Tòa án nhân dân TP.HCM đã mở phiên phúc thẩm, bà Hoa xuất hiện đơn độc cùng người tình và thuê đến hai luật sư. Bà Hoa và luật sư đều khẳng định, bà không dính đến cờ bạc và cho rằng mình bị “lừa dối” nên mới ký những văn bản thỏa thuận phân chia tài sản. Bà còn tố chồng nuôi con không chu đáo, làm cả ba đứa con lêu bêu, hư hỏng. Khi tòa hỏi: *“Tố chồng nuôi con không tốt, sao bà không nuôi?”*, thì bà Hoa lí nhí trả lời: *“Tôi nuôi không nổi”*. Ngược với sự “tố cáo” của mẹ, ba “đương sự” đều lên tiếng: *“Ba yêu thương và nuôi chúng con rất chu đáo. Chúng con đều được học hành và có việc làm hẳn hoi. Con (Kiệt P.) đang làm ở văn phòng công ty của ba, em trai lái xe công ty của ba, còn em út thì đang học Anh văn cũng chuẩn bị đi làm”*. Trong khi bà Hoa đơn độc, thì họ hàng và ba đứa con bà đều đứng về người chồng. Thậm chí, có một nhân chứng bất ngờ là ông Minh – người tình cũ của bà Hoa, đã khẳng định: Trong thời gian chung sống như vợ chồng với bà Hoa, ông có nghe bà Hoa kể chuyện bà và chồng cũ có tạo dựng được ba căn nhà, hai chiếc xe ô tô và đã chia tài sản rạch ròi khi ly hôn. Ông cũng kể thêm, ông định xây dựng gia đình với bà Hoa, ông đã mở hàng hủ tiếu, tạo việc làm cho vợ tương lai, nhưng máu cờ bạc, đề đóm của bà Hoa vẫn “sinh sôi và bùng phát”. Bà Hoa đã nhiều lần sang Campuchia đánh bạc và chính ông phải mang tiền đi “chuộc” bà. Bà Hoa còn thiếu nợ rất nhiều người với lãi suất cao không trả nổi, vì vậy bà đã lật kèo, đi kiện chồng với mục đích “giải

ngân nợ nần”. Chỉ sau sáu tháng chung sống, ông thấy sợ bà Hoa và đã tự “giải thoát” cho mình.

Những ánh mắt của người dự khán nhìn bà ngao ngán, lắc đầu. Bà cúi mặt, trốn ánh nhìn đó và thỉnh thoảng len lén trông về ba đứa con – ở bên kia “chiến tuyến”. Những tưởng, khoảng cách mà bà tạo ra với những đứa con sẽ khó kéo gần. Vậy mà, khi tòa nghị án, ba đứa con đều nhanh chân bước về phía mẹ, đưa chai nước suối đã mở nắp và mời: *“Mẹ uống nước đi!”*. Người mẹ đón lấy với nụ cười duy nhất kể từ lúc xuất hiện ở tòa. Bốn mái đầu chụm vào nhau, cô con gái út 15 tuổi, ôm cổ mẹ vừa nũng nịu, vừa giận dỗi: *“Nói mẹ hoài, mà mẹ không chịu bỏ...”*, nghe đến đó, mắt ai cũng ngân ngấn nước. Phiên tòa kết thúc, dù phần thắng thuộc về người chồng và ba đứa con, nhưng người ta vẫn thấy mẹ con họ như chưa từng ở thế đối nghịch. Ba đứa con nán lại sân tòa, dặn dò mẹ đủ thứ. Thấy cảnh này, phóng viên hỏi, tại sao dành nhiều tình cảm cho mẹ mà trước tòa khẳng định không sống chung với mẹ, Kiệt P. tâm sự: *“Chúng con cũng rất yêu thương mẹ, nhưng không thể sống cùng, vì tính mẹ như vậy, chị em con khuyên nhiều lần không được. Hơn nữa, chúng con vẫn còn ám ảnh và rất sợ chuyện chủ nợ đến xiết nhà, đòi đánh”*.

Bỏ học về giữ... mẹ

Khi trúng tuyển ngành tài chính ngân hàng của Trường Trung cấp Vạn Tường (TP.HCM) năm 2011, Nguyễn Thế Hoàng đã hoạch định tương lai: Tốt nghiệp trung cấp sẽ liên thông lên đại học. Vậy mà chỉ nhập học mới hai tháng, Hoàng phải khăn gói về quê An Giang với lý do không giống ai: Về để ngăn không cho mẹ bài bạc. Cô em gái út đang học lớp 10 của Hoàng cũng bỏ học vì *“thấy mẹ bài bạc suốt ngày chán quá chẳng muốn học”*. Rời bỏ giảng đường, Hoàng trở thành anh nông dân thứ thiệt khi lo canh tác bốn công ruộng và chăn nuôi hai con bò.

Nhắc đến Hoàng, hàng xóm đều rưng rưng nước mắt bởi cậu sớm chịu nhiều mất mát và phải làm trụ cột gia đình khi mới 18 tuổi.

Khi bước vào năm học 12, cha của Hoàng đang khỏe mạnh bỗng phát bệnh ung thư. Cả nhà đều suy sụp tinh thần, bởi cha Hoàng là chỗ dựa của gia đình. Là con trai duy nhất, Hoàng buộc phải thay cha cáng đáng mọi thứ. Cả hai cha con lấy bệnh viện làm nhà. Hoàng như con thoi chạy giữa bệnh viện, trường học và đồng áng cùng với bài toán cơm áo gạo tiền, viện phí, thuốc thang. Vì vậy, nhiều hôm vào lớp, Hoàng gục ngay trên bàn học. Không ai nghĩ Hoàng học hết lớp 12, vậy mà trong hoàn cảnh khó khăn đó, Hoàng đã vươn lên và đậu tốt nghiệp. Tuy nhiên, đó cũng là thời điểm cha Hoàng vĩnh viễn ra đi, đứng trước linh cữu cha, Hoàng đã hứa học hành đến nơi đến chốn – vì đó là ước mơ lớn nhất của Hoàng và người cha cả đời bán mặt cho đất, bán lưng cho trời.

Mẹ Hoàng là người rộng tính, nhiệt tình giúp đỡ người khác, nhưng lại rất mê số đề. Chẳng bao giờ ba Hoàng và sau này là Hoàng, dám giao tay hòm chìa khóa cho mẹ, bởi bà sẽ nường hết vào bài bạc. Trước khi lên TP.HCM nhập học, Hoàng phải cầm cố bốn công đất còn lại (một nửa đã bán khi trị bệnh cho ba Hoàng) đem tiền gửi ngân hàng và lấy lãi suất hàng tháng đưa mẹ tiêu pha và nuôi em ăn học. Còn Hoàng vừa nhập học đã xin giữ xe ở một bệnh viện, làm ca đêm để trang trải cuộc sống. Thế nhưng, chỉ mới nửa tháng, em gái Hoàng gọi điện lên: *“Mẹ chơi số đề hết tiền rồi, bỏ em nhịn đói mấy ngày nay”*. Hoàng tức tốc về quê, thay đổi phương án: Giao tiền cho em gái giữ và em sẽ đưa cho mẹ hàng tuần. Nhưng chỉ hai tuần sau thì tiền cũng hết nhẵn, vì mẹ Hoàng cứ bắt con gái ứng trước. Hoàng lại về quê và gửi tiền cho người bác giữ giùm, rồi nhờ bác đưa cho mẹ hàng ngày. Mẹ Hoàng tự ái, không thèm nhận

tiền, mà chuyển sang đi vay mượn hàng xóm, vay nóng và mắc nợ cả các chủ đề. Chưa đầy một tháng, em gái Hoàng thông báo mẹ đã mắc nợ hơn 20 triệu đồng và ngày nào các chủ nợ cũng đứng canh trước nhà. Hoàng đau đầu, nghĩ đủ cách để chăm nom mẹ nhưng không còn giải pháp nào khả thi. Cuối cùng, Hoàng đành hy sinh con đường học vấn của mình để khăn gói về quê “giữ mẹ”.

Ai cũng nghĩ, Hoàng và em gái bỏ học đi làm ruộng, chăn bò, sẽ khiến người mẹ thức tỉnh, nhưng bà vẫn bất chấp sự lên án của người thân, hàng xóm, lao vào đề đóm. Hoàng tâm sự: “*Có khi cả tuần liền, anh em con chỉ ăn rau luộc với nước tương, vì mẹ đã tiêu hết tiền. Nhưng con và em động viên phải chịu khó, chứ đưa thêm tiền cho mẹ thì càng tạo điều kiện cho mẹ lún sâu hơn vào số đề*”. Đến nay, ngoài việc làm nông, thời gian còn lại Hoàng chỉ canh chừng không để mẹ chơi đề. Hoàng cũng dự tính qua TP. Long Xuyên xin việc làm hoặc học trung cấp, em nói: “*Không lẽ bỏ ăn cỏ, cả nhà cũng ăn cỏ theo, nên con phải đi làm kiếm thêm hoặc học nghề để có tương lai cho mình và lo cho mẹ sau này*”. Chẳng biết lần này chàng trai hiền lành, hiếu thảo và biết lo xa có thực hiện được kế hoạch của mình, khi người mẹ ấy vẫn như một con thiêu thân lao vào ánh đèn ma mị của những cuộc đỏ đen.

(Bài “*Mẹ... mìn*” của Thùy Dương, báo Phụ Nữ Chủ Nhật, ra ngày 13/5/2012).

5.2. Mối liên hệ của thói quen tự nguyện với các yếu tố khác

Từ mục nhỏ 5.1. *Thói quen tự nguyện* chúng ta thấy:

- Nếu xúc cảm cá nhân tác động (thúc đẩy, ngăn chặn) lên hành động cá nhân tồn tại đủ lâu và đủ mạnh, hành động cá nhân tương ứng được lặp đi lặp lại đủ nhiều lần thì trong những tình huống quen thuộc đó xúc cảm cá nhân chuyển sang hình thức mới về chất: Thói quen tự nguyện cá nhân.

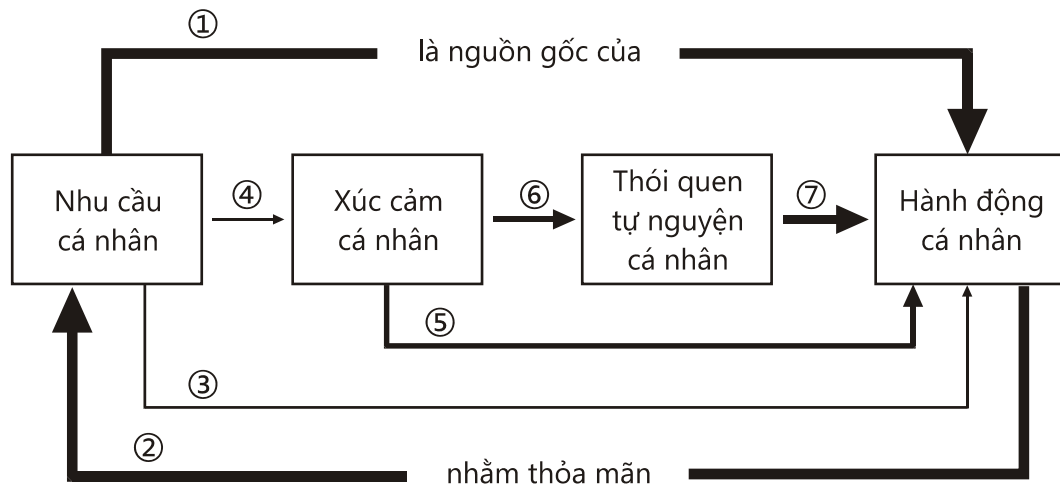
- **Thói quen tự nguyện, sau khi hình thành, tồn tại tương đối độc lập (không còn mang sắc thái xúc cảm nữa) và đóng vai trò thúc đẩy (ngăn chặn) hành động mạnh, tin cậy, ổn định và lâu bền hơn xúc cảm.**

- Hành động thói quen được thúc đẩy (ngăn chặn) bởi thói quen tự nguyện dường như trở thành nhu cầu thiết yếu của cá nhân, không thực hiện hành động đó vào lúc cần phải thực hiện thì không yên tâm.

Dưới đây là hình vẽ (xem Hình 8) về sự liên hệ giữa các yếu tố nhu cầu, xúc cảm, thói quen tự nguyện và hành động cá nhân.

So sánh Hình 8 với Hình 7, chúng ta thấy:

- Các đường ① ② ③ ④ ⑤ trên cả hai hình là như nhau.
- Đường ⑥ trên Hình 8 cho biết xúc cảm phát triển đến một lúc nào đó đủ điều kiện thì biến thành thói quen tự nguyện. Sau khi được tạo ra, thói quen tự nguyện tồn tại mang tính độc lập nhất định.
- Đường ⑦ (vẽ đậm hơn đường ⑤) diễn tả tác động của thói quen tự nguyện lên hành động mạnh, tin cậy, ổn định và lâu bền hơn xúc cảm.



Hình 8: *Mối liên hệ nhu cầu, xúc cảm, thói quen tự nguyện và hành động cá nhân*

Ngoài ra, người viết còn muốn lưu ý bạn đọc những điểm sau:

- Nếu như xúc cảm có xúc cảm tốt, xấu, hành động có hành động tốt, xấu thì đối với thói quen tự nguyện nằm giữa xúc cảm và hành động (xem Hình 8), cũng có thể đưa ra các khái niệm thói quen tự nguyện tốt và thói quen tự nguyện xấu. Thói quen tự nguyện tốt thúc đẩy thực hiện hành động tốt, thói quen tự nguyện xấu thúc đẩy thực hiện hành động xấu.

- Thói quen tự nguyện thúc đẩy (ngăn chặn) hành động quen thuộc trong những tình huống quen thuộc, do vậy thói quen tự nguyện có thể có phạm vi áp dụng hẹp.

- Thói quen tự nguyện khó bị thay đổi hơn xúc cảm. Tính bền vững của thói quen tự nguyện đem lại ích lợi rất lớn trong tình huống quen thuộc, ở đó cần phải thực hiện hành động được thúc đẩy bởi thói quen tự nguyện cho trước. Nhưng khi tình huống thay đổi, cần thay đổi thói quen tự nguyện để có các hành động khác thì gặp rất nhiều khó khăn. Nói cách khác, thói quen tự nguyện rất khó bỏ, khi cần phải bỏ. Điều này có thể liên quan đến “đường mòn trong não”. Cũng trong ý nghĩa này, cần cải tạo xúc cảm xấu một cách kịp thời, hết sức tránh để xúc cảm xấu trở thành thói quen tự nguyện xấu rất khó bỏ.

- Nếu như điều kiện, hoàn cảnh, môi trường và các đòi hỏi diễn ra một cách ổn định, không có những thay đổi lớn, lúc này cần nhanh chóng phát triển xúc cảm tốt thành thói quen tự nguyện tốt. Ví dụ, các thói quen đạt đến mức chuyên nghiệp của nhiều ngành nghề.

- Tập hợp các thói quen tự nguyện của cá nhân, nhiều khi, được coi là bản chất cá nhân, làm nên số phận cá nhân. Không phải ngẫu nhiên có câu nói sau: “*Gieo hành động – gặt thói quen. Gieo thói quen – gặt tính cách. Gieo tính cách – gặt số phận*”. Theo những gì đã trình bày ở trên, người viết muốn bổ sung thêm: “*Gieo nhu cầu – gặt xúc cảm. Gieo xúc cảm – gặt hành động...*”.

- Bạn đọc để ý, cho đến nay, người viết chưa nói gì tập trung đến tư duy. Trên

các hình vẽ, ví dụ như các Hình 5, 7, 8 cũng không có ô tư duy. Trong khi đó, tư duy lại là sự khác biệt lớn nhất của người với động vật. Vậy những gì người viết trình bày cho đến nay, đặc biệt là Hình 8 có thể dùng cho động vật và cho cả những người có tư duy mà không hoặc ít dùng. Đây có thể là những người được W. Drummond liệt kê: *“Ai không suy nghĩ là người cuồng tín; ai không thể suy nghĩ là kẻ đần; ai không dám suy nghĩ là nô lệ”*.

Người viết dành mục tiếp theo để tập trung nói về tư duy.

6. Tư duy cá nhân

6.1. Tư duy cá nhân

- Tư duy là đối tượng nghiên cứu và tác động của nhiều khoa học như sinh lý học hoạt động thần kinh cao cấp, tâm lý học, lôgích học, điều khiển học, triết học, sáng tạo học... Tâm lý học nghiên cứu quá trình suy nghĩ của cá nhân để trả lời các câu hỏi: Tại sao ý nghĩ của cá nhân lại nảy sinh; nó diễn ra và phát triển như thế nào? Nói cách khác, tâm lý học nghiên cứu các quy luật diễn tiến của quá trình suy nghĩ cá nhân. Về thực chất, đây là các hiện tượng tâm lý của cá nhân tìm kiếm, phát hiện, tổ chức lại và biến đổi thông tin, chủ yếu, dưới dạng ngôn ngữ, với mục đích có được những thông tin mới, đem lại ích lợi (thỏa mãn các nhu cầu) cho cá nhân đó.

Trong tâm lý học, có một cách phân loại tư duy đơn giản, mang tính quy ước, khá phổ biến, thành ba loại: 1) Tư duy trực quan–hành động; 2) Tư duy trực quan–hình ảnh và 3) Tư duy từ ngữ–lôgích hay còn gọi là tư duy trừu tượng (lý thuyết) bằng các khái niệm dưới dạng ngôn ngữ.

Tư duy trực quan–hành động là loại tư duy giải quyết vấn đề thông qua các hành động. Đây là loại tư duy được tổ tiên chúng ta ngày xưa, những đứa trẻ trước bốn tuổi hiện nay thường dùng và có ở một số loài động vật. Ví dụ, để biết chu vi một mảnh đất nào đó, ý nghĩ nảy sinh trong đầu những người sơ khai được thực hiện ngay bằng việc đi và đếm số bước chân. Tương tự, trẻ em muốn biết có cái gì bên trong đồ chơi của mình, thường đập, bẻ gãy, tháo chúng. Tư duy trực quan–hình ảnh ở dạng đơn giản xuất hiện chủ yếu ở lứa tuổi từ 4 đến 7. Mối liên hệ tư duy với các hành động không còn trực tiếp chặt chẽ như trước. Lúc này, đứa bé không cần phải hành động (ví dụ, không cần phải dùng tay sờ, lật qua lật lại... đối tượng) mà vẫn có những ý nghĩ trong đầu về đối tượng đó dưới dạng các hình ảnh trực quan. Tuy nhiên, đứa bé còn chưa thực sự suy nghĩ bằng các khái niệm theo đúng nghĩa của nó. Trên cơ sở tư duy trực quan–hành động và tư duy trực quan–hình ảnh, đứa trẻ đi học tiểu học, được phát triển dần tư duy mới dưới dạng các khái niệm trừu tượng. Việc nắm và sử dụng thành thạo các khái niệm của các môn học, học trong trường, có ý nghĩa to lớn trong việc phát triển trí tuệ của học sinh. Đây chính là loại tư duy thứ ba.

Loại tư duy thứ ba là loại tư duy từ ngữ–lôgích, tạo nên sự ưu việt tuyệt đối của con người so với động vật. Từ nay, khi người viết dùng từ tư duy, bạn đọc hãy hiểu nó chính là tư duy từ ngữ–lôgích. Ngoài ra, hai từ “tư duy” và “suy nghĩ” có thể coi là

đồng nghĩa.

Dưới dạng thuần túy, ý nghĩ của một người không được chính người đó và những người khác nhận biết bằng các giác quan: Người ta không thể thấy, nghe, ngửi, sờ và nắm được ý nghĩ. Vậy làm sao cá nhân suy nghĩ có thể nhận biết ý nghĩ của mình và truyền đạt ý nghĩ đến những người mà mình giao tiếp. Rất may, ngôn ngữ – sáng chế vĩ đại của nhân loại – đảm nhận công việc đó. Cá nhân suy nghĩ bằng từ ngữ và trao đổi các ý nghĩ của mình với những người khác cũng bằng từ ngữ. Các từ ngữ phản ánh các ý nghĩ và ngôn ngữ là hình thức của tư duy.

Tư duy cá nhân hiểu theo nghĩa thông dụng là ý nghĩ hoặc tập hợp các ý nghĩ liên kết với nhau theo một lôgic nào đó, được thể hiện dưới dạng từ ngữ mà cá nhân người suy nghĩ nhận biết.

Mặt khác, tư duy còn được hiểu là loại hoạt động của bộ não chỉ thực sự làm việc khi cá nhân có vấn đề cần giải quyết, có quyết định cần phải ra. Vậy vấn đề, quyết định là gì?

- Vấn đề hay còn gọi là bài toán (Problem) là tình huống, ở đó người giải biết mục đích cần đạt nhưng:

- 1) không biết cách đạt đến mục đích, hoặc
- 2) không biết cách tối ưu đạt đến mục đích trong một số cách đã biết.

Một người, dù rơi vào trường hợp một hay rơi vào trường hợp hai đều coi là có vấn đề. Trường hợp hai chính là quá trình ra quyết định: Thực hiện việc xem xét, đánh giá, cân nhắc, lựa chọn trong số các cách (phương án) đã biết ra cách (phương án) tối ưu để đem dùng trong thực tế.

Có những tình huống, ở đó trường hợp một chuyển hóa thành trường hợp hai và ngược lại. Ví dụ, một người thường 12 giờ đêm lên giường đi ngủ. Một đêm, sau khi lên giường, người đó trằn trọc hoài không ngủ được. Người đó có vấn đề vì người đó biết mục đích là “*ngủ*” nhưng có thể rơi vào một trong hai trường hợp sau:

- 1) không biết cách để ngủ được,
- 2) biết bốn cách có thể ngủ được: a) uống thuốc ngủ; b) đếm thầm trong đầu 1, 2, 3, 4... cho đến khi ngủ thiếp đi; c) làm một số động tác thư giãn, sau đó đặt lưng xuống giường để ngủ hơn; d) lôi truyện ra đọc cho đến khi mỏi mắt, rớt truyện và sa vào giấc ngủ, nhưng người đó không biết cách nào là tối ưu cho mình.

Nếu rơi vào trường hợp hai, người đó phải suy nghĩ ra quyết định kiểu như sau: 12 giờ đêm rồi mà thuốc ngủ không có sẵn, phải đi mua, cách này không thích hợp. Tập các động tác thư giãn hoặc bật đèn đọc truyện ảnh hưởng đến những người cùng phòng. Vậy tối ưu là đếm thầm trong đầu 1, 2, 3, 4... Nếu người đó ngủ được, vấn đề được giải quyết. Còn nếu đếm đã tới tỷ mấy mà vẫn không ngủ được, người đó coi vấn đề vẫn chưa được giải quyết bằng cách tối ưu. Lúc này, người đó chuyển sang trường hợp thứ nhất: Xem như mình không biết cách nào để ngủ được cả, hãy suy nghĩ tìm cách mới. Như vậy, trường hợp thứ hai có thể chuyển hóa thành trường hợp

một. Ngược lại, giả sử khởi đầu người đó ở trường hợp một: Không biết cách để ngủ được. Người đó phải suy nghĩ để giải quyết vấn đề của mình. Nếu người đó tìm ra không phải một cách mà từ hai cách trở lên trong khi thực tế chỉ dùng có một cách (chứ không phải cùng một lúc nhiều cách), người đó phải suy nghĩ tiếp để ra quyết định dùng cách tối ưu trong số các cách tìm ra. Nói cách khác, trường hợp một lại chuyển hóa thành trường hợp hai.

Với định nghĩa vấn đề (bài toán) trình bày ở trên, chúng ta thấy vấn đề có thể là câu hỏi chưa có câu trả lời, nhiều khi, là những câu hỏi tưởng chừng rất nhỏ như “Hôm nay ăn gì? mặc gì? làm gì? xem gì? đi đâu?...”, các bài tập các loại phải giải khi đi học, các kỳ kiểm tra, thi, lựa chọn nghề nghiệp chuyên môn để được đào tạo, xin việc làm, nhà ở, thu nhập, mua sắm, hôn nhân, gia đình, nuôi dạy con cái, sức khỏe... cho đến vấn đề làm sao đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Do vậy, không phải không có lý khi nói rằng: **“Cuộc đời của mỗi người là chuỗi các vấn đề cần phải giải quyết, chuỗi các quyết định cần phải ra”**. Cuộc đời khổ hay sướng, hạnh phúc hay không hạnh phúc tùy thuộc, ở mức độ rất lớn, vào việc con người cho trước suy nghĩ và hành động giải quyết các vấn đề và ra quyết định như thế nào trên mỗi bước đường đi của cuộc đời mình. Điều này có thể hiểu được vì, mục đích cần đạt trong vấn đề phản ánh nhu cầu. Giải quyết được vấn đề, đạt được mục đích có nghĩa là nhu cầu được thỏa mãn tạo nên xúc cảm dương (người giải quyết vấn đề thấy hài lòng, hạnh phúc). Như vậy, tư duy giải quyết vấn đề ra quyết định có mặt và đóng vai trò rất quan trọng trong việc làm thỏa mãn nhu cầu cá nhân trong suốt cả cuộc đời một con người.

Các vấn đề rất đa dạng. Người ta có thể phân loại chúng theo những tiêu chuẩn khách quan hoặc chủ quan nhất định. Dưới đây, người viết thử liệt kê một số và lưu ý bạn đọc: Việc phân loại các vấn đề không nên hiểu một cách chính xác tuyệt đối, vì có nhiều trường hợp, vấn đề cho trước vừa thuộc loại này và vừa thuộc loại khác.

- Phân loại theo địa lý: Địa phương, quốc gia, khu vực, toàn cầu, vũ trụ.
- Phân loại theo lĩnh vực: Đời sống, nghề nghiệp, chuyên môn các loại.
- Phân loại theo chủ sở hữu bài toán: Bài toán của người này, bài toán của người khác. Trong đó, có những bài toán phải chính chủ sở hữu giải, không ai có thể giải thay được.
- Phân loại theo số lượng người tham gia giải bài toán: Cá nhân, tập thể...
- Phân loại theo mức khó của bài toán: Có bài toán hầu như người nào cũng giải được và có bài toán chỉ những người xuất chúng mới giải được.
- Phân loại theo thang bậc trách nhiệm: Người thường, quản lý, lãnh đạo các cấp.
- Phân loại theo thời gian: Quá khứ, hiện tại và tương lai.
- Phân loại theo mức độ quan trọng, ưu tiên.
- Phân loại theo mức độ cấp bách.

- Phân loại theo số lượng tiền chi phí để giải bài toán.
- Các vấn đề để nhận thức thế giới: Các phát minh khoa học.
- Các vấn đề để biến đổi thế giới: Các sáng chế (hiểu theo nghĩa rộng).
- Các vấn đề nhằm mục đích tồn tại.
- Các vấn đề nhằm mục đích phát triển.
- Các vấn đề tất yếu nảy sinh trên con đường phát triển.
- Các vấn đề không đáng nảy sinh do những người khác ra quyết định sai gây ra.
- Các vấn đề không đáng nảy sinh do chính mình ra quyết định sai gây ra.
- Các vấn đề thuộc thế giới bên trong; thế giới bên ngoài; thuộc cả hai.
- Các vấn đề gặp phải một cách bị động: Bão, lụt, động đất...
- Các vấn đề tự đặt ra một cách chủ động: Nâng cao mức sống, cải tiến trang thiết bị làm việc, hiện đại hóa, công nghiệp hóa, xây dựng kinh tế và xã hội tri thức...
- Các vấn đề được phát biểu đúng và các vấn đề phát biểu sai
- Đối với quyết định (lời giải cuối cùng của bài toán được đưa ra dùng trong thực tế) cũng có thể phân loại theo nhiều cách khác nhau, ví dụ:
 - Phân loại theo cách ra quyết định: Cá nhân toàn quyền quyết định, cá nhân phải tham khảo ý kiến của một số người nhất định, phải thảo luận tập thể, phải biểu quyết tập thể...
 - Phân loại theo mức độ tối ưu so với mục đích cần đạt, được đề ra trong lời phát biểu bài toán.
 - Phân loại theo tính khả thi.
 - Phân loại theo giá trị: Quyết định mang tính khuyến cáo, tư vấn, bắt buộc thi hành...
 - Phân loại theo phạm vi ảnh hưởng: Rộng, hẹp.
 - Phân loại theo thời gian hiệu lực: Dài, ngắn.

Các nghiên cứu cho thấy, chỉ khi có vấn đề, bộ óc của chúng ta mới thực sự suy nghĩ. Còn ở đâu chúng ta biết mục đích và biết luôn cách đạt đến mục đích thì chúng ta cứ thế mà làm (hành động) thậm chí theo thói quen mà hầu như không suy nghĩ.

Quá trình suy nghĩ giải quyết vấn đề và ra quyết định còn gọi là tư duy sáng tạo với định nghĩa sau:

- Tư duy (suy nghĩ) sáng tạo (Creative Thinking) là quá trình suy nghĩ đưa người giải:

- 1) từ không biết cách đạt đến mục đích đến biết cách đạt đến mục đích, hoặc

2) từ không biết cách tối ưu đạt đến mục đích đến biết cách tối ưu đạt đến mục đích trong một số cách đã biết.

Ta có thể coi hai cách nói “*Quá trình suy nghĩ giải quyết vấn đề và ra quyết định*” và “*Tư duy sáng tạo*” là tương đương. Bởi vì, dù người giải quyết vấn đề ở trường hợp một hay trường hợp hai, đều phải tự mình suy nghĩ để đi từ “*không biết cách*” đến “*biết cách*”, nghĩa là quá trình suy nghĩ này tạo ra tính mới. Tính mới đó đem lại ích lợi là đạt được mục đích của người giải đề ra. Theo định nghĩa khái niệm sáng tạo, ở đây “*có đồng thời tính mới và tính ích lợi*”, vậy suy nghĩ giải quyết vấn đề và ra quyết định (Thinking for Problem Solving and Decision Making) là tư duy sáng tạo.

Phần lớn mọi người hiện nay khi gặp vấn đề cần giải quyết, quyết định cần phải ra thì suy nghĩ và hành động theo phương pháp nào?

6.2. Phương pháp (tự nhiên) thử và sai

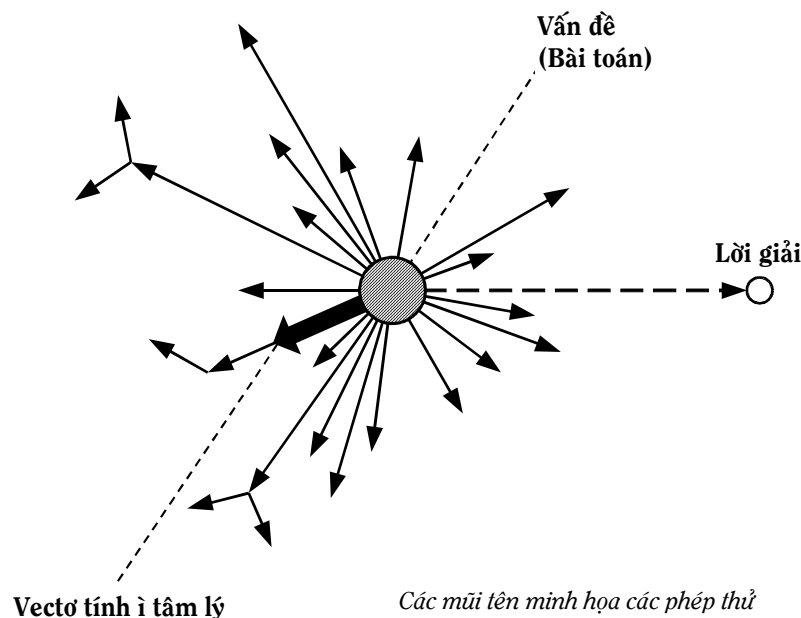
Bình thường mà nói, người ta không phải lúc nào cũng muốn suy nghĩ, vì thật tình, suy nghĩ mệt óc và tốn nhiều năng lượng lắm. Quá trình suy nghĩ thường chỉ bắt đầu khi người ta có một vấn đề gì đó cần giải quyết hoặc cần ra một quyết định.

Thực tế cho thấy, hiện nay, đa số mọi người suy nghĩ giải quyết vấn đề và ra quyết định một cách tự nhiên: Người suy nghĩ hiếm khi suy nghĩ về cách suy nghĩ của chính mình, cũng giống như người ta hít thở, đi lại... một cách tự nhiên mà ít khi suy nghĩ về chúng và tìm cách cải tiến chúng. Vậy cách suy nghĩ tự nhiên này diễn ra như thế nào?

Nghiên cứu và làm các thí nghiệm về quá trình suy nghĩ sáng tạo, các nhà tâm lý mô tả: Thông thường, khi có vấn đề, người giải hiểu nó không thật kỹ. Dựa trên các kinh nghiệm, sự liên tưởng, liên quan đến những dữ kiện của vấn đề cần giải quyết có phần tương tự với những bài toán đã giải trước đó, người giải nghĩ ngay đến việc áp dụng các lời giải, ý tưởng và cách tiếp cận sẵn có trong trí nhớ. Người giải tiến hành các phép thử đầu tiên. Sau khi phát hiện những phép thử đó sai, người giải quay trở lại với đầu bài toán, cố gắng hiểu bài toán đúng hơn rồi tiếp tục đưa ra các ý tưởng khác và quyết định thực hiện ngay chúng để xem có phải là lời giải không. Kiến thức đã học và kinh nghiệm riêng của người giải luôn có khuynh hướng đưa người giải đi theo con đường mòn, đã hình thành trong não trước đó. Nếu các phép thử lại tiếp tục sai, người giải mất tự tin dần, mặc dù người giải cố gắng rút kinh nghiệm sau mỗi lần sai. Các phép thử mới trở nên lộn xộn hơn, nhiều khi, chúng được đưa ra không ăn nhập gì với bài toán cho trước. Nếu các phép thử này vẫn tiếp tục sai thì người giải có thể trở nên hoang mang và làm các phép thử theo kiểu mò mẫm, hú họa dựa trên việc đặt các câu hỏi đại loại như: “*Nếu ta làm thế này thì sao?*”, “*Nếu ta làm thế kia thì sao?*”... và rất mong có linh tính hoặc giác quan thứ sáu hoặc sự may mắn nào khác mách bảo ý tưởng giải bài toán. Khi số các phép thử trở nên quá nhiều mà bài toán vẫn không giải ra, người giải có thể cho rằng bài toán không đủ điều kiện để giải hoặc kiến thức của mình còn thiếu, cần tìm sự trợ giúp từ bên ngoài. Người giải có khi không còn tập trung chú ý giải nữa mà nhường cho người khác.

Thường thường, để giải bài toán phải tốn khá nhiều phép thử – sai (bài toán càng khó, số phép thử – sai càng lớn) để cuối cùng có phép thử là lời giải đúng. Có lẽ vì vậy mà theo thống kê, số lượng xúc cảm âm nhiều hơn số lượng xúc cảm dương (xem mục 4.1. *Xúc cảm cá nhân*): Mỗi lần thử–sai là mỗi lần người giải không hài lòng. Mặc dù giải được bài toán, nhiều khi người giải không lý giải được một cách lôgic vì sao mình có được ý tưởng đúng và thường trả lời một cách chung chung kiểu: Nghĩ mãi thì nó bật ra hoặc do may mắn, ngẫu hứng, linh tính...

Cách suy nghĩ và hành động thực hiện giải bài toán theo mô tả ở trên gọi là **phương pháp thử và sai (Trial and Error Method)** và được minh họa bằng Hình 9: Bài toán và lời giải được ký hiệu bằng hai điểm khác nhau trên mặt phẳng. Các mũi tên diễn tả các phép thử. Trên thực tế, số lượng các phép thử sai có thể lớn hơn nhiều vì phương pháp thử và sai có mặt tại bất kỳ giai đoạn nào của quá trình thực hiện giải bài toán.



Hình 9: Phương pháp thử và sai (Trial and Error Method)

Bạn đọc có thể nhận ra phương pháp thử và sai khi nhớ lại thời đi học mình giải các bài toán như thế nào hoặc đọc báo chí thấy các hiện tượng xây rồi đập, nhập rồi tách, tách rồi nhập, quyết định sau sửa quyết định trước trong một thời gian rất ngắn, cấm rồi cho, cho rồi cấm và nhiều thứ cứ phải sửa đi sửa lại mà vẫn không đạt. Thử và sai thành hiện tượng xã hội, nhiều đến nỗi, trên báo Lao Động Xuân 1998 có đăng vế ra đã có từ nhiều năm trước “Sai đâu sửa đó, sai đó sửa đâu, sửa đâu sai đó” và vế đối của nhà giáo lão thành Nguyễn Tài Đại, Nghệ An: “Lấy thu bù chi, lấy chi bù thu, bù thu lấy chi”.

Một trong những dấu hiệu của phương pháp thử và sai là nếu cho làm lại, người

giải bài toán sẽ ra quyết định khác với quyết định đã ra, trong khi đó, theo John Greenleaf: *“Những từ ngữ gây nên sự hối tiếc và đáng trách nhất là: ‘Phải chi..., giá mà...’”*.

Ngay đối với các nhà nghiên cứu rất đáng kính trọng, rất nhiều các phát minh, sáng chế của họ ra đời cũng bằng phương pháp thử và sai. Cho đến nay, Edison vẫn là người có nhiều sáng chế nhất: 1.093 patent và được mệnh danh là người có thể sáng chế ra mọi thứ. Nhà sáng chế Nikola Tesla có một thời gian cùng làm việc với Edison, kể lại: *“Nếu như Edison cần phải tìm cái kim rơi xuống đồng rơm, ông sẽ không mất thời gian để xác định xem khả năng lớn nhất cái kim có thể nằm ở đâu. Không chậm trễ, với sự siêng năng, vội vã của con ong, ông lần lượt xem xét từng cọng rơm một cho tới khi tìm thấy cái kim thì thôi. Cách làm việc của ông rất kém hiệu quả: Ông có thể bỏ ra rất nhiều thời gian và sức lực mà không thu được gì, nếu không phải là sự tình cờ may mắn giúp ông ta”*. Khi Edison có ý định làm đèn phát sáng nhờ sự đốt nóng, ông đã thực hiện hơn 9.000 thí nghiệm và câu nói cửa miệng của ông là: *“Tôi sẽ thử mọi thứ, kể cả miếng pho mát Limburger”*. Để sáng chế ra ắc-quy kiềm, Edison đã phải làm tới 50.000 thí nghiệm, chưa kể tới những phương án trong đầu ông kiểu *“Nếu ta thử làm thế này thì sao?”* Ông cũng công nhận, trung bình một sáng chế lớn của ông phải làm mất bảy năm. Không phải ngẫu nhiên, chính Edison giải thích: *“Trong các công trình của tôi 99% là mồ hôi và chỉ 1% là cảm hứng”*. Tuy nhiên, Edison không làm việc một mình mà tập thể lớn đến ngàn người thực hiện việc thử theo sự phân công của ông.

G.S. Altshuller có nêu nhiều minh họa về phương pháp thử và sai, ví dụ, ở Liên Xô, có lần đã thực hiện một thí nghiệm độc đáo. Người ta tập trung khoảng 60 nhà sáng chế thuộc các ngành nghề khác nhau và đề nghị họ cùng giải một bài toán. Kết quả: Không ai giải được. Nhưng điều thú vị là ở chỗ xem họ giải như thế nào? Thì ra họ cũng đi tìm lời giải một cách mò mẫm, thử lần lượt hết phương án này đến phương án khác không định hướng.

Bạn đọc thử tưởng tượng sân bay với lịch bay 150 chuyến một ngày. Hành khách đã yên vị trên các ghế ngồi, bảng điện bật sáng dòng chữ *“Không hút thuốc! Đề nghị quý khách cài dây an toàn!”*. Nhưng trong 100 chuyến bay, các cô tiếp viên hàng không duyên dáng, lịch sự thông báo: *“Thành thật xin lỗi quý khách, rất tiếc, chuyến bay phải bãi bỏ do trục trặc kỹ thuật”*. 50 máy bay còn lại cất cánh được, nhưng liền sau đó 49 chiếc phải hạ cánh ngay và chỉ có một chiếc bay đến được đúng thành phố mà nó cần đến.

Bạn đọc chắc sẽ phản đối: *“Làm gì có sân bay như vậy!”* Vâng, đúng là không có sân bay như vậy.

Bạn đọc thử tưởng tượng một công ty xây dựng, được cung cấp đủ nguyên vật liệu và phương tiện để hàng năm xây 150 tòa nhà cao tầng. Cuối mỗi năm, báo cáo cho biết, 100 tòa nhà bị sập ngay trong quá trình thi công, 49 tòa nhà khác chỉ có thể dùng vài tầng dưới và chỉ một tòa nhà được nghiệm thu đạt yêu cầu.

Bạn đọc lại phản đối: *“Làm gì có công ty xây dựng như thế!”* Vâng, đúng là

không có công ty xây dựng như thế.

Nhưng trong lĩnh vực sáng tạo nói chung, tư duy sáng tạo nói riêng, độ tin cậy và tính điều khiển thấp do không có các công cụ tư duy sáng tạo tốt lại khá phổ biến. Dưới đây xin trích những dòng từ bài báo của Chủ tịch Hội đồng trung ương “*Hội các nhà sáng chế và hợp lý hóa toàn liên bang*”, Liên Xô trước đây: “*Hàng năm, ở nước ta thực hiện khoảng 150.000 các nghiên cứu phát triển kỹ thuật mới. Gần hai phần ba số đó phải bỏ trong giai đoạn thí nghiệm hoặc thử nghiệm mẫu mới (do thử thấy sai – người viết), làm lãng phí rất nhiều vốn đầu tư của nhà nước. Trong số các nghiên cứu đến được giai đoạn áp dụng thì 85% chỉ dừng ở một hoặc hai nhà máy và chỉ 2% được dùng ở 5 nhà máy trở lên*”.

P.X. Alexandrov, nguyên Chủ tịch Viện hàn lâm khoa học Liên Xô cũng khẳng định: “*Quá trình sáng tạo là công việc, ở đó, những cố gắng không thành công chiếm tới 99 % các nỗ lực sáng tạo và chỉ thỉnh thoảng mới có thành công ngắn ngủi. Thành công đó giống như hạt cát vàng có được sau khi đã đãi nhiều tấn cát*”. Hay như Rousseau nhận xét: “*Có cả hàng ngàn con đường dẫn đến cái sai, chỉ có một con đường dẫn đến chân lý*”.

Có những quyển sách về lịch sử các sáng chế, phát minh, về tiểu sử các nhà bác học. Nhiều thế hệ trẻ đã ngốn ngấu đọc chúng và mơ ước cũng có được những sáng chế, phát minh. Có thể rút ra được gì qua loại sách này khi công nghệ sản xuất các sáng chế, phát minh nói riêng, các sản phẩm sáng tạo nói chung, chủ yếu, là phương pháp thử và sai?

Dưới đây là lời khuyên của một cuốn sách loại đó: “*Muốn thực hiện ước mơ, trước hết đòi hỏi phải có tri thức, kỹ năng lao động, tinh thần dám nghĩ, dám làm, khả năng không nản chí trước các khó khăn và thất bại tất yếu bày ra trước mặt. Nếu bạn trau dồi được tất cả các đức tính đó ở trong trường, trong công tác thì bạn sẽ có những “vận may”, sẽ có được niềm vui sướng trước những thành công trong sáng tạo và sự kính trọng sâu sắc*”. Lời khuyên này trên thực tế không khác lời khuyên: “*Hãy ở hiền đi rồi sẽ gặp lành*” hoặc “*Cần cù bù sức*” chứ không trang bị cho người đọc các phương pháp, các kỹ năng cụ thể giúp nâng cao năng suất và hiệu quả quá trình suy nghĩ giải quyết vấn đề và ra quyết định.

Có một điều may mắn: Lời giải các bài toán sau khi đã tìm ra bằng phương pháp thử và sai, được công bố, lưu trữ, phổ biến, đưa vào chương trình dạy trong các nhà trường để những người khác và các thế hệ sau sử dụng ngay, không phải giải lại chúng bằng phương pháp thử và sai. Đây là thuận lợi của người đi sau, nếu biết kế thừa. Rất tiếc, có những bài toán là những bài toán mà các nước đi trước đã gặp, đã giải, thay vì kế thừa, nhiều người có trách nhiệm ở nước ta đi giải lại một cách mò mẫm thử và sai. Ví dụ các bài toán về quy hoạch, kẹt xe, ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, các sinh vật lạ nhập từ nước ngoài...

Các bài toán thực tế thường có nhiều lời giải. Ví dụ, nhà, xe, đèn, bút, dao, đồ ăn, thức uống... rất đa dạng chứ không phải chỉ có một loại. Do vậy, một bài toán thường có nhiều phép thử, đồng thời có nhiều lời giải. Loại bài toán có một và chỉ

một lời giải mà thôi là rất hiếm. Tương tự như vậy, tình huống chỉ có một lối thoát cũng rất hiếm. Riêng ý này đã giúp chúng ta lạc quan khi phải đối mặt với các khó khăn trong cuộc sống.

Ta lập tỷ số giữa “tổng số các phép thử có thể có của bài toán cho trước” và “tổng số các lời giải có thể có của nó” và gọi là α . Tỷ số α cho biết, trung bình α phép thử thì có một lời giải. Ví dụ $\alpha = 3$ có nghĩa, trung bình cứ ba phép thử thì có một lời giải; $\alpha = 1000$ thì trung bình một ngàn phép thử mới có một lời giải. Nói chung, α càng lớn thì bài toán càng khó giải và trả giá cho phương pháp thử và sai càng lớn.

Dưới đây sẽ liệt kê một số ưu và nhược điểm của phương pháp thử và sai.

Các ưu điểm của phương pháp thử và sai:

1) Phương pháp thử và sai trở thành phương pháp duy nhất và hầu như không cần phải học ở những tình huống vấn đề chưa có tiền lệ. Hoặc khi các kinh nghiệm của người giải đã dùng hết mà vẫn sai và không thu thêm được thông tin có ích nào để định hướng. Lúc đó, người giải cứ việc thử khác đi một cách mò mẫm cho đến khi tìm ra lời giải.

2) Phương pháp thử và sai hoàn toàn thích hợp đối với loại bài toán, ở đó $\alpha < 10$ và trả giá cho mỗi phép thử sai không đáng kể hoặc chấp nhận được. Lúc này, người giải khỏi dụng công tư duy sáng tạo gì ghê gớm, cứ việc thử lần lượt sẽ đi đến lời giải.

3) Phương pháp thử và sai cũng hoàn toàn thích hợp để viết phần mềm giải loại bài toán có α rất lớn, nếu bài toán có thể mô phỏng được trên máy tính vì mỗi phép thử sai trên máy tính trả giá không đáng kể, trong khi tốc độ thử của máy tính rất cao.

4) Trong phương pháp thử và sai có một ý rất quan trọng: Ngoài các phép thử dựa trên kinh nghiệm đã có, còn có những phép thử mới trước đây chưa có. Dù chúng mang tính lộn xộn, mò mẫm, thiếu định hướng, khả năng sai lớn nhưng lại chứa một xác suất nhất định để trở thành lời giải. Với ý nghĩa như thế, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng ưu điểm lớn nhất của phương pháp thử và sai: Nó chính là cơ chế của sự tiến hóa và phát triển trong cả ba lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy cho đến thời gian gần đây.

Phương pháp thử và sai dùng trong quá trình giải bài toán là phương pháp tự nhiên, ngoài việc hiểu theo nghĩa: Người ta dùng nó một cách tự nhiên, không để ý, quan tâm; còn được hiểu theo nghĩa: Phương pháp thử và sai đã có sẵn trong tự nhiên, trước khi con người xuất hiện trên Trái Đất. Ví dụ, các sinh vật trong tự nhiên, do sự thay đổi hoàn cảnh, môi trường sống (hiểu theo nghĩa rộng nhất), cũng gặp nhiều vấn đề và chúng giải quyết bằng cách thay đổi các tập tính, hành vi hoặc/và đột biến về gen, tức là thực hiện các phép thử khác đi so với quá khứ. Chọn lọc tự nhiên (cũng hiểu theo nghĩa rộng nhất) đào thải các phép thử sai, giữ lại các phép thử đúng là lời giải và chỉ có những sinh vật giải quyết được các vấn đề của mình mới sống sót, tiến hóa và phát triển đến nay.

Các nhược điểm của phương pháp thử và sai:

1) Lãng phí lớn

Hình 9 mô tả phương pháp thử và sai, cho thấy một nhược điểm đập ngay vào mắt: Số phép thử sai nhiều nên lãng phí lớn về thời gian, sức lực, trí lực, phương tiện vật chất, tài nguyên, tiền bạc và có khi cả số phận, sinh mạng các cá thể, giống loài. Theo ước đoán, trên Trái Đất đã từng xuất hiện hai tỷ loài nhưng chỉ có hai triệu trong số đó còn tồn tại đến ngày nay và tốc độ tiến hóa diễn ra rất chậm. Không phải ngẫu nhiên, có những nhà nghiên cứu đã thốt lên: *“Để có được sự tiến hóa, phát triển bằng phương pháp thử và sai, cái giá phải trả lớn hơn nhiều lần tổng thiệt hại do thiên tai như bão, lụt, hạn hán, động đất, vòi rồng... gây ra trên Trái Đất này”*. Phải chăng sáng tạo theo phương pháp thử và sai là kiểu sáng tạo *“có được cái mới, ích lợi nhờ sự hỗn độn”* (Chaos), hoặc *“cấu trúc tự tổ chức nảy sinh từ sự hỗn độn”*.

Cũng vì sau nhiều lần thử và sai mới có lời giải, chỉ những cá thể, giống loài nào có khả năng thử với số lượng lớn và đa dạng mới thích nghi với sự thay đổi và được chọn lọc tự nhiên giữ lại. Để chắc chắn thụ thai, trong một mililít tinh dịch của người đàn ông phải có khoảng ba trăm triệu tinh trùng trở lên. Ít hơn số lượng này, bài toán có nguy cơ không có lời giải. Tương tự như vậy, để không bị mất giống, các giống loài còn sống đến bây giờ đều phải có khả năng đẻ rất nhiều con trong một cuộc đời và mỗi đứa con là một phiên bản độc đáo, không lặp lại.

2) Tính ì tâm lý cản trở sáng tạo

Các phép thử đưa ra thường dựa trên kinh nghiệm có từ trước, nằm trong trí nhớ của người giải, đó là tác hại của tính ì tâm lý. Nó kéo suy nghĩ của người giải về phía quen thuộc đã biết (xem mũi tên đậm: Véc tơ ì tâm lý trên Hình 9), do vậy, cản trở người giải đưa ra các phép thử mới, có thể dẫn đến lời giải. Trên Hình 9, các phép thử không vẽ dần đều về tất cả các hướng mà phần lớn tập trung quanh mũi tên đậm, phản ánh nhược điểm vừa nêu.

Lỗi suy nghĩ và hành động *“kinh nghiệm chủ nghĩa”* không cho phép người giải định hướng một cách khách quan về phía lời giải. Chỉ sau nhiều lần thử sai, phải trả giá, người giải mới từ bỏ *“kinh nghiệm”* và thử khác đi cho đến lúc *“vận may”* (phép thử đưa đến lời giải) xuất hiện.

Cũng do tính ì tâm lý, nhiều khi người giải không liệt kê được hết các phép thử có thể có của bài toán cho trước một cách khách quan. Nhiều bài toán không giải được không phải vì người giải thiếu kiến thức hoặc điều kiện mà vì không thắng được tính ì tâm lý của chính mình.

3) Năng suất phát ý tưởng thấp

Số ý tưởng phát ra trong một đơn vị thời gian (năng suất phát ý tưởng) của người giải thấp: Có khi nghĩ cả ngày hoặc hơn mà không có ý tưởng để thử. Đối với các bài toán lạ, ví dụ không thuộc chuyên môn của mình, người giải có thể không đưa ra được phép thử nào. Năng suất phát ý tưởng thấp nên quá trình giải bài toán kéo dài về mặt thời gian.

4) Các tiêu chuẩn đánh giá "đúng", "sai" hoặc không có hoặc có thì mang tính chủ quan và ngắn hạn.

Trong trường hợp không có các tiêu chuẩn khách quan đánh giá, người giải có được ý tưởng nào thì quyết định thực hiện ý tưởng đó luôn để thực tế trả lời "đúng" hay "sai", chứ không phải phát hiện "đúng", "sai" ngay ở giai đoạn còn là ý tưởng. Do "sai" nhiều hơn "đúng", các thiệt hại về nhiều mặt rất lớn. Có nhiều giải pháp trong ngắn hạn tưởng là đúng, dùng dài hạn mới biết là sai. Các loại thuốc chữa bệnh cho lưu hành, thậm chí khuyến khích dùng, sau khi phát hiện các tác hại mới ra lệnh cấm là một trong các ví dụ.

5) Thiếu cơ chế định hướng từ bài toán đến lời giải

Khi gặp bài toán, người giải thường không định hướng ngay được lời giải bài toán nằm ở phía nào. Đây là nhược điểm cơ bản của phương pháp thử và sai vì nó là thủ phạm chính làm nảy sinh những nhược điểm khác.

Dưới đây là một số thí dụ để bạn đọc dễ hình dung về sự lãng phí do các quyết định sai.

⊙ Theo Sở Giao thông – vận tải (GTVT) Tiền Giang, chiếc phà có giá trị trên dưới 400 triệu đồng do Bộ GTVT đóng rồi giao cho tỉnh Tiền Giang vào khoảng năm 2004.

Sau khi nhận phà, Sở GTVT đã giao cho huyện Gò Công Tây bố trí về bến phà Tân Long để đưa đón khách qua sông Cửa Tiểu (từ xã Long Bình qua cù lao Lợi Quan và ngược lại).

Tuy nhiên, phà được đóng dành cho bến nước sâu, trong khi Tân Long là bến chuối, nên chiếc phà này chỉ chạy lòng vòng ngoài sông chứ không thể vào bến được. Do vậy chiếc phà này "thất nghiệp" và được kéo về Mỹ Tho, hiện đã bị gỉ sét, xuống cấp rất nghiêm trọng".

(Bài "*Tiền Giang: Phà chưa sử dụng đã trở thành... phế liệu*" của V.T.R., đăng trên báo "Tuổi Trẻ", ra ngày 10/6/2006).

⊙ Nghe nói tỉnh anh đang xây dựng nhà máy nước hiện đại 40.000 m³/ngày, có nước ngoài giúp đỡ trị giá hơn 97 tỉ đồng. Hai năm rồi, sắp xong chưa anh Bi?

– Xong gì, sẽ làm lại từ đầu!

Ủa, sao vậy?

– Tại... bị lũ cuốn hư hại chớ sao! Nghe đâu thi công trạm bơm sát bờ sông Hậu, hết hơn 700 triệu đồng, đến mùa lũ 1996 nước xói lở làm gãy hết tám cọc móng, coi như đi đứt công trình. Mới đây Bộ xây dựng kết luận "do thiên tai".

Như vậy đâu thể nói do thiên tai! Tại không chịu tính toán, khảo sát kỹ trước khi thi công, chớ chuyện lũ là "chuyện thường ngày" ở miền Tây mà!

– Ờ, vậy cho nên tỉnh vừa có cuộc họp xử lý sự cố, rút ra bài học kinh nghiệm về xây dựng. Rồi quyết định dời công trình vô sâu trong đất liền 150 m, dự kiến làm lại tốn thêm 1,1 tỉ đồng.

Ồi, bài học cọc lủ gì mà đắt dữ... tới tiền tỉ lận?

(Bài "*Bài học... cọc lủ*" của Bút Bi, báo "Tuổi Trẻ", ra ngày 20/8/1997).

⊙ Phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vừa yêu cầu Bộ tài chính và Tổng cục bưu điện phối hợp cùng UBND tỉnh Cà Mau di dời hai ăngten tại sân bay Cà Mau để đưa sân bay này vào hoạt động trên tuyến TPHCM – Cà Mau trong thời gian sớm nhất. Chi phí để di dời hai ăngten là 32 tỉ đồng.

Được biết, đường bay TPHCM – Cà Mau dự kiến đưa vào khai thác từ tháng 7-2001 bằng máy bay ATR72 sau khi đã bay thử và tốn 30 tỉ đồng để nâng cấp cải tạo sân bay. Thế nhưng sau gần một năm đường bay này vẫn chưa triển khai do không đảm bảo an toàn. Theo qui định về an toàn bay, tính không cho phép của đường hạ-cất cánh sân bay không được quá 40 m. Thế nhưng đường bay này lại vướng hai ăngten của bưu điện và quân đội (cao hơn 100 m) nên gây khó khăn trong việc hạ-cất cánh.

(Bài “32 tỷ đồng dời hai ăngten để khởi động sân bay Cà Mau” của Đ.Q., báo “Tuổi Trẻ”, ra ngày 28/5/2002).

⊙ Những năm qua, Chính phủ đã duyệt cho Bộ công an mua một loạt máy đo tốc độ phương tiện phục vụ công tác xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông. Tuy nhiên hầu hết là máy chỉ đo được thông số tốc độ chứ không ghi lại được hình ảnh phương tiện vi phạm. Do đó, nhiều người vi phạm không chấp hành lệnh phạt của lực lượng cảnh sát. Sau đó, Bộ công an đã cấp bổ sung cho công an mỗi địa phương 2 máy đo tốc độ phương tiện có ghi lại hình ảnh. Đồng thời, thứ trưởng Bộ công an Lê Thế Tiệm yêu cầu công an các địa phương thu lại số máy đo tốc độ không ghi được hình ảnh về Bộ (hiện có hơn 1.000 máy đã được Cục CSGT đường bộ-đường sắt thu lại cất trong kho). Được biết, giá trị mỗi chiếc máy lên đến 5.000 USD, tính sơ bộ tổng số máy thu về lên đến trên 5 triệu USD.

(Bài “Lãng phí khoảng 5 triệu USD mua máy bắn tốc độ” của Q.-T., báo “Sài Gòn Giải Phóng”, ra ngày 18/6/2006).

⊙ Lỗ, huề vốn, hoặc lời chút đỉnh, là điệp khúc lặp đi lặp lại nhiều năm qua của các doanh nghiệp (DN) chế biến và xuất khẩu điều. Riêng năm nay, được coi là năm “bội thu” của ngành điều Việt Nam: Năng suất đạt trung bình 11 tạ/ha, có nơi như Đồng Nai lên đến 16 tạ/ha. Tính chung sản lượng thu hoạch điều năm nay của cả nước tăng 35 % so với năm 2003, trong khi diện tích không thay đổi. Giá bán của nông dân cũng khá cao, trung bình 10.500 đồng/kg, so với năm rồi lợi nhuận tăng thêm 1.000 đồng/kg. Về phía các DN chế biến và xuất khẩu, nếu lấy giá bán tại thời điểm hiện nay là 5,6 USD/kg, thì 1 kg điều nhân các DN lãi thêm 1,6 USD/kg so với giá dự báo (đã có lãi) ban đầu là 4 USD/kg. Tạm tính lượng xuất khẩu của cả nước đến thời điểm này là 42.000 tấn, thì lãi ròng ngoại tệ các DN mang về từ điều lên đến trên 65 triệu USD.

Thế nhưng, hầu hết các DN không tỏ ra vui mừng mà cho rằng “giá tăng bao nhiêu cũng khổ bấy nhiêu”. Vì sao?

Giám đốc công ty TNHH Bimico (Tây Ninh), ông Nguyễn Minh Hòa, than rằng tuần rồi công ty ông giao cho khách hàng 15 container nhân điều, tương đương 240 tấn, nếu tính ra tiền VN, Bimico “mất ăn” 5 tỉ đồng. Bởi đây là hợp đồng Bimico ký với khách hàng từ tháng 2-2004 với giá chỉ có 4 USD/kg. Ông Phạm Công, Phó giám đốc công ty Nhật Huy (Bình Dương) chua xót nói: “Hợp đồng chúng tôi ký trước đó giá quá thấp so với giá khi giao hàng”. Theo Hiệp hội cây điều VN, đây không phải là trường hợp cá biệt mà hầu hết các DN lớn đều đã ký hợp đồng bán trước 40 % – 60 % sản lượng trong năm, với giá chỉ 3,7 – 4 USD/kg, thiệt mất hàng triệu USD do bán hớ giá. Vì vậy, có DN phải “bội tín” với khách hàng vì không đủ hàng giao, do các “vệ tinh” được DN đầu tư khi thấy giá lên không bán cho DN mà bán ra ngoài để hưởng lợi cao hơn.

Lại một bài học về nắm bắt và dự báo thông tin thị trường cho các DN xuất khẩu điều, mà bài học này cách đây chỉ vài tháng, các DN xuất khẩu gạo cũng đã phải trả giá. Tất nhiên, đây không chỉ là “lỗi” của các DN mà còn có trách nhiệm của hiệp hội, Bộ thương mại.

(Bài “*Mất hàng triệu USD vì không nắm bắt thông tin*” của Lê Cường, báo “Người Lao Động”, ra ngày 11/8/2004).

◎ Ngày 13-9-1999, Thủ tướng chính phủ đã có quyết định số 873/QĐ-TTg phê duyệt dự án Nhà máy bột giấy Kon Tum có công suất 300.000 tấn bột giấy tẩy trắng/năm, với dây chuyền sản xuất mới, công nghệ và thiết bị tiên tiến, với tổng mức đầu tư 244,4 triệu USD, chủ yếu vay trong nước và nước ngoài. Nhưng từ tháng 1-2003, dự án phải tạm hoãn triển khai theo yêu cầu của Thủ tướng chính phủ để xem xét lại tính hiệu quả trong đầu tư và dự án phát triển vùng nguyên liệu, và đến nay thì quyết định ngừng triển khai dự án này, mặc dù đã đầu tư vào đây hơn 200 tỷ đồng.

Ông Bùi Xuân Khu – thứ trưởng thường trực Bộ công nghiệp thừa nhận, TCT giấy đã chưa chuẩn bị chu đáo cho dự án này. Đây là dự án rất lớn, nếu kể cả thiết bị và vùng nguyên liệu, vốn lưu động, cũng như cơ sở hạ tầng, thì tổng vốn đầu tư phải lên đến trên 5.000 tỷ đồng. Thiếu sót đầu tiên chính là công tác thuê tư vấn không chuyên nghiệp dẫn đến tính toán không chu đáo, thiếu sự khảo sát cụ thể khả năng cung ứng nguyên liệu cho nhà máy. Trong phương án đầu tiên được Chính phủ thông qua đã xây dựng cơ cấu nguyên liệu là 70 % bột xơ ngắn dùng nguyên liệu chủ yếu là tre, nứa và 30 % bột xơ dài mà nguyên liệu là gỗ thông. Chỉ sau khi có ý kiến của các bộ liên quan, nhất là Bộ NN&PTNT, và qua khảo sát bằng máy bay mới thấy nguyên liệu tre, nứa không còn nhiều. Chính vì vậy, dự án này phải mất một thời gian tạm hoãn để điều chỉnh lại cơ cấu nguyên liệu: 70 % bột xơ dài và 30 % bột xơ ngắn (!)

Thiếu sót thứ hai là trong quá trình triển khai dự án của TCT giấy cũng không chặt chẽ, phương án đầu tư cho trồng rừng cao hơn thực tế, dẫn đến dự án không khả thi. Trong đó, suất đầu tư cho 1 ha cây keo lai hay cây thông đều cao hơn nhiều so với tính toán đầu tư thực tế từ Bộ NN&PTNT. Ví dụ dự án xây dựng phí đầu tư là 16 triệu đồng/héc-ta keo lai, nhưng Bộ NN&PTNT cho rằng thực tế chỉ khoảng 10 triệu đồng.

Thứ ba, suất đầu tư của Nhà máy bột giấy quá lớn, khả năng thu hồi vốn chậm và khó khăn. Theo tính toán, giá bán bột giấy phải từ 520 USD/tấn trở lên thì mới đảm bảo hiệu quả. Các phương án tài chính của dự án đều cho thấy hiệu quả thấp, nếu không có sự trợ giúp của Nhà nước về vốn và một số cơ chế thì không khả thi, trường hợp giá giấy thấp hơn 500 USD/tấn thì chưa xác định được nguồn vốn để trả nợ.

Ngay từ đầu, đã có nhiều ý kiến cho rằng dự án đầu tư Nhà máy bột giấy Kon Tum sẽ không hiệu quả. Đây là vùng đồi núi cao, chủ yếu là diện tích đất trống đồi trọc, đất bạc màu, vào mùa khô không có nước tưới cây, nên nguy cơ cháy tại vùng nguyên liệu này rất lớn, càng làm dự án thêm rủi ro. Đặc biệt, phương án phát triển vùng nguyên liệu đòi hỏi phải áp dụng mô hình sản xuất tập trung, thâm canh. Thế nhưng, đặc thù ở khu vực này là mật độ dân số thưa, trình độ dân trí thấp, người dân chưa có kinh nghiệm trồng rừng công nghiệp. Các nhà khoa học cũng chưa chứng minh được cây nguyên liệu thực sự có cho chất lượng bột tốt hay không, liệu sau một chu kỳ khai thác, chu kỳ trồng kế tiếp cây nguyên liệu có thể sinh trưởng và tiếp tục cho bột hay không. Việc ngừng triển khai dự án chứng tỏ Chính phủ không thể phiêu lưu đem hàng ngàn tỷ đồng ra làm thí nghiệm.

(Bài “*Giá 200 tỷ đồng cho một bài học!*” của Văn Minh Hoa, báo “Sài Gòn Giải Phóng”, ra ngày 9/9/2004).

6.3. Mối liên hệ của tư duy với các yếu tố cá nhân khác

Hình 10 dưới đây mô tả mối liên hệ của tư duy với các yếu tố cá nhân khác. Hình 10 cũng có thể coi là hình vẽ mô tả thế giới bên trong con người hành động hiện nay. Từ “hiện nay” được hiểu theo nghĩa, hiện nay phần lớn mọi người dùng phương pháp (tự nhiên) thử và sai để tư duy và hành động.

– So sánh Hình 10 với Hình 8, các đường từ ① đến ⑦ là như nhau.

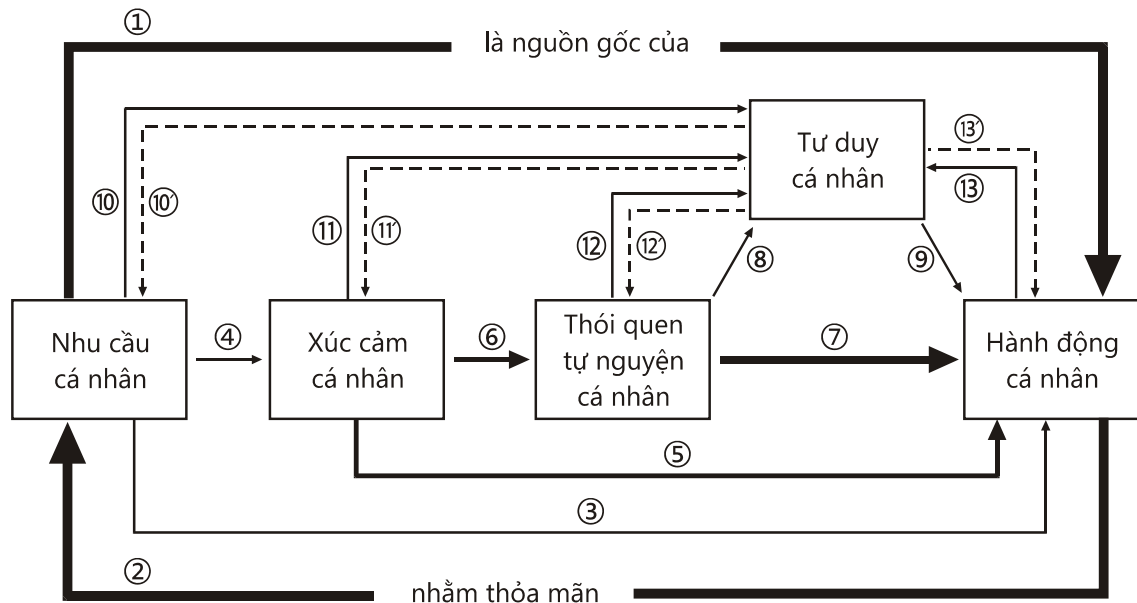
– Trên Hình 10, đường ⑧ và ⑨ chỉ mô tả một cách hình thức chuỗi đầy đủ từ nhu cầu đến hành động có đi qua tư duy.

– Ô tư duy cá nhân trên Hình 10 được vẽ ra ngoài đường trục tạo bởi các đường ④, ⑥ và ⑦ để diễn tả các ý sau:

a) Tư duy không xuất phát hoàn toàn từ các yếu tố bên trong khác mà còn bị kích thích làm việc bởi các yếu tố môi trường thông qua các giác quan của cá nhân.

b) Tư duy không phải nguồn gốc, động lực của hành động (xem mục nhỏ 3.2. *Mối liên hệ giữa nhu cầu cá nhân và hành động cá nhân*).

c) Tư duy không phải lúc nào cũng làm việc. Điều này bạn đọc có thể nghiệm với chính mình: Không phải lúc nào bạn đọc cũng suy nghĩ. Tư duy chỉ thực sự làm việc khi có vấn đề cần giải quyết, quyết định cần phải ra (xem các mục nhỏ 6.1. *Tư duy cá nhân* và 6.2. *Phương pháp (tự nhiên) thử và sai*).



Hình 10: Mối liên hệ của tư duy với các yếu tố cá nhân khác (Thế giới bên trong con người hành động hiện nay)

Có những trường hợp cụ thể, cá nhân có vấn đề nhưng vì lý do này hay lý do khác, cá nhân không dùng tư duy. Lúc này, các hành động thử của cá nhân giải quyết vấn đề chỉ xuất phát từ xúc cảm và thói quen tự nguyện (xem Hình 8). Các hành động này thường là sai vì xúc cảm và thói quen tự nguyện là những cái quen thuộc, đã có, trong khi đó, giải quyết vấn đề cần đưa ra các hành động mang tính mới. Những trường hợp như vậy là những trường hợp ra quyết định theo cảm tính và thói quen chứ không dùng tư duy. Như vậy, vào những lúc tư duy không làm việc, bạn đọc có thể đơn giản hóa Hình 10 thành Hình 8.

– Các đường ⑩, ⑪, ⑫ và ⑬ mô tả tác động của các yếu tố khác lên tư duy. Các đường ⑩, ⑪, ⑫ và ⑬ mô tả tác động của tư duy lên các yếu tố khác.

Các đường ⑩, ⑪, ⑫ và ⑬ là các đường liên tục trong khi các đường ⑩, ⑪, ⑫ và ⑬ lại vẽ gạch-gạch. Bằng cách vẽ như vậy, người viết muốn diễn tả rằng, các yếu tố khác tác động lên tư duy mạnh hơn tư duy tác động lên các yếu tố khác. Điều này có thể hiểu được, một phần là, do trong suốt quá trình tiến hóa của động vật thành người, rồi quá trình tiến hóa của chính con người, tư duy có tuổi đời trẻ nhất so với tuổi đời của các yếu tố khác.

– Tư duy và các yếu tố khác tác động qua lại như thế nào?

Các yếu tố khác tác động lên tư duy, trước hết, thể hiện dưới dạng cung cấp cho tư duy thông tin, để tư duy biến những thông tin đó thành các ý nghĩ dưới dạng từ ngữ. Ví dụ, nhu cầu được thể hiện thành mục đích đề ra cần đạt: *Phải có cái tủ lạnh mới được, năm nay phải lấy xong bằng thạc sỹ...*; xúc cảm báo cho tư duy biết: *Công việc gì mà chán thế, thôi không làm nữa...* Trong các thông tin mà các yếu tố khác cung cấp cho tư duy có cả những thông tin về vấn đề (bài toán). Đây là những vấn đề thuộc thế giới bên trong cá nhân. Ví dụ, *nhu cầu A vẫn chưa thỏa mãn, phải làm sao bây giờ...; làm thế nào giảm bớt cơn tức giận có hại thường xảy ra...* Có thể nói đây là những bài toán liên quan đến việc làm chủ thế giới bên trong, chiến thắng chính bản thân mình (*“lo thắng mình thì bình, lo thắng người thì loạn”*).

Các yếu tố khác tác động lên tư duy còn thể hiện ở chỗ, chúng có thể ảnh hưởng tốt hoặc xấu một cách mạnh mẽ lên khả năng làm việc của tư duy. Ví dụ, nếu nhu cầu giải bài toán là nhu cầu cấp bách, thiết thân với cá nhân, cá nhân suy nghĩ một cách tích cực, rất ráo. Nếu bài toán không liên quan đến việc thỏa mãn nhu cầu cá nhân, cá nhân không có động cơ để suy nghĩ. Nếu cá nhân hào hứng, say mê, thích thú, các xúc cảm này ảnh hưởng thuận lợi lên tư duy. Nếu cá nhân chán nản, tư duy có thể bị tê liệt. Như vậy, tư duy làm việc không có tính độc lập cao; phụ thuộc nhiều vào các yếu tố chủ quan khác.

Trong khi đó, nếu để mọi cái diễn ra tự nhiên như hiện nay, tư duy ảnh hưởng đến các yếu tố khác yếu hơn nhiều. Ví dụ, bạn rất khó thay đổi ý nghĩ về mục đích cần đạt đề ra (phản ánh nhu cầu); rất khó dùng tư duy để thay đổi xúc cảm...

Do vậy, công việc giải các bài toán thuộc thế giới bên trong cá nhân là công việc rất khó. Không phải ngẫu nhiên có những câu nói như: *“Chiến thắng vạn quân ngoài*

chiến trường không bằng chiến thắng chính bản thân mình” hoặc “Chiến thắng vĩ đại nhất là chiến thắng chính bản thân mình”.

– Tư duy còn dùng để giải quyết các vấn đề thuộc thế giới bên ngoài. Các thông tin về bài toán thuộc thế giới bên ngoài được đưa đến tư duy thông qua các giác quan của cá nhân và biến thành các ý nghĩ dưới dạng từ ngữ trong đầu cá nhân. Phương pháp mà phần lớn mọi người dùng để giải quyết các vấn đề (thuộc thế giới bên trong lẫn thế giới bên ngoài) hiện nay là phương pháp (tự nhiên) thử và sai.

– Căn cứ vào các mũi tên đến ô hành động cá nhân, chúng ta có thể thấy, có những hành động xuất phát từ nhu cầu cá nhân (đường ③), có những hành động từ xúc cảm (đường ⑤), có những hành động từ thói quen tự nguyện (đường ⑦) và có những hành động từ dư dục (đường ⑬) như là những hành động giải quyết vấn đề và ra quyết định nào đó.

Những hành động xuất phát từ nhu cầu cá nhân mang tính bẩm sinh (đường ③) là những hành động không can thiệp được vì công việc di truyền làm thay đổi những hành động này đòi hỏi thời gian rất dài gồm nhiều thế hệ.

Những hành động xuất phát từ các đường khác như ⑤, ⑦ và ⑬ gồm có cả những hành động tốt và hành động xấu. Nếu quá trình giải quyết vấn đề và ra quyết định diễn ra theo phương pháp (tự nhiên) thử và sai thì các hành động xuất phát từ đường ⑬ có số hành động xấu nhiều hơn hẳn số hành động tốt. Bởi vì, mỗi phép thử-sai là một hành động xấu, phải trả giá, làm nảy sinh thêm vấn đề không đáng nảy sinh.

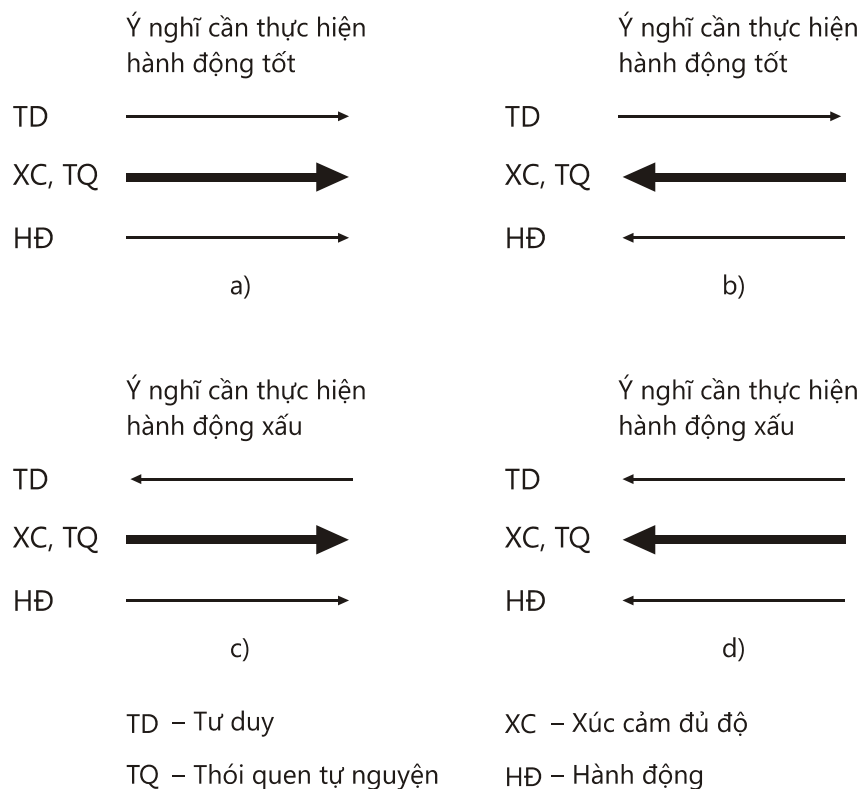
– Trên cơ sở những gì vừa trình bày trong mục nhỏ này, mối liên hệ giữa tư duy và các yếu tố khác còn có thể được minh họa bằng hình vẽ sau (xem Hình 11):

– Trên hình vẽ, đường XC, TQ vẽ đậm hơn các đường khác và cùng chiều với đường HD. Điều này diễn tả xúc cảm đủ độ và thói quen tự nguyện có tác dụng chắc chắn trong việc thúc đẩy hoặc ngăn chặn hành động tương ứng.

– Đường TD thể hiện tư duy (ý nghĩ) của cá nhân. Ví dụ, trong đầu cá nhân có ý nghĩ cần thực hiện một hành động cụ thể nào đó tốt (mũi tên đi từ trái sang phải) hoặc một hành động cụ thể nào khác xấu (mũi tên đi từ phải sang trái).

– Trường hợp “a”, cá nhân có ý định thực hiện hành động tốt, xúc cảm và thói quen tự nguyện cùng chiều nên trên thực tế hành động tốt được thực hiện. Ví dụ, gặp đèn đỏ, cá nhân có ý nghĩ dừng xe lại, xúc cảm và thói quen tự nguyện của cá nhân đồng hành với ý nghĩ đó, cá nhân dừng xe lại.

– Trường hợp “b”, cá nhân có ý định thực hiện hành động tốt, xúc cảm và thói quen tự nguyện có chiều ngược lại, vì xúc cảm và thói quen tự nguyện có tác dụng mạnh, hành động xấu theo xúc cảm và thói quen tự nguyện được thực hiện. Ví dụ, gặp đèn đỏ, cá nhân có ý nghĩ dừng xe lại, nhưng xúc cảm và thói quen tự nguyện ngăn cản hành động theo ý nghĩ đó, cá nhân phóng xe vượt đèn đỏ. Lúc này, với người hay vượt đèn đỏ, ý nghĩ dừng xe lại chỉ là ý nghĩ thoáng qua.



Hình 11: Một số trường hợp phản ánh mối liên hệ của tư duy với các yếu tố khác

– Trường hợp “c”, cá nhân có ý nghĩ thực hiện hành động xấu nhưng xúc cảm và thói quen tự nguyện lại tốt, nên trên thực tế cá nhân sẽ thực hiện hành động tốt. Ví dụ, gặp đèn đỏ cá nhân có ý nghĩ vượt đèn đỏ nhưng xúc cảm và thói quen tự nguyện làm cá nhân dừng xe lại. Lúc này, ý nghĩ xấu chỉ là ý nghĩ thoáng qua trong đầu của cá nhân thường chấp hành luật an toàn giao thông.

– Trường hợp “d”, cá nhân có ý nghĩ thực hiện hành động xấu, xúc cảm và thói quen tự nguyện cùng chiều, cá nhân thực hiện hành động xấu là điều chắc chắn. Ví dụ, gặp đèn đỏ, cá nhân có ý nghĩ phải vượt đèn đỏ, xúc cảm và thói quen tự nguyện vượt đèn đỏ dễ dàng thúc đẩy cá nhân có hành động vượt đèn đỏ.

6.4. Tư duy tự nhiên hiện nay và tư duy cần có

- Trong các mục nhỏ từ 6.1. *Tư duy cá nhân* đến 6.3. *Mối liên hệ của tư duy với các yếu tố cá nhân khác*, từ “hiện nay” được nhắc đi nhắc lại không ít lần để nói về loại tư duy và hành động mà phần lớn mọi người đang dùng. Đây là loại tư duy và hành động theo phương pháp (tự nhiên) thử và sai, tuy có một số ưu điểm, nhưng có nhiều nhược điểm lớn (xem mục nhỏ 6.2. *Phương pháp (tự nhiên) thử và sai*).

Tình hình hiện nay còn đáng lo ngại hơn, khi người ta không chỉ dùng phương pháp (tự nhiên) thử và sai lạc hậu mà còn ít thực sự suy nghĩ khi gặp các vấn đề hoặc khi cần ra quyết định. Điều này được phản ánh trong câu nói của người nhận giải Nobel, nhà văn Bernard Shaw: “Ít người suy nghĩ hơn hai hoặc ba lần trong một năm.

Tôi tạo được sự nổi tiếng quốc tế là do tôi luôn suy nghĩ một hoặc hai lần trong một tuần”.

1) Suy nghĩ, mà thực tế lại là suy nghĩ bằng phương pháp phổ biến thử và sai, tốn nhiều sức lực, trí lực, thời gian. Do vậy, nhiều người ngại, lười, trốn suy nghĩ, thậm chí, cam chịu, chấp nhận những hậu quả không mong muốn do vấn đề chưa được giải quyết mang lại. Nói cách khác, đành “sống” chung với vấn đề. Ví dụ, sống chung với ô nhiễm, kẹt xe.

2) Môi trường có những điều kiện giúp người có các vấn đề tránh suy nghĩ giải quyết chúng. Ví dụ, các vấn đề có thể báo cáo lên cấp trên. Cấp trên sẽ suy nghĩ, giải quyết, mình chỉ là thiên lôi chỉ đâu đánh đấy theo quyết định của cấp trên.

Các vấn đề có thể giao cho cấp dưới suy nghĩ rồi họ kiến nghị các giải pháp, các dự thảo quyết định.

Các vấn đề có thể chuyển giao cho những người khác giải quyết bằng cách mua, thuê các thành phẩm, dịch vụ có sẵn hoặc đặt hàng giải quyết theo các yêu cầu của chủ sở hữu vấn đề. Tất nhiên, chủ sở hữu vấn đề phải có đủ tiền để làm điều đó. Nhân đây, người viết dẫn ra câu nói cửa miệng của E. Rutherford (giải Nobel vật lý) nhắc nhở các đồng nghiệp và học trò mình: *“Chúng ta không có tiền, chúng ta phải suy nghĩ”* (We’ve got no money, so we have to think).

3) Người có vấn đề có thể chuyển sang các môi trường khác, ở đó không có vấn đề mình gặp. Ví dụ, chuyển công tác, chuyển nhà, chuyển nghề, li dị, cắt đứt các quan hệ xấu.

4) Người viết cho rằng nguyên nhân cơ bản nhất của việc ít hoặc không suy nghĩ là do giáo dục nói riêng, nhân loại nói chung không thực sự chú ý đến tư duy: Cho đến hiện nay, trong nhà trường trên khắp thế giới, hầu như không thấy dạy và học suy nghĩ như một môn riêng.

- Thời gian gần đây đã có những tín hiệu đáng mừng liên quan đến tư duy.

Xét về tiềm năng, tư duy có những khả năng rất to lớn, đến nỗi, có nhà nghiên cứu nhận xét: *“Trong mỗi người có một thiên tài ngủ quên”* hoặc nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, mỗi người bình thường mới chỉ khai thác khoảng vài phần trăm khả năng của tư duy.

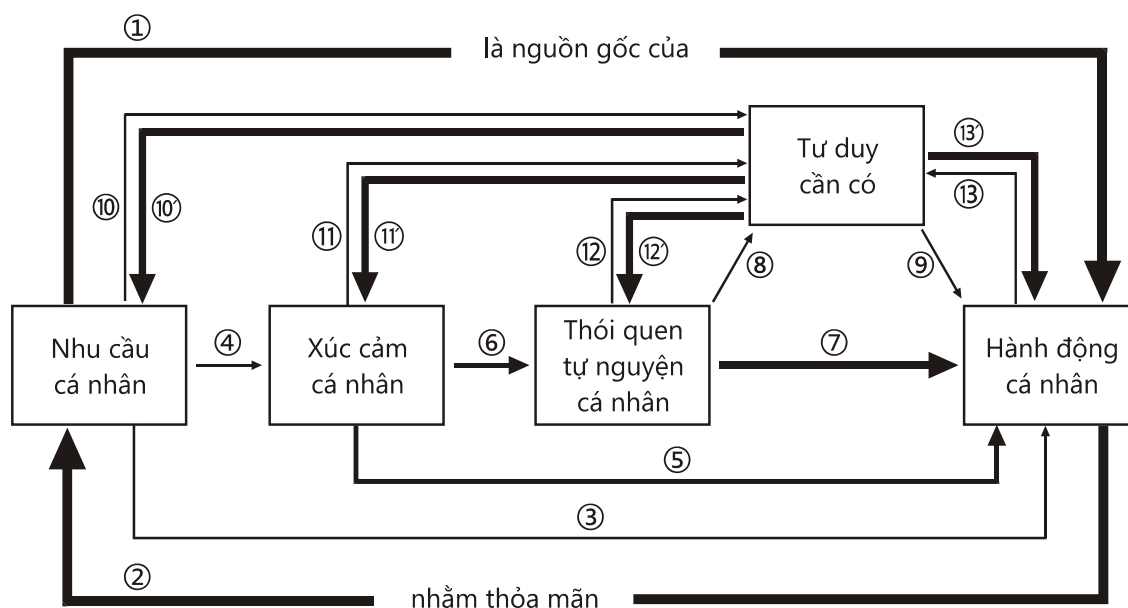
Vấn đề nằm ở chỗ, để khai thác bất kỳ đối tượng nào cũng cần sử dụng công cụ. Muốn khai thác tư duy nhiều và hiệu quả hơn cần thay công cụ phương pháp (tự nhiên) thử và sai lạc hậu bằng hệ thống các phương pháp mới, được xây dựng dựa trên những hiểu biết mới nhất của các khoa học nghiên cứu hoặc liên quan đến tư duy. Hệ thống các phương pháp mới này giúp hình thành khoa học, môn học mới *“Phương pháp luận sáng tạo và đổi mới”* (PPLSTVĐM).

PPLSTVĐM có đối tượng nghiên cứu và phát triển là quá trình suy nghĩ giải quyết vấn đề và ra quyết định của con người. PPLSTVĐM có mục đích trang bị cho mỗi người hệ thống các phương pháp và các kỹ năng cần thiết nhằm nâng cao năng

suất, hiệu quả, về lâu dài, tiến tới điều khiển quá trình suy nghĩ giải quyết vấn đề và ra quyết định của mỗi người. Các vấn đề nói đến ở đây có thể là các vấn đề thuộc thế giới bên ngoài cũng như thuộc thế giới bên trong con người.

Cuộc đời của mỗi người là chuỗi các vấn đề cần phải giải quyết, chuỗi các quyết định cần phải ra. Các vấn đề của cá nhân chính là các nhu cầu của cá nhân, giải quyết được chúng các nhu cầu của cá nhân sẽ thỏa mãn. Nếu như bạn giải quyết các vấn đề không tốt, đưa ra các quyết định sai, bạn phải trả giá về thời gian, sức lực, trí lực, phương tiện vật chất, tiền bạc, uy tín, danh tiếng, địa vị... thì đời đúng là “bể khổ”. Từ đây, căn cứ vào mục đích của PPLSTVĐM, bạn có thể hình dung được các ích lợi to lớn và thiết thực mà PPLSTVĐM có thể mang lại cho bạn suốt cuộc đời của bạn. Nói cách khác, PPLSTVĐM giúp biến “đời là bể khổ” thành “bớt khổ”, phần sướng tăng lên, dần dần tiến tới “bể sướng”. Về lâu dài, khi bạn điều khiển được quá trình suy nghĩ giải quyết vấn đề và ra quyết định của chính mình thì đời thực sự là “bể hạnh phúc”. Học PPLSTVĐM một lần, bạn sẽ dùng nó cả đời.

Về mặt khả năng, PPLSTVĐM có thể khai thác, phát huy các tiềm năng cực kỳ to lớn của tư duy để xây dựng loại tư duy cần có (xem Hình 12).



Hình 12: Mối liên hệ của tư duy cần có với các yếu tố cá nhân khác

Hình 12 cho thấy tư duy cần có điều khiển được các yếu tố cá nhân khác (xem các đường ⑩, ⑪, ⑫ và ⑬) được vẽ đậm) bằng cách dựa trên và tuân theo các quy luật liên quan. Điều này cũng có nghĩa, tư duy cần có giúp cá nhân làm chủ thế giới bên trong của mình, mà bên trong có “ấm” thì ngoài mới “êm”. T. Edison nhấn mạnh: “*Nhiệm vụ quan trọng nhất của nền văn minh là dạy con người biết suy nghĩ*”. Còn C. Darwin cho rằng: “*Giai đoạn phát triển cao nhất trong văn hóa đạo đức là khi chúng ta nhận ra rằng, chúng ta cần phải điều khiển các suy nghĩ của chính*

mình”. Bằng cách này, tư duy cần có giúp tạo ra rất nhiều hành động tốt hơn so với hiện nay.

PPLSTVĐM, như một môn học, có khối lượng kiến thức rất lớn, không thể trình bày thành một chương hay một quyển sách được. Mặt khác, PPLSTVĐM không phải là đề tài của quyển sách này. Bạn đọc nào muốn tìm hiểu PPLSTVĐM, có thể đọc bộ sách “*Sáng tạo và đổi mới*” gồm 10 quyển đã xuất bản của người viết.

7. Xúc cảm cá nhân – yếu tố quan trọng nhất đối với hành động cá nhân

7.1. Xúc cảm cá nhân – yếu tố quan trọng nhất đối với hành động cá nhân

Trong các mục trước, người viết đã trình bày các yếu tố nhu cầu, xúc cảm, thói quen tự nguyện, tư duy cá nhân và mối liên hệ của chúng với hành động cá nhân. Trong quan hệ đối với thúc đẩy hoặc ngăn chặn hành động cá nhân, có lẽ, xúc cảm cá nhân đóng vai trò quan trọng nhất vì các lý do sau đây:

- Nguồn gốc của hành động cá nhân là nhu cầu cá nhân và cá nhân hành động nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Tuy vậy, nhu cầu cá nhân không thật cụ thể, mang tính chất chung và không trực tiếp thúc đẩy hay ngăn chặn hành động cá nhân.

- Tư duy cá nhân không phải là nguồn gốc và động lực của hành động cá nhân (xem mục nhỏ 3.2. *Mối liên hệ giữa nhu cầu cá nhân và hành động cá nhân*). Về điều này, bạn còn có thể trải nghiệm với chính mình. Ví dụ, nhiều lần trong đầu bạn nghĩ cần phải làm cái này, cần phải làm cái kia nhưng trên thực tế bạn không hành động. Ý nghĩ cần thực hiện một hành động nào đó không tự động, chắc chắn dẫn đến hành động đó. Nói cách khác, ở đây có chuyện “*nghĩ một đằng làm một nẻo*”.

Như chúng ta đã biết trong mục 6.1. *Tư duy cá nhân*, các từ ngữ phản ánh các ý nghĩ và ngôn ngữ là hình thức của tư duy. Như vậy, nếu một người không cố tình nói dối, lời nói phản ánh các ý nghĩ của người đó. Rất tiếc, vấn đề làm (hành động) không đi đôi với lời nói (ý nghĩ) đã tồn tại hàng ngàn năm nay và còn tồn tại dài dài. Điều này cũng thể hiện trong các câu thành ngữ như: *Nói lời phải giữ lấy lời, đừng như con bướm đậu rồi lại bay; Nói trước quên sau; Nói một đằng, làm một nẻo; Miệng quan tròn trẻ; Nói khôn làm đại...*

- Thói quen tự nguyện thúc đẩy hoặc ngăn chặn hành động được xem là mạnh, tin cậy, ổn định và lâu bền nhất trong tất cả các yếu tố liên quan đến hành động. Nhưng thói quen tự nguyện không được chọn là yếu tố quan trọng nhất vì để có thói quen tự nguyện, cần phải đi qua xúc cảm. Nói cách khác, không có thói quen tự nguyện nếu trước đó không có xúc cảm tác dụng đủ lâu và đủ mạnh. Thói quen tự nguyện được phát triển từ xúc cảm.

Một lý do nữa thói quen tự nguyện không được chọn là thói quen tự nguyện có phạm vi áp dụng hẹp, khó thay đổi khi cần thay đổi.

– Xúc cảm cá nhân có những ưu điểm: Thúc đẩy, ngăn chặn hành động trực tiếp, mạnh mẽ, nhanh và cụ thể hơn nhu cầu; xúc cảm có thể phát triển tiếp để trở thành thói quen tự nguyện; so với nhu cầu, thói quen tự nguyện và tư duy, xúc cảm cá nhân dễ được nhận biết, nhận dạng, từ đó, dễ đề ra các biện pháp điều chỉnh, mà điều chỉnh xúc cảm cá nhân có nghĩa là điều chỉnh hành động.

Nếu xúc cảm cá nhân là yếu tố quan trọng nhất đối với hành động thì cần đạt được những điểm sau:

– **Mọi tác động của môi trường lên cá nhân, cá nhân lên môi trường, cá nhân lên cá nhân phải “chạm” đến được xúc cảm cá nhân, tạo ra xúc cảm đủ độ mới có ý nghĩa và hiệu quả.** Tất cả các tác động chưa đạt đến điều này đều có nguy cơ lãng phí và vô ích, không giúp thay đổi hành động để có những hành động tốt.

– Để các tác động “chạm” đến xúc cảm cá nhân và tạo ra xúc cảm đủ độ, các tác động phải có tác dụng làm cho cá nhân cảm nhận đầy đủ việc nhu cầu cá nhân thỏa mãn hay không thỏa mãn (tùy trường hợp cụ thể). Bởi vì xúc cảm cá nhân hình thành trên cơ sở mức độ thỏa mãn nhu cầu cá nhân (xem mục 4. *Xúc cảm cá nhân*).

– **Để có những hành động tốt, bằng mọi cách tác động có thể, phải tạo được các xúc cảm tốt đủ độ trong cá nhân.**

Mục nhỏ sau bàn về những cách tạo xúc cảm.

7.2. Một số cách tạo xúc cảm cá nhân

Dưới đây, người viết liệt kê một số cách (chứ không phải tất cả) tạo xúc cảm cá nhân nói chung, có thể là xúc cảm tốt, xấu, tùy trường hợp cụ thể. Những cách này không hoàn toàn độc lập với nhau mà có thể giao nhau, đan xen nhau, trong cách này còn có cả những cách khác.

1) **Di truyền, được chọn lọc tự nhiên giữ lại, mang tính bẩm sinh** (xem mục nhỏ 4.1. *Xúc cảm cá nhân*)

2) **Bắt chước những người khác, được những người khác lây nhiễm, truyền dạy**

Những người khác có thể là những người gần gũi, xung quanh cá nhân, có thể là những người mà cá nhân biết đến thông qua phương tiện truyền thông các loại, các sách văn học, các loại hình nghệ thuật.

Những người khác trong trường hợp này thường là những người được cá nhân có thiện cảm, tin, yêu. Cá nhân có thể bắt chước, được lây nhiễm, được truyền dạy ngay xúc cảm của những người khác. Cá nhân cũng có thể, lúc đầu bắt chước, được lây nhiễm, được truyền dạy hành động của những người khác, sau đó, hành động làm cá nhân thỏa mãn nhu cầu, trở thành xúc cảm đương đối với cá nhân.

3) **Cá nhân tự trải qua (tham gia) các sự việc (thật hoặc ảo) bằng các hành động của mình**

Có những lúc cá nhân phải tự mình làm một công việc nào đó. Nói cách khác, cá

nhân phải thực hiện các hành động. Các hành động này cùng với kết quả của chúng dẫn đến việc thỏa mãn hay không thỏa mãn nhu cầu cá nhân, giúp hình thành xúc cảm cá nhân.

Công việc có thể là thật, có thể là ảo. Công việc thật thường cho xúc cảm thật, phong phú và đầy đủ hơn là công việc ảo. Ví dụ, bạn học lái xe ô tô. Có hai cách học, một là cách học thực tế, ngay trên thực địa và hai là học trong buồng lái ảo.

4) Chứng kiến trực tiếp các sự việc

Đây không phải là cách 3, ở đây cá nhân là người có những hành động tham gia, trải qua, còn ở đây cá nhân là người chứng kiến. Nói cách khác, cá nhân nhận thông tin về sự việc chứ không tham gia sự việc. Ví dụ, cá nhân nhìn thấy một vụ tai nạn giao thông, cá nhân cảm thấy sợ đối với việc không chấp hành luật an toàn giao thông.

5) Tiếp thu thông tin tạo xúc cảm

Hàng ngày, cá nhân nhận thông tin từ thế giới bên ngoài thông qua năm giác quan. Trong những thông tin này có những thông tin tạo hoặc làm thay đổi xúc cảm cá nhân. Những thông tin có thể đến từ những người xung quanh, truyền thông các loại, các sách văn học, các loại tác phẩm nghệ thuật... Có thể nói cách 5 rộng hơn cách 4, coi cách 4 như trường hợp riêng.

6) Sử dụng tư duy cá nhân

Sử dụng trí nhớ để hồi tưởng lại những xúc cảm đã có, từ đó có thể phát triển tiếp thành những xúc cảm cần có.

Sử dụng liên tưởng và trí tưởng tượng hình dung trước hành động và kết quả hành động có giúp hay không giúp thỏa mãn nhu cầu, nhờ vậy, các xúc cảm tương ứng được hình thành.

Sử dụng suy luận lôgic để đánh giá trước hành động và kết quả của hành động có giúp hay không giúp thỏa mãn nhu cầu, nhờ vậy, các xúc cảm được hình thành.

Về việc sử dụng tư duy cá nhân để điều chỉnh xúc cảm, P. Anôkhin nhận xét: *“Để không làm nảy sinh các xúc cảm có hại, phải đặt trí tuệ và lôgic vào giữa kích thích (nguồn tạo ra xúc cảm có hại – người viết giải thích) và xúc cảm”*.

7) Động viên, khuyến khích, khen thưởng, kỷ luật, trừng phạt

Động viên, khuyến khích, khen thưởng giúp cá nhân thỏa mãn nhu cầu hơn, cá nhân có thêm xúc cảm dương, từ đó cá nhân có thể tăng cường các hành động đã có hoặc có thêm các hành động mới.

Kỷ luật, trừng phạt làm cá nhân không thực sự thỏa mãn nhu cầu, hình thành trong cá nhân xúc cảm âm, từ đó, cá nhân chấm dứt những hành động tương ứng với các xúc cảm âm.

8) Giáo dục

Đây là một đề tài rất quan trọng và rất lớn. Người viết không chỉ nhiều lần quay

trở lại đề tài này mà còn dành cho giáo dục một mục riêng.

Nếu để ý, bạn đọc sẽ thấy, trong các cách tạo xúc cảm nói trên, có những cách cá nhân có được xúc cảm sau khi cá nhân hành động (ví dụ, cách 3) và có những cách có được xúc cảm trước khi hành động (ví dụ, cách 6). Trong nhiều trường hợp, để có xúc cảm sau khi hành động, có khi phải trả giá đắt do hành động sai. Ví dụ, sau khi bị tai nạn giao thông mới có xúc cảm dương đối với việc chấp hành luật an toàn giao thông thì đã muộn. Do vậy, trong những trường hợp có thể, cần dùng những cách tạo xúc cảm trước khi hành động. Những xúc cảm này sẽ thúc đẩy các hành động đúng, tránh được những hành động sai chịu nhiều tổn thất không đáng có.

Ngoài những cách tạo xúc cảm vừa nêu, bạn đọc còn cần chú ý những đặc điểm của xúc cảm, đặc biệt, những cái liên quan đến các quy luật của xúc cảm (xem mục 4. *Xúc cảm cá nhân*).

Dưới đây, người viết dẫn ra một số câu chuyện minh họa các cách tạo xúc cảm cá nhân kèm theo các nhận xét.

☉ Có câu chuyện cổ tích kể rằng:

Ngày xưa, ngày xưa, một gia đình rất giàu, chỉ có một cậu con trai. Hồi nhỏ, cậu được cha, mẹ, người làm cưng chiều hết mức, đòi gì được nấy, không phải học hành gì cả. Lớn lên, cậu cũng không phải làm việc gì, cần bao nhiêu tiền ăn chơi đều được bố mẹ cung cấp đầy đủ.

Thời gian trôi đi, một hôm ông bố gọi cậu con trai đến và nói: “*Bố, mẹ bây giờ đã già, nhà ta tuy giàu thật nhưng con chưa tự kiếm được tiền. Gia tài bố mẹ để lại, miếng ăn núi lở, đến lúc nào đó con ăn hết, con phải đi ăn mày. Bố, mẹ ở dưới suối vàng không thể thanh thản. Con hãy đi học lấy một nghề, tự kiếm tiền và mang tiền về cho bố, mẹ xem. Có vậy, bố, mẹ nhắm mắt, xuôi tay mới thấy yên tâm*”.

Bà mẹ thương con, lén đưa tiền cho con và nói: “*Con cầm tiền này đi chơi đâu đấy. Một thời gian sau quay về, con đưa số tiền còn lại cho bố, nói đấy là tiền con kiếm được. Học hành, làm lụng làm gì cho khổ*”.

Chàng trai y lời mẹ. Một thời gian sau, chàng quay về đưa tiền cho bố: “*Thưa bố đây là tiền con làm*”. Ông bố cầm nắm tiền nói: “*Đây không phải là tiền con làm*” và ném tiền vào đồng lửa. Tiền bốc cháy còn chàng trai đứng yên.

Chuyện cứ thế xảy ra nhiều lần. Cho đến khi bà mẹ thấy không thể cho con tiền mãi được, nên nói với con: “*Bố đúng đấy con ạ, bây giờ mẹ không cho con tiền nữa. Con phải học lấy một nghề và tự kiếm tiền đi*”.

Lần này chàng trai phải bỏ nhiều công sức, mồ hôi để có được một nghề và làm việc chăm chỉ để nhận những đồng tiền lương đầu tiên. Chàng vui mừng quay về gặp bố: “*Thưa bố, đây là tiền con làm*”. Ông bố lại nói: “*Đây không phải tiền con làm*” và ném tiền vào đồng lửa. Chàng trai không còn đứng yên, chàng trai xông lại sát đồng lửa, chịu bỏng, hai bàn tay gát củi cháy, than hồng, giặt lại những đồng tiền. Bấy giờ, ông bố mới âu yếu ôm lấy chàng trai và nói: “*Đây mới đúng là tiền con tự kiếm được*”.

Nhận xét:

Trước đây chàng trai tiêu tiền do bố mẹ cho. Chàng trai biết giá trị đồng tiền, có thể ăn gì, tiêu gì, chơi gì. Nhưng chàng trai chưa có xúc cảm mấy về đồng tiền nên

chàng trai đứng yên nhìn những đồng tiền bốc cháy. Tình hình thay đổi, khi chàng trai phải bỏ nhiều công sức mồ hôi để kiếm tiền. Chàng trai bây giờ biết quý (xúc cảm) đồng tiền, thành quả lao động của mình. Chàng không thể nào đứng yên nhìn những đồng tiền của mình bốc cháy. Xúc cảm mới đã thúc đẩy chàng trai hành động mang tính anh hùng “*chịu bỏng hai bàn tay, gạt củi cháy, than hồng, giật lại những đồng tiền*”. Việc tự trải qua (cách tạo xúc cảm 3) đã giúp chàng trai có xúc cảm mới. Qua ví dụ này, chúng ta cũng thấy, rõ ràng xúc cảm với đồng tiền kiếm được nhờ mồ hôi nước mắt của chính mình khác nhiều so với xúc cảm tiêu tiền của người khác như tiền bố mẹ cho, tiền đóng thuế của người dân...

⊙ Khi sống ở New York, văn hào Anh Somerset Maugham thường xuống khu Ritz Carlton. Một hôm tôi thổ lộ với ông ta là tôi rất tò mò về món đồ trông có vẻ hoàn toàn xa lạ, không phù hợp với khung cảnh bài trí trong phòng của ông: Một cái tách cũ kỹ có nút một đường. Maugham mỉm cười đáp: “*Chính nó giúp tôi nhớ lại rằng, những lợi ích, những tiện nghi lớn nhất trên đời lại là những cái gì đơn giản nhất và cũng lại bị xem thường, đánh giá thấp nhất chỉ vì chúng ta cho đó là điều quá tự nhiên*”.

Và ông kể tiếp cho tôi nghe câu chuyện về cái tách nút ấy. Vào năm 1940, khi nước Pháp bị quân Đức quốc xã chiếm đóng, vài trăm công nhân Anh sống ở vùng Côte d'Azur được gửi trả về quê hương trên hai chiếc tàu chở hàng loại nhỏ. Tàu phải chạy quanh co ngoằn ngoèo để khỏi bị tàu ngầm địch phát hiện.

Hai chiếc tàu nhỏ chở quá nhiều người nhưng không mang theo đủ lương thực, vì vậy phải phân phối cho mỗi người một ít. Mất mọi người đều đồ ngẫu, áo quần bẩn thỉu, nhất là ai cũng cảm thấy khát nước..., phải xếp hàng nối đuôi lĩnh phần lương thực nghèo nàn của mình.

Chính cái tách nút đó – Maugham vừa trở ngón tay vừa nói – tôi đã dùng nó để đựng khẩu phần nước vô cùng ít ỏi của mình... Bây giờ mỗi lần mơ đến những món ăn cao lương mỹ vị, mỗi lần ước được trầm mình trong khung cảnh tràn ngập tiện nghi, hoặc những lúc thêm khát đóng vai một nhân vật tối quan trọng, tôi liền đem cái tách nước cũ kỹ đặt nó dưới vòi nước. Và từng hớp từng hớp một, tôi uống một cách chậm rãi. Bỗng chốc các mộng ước viễn vông biến mất, tôi liền trở về với thực tại.

(Bài “*Cái tách kỳ diệu*” của Thanh Thanh, báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật, ra ngày 31/1/1999).

Nhận xét:

Nhà văn Anh Somerset Maugham đã dùng trí nhớ, hồi tưởng lại thời kỳ gian khổ trong Chiến tranh thế giới thứ hai để làm sống lại xúc cảm (cách 6) và sử dụng xúc cảm đó để ngăn chặn những hành động thực hiện các mộng ước viễn vông.

⊙ Mẹ kính nhớ!

Sau những tháng ngày miệt mài học tập, cuối cùng, con đã cầm được trên tay tấm bằng C Anh văn. Con sung sướng đến không cầm được nước mắt. Mẹ biết không? Tấm bằng ấy, đối với mọi người, nó chẳng là gì cả. Nó không quan trọng bằng bằng đại học, bằng giáo sư, tiến sĩ... Nhưng đối với con, nó là tất cả, nó mang một ý nghĩa đặc biệt... Là cả quá trình con học tập và đấu tranh giành giật giữa phần “con” với phần “người” để chống lại những cám dỗ của cuộc đời. Trước kỳ thi, người ta bảo con hãy đưa cho họ vài trăm ngàn để biết đề thi hay nói một cách khác: Mua đề. Vài trăm ngàn

không phải là số tiền lớn. Vả lại con nghe nói đề thi rất khó, con sợ với trình độ của mình thì cố gắng mấy cũng không đậu. Con không đủ tự tin. Và con... con đã có ý định đó. Con thật là xấu, phải không mẹ?

Con nghĩ ra đủ lý do để biện hộ cho ý định tồi tệ của mình. Con nghĩ thật là bất công nếu mình phải vất vả học bài trong khi người ta chỉ cần bỏ ra vài trăm ngàn – cái giá quá rẻ để có được tấm bằng. Nếu có được bằng C con sẽ yên tâm học những cái khác hoặc học cao hơn nữa... Cứ như thế, suy nghĩ của con chìm dần trong những cảm dỗ và con đã chuẩn bị tiền đi nộp.

Đột nhiên, con nghĩ đến mẹ, con nghĩ đến nụ cười hiền từ của mẹ. Rồi con ghê tởm chính bản thân mình. Phải, mẹ cho con ăn học, nhưng mẹ đâu dạy cho con làm những điều tồi tệ như thế? Bây giờ, chỉ là số tiền nhỏ, nhưng thói quen ấy, tính ỷ lại lại vào đồng tiền ấy mai sau sẽ ngấm dần vào con, 1 lần... 2 lần... Cứ thế, con trượt sâu vào lối mòn mà không hay biết. Cầm cái bằng trên tay, đó đâu phải là công sức của con? Bằng cấp, tri thức được đánh đổi bằng đồng tiền, con cũng sẽ bị xã hội đào thải.

Rồi con sẽ ra sao đây khi tất cả mọi người đều nhìn con bằng ánh mắt khinh bỉ: *“Nó có giỏi giang gì đâu, chỉ giỏi đi mua đề!”* Lúc ấy, chắc con chẳng còn mặt mũi nào để quay về nhìn mẹ nữa. Nghĩ đến đây, con chợt rùng mình vì hổ thẹn. Thà thi rớt nhưng lòng thanh thản còn hơn là đậu mà bạn bè xa lánh mình. Và con tìm mọi cách để quên đi cái ý nghĩ đen tối.

Cho đến hôm nay, bằng chính sức lực bản thân, con đã làm được điều mà con mong muốn, mẹ ạ! Tấm bằng con cầm trên tay là minh chứng cho sự trưởng thành của con gái mẹ. Là cuộc đấu tranh giữa cái xấu và cái tốt trong con. Phải, mẹ ơi, con gái mẹ đã vượt qua chính mình, vượt qua được khoảnh khắc mà con thấy lòng mình yếu đuối nhất. Điều quan trọng hơn cả là con đã vượt qua được những cảm dỗ đầu tiên trong đời rồi đấy...”.

(Bài *“Vượt qua cám dỗ”* của Hồ Thị Phương Mai, lớp báo chí 2, Trường đại học khoa học xã hội nhân văn, báo Người Lao Động, ra ngày 18/10/2005).

Nhận xét:

Trong cô gái có các xúc cảm đấu tranh với nhau. Đây là xúc cảm thúc đẩy hành động *“mua bằng”* và xúc cảm thúc đẩy hành động *“thi một cách trung thực”*. Xúc cảm nào thắng? Ở đây cô gái đã sử dụng trí nhớ nghĩ về mẹ yêu dạy cô làm những điều tử tế. Rồi cô gái sử dụng tưởng tượng *“nếu mình mua bằng thì sao?”*, thì sẽ bị mọi người lên án, tẩy chay, kể cả mẹ mình. Như vậy, nhu cầu của cô gái được những người khác kính trọng, yêu mến (xem mục 3.1. *Nhu cầu cá nhân*) không được thỏa mãn. Từ đó, xúc cảm âm đối với việc *“mua bằng”* được tạo ra. Cô gái quyết định thi một cách trung thực, nhận được bằng C Anh văn, sung sướng đến không cầm được nước mắt. Xúc cảm dương của cô gái đối với các hành động trung thực thêm một lần nữa được củng cố. Ở đây chúng ta có thể thấy cô gái sử dụng tư duy (cách 6) và tính chất của xúc cảm: Xúc cảm có khả năng điều khiển xúc cảm.

☉ Gia đình nhà hàng xóm mới dọn về gần nhà tôi là hai vợ chồng với hai con, một đang học lớp 10 và một học lớp 5. Tôi để ý, hàng ngày mỗi khi chị đi làm về, con gái út chị dù đang làm việc gì hay đang chơi đâu đó, cũng đều chạy ra đón mẹ với câu chào: *“Mẹ đi làm có vui không?”*. Người mẹ luôn cười thật tươi, dang tay ôm lấy con

gái. Rồi hai mẹ con ríu rít vào nhà, rôm rả đủ thứ chuyện. Câu chào của cháu lâu dần như một cái đồng hồ báo cho tôi biết kim trên đồng hồ đã chỉ đúng 17g30.

Khi thân nhau, tôi hỏi chị: *“Chị tập cho cháu hay tự cháu biết nói câu chào mẹ đó?”*. Chị trả lời: *“Lúc trước, gia đình tôi ở với bà ngoại. Mỗi khi ông ngoại đi làm về, bà đều chào ông như vậy, cháu nghe riết nhập tâm và bắt chước luôn”*. (Bài *“Voi nổi nhọc nhằn”* của Tâm An, báo Phụ Nữ, ra ngày 27/9/2005).

○ Một buổi chiều tôi đến chơi nhà cô bạn thân. Đang ngồi trò chuyện thì bé Tin – con trai mới 4 tuổi của bạn từ trong phòng đi ra, trên tay cầm tờ báo Phụ Nữ. Sau khi chào tôi, cháu đến bên mẹ, giọng dõng dạc: *“Mẹ ơi, mẹ ra bưu điện gửi tiền cho bé này đi, tội nghiệp bạn quá, chắc bạn đau lắm”*. Vừa nói, cháu vừa chỉ tay vào mục *“Đừng quên họ”* trong tờ báo, nơi có ảnh một em bé trạc tuổi cháu đang nằm khóc trên giường bệnh.

Thấy tôi có vẻ ngạc nhiên, mẹ cháu giải thích: *“Hôm trước, có lần xót xa cho một đứa bé bị phỏng cần được giúp đỡ, mình dắt cháu ra bưu điện gửi một ít tiền. Từ đó, mỗi lần thấy trong nhà có báo mới là cháu lật ngay trang ấy (nơi có ảnh người bệnh), bảo mình phải gửi tiền giúp, dù cháu chưa biết đọc chữ”*.

Tôi mừng khi nhận ra một thói quen tốt hình thành trong cậu bé, bắt nguồn từ thái độ sống của người mẹ.

(Bài *“Gốc rễ lòng nhân ái”* của Nguyễn Đào, báo Phụ Nữ, ra ngày 30/9/2005).

Nhận xét:

Trong cả hai câu chuyện, xúc cảm được hình thành theo cách 2. Bé gái trong câu chuyện thứ nhất bắt chước ông, bà mình, còn xúc cảm và hành động của bé trai trong câu chuyện thứ hai có thể được coi là do mẹ truyền dạy, lây nhiễm.

○ Một buổi chiều, con gái tôi từ trường trở về, mắt long lanh ngấn nước, kể cho tôi nghe cái chết đột ngột do tai nạn giao thông của người cha một cậu bạn cùng lớp. Cuối cùng, bằng một giọng xúc động, con bé kết luận: *“Hạnh phúc thật mong manh mẹ nhỉ. Trước khi đến trường, bạn ấy có cả một gia đình hạnh phúc. Vậy mà chỉ sau vài tiết học, khi về nhà đã trở thành đứa trẻ mồ côi!”*... Những ngày sau đó, cháu siêng làm việc nhà và tỏ ra dịu dàng, dễ thương hơn rất nhiều trong cư xử đối với cha mẹ và các em.

“Ước gì con bé cứ mãi hiểu được điều thiêng liêng đó! Ước gì nó luôn ghi nhớ rằng, cái hạnh phúc bình dị mà nó đang được hưởng mỗi ngày – một mái ấm gia đình với cha mẹ và anh chị em sum họp đủ đầy – không phải là bất biến và không phải ai cũng may mắn có được trong cuộc đời” – tôi thầm cầu mong như vậy.

(Bài *“Hạnh phúc mong manh”* của Nguyễn Thị Xuyên, báo Phụ Nữ Chủ Nhật, ra ngày 27/7/1997).

Nhận xét:

Sự thay đổi hành động của cháu gái như *“siêng làm việc nhà, tỏ ra dịu dàng, dễ thương hơn rất nhiều trong cư xử đối với cha mẹ và các em”*, là do cháu gái có được xúc cảm mới càng thêm yêu quý những gì mình đang có. Xúc cảm này hình thành do cháu gái đã liên tưởng, tưởng tượng (sử dụng tư duy) từ trường hợp *“cái chết đột ngột do tai nạn giao thông của người cha một cậu bạn cùng lớp”*.

⊙ Anh trai tôi trước khi đi bộ đội thường làm cha mẹ tôi phải phiền lòng vì cái tính ưa lêu lổng và hay cãi lời mẹ. Sau đó, từ chiến trường, anh gửi về cho mẹ những lá thư với lời lẽ dào dạt yêu thương: *“Càng nghĩ, con càng ân hận vì đã làm khổ mẹ quá nhiều. Con chỉ mong chiến tranh chóng chấm dứt để được về chuộc lại lỗi lầm xưa...”*. Thế nhưng, khi chiến tranh kết thúc, anh trở về thì mẹ chỉ còn là nắm đất lạnh lẽo trong nghĩa địa của dòng họ! Ngày đó, tôi đã phải trải qua một nỗi đau quặn ruột khi thấy anh quỳ gối lặng lẽ cúi đầu trước nắm mồ của mẹ hàng giờ đồng hồ, toàn thân rung lên từng đợt, từng đợt trong những tiếng nức nở nghẹn ngào mà không nói nổi một lời tạ lỗi với vong linh của mẹ.

Hơn 20 năm trôi qua. Trên đầu anh tóc trắng giờ đã nhiều hơn tóc đen, vậy mà mỗi lần nhắc đến mẹ, anh vẫn lặng người trong nỗi xót xa ân hận vì ngày xưa đã không biết quý trọng những năm tháng được sống bên mẹ.

(Bài *“Hạnh phúc mong manh”* của Nguyễn Thị Xuyên, báo Phụ Nữ Chủ Nhật, ra ngày 27/7/1997).

Nhận xét:

Trí nhớ về những việc mình làm phiền lòng cha mẹ làm người anh trai trở nên ân hận, mong có những hành động chuộc lỗi lầm. Mọi việc trở nên không làm được khi anh trở về thì mẹ đã mất. Chúng ta hy vọng rằng lòng yêu mẹ, nỗi ân hận của anh sẽ chuyển hóa thành những xúc cảm thúc đẩy những hành động tốt.

⊙ Cô bạn thân của tôi có cuộc sống gia đình hòa thuận, ấm êm đến độ không ít người trong số chúng tôi phải mơ ước. *“Vợ chồng mình hạnh phúc chẳng qua là do biết thương yêu, nhường nhịn nhau mà thôi – bạn tôi giải thích – Thế nhưng, ngay cả cái điều đơn giản đó chúng mình cũng chỉ đúc kết được sau 5 năm chung sống đây... cãi cọ, giận hờn, khi cả hai tình cờ phải chứng kiến sự chia ly đớn đau của một cặp vợ chồng trẻ do căn bệnh hiểm nghèo mà người vợ không qua khỏi. Từ đó, chúng mình mới hiểu một cách thấm thía rằng, hạnh phúc thật mong manh và con người ta có thể phải vĩnh viễn chia tay nhau bất kỳ lúc nào vì một lý do nào đó, nằm ngoài ý muốn... Vậy thì, còn được sống bên nhau ngày nào, hãy hết lòng yêu thương nhau đi để sau này khỏi phải ân hận vì đã không biết sống những ngày đang sống!”*.

(Bài *“Hạnh phúc mong manh”* của Nguyễn Thị Xuyên, báo Phụ Nữ Chủ Nhật, ra ngày 27/7/1997).

Nhận xét:

Hai vợ chồng từng 5 năm chung sống trong đầy cãi cọ, giận hờn đã thay đổi xúc cảm dẫn đến thay đổi hành động giúp cuộc sống vợ chồng hạnh phúc hơn. Sự thay đổi xúc cảm có được là do hai vợ chồng chứng kiến (cách 4) chuyện chia ly đau đớn của hai vợ chồng trẻ khác do căn bệnh hiểm nghèo mà người vợ không qua khỏi. Họ càng trở nên trân trọng những ngày còn được sống bên nhau và sống hết lòng yêu thương để không phải ân hận (tưởng tượng).

⊙ Con đã học lớp 3 nhưng anh chưa bao giờ dám vào trường của con. Mọi việc đưa đón con đều là việc của chị, bởi chị biết lái xe và bởi anh bị hỏng mắt... Anh tưởng tượng nếu bạn bè của con biết được anh bị mù... thì một lúc nào đó chúng sẽ đem cái sự thiếu may mắn của anh ra mà trêu chọc con anh. Và điều anh lo sợ nhất là con anh cảm thấy e ngại vì cha mình bị mù...

Anh rủ con đi mua sách. Con bé mê sách lắm nên nhận lời ngay. Buổi tối, chị phải buồn bán nên hai cha con sẽ đi với nhau và đây cũng là lần đầu hai cha con anh tự đi với nhau. Anh tin con mình biết cách dắt anh đi giữa các quầy sách. Cơm tối xong, trong lúc đánh răng anh tranh thủ bảo con: “Con thay áo quần rồi đi nha...”.

Con bé có vẻ ngần ngừ: “*Nhưng ba phải trả lời cho con câu hỏi này... – rồi nó hỏi luôn – Ba đi với con ba có thấy kỳ không?*”. Anh bắt đầu lúng túng, những lúc như vậy anh thường đưa ra các câu hỏi ngược lại: “*Vậy dắt ba đi, con có thấy kỳ không?*”. “*Dạ có – nó đáp ứng – Mỗi lần dắt ba đi con thấy mọi người nhìn con chằm chằm, con ngại lắm...*”.

Nó im lặng sau câu nói. Lúc ấy anh nhớ đến Mai, cô bạn xe lăn đã quá cố của mình. Có lần Mai tâm sự với anh: “*Em có thể vượt qua mọi thứ được. Chỉ sợ nhất cái nhìn của mọi người. Mỗi khi thấy có người khuyết tật là hàng trăm đôi mắt chằm chằm nhìn. Lúc ấy em chỉ muốn có phép tàng hình. Vào lớp, họ nhìn em. Đến siêu thị, họ nhìn em. Trong quán ăn, họ nhìn em. Cái nhìn tò mò, soi mói của đám đông chẳng kiêng nể gì ai*”. Giờ đến con gái của anh. Nó cũng e dè, sợ hãi cái nhìn của đám đông... Chân anh run lên, bàn chải thiếu điều muốn rời khỏi tay. May mà lúc ấy anh đang đứng trong buồng tắm nên con bé không thấy sự bối rối này của anh.

Đánh răng xong, anh bình tĩnh nói với con: “*Con ơi, người ta nhìn con nhưng người ta nghĩ gì con có biết không? Người ta đang cười con vì ba của con bị mù hay người ta cảm phục vì con còn nhỏ mà biết chăm sóc cho ba. Người ta nhìn con ngạc nhiên nhưng ấy là thương hay ghét, là kính nể hay khinh thường... Con có biết không?*”. Anh ôm con vào lòng rồi nói tiếp: “*Đi chơi với ba nha. Sẽ có nhiều người nhìn con nhưng con đừng ngại. Họ đang tán phục con gái của ba. Họ nói con bé này có hiếu quá chừng. Con tin lời ba không? Khi thấy ai đang nhìn con hãy cười chào họ, họ sẽ cười lại với con ngay. Con thử nói với họ là “Ba em nè”. Ba chắc là họ sẽ khen: “Em ngoan quá...”*”.

Con bé vùng khỏi tay anh chạy đi thay áo quần. Ở nhà sách, hai cha con có được vài người bạn mới nhờ nụ cười ngây thơ của con bé. Một chị khách hàng còn xoa đầu nói với con bé: “*Cháu ngoan quá, bữa nào cháu sang nhà cô chơi với con của cô nhé. Ủ, con cô sẽ thích cháu lắm đấy...*”.

Trên đường về anh hỏi con: “*Hôm nay con mặc áo đẹp lắm sao nhiều người tới làm quen cha con mình vậy?*”. “*Dạ không, tại con cười với họ đấy. Đi với ba còn hơn mặc áo đẹp nữa đó...*”. Anh lắc nhẹ tay con và nói: “*Không phải vì ba, vì lòng hiếu thảo và nụ cười của con đấy*”.

(Bài “*Con mắt của đám đông*” của Trần Bá Thiện, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 19/3/2011).

Nhận xét:

Người cha bị hỏng mắt đứng trước bài toán phải làm sao cho con mình không ngại dắt mình ở ngoài đường, nơi người ta thường nhìn hai cha con chằm chằm không mấy thiện cảm. Người cha đã giải thích và giúp con tưởng tượng về phía khía cạnh tốt đẹp của công việc: Con có hiếu với cha tạo nên sự chú ý của mọi người và mình phải cười chào họ. Điều này làm thay đổi hành động người con: Từ chỗ ngại ngùng sang chỗ cười thân thiện với mọi người và được đáp lại, tạo nên sự hài lòng (xúc cảm dương) đối với việc dẫn cha ngoài phố.

⊙ Mấy ngày nay, dư luận xôn xao bàn tán chuyện ba em học sinh rủ nhau tự tử, làm tôi nhớ lại năm tôi học lớp 10...

Ngày ấy, là một học sinh giỏi toán, tôi được giáo viên chủ nhiệm giao trọng trách hằng tháng tổng kết điểm cho cả lớp. Chẳng may quyển sổ điểm của lớp không cánh mà bay đúng vào ngày tôi làm sổ. Thế là dưới con mắt của thầy chủ nhiệm, tôi trở thành thủ phạm. Buồn vì không thanh minh được cho mình, tôi không đến lớp một hôm. Nào ngờ sau đó gặp tôi thầy nói: *“Có học vấn mà không có đạo đức sẽ trở thành tai họa. Những người như thế không học sẽ tốt hơn”*. Như bị một gáo nước lạnh tạt vào mặt, tôi ôm cặp bước ra khỏi lớp và không bao giờ có mặt trong tiết học của thầy. Thầy cũng không quan tâm đến điều này, chẳng báo cáo với ban giám hiệu, cũng không thông tin cho cha mẹ tôi biết. Thầy chỉ làm mỗi việc: Ghi vào sổ điểm của tôi một con số không to tướng khi tôi vắng mặt.

“Lòng bao dung của ông đã xóa nhòa trong tôi những ký ức đau buồn, cho tôi quên đi người thầy với những con số không nghiệt ngã, quên bản án kỷ luật đã đẩy tôi ra khỏi ước mơ đẹp nhất của một thời, quên luôn ông quản giáo dẫn giải tưởng như đã dập tắt niềm tin trong lòng tôi”...

Hằng tuần có hai tiết văn, đương nhiên tôi nhận hai con số không. Một tháng với tám con số không, tôi bị xếp hạng ở vị trí cuối lớp. Có lúc tôi đã muốn tìm đến cái chết để chứng minh cho sự trong sáng của mình, nhưng tôi đã kịp ngộ ra: *“Chết là hết, chết có khi còn là một sự sỉ nhục ghê gớm!”*. Từ đó, tôi lao đầu vào học môn văn mà không cần đến lớp. Kết quả hai đợt thi học kỳ, điểm văn của tôi dẫn đầu toàn khối lớp 10, trước sự thán phục của bạn bè, mặc cho thầy chủ nhiệm vẫn xem tôi không phải là thành viên của lớp.

Tốt nghiệp phổ thông vào thời điểm nước nhà vừa thống nhất, tôi thi vào trường sư phạm. Nào ngờ một lần nữa cái vòng oan nghiệt vẫn không tha, tôi bị đuổi học vì đã dám bẻ gãy tay con gái của thầy hiệu trưởng, khi cô ấy đập vào đầu tôi, do nghi ngờ tôi có quan hệ với người yêu của cô ấy.

Sau lần ấy, tôi trở về nhà với cái đầu lạnh băng, vô cảm. Những vết thương lòng đầu đời nhức nhối đã biến trái tim tôi thành sắt đá. Tôi lao vào thương trường, sẵn sàng bất chấp mọi thủ đoạn để đạt được những mục đích mà tôi muốn. Tôi không hay đó lại chính là con đường dẫn tôi lún sâu vào tội ác, cho đến một ngày phải sa chân vào vòng lao lý, nhận bản án 10 năm.

Tôi lên trại cải tạo Kim Sơn – Bình Định vào một ngày trời mưa tầm tã. Chiếc xe thùng chở bốn phạm nhân nữ và hơn mười phạm nhân nam lăn bánh qua những con đường núi ngồn ngồn lầy lội. Tôi và những phạm nhân nam đều bị còng tay, chỉ có ba phạm nhân nữ còn lại vẫn son phấn rạng rỡ, vô tư cười nói với người quản giáo dẫn giải như những người tự do. *“Thế là hết!”* – tôi nhủ thầm như thế khi xe đến trại cải tạo Kim Sơn, khi nghe người quản giáo dẫn giải nói với những phạm nhân nữ đi cùng: *“Tôi đã gửi gắm các em rồi, yên tâm nhé!”*. Ông quay sang tôi, lạnh lùng: *“Cố gắng mà cải tạo, lên đây mà không biết điều là khó sống lắm!”*.

Tôi nhập trại được vài ngày thì xảy ra chuyện một phạm nhân nam treo cổ tự tử. Nhiều người nói *“hắn có HIV”*, tôi cãi: *“Ai mà chẳng ham sống. Trừ khi chịu không nổi cuộc sống khổ ải người ta mới phải chọn cái chết”*. Tay đội trưởng nghe được quát: *“Thế nào là khổ ải?”*, vừa nói hắn vừa gọi thư ký lập biên bản câu nói tiêu cực của tôi để trình cán bộ. Ngay hôm sau, tôi được lệnh nghỉ lao động để gặp cán bộ. Ngay lúc ấy tôi đã nghĩ đến một chiếc thông lọng cho mình.

Thế nhưng, người tôi gặp hôm ấy là phó giám thị trại, thầy Đặng Hữu Vinh. Người đã đưa tôi trở về từ côi chết. Tôi nhớ lần đầu tiên gặp thầy, vừa trông thấy tôi ông đã cười, bàn tay chỉ về khu vườn giữa trại: *“Chị xem kia, vạt cúc vẫn nở được những nụ hoa, dù bị trận mưa dữ dội hôm nọ vùi dập”*. Tôi nhìn theo hướng tay ông chỉ, bao nhiêu thấp thỏm, lo âu trôi mất, lòng nhẹ nhõm khi nhìn những bông cúc vàng rực rỡ trong nắng. Rồi như một nhà hiền triết, ông tiếp: *“Đời người như một dòng sông. Có lúc sông êm đềm xanh ngắt, có lúc lại đục ngầu vì mưa lũ, thế nhưng sau mỗi trận mưa lũ dòng sông lại bồi đắp phù sa cho đất đai thêm màu mỡ. Đời người cũng vậy, đừng vì những trắc trở, thất bại mà nghĩ rằng đời mình đã hết. Hãy xem đó là những thử thách, mỗi lần vượt qua được một thử thách là đã khám phá thêm được một bài học làm người thiết thực nhất”*. Tôi giật mình nhìn ông, hình như ông đã đọc được suy nghĩ của tôi, đã bao lần tôi nghĩ *“thế là hết”*.

Từ hôm ấy, ông là ngọn đèn soi đường cho tôi đi. Suốt một chặng đường dài cải tạo, khi tôi gặp những khó khăn, gian khổ, hình ảnh của ông lại hiển hiện với lời nói văng vẳng: *“đó chỉ là những thử thách...”*. Tôi quên hết những gì tồi tệ nhất đã xảy đến trong cuộc đời mình, để vui vẻ tiếp nhận những điều mới mẻ, tốt đẹp hơn bằng niềm hi vọng, nghị lực mà ông đã truyền cho tôi qua những bài học. Có lúc ông dạy chúng tôi ngay vườn hoa của trại, có lúc chỉ là một câu chuyện bình thường trên hiện trường lao động.

Biết tôi từng học ở trường sư phạm, ông điều tôi sang phụ trách lớp xóa mù chữ cho phạm nhân. Đó là lần đầu tiên tôi được đứng trên bục giảng, được những người bạn tù gọi là cô giáo. Và cả ông, ông cũng gọi tôi là cô giáo khi ông đến kiểm tra lớp học... Lúc ấy, tôi chỉ muốn vòng tay đứng trước mặt ông mà nói rằng: *“Thưa thầy, con đội ơn thầy. Thầy đã đưa con trở về từ côi chết”*. Chỉ một câu ngắn ngủi thế thôi, vậy mà tôi vẫn chưa nói được.

Hôm nay tôi viết bài này bằng tấm lòng tri ân gửi đến thầy, và bằng cả ước mơ sâu xa nhất, được gặp lại thầy để có dịp thưa với thầy điều tôi chưa nói được: *“Thầy ơi! Con đội ơn thầy, thầy đã đưa con trở về từ côi chết”*.

(Bài *“Người về từ côi chết”* của Đỗ Thị Minh Thủy, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 19/5/2012).

Nhận xét:

Cô gái không chỉ gặp xui xẻo khi quyền sở điểm của lớp bị mất, các nhu cầu được an ủi, chia sẻ của mình không thỏa mãn mà còn bị những hành động của thầy chủ nhiệm... làm cho chán ghét (các xúc cảm âm) đối với cuộc đời này và đã có những lúc nảy ra ý định tự tử. Cho đến khi gặp phó giám thị trại, thầy Đặng Hữu Vinh, được thầy tôn trọng, chia sẻ, giải tỏa một cách có lý lẽ những điều đang làm cô gái bế tắc, tạo việc làm hữu ích. Cô gái được động viên (cách 7). Các nhu cầu của cô gái dần thỏa mãn, tạo nên các xúc cảm dương hài lòng, cô bỏ ý định tự tử và quyết tâm làm lại cuộc đời. Ở đây cần phải kể đến cái tài của thầy Đặng Hữu Vinh “đọc” được các xúc cảm (qua đó là các nhu cầu) của cô gái ngay trong lần gặp đầu tiên để có biện pháp thích hợp điều chỉnh xúc cảm của cô gái, giúp ngăn cản các hành động xấu và động viên, khuyến khích các hành động tốt.

⊙ Tuần rồi, trường tôi – Adelaide High School (Nam Úc) – tổ chức một buổi học về tai nạn giao thông cho học sinh khối 12. Buổi học này được tổ chức bởi lực lượng cứu hỏa đô thị.

Trực quan với những chiếc xe bị tai nạn giao thông dúm dỏ

Năm 2008, số người chết vì tai nạn giao thông (TNGT) ở Nam Úc là 99 người. Một năm sau, số người tử nạn vì TNGT tăng lên 119. Dân số ở Nam Úc khoảng 2 triệu người, bằng 1/40 Việt Nam.

Có thể tránh được TNGT

Người hướng dẫn buổi học là một lính cứu hỏa có biệt danh Rocket (tên lửa). Ở đây, lính cứu hỏa là người phải có mặt đầu tiên tại hiện trường một vụ TNGT. Rocket mở đầu buổi học bằng câu hỏi: *“Bạn muốn trở thành một người lái xe như thế nào? Có ba lựa chọn: Một là có trách nhiệm, hai là liều lĩnh và ba là hoàn toàn không có trách nhiệm”*.

Có ba nhóm chọn các phương án tương đương nhau. Rất nhiều học sinh không thấy được tính nghiêm trọng của câu hỏi mà chỉ cho là một câu nói vui. Tuy nhiên, chẳng ai phê phán các học sinh chọn phương án 2 và 3.

Chuyển sang hướng khác, một câu hỏi được đặt ra: Thế nào là tai nạn? Hầu hết học sinh cho rằng tai nạn là những điều không may mắn xảy ra mà không thể tránh khỏi. Từ đây, vấn đề TNGT được gợi lên rằng liệu đó có thật sự là tai nạn hay không. Màn hình chiếu hai clip ngắn về hai vụ TNGT để học sinh cùng phân tích. Không thể tranh cãi: Tất cả học sinh đều chấp nhận hai vụ TNGT đều có thể tránh khỏi được.

Thế thì tại sao “tai nạn” lại xảy ra? Một clip nữa được chiếu lên màn ảnh với tất cả hình ảnh chụp lại từ những vụ TNGT, lồng vào đó là bài nhạc Black Dress của Kisschasy về cảm xúc đau đớn khi một người thân mà mình yêu thương mất đi. Đến lúc này một số học sinh bắt đầu khóc.

Đó chỉ mới là khúc dạo đầu của buổi nói chuyện. Tiếp sau đó, học sinh được yêu cầu nhắm mắt lại và suy nghĩ về lý do của những cái chết không đáng có: Nghe nhạc, nói điện thoại khi lái xe chẳng hạn. Bản danh sách các lý do cứ kéo dài ra mãi và thật sự làm nhiều học sinh hoảng hốt.

Chúng tôi bắt đầu nhận ra chỉ một hành động thiếu suy nghĩ, một quyết định sai lầm là có thể lấy đi một mạng người.

Điều còn lại là nước mắt!

Phần thứ hai của buổi học là hậu quả và ảnh hưởng của TNGT, được chia làm ba phần: Cộng đồng và gia đình, người gây tai nạn và nạn nhân. Câu hỏi được đưa ra: Sau một TNGT có bao nhiêu người bị ảnh hưởng?

Chúng tôi đoán già đoán non chừng mười mấy người. Nhưng phân tích cho thấy số người bị ảnh hưởng lên đến hơn 200 người! Này nhé, một vụ tai nạn xảy ra nào chỉ có gia đình, người thân mà cả cảnh sát, lính cứu hỏa, y bác sĩ... đều phải vào cuộc. Rồi cảnh sát gõ cửa báo cho cha mẹ cái chết của con cái họ. Lại nhiều giọt nước mắt của học sinh.

Một đoạn clip khác được chiếu lên, một cô gái gốc Ấn với mái tóc đen và dày, đôi mắt thật sâu và đẹp. Nhưng đó chỉ là tấm hình của 10 năm trước.

Khi tắm hình hạ xuống ai cũng sốc. Vì đằng sau tấm hình ấy là một gương mặt dị dạng, không tóc, trắng bệch, một mắt đã mất và chiếc mũi bên cao bên thấp. Vào một kỳ nghỉ, cô đi dự tiệc với bạn mình và bị một chàng trai trẻ say xỉn tông phải. Anh ta không bị gì nhưng cái giá phải trả là phí hết 20 năm tiếp theo của cuộc đời trai trẻ trong nhà tù. Nạn nhân khóc và người gây tai nạn cũng khóc. Trong TNGT chẳng ai hơn ai thua, tất cả chỉ còn lại nước mắt!

Tôi muốn là người lái xe trách nhiệm

Ryan là một người đàn ông 32 tuổi - đã có một vợ hai con – di chuyển khó nhọc lên bậc. Từng lời chia sẻ của Ryan nặng trĩu những tiếc nuối, hối hận. Chỉ vì quá tự tin vào khả năng điều khiển mô-tô của mình, lái xe lúc 4 giờ sáng mà trong người còn chút hơi men của đêm hôm trước, Ryan đã vĩnh viễn trở thành người tàn tật vì mất hai chân.

Anh diễn tả sự khó khăn khi không thể kiểm soát được các cơ từ bụng trở xuống của mình. Mỗi buổi sáng, Ryan phải dậy sớm hơn mọi người một giờ chỉ để đi vệ sinh. Anh mang toilet và đưa cho mọi người xem cả những đồ bơm và ống cần phải đưa vào hậu môn mỗi lần đi vệ sinh mới đại tiện được. Ryan minh họa việc trèo lên - xuống ghế khó khăn như thế nào, trong khi chúng tôi chỉ cần thực hiện trong một cái chớp mắt động tác bình thường ấy.

Nhưng chừng ấy chưa phải là điều tồi tệ nhất. Ryan tâm sự anh mang một cảm giác tội lỗi khi nhìn vào mắt cha mẹ, sự dằn vặt khi thấy vợ thui thủi làm vườn một mình, nỗi buồn của một người cha khi thấy con gái nói chuyện với mẹ (anh phải nằm viện suốt một năm) chính là điều làm cho cuộc sống của anh thêm đau khổ. Chúng tôi cảm nhận được sự kinh hoàng do TNGT để lại là như thế nào.

Để kết thúc buổi nói chuyện, một clip cuối cùng được chiếu lên. Đây là clip mà ai cũng phải xem khi học lấy bằng lái xe ở Anh: Một nhóm bốn cô gái trên một chiếc xe hơi. Cô gái đang lái xe đã nhấn tin, rồi cười đùa với ba cô bạn của mình. Cô bị lạc tay lái, chiếc xe lệch qua một bên. Tai nạn. Cả ba cô bạn đều chết, riêng cô gái lái xe chỉ bị thương. Cô hét lên thất thanh rồi khóc. Tất cả từng cử động trong vụ tai nạn được chiếu chậm. Máu thịt nhầy nhụa. Nhưng vẫn chưa hết. Một chiếc xe khác theo sau chiếc xe của bốn cô gái đã không thắng kịp húc vào và phần đầu xe gần như nát bét. Khi lính cứu hỏa mở cửa ra, một cô bé khoảng 5, 6 tuổi liên tục hét lên: “*Con muốn bố mẹ thức dậy*”. Cô bé không biết rằng bố mẹ đã chẳng còn ở bên em kể từ giây phút đó. Bên cạnh, đứa em mới vài tháng tuổi cũng đã chết với đôi mắt mở to.

Buổi học kết thúc. Đến lúc này người ta hỏi trở lại câu hỏi ban đầu Bạn sẽ là người lái xe như thế nào trong tương lai? Tất cả các cánh tay giơ lên: Có trách nhiệm!

Có cảm xúc sẽ có trách nhiệm

Khi còn học ở VN (đến nửa năm lớp 11), tôi đã có vài lần được học về Luật giao thông do trường tổ chức. Tuy nhiên, các buổi học còn thiếu hấp dẫn và lý thuyết khô cứng. Tôi nghĩ muốn “*chặn đứng thảm họa giao thông*” (tên một chiến dịch truyền thông của Tuổi Trẻ), ngành giáo dục phải phối hợp cùng cảnh sát giao thông để tổ chức thử nghiệm những buổi học sao cho có cảm xúc hơn.

(Bài “*Một buổi học giao thông ở Úc*” của Huy Tường, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 19/7/2011).

Nhận xét:

Đây là một buổi học. Như vậy câu chuyện bạn vừa đọc liên quan đến giáo dục.

Buổi học đã “chạm” và tạo được xúc cảm đủ độ để tất cả những người học trở thành những người lái xe có trách nhiệm. Bạn để ý, các thông tin đưa vào bài giảng đã được chọn lựa một cách rất cẩn thận để nhắm đến thay đổi xúc cảm của người học (cách 5), từ đó thay đổi hành vi của người học.

8. Cá nhân và môi trường

8.1. Cá nhân trong tư cách là con người hiện đại

- Con người sống trong môi trường và tương tác với môi trường. Môi trường nói đến ở đây được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả tự nhiên, xã hội (gia đình, trường học, những người xung quanh, một cộng đồng, tổ chức xã hội nào đó...). Theo dõi suốt chiều dài lịch sử tiến hóa và phát triển của con người, chúng ta có thể thấy một số ý nổi bật, đan quyện với nhau như:

- Con người trong tư cách là động vật, dù ở bậc cao nhất của thang tiến hóa tự nhiên vẫn là sản phẩm của quá trình di truyền, biến dị và chọn lọc tự nhiên. Nói cách khác, con người có bản chất sinh học và các nhu cầu sinh học của mình.

- Cùng với lao động, ngôn ngữ, giao tiếp xã hội và sự phát triển của bộ óc, con người thường xuyên thực hiện chức năng nhận thức, biến đổi hiện thực khách quan cũng như chính bản thân mình. Nói cách khác, con người phải phản ánh, phản ứng lại với môi trường và tự rút kinh nghiệm cho bản thân mình.

- Con người tạo nên xã hội và thế giới nhân tạo không có sẵn trong tự nhiên nhờ các sáng chế (hiểu theo nghĩa rất rộng) của mình. Với thời gian, ảnh hưởng ngược lại của môi trường xã hội lên sự phát triển của con người càng ngày, càng mạnh hơn môi trường tự nhiên. Con người hiện nay phát triển không phải nhờ những đột biến, biến dị sinh học.

- Khoa học với vai trò nhận thức cùng các thành tựu của nó càng ngày, càng được coi trọng vì nó lấy thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý và là cơ sở tin cậy, trực tiếp của các sáng chế, giúp tăng cường sức sản xuất của xã hội một cách có hiệu quả.

- Xã hội loài người trải qua nhiều thời đại như nguyên thủy, phong kiến, tư bản (hoặc nói cách khác: Sản xuất hái lượm, nông nghiệp, công nghiệp, thông tin, sáng tạo – tri thức) với những thay đổi cách mạng về sức sản xuất (công nghệ), quan hệ sản xuất, các quan hệ người – người, ý thức xã hội của từng quốc gia, liên quốc gia và toàn cầu.

- Trong các yếu tố đóng góp vào sự phát triển kinh tế-xã hội, yếu tố con người càng ngày, càng được ý thức và tác động tốt hơn. Phát triển nguồn nhân lực được nhấn mạnh và thực hiện: Đi từ nguồn nhân lực được đào tạo các kỹ năng làm việc đến nguồn nhân lực sáng tạo biết cách giải quyết vấn đề và ra quyết định.

- Vai trò của giáo dục ngày càng được đánh giá là quyết định đối với sự phát triển. Sự đầu tư cho giáo dục (hiểu theo nghĩa rộng) ngày càng lớn, do nhân loại ý thức được tầm quan trọng của di truyền xã hội và sự cần thiết bồi dưỡng, chăm sóc

để những người được giáo dục, đào tạo có thể tạo ra các đột biến của tương lai.

– Hành vi của con người được xác định bởi sự tương tác các yếu tố di truyền của người đó với giáo dục và môi trường cụ thể. Các yếu tố di truyền, tuy xác định một số tính chất tâm lý bẩm sinh nhưng chính sự tương tác của hệ thống các tính chất tâm lý đó với các điều kiện, yếu tố xã hội (giáo dục, môi trường) mới giúp hình thành hoặc người tốt, hoặc người xấu (nhìn theo quan điểm phát triển).

– Mục đích phát triển càng ngày, càng mang tính nhân đạo hơn. Từ phát triển để phục vụ tầng lớp cầm quyền, giai cấp bóc lột, các quốc gia thực dân, đế quốc đến phát triển vì công dân, vì con người. Các khoa học nghiên cứu và phát triển con người càng có các điều kiện thuận lợi để hoạt động và phát huy tác dụng.

– Nói đến con người hiện đại, không thể không nói đến quyền con người, được ghi nhận trong nhiều văn kiện của Liên hiệp quốc. “Quyền”, theo cách giải thích trong từ điển, là điều mà pháp luật hoặc xã hội công nhận cho được hưởng, được làm, được đòi hỏi (xem Từ điển tiếng Việt, Viện ngôn ngữ học, Hoàng Phê chủ biên, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Trung tâm từ điển học, Hà Nội – Đà Nẵng, 1997).

Như vậy, quyền con người chính là các nhu cầu của con người được pháp luật, xã hội công nhận và cần phải được thỏa mãn.

• Nhân đây, người viết tóm tắt và trích một số ý liên quan, được nêu trong quyển sách *“Quyền con người: Các văn kiện quan trọng”* do Phạm Khiêm Ích chủ biên, Viện thông tin khoa học xã hội xuất bản, Hà Nội, năm 1998. Các văn kiện trong sách gồm các Tuyên ngôn và các Công ước Liên hiệp quốc mà Việt Nam đã gia nhập. Các bạn có thể tìm đọc sách nói trên để nghiên cứu chi tiết hơn.

Ý tưởng về sự tồn tại *“những quyền tự nhiên”* (những quyền vừa sinh ra đã có, là thuộc tính tự nhiên vốn có, chứ không phải do ban phát mà có) của mỗi người đã được nêu ra từ xa xưa. Marx và Engels nêu lên nguyên lý quan trọng đối với việc xem xét vấn đề quyền và tự do của con người: *“Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”*. Marx đặt ra câu hỏi vẫn còn mang tính thời sự đối với việc nhận thức quyền con người như giá trị toàn nhân loại: *“Lẽ nào lại không có bản tính phổ biến của con người?”*.

Phải đợi đến những thập niên cuối thế kỷ 18, khi chế độ quân chủ sụp đổ, nền cộng hòa dân chủ ra đời, những quyền tự nhiên của cá nhân con người không thể tước đoạt, mới được khẳng định; những nguyên tắc bảo vệ chúng trước quyền lực mới được xác lập vững chắc trong Tuyên ngôn độc lập của Mỹ năm 1776 và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp năm 1789. Bản Tuyên ngôn độc lập của Mỹ nêu lên nguyên tắc quyền lực thuộc về nhân dân: *“Để đảm bảo cho các quyền này, con người thiết lập ra các chính phủ và chính sức mạnh của các chính phủ này là xuất phát từ sự ưng thuận của nhân dân. Và khi một hình thức chính phủ nào đó trở nên đối nghịch với các mục đích trên thì nhân dân có quyền thay đổi hay phế bỏ chính phủ đó, và thiết lập một chính phủ mới, dựa trên nền tảng những nguyên tắc như vậy và tổ chức các quyền lực của mình theo hình thức nào đó để cho các quyền ấy có khả năng đảm bảo an ninh và hạnh phúc cho họ nhiều nhất”*. Nguyên tắc này về sau trở thành

cơ sở cho lý luận của A. Lincoln về “*Nhà nước của dân, do dân, vì dân*” và “... *các quyền con người phải được bảo vệ bởi một chế độ pháp quyền để cho con người không buộc phải nổi dậy chống lại sự tàn bạo và áp bức, như là phương sách cuối cùng*” (Trích Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền của Liên hiệp quốc 10/12/1948).

Việc xác định nhà nước có chức năng đảm bảo quyền con người của nhân dân là rất quan trọng. Nó có ý nghĩa cấp bách và lâu dài. Các quyền con người và các tự do cơ bản là những quyền của mọi người sinh ra đã có; việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền đó là trách nhiệm trước tiên của chính phủ. Không thể viện dẫn sự kém phát triển để biện minh cho việc cắt xén các quyền con người đã được quốc tế thừa nhận.

Chủ tịch Hồ Chí Minh “*đã lấy cảm hứng chủ đạo từ các quyền tự nhiên khi viết Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*” năm 1945, thể hiện bằng việc trích dẫn hai câu từ hai bản Tuyên ngôn nói ở trên, coi đó là những “*lời bất hủ*”, là “*những lẽ phải không ai chối cãi được*”:

“*Hỡi đồng bào cả nước,*

‘Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc’.

Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

‘Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi’.

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”.

Sau đó, trong Hiến pháp năm 1946, Quốc hội đầu tiên của nước ta đã cụ thể hóa các quyền và bảo vệ các quyền thiêng liêng ấy bằng pháp luật ở cấp độ cao nhất – cấp độ Hiến pháp. Hiến pháp được xây dựng trên ba nguyên tắc:

- Đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo.
- Đảm bảo các quyền tự do dân chủ.
- Thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân.

Hiến pháp khẳng định ngay trong điều thứ nhất nguyên tắc cơ bản của nhà nước pháp quyền dân chủ: “*Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo*”. Hiến pháp đã long trọng ghi nhận các quyền dân sự, chính trị cũng như các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của công dân, bao gồm cả “*quyền tư hữu tài sản*” (điều thứ 12) và đặc biệt các quyền:

- Tự do ngôn luận.

- Tự do xuất bản.
- Tự do tổ chức và hội họp.
- Tự do tín ngưỡng.
- Tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài (điều thứ 10).

Hơn 60 năm đã trôi qua, kể từ khi Tuyên ngôn độc lập và Hiến pháp đầu tiên ra đời, nhưng những nguyên tắc cơ bản về đảm bảo các quyền tự do dân chủ trong các văn kiện lịch sử đó vẫn giữ nguyên giá trị bất tử của nó và có ý nghĩa thời sự hiện nay. Hiến pháp hiện hành – Hiến pháp năm 1992 khẳng định sự tôn trọng các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội (điều 50).

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhiều lần nhấn mạnh nguyên tắc quyền lực thuộc về nhân dân: *“Từ Chủ tịch nước đến giao thông viên cũng vậy, nếu không làm được việc cho dân, thì dân không cần đến nữa”* (Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, 1995, t.6, tr. 365); *“Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”* (Sđd, 1995, t.5, tr. 60).

Người cũng chỉ ra rằng:

“Ngày nay chúng ta xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng nếu nước được độc lập mà dân không hưởng tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” (Sđd, 1995, t. 1, tr. 161).

“Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng chẳng làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập, khi dân được ăn no, mặc đủ. Chúng ta phải thực hiện ngay:

- 1) *Làm cho dân có ăn;*
- 2) *Làm cho dân có mặc;*
- 3) *Làm cho dân có chỗ ở;*
- 4) *Làm cho dân có học hành;*

Cái mục đích chúng ta đi đến là bốn điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do, độc lập và giúp sức cho tự do, độc lập” (Sđd, 1995, t. 1, tr. 152).

Ngày 10-12-1948, Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền do Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua được gọi là bản *“Tuyên ngôn đầu tiên của toàn nhân loại”* và là *“Lý tưởng chung mà tất cả các dân tộc và tất cả các quốc gia phải đạt tới”*. Ngày 10 tháng 12 được Liên hiệp quốc chọn làm Ngày nhân quyền thế giới hàng năm.

Cho đến nay Liên hiệp quốc đã thông qua trên 70 văn bản quốc tế về nhân quyền. Đó là một hệ thống đồ sộ các công cụ pháp lý quốc tế để bảo vệ quyền con người. Theo đánh giá của ông Jan Martenson Cao ủy Liên hiệp quốc về Nhân quyền thì *“quyền con người là một trong những lĩnh vực mà ở đó luật pháp quốc tế đạt được nhiều tiến bộ nhất”*. Điều này hoàn toàn phù hợp với nhận định của cố thứ trưởng ngoại giao Lê Mai, Trưởng đoàn đại biểu nước ta tại Hội nghị Nhân quyền thế giới

tại thành phố Viên (Áo): *“Vị trí không ngừng gia tăng của luật pháp quốc tế trong đời sống thế giới và ý thức ngày càng sâu rộng của nhân dân các nước khiến cho các nguyên tắc và mục tiêu cơ bản của Hiến chương Liên hiệp quốc, Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền và hai Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa và các quyền dân sự, chính trị trở thành tiêu chuẩn và đòi hỏi phổ biến của mọi người và mọi dân tộc trong thời đại chúng ta. Các nguyên tắc cơ bản trong các văn kiện quốc tế đó là những giá trị chung của nhân loại mà chúng ta cần bảo vệ”*.

Trong số các quyền liệt kê tại “*Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*” (Liên hiệp quốc 16/12/1966 và Việt Nam gia nhập ngày 24/9/1982) phải kể trước hết đến quyền có việc làm, đặc biệt là quyền được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi, được trả lương thỏa đáng và bằng nhau cho những công việc có giá trị như nhau không có sự phân biệt đối xử nào, được tạo điều kiện làm việc an toàn và vệ sinh, có thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý. Tiếp đến là quyền thành lập và gia nhập công đoàn để bảo vệ lợi ích kinh tế và xã hội của mình; quyền được ăn, mặc đủ, có nhà ở, được cải thiện điều kiện sống; quyền được chăm sóc sức khỏe; quyền được hưởng nền giáo dục nhằm phát triển đầy đủ nhân cách và phẩm giá; quyền được tham gia vào đời sống văn hóa; quyền được hưởng các lợi ích của tiến bộ khoa học và ứng dụng khoa học, được bảo hộ các lợi ích tinh thần và vật chất do hoạt động sáng tạo khoa học, văn học nghệ thuật của mình, được tôn trọng quyền tự do trong nghiên cứu khoa học và hoạt động sáng tạo, phát triển các mối quan hệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và văn hóa.

Các quyền dân sự và chính trị, cũng như các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa nêu trong hai Công ước quốc tế, có giá trị pháp lý đầy đủ đối với các quốc gia thành viên. Một số nước áp dụng nguyên tắc xem các quy định quốc tế về nhân quyền phải được đặt ưu tiên so với các bộ luật trong nước và trực tiếp sinh ra các quyền và trách nhiệm của công dân nước mình. Nhiều nước cam kết thông qua các biện pháp lập pháp để sửa đổi pháp luật, hoặc ban hành các văn bản pháp luật mới, phù hợp với Công ước quốc tế. Cam kết này đã được ghi rõ: *“Trong trường hợp quy định trên đây chưa được thể hiện bằng các biện pháp lập pháp hoặc các biện pháp khác thì mỗi quốc gia thành viên của Công ước này cam kết sẽ tiến hành các bước cần thiết phù hợp với quy định đã nêu trong Hiến pháp của mình và những quy định của Công ước này để ban hành pháp luật và những biện pháp cần thiết khác nhằm mục đích thực hiện có hiệu quả các quyền được công nhận trong Công ước này”*.

Quyền con người có tính chất căn bản đến mức chúng ta không thể sống như con người nếu không có các quyền này. Quyền con người là những quyền mà bất cứ ai cũng có để làm người.

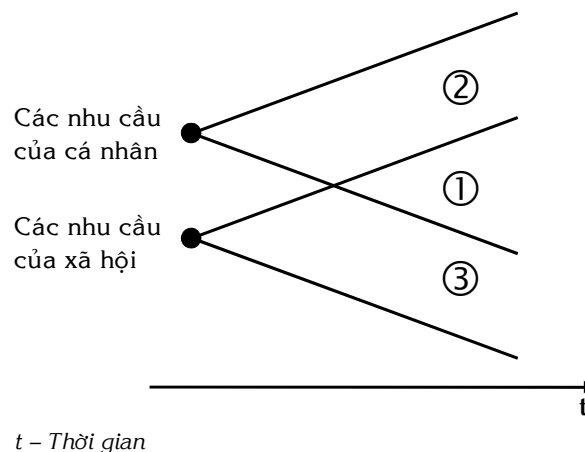
- Nếu như trước đây chưa lâu, mục đích phát triển của nhân loại còn chưa rõ ràng. Sự phát triển đạt được mang tính chất mò mẫm nhờ chọn lọc xã hội gạt bỏ những phép thử sai và giữ lại những phép thử đúng. Ngày nay, chúng ta may mắn hơn rất nhiều vì mục đích phát triển được xác định khá rõ ràng và được công nhận chính thức, nhất trí ở mức độ toàn nhân loại, thể hiện trong các Tuyên ngôn của Liên hiệp quốc. Chưa kể, trách nhiệm pháp lý của các quốc gia trong việc thực hiện để đạt mục

đích phát triển bị ràng buộc trong các Công ước quốc tế mà các quốc gia đó tham gia. Nói một cách ngắn gọn, mục đích phát triển của toàn nhân loại là biến tất cả các quyền con người và các quyền tự do cơ bản về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa thành hiện thực đến từng cá nhân. Con người trở thành trung tâm của sự phát triển.

8.2. Cá nhân và xã hội lý tưởng

Mục đích phát triển con người nêu ở trên chỉ đạt được khi mục đích ấy không chỉ nằm trong các Tuyên ngôn, Công ước, mà nó, một cách đầy đủ, ổn định và bền vững, biến thành các hành động cụ thể tương ứng của mỗi cá nhân thuộc xã hội. Trong trường hợp lý tưởng, xã hội cần tác động (điều khiển) như thế nào, để mỗi cá nhân có các hành động tương ứng với mục đích phát triển?

Mỗi cá nhân có các nhu cầu tồn tại và phát triển của mình. Tương tự, toàn xã hội cũng có các nhu cầu khách quan để tồn tại và phát triển. Người viết muốn nhấn mạnh từ “khách quan” chứ không phải các nhu cầu của xã hội là các nhu cầu của các cá nhân lãnh đạo xã hội. Lịch sử cho thấy, không ít lần, các nhu cầu của giới lãnh đạo xã hội chỉ là các nhu cầu của cá nhân họ. Chúng không thực sự phản ánh các nhu cầu của xã hội, mặc dù họ chịu trách nhiệm về sự tồn tại, phát triển của xã hội và có những lời nói, việc làm lúc thì đàn áp, lúc thì mị dân. Các nhu cầu của cá nhân và xã hội càng ngày, càng tăng theo thời gian. Xã hội gồm nhiều cá nhân. Các cá nhân lại rất khác nhau về các nhu cầu và hành động. Từ đây, mối quan hệ giữa các cá nhân và xã hội có thể thống nhất, cũng có thể xung đột. Những điều vừa nói được minh họa trên Hình 13.



Hình 13: Quan hệ giữa các hành động cá nhân với việc thỏa mãn các nhu cầu cá nhân và xã hội

① là phạm vi các hành động cá nhân vừa làm thỏa mãn các nhu cầu cá nhân, vừa làm thỏa mãn các nhu cầu của xã hội.

② là phạm vi các hành động cá nhân làm thỏa mãn các nhu cầu của cá nhân

nhưng không thỏa mãn các nhu cầu của xã hội, hiểu theo nghĩa, xấu đối với xã hội.

③ là phạm vi các hành động cá nhân làm thỏa mãn các nhu cầu của xã hội nhưng không thỏa mãn các nhu cầu của cá nhân, hiểu theo nghĩa, những hành động đó không phải là ý muốn, mục đích của cá nhân.

Trong phạm vi ① các hành động của cá nhân phục vụ, làm thỏa mãn các nhu cầu xã hội thì xã hội lý tưởng phải bảo đảm các nhu cầu chính đáng của cá nhân được thỏa mãn bằng cách thực thi đầy đủ quyền con người (xem mục 8.1. *Cá nhân trong tư cách là con người hiện đại*). Ví dụ, cá nhân làm việc trong các công ty, cơ quan, tổ chức... thực hiện đầy đủ các yêu cầu của những nơi này đề ra, phải **được trả lương thỏa đáng** để trang trải các nhu cầu cá nhân như ăn uống, mặc, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh, nuôi những người phải nuôi.

Các hành động của cá nhân trong phạm vi ① là các hành động tốt và xã hội đáp lại bằng cách làm thỏa mãn thực sự các nhu cầu tương ứng của cá nhân.

Nếu như phạm vi hành động ① được coi là tốt thì các phạm vi hành động ② và ③ thể hiện sự xung đột giữa cá nhân và xã hội. Chúng ta hãy xét lần lượt từng trường hợp xung đột.

Các hành động của cá nhân trong phạm vi ② là các hành động xấu (ví dụ, các hành động xấu được liệt kê trong mục 1. *Mở đầu*), gây hại đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội. Xã hội lý tưởng là xã hội có những biện pháp làm cho cá nhân không hành động trong phạm vi ②. Những biện pháp này phải tạo ra được trong cá nhân xúc cảm âm đủ độ đối với hành động xấu (xem mục 7.2. *Một số cách tạo xúc cảm cá nhân*). Để tạo ra xúc cảm âm, nguyên tắc chung là, nếu cá nhân hành động trong phạm vi ② thì nhu cầu cá nhân nói chung không thỏa mãn, đến mức không dám thực hiện hành động đó. Ví dụ, cá nhân vượt đèn đỏ, cá nhân bị phạt tiền đến mức sợ không dám lặp lại hành động đó. Những người khác biết vậy cũng không dám bắt chước vượt đèn đỏ.

Các biện pháp xã hội bao gồm các biện pháp pháp luật, hành chính, các thái độ, hành vi phản ứng của những người xung quanh nói riêng, xã hội nói chung... Các biện pháp pháp luật chỉ ra những hành động bị cấm thực hiện và các hình thức phạt để cá nhân không thỏa mãn các nhu cầu cấp bách của mình. Từ đó, cá nhân không dám có những hành động bị cấm. Nói chung, các biện pháp pháp luật chủ yếu thiên về cấm chứ không phải thiên về cho phép. Công dân có quyền làm những gì pháp luật không cấm. Do vậy, mới có được sự phát triển trong xã hội, nhờ tạo điều kiện thuận lợi giải phóng sức sáng tạo của các công dân. Bạn đọc thử tưởng tượng một xã hội, ở đó các công dân chỉ được làm những gì luật cho phép, năm này qua năm khác, thế hệ này sang thế hệ khác. Đây là một xã hội dậm chân tại chỗ, nếu không nói rằng, tiến tới suy thoái. Để đối xử phù hợp, hiệu quả với từng hành động cụ thể của cá nhân trong phạm vi ②, các biện pháp xã hội, trong trường hợp này là ngăn chặn, răn đe, trừng phạt, phải được xây dựng và áp dụng dựa trên: 1) Sự xác định cụ thể, chính xác danh sách các hành động có thể có thuộc phạm vi ②; 2) Phân loại các hành động đó theo sự đa dạng về loại hình và mức độ ảnh hưởng xấu đến xã hội; 3)

Nghiên cứu các nhu cầu cá nhân cụ thể để có các biện pháp cụ thể đủ độ. Các biện pháp xã hội phải rất đa dạng vì chỉ có đa dạng mới điều khiển được đa dạng.

Ví dụ, pháp luật phải cấm những hành động cá nhân làm phương hại đến những quyền con người của những người khác. Nói như K. Marx: *“Luật pháp cần thiết quy định giới hạn, trong đó, tự do của người này không làm phương hại đến tự do của người khác”*. Rõ ràng, một luật pháp như vậy phải được xây dựng trên cơ sở các nghiên cứu khoa học mang tính khách quan chứ không phải dựa trên ý muốn chủ quan của những người lãnh đạo, quản lý xã hội. Các biện pháp pháp luật đối với cá nhân hành động trong phạm vi ② có thể là phạt tù để cá nhân không được thỏa mãn nhu cầu tự do, phạt tiền để cá nhân không được thỏa mãn nhu cầu tiền... Tức là, rất đa dạng và phải có hiệu quả, tác dụng đối với từng cá nhân cụ thể. Nhờ quan hệ phản hồi này, cá nhân đó, các cá nhân khác ý thức được kết quả hành động không thỏa mãn nhu cầu, sẽ có xúc cảm âm đủ độ và không dám có những hành động trong phạm vi ②.

Tuy nhiên, có những hành động ở phạm vi ②, sử dụng các biện pháp pháp luật không thích hợp. Ví dụ, một người không giữ chữ tín, chưa đến mức phải đưa ra tòa. Lúc này, các biện pháp như thái độ, dư luận những người xung quanh, xã hội trở nên thích hợp hơn: Những người biết chuyện phải tỏ rõ thái độ của mình cho người không giữ chữ tín biết, ví dụ, họ tẩy chay, không thêm chơi với người đó, coi thường người đó. Điều này cũng làm cho người đó có xúc cảm âm đối với hành động không giữ chữ tín của mình, vì nhu cầu thuộc về một cộng đồng, nhu cầu được kính trọng, được yêu mến của người đó không thỏa mãn.

Các biện pháp xã hội phải hiệu quả đối với từng cá nhân cụ thể, hiểu theo nghĩa, tạo được xúc cảm âm đủ độ thực sự đối với cá nhân cụ thể đó. Những cách phạt kiểu *“giơ cao đánh khẽ”*, *“đánh phải bùi”*, *“cho hạ cánh an toàn”*, *“cho chìm xuống”*... sẽ phản tác dụng. Thực tế cho thấy, ở những nơi phạt chưa đủ “đô”, người sai phạm sẵn sàng chịu phạt để lần sau tiếp tục sai phạm. Chưa kể, cách làm như vậy còn có thể tạo ra quan hệ phản hồi dương có hại: Số lượng người sai phạm bắt chước nhau càng ngày, càng tăng.

Trường hợp ③ là trường hợp, nếu cá nhân hành động ở đó thì thỏa mãn nhu cầu xã hội nhưng không thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Ví dụ, xã hội cần phát triển những vùng sâu, vùng xa trong khi cá nhân không có nhu cầu đi xa, chỉ muốn ở các thành phố lớn.

Đối với trường hợp ③, trong bất kỳ xã hội nào luôn có sẵn một số người *“chí công vô tư”*, *“mình vì mọi người”*, vị tha, hiểu theo nghĩa, tự giác hành động ở phạm vi ③: Làm thỏa mãn các nhu cầu khách quan để xã hội tồn tại và phát triển, chấp nhận hy sinh các quyền lợi riêng. Tuy nhiên, nếu để tự nhiên như vậy có thể nảy sinh các hậu quả sau: 1) Tốc độ phát triển của xã hội chậm (rõ ràng, số người hành động trong phạm vi ③ càng nhiều, xã hội phát triển càng nhanh); 2) Với thời gian, có nguy cơ, số lượng những người *“mình vì mọi người”* nói ở trên càng ngày, càng giảm; 3) Xã hội, trong trường hợp bình thường (không phải là những trường hợp khẩn cấp như

chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh... và các nghĩa vụ công dân cần thực hiện, được luật pháp quy định rõ ràng, minh bạch), đứng vững đối với các công dân hy sinh các quyền lợi chính đáng vì xã hội, tệ hơn nữa, xã hội cưỡng bức các công dân phải hành động ở phạm vi ③, mà không quan tâm, đền bù gì, có còn là xã hội nhân đạo, tích cực hướng đến sự phát triển con người không? Nói cách khác, xã hội phải có những biện pháp điều khiển (trong trường hợp này là các biện pháp khuyến khích, kích thích), sao cho càng ngày, càng nhiều cá nhân hành động trong phạm vi ③.

Các biện pháp khuyến khích, kích thích của xã hội bao gồm các biện pháp pháp luật, hành chính, các hành vi phản ứng của những người xung quanh nói riêng, xã hội nói chung... Để đối xử phù hợp, hiệu quả với từng hành động cụ thể của cá nhân trong phạm vi ③, các biện pháp xã hội phải được xây dựng và áp dụng dựa trên 1) Sự xác định cụ thể, chính xác các hành động có thể có thuộc phạm vi ③; 2) Phân loại các hành động đó theo sự đa dạng về loại hình và mức độ ảnh hưởng tốt đến xã hội; 3) Nghiên cứu các nhu cầu cá nhân cụ thể để xây dựng các biện pháp cụ thể. Một lần nữa, các biện pháp xã hội phải rất đa dạng vì, chỉ có đa dạng mới điều khiển được đa dạng.

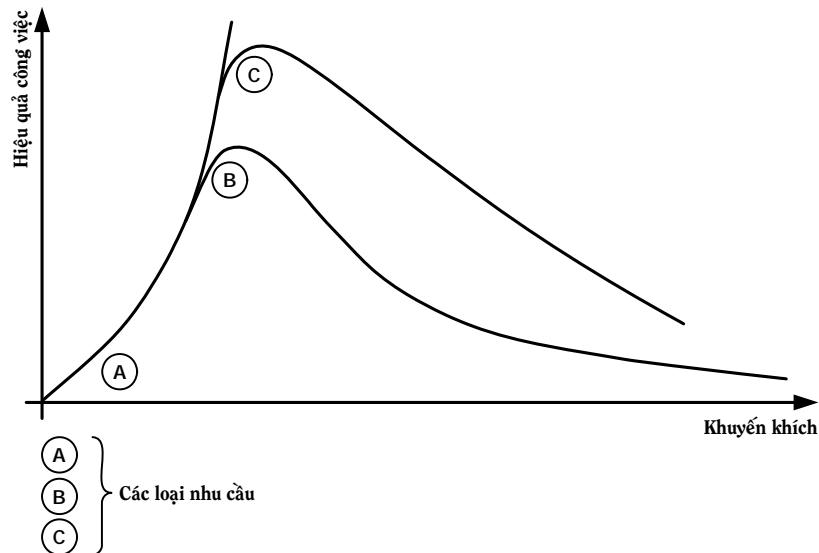
Ví dụ, pháp luật phải bảo đảm các biện pháp khen thưởng, dư luận xã hội phải đồng tình, ủng hộ, tôn vinh... những hành động cá nhân trong phạm vi ③. Nhờ quan hệ phản hồi này, cá nhân đó, các cá nhân khác biết kết quả hành động làm thỏa mãn nhu cầu, sẽ có xúc cảm dương và càng ngày, càng có nhiều hành động trong phạm vi ③. Nói cách khác, nếu cho rằng, cần ưu tiên thỏa mãn các nhu cầu của xã hội, ở phạm vi ③ rất cần các biện pháp khuyến khích hữu hiệu, thúc đẩy có nhiều các hành động của cá nhân.

Khi đưa ra các biện pháp khuyến khích, kích thích cần tính đến các kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực động viên con người, ví dụ, quy luật do Yerkes và Dodson tìm ra. Theo quy luật này, khi tăng cường khuyến khích, hiệu quả công việc của cá nhân tăng lên nhưng không tăng mãi mà đạt đến cực đại nhất định, bão hòa, sau đó, có khi còn đi xuống. Điều này có thể giải thích bởi nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân quan trọng là, khi tăng mức độ khuyến khích thì mức độ thỏa mãn nhu cầu cấp bách của cá nhân cũng tăng theo. Đến một mức độ khuyến khích nào đó, nhu cầu cấp bách của cá nhân được thỏa mãn, nó không còn là cấp bách nữa. Do vậy, lúc đó, biện pháp khuyến khích cho trước không còn có ý nghĩa. Nếu tiếp tục áp dụng, biện pháp khuyến khích cho trước có khi gây phản tác dụng, làm hiệu quả công việc của cá nhân giảm sút.

Trên thực tế, các cá nhân khác nhau có các nhu cầu cấp bách khác nhau nên các biện pháp khuyến khích phải đa dạng và phù hợp cho từng cá nhân một. Chưa kể, loại nhu cầu cấp bách của cá nhân cho trước cũng thay đổi theo thời gian, do vậy, biện pháp khuyến khích cá nhân cho trước cũng phải thay đổi theo từng thời kỳ.

Hình 14 cho thấy, giả sử, với cá nhân cho trước, nhu cầu cấp bách khởi đầu là nhu cầu ① và biện pháp khuyến khích nhắm đến thỏa mãn nhu cầu ①. Sau một thời gian, nếu thấy tốc độ tăng hiệu quả công việc của cá nhân đó chậm hơn trước, chẳng

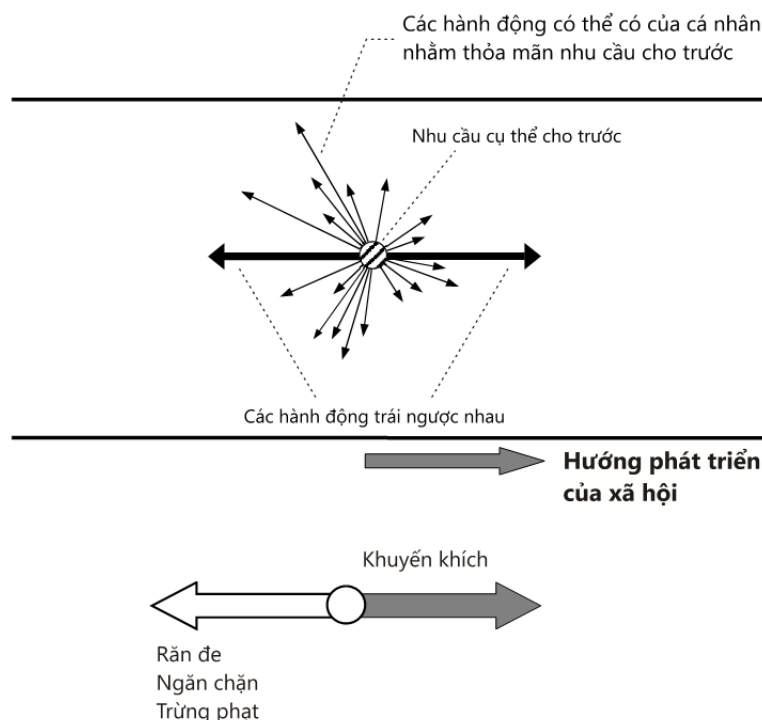
lại hoặc có vẻ đi xuống. Nhà quản lý, lãnh đạo phải tìm hiểu xem, nhu cầu cấp bách của cá nhân đó bây giờ là gì? Nếu không phải là (A) mà là (B), thì nhà quản lý phải thay đổi sang biện pháp khuyến khích theo (B) và cứ như thế... thì mới có thể làm tăng liên tục hiệu quả công việc của cá nhân.



Hình 14: Sử dụng các biện pháp khuyến khích, kích thích

Những gì vừa trình bày, liên quan đến các hành động của cá nhân trong phạm vi ② và ③, cùng tác động điều khiển của môi trường xã hội lên các hành động của cá nhân, có thể minh họa tóm tắt trên Hình 15.

Nếu không có tác động gì từ môi trường, cá nhân có thể có nhiều cách hành động, kể cả những cách hành động hoàn toàn trái ngược nhau, để thỏa mãn nhu cầu cho trước (xem Hình 15 và xem lại Hình 1). Khi xã hội xác định được hướng phát triển (xem phần nói về quyền con người) và thiết lập được các biện pháp điều khiển đa dạng, thích hợp: Khuyến khích đối với các hành động cá nhân trùng với hướng phát triển xã hội; răn đe, ngăn chặn, trừng phạt... đối với các hành động cá nhân ngược với hướng phát triển. Lúc đó, cá nhân hiểu với xúc cảm đủ độ rằng những hành động nào là thực sự đúng, tốt, những hành động nào là sai, xấu và bắt buộc phải chọn hành động theo hướng phát triển của xã hội để vừa thỏa mãn thực sự nhu cầu cá nhân, vừa thỏa mãn nhu cầu xã hội. Ví dụ, để thỏa mãn nhu cầu tiết kiệm sức lực, cá nhân có thể lười biếng, chơi số đề, cửa quyền, buôn lậu, ăn cắp, tham nhũng... và sáng tạo. Nhưng dưới tác động của môi trường xã hội, cá nhân hiểu một cách xúc cảm rằng các hành động như ăn cắp, tham nhũng là sai, xấu, vì bị đi tù thì không thỏa mãn chính nhu cầu tiết kiệm sức lực và các nhu cầu khác như nhu cầu tự do của cá nhân. Trong khi đó, các hành động sáng tạo vừa thỏa mãn thực sự các nhu cầu cá nhân, vừa được hưởng những khuyến khích của xã hội. Nói cách khác, ở đây, có sự cộng hưởng giữa từng cá nhân và toàn xã hội.



Hình 15: Sự cộng hưởng của cá nhân và xã hội

Trong hai quyển hồi ký của mình (xem “*Hồi ký Lý Quang Diệu*”, Nhà xuất bản Tp.HCM, năm 2000 và “*Hồi ký Lý Quang Diệu (1965–2000)*”, Nhà xuất bản văn nghệ Tp.HCM, năm 2001) nguyên Thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu cho thấy, ông đã rất chú ý xây dựng chính sách “*răn đe, ngăn chặn, trừng phạt*” và “*khuyến khích*” để xây dựng xã hội Singapore càng nhiều hành động tốt và càng ít hành động xấu. Đây là những biện pháp mạnh, kiên quyết để ngay từ đầu khi thành lập nước đã có chính quyền trong sạch và làm việc hiệu quả. Ví dụ, “*Sự thay đổi hiệu quả nhất mà Singapore đã làm vào năm 1960 là cho phép tòa coi việc một bị cáo đang sống cao hơn khả năng tài chính của anh hay chị ta, hoặc đang có gia sản mà thu nhập của anh hay chị ta chẳng thể lý giải được, là bằng chứng chứng thực bị cáo đã có nhận hối lộ hay đã tham nhũng*” hoặc “*Những hành vi tham nhũng riêng lẻ, tình cờ mới khó phát hiện hơn, và một khi đã khám phá ra rồi thì phải nghiền nát ngay*”. Singapore được xếp vào những nước ít tham nhũng nhất trên thế giới. Mặt khác, Singapore cũng có nhiều biện pháp khuyến khích để thu hút nhiều nhân tài (kể cả người nước ngoài) cho bộ máy nhà nước nói riêng, xã hội Singapore nói chung.

Tóm lại, các nhu cầu tồn tại và phát triển khách quan của xã hội chỉ thực sự “*làm việc*” khi chúng chuyển hóa thành các nhu cầu cá nhân của các công dân thuộc xã hội đó. Bởi vì, nhu cầu cá nhân là nguồn gốc của hành động cá nhân và cá nhân sẽ không thực hiện hành động cho trước, nếu như không có nhu cầu tương ứng với hành động ấy. Trên cơ sở quy luật vừa nêu, các biện pháp lãnh đạo, quản lý xã hội phải bảo đảm, ít nhất, hai điều kiện:

1) Tạo được mối liên kết hữu cơ, trực tiếp giữa các nhu cầu của xã hội và các nhu cầu của cá nhân, đến mức, từng cá nhân cảm nhận rõ điều đó thông qua những cái rất cụ thể thuộc về giáo dục, luật pháp, phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống các khuyến khích (kích thích)... Lúc đó, các công dân có được sự tin tưởng: Làm thỏa mãn các nhu cầu của xã hội cũng chính là làm thỏa mãn các nhu cầu cá nhân.

2) Làm cho cá nhân thỏa mãn nhu cầu được chú ý, quan tâm, tôn trọng, hiểu theo nghĩa, cá nhân thấy các hành động thỏa mãn nhu cầu xã hội của mình được hiểu, đánh giá đúng, các ý kiến phản hồi được chú ý tiếp nhận... Từ những xúc cảm dương này, cá nhân sẽ hành động nhiều hơn về phía làm thỏa mãn các nhu cầu xã hội, tạo nên quan hệ phản hồi dương có lợi.

Các biện pháp lãnh đạo, quản lý xã hội nói trên phải là các biện pháp mang tính khoa học, dân chủ, minh bạch, tạo được sự đồng thuận cao của toàn xã hội theo hướng phát triển xã hội và nhân cách của từng cá nhân.

Nhằm giúp bạn đọc có thêm thông tin liên quan đến những gì vừa nêu, dưới đây người viết sử dụng vài bài báo (xem các bài của Thủy Tùng đăng trên báo Tuổi Trẻ 23/8/2005, Hữu Nghị – Tuổi Trẻ Chủ Nhật 28/8 và 4/9/2005) về Singapore, đất nước gần chúng ta về mặt địa lý, cách đây chưa lâu, còn là nước đang phát triển, đã làm được việc *“Từ thế giới thứ ba nhảy vào thế giới thứ nhất”* (Tên quyển hồi ký của nguyên Thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu):

“Ngày 21 tháng 8 năm 2005, Thủ tướng Lý Hiển Long đã đọc diễn văn trong hai giờ rưỡi nhân quốc khánh lần thứ 40. Ông cho biết, những người bạn nước ngoài của ông có ấn tượng Singapore là *“một đất nước được tạo nên bởi các công dân”* chứ không phải *“một đất nước có các công dân”*. Ông khẳng định: *“Đó là nhờ chúng ta đã nỗ lực để có chính phủ tốt và người dân mạnh mẽ”*.

Ông Lý Hiển Long đã trích lời một bé gái lớp 5 tên Patty Lim: *“Ước nguyện ngày sinh nhật của em cho Singapore là làm sao có được nguồn cung cấp nước bền vững. Em cũng ước mong cho Singapore được an bình”*. Ước nguyện đó nhất định không phải là *“văn mẫu”* hay sáo rỗng. Nếu cứ phải đọc trên báo những tin tức vất vả điều đình thương thuyết chuyện mua nước uống với nước láng giềng, hoặc tin tàu bè bị cướp ngoài eo biển..., thì có thể tin ước nguyện của đứa trẻ học lớp 5 là có thật!

Chính từ một lớp trẻ *“biết lo”* như thế mà ông Lý Hiển Long đã có thể quả quyết: *“Giới trẻ hiểu Singapore cần gì để tồn tại”*. Không phải giới trẻ nước nào cũng hiểu được đất nước mình cần gì để sống còn. Không phải chính phủ nào cũng có thể lạc quan tin tưởng vào lớp trẻ của mình được như thế. Khi giới trẻ được nhắc nhở: *“Tương lai, chính là tương lai của chúng ta, do chúng ta dựng nên”* thì họ sẽ hướng đến tương lai là chính. Tiếp xúc với thanh niên Singapore ít thấy họ tự mãn với cái quá khứ *“hóa rỗng”* của họ, mà chỉ thấy họ bận tâm đến tương lai, làm gì để sống còn, cả bản thân lẫn xã hội.

Ông Lý Hiển Long đã khẳng định: *“Để làm lại nền kinh tế, người Singapore chúng ta phải...”*. Hô hào thì dễ, làm mới khó. Liệu ông Long đã tự chuẩn bị cho việc *“làm lại nền kinh tế”* chưa?

Có thể điểm lại ngân sách 2005 hiện hành của Singapore: Giảm thuế thu nhập cá nhân bậc cao nhất xuống còn 21% vào năm tài chính 2006, rồi 20% vào năm tài chính

2007. Không giảm thuế thì khó mà biến hứa hẹn “*làm lại nền kinh tế*” thành sự thật.

Ông cũng quả quyết “*tăng trưởng là để hoàn thành các mục tiêu xã hội*”. Trong thực tế, ngân sách 2005 đã bổ sung 100 triệu đôla Singapore (SGD) nhằm giúp các gia đình có thu nhập thấp và người già được chăm sóc. Bổ sung 254 triệu SGD cho quỹ tương trợ xã hội nhằm giúp các gia đình gặp khó khăn, trẻ em có hoàn cảnh cơ nhỡ, người cao tuổi và khuyết tật.

Trước khi yêu cầu “*người lao động lớn tuổi phải sẵn sàng tự điều chỉnh, thích ứng, học hỏi những kỹ năng mới*”... thì trong ngân sách 2005 cũng đã tăng thêm 500 triệu SGD cho quỹ giúp người lao động chuyển ngành.

Tuần trước, ông Long biểu dương “*một nữ thư ký 63 tuổi, bị sa thải, đã quyết định nhận chân chùi nhà vệ sinh*”. Tuần này khai trương một trường học đầu tiên trên thế giới dạy làm nghề phục vụ vệ sinh – AFP 28/8/2005 đã loan tin này. Lớp học không chỉ dạy cách thức dọn dẹp vệ sinh mà cả việc bảo trì toilet, theo đúng chuẩn của Tổ chức Toilet thế giới (World Toilet Organisation). Không dừng ở đó, sang năm trường này sẽ còn dạy cả thiết kế toilet!

Bổ sung tương tự cho lĩnh vực giáo dục... Ngược lại, tăng thuế đánh trên thuốc lá 20%, đánh trên cá ngựa từ 12% lên 25%...

Trên một website của một cơ quan chính phủ Singapore, cơ quan “*Dân ý*” <http://app.feedback.gov.sg> đang rao mời người dân tham gia thảo luận về bài diễn văn quốc khánh của Thủ tướng Lý Hiển Long. Mỗi cộng đồng gốc Hoa, gốc Mã, gốc Ấn... có những ngày họp riêng. Trên trang đó có sẵn kết nối đến bài diễn văn, các câu hỏi thảo luận... như:

Ý kiến của quý vị về việc kéo dài tuổi lao động quá 55? Quý vị có nghĩ rằng chế độ trợ cấp nhà mới sẽ rút ngắn khoảng cách thu nhập? Quý vị nghĩ gì về những sửa đổi trong chính sách bảo hiểm y tế? Quý vị nghĩ gì về việc khuyến khích học sinh học tiếp sau trung học? Do Singapore không có một truyền thống tự nhiên về văn hóa công vụ, liệu một chiến dịch “Đón chào, cười và cảm ơn” sẽ thật sự làm thay đổi đầu óc công chức?...

Nếu nhớ lại bài diễn văn của ông Long rất cụ thể: “*Làm gì? Bằng cách nào?*” chứ không “*chung chung*”, “*phải, phải*” thì các câu hỏi này cũng cụ thể không kém. Với hình thức câu hỏi “*mở*” này, người tham gia thảo luận sẽ tha hồ bộc bạch hết ý nghĩ của mình.

Vấn đề là làm sao tổng kết ý kiến từ những câu trả lời “*mở*” này và làm gì với những đúc kết đó? Cơ quan “*Dân ý*” mời người dân góp ý suốt năm. Đọc trên trang chủ website phản ánh ý dân của Chính phủ Singapore:

Quý vị nghĩ như thế nào về các dịch vụ công ở Singapore?

+ *Tốt đấy!*

+ *Có thể tốt hơn nữa!*

+ *Xoàng!*

Động tác này ít nhất cũng cho thấy: 1) Họ không mắc bệnh thích được khen mình, trái lại họ muốn nghe lời nói thẳng; 2) Họ sử dụng công cụ điện tử để kịp thời phản nào đoán được ý dân; 3) Ngay cả hình thức câu hỏi, những biểu tượng cảm xúc dí dỏm (các nét mặt khác nhau) cũng khuyến khích người dân tham gia góp ý.

Do có hẳn cơ quan chuyên phụ trách nhận các góp ý chung chống lãng phí cho tất cả lĩnh vực, nên các cơ quan liên quan (bộ, ngành...) không thể “im” thư góp ý được, do lẽ khi đăng công khai trên mạng thư góp ý, thư trả lời không thể không công khai.

Hãy chỉ cho chúng tôi biết ở đâu và bằng cách nào?

Chính phủ quyết tâm cung ứng các dịch vụ công cộng với chất lượng tuyệt hảo cho dù có chịu sức ép giảm thuế. Quý vị có ý kiến gì về việc chính phủ còn lãng phí, cụ thể ở đâu và làm thế nào để giảm lãng phí, xin vui lòng viết cho chúng tôi...

Người ta không chỉ góp ý bằng những hô hào “phải, phải” mà đề xuất biện pháp cụ thể, bằng cách nào để có thể thực hiện được. Có thể thấy qua trường hợp sau:

Nội dung đề xuất hoàn thay thế máy tính.

Các cơ quan chính phủ hiện có chính sách thay mới máy tính mỗi ba năm một lần. Đề nghị hoàn thay máy tính một năm, tính cả năm nay và hết năm tới. Lý do:

1) Đa số các nhân viên văn phòng chỉ sử dụng máy tính cho những công việc căn bản như soạn thảo văn bản, trình bày bảng biểu, email... Các máy tính hiện đang sử dụng thừa khả năng đáp ứng các nhu cầu đó.

... 5) Nếu tính đồ đồng một máy tính là 1.000 SGD, việc hoàn thay 10.000 máy tính sẽ tiết kiệm hàng năm 10 triệu SGD.

Và thư trả lời của Bộ tài chính:

Thưa bà,

Chúng tôi xin cảm ơn đề xuất của bà. Nhân đây chúng tôi xin làm rõ như sau:

Hiện không có chính sách thay mới máy tính trong các công sở mỗi ba năm. Tất nhiên, chúng tôi tính thời gian khấu hao là ba năm, song điều đó không có nghĩa là các cơ quan chính phủ phải thay máy tính mỗi ba năm. Cơ quan hành chính chỉ cần những máy tính hội đủ các yêu cầu cấu hình tối thiểu để vận hành mà thôi, bộ xử lý Pentium III 733 MHz, 128 MB RAM vốn không phải là một cấu hình cao cấp...

Một góp ý khác:

Một đĩa phim DVD chào mừng quốc khánh chỉ dài có sáu phút! Giờn mặt dân chúng sao?

Mới đây, tôi được xem bộ phim Chào mừng quốc khánh lần thứ 40 trên đĩa DVD do Hãng Mega Media Production sản xuất. Phim chỉ dài sáu phút. Tôi e rằng nếu sử dụng đĩa VCD sẽ tốt hơn...

Phúc đáp:

... Chúng tôi xin giải thích cho bà rõ vấn đề bà đã nêu. Do lẽ bộ phim nhằm trình chiếu trên màn hình lớn trong các cuộc tập hợp quần chúng đông đảo, nên được ghi hình bằng kỹ thuật siêu nét và ghi lại dạng đĩa DVD để bảo toàn độ phân giải cao. Thế cho nên tuy chỉ dài có sáu phút nhưng bộ phim “40 năm qua” lại có kích thước lên đến 1GB, trong khi dạng đĩa VCD chỉ lưu được có 700 MB. Mặt khác, khi chiếu ở các địa điểm công cộng như trường học, sân vận động..., việc sử dụng hai đĩa VCD rất bất tiện khi phải đổi đĩa trong khi bộ phim chỉ dài sáu phút. Thật ra, nếu sử dụng VCD, chúng tôi cũng chỉ tiết kiệm được có 43 xu (Singapore)/cuốn phim cho tổng số 2.000 cuốn phim, được phân phối cho các sứ bộ Singapore ở hải ngoại...

Những góp ý đề xuất như thế cho dù có là “không trúng huyệt”, song cũng cho thấy một ý thức công dân khá cao, một thói quen đối đáp giữa công dân và nhà nước,

và nhất là thói quen phúc đáp nhanh của nhà nước. Cơ quan lo về ý dân đã thống kê số đề xuất chống lãng phí nhận được cho đến 30/6/2005 là 2.575 đề xuất, và xử lý như sau... Tỷ lệ góp ý được tán thành thực hiện cho thấy góp ý không chỉ để góp ý suông.

Ở Singapore, cơ quan “Dân ý” mỗi năm tổ chức hội nghị góp ý của các cộng đồng dân cư (Hoa, Mã, Ấn). Nội dung bài diễn văn của chủ tịch cơ quan này tại hội nghị năm nay cho thấy việc góp ý ở Singapore không còn là chuyện nhỏ:

“Năm nay cơ quan Dân ý đã tròn 20 tuổi... Sau 20 năm, rõ ràng là công chúng Singapore không còn hài lòng với việc chỉ phản ánh ý kiến của mình.

Dân Singapore ngày càng muốn được tham khảo hơn. Dân chúng Singapore mãnh liệt mong muốn có tiếng nói của mình trong việc hoạch định chính sách. Nhất là giới trẻ. Người dân Singapore muốn tham gia. Muốn được lắng nghe.

Các phản ánh phải được kết thúc bằng những đáp ứng như một vòng khép kín. Nếu những góp ý của họ rơi vào vực sâu không đáy tối tăm, họ sẽ thất vọng biết bao. Một người dân góp ý: “Đã qua rồi cái thời mà dân chỉ muốn nói lên điều gì đó. Họ nay muốn biết ý kiến của họ có được ghi nhận, chuyển tải đến đâu, được xem xét và biến thành chính sách như thế nào.

Người dân Singapore nay muốn chính phủ phải trả lời một cách có chất lượng các phản ánh của họ. Cách trả lời chung chung khuôn mẫu làm họ bức bối. Tôi tin rằng thách thức cho các bộ, ngành là làm sao đóng gói và chuyển đi các phúc đáp của mình, sao cho dân chúng tin rằng họ đã được lắng nghe.

Dân chúng Singapore muốn mở rộng tranh luận, muốn quá trình phản ánh được công khai và đầy đủ. Liệu ta có nên hạn chế các diễn đàn bằng cách buộc đăng ký danh tánh, giới hạn trình độ nào mới được tham gia? Chúng ta phải chuẩn bị nghiêng rằng vượt qua những thử thách và nỗi đau ngày càng tăng để xã hội chúng ta ngày càng trưởng thành. Tham khảo ý dân hơn bao giờ hết đang trở thành một bộ phận của việc thực thi chính sách của chính phủ”.

Để so sánh, người viết dẫn thêm bài báo “Vi” là phải “hành” của Danh Đức đăng trên báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật, 25/9/2005:

“Ở một xã trong tỉnh Quảng Trị, một người dân cho biết: “Thảo luận về việc xây dựng trụ sở UBND xã, người dân đề nghị xây ở địa điểm cũ vì nó ở trung tâm và gần cả bốn thôn; nhưng cán bộ xã nói cấp trên chỉ đạo xây dựng trụ sở ở địa điểm mới, nếu không sẽ không hỗ trợ. Cuối cùng trụ sở được xây dựng ở địa điểm mới như chỉ đạo của cấp trên. Từ hồi xây trụ sở, tôi chưa bao giờ đến đó vì tôi phải đi bộ ít nhất 3 km”. Không thể cứ tiếp tục quan hệ “chỉ đạo/phải nghe” trong quan hệ với người dân, nhất là khi đây là những dự án xóa nghèo cho người dân. Đây không phải là điều gì mới mẻ.

Các chuyến “vi hành” cũng không thể “vi” mà không “hành”, nghĩa là phải thay đổi lề lối làm việc. Trước hết, làm sao cho các chuyến thanh tra của cấp trên thật sự là đi để nhìn và thấy, thấy và hiểu, hiểu và hành động. Song song, làm sao để người dân có tiếng nói đáng kể hơn, đúng như tinh thần của nghị định 29 về dân chủ cơ sở, để người dân có thể tham gia định đoạt những kế hoạch “đổi đời” cho mình, thay vì thụ động hoặc miễn cưỡng để mặc người khác quyết định thay cho mình.

Trong bối cảnh đó, báo cáo dày 71 trang của ADB mang tên “Đánh giá nghèo với sự tham gia của cộng đồng” rất cần được đọc và đọc kỹ. Báo cáo này do “Nhóm hành động chống đói nghèo” do các chuyên gia Ramesh Adhikari, Tom Greenwood, Julian

Carey chủ trì cùng với các cộng sự người Việt thực hiện. Nhóm đã tiến hành khảo sát đánh giá công tác xóa đói giảm nghèo trên thực địa tại 12 tỉnh ở VN trong góc độ của nghị định 29 về dân chủ cơ sở và nghị định 79 tiếp đó. Từ đó, rút ra một số kết luận và khuyến cáo. Dưới đây là vài tóm lược cơ bản:

Dân chủ cơ sở là gì?

Các tác giả ghi nhận đã có những diễn biến tích cực, nhưng “không phải là phổ biến. Đánh giá chung là còn kém (tr. 15)... Ở các xã nông thôn, phụ nữ và người nghèo ít tham gia ý kiến vì trình độ giáo dục thấp, tự ti về địa vị và không có thời gian tham gia” (tr. 16). Các tác giả đã vạch ra một số tồn tại cơ bản sau:

Tiếp tục tồn tại cơ chế quản lý từ trên xuống.

Mục đích của nghị định 29 là nuôi dưỡng tinh thần dân chủ ở cấp cơ sở, từ dưới lên, nhưng trật tự thứ bậc từ trên xuống vẫn tồn tại. Trong nhiều trường hợp, thẩm quyền ra quyết định chỉ hạn chế ở mức thi hành các chính sách của chính quyền trung ương. Các hoạt động của cấp xã đa số do cấp huyện đưa ra. Cấp xã ít có thẩm quyền trong phân bổ ngân sách và phụ thuộc vào cấp huyện về tài chính. Cán bộ xã đã quen với việc chỉ nghe theo các chỉ đạo và mục tiêu do cấp trên đề ra. Họ không nghe ý kiến của người dân mà họ đại diện, cũng giống như cấp trên không nghe ý kiến của cán bộ xã. Ở một vài nơi lãnh đạo xã cho rằng với cơ chế thứ bậc thẩm quyền hiện nay, ý kiến của người dân về các hoạt động ở địa phương là không có ý nghĩa (tr. 16).

Năng lực hạn chế của cán bộ xã và thôn.

Nhiều cán bộ xã và thôn không hiểu đúng nguyên tắc cơ bản của khẩu hiệu “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Họ thường hiểu theo thứ bậc từ trên xuống như từ trước đến nay chứ không như là một sáng kiến nhằm thúc đẩy sự tương tác, trao đổi thông tin hai chiều giữa chính quyền và người dân (tr. 16).

Các yếu tố như kiến thức hạn chế và thiếu đào tạo, thù lao thấp, quá tải công việc thường là nguyên nhân làm cán bộ cơ sở không cung cấp thông tin và tham khảo ý kiến của người dân. Nhiều cán bộ xã cho rằng việc lập kế hoạch của xã và của thôn, chỉ cần lấy ý kiến của dân khi cần nhân dân đóng góp nhân công hay tiền.

Năng lực thực hiện các quyền của người dân.

Đánh giá này cho thấy đa số người dân hiểu rất mơ hồ khẩu hiệu “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”..., thường giải thích sai và cho rằng có nghĩa là biết, thảo luận và thực hiện các chính sách hoặc dự án từ trên đưa xuống. Người dân thường thiếu tự tin và quen với việc cán bộ quyết định mọi công việc cho họ (tr. 18).

Những ý tưởng về điều khiển các hành động của cá nhân trình bày ở đây, dùng trong mối tương quan giữa môi trường xã hội và cá nhân. Tuy người viết nhấn mạnh môi trường xã hội như là toàn xã hội, những ý tưởng điều khiển các hành động của cá nhân, về mặt nguyên tắc, hoàn toàn còn có thể dùng cho các môi trường xã hội vi mô, cụ thể hơn, như cộng đồng, tổ chức, công ty, trường học, gia đình... Bạn đọc hãy suy nghĩ và phát triển tiếp cho các trường hợp vừa nêu.

Một xã hội lý tưởng còn phải là một xã hội có nền giáo dục tốt.

9. Giáo dục

9.1. Nhân cách và nhân cách lý tưởng

- Đã từ lâu, nhiều người nổi tiếng đánh giá giáo dục rất cao. John Dewey cho rằng: *“Giáo dục là phương pháp căn bản của tiến bộ xã hội. Giáo dục là phương pháp cải tạo xã hội chắc chắn nhất”*. H.G. Wells nhận xét: *“Lịch sử loài người càng ngày càng trở thành cuộc chạy đua giữa giáo dục và thảm họa”*. Erasmus khẳng định: *“Niềm hy vọng chính của một dân tộc nằm ở sự giáo dục đúng đắn thế hệ trẻ”*.

Giáo dục cũng được nhấn mạnh một cách tập trung trong điều 13 của *“Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa”* (Liên hiệp quốc 16/12/1966 và Việt Nam gia nhập ngày 24/9/1982).

Điều 13: Các quốc gia thành viên Công ước công nhận quyền của mọi người được hưởng nền giáo dục. Các quốc gia thỏa thuận rằng giáo dục sẽ được hướng vào việc phát triển đầy đủ nhân cách và ý thức về nhân phẩm, sẽ tăng cường sự tôn trọng các quyền con người và những quyền tự do cơ bản. Các quốc gia còn thỏa thuận rằng giáo dục sẽ tạo điều kiện cho mọi người tham gia một cách có hiệu quả vào một xã hội tự do, thúc đẩy sự hiểu biết, sự khoan dung và tình hữu nghị giữa các dân tộc, các chủng tộc, người thiểu số hoặc tín đồ tôn giáo, đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động của Liên hiệp quốc nhằm duy trì hòa bình.

Người viết, trước hết, muốn lưu ý bạn đọc về việc *“giáo dục sẽ được hướng vào việc phát triển đầy đủ nhân cách”*. Vậy nhân cách là gì?

- Nhiều bộ môn khoa học xã hội và tư duy như xã hội học, lịch sử, nghệ thuật học, thẩm mỹ học, đạo đức học, sư phạm học, y học, luật học, tâm lý học, đều dùng khái niệm nhân cách nhưng với những cách hiểu khác nhau. Ngay trong tâm lý học, các trường phái khác nhau cũng định nghĩa khác nhau về nhân cách. Ở đây, tương tự như một số phần khác, người viết trình bày nhân cách dựa trên việc học, đọc, hiểu và nghiên cứu của mình.

Con người cụ thể là một cá nhân (cá thể của loài người) – một phiên bản sinh học độc đáo duy nhất không lặp lại, không giống với bất kỳ cá nhân nào khác. Con người cụ thể, xét theo phương diện tâm lý, là cá nhân mang cá tính không lặp lại, không giống với những người khác. Trong khi đó, khái niệm nhân cách tập trung phản ánh các đặc tính liên quan đến mặt xã hội của cá nhân. Nhân cách có nhiều loại (tích cực, thích nghi, bị động...) và mỗi cá nhân trong các mối quan hệ xã hội là một nhân cách. Nhân cách và ý thức của cá nhân cùng đồng hành trong quá trình hình thành, hoạt động và phát triển.

Giữa con người và xã hội có sự tương tác, làm thay đổi cả cá nhân lẫn xã hội. Sự thay đổi của cá nhân như là kết quả mang tính ổn định với thời gian của sự tương tác nói trên tạo nên nhân cách của cá nhân đó. Nhìn toàn bộ một con người, nhân cách của người đó là phẩm chất mang tính hệ thống (phẩm chất không thể quy riêng thành phẩm chất của các yếu tố tạo nên hệ thống). Một mặt, cá nhân có được phẩm chất đó

nhờ các hoạt động và giao tiếp mang tính xã hội của mình. Mặt khác, phẩm chất đó đặc trưng cho mức độ và chất lượng các tác động xã hội lên các hoạt động và giao tiếp mang tính xã hội của người đó.

Xã hội loài người trải qua nhiều hình thái. Những nước khác nhau có cấu trúc tổ chức xã hội khác nhau... Nội dung của nhân cách là nội dung quy định bởi nội dung các điều kiện, quan hệ lịch sử cụ thể của xã hội cụ thể. Chúng được cá nhân cụ thể tiếp nhận theo cách cụ thể của mình và trở thành những đặc điểm của nhân cách cá nhân đó. Như vậy, nhân cách không có ở bên ngoài các quan hệ xã hội và nhân cách thay đổi, phát triển cùng với sự thay đổi, phát triển của xã hội. Điều này có nghĩa, những người được các thú rừng nuôi, sống chung với thú rừng hoặc những người từ nhỏ bị sống cách ly với xã hội – không phải là những nhân cách. Nhân cách thời phong kiến khác nhân cách thời tư bản. Nhân cách chế độ xã hội này khác nhân cách chế độ xã hội khác. Trong một xã hội cùng thời, những người khác nhau là những nhân cách khác nhau. Thời đại ngày nay, lần đầu tiên, có sự nhất trí nhất định, mang tính định hướng về nhân cách và phát triển nhân cách ở mức độ toàn nhân loại (xem mục nhỏ 8.1. *Cá nhân trong tư cách là con người hiện đại*). Đây là điều kiện hết sức thuận lợi để các nhà nghiên cứu, giáo dục xây dựng hình ảnh nhân cách lý tưởng đóng vai trò hướng dẫn của ngọn hải đăng. Điều kiện thuận lợi còn thể hiện ở chỗ, nếu như trước đây, các thời đại, các xã hội khác nhau đánh giá, đề cao, mong muốn có các nhân cách theo các tiêu chuẩn khác nhau, thậm chí, mâu thuẫn nhau, thì nay các tiêu chuẩn trở nên khá thống nhất trong phạm vi toàn nhân loại. Nhờ vậy, nhân loại dễ dàng hơn trong việc xóa bỏ khoảng cách phát triển con người, tương tự như xóa bỏ khoảng cách trong phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ... giữa các nước và những người khác nhau. Chỉ có nhờ sự phân tích các tương tác cá nhân – xã hội mới có thể làm sáng tỏ cơ sở các thuộc tính con người như là một nhân cách. Nhân cách vừa là thành viên, vừa là sản phẩm của xã hội.

- Nhân cách chỉ có thể hình thành, tồn tại, phát triển và thể hiện ra trong các hoạt động, trong giao tiếp với những nhân cách khác, nói một cách ngắn gọn, trong các hành động mang tính xã hội. Như vậy, việc một nhân cách cụ thể làm gì, làm như thế nào và tại sao, có nguồn gốc, bị quy định bởi hệ thống các quan hệ xã hội, đã được hình thành mang tính lịch sử-cụ thể nhất định, mà nhân cách đó có tham gia. Nói cách khác, chúng ta không thể nói gì về nhân cách của một người không hoạt động, ví dụ, đang ngủ chẳng hạn. Nhưng khi người đó hành động, các đặc điểm nhân cách của người đó bắt đầu thể hiện ra. Hoạt động của người đó càng nhiều, tích cực, kéo dài, các đặc điểm nhân cách của người đó thể hiện ra càng rõ.

Các đặc điểm nhân cách có thể diễn đạt bằng các từ. Tùy theo thứ tiếng, số lượng các từ mô tả các đặc điểm của nhân cách có thể lên tới hàng nghìn. Ví dụ, trong tiếng Nga – hơn 1.500 từ, tiếng Grudia – hơn 4.000 từ. Rất tiếc, hiện nay chưa có công trình nghiên cứu nào về đề tài nói trên cho tiếng Việt. Nhằm mục đích cung cấp thông tin cho bạn đọc, người viết tập hợp một số đặc điểm của nhân cách và sắp xếp chúng theo thứ tự chữ cái (xem *Phụ lục: Một số đặc điểm của nhân cách* ở cuối sách này).

Để thực hiện một hành động nhất định, cá nhân phải có những điều kiện khách quan và phải tốn một năng lượng cơ thể thích hợp. Thực tế cho thấy, có những người hoàn toàn khỏe mạnh với đầy đủ các điều kiện khách quan thích hợp nhưng vẫn không hành động, bởi vì họ thiếu động cơ hoặc/và mục đích của hành động đó. Mục đích của hành động là hình ảnh của kết quả, mà cá nhân mong muốn đạt được nhờ hành động của mình, nhằm thỏa mãn các nhu cầu của cá nhân. Động cơ là hiện tượng tâm lý mang tính hệ thống, có sức mạnh thúc đẩy thực hiện hành động cho trước. Trên thực tế, trong nhiều trường hợp, động cơ và mục đích không bị tách riêng mà còn được xem là trùng nhau. Vì, trong những trường hợp đó có được sự nhất quán rõ ràng: Động cơ thúc đẩy hành động về phía thỏa mãn nhu cầu và phía đó cũng trùng với mục đích đề ra.

Để biết, hiểu một người, điều quan trọng là chúng ta cần tìm hiểu xem người đó đã kịp làm được những gì trên đường đời, với tư cách là một thành viên của xã hội. Nhưng còn quan trọng hơn, chúng ta còn cần phải hiểu hướng đi của người đó trong tương lai. Tập hợp các động cơ ổn định, định hướng hoạt động của nhân cách và chúng làm việc tương đối độc lập với các hoàn cảnh hiện có bên ngoài, là xu hướng của nhân cách con người. Xu hướng của nhân cách cho biết con người đó sống và hoạt động trong xã hội hướng tới cái gì, vì cái gì, bằng những việc làm nào có thể đạt được mục đích cuộc sống do mình đặt ra. Nói cách khác, xu hướng là đặc trưng chủ đạo của nhân cách. Xu hướng nhân cách thể hiện dưới các hình thức “mạnh” dần lên như sau:

- Cảm tình (thích) đối với đối tượng hoặc hành động nào đó mà mục đích chưa được nhận biết và hiểu một cách rõ ràng.
- Mong muốn: Cá nhân ý thức được mục đích hướng đến của mình.
- Quan tâm: Cá nhân hướng đến nhận thức đối tượng mà mình để ý.
- Say mê: Cá nhân hướng đến một hoạt động nhất định.
- Lý tưởng được hình thành trên cơ sở quan tâm và say mê. Lý tưởng là hình ảnh được cá nhân xây dựng và muốn mình giống hình ảnh đó.
- Thế giới quan là hệ thống các quan điểm, quan niệm, khái niệm về thế giới, các quy luật của nó, về môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh.
- Niềm tin là phẩm chất mang tính hệ thống, bao gồm thế giới quan, tư duy và ý chí thể hiện trong hành động của cá nhân. Niềm tin được coi là hình thức cao nhất xu hướng của nhân cách con người. Nói cách khác, niềm tin là hệ thống các động cơ của nhân cách, thúc đẩy nhân cách hành động tuân theo các quan niệm, nguyên tắc, thế giới quan của mình.

Nếu như xu hướng nhân cách thể hiện thành các hành động: Làm những gì, thì tính cách của nhân cách cho thấy tác phong của nhân cách: Làm những điều đó như thế nào. Tính cách là tập hợp các đặc điểm ổn định (các thái độ), được hình thành, thể hiện trong hoạt động và giao tiếp, tạo nên những cung cách điển hình các hành động của nhân cách. Ví dụ, tính cẩn thận, chịu đựng, bình thản, đáng trí... Các đặc

điểm của tính cách liên quan đến ý chí (ví dụ, tính kiên định...), xúc cảm (ví dụ, yêu đời...) và trí óc (ví dụ, nhẹ dạ...).

Các đặc điểm của tính cách không tồn tại tách rời nhau mà quan hệ hữu cơ với nhau tạo nên cấu trúc thống nhất của tính cách. Tính cấu trúc của tính cách thể hiện trong sự phụ thuộc mang tính quy luật giữa các đặc điểm khác nhau của tính cách. Ví dụ, nếu một người có tính hèn nhát, sợ sệt thì có cơ sở để đoán rằng người đó sẽ không có những phẩm chất cần thiết để đưa ra và thực hiện các sáng kiến (vì sợ rủi ro, sai, trả giá); sẽ thiếu tính kiên quyết, tự chủ; sẽ thiếu tính hy sinh, hào hiệp... Đồng thời, cũng có thể đoán thêm, người đó dễ dàng trở thành kẻ nịnh bợ những kẻ mạnh hơn mình, a dua với số đông, tham lam, hay nghi ngờ người khác, xác suất trở thành kẻ phản bội lớn... Nói như vậy không có nghĩa người hèn nhát sẽ hèn nhát suốt cả đời mà vẫn có khả năng để thay đổi tính cách con người.

Các đặc điểm của tính cách cá nhân cụ thể có thể phân loại thành cơ bản, đóng vai trò định hướng chung cho sự phát triển của cá nhân và thứ cấp, hòa hợp với các đặc điểm cơ bản trong trường hợp này nhưng có thể không hòa hợp trong trường hợp khác. Các đặc điểm của tính cách cá nhân cụ thể còn có thể mâu thuẫn nhau. Ví dụ, tính nhân hậu (tốt bụng) có thể xung đột với tính nguyên tắc; tính hài hước xung đột với tính trách nhiệm.

Không chỉ các đặc điểm của xu hướng nhân cách mà còn của cả các quan hệ xã hội của nhân cách thể hiện rõ nhất trong tính cách. Các quan hệ xã hội nói đến ở đây là quan hệ với những người khác, với các đặc điểm như cởi mở, khép kín, lịch sự, thô鄙... Quan hệ với chính mình như tự trọng, thiếu tự trọng, tự tin, thiếu tự tin... Quan hệ với công việc như nghiêm túc, cầu thả, có trách nhiệm, thiếu trách nhiệm... Quan hệ với các vật dụng, của cải không chỉ của chính mình mà còn của những người khác như biết giữ gìn, không biết giữ gìn, cẩn thận, ẩu...

Trong ý nghĩa vừa nêu, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, hình thành và phát triển nhân cách tức là hình thành và phát triển tính cách. Ngược lại, hình thành và phát triển tính cách là hình thành và phát triển các đặc điểm nhân cách, cần thiết đối với cá nhân cho trước. Tính cách của nhân cách không phải là cái trời cho có sẵn, không thể thay đổi được. Do vậy, lý lẽ kiểu *“tính tôi nó thế”* hoặc *“tôi không thể làm gì với tính của tôi được”* để không chịu thay đổi, là không có cơ sở khoa học và thiếu trách nhiệm cá nhân.

Trong nhiều trường hợp, để đạt mục đích, cá nhân phải sử dụng ý chí. Ý chí là năng lực cá nhân kiểm soát và điều khiển các hiện tượng tâm lý, các hành động của mình một cách có ý thức, vượt qua các khó khăn, trở ngại để đạt mục đích đề ra. Ý chí cũng như tất cả các hiện tượng tâm lý khác là một trong các hình thức phản ánh. Đối tượng được phản ánh trong quá trình ý chí là mục đích của hành động (hoạt động) mà hành động (hoạt động) lại chính là sự bảo đảm để đạt mục đích đề ra.

Có những nhà nghiên cứu xem ý chí như là lõi của tính cách và tính cách như là khung của nhân cách. Về người có tính cách mạnh, người ta thường nói: *“Anh (chị) ấy không thể hành động khác đi được, bởi vì đấy là tính cách của anh (chị) ấy”*. Nói

cách khác, người ta có thể dự báo với độ tin cậy rất cao hành động của người có tính cách mạnh trong những tình huống nhất định.

- Tóm lại, nhìn theo quan điểm tâm lý học, nhân cách là chân dung tâm lý của con người với tư cách một thành viên của xã hội, hoạt động và giao tiếp một cách có ý thức về vai trò của mình trong xã hội. Chân dung tâm lý của nhân cách được hình thành từ những yếu tố bẩm sinh và những yếu tố mà cá nhân tiếp nhận từ các tác động xã hội. Chúng xác định sự độc đáo của các quá trình, trạng thái tâm lý, bị chi phối bởi xu hướng nhân cách không chỉ bằng các tính chất riêng mà còn bằng các phẩm chất chung, như tính cách và năng lực. Nhân cách không chỉ đặc trưng bởi cái nó muốn (mục đích), cái thúc đẩy nó (động cơ) hành động mà cả cái mà nó có thể (năng lực). Ở đây, năng lực được hiểu là các đặc điểm tâm lý, nhờ chúng mà cá nhân tiếp nhận các kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng... được trang bị một cách thành công với hiệu quả cao.

Nhìn theo góc độ phát triển xã hội, các nhân cách rất đa dạng, có thể tốt, có thể xấu (xem *Phụ lục: Một số đặc điểm của nhân cách* ở cuối sách), mặc dù nhiều khi, người ta chỉ dùng từ nhân cách theo nghĩa tốt. Khi điều 13 của Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa nhấn mạnh: “*Phát triển đầy đủ nhân cách*”, nhân cách được hiểu theo nghĩa tích cực, tiến bộ nhất, bao gồm các giá trị vĩnh cửu của xã hội loài người. Đây là nhiệm vụ chủ đạo của giáo dục trong các nhà trường nói riêng, giáo dục của xã hội nói chung. Về điều này, X.L. Rubinstein khẳng định: “*Một nhân cách càng tiêu biểu cho cái chung (các giá trị tốt đẹp của xã hội – người viết giải thích) nhiều bao nhiêu thì nhân cách đó càng có ý nghĩa bấy nhiêu*”. L.N. Tôlxôitô cũng khẳng định: “*Người tốt nhất là người sống, chủ yếu, bằng các ý nghĩ của mình (có tư duy độc lập – người viết giải thích) và bằng các xúc cảm của những người khác (thông cảm, đau nỗi đau của những người khác, biết chia sẻ, vị tha... – người viết giải thích). Loại người xấu nhất là người sống bằng các ý nghĩ của người khác (nghĩ theo, ăn theo tư duy của người khác – người viết giải thích) và bằng các xúc cảm của chính mình (ích kỷ, cá nhân chủ nghĩa – người viết giải thích). Tổ hợp của bốn cơ sở, động cơ hoạt động nói trên tạo ra sự khác nhau của mọi người*”. Hai loại người nằm giữa những người tốt nhất và xấu nhất là những người sống bằng các ý nghĩ của mình và các xúc cảm của mình; những người sống bằng các ý nghĩ của người khác và các xúc cảm của người khác (người viết giải thích thêm).

Bạn hãy thử tìm hiểu các đặc điểm nhân cách của “*Cô bé bán rau và mấy ngài giám đốc*” qua ghi nhận của Phạm Chi Lan, đăng trên báo Tuổi Trẻ ngày 10/7/2004:

☉ Sáng sớm, như thường lệ, tôi ra chợ mua vài thứ để chuẩn bị bữa cơm gia đình. Cô bé hàng rau quen, chào bán cho tôi với giọng buồn bã: “*Cô ơi, thứ này nhà cháu trồng được, cháu bán cho cô như giá mọi khi, nhưng thứ này thì cháu phải mua, hôm nay giá lại lên rồi. Cô thông cảm mua hộ cháu...*”. Tội nghiệp, cô bé cứ tỏ ra áy náy, ân hận cứ như cô có lỗi khi phải bán đắt hơn vài trăm đồng một mớ rau cho khách hàng của mình.

Đến cơ quan, mở báo ra đọc lại thấy tin mấy ngài tổng giám đốc, giám đốc mấy đơn vị quốc doanh lớn bị đình chỉ công tác, bị điều tra vì làm thất thoát, thua lỗ hàng

trăm tỉ đồng, lòng tôi đau thắt lại vì buồn, vì giận. Chẳng hiểu những vị tổng giám đốc, giám đốc được đào tạo, được tin cậy để đặt lên những chiếc ghế đầy quyền uy, để nắm trong tay những tài sản khổng lồ đó có lúc nào cảm thấy ân hận, vì đã để mất hoặc cướp mất biết bao đồng tiền mồ hôi, nước mắt của những người dân lành đã chắt chiu đóng thuế tạo nên không? Và cả những người có liên quan, có trách nhiệm trong việc trao quyền và tiền cho họ, rồi vô tình hay cố ý để họ tự tung tự tác hàng bao năm trời, làm mất đi những khoản tiền đủ để xóa đói giảm nghèo cho hàng vạn gia đình..., những người đó liệu có lúc nào cảm thấy áy náy vì đã không làm tròn phận sự của mình không?

Nghĩ mà thấy thương, thấy trọng những con người bình thường như cô bé bán rau tôi kể ở trên. Họ quanh năm vất vả làm lụng kiếm sống cho gia đình, nhằn nặn gom góp những đồng tiền nhỏ bé để đóng thuế theo nghĩa vụ công dân, vậy mà vẫn cứ áy náy, cứ ân hận khi phải bán cho bà con mình đắt hơn dăm trăm, vài nghìn đồng bạc, mặc dù việc đó hoàn toàn không phải do lỗi của họ. Họ lương thiện, nhân ái biết bao, lương tâm họ trong sáng biết bao. Họ ngàn lần cao đẹp hơn những kẻ bất lương, tàn nhẫn, chỉ biết đục khoét và tàn phá của công như mấy ngài giám đốc nói trên. Họ cũng đáng quý trọng hơn những người có trách nhiệm mà thản nhiên trước sự mất mát tài sản của đất nước, vô cảm trước những khó khăn của đồng bào... Thật may là trong cuộc sống, chúng ta có đông đảo những người như cô bé bán rau hơn rất nhiều so với số các ngài giám đốc và những nhân vật kia, chứ nếu không thì không biết cuộc đời này sẽ ra sao!

Trên báo Diễn Đàn Doanh Nghiệp ra tuần từ 15 đến 21.5.1998, trong bài “*Cái gốc của mọi sự nghiệp*”, Thái Duy kể lại câu chuyện có thật sau:

© “... Năm 1950, Trường cao đẳng giao thông công chính đóng tại Khu IV (Thanh Hóa) tổ chức thi tốt nghiệp khóa đầu tiên. Lãnh đạo Bộ giao thông công chính có công văn từ Việt Bắc gửi hiệu trưởng yêu cầu cho ba học viên là đảng viên đỗ tốt nghiệp, dù không đủ điểm. Hiệu trưởng là kỹ sư Đặng Phúc Thông, một trí thức có tiếng, tốt nghiệp ở Pháp. Hồ Chủ tịch đã mời ông ra giúp nước, giữ chức thứ trưởng Bộ giao thông công chính. Ông đã tham gia phái đoàn của Hồ Chủ tịch sang Pháp giữa năm 1946. Ở Việt Bắc ông đau ốm luôn, không chịu nổi khí hậu vùng rừng núi. Chính phủ đã chuyển ông về Khu IV, đại diện Bộ ở Khu IV kiêm hiệu trưởng. Ông kiên quyết không làm theo chỉ thị của Bộ. Kỹ sư ra trường không đủ điểm, chuyên môn thấp sẽ ảnh hưởng đến chất lượng cầu đường. Lãnh đạo Bộ phê phán hiệu trưởng gay gắt, cho là phi chính trị, chuyên môn đơn thuần và còn có ý định cử một hiệu trưởng khác để bảo hơn về thay. Cũng may việc này đến tai Hồ Chủ tịch. Trước hết, Người khen ngợi hiệu trưởng đã có lập trường kiên định, vững vàng, không chấp hành chỉ thị của Bộ và đã tránh được một sai lầm không thể tha thứ đối với một hiệu trưởng. Hồ Chủ tịch đã nghiêm khắc phê bình lãnh đạo Bộ và đòi hỏi không được tái phạm sai lầm nghiêm trọng này nữa. Phải thực học và thực tài...”

Dưới đây, người viết dẫn thêm bốn câu chuyện nữa về những nhân cách tốt:

© Báo Tuổi Trẻ ngày 24-3-2006 kể về đại sứ nhân dân, một em bé bán hàng rong từ chối nhận tiền người nước ngoài và chỉ nhận đúng giá món hàng em bán. Tôi tự thấy mình cần phải kể câu chuyện đã xảy ra hơn 20 năm.

Ngày đó kinh tế còn khó khăn, từ Nhà Bè tôi đi đò về Duyên Hải, TP.HCM dự thôi nôi đứa con đầu lòng của một người bạn. Trời nắng như đổ lửa, hơi nước từ sông bốc lên mặn chát. Tôi nghe da mình ram râm, dính dính, cổ họng khô khốc. Chợt một giọng nói nhỏ nhẹ: “*Chị ơi, mua giùm em miếng bánh*”. Trời, đang thèm ly cà phê đá, đang

muốn hét lên vì khát mà thằng bé lại mời mình ăn bánh. Loại bánh đổ khuôn tròn, hai miếng úp lại, có dừa sợi, đường hột bên trong. Bánh được cắt thành tám miếng. Nhìn miếng bột khô khan, ở giữa những hột đường khô khốc lẫn những sợi dừa cong queo dưới cái nắng miền biển, thật không có gì đáng ngán hơn! Tuy nhiên, nhìn chú bé nước da rám nắng, mái tóc cháy khét, tôi thấy tội nghiệp: *“Bao nhiêu một miếng vậy?” – “Dạ, 2 đồng”*.

Tôi móc 4 đồng ra: *“Chị cho 4 đồng nè. Chị không mua bánh đâu”*. Không ngờ thằng bé lộ vẻ hờn dỗi: *“Chị mua bánh thì em bán chứ cho tiền em không lấy đâu”*. Tôi hơi ngượng, chú bé chỉ khoảng 10 tuổi. Thấy nó dậm bước tôi vội nói: *“Thôi cho chị bốn miếng đi”*. Chú bé ngần ngừ: *“Chị thích ăn thì mua chứ đừng mua vì thương hại em nha”*. Tôi cười: *“Không, chị thích ăn thật mà”*. Nó lấy miếng lá chuối cũng cong queo gói bốn miếng bánh cho tôi. Tôi đưa 10 đồng: *“Khỏi thôi”*. Chú bé vẫn móc 2 đồng thối lại, nhẹ nhàng cảm ơn tôi rồi đi bán tiếp. Một người ngồi gần đó nhìn tôi nói: *“Thằng bé ấy tên Bờm. Lần nào đi công tác tôi cũng gặp nó cả. Lần đầu, tôi cũng cho tiền, nó từ chối. Tôi thấy ngộ quá, hỏi tên, mua giùm nó miếng bánh”*.

Nhìn những miếng bánh trên tay, tôi bỗng thấy đói bụng. Tôi cầm một miếng bánh lên ăn ngon lành.

Giờ đây, chắc Bờm đã qua tuổi 30. Chú bé thế nào nhỉ? Cho dù chú học hành thành đạt hay chỉ là người nông dân bình thường, tôi chắc chắn chú là một công dân tốt của xã hội.

(Bài *“Bờm”* của Nguyễn Ngọc Hà, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 7/4/2006).

⊙ Cách đây lâu lắm, nhỏ cháu đi du lịch về tặng tôi một chiếc ví móc khóa bằng vải thun, hai lớp, hình đầu một con gấu, có dây kéo hắc hoi. Khi tiền xu được phát hành và khi tôi đi dạy bằng xe buýt, chiếc ví con gấu trở nên hữu dụng.

Sáng sớm như thường lệ, tôi đón chuyến xe buýt trên đường Nguyễn Thông, xe queo vào ga Sài Gòn sang đường Nguyễn Phúc Nguyên, ngừng trạm. Bước lên xe là cô bé bán hàng rong với cái rổ chữ nhật to trước ngực. Trong rổ có đủ thứ. Sách coi tướng, tiểu thuyết rẻ tiền, kẹp tóc, tay nhựa gãi lưng, bông băng, dầu cạo gió...

Cô bé ngồi gần tôi. Cô tiếp viên xé hai vé. Tôi móc con gấu ra, mở chiếc dây kéo bé xíu lấy đồng xu hai ngàn trả tiền. Cô bé hỏi: *“Cô dạy trường nào thế?”*. Tôi nói tên trường rồi nói luôn nó ở tận Bình Chánh. Cô bé nói xa quá nhưng cũng không xa bằng em phải đi hàng chục cây số mỗi ngày để bán những thứ linh tinh em mang theo. Trừ chi phí ăn uống, em còn dư vài chục ngàn đồng gửi về gia đình. Em muốn làm công nhân nhưng ngại trình độ thấp...

Tôi ngồi nghe, hỏi vài câu lịch sự. Đến chợ Kim Biên, tôi xuống để đón xe đi Bình Chánh và phát hiện con gấu đã biến mất khi lên chuyến xe thứ hai. Tôi nhớ lại, mãi nghe em nói, tôi đã không kịp cắt con gấu vào cặp. Xe thắng nhiều lần, có lẽ nó rớt trên sàn xe và... Trong con gấu còn khoảng hai trăm ngàn, đủ cho con bé thư thả vài ngày buồn bán...

Rồi một buổi sáng, chiếc xe buýt vào ga, ngừng ngay trạm đầu trên đường Nguyễn Phúc Nguyên, một bóng người mang chiếc rổ trước ngực nặng nề bước lên, tôi nghe tiếng reo: *“A, cô đây rồi. Em tìm cô cả tuần nay”*. Em sà vào kế bên tôi, móc từ chiếc túi vải đeo bên cạnh đưa lại tôi con gấu. Tôi như người mất hồn cầm lại con gấu trĩu nặng những đồng tiền xu. Tôi nghe giọng mình nhẹ đi: *“Tôi lấy lại con gấu, tặng em số tiền bên trong nhé”*. Em cầm cổ tay tôi: *“Thôi cô à, cô kiếm tiền cũng cực khổ, em*

không lấy đâu”. Tôi nói với em là tôi dạy nhiều nơi, kiếm được khá nhiều tiền. Em cương quyết từ chối, còn thêm vào một câu khiến tôi ứa nước mắt: “...Nhìn cô em nhớ mẹ em và cô giáo em ở quê lắm...”.

Đến trạm kế, em chào tôi để xuống đón xe đi miền Tây. Nhìn dáng em nhỏ bé, lạc lõng giữa thành phố thênh thang, tôi bỗng như nghe thấy lời từ trái tim mình: *“Cảm ơn em đã trả lại tôi con gấu kỷ niệm, còn cho tôi thêm một kỷ niệm. Kỷ niệm được gặp em, được nhận ra sự lương thiện và lòng tự trọng của một người lao động”.*

(Bài “*Vật kỷ niệm*” của Nguyễn Ngọc Hà, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 9/5/2006).

◎ 1. Nhà ga Vinh, một ngày sau Tết. Một thầy giáo già về thăm quê nay mua vé trở lại miền Nam.

- *Cô cho tôi một vé nằm nhưng ở toa không có máy lạnh. Tôi nhát rét lắm!*
- *Thế thì chịu. Toa nằm đều có máy lạnh.*
- *Chà! Tàu VN giờ sang nhĩ... Tôi, tôi mua hai vé ngồi... để có chỗ ngả lưng.*
- *Bác mua một vé thôi! Khách vào Nam sau Tết họ đi cả rồi. Tàu rảnh lắm, tha hồ nằm.*
- *Không! Cô cứ bán cho tôi hai vé. Mình sử dụng hai chỗ thì mua hai vé cho đàng hoàng.*

Cô bán vé vừa đếm tiền vừa “kêu...ca”:

- *Ôi! Xã hội mà ai cũng như bác thì dân chúng được nhờ...*

Quả là giữa lúc khắp nơi diễn ra cảnh các “quan” thi nhau chiếm đất, chiếm tiền và đủ thứ khác một cách phi pháp thì việc ông giáo già mua vé như trên cũng hơi bị... hiếm; cô bán vé lên tiếng “ca” một bài cũng phải lắm!

2. Lên tàu, tuy mua hai vé nhưng nằm co chân trên ghế mãi cũng mỏi, nửa đêm ông giáo trải áo nilông nằm xuống sàn tàu, giữa hai hàng ghế. Về khuya, gió lạnh, ông tỉnh giấc, trở mình đúng lúc vị khách ngồi ghế đối diện đang cúi người kéo nhẹ chiếc áo khoác ông đắp vừa tuột xuống bên cạnh. Ông nói nhỏ “cảm ơn” nhưng lòng rung động hơn cả nhịp rung của con tàu...

Anh bạn tình cờ làm người khách đồng hành với ông giáo già kể cho tôi nghe câu chuyện trên rồi thú vị cất bài ca của nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, có “ché tác” lại chút ít: *“Cuộc đời vẫn đẹp sao! Tình yêu vẫn đẹp sao! Dù tiền đô với vàng thét gào...”*

(Bài “*Chuyện ghi trên một chuyến tàu*” của Nguyễn Khắc Phê, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 14/3/2006).

◎ Giữa lúc đời sống văn nghệ đang có phần lạng lẽ, bạn đọc lại chú ý đến phóng sự điều tra nhiều kỳ của nhà văn Nguyễn Quang Hà đăng trên báo Văn Nghệ (Hội Nhà văn VN) với tựa: “*Chuyện một người tự tử ở Huế*”. Câu chuyện đã gây xúc động mạnh mẽ không chỉ ở Huế – mà có thể xảy ra ở bất cứ đâu đó trên đất nước ta.

Đó là chuyện bà Hoàng Thị Giới, 73 tuổi, trong một lúc phần uất đã đâm đầu vào xe tự tử. Thời kháng chiến chống Pháp, mới 15 tuổi, bà Giới đã làm liên lạc cho cách mạng. Trong kháng chiến chống Mỹ, bà hoạt động đơn tuyến – chủ yếu là tiếp tế lương thực, thuốc men, nuôi giấu cán bộ... Việc làm của bà đã được nhiều cán bộ cách mạng xác nhận.

Thế nhưng, đến thời điểm này, bà vẫn không được chính quyền xã chấp nhận hồ

sơ để được khen thưởng theo chính sách. Bà làm đơn kêu cứu nhiều nơi nhưng không được cứu xét. Bà nói: *“Vì tin Đảng nên tôi phải kêu oan, mong Đảng giải oan để các con tôi hiếu mẹ nó. Chữ các chú bảo, Đảng có cho huân chương, huy chương hay tiền bạc gì đi nữa thì bây giờ còn có ý nghĩa gì đối với một người tàn phế như tôi?”*.

Bằng linh cảm của một nhà văn có trách nhiệm với số phận con người, Nguyễn Quang Hà đã bỏ nhiều công sức đi tìm sự thật. Hóa ra, nguyên do rất đơn giản: Khi làm hồ sơ xét khen thưởng – vợ của ông cán bộ thi đua xã Hương Vân đã đòi bà Giới phải *“cống nạp”* đúng 1.500.000 đ! Tất nhiên bà Giới không chịu nên sự việc cứ nhùng nhằng mãi.

Khi nhà văn vào cuộc, cán bộ xã đã ngụy tạo hồ sơ để *“lật ngược thế cờ”* – nhằm chứng minh bà Giới không có đóng góp gì cho cách mạng! Khi bà Giới phẫn uất tự tử, nhà văn vẫn không chịu thua, đã viết nhiều bài báo chứng minh ngược lại. Và tiếng vang của sự kiện đã được đồng chí Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên-Huế lưu ý, chỉ đạo phải giải quyết rốt ráo. Thế nhưng, cán bộ xã vẫn tìm mọi cách để bảo vệ *“lý lẽ”* của mình. Bạn đọc rất bất bình, bởi chẳng lẽ cái xấu cứ ngang nhiên tồn tại mãi?

Không! Theo thông tin mới nhất từ báo Văn Nghệ (số 26/11/2005), UBND tỉnh Thừa Thiên-Huế đã lập đoàn thanh tra sự việc trên và *“nhà văn Nguyễn Quang Hà được mời làm thành viên chính thức của đoàn”*. Đọc thông tin này, thú thật tôi đã mừng đến ứa nước mắt. Bởi, không ai, không điều gì có thể đứng trên công lý; bởi ngòi bút của nhà văn ít ra cũng có ích trong trường hợp cụ thể này.

Lâu nay, công chúng yêu văn học vẫn đòi hỏi ở nhà văn VN những tác phẩm lớn ngang tầm với thời đại, thì chắc chắn họ cũng không thể không đồng tình, ủng hộ nhà văn dũng cảm chống lại cái xấu, bênh vực cho công lý từ ngay trong đời thường.

Tôi rất tâm đắc với suy nghĩ của nhà văn Kiều Vương, khi đánh giá về việc làm của đồng nghiệp Nguyễn Quang Hà: *“Nhà văn sinh ra là để làm cái việc chống lại mọi thứ cường quyền, giúp làm giảm bớt đi nỗi khổ đau của con người”*

(Bài *“Trách nhiệm của một nhà văn”* của Lê Văn Nghệ, báo Phụ Nữ, ra ngày 25/11/2005).

Bạn còn có thể đọc lại các ví dụ về những con người cụ thể, có trong mục nhỏ 4.2. *Mối liên hệ xúc cảm cá nhân với nhu cầu và hành động của cá nhân* và phân tích tìm hiểu các đặc điểm nhân cách, hoạt động thế giới bên trong của những người đó.

Rất đáng lo, khi trong xã hội ta hiện nay, loại nhân cách *“Ăn (hiểu theo nghĩa rộng, kể cả ăn tiền, ăn hối lộ, ăn gian, ăn cắp, đạo văn, đạo nhạc, đạo công trình khoa học, rút ruột...) như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa”* trở nên khá phổ biến, đến nỗi, bạn không chỉ đọc thấy trên các trang báo hàng ngày, hàng tuần mà còn gặp họ không ít trong cuộc sống, công việc đời thường.

Hệ thống giáo dục, ít nhất, phải định hướng thực hiện điều 13 của *“Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa”* (Liên hiệp quốc 16/12/1966 và Việt Nam gia nhập ngày 24/9/1982), lời kêu gọi của UNESCO (Tổ chức giáo dục, khoa học, văn hóa của Liên hiệp quốc) *“Học để biết cách học, học để làm, học để sống chung và học để sáng tạo”* (Learning to learn, learning to do, learning to be together and learning to create). Điều 13 nhấn mạnh mục đích của giáo dục là *“phát triển đầy*

đủ nhân cách và ý thức về nhân phẩm” của mỗi người thuộc nhân loại.

Nhân cách đã được trình bày khá chi tiết ở trên, còn nhân phẩm được hiểu rộng rãi là các phẩm chất, giá trị của con người được phát hiện, đề cao, gìn giữ và phát triển qua nhiều thời đại mà không bị đào thải. Có thể nói đây là các phẩm chất, giá trị mang tính vĩnh cửu, nếu muốn trở thành người theo đúng nghĩa, chứ không phải những giá trị cơ hội, nhất thời. Những phẩm chất, giá trị vĩnh cửu này được ghi nhận trong các văn kiện của Liên hiệp quốc về nhân quyền đã nói ở trên; trong các bài viết, nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh như cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, 5 điều Bác Hồ dạy thiếu nhi...

Xây dựng và thực hiện chương trình điều khiển phát triển nhân cách của hệ thống giáo dục là công việc hết sức lớn, cần rất nhiều người trong xã hội tham gia và đòi hỏi tính cụ thể rất cao. Trong mục nhỏ sau, người viết chỉ giới hạn ở việc liệt kê một số yêu cầu quan trọng, cần được tính đến khi xây dựng và thực hiện chương trình điều khiển phát triển nhân cách.

9.2. Giáo dục nhân cách lý tưởng trong trường học

- Mục đích của giáo dục là hình thành và phát triển đầy đủ nhân cách của người được giáo dục, đáp ứng những nhu cầu khách quan tồn tại và phát triển của xã hội. Ở đây, cần có sự phát triển toàn diện, hài hòa các khả năng tiềm ẩn của từng cá nhân cụ thể với sự phong phú các biểu hiện trong giao tiếp, hoạt động của cá nhân đó, của tất cả các cá nhân khác, nhằm thỏa mãn đồng thời các nhu cầu chính đáng của cá nhân và xã hội. Như vậy, nhiệm vụ của giáo dục, thực chất, là quá trình điều khiển cá nhân đạt đến mục đích điều khiển: Nhân cách lý tưởng.

Chúng ta cùng thử phác thảo những yêu cầu đối với nhân cách lý tưởng mà giáo dục cần đạt đến, trên cơ sở những gì đã trình bày về thế giới bên trong con người và nhân cách nói chung:

Thứ nhất, nhân cách lý tưởng có mục đích sống đẹp: Đóng góp với khả năng cao nhất có thể có, bằng các hành động tốt vào sự tồn tại và phát triển bền vững của xã hội, do vậy, cũng thỏa mãn các nhu cầu phát triển toàn diện các tiềm năng phong phú của cá nhân mình.

Thứ hai, nhân cách lý tưởng có các động cơ thích hợp để thúc đẩy mạnh mẽ, tin cậy các hành động tốt hướng đến mục đích sống đẹp.

Thứ ba, nhân cách lý tưởng có năng lực sử dụng hệ thống các công cụ (hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, phương pháp, phương tiện) hiện đại nhất để hành động một cách chuyên nghiệp và sáng tạo hướng đến mục đích sống đẹp.

Thứ tư, nhân cách lý tưởng biết tự hoàn thiện nhân cách (làm chủ, tự giáo dục, tự điều khiển thế giới bên trong, do vậy, cả các hành động thể hiện ra bên ngoài) để thỏa mãn càng ngày, càng tốt các nhu cầu xã hội và các nhu cầu cá nhân của mình, đáp ứng được với các thách thức phát triển.

Trong các ý nghĩa nêu trên, giáo dục phát triển nhân cách nhân văn, nhân đạo hơn, về lâu dài, đúng hơn so với giáo dục chỉ nhằm phát triển nguồn nhân lực.

Trong bốn yêu cầu nêu ra đối với nhân cách lý tưởng, người viết nhận thấy cần giải thích rõ hơn một số ý để bạn đọc có thể liên hệ một cách dễ dàng giữa các yêu cầu này và các yếu tố thuộc thế giới bên trong con người, được mô tả tập trung, tiêu biểu trên Hình 12 của mục nhỏ 6.4. *Tư duy tự nhiên hiện nay và tư duy cần có.*

Yêu cầu thứ nhất là nhân cách có mục đích sống đẹp. Mục đích này có nguồn gốc từ nhu cầu cá nhân và được phản ánh trong tư duy thành các ý nghĩ. Các ý nghĩ có thể mang tính cụ thể hay khái quát. Tuy nhiên, để có được các hành động cụ thể (mà các hành động thường là cụ thể) thì các ý nghĩ khái quát cần được cụ thể hóa. Nhu cầu cá nhân nói đến ở đây bao gồm cả nhu cầu phát triển xã hội đã được chuyển hóa thành nhu cầu của cá nhân. Nhân cách lý tưởng có mục đích sống đẹp và có những hành động tốt để đạt được mục đích đó. Nói cách khác, nhân cách lý tưởng nghĩ (đề ra mục đích tốt) luôn đi đôi với việc làm (hành động tốt). Đây chính là Hình 11a của mục nhỏ 6.3. *Mối liên hệ của tư duy với các yếu tố cá nhân khác.*

Yêu cầu thứ hai là nhân cách lý tưởng có các động cơ thích hợp để thúc đẩy mạnh mẽ, tin cậy các hành động tốt hướng đến mục đích sống đẹp.

Trong trường hợp đầy đủ (xem Hình 12), động cơ bao gồm tất cả các yếu tố đứng sau hành động: Nhu cầu, xúc cảm, thói quen tự nguyện, tư duy. Yếu tố nhu cầu là yếu tố cơ bản của động cơ vì, hành động của cá nhân xuất phát từ nhu cầu cá nhân và nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân (xem mục 3. *Nhu cầu cá nhân*).

Yếu tố xúc cảm phản ánh sự thỏa mãn hay không thỏa mãn nhu cầu có tác dụng thúc đẩy hoặc ngăn cản hành động trực tiếp, mạnh mẽ, nhanh và cụ thể hơn nhu cầu (xem mục 4. *Xúc cảm cá nhân*). Xúc cảm cũng được xem là cần chú ý nhất khi xem xét chuỗi đầy đủ từ nhu cầu đến hành động (xem mục 7. *Xúc cảm cá nhân – yếu tố quan trọng nhất đối với hành động cá nhân*).

Thói quen tự nguyện có tác dụng còn mạnh mẽ và lâu bền hơn xúc cảm trong việc thúc đẩy thực hiện hành động, tuy nhiên cũng có vài nhược điểm (xem mục 5. *Thói quen tự nguyện*).

Đối với yếu tố tư duy, tương tự như các yếu tố khác, bạn đọc có thể đọc lại mục 6. *Tư duy cá nhân* và đặc biệt chú ý Hình 12 cùng văn bản kèm theo.

Động cơ cần có sự đồng hành giữa tư duy và xúc cảm, thói quen tự nguyện (xem Hình 11a).

Yêu cầu thứ ba là nhân cách lý tưởng có năng lực sử dụng hệ thống các công cụ hiện đại nhất để hành động một cách chuyên nghiệp và sáng tạo hướng đến mục đích sống đẹp.

Đối với các yếu tố bên trong, năng lực liên quan đến tư duy. Cần phải trang bị, rèn luyện cho cá nhân những phương pháp tư duy giải quyết vấn đề và ra quyết định tiên tiến nhất. Đây chính là phương pháp luận sáng tạo và đổi mới (PPLSTVĐM),

được nói đến trong mục nhỏ 6.4. *Tư duy tự nhiên hiện nay và tư duy cần có*, đặc biệt là Hình 12.

Yêu cầu thứ tư là nhân cách lý tưởng biết tự hoàn thiện nhân cách.

Việc thỏa mãn ba yêu cầu trước sẽ giúp thỏa mãn yêu cầu thứ tư.

- Hệ thống giáo dục trong nhà trường từ mẫu giáo đến đại học bao gồm các thầy cô đứng lớp, các nhà quản lý giáo dục, các nhân viên... mà người viết gọi chung là các thầy cô. Những cá nhân đi học, nhận những tác động của giáo dục được gọi chung là các học viên (người học). Chúng ta hãy giả sử rằng, cá nhân (thầy cô và học viên) sống trong hoàn cảnh xã hội, được mô tả trên *Hình 15: Sự cộng hưởng của cá nhân và xã hội*. Có thể nói đây là trường hợp thuận lợi nhất để hình thành và phát triển nhân cách lý tưởng. Các trường hợp khác sẽ được người viết đề cập sau.

Dưới đây, người viết liệt kê một số đặc trưng của hệ thống giáo dục tốt:

1) Các thầy cô có nhiệm vụ giáo dục các học viên trở thành các nhân cách lý tưởng. Vậy, các thầy cô phải là các nhân cách lý tưởng.

Marx và Engels nhấn mạnh: *“Học thuyết duy vật cho rằng mọi người là sản phẩm của hoàn cảnh và giáo dục, do vậy, người ta trở nên khác đi là do hoàn cảnh và giáo dục khác đi. Học thuyết này quên mất rằng, hoàn cảnh thay đổi bởi chính con người và chính người đi giáo dục phải được (có) giáo dục”*¹.

Các thầy cô phải là những người đã được giáo dục trước khi làm công việc giáo dục các học viên.

Như vậy, để vào được các trường sư phạm, các thầy cô tương lai phải được chọn lọc một cách cẩn thận, chính xác không chỉ theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ (học để dạy môn gì) mà còn theo các tiêu chuẩn thích hợp về nhân cách, chứ không phải *“chuột chạy cùng sào mới vào sư phạm”*. Trong trường sư phạm, các giáo sinh được học và làm việc với các thầy cô là nhân cách lý tưởng. Các giáo sinh khi ra trường cần được chọn lọc lần nữa để bảo đảm rằng, các giáo sinh được chọn làm thầy cô trong các trường học là các nhân cách lý tưởng.

Trong ý nghĩa này, các tác động lên ý thức như các lời dặn dò, khuyên bảo, kêu gọi, thuyết giảng đạo đức... không thể làm cho các học viên có những hành động tốt, nếu như từ thầy cô, các học viên thấy các ví dụ hoàn toàn ngược lại. Muốn có được những học viên trung thực, dũng cảm, nhân hậu, vị tha, có tinh thần tập thể, đòi hỏi cao đối với chính mình, kiên trì, có ý chí..., phải có những thầy cô với các đặc điểm nhân cách như thế. Lúc này, các thầy cô là những tấm gương. Bắt chước, theo gương các hành động tốt của các thầy cô là con đường thẳng dẫn đến tiềm thức các học viên. Bởi vì, bắt chước là một biến thể đặc biệt của nhu cầu được trang bị và nhu cầu bắt chước có thể được thỏa mãn bằng các hành động (hành vi) mà không cần phải thông qua ngôn ngữ tác động lên ý thức. Lúc này, sự giáo dục diễn ra hết sức tự nhiên, không cố ý và không cần cố gắng, lên gân: Không thấy các biện pháp giáo

¹ Маркс К., Энгельс Ф. Соч. – 2-е, изд. – Т.3. – с.2

dục mà các kết quả giáo dục vẫn cứ có. Các đặc điểm nhân cách của các thầy cô lây nhiễm (hiểu theo nghĩa tốt đẹp) truyền sang các học viên mà chính các học viên không có ý thức về điều đó. Theo T. Bird: *“Lớp trẻ cần sự gương mẫu hơn là sự phê bình”*.

L.N. Tôlxtoi nhận xét một cách chí lý rằng: *“... công việc giáo dục còn là phức tạp và khó khăn, khi chúng ta cứ muốn giáo dục các con của mình hoặc những ai đó khác, mà không chịu giáo dục chính chúng ta. Nếu chúng ta hiểu được rằng, giáo dục những người khác chỉ có thể thông qua chính chúng ta, bằng cách giáo dục chính mình, thì vấn đề giáo dục sẽ không còn nữa, chỉ còn lại vấn đề sống như thế nào?”*.

Nói rộng ra, nếu cấp trên muốn giáo dục cấp dưới, người đi trước giáo dục người đi sau, người lớn giáo dục trẻ em, cấp trên, người đi trước, người lớn phải gương mẫu. Người xưa nhắc nhở: *“Nhà đột từ nóc đột xuống”*, *“Thượng bất chính, hạ tắc loạn”*. Hoặc, tục ngữ Nga có câu: *“Cá thối từ cái đầu thối đi”*.

Bạn đọc có thể tưởng tượng một tương lai, khi đứa bé sinh ra trong môi trường, ở đó không ai đề cập gì đến giáo dục. Đứa bé chỉ việc sống như (bất chước) những nhân cách lý tưởng có xung quanh mình để trở thành nhân cách lý tưởng. Điều này cũng tương tự như đứa bé sinh ra trong xã hội, ở đó ai cũng chấp hành đèn tín hiệu điều khiển giao thông. Đứa bé cũng sẽ làm theo mọi người mà không cần phải có các biện pháp giáo dục chính thức.

2) Giáo dục phải tạo ra được sự thay đổi chắc chắn và ổn định các hành động (hành vi) của người học, kể cả tạo ra những hành động tốt mới, được thúc đẩy bằng thói quen tự nguyện ở mức tiềm thức, phù hợp với mục đích hình thành và phát triển nhân cách lý tưởng.

Ví dụ, thầy cô giáo nói với các em: *“Ra đường nhìn thấy người già, các em phải giúp đỡ”*. Nếu một hôm gặp cụ già đang lúng túng tìm cách qua đường, em học sinh chợt nhớ đến lời thầy cô, quyết định dẫn cụ qua đường là em đã thay đổi hành động và mọi việc nằm trong vùng ý thức. Điều cao hơn nữa cần đạt là việc giúp đỡ người già của các em trở thành thói quen tự động mới, không còn phải đấu tranh tư tưởng, làm một cách tự giác, thậm chí không để ý, không nhớ việc mình đã làm. Giáo dục phải đạt đến mức hình thành những giá trị đạo đức nền tảng có trong tiềm thức. Như thế, thì khi người ta đưa hối lộ, người được giáo dục mới có thể gạt phăng đi một cách cương quyết, hoặc tự động thấy chuyện bất bình không tha, chứ không phải đứng đó mà suy nghĩ xem có nên hay không nên.

○ “...Hôm Tết, ở bến phà Rạch Miễu người ta chờ phà rất đông. Dòng người và xe cộ chen chúc nhau trong nhà chờ phà chật hẹp. Một em trai có vẻ như là sinh viên chạy chiếc xe đạp cũ va chạm nhẹ vào chiếc xe máy của một người đàn ông trung niên có gương mặt đẹp trai và hiền. Chàng trai lí nhí xin lỗi. Đôi mày cong và đen trên gương mặt trắng trẻo của người đàn ông nhíu lại. Cái gương mặt thánh thiện của người đàn ông đó bỗng hóa thành quỷ dữ ngay trong một sát na không ngờ được. Một cú đấm thẳng vào mặt em trai kia được tung ra. Những người chung quanh ngơ ngàng. Máu vọt ra từ mũi em sinh viên. Không ai phản ứng gì. Có người quay mặt đi chỗ khác. Em trai đó nhìn mọi người cầu cứu. Cũng không có ai phản ứng gì. Ánh mắt tuyệt vọng. Lại

một cái tát tai và câu chửi thề: *"Mày về bán nhà mà đền chiếc xe cho tao"*. Nước mắt trên gương mặt em trai đó hòa cùng máu.

Mọi việc xảy ra nhanh quá, nhưng cũng không phải không có đủ thời gian để một người nào đó can thiệp. Một chuyện bất bình như vậy mà sao mọi người im lặng? Anh chàng vạm vỡ đứng bên sao không lên tiếng? Cái anh mặc áo khoác có bộ râu rất ngầu sao không lên tiếng? Cả một đám người sao không lên tiếng? Tôi thầm nghĩ chiếc xe thậm chí không một chút trầy trụa mà đền cái gì. Tay này thật quá đáng! Cũng chỉ nghĩ vậy rồi thôi chứ không biết phải làm gì. Một cảm giác bất lực trào lên, tôi không giúp gì được em đâu. Vừa rồi con trai tôi vì bệnh bạn đã bị bọn xã hội đen đâm và đau hơn vết đâm là nhà trường hạ điểm đạo đức, còn công an thì phạt vì tội gây rối trật tự công cộng. Lý do tôi không thể bênh vực em nằm ở đó ư? Có thể là để tự an ủi khi mình hèn nhát né tránh những chuyện bất bình. Con tôi, tôi còn không bảo vệ được mà... Tôi hiểu khi viện ra lý do như vậy thì tôi đã hai lần hèn nhát.

Tôi nhìn em trai mà lòng cũng đau như nó. Nó đang tủi nhục vì bị hiếp đáp. Còn tôi, tôi thấy nhục vì không dám bênh vực em. Lục Vân Tiên đâu rồi? Nhưng tôi không phải bán khoăn lâu. Lục Vân Tiên xuất hiện. Không phải là Lục Vân Tiên trai tráng của cụ Nguyễn Đình Chiểu mà là ba bốn chị Lục Vân Tiên đang ào ào xông tới. Rẽ đám đông đang vây quanh, một chị cũng ở tuổi trung niên, mặt đánh lại nhìn người đàn ông đi xe máy kia bằng đôi mắt mang hình viên đạn. Giọng chị nhỏ nhưng dứt khoát và có lửa: *"Ông là ông trời hả? Chiếc xe của ông quý bằng mạng người không?"*. Các chị khác cũng lao nhao: *"Tôi nện cho ông một cây đòn gánh bây giờ. Ăn hiếp con nít hả?"*. Rồi các chị quay qua lau mặt và xúc dầu cho em trai kia. *"Có mấy di đây, đừng sợ con. Tao đố cha thằng nào dám đánh mày nữa"*. Cụ Đồ ơi, Lục Vân Tiên vẫn còn đó, mà hình như đã tái sinh vào kiếp đàn bà. Một chị nhìn tôi, một gã đàn ông trung niên, cao 1,7 m, nặng 75 kg lúc ăn kiêng: *"Xuống phà anh coi chừng giùm thằng nhỏ, không thôi thằng cha này đánh nó nữa nghe anh"*. Có lẽ chị tin vào bộ râu mép trông có vẻ hảo hớn của tôi. Tôi không hiểu vì lý do gì đó mà các chị không xuống phà để tiếp tục che chở cho em trai kia, lại giao phó sứ mệnh mà ngay từ đầu tôi đã né tránh. Nhưng xin lỗi chị, chị làm tôi nhục quá, chị không thấy sao, Lục Vân Tiên trong tôi đã chết rồi, chết tại bến phà này đây!"

(Bài *"Cái chết của Lục Vân Tiên"* của Nguyễn Minh Chiếm, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 14/2/2005 và 2/9/2005).

Thói quen tự nguyện có tác dụng thúc đẩy một cách chắc chắn các hành động quen thuộc (thói quen). Nếu sự thúc đẩy này mang tính tự động (tức là ở mức tiềm thức) và các hành động quen thuộc là các hành động thuộc các chuẩn mực xã hội mang giá trị vĩnh cửu, chứ không phải giá trị cơ hội, nhất thời. Lúc đó, cơ chế thúc đẩy này thuộc về nghĩa vụ tự giác, mệnh lệnh trái tim, tiếng nói lương tâm đạt đến mức, chính cá nhân cũng không nhận biết. Lương tâm sẽ chiếm vị trí xứng đáng trong các hành động của con người, khi những gì xuất phát từ lương tâm được thực hiện một cách tự nhiên, không cần bất kỳ cố gắng nào, như mệnh lệnh bên trong, không đòi hỏi phải có những lập luận lôgích. Trong những trường hợp hành động xuất phát từ lương tâm, nếu bạn hỏi người hành động: *"Tại sao anh (chị) có hành động dũng cảm như vậy?"*. Bạn có thể nhận được câu trả lời dưới dạng câu hỏi ngược trở lại, đầy vẻ ngạc nhiên: *"Không lẽ không hành động gì cả hoặc có thể hành động khác đi sao?"*. Tình hình tương tự cũng xảy ra đối với các khái niệm như *"có giáo dục"*, *"có*

tinh thần trách nhiệm”, *“giữ chữ tín”*... Chúng trở thành các đặc điểm của tính cách, hoàn toàn không nhằm mục đích thực dụng như được khen thưởng hay tránh được sự trừng phạt.

Rất tiếc, giáo dục hiện nay phần lớn chỉ là thầy cô nói, học sinh học thuộc lòng, rồi trả lại thầy cô, chứ không hề làm thay đổi hành động (hành vi) của người học.

3) Giáo dục không chỉ là dạy học. Nói đến giáo dục, người ta thường liên tưởng ngay đến công việc dạy học, nhưng dạy học thôi không phải là giáo dục theo đúng nghĩa.

Hoạt động dạy, chủ yếu, tác động lên ý thức (tư duy) của người học, cụ thể, truyền đạt các tri thức (thông tin) của các thế hệ trước đã được tích lũy đến ý thức (tư duy) của người học để người học biết rồi ghi nhớ, lưu giữ, khi cần thì tái hiện và nói lại. Trong khi đó, tư duy không phải là nguồn gốc và động lực của hành động (xem mục nhỏ 3.2. *Mối liên hệ giữa nhu cầu cá nhân và hành động cá nhân*). Trong ý nghĩa này, các tác động lên ý thức (tư duy) như các lời giảng giải, thuyết trình, dẫn dắt, khuyên bảo, kêu gọi, hô hào... không thể đủ làm cho người học thay đổi để có những hành động tốt. Các quy luật của thế giới bên trong (xem các mục từ 2 đến 7) loại trừ tác động trực tiếp của ý thức (tư duy) lên các yếu tố cá nhân khác và phủ nhận quan điểm cho rằng ý thức là *“công cụ siêu điều chỉnh”* các hành động của cá nhân.

Dưới đây là ví dụ về một em học sinh rất thuộc bài (ý thức) nhưng hành động hoàn toàn ngược lại. Nói cách khác, ở đây có sự *“thành công”* của việc dạy học nhưng là thất bại của giáo dục.

⊙ “Sân trường PTTH Thái Phiên (Đà Nẵng) rợp mát bóng phượng vĩ hôm 16/7/1995 đã trở thành pháp đình để xét xử chính một học sinh của trường. Đó là V.N.M, học sinh lớp 11, do đã đánh thầy giáo của mình ngay trong phòng thi.

Có mặt tại phiên tòa, chứng kiến cảnh M. đứng trước vành móng ngựa trả lời những câu hỏi của hội đồng xét xử, chúng tôi và hàng trăm người khác đã quá đỗi ngạc nhiên trước những... hiểu biết của bị cáo.

Cái đập vào mắt anh khi bước vào trường, vào lớp là gì?

– Thưa, đó là câu châm ngôn: *“Tiên học lễ, hậu học văn”*.

Anh hiểu thế nào về câu “nhất tự vi sư, bán tự vi sư”?

– Thưa, tôi hiểu đó là *“một chữ là thầy mà nửa chữ cũng là thầy của mình”*.

Một trong những truyền thống quý báu của dân tộc ta mà mọi người đều biết, anh có biết không và có hiểu không?

– Thưa, đó là truyền thống tôn sư trọng đạo. Tôi hiểu sư tức là thầy dạy và đạo là đạo lý.

Giỏi! Thế xưa nay, người Việt Nam thường hay nói đến một mối quan hệ trong xã hội bằng ba chữ. Anh có biết không?

– Thưa biết, đó là: Quân – sư – phụ. Nước phải có vua. Cha mẹ sinh ra hình hài, nhưng không có thầy thì chẳng nên người.

Rất giỏi! Cái gì anh cũng biết, thế thì tại sao anh lại đánh thầy của mình?

– Thưa, em “vô ý”...

Tòa đã tuyên phạt V.N.M. 18 tháng tù giam. Cậu học trò có thể được coi là thông minh qua những câu đối đáp trên đã lý giải hành vi bạo lực của mình bằng sự “vô ý”. Cái “vô ý” đó được diễn tả trong cáo trạng là: Khi cậu quay cóp nhiều lần, giám thị nhắc nhở, thì cậu đánh vào mặt thầy, rồi sau đó dùng ghế phang tiếp. Lúc nhiều thầy, cô khác đến can gián, cậu dọa sẽ đốt nhà thầy giáo...

Tội thì phải chịu. Nhưng điều làm tôi cũng như các bậc phụ huynh, giáo viên có mặt hôm ấy băn khoăn chính là sự hiểu biết và hành động của bị cáo 17 tuổi. Cậu biết hết, thuộc hết những gì đã được học, được đọc về lễ, về sư, về đạo, nhưng hành động thì ngược lại. Đáng buồn là chỗ đó.

Phải chăng những điều cậu biết, cậu học qua những trang sách, những lời rao giảng trong học đường về đạo lý đã không còn đủ sức nhập vào tâm, thành một sức mạnh đạo đức trong M. và trong khá nhiều bạn trẻ như M.? Hay truyền thống “*tôn sư trọng đạo*” cao quý ngàn năm đã bị xói mòn theo thời cuộc, đến mức chỉ còn quá ít sự thiêng liêng đằng sau những ngôn từ cao quý đó? Và vì vậy, không ít những đứa trẻ mới lớn lên dù có tiếp nhận đầy đủ, dù thuộc lòng những lời giáo huấn, vẫn không xác tín được niềm tin đạo đức?

Phải vậy không, hay còn do cái gì khác nữa?...”

(Bài báo “*Phiên tòa giữa sân trường*” của Đoàn Chạn, đăng trên báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật ngày 30/7/1995).

Do vậy, các biện pháp giáo dục dưới các hình thức kêu gọi các học viên có ý thức kỷ luật, yêu lao động, mình vì mọi người, trung thực, dũng cảm... là những biện pháp giáo dục thô thiển và ít có tác dụng. Lại càng ấu trĩ hơn là những lời kêu gọi các học viên tự giáo dục, tự đào tạo, tự hoàn thiện... Các biện pháp giáo dục chỉ bằng những lời kêu gọi, giáo huấn, hô hào với những từ ngữ trừu tượng, khái quát, trên thực tế, là những biện pháp giáo dục vô trách nhiệm: Đẩy và đặt các vấn đề lên ra các thầy cô phải giải quyết lên vai các học viên. Họ trở nên bơ vơ, lúng túng và mò mẫm trong các hành động cụ thể nhằm thỏa mãn các nhu cầu của mình. Không được trang bị các thông tin, các công cụ (hiểu theo nghĩa rộng nhất) cần thiết do các biện pháp giáo dục cung cấp, rượu chè, cờ bạc, tình dục, đua xe, thuốc lắc, ma túy, tội ác... trở thành các ứng viên thay thế các hành động lành mạnh để có các xúc cảm dương giả tạo: Dường như những ứng viên này có khả năng làm cho các nhu cầu của cá nhân được thỏa mãn.

Để minh họa, dưới đây người viết trích vài đoạn trong loạt bài “*Khi “con bão” Game Online đổ bộ*”, đăng trên báo Tuổi Trẻ từ ngày 15/9 đến 20/9/2005:

⊙ “Vô lâm truyền kỳ là một trò chơi có sức hút mạnh mẽ. Những nhân vật từ vô lâm, kiếm hiệp tạo nên một thế giới khác hẳn so với thế giới thường ngày. Ở ngoài đời, bạn có thể ít nói, ít cười, toàn bị ăn hiếp, thì với game bạn có thể là một vị hiệp khách anh hùng bất khả chiến bại.

Sức hút lớn nhất của game này có thể được lý giải từ góc độ tâm lý là đem đến sự thỏa mãn thị dục huyền ngã của con người; nhất là của các bạn trẻ trong lứa tuổi tự

khẳng định mình.” (Ý kiến của James Nguyễn, báo Tuổi Trẻ, ngày 19/9/2005).

“Ở một mặt nào đó, thế giới của Võ lâm truyền kỳ thỏa mãn những mơ ước của chúng tôi. Đánh bại kẻ xấu, giúp đỡ người cô thế, giết giặc cứu nước, trừng trị bọn người ác... và nổi tiếng, được mọi người nể trọng.” (Ý kiến của Lê Thị Phượng Trinh, Tuổi Trẻ ngày 19/9/2005).

“Có đến nhà thi đấu Quận khu 7 ngày 17/8/2005, ngày đại hội võ lâm lần thứ nhất, mới thấy sức hút của game này: Hơn 40.000 lượt người tham dự, buổi trưa nắng chang chang nhưng vẫn còn hàng ngàn người không chịu về nhà mà ở lại chờ đến buổi chiều tham dự tiếp. Ngoài hành lang của nhà thi đấu, người nằm ngủ la liệt, căngtín chật cứng chỗ ngồi, kẻ bàn người tán vang lên khắp nơi.

Ngày 2/9/2005, hàng ngàn game thủ đã có mặt từ rất sớm tại một nhà văn hóa ở TP.HCM để tham gia các giải đấu, trò chơi của chương trình “Võ lâm truyền kỳ – hội ngộ tháng chín”. Sức nóng ngày càng tăng khi dòng người liên tiếp đổ dồn về khu vực dành cho “Võ lâm truyền kỳ”. Đến khi số lượng tham dự quá đông buộc các anh phụ trách an ninh và bảo vệ phải cản bớt vì trong sàn đấu đã không còn chỗ trống.

Ngày 11/9/2005 tại khu thi đấu thể thao tổng hợp Quận Ngựa (Hà Nội), lại tiếp tục thu hút 30.000 lượt game thủ so tài với những trò chơi như lựa chọn “Võ lâm minh chủ”. Sau khi ra mắt quần hùng, “Võ lâm minh chủ” sẽ sánh vai cùng “Tuyệt đại mỹ nhân”, đại sứ Lam. Tham dự các trò chơi như “Tỷ thí khinh công”, “Thi đấu ngũ hành”, “Hộ tống Thập đại mỹ nhân”, “Truy sát đạo tặc”, “Kiếm hiệp tình khúc”... Hiếm có khi thấy được một sinh hoạt nào lại thu hút đông người tự nguyện tham gia từ sáng tới chiều như thế!” (Tuổi Trẻ ngày 16/9/2005).

Nếu bạn không làm chủ mình, bạn bị cuốn hút vào các hoạt động tương tự nói trên đến nỗi không dứt ra được. Báo chí đã nói đến những trường hợp đột quỵ do chơi game ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Những người may mắn hơn, sau khi trả giá, có đủ xúc cảm đã thoát khỏi cơn nghiện. Dưới đây là *“Tâm sự một tù nhân của game online”* (Đồng A), đăng trên báo Tuổi Trẻ, ra ngày 16/9/2005:

☉ “H.H. là một game thủ lừng danh ở TP. Quy Nhơn (Bình Định). Tuy nhiên anh chỉ tự nhận mình là một trong mười người chơi game hàng đầu. H.H. bắt đầu câu chuyện với chúng tôi thật chân thành: *“Tôi từng là một tù nhân của game! Nếu anh viết báo, đừng nhét chữ tù nhân vào trong ngoặc kép nhé! Những kẻ nghiện game sẽ thức thâu đêm suốt sáng bên màn hình, quên hết mọi thứ trên đời, luôn tơ tưởng đến game, trôi mình vào game.*

Tôi đã dám bỏ thi học kỳ I môn lý năm lớp 10 vì bạn chơi cho xong một game. Ngay cả tiền mua thuốc cho mẹ tôi cũng ném luôn vào điểm chơi game... Một số sách báo có nói rằng game cũng có nhiều cái hay, có cả những bài viết tán dương và lãng mạn hóa game nhưng tất cả những game thủ (kể cả một số sinh viên đại học) mà tôi từng biết chưa có người nào học giỏi, không ai không từng đánh cắp tiền của bố mẹ đến vài lần. Game thủ có tiếng người nào cũng là nỗi phiền muộn của bố mẹ...

Tôi đã phải mất bốn năm để học hết cấp III, thi trượt đại học một lần”. H.H. bản thân tâm sự tiếp: “Tất cả cũng chỉ vì mê muội với game”. Vậy mà cuối cùng H.H. cũng bỏ được. Nghe tin H.H. không nghiện game nữa, một số phụ huynh đã tìm H.H. hỏi nguyên nhân để về chỉ dạy cho con mình, thì nghe H.H. thú thật: “Chỉ vì thương mẹ quá, rất xấu hổ với sự trông cậy của cha nên tự thấy có nhu cầu phải thay đổi để lo học thi, để chứng tỏ mình đủ năng lực học đại học”. H.H. quả là một trường hợp hiếm

thấy trong bối cảnh hiện nay!”.

4) Các biện pháp giáo dục được xây dựng phải tính đến các quy luật của thế giới bên trong con người (xem các mục từ 2 đến 7).

Phần lớn hình thức của các biện pháp giáo dục có dạng thông tin (bao gồm cả kiến thức) tác động lên các giác quan của người học. Các thông tin này có thể là lời nói, cử chỉ, các hình vẽ trên bảng, cách cư xử... của thầy cô; sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo các loại... Các thông tin đi theo các giác quan đến trung khu thần kinh tương ứng thuộc ý thức (tư duy) của người học. Nếu mọi việc chỉ dừng ở đây thì như đặc trưng 3 cho thấy, cách làm này không đủ để tác động lên hành động của người học.

Để đạt được việc thay đổi hành động của người học, các biện pháp giáo dục phải tính đến các quy luật của thế giới bên trong con người. Cụ thể, các biện pháp giáo dục phải phát huy hết khả năng tư duy (xem các đường đậm ⑩ ⑪ ⑫ ⑬ trên Hình 12), chứ không phải như hiện nay mới khai thác trí nhớ (chỉ là một bộ phận của tư duy) là chính. Lúc này, các biện pháp giáo dục phải thông qua được tư duy để chạm đến nhu cầu, đặc biệt, xúc cảm của học viên. Xúc cảm được coi là yếu tố quan trọng nhất đối với hành động cá nhân. Có nhiều cách tạo xúc cảm (xem mục nhỏ 7.2. *Một số cách tạo xúc cảm cá nhân*), các biện pháp giáo dục cần chọn những cách thích hợp và sáng tạo ra những cách của mình.

Dưới đây là tâm sự của Thiên Lam trong bài “*Ước mong*” đăng trên báo Tuổi Trẻ, ra ngày 24/9/2005:

☉ “Bạn trai tôi hiện đang theo học một lớp văn bằng hai buổi tối. Ngày thường anh là một người điềm tĩnh và ít nói. Thế nhưng hôm nay học xong anh xuống đưa tôi đi chơi với dáng vẻ vô cùng hứng khởi. Vừa gặp tôi, câu đầu tiên của anh là: “*Hôm nay gặp được ông thầy dạy hay, dạy thế mới là dạy chứ!*”. Rồi anh say sưa kể tôi nghe về kiến thức và phong cách giảng dạy rất gần gũi, sinh động của người giảng viên nọ.

Bất chợt tôi nhớ đến thời đại học của mình cách đây chưa xa. Ngày ấy chúng tôi đi học mà như đi chơi, thái độ không tích cực, chỉ mong được cho nghỉ sớm hoặc tự cúp tiết, bài vở không chuẩn bị, thầy dạy xong cũng không thêm ôn bài, cứ thế rong ruổi cho đến mùa thi. Cũng có hôm gặp được những thầy giảng hay, sát với thực tế và có tính thực hành, ứng dụng cao, chúng tôi như quên cả cái đói, cái mệt say sưa uống lấy từng lời, rồi dù đã quá giờ học chúng tôi vẫn nán lại hỏi thêm thầy cô giáo và cả đến lúc về ký túc xá vẫn còn bàn luận sôi nổi. Nhưng hình như quá ít những lúc như thế. Phần lớn những hôm chúng tôi đến lớp là vì cảm giác tội lỗi khi mang tiếng đi học mà lại bỏ giờ, vì áy náy với ba mẹ hoặc vì sợ bị cấm thi, sợ ra bài thi đến đúng phần đang học mà trong tập không có chữ nào... Những bài học của chúng tôi khô khan và xa lạ”.

Bạn hãy đọc lại câu chuyện học an toàn giao thông ở Úc (xem ví dụ trong mục nhỏ 7.2. *Một số cách tạo xúc cảm cá nhân*) để thấy buổi học mang tính giáo dục khác buổi học truyền thụ kiến thức như thế nào, vai trò quan trọng của xúc cảm và cách xây dựng một buổi học xúc cảm.

5) Đi vào cụ thể, việc tính đến các quy luật của thế giới bên trong con người cần được thực hiện như thế nào?

• Các đặc điểm của nhân cách (thể hiện qua các hành động), truy cho đến tận gốc, đều xuất phát từ các nhu cầu của cá nhân. Do vậy, các tác động của giáo dục hình thành và phát triển nhân cách, ngay từ đầu, phải nhắm tới sử dụng các nhu cầu cá nhân có sẵn và phát triển hệ thống các nhu cầu cá nhân (xem mục 3. *Nhu cầu cá nhân*). Nói cách khác, mục đích, động cơ, năng lực của nhân cách đều có nguồn gốc, cấu tạo từ các nhu cầu của cá nhân và nhân cách hành động nhằm thỏa mãn các nhu cầu ấy. Do vậy, các tác động giáo dục, muốn có hiệu quả, phải tác động sâu đến tận các nhu cầu của cá nhân, giúp cá nhân thỏa mãn các nhu cầu cá nhân bằng các hành động tốt. Hình thành và phát triển nhân cách phải được cụ thể hóa thành chương trình hình thành và phát triển các nhu cầu của cá nhân từ nhỏ, khi cá nhân bắt đầu nhận ra cái “tôi”, “của tôi”, biết phân biệt cái “tôi” và “những người khác”, đến tận khi cá nhân chính thức ra trường, bước vào đời (đi làm). Điều này đòi hỏi các tác động của giáo dục phải thích hợp và đúng lúc về tuổi đời. Nếu không làm được điều đó, các tác động giáo dục sau này hoặc phải tăng cường rất nhiều hoặc không thể bù đắp được, dẫn đến những khiếm khuyết lớn về nhân cách.

Trong giáo dục phát triển nhân cách, các nhu cầu sau của cá nhân cần được đặc biệt chú ý đầu tư ngay từ đầu và tiếp tục lâu dài:

– Các nhu cầu “cho những người khác” trong các nhu cầu xã hội của cá nhân, bởi vì, từ đây hình thành tính vị tha, bất vụ lợi, đồng cảm, chia sẻ với những người khác. Nói cách khác, phát triển các nhu cầu “cho những người khác” giúp cá nhân trở nên nhân hậu, có được mục đích sống đẹp vì sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

– Các nhu cầu nhận thức của cá nhân. Bởi vì, đây là động lực khởi đầu để cá nhân xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan, niềm tin và sáng tạo phát minh, là những điểm rất quan trọng của xu hướng nhân cách. Các nhu cầu nhận thức của cá nhân phải được phát triển đến mức, cá nhân trong suốt cuộc đời của mình, luôn khao khát tìm kiếm chân lý để có được những hiểu biết mới một cách không vụ lợi (không vì mục đích khen thưởng hoặc để tránh bị trừng phạt). Điều này giúp cho các cá nhân trở nên các nhân cách mạnh mẽ về trí tuệ và phong phú về mặt tâm hồn.

– Nhu cầu tiết kiệm sức lực, vì đây là động lực khởi đầu của sáng tạo sáng chế. Phát triển nhu cầu tiết kiệm sức lực của cá nhân về hướng kết hợp với nhu cầu phát triển xã hội sẽ tạo nên các nhân cách với các thói quen luôn tìm cách cải tiến những cái xung quanh sao cho đầu vào (chi phí) ngày càng giảm, đầu ra (kết quả) ngày càng tăng. Nói cách khác, đây là những nhân cách biết sử dụng các loại tài nguyên một cách tiết kiệm, hợp lý nhất, phục vụ cho sự phát triển.

Ai cũng có các nhu cầu cơ bản, các nhu cầu hỗ trợ các nhu cầu cơ bản. Dưới các tác động của môi trường xã hội, các nhu cầu cá nhân biến đổi, ít nhất, theo hai hướng: 1) Thay đổi mức độ cấp bách đòi hỏi phải thỏa mãn; 2) Kết hợp với nhau, với các nhu cầu của xã hội thành các nhu cầu thứ phát và hợp thành:

– Các nhu cầu hỗ trợ (nhu cầu thỏa mãn các nhu cầu) dưới dạng nhu cầu vượt khó (ý chí) và nhu cầu được trang bị. Các nhu cầu hỗ trợ, một mặt, ảnh hưởng mạnh lên việc thỏa mãn các nhu cầu khác. Mặt khác, sự thỏa mãn các nhu cầu hỗ trợ đóng

góp đáng kể vào việc hình thành và phát triển tính cách của nhân cách. Ví dụ, để thỏa mãn nhu cầu tiết kiệm sức lực, cá nhân có thể trở nên lười biếng làm ỳ ỳ để được con tép, nếu như cá nhân không có ý chí, không được trang bị các công cụ (theo nghĩa rộng nhất). Ngược lại, nếu cá nhân có ý chí và được trang bị các công cụ thích hợp, thay vì lười, cá nhân làm việc tích cực hơn (chứ không phải quá sức, quá tải) một cách chuyên nghiệp, thông minh nhờ được trang bị các công cụ để có kết quả nhiều hơn. Lúc này, cá nhân thu được (lấy kết quả trừ đi công sức) hàng ngàn con tép. Nói cách khác, bằng ý chí và các công cụ hiện đại được trang bị, nhu cầu tiết kiệm sức lực của cá nhân được thỏa mãn tốt hơn, đồng thời, cá nhân đóng góp vào sự phát triển cộng đồng, xã hội cũng nhiều hơn.

– Các nhu cầu của mỗi cá nhân có tính độc lập tương đối, đồng thời liên kết với nhau, hiểu theo nghĩa, chúng có thể tạo tiền đề, bổ sung cho nhau; có thể mâu thuẫn, đấu tranh với nhau và có thể kết hợp với nhau tạo nên nhu cầu mang tính hệ thống mới. Có những nhu cầu xuất phát từ các nhu cầu xã hội chuyển thành các nhu cầu của cá nhân, mà nếu cá nhân có những hành động thỏa mãn những nhu cầu đó, các nhu cầu khác của cá nhân sẽ được thỏa mãn tốt hơn (xem phạm vi ③ của mục nhỏ 8.2. *Cá nhân và xã hội lý tưởng*).

– Thông thường, nếu có sự cạnh tranh (đấu tranh) giữa các nhu cầu khác nhau, tùy theo tác động của tình huống bên ngoài cụ thể hoặc/và sự đánh giá chủ quan các khả năng thỏa mãn các nhu cầu nói trên, nhu cầu nào, cuối cùng, có mức độ đòi hỏi thỏa mãn cao hơn sẽ tác động làm cá nhân chọn hành động tương ứng với nhu cầu đó. Ví dụ, một người bị các bạn thách nhảy từ độ cao năm mét xuống đất. Ở đây có sự cạnh tranh của nhu cầu an toàn và nhu cầu được kính trọng. Nếu không nhảy, chắc chắn sẽ an toàn nhưng các bạn sẽ chế giễu. Nếu nhảy sẽ được tôn làm “*đại ca*” nhưng lỡ gãy chân thì sao. Tùy theo địa hình, địa vật cụ thể của nơi nhảy và sự đánh giá của người bị thách, nhu cầu an toàn mạnh hơn sẽ làm người đó không nhảy và ngược lại...

– Các nhu cầu liên kết với nhau, do vậy, các biện pháp giáo dục cần khai thác tối đa khả năng bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau của các nhu cầu. Ví dụ, khi truyền đạt các kiến thức cho các học viên, các thầy cô không chỉ giúp các học viên thỏa mãn nhu cầu nhận thức, mà còn thỏa mãn nhu cầu trang bị (năng lực). Cao hơn nữa, nếu sự truyền đạt kiến thức không chỉ dừng ở mức thỏa mãn các “*nhu cầu giữ gìn*” (đạt các chuẩn mực), mà còn đạt đến mức: Luôn làm “*nhu cầu phát triển*” trở nên cần thiết, tươi mới. Lúc đó, kiến thức (tri thức) mới thực sự là sức mạnh và niềm tin.

– Động lực phát triển nhân cách nằm trong sự mâu thuẫn giữa các nhu cầu cá nhân đã thay đổi và các khả năng hiện thực nhằm thỏa mãn các nhu cầu đã thay đổi đó, trong hoạt động của mình. Nếu như trước đây, động lực phát triển nhân cách tác động lên cá nhân một cách tự nhiên, tự phát thì ngày nay, sự điều khiển đòi hỏi: 1) Thay đổi các nhu cầu cá nhân một cách có định hướng phù hợp với sự phát triển xã hội và cá nhân; 2) Giữ khoảng cách hợp lý giữa nhu cầu đã thay đổi và các khả năng hiện thực thỏa mãn nhu cầu đó. Lúc đó, mâu thuẫn nảy sinh mang ý nghĩa kích thích, khuyến khích các hành động tương ứng của cá nhân. Bởi vì, nếu cá nhân thấy khoảng

cách này quá xa, việc thỏa mãn nhu cầu chỉ là “*bánh vẽ*”, thì cá nhân sẽ mất phương hướng và chuyển sang thỏa mãn các nhu cầu đơn giản hơn, bằng các phương tiện đơn giản hơn, không giúp ích cho sự phát triển. Ví dụ, để thỏa mãn các nhu cầu cá nhân, người ta có thể chơi các trò chơi ảo, dùng các thứ thuốc kích thích...

Tóm lại, phải xây dựng và thực hiện các biện pháp giáo dục, trang bị cho các học viên các thông tin đầy đủ, các công cụ (hiểu theo nghĩa rộng nhất) hợp quy luật, phát triển cao nhất các năng lực của các học viên. Các học viên sẽ dùng các công cụ này thực hiện các hành động tốt để thỏa mãn các nhu cầu cá nhân của mình, hiểu theo nghĩa, có được sự cộng hưởng trong sự phát triển cá nhân và xã hội (xem Hình 15 và văn bản đi kèm). Ở đây, rất cần môi trường xã hội, tạo các điều kiện thuận lợi cho các hành động tốt của các công dân.

- Như đã biết (xem các mục 4. *Xúc cảm cá nhân* và mục 7. *Xúc cảm cá nhân – yếu tố quan trọng nhất đối với hành động cá nhân*), xúc cảm có nhiều ưu điểm hơn các yếu tố cá nhân khác trong việc thúc đẩy hoặc ngăn cản các hành động cá nhân. Vậy, các biện pháp giáo dục tác động lên các nhu cầu cá nhân phải phát triển để chạm đến và tạo các xúc cảm cá nhân tốt cần thiết:

- Các biện pháp giáo dục phải tạo được xúc cảm dương để các học viên dễ dàng tiếp nhận chúng. Những ngày đến trường phải là những ngày hội chứ không phải những ngày bị tra tấn.

- Sau khi được tiếp nhận, các biện pháp giáo dục phải biến thành các xúc cảm thích hợp trong người các học viên: Có các xúc cảm dương thúc đẩy các hành động tốt; các xúc cảm âm ngăn chặn các hành động xấu. Điều này cần thiết không chỉ đối với những môn khoa học xã hội, nhân văn, nghệ thuật. Các quy luật tất yếu của các khoa học tự nhiên, kỹ thuật cũng phải được hiểu đến mức xúc cảm, đóng góp vào tinh thần trách nhiệm của nhân cách, trong các hoạt động ảnh hưởng đến xã hội của mình.

- Trong số các biện pháp giáo dục phải có các biện pháp với mục đích trang bị các công cụ, giúp các học viên chiến thắng các xúc cảm tiêu cực, trong cuộc đấu tranh giữa các xúc cảm tích cực và tiêu cực bên trong bản thân mình.

- Các biện pháp giáo dục phải tạo được sự củng cố các xúc cảm thích hợp, đến mức, chúng trở nên chủ đạo, ổn định lâu dài. Khi đó, chúng có khả năng lấn át, chiến thắng các xúc cảm cơ hội mang tính tình huống, dù các xúc cảm cơ hội này có thể ở mức độ hưng phấn mạnh. Cao hơn nữa, sự củng cố các xúc cảm thích hợp sẽ biến chúng thành các thói quen tự nguyện, trong trường hợp lý tưởng, ở mức tiềm thức. Lúc này, chúng ta sẽ có những nhân cách lý tưởng, không những không bị các tác động xấu làm cho thay đổi, mà còn tác động tốt lên môi trường xã hội một cách tự nhiên bằng các hành động không vụ lợi, xuất phát từ nhu cầu “*cho những người khác*”.

- Được trang bị đầy đủ thông tin và các công cụ hữu hiệu, các cá nhân có khả năng cao hơn trong việc thỏa mãn các nhu cầu của mình. Điều này làm họ có được những xúc cảm dương cao cấp, lành mạnh. Đến lượt mình, các xúc cảm dương kích

thích thêm các nhu cầu và làm cho các nhu cầu này trở nên mạnh mẽ, nếu không đóng các vai trò chủ đạo thì cũng ở những thứ bậc cao, chiếm vị trí quan trọng trong các động cơ cần cho nhân cách lý tưởng. Như vậy, các tác động của giáo dục trong trường hợp này xảy ra như sau: Nhu cầu cấp bách của cá nhân → được trang bị các công cụ cần thiết nhằm thỏa mãn nhu cầu → các hành động của cá nhân sử dụng công cụ → thỏa mãn nhu cầu → các xúc cảm dương → nhu cầu được tăng cường nhờ các xúc cảm dương ở thang bậc cao hơn, có khả năng tạo ra mục đích triển vọng mới... Bạn đọc chắc nhận thấy quan hệ phản hồi dương tốt đẹp được tạo ra ở đây.

Tóm lại, các biện pháp giáo dục phải được xây dựng và thực hiện để biến các nhu cầu tồn tại, phát triển của xã hội thành các nhu cầu cá nhân (kể cả hợp thành ở những thang bậc khác nhau) mang tính đạo đức, dựa trên nền tảng các giá trị vĩnh cửu của nhân loại. Đồng thời, các biện pháp giáo dục cũng trang bị cho các cá nhân các công cụ, giúp các cá nhân có những hành động hợp quy luật nhất để thỏa mãn các nhu cầu của mình. Nhờ vậy, các cá nhân có những xúc cảm dương đối với sự phát triển của xã hội và nhân cách của chính mình. Giáo dục làm công việc giúp cho *“Đỉnh cao thành tựu của thế hệ trước trở thành vạch xuất phát của thế hệ sau”*...

6) Xây dựng các xúc cảm cao cấp (trí tuệ).

Như chúng ta biết, các hành động của cá nhân thường là các hành động cụ thể và các xúc cảm thúc đẩy những hành động này cũng là các xúc cảm cụ thể. Mặt khác, các yếu tố thuộc thế giới bên trong cá nhân liên kết với nhau (xem Hình 10), hiểu theo nghĩa, các yếu tố này tác động lẫn nhau. Từ mục 2 đến mục 7, người viết đã trình bày các tác động chính, chứ chưa phải tất cả các loại tác động. Ở đây, người viết trình bày thêm một loại tác động qua lại giữa xúc cảm và tư duy, nhờ vậy làm hình thành các xúc cảm cao cấp (trí tuệ).

Tư duy của con người có rất nhiều khả năng, trong đó có khả năng quy nạp và diễn dịch. Quy nạp là suy luận với cách lập luận đi từ tiền đề phản ánh hiểu biết cụ thể về cái đơn nhất, riêng lẻ, cái bộ phận đến kết luận phản ánh một cách trừu tượng, khái quát về cái bản chất, cái chung, cái quy luật của tập hợp các sự vật, hiện tượng loại đó. Ví dụ, đồng dẫn điện, nhôm dẫn điện, sắt dẫn điện, thiếc dẫn điện. Đồng, nhôm, sắt, thiếc là kim loại. Kết luận: Kim loại dẫn điện.

Diễn dịch là suy luận ngược lại. Đó là cách lập luận đi từ tiền đề phản ánh hiểu biết chung, khái quát, đến kết luận phản ánh hiểu biết riêng, cụ thể. Ví dụ, tất cả các kim loại dẫn điện, kẽm là kim loại, cho nên kẽm dẫn điện.

Khi xúc cảm và tư duy tương tác với nhau, được hội đủ các điều kiện cần thiết thì các xúc cảm cụ thể chuyển hóa thành xúc cảm chung, khái quát hơn (xúc cảm do quy nạp mà có). Những xúc cảm như vậy gọi là xúc cảm cao cấp (trí tuệ). Ilya Erenburg phản ánh điều này như sau: *“Lòng yêu nước là lòng yêu những vật bình thường nhất. Yêu cái cây nhỏ trồng trước cửa nhà, yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùi cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh... Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào đại trường giang Vôlga, đại trường giang Vôlga đổ ra biển. Lòng yêu những vật bình thường nhất góp lại trở nên lòng yêu quê hương, đất nước”*.

Sau khi được hình thành, xúc cảm khái quát, cao cấp (trí tuệ) lại diễn dịch trở lại thành các xúc cảm cụ thể, trong đó có cả những xúc cảm cụ thể mới, trước đây chưa có. Ví dụ, sau khi hình thành lòng yêu nước (xúc cảm cao cấp) người có lòng yêu nước không chỉ yêu những gì đã có của đất nước mà yêu cả con đường mới mở, cây cầu mới xây, công viên, ngôi trường mới khánh thành... Bởi vì tất cả những cái đó đều thuộc đất nước.

Trong mục nhỏ 4.1. *Xúc cảm cá nhân*, người viết có kể tên một số xúc cảm cao cấp (trí tuệ). Ở đây, người viết nhắc lại những xúc cảm cao cấp (trí tuệ) tốt: Lòng yêu nước, ý thức công bằng, danh dự, nghĩa vụ, tinh thần trách nhiệm, tình cảm đoàn kết, lòng nhiệt tình lao động, cảm hứng sáng tạo, tình yêu đối với cái đẹp, tình cảm cao thượng, lòng vị tha, đồng cảm. Người viết muốn bổ sung thêm: Tinh thần thượng tôn pháp luật, tinh thần thượng tôn quy luật.

Nền giáo dục tốt không chỉ tạo các xúc cảm cụ thể tốt trong các học viên mà còn phải nâng cao các xúc cảm cụ thể tốt đó thành các xúc cảm cao cấp (trí tuệ) tốt. Làm được điều này, nền giáo dục, một mặt, giúp học viên mở rộng phạm vi áp dụng của các hành động tốt, mặt khác, tạo được sự miễn dịch của các học viên đối với các tác động xấu, kể cả các tác động xấu trong tương lai mới có.

7) Các học viên được hướng tới việc tự giáo dục, tự điều khiển

Giáo dục có nhiệm vụ tạo ra được sự thay đổi chắc chắn và ổn định các hành động (hành vi) của người học. Một cá nhân bất kỳ, nếu đặt rồi thực hiện nhiệm vụ tự mình tạo ra được sự thay đổi chắc chắn và ổn định các hành động (hành vi) của chính mình, thì đấy chính là cá nhân tự giáo dục. Để đạt mục đích tự giáo dục, cá nhân phải biết tự điều khiển mình.

Trong các công cụ trang bị cho các học viên, cần xây dựng và thực hiện cả các biện pháp giáo dục trang bị các công cụ giúp các học viên có thể tự điều khiển thế giới bên trong, do vậy, các hành động của chính mình, phù hợp với sự phát triển nhân cách. Điều này có nghĩa, các học viên phải được học về cấu trúc và cơ chế hoạt động của thế giới bên trong con người, đặc biệt, các quan hệ phản hồi có sẵn để sử dụng. Các học viên phải được huấn luyện thông qua các bài tập thích hợp, sao cho trong việc phát triển nhân cách, phần điều khiển của các thầy cô càng ngày càng giảm, phần tự điều khiển của các học viên càng ngày càng tăng.

Có những tình huống trong cuộc đời của mỗi cá nhân, ở đó có sự cạnh tranh giữa các động cơ, xuất phát từ các nhu cầu cá nhân khác nhau, thậm chí, trái ngược nhau, dẫn đến khả năng: Cá nhân có thể có hành động tốt hoặc hành động xấu. Nếu đạt trình độ tự điều khiển, cá nhân có khả năng “theo dõi” được cuộc đấu tranh nội tâm của chính mình, không chỉ ở mức xúc cảm là mức dễ cảm nhận nhất, mà sâu hơn, ở mức đấu tranh của các nhu cầu. Bằng những công cụ hữu hiệu, tin cậy, do các biện pháp giáo dục trang bị, cá nhân biết tự điều chỉnh các yếu tố tạo nên các động cơ để cuối cùng, động cơ thúc đẩy hành động tốt của nhân cách lý tưởng chiến thắng.

Ngoài ra, việc cá nhân có khả năng tự điều khiển còn đem lại ích lợi: Cá nhân có thể tự đánh giá các năng lực, sở trường, sở đoản của chính mình để chọn ngành nghề

đào tạo, làm việc. Điều này rất quan trọng, bởi vì các xúc cảm âm (thiếu tự tin, sự nhàm chán, vô vị, sự mất hứng, chán nản...) do làm các công việc trái năng lực, làm con người không cảm thấy thoải mái, hạnh phúc trong thời gian dài, thậm chí suốt cả cuộc đời. Có lẽ, Napoleon đã đúng, khi khẳng định, tất cả các tai họa trên Trái Đất này là do mọi người không làm đúng các công việc của mình (đứng không đúng vị trí, ngồi không đúng chỗ): Người thợ may vĩ đại sống một cách nhợt nhạt khi trở thành nhà khoa học bất tài; người thợ cắt tóc thiên tài phải đóng kịch, làm ra vẻ quan trọng, bận rộn, lảng xảng trong chiếc ghế bộ trưởng... Nói cách khác, khi cá nhân chưa biết tự điều khiển thì các động cơ tự nhiên vốn có đã điều khiển cá nhân hành động theo phương pháp (tự nhiên) thử và sai, với những giá phải trả lớn, có khi, cả cuộc đời.

Nhìn theo quan điểm vừa trình bày, có nhà nghiên cứu (người viết không nhớ tên) phân mọi người thành ba loại. Loại người thứ nhất gồm những người không có quan hệ phản hồi (kết quả không ảnh hưởng gì đến nguyên nhân), do vậy, lần trước sai như thế nào, lần sau sai y như vậy và cứ thế... được gọi là những người ngu. Loại người thứ hai có quan hệ phản hồi, biết rút kinh nghiệm, học trên sai lầm của chính mình để không lặp lại cái sai nữa (kết quả sai dẫn đến điều chỉnh ngược trở lại nguyên nhân, để kết quả mới không còn sai), được gọi là những người thông minh. Loại người thứ ba biết dùng tưởng tượng, hình dung mình là người khác, lập quan hệ phản hồi của người khác: Biết học trên sai lầm của người khác. Cho nên, ngay từ lần đầu khi phải làm công việc của người khác, những người đó đã không sai, được gọi là những người sáng suốt. Trong ý nghĩa này, những người đi sau tuy có những thiệt thòi, khó khăn nhất định, lại có được sự thuận lợi trở thành những người sáng suốt: Không lặp lại các sai lầm của những người đi trước, ít trả giá hơn nhiều so với những người đi trước, đạt được sự thành công nhanh hơn những người đi trước. Ví dụ, những nước công nghiệp mới như Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, đã thực hiện quá trình công nghiệp hóa theo tinh thần vừa nói. Có nhiều người tuy đi sau nhưng không sử dụng được quan hệ phản hồi của người khác nên vẫn lặp lại nguyên xi các sai lầm của những người đi trước, thậm chí ở mức độ trầm trọng hơn. Đây có lẽ là loại người thứ tư, còn tệ hơn loại người thứ nhất. Còn có loại người thứ năm, tuy được những người khác mách cho thấy cái sai, cách sửa sai và được hướng dẫn cách làm đúng, vẫn kiên quyết không chịu thay đổi, tiếp tục lặp đi lặp lại cái sai... Loại người này chắc còn tệ hơn loại người thứ tư.

Thực tế cho thấy, những người có quan hệ phản hồi tốt là những người rất thành công, ngay cả khi không được cấp sách đến trường. Điều này có thể hiểu được vì cá nhân tạo được quan hệ phản hồi cho mình, mới chính là học thực sự, chứ không phải một cách hình thức, ngồi trên lớp nghe giảng mới là học. Nhìn theo quan điểm điều khiển, giáo dục, dạy học có nghĩa là, những tác động của người dạy lên các giác quan (đầu vào) của người học dẫn đến những thay đổi hành vi ổn định (đầu ra) của người học một cách tin cậy. Do vậy, một người cấp sách đến trường, học và trả bài theo kiểu thuộc lòng, mà không thay đổi hành vi. Đây không phải là học. Ngược lại, một người không có điều kiện đến trường, nhưng dưới những tác động xung quanh, biết thay đổi hành vi tương ứng với đòi hỏi của giáo dục. Người đó học ở thực tế, ở

trường đời đầy. Những người như vậy, không đến trường học theo đúng nghĩa, có khi làm việc tốt hơn những người có bằng cấp. Chưa kể, người có quan hệ phản hồi tốt chính là người tự học mọi nơi, mọi lúc và học suốt đời, không như những người cứ nghĩ rằng phải được ai đó dạy chính thức mới là học.

Trong quyển sách *“Quảng gánh lo đi mà vui sống”* (How to Stop Worrying and Start Living), D. Carnegie kể về H.P. Howell, người đã rất thành công nhờ sử dụng quan hệ phản hồi để tự điều khiển (học trên sai lầm của chính mình):

⊙ “Khi tin về cái chết của H.P. Howell lan truyền khắp nước ngày 31 tháng 7 năm 1944, phố Wall đã bị sốc. Bởi vì ông là một trong những người lãnh đạo nền tài chính Hoa Kỳ, chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại quốc gia (Commercial National Bank), Công ty Trust (Trust Company), và là giám đốc của vài tập đoàn lớn. Ông được học ít, bắt đầu làm công ở một cửa hàng nhỏ trong làng. Sau này, ông làm quản lý về tín dụng cho Công ty thép Mỹ (US Steel), dần dần thăng tiến về vị trí và quyền lực.

Khi nghe tôi hỏi về nguyên nhân thành công, ông kể: “Trong nhiều năm tôi ghi chép tất cả các cuộc gặp gỡ vào quyển sổ. Gia đình tôi không bao giờ lập kế hoạch nào liên quan đến tôi vào tối thứ bảy hàng tuần. Họ biết rằng, tôi dành một phần thời gian mỗi tối thứ bảy vào việc ôn lại, tự kiểm tra và đánh giá công việc của tôi suốt tuần lễ vừa qua. Sau bữa ăn tối, tôi về phòng làm việc, giở quyển sổ ra và suy nghĩ về tất cả các buổi phỏng vấn, thảo luận, hội họp từ sáng thứ hai. Tôi tự hỏi: *“Tôi đã có những sai lầm nào?”*, *“Tôi đã làm những gì đúng, làm cách nào để tốt hơn nữa?”*, *“Tôi có thể học được những bài học gì từ kinh nghiệm này?”*. Thỉnh thoảng, những buổi tổng kết cuối tuần này làm tôi khó chịu. Thỉnh thoảng, tôi ngạc nhiên về những sai lầm của mình. Tất nhiên, thời gian trôi đi, sai lầm cũng bớt theo. Cách tự phân tích liên tục nhiều năm liền như trên đã đem lại cho tôi nhiều kết quả hơn bất kỳ những cách làm khác mà tôi đã từng thử áp dụng.”

Có thể, H.P. Howell đã mượn ý tưởng của Ben Franklin. Chỉ có cái Franklin không đợi đến tận tối thứ bảy. Ông làm điều đó mỗi đêm. Ông phát hiện rằng, mình có 13 khuyết điểm lớn, ba trong số đó là: Lãng phí thời gian, quá quan tâm về tiểu tiết, hay tranh cãi và đối đầu với mọi người. Ben Franklin hiểu rằng, không khắc phục được các khuyết điểm, ông sẽ không tiến xa được. Ông chọn và chiến đấu với một khuyết điểm mỗi ngày trong cả tuần lễ, ghi chép lại các hành vi để tự phân tích, đánh giá. Tuần lễ sau, ông chọn thói quen xấu khác... Cứ như thế mỗi tuần; suốt hơn hai năm trời.

Không phải ngẫu nhiên, Ben Franklin trở thành một trong những người được yêu mến và ảnh hưởng nhất, mà nước Mỹ đã sản sinh ra.”

Nhằm minh họa sự cần thiết được trang bị năng lực tự điều khiển, người viết dẫn ra câu chuyện dưới đây, kèm theo những ý kiến phân tích:

⊙ “Một cô gái ở đầu thành phố, đi làm ở cuối thành phố. Ngày hai lần, cô đạp xe sáng đi, tối về. Sau một thời gian, cô bắt đầu dành ra một khoản tiền tiết kiệm mỗi tháng để mua xe gắn máy. Trong quá trình tiết kiệm, một ý nghĩ nảy sinh và ngày càng bám riết trong đầu cô: *“Phải mua xe Spacy mới được”*. Ý nghĩ đó biến thành sự thôi thúc ngày càng mạnh. Vì chưa đủ tiền, cô phải vay mượn bạn bè, người quen và có được xe Spacy đi... Đến lúc trả nợ, cô phải khát lần, khát lửa. Cuối cùng, không thể lùi được mãi, cô đành phải bán không chỉ xe Spacy đang đi mà cả những vật dụng mua trước đó như tủ lạnh, TiVi, radio-cassette, phải chuyển sang nơi thuê nhà rẻ hơn để có

tiền trả nợ”.

Nhìn toàn bộ câu chuyện, chúng ta thấy cô gái có vấn đề, thuộc loại vấn đề không đáng nảy sinh. Vấn đề đó có nguyên nhân là cô gái đã không tự điều khiển được thế giới bên trong, mà để các hiện tượng thuộc thế giới bên trong, dưới tác động của những cảm dỗ bên ngoài, một cách tự nhiên, điều khiển các quyết định hành động của mình, dẫn đến những hậu quả đáng tiếc. Trong thực tế cuộc sống, những câu chuyện tương tự như câu chuyện vừa nêu, không phải là ít. Thậm chí, có những câu chuyện với kết cục buồn hơn nhiều. Ví dụ, đúng lúc cô gái cần xe Spacy hoặc cần tiền trả nợ, một chàng con nhà giàu hoặc “đại gia” xuất hiện, ra tay “cứu giúp”. Đổi lại, cô gái trở thành bồ nhí, gái bao, có con ngoài giá thú, bị đánh ghen, trở thành gái gọi chuyên nghiệp rồi làm má mìn... Đứa con lớn lên ghiền ma túy, tham gia giới giang hồ, gây nhiều tội ác với xã hội...

Chúng ta quay trở lại câu chuyện nói trên. Nếu được trang bị năng lực tự điều khiển, cô gái đã có thể ra những quyết định và hành động khác đi. Cô dùng tư duy kiểm soát thế giới bên trong của mình. Như các bạn đã biết, để tư duy làm việc, đơn giản nhất, bạn chỉ cần đặt câu hỏi để tự trả lời. Cô gái có thể đặt các câu hỏi, khi trong đầu xuất hiện ý nghĩ, dự định nào đó. Ví dụ, *“Mình tiết kiệm tiền mua xe gắn máy xuất phát từ nhu cầu gì? nhằm thỏa mãn nhu cầu gì?”*. Cô tự trả lời: *“Nhu cầu tiết kiệm sức lực, vì đạp xe từ ngày này sang ngày khác mình đã thấm mệt”*. Đến khi có ý nghĩ mới nảy sinh: *“Phải mua xe Spacy mới được”*, cô có thể lại đặt các câu hỏi tương tự. Lần này, câu trả lời và quá trình suy nghĩ có thể xảy ra như sau: *“Nhu cầu mua xe Spacy là nhu cầu hợp thành gồm nhu cầu tiết kiệm sức lực và nhu cầu được để ý, chú ý. À mình bắt đầu đi lệch ra khỏi mục đích ban đầu đây. Trước mặt mình không phải một bài toán như trước mà là hai bài toán nhằm thỏa mãn hai nhu cầu khác nhau. Mình có đủ nguồn lực để cùng lúc giải cả hai bài toán không? Để mình xem, giá Spacy bây giờ là bao nhiêu?... Mỗi tháng cố tiết kiệm thêm nữa, tối đa được bao nhiêu?... Thử chia xem bao nhiêu lâu mới có thể mua được?... Trời ạ, 20 năm. Nhưng cứ nghĩ đến xe Spacy lòng mình lại lâng lâng (xúc cảm), tại sao mình không đi vay nhỉ? Đi vay sẽ trả bằng gì đây? Các hậu quả nào có thể xảy ra? (tưởng tượng để có được xúc cảm cần thiết chiến thắng xúc cảm lâng lâng về xe Spacy...). Rõ ràng, bài toán nhằm thỏa mãn nhu cầu tiết kiệm sức lực cần phải ưu tiên. Mình sẽ mua xe phù hợp với tiền tiết kiệm, kể cả xe đã qua sử dụng, chỉ cần chạy ngon là được. Thế còn nhu cầu được để ý, chú ý phải hy sinh chăng? À nhớ ra rồi, để thỏa mãn nhu cầu cụ thể cho trước có nhiều cách hành động (xem Hình 1: Có thể có nhiều cách hành động để thỏa mãn nhu cầu cụ thể cho trước). Như vậy, mình sẽ hành động cách khác mà nhu cầu được để ý, chú ý vẫn thỏa mãn. Đi xe Spacy chỉ là một trong các cách hành động có thể có, chứ không phải là cách duy nhất. Thế giới bên trong của ta ời, người định sai khiến ta làm theo ý người. Âm mưu của người thất bại rồi. Bây giờ người hãy làm theo quyết định của ta...”*

8) Vai trò điều khiển của thầy cô trong việc xây dựng học viên thành nhân cách lý tưởng

Nhân cách hình thành và phát triển trong sự tương tác giữa các học viên với các

thầy cô, với nhau, rộng hơn, với môi trường xã hội. Sự tương tác thể hiện thông qua các hành động cụ thể (bao gồm cả giao tiếp) của các học viên với các đối tượng vừa nêu. Do vậy, một nguyên tắc xuyên suốt là, các biện pháp giáo dục phải luôn tạo điều kiện, khuyến khích, để các học viên có thể hành động được nhiều nhất. Trong số các hành động của học viên, các thầy cô cần đặc biệt lưu ý các hành động phản ánh xúc cảm của học viên (xem mục 2. *Hành động cá nhân*). Trong các yếu tố thuộc thế giới bên trong cá nhân, xúc cảm cá nhân là yếu tố dễ được nhận biết, nhận dạng nhất, từ đó, thầy cô dễ đề ra các điều chỉnh đối với các biện pháp giáo dục của mình. Ví dụ, trong giờ dạy, nhìn thái độ, ánh mắt của học viên, thầy cô có thể biết các học viên có xúc cảm hài lòng (dương) hay không hài lòng (âm) để thầy cô điều chỉnh phương pháp giảng dạy...

Các hành động của các học viên giúp các thầy cô hiểu thế giới bên trong của các học viên; so sánh các hành động ấy với các hành động cần có hướng về phía mục đích điều khiển; có các biện pháp thích hợp để củng cố các hành động hướng đích, hoặc điều chỉnh các hành động lạc đích. Nói cách khác, thầy cô thực hiện chức năng điều khiển thông qua cơ chế quan hệ phản hồi. Trong ý nghĩa này, sự im lặng (không giao tiếp, hành động gì cả) của các học viên khi tiếp nhận các biện pháp giáo dục, không những không phải là vàng mà là dấu hiệu thất bại của các biện pháp giáo dục.

Việc học của cá nhân được coi là đạt yêu cầu, chỉ khi những tác động giáo dục tạo ra được sự thay đổi chắc chắn, ổn định các hành vi cá nhân, kể cả tạo ra những hành động, thói quen mới, được thúc đẩy bằng mong muốn tự nguyện ở mức tiềm thức, phù hợp với mục đích phát triển nhân cách. Nói cách khác, các hành động, thói quen, nếp hành động của cá nhân, một mặt, đóng vai trò đầu ra để các thầy cô kiểm soát, do vậy, các thầy cô có những biện pháp điều chỉnh chúng thích hợp theo hướng đạt mục đích phát triển nhân cách. Mặt khác, chính hệ thống các thói quen, phù hợp với mục đích phát triển nhân cách, lại là nền tảng của nhân cách lý tưởng.

Các học viên rất đa dạng về tuổi, hoàn cảnh sống, trình độ, cá tính..., các biện pháp giáo dục và các cách thực hiện các biện pháp đó cũng phải đa dạng một cách cụ thể tương ứng. Sự đa dạng cần thể hiện ở chỗ, các môn học khác nhau phải có các biện pháp giáo dục khác nhau. Cùng một môn học dành cho các lứa tuổi, trình độ văn hóa, trình độ tiếp thu khác nhau, phải có các biện pháp giáo dục khác nhau. Thậm chí, cùng một lứa tuổi, trình độ như nhau, các biện pháp giáo dục dùng để xử trí những tình huống giáo dục xảy ra với các học viên khác nhau cũng phải khác nhau (bách nhân, bách tính)... Đa dạng nói đến ở đây không phải là đa dạng tự thân, đa dạng vị đa dạng, mà đa dạng để đạt được mục đích điều khiển, đóng góp vào việc hình thành và phát triển nhân cách, phù hợp đến từng học viên một. Sẽ vô cùng nguy hiểm, nếu như một biện pháp giáo dục, ví dụ, thầy cô đọc, các học viên ghi, trở thành biện pháp giáo dục duy nhất dành cho tất cả các môn học và tất cả các loại học viên.

Nhân đây, người viết cung cấp cho bạn đọc bài "*Phần Lan: Mô hình giáo dục tốt nhất thế giới*" của N.T.ĐA (theo Sélection), đăng trên báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật, ra ngày 11/9/2005:

⊙ “Người Phần Lan cũng không cần đến các giải pháp phi thường mà một số nước đã làm, chẳng hạn kiểm tra thường xuyên, giao bài về nhà nhiều, kỷ luật sắt... Trái lại, ở Phần Lan học sinh đến trường ở lứa tuổi trẻ hơn (7 tuổi) và không học quá 30 giờ mỗi tuần, kể cả bài làm tại nhà. Thật ít ỏi so với 50 giờ mỗi tuần của học sinh Hàn Quốc song lại xếp hạng ngay sau Phần Lan trong bảng xếp hạng của PISA. Trong nhà trường Phần Lan không hề xuất hiện những biểu hiện hung bạo, bất lịch sự đối với giáo viên hay việc sử dụng ma túy. Người ta giải quyết các vấn đề này càng sớm càng tốt, và việc trốn học kể như không có. Mỗi năm trong khoảng 62.000 học sinh tốt nghiệp trung học, chỉ có 1000 em không học lên đại học, nhưng rồi phân nửa số này cũng sẽ đi học trở lại.

Người Phần Lan gán thành công phi thường của họ cho nhiều yếu tố:

Giáo viên là những người được đào tạo bài bản nhất thế giới, chỉ có 1/7 thí sinh thi đỗ vào đại học sư phạm, tuyển chọn khắt khe hơn so với ngành y và ngành luật. Chính vì thế cho dù lương không cao, từ 2000 – 4000 euro mỗi tháng (gần 2500 – 5000 USD) tùy theo kinh nghiệm, song nghề giáo là một nghề trọng vọng.

Giáo viên có một sự độc lập lớn. Họ tự do áp dụng phương pháp dạy tùy ý, vạch chương trình, chọn sách giáo khoa. Sau khi đã được công nhận là giáo viên thực thụ, họ không còn bị thanh tra khi lên lớp hoặc không bị đánh giá thường xuyên việc dạy. Ông Richard Cousins, một giáo viên người Anh dạy toán ở Phần Lan hơn 10 năm qua, đã so sánh như thế này: *“Ở Anh người ta dùng quá nhiều thì giờ để viết báo cáo, trong khi ở Phần Lan người ta đặt trọn tin tưởng nơi giáo viên”*.

Hủy bỏ việc thi kiểm tra chung cho các trường. Người ta cho rằng kiểm tra gây sức ép giả tạo cho học sinh và “phạt vạ” những học sinh nào muốn hiểu bài theo cách riêng của học sinh đó. Một viên chức thuộc Công đoàn giáo viên Phần Lan nhận định: *“Ở nhiều nước, người ta tin rằng kiểm tra sẽ tăng cường việc dạy và học, nhưng người Phần Lan chúng tôi nghĩ ngược lại, kiểm tra hoài chỉ thúc đẩy việc dạy để dọn thi, trong khi đó thi cử đâu có cho phép đánh giá khả năng thực sự của học sinh. Đến tuổi 18, học sinh thi vào đại học. Khoảng 2/3 thanh niên Phần Lan tiếp tục học ở đại học. Đây là mức cao so với tỉ lệ bình quân quốc tế”*.

Kimmo Sundstrom, hiệu trưởng Trường tiểu học Poikkilaakso có 280 học sinh tại Helsinki, cho biết mỗi học sinh, nhờ cha mẹ và giáo viên giúp đỡ, thiết lập riêng cho mình một chương trình cả năm. Học sinh ấy đặt ra một mục tiêu vừa tầm cho mình và nhờ thế em sẽ luôn phấn khởi. Nếu em cần sự giúp đỡ đặc biệt về môn toán, em sẽ có ngay; nếu em học tiến bộ nhanh hơn các em khác, người ta không kìm hãm em lại. Các học sinh này là những người tiên phong cho kinh nghiệm sư phạm thành công nhất thế giới.

Học sinh tự đánh giá mình. Một hiệu trưởng trường tiểu học nói: *“Chúng tôi tập cho trẻ em tự đánh giá mình từ lúc còn ở mẫu giáo. Điều đó giúp các em hiểu là các em chịu trách nhiệm về việc mình làm. Và kể từ lúc các em cảm thấy có trách nhiệm, các em cảm thấy tự do hơn. Giáo viên không phải lúc nào cũng để mắt đến các em”*.

Nhiều trường tiểu học đặt ra cho học sinh những mẫu in sẵn các mục tiêu hàng tuần cần đạt đến, chẳng hạn như *“Hày làm xong việc”*, *“Đừng nói mà không xin phép”*. Trước mỗi tấm bảng “mục tiêu” đó, học sinh tự xác định thái độ của mình bằng cách đánh một dấu chấm chọn khuôn mặt vui hay khuôn mặt buồn. Sau đó giáo viên sẽ cho biết là đồng ý hay không. Trong các lớp lớn, học sinh tự viết đánh giá. Đến cuối năm học, bảng đánh giá này lại càng chi tiết hơn. Toumas Siltala, 18 tuổi, thi đỗ trung học

tháng 5-2005 và chuẩn bị vào đại học luật, nhận định: *“Việc tự đánh giá giúp suy nghĩ về những gì chưa tốt và những gì cần cải thiện hơn vào năm tới. Người ta làm những gì có thể làm được, chứ đừng tự lừa dối mình”*.

Học sinh được khuyến khích làm việc độc lập. Giáo viên Kirsti Santaholma, dạy môn Pháp văn tại vùng ngoại ô Helsinki từ năm 1982, giải thích cách làm của mình: *“Chúng tôi thúc đẩy học sinh tự tìm kiếm các thông tin, thay vì nuốt trọn những gì có trong sách giáo khoa. Chính trong khi tìm kiếm, các em mới thực sự học hỏi”*. Một học sinh đánh giá về cách làm như sau: *“Chúng tôi hầu như không bao giờ có những buổi học thầy giảng trò ghi. Khi người ta bằng lòng với việc ghi chép bài giảng, người ta không học hỏi được gì hết. Điều cần thiết, đó là sự suy nghĩ”*.

Trong mọi trường học, bầu không khí thật là thoải mái. Học sinh có thể đến lớp đúng giờ và ra về ngay khi lớp học vừa tan, không có chuông báo đầu giờ và cuối giờ học. Giáo viên Richard Cousins nói: *“Sử dụng quá nhiều quyền uy sẽ tạo ra những bức xúc. Ở đây các em có trách nhiệm và được tôn trọng, bởi người ta để cho các em đến lớp một cách tự do. Chúng đến không vì bị buộc đến”*.

Học sinh kém được phụ đạo liên tục. Có lẽ đây là sự thành công nhất của hệ thống giáo dục Phần Lan. Các kết luận của PISA cho thấy trong tất cả các nước của OCDE, tại Phần Lan, sự chênh lệch là thấp nhất giữa người giỏi và người ít giỏi hơn. Thay vì xem việc phụ đạo học hành là một dấu hiệu thất bại, ở Phần Lan người ta xem đó là một dịp để tiến hơn. Là người phụ trách việc phụ đạo ở một trường tại đông Helsinki, cô Marja Koivisto phụ trách các em học sinh có những vấn đề trong học tập và cách xử sự. Đối với mỗi em, cô lập ra một chương trình riêng nhấn mạnh về mục tiêu đạt tới: Trước tiên chỉ cần học sinh đến lớp, sau đó đến đúng giờ, rồi mang sách vở đến trường... Cô nói: *“Khi tôi cho các em làm bài tập ở nhà, chúng có thể làm bài sai. Nhưng điều quan trọng là chúng đã cố gắng”*. Trên tường lớp học, cô dán những biểu đồ thích ứng cho mỗi em. Khi một học sinh đạt mục tiêu rồi, cô gạch một chấm trên biểu đồ và nối với dấu chấm ở trước. Đây là một hệ thống hoạt động tốt: Ngoại trừ một số ít trường hợp, những đường cong thường đi lên đều đặn. Các học sinh “quậy” có thể bị giữ lại trong lớp sau giờ học, hoặc trong những trường hợp nghiêm trọng có thể bị đuổi tạm thời. Trong trường hợp này, cô đặt ra một chương trình riêng cho các em thực hiện ở nhà, nhưng điều này rất hiếm khi xảy ra.

Sự thành công của ngành giáo dục Phần Lan là rất lớn đến độ phải tỉ mỉ lắm mới tìm ra một khuyết điểm. Tuy nhiên một số nhà giáo dục tự hỏi, liệu nhà trường đã quan tâm đủ đến các học sinh đặc biệt xuất sắc chưa. Về việc này, hiệu trưởng của một trường trung học tự hỏi: *“Chăm sóc các em trung bình đã là giỏi rồi, thế còn các em tài năng, liệu chúng tôi có đã thúc đẩy các em nhắm cao hơn không? Có cần những nhà trường riêng cho các em này hay không? Có phải phụ đạo thêm cho các em không? Đây là những vấn đề mà chúng tôi vẫn còn suy nghĩ”*.

Người Phần Lan xác tín rằng, và các kết quả của PISA cũng khẳng định như vậy, tất cả học sinh, dù khả năng ra sao chẳng nữa, cũng rút ra được điểm lợi từ sự hợp tác giúp đỡ nhau trong lớp. Một số giáo viên thường chia học sinh thành từng nhóm nhỏ, trong một nhóm có ít nhất một em xuất sắc. Giáo viên Kirsti Santaholma phát biểu: *“Nếu tôi xếp các em yếu với nhau hoặc các em trung bình với nhau thì tôi cần phải ở bên các em. Nhưng khi ở chung nhóm, các em giỏi sẽ giúp đỡ các em yếu và tôi có thể chăm sóc tất cả các em. Chúng tôi tránh nói: “Em làm vậy là không tốt”, vì như thế làm cho học sinh không cảm thấy thoải mái. Và khi người ta không cảm thấy thoải mái, người ta không muốn học. Trong học tập ai mà chẳng có lúc sai. Học không vô hay*

học “Sao chậm lụt quá!” cũng là chuyện bình thường. Chúng tôi yêu cầu học sinh hãy tự so sánh với chính mình, với kết quả trước đây của mình, chứ đừng so sánh người này với người khác. Nếu tôi thấy mình thất bại với một học sinh nào đó, tôi phải tự nhủ rằng cách dạy của mình có sai sót ở chỗ nào đó”.

Một cách nào đó, câu nói trên đã tóm lược những gì mà hệ thống sư phạm Phần Lan đã đưa ra cho học sinh, đó là một hứa hẹn về tính kiên nhẫn bền chí, lòng khoan dung và một bốn phận nỗ lực trở nên xuất sắc để giúp ích bản thân, xã hội và đất nước.

Năm 2003, một trắc nghiệm đánh giá mang tên “Các chỉ số quốc tế của hệ thống giáo dục” (PISA) do Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OCDE) thực hiện với hơn 25.000 học sinh tại 41 nước trên thế giới, đã xếp hạng học sinh Phần Lan đứng đầu trong lĩnh vực “văn hóa, khoa học nền tảng” và “đọc hiểu”, điểm rất cao so với mức trung bình của các nước OCDE (xem bảng trên Hình 16). Trắc nghiệm cũng cho thấy học sinh Phần Lan giỏi về toán.

BẢNG XẾP HẠNG			
ĐỌC HIỂU	ĐIỂM	KHOA HỌC	ĐIỂM
Phần Lan	543	Phần Lan	548
Hàn Quốc	534	Nhật	548
Canada	528	Hong Kong	539
Úc	525	Hàn Quốc	538
New Zealand	522	Úc	525
Ireland	515	Hà Lan	524
Thụy Điển	514	CH Czech	523
Hà Lan	513	New Zealand	521
Hong Kong	510	Canada	519
Bỉ	507	Thụy Sĩ	513
Na Uy	500	Pháp	511
Thụy Sĩ	499	Bỉ	509
Nhật	498	Thụy Điển	506
Ba Lan	497	Ireland	505
Pháp	496	Hungary	503
Đan Mạch	492	Đức	502

Hình 16: Bảng xếp hạng học sinh một số nước trên thế giới về “Đọc hiểu” và “Khoa học”

Dưới đây là câu chuyện về một Việt kiều trẻ từ Đan Mạch về thăm quê. Qua câu chuyện, chúng ta có thể ít nhiều cảm nhận nền giáo dục Đan Mạch.

☉ “*Khùng quá*”. Chị Hai tôi luôn miệng cằn nhằn như vậy mỗi khi trông thấy cậu em út của tôi từ Đan Mạch mới trở về thăm quê hương làm điều gì đó mà theo chị Hai là “*không giống ai*”.

Đi tắm biển ở Vũng Tàu, trong khi mọi người khiêng đồ đạc lên xe ra về, nó lại hí hục khiêng hai bịch rác to tướng lên xe. Chị Hai tôi la lên: *“Khùng quá, sao lại tha rác về nhà”*. Nó gãi đầu: *“Không thể xả rác ra bãi biển, vả lại tìm hoài cũng không thấy thùng rác đâu”*.

Xe đang chạy, bỗng nó la lên bảo bác tài dừng xe lại. Trong lúc mọi người đang ngỡ ngàng chưa hiểu điều gì xảy ra, nó đã phóng xuống xe, bê hai cục đá mà một bác tài nào đó trong lúc sửa xe đã bỏ quên, vứt vào lề đường. Chị Hai nhăn mặt: *“Khùng quá, làm người ta hết hồn”*. Nó lại gãi đầu: *“Hai cục đá có thể gây tai nạn cho người đi xe máy”*.

Trong nhà bắt được một con chuột, thay vì vứt ra đường, nó lại bỏ vào thùng rác làm bà giúp việc một phen hết hồn. Chị Hai tôi lại lẩm bẩm: *“Khùng quá...”*.

Đi chơi ở khu du lịch có suối nước nóng. Nhìn mọi người ăn trứng gà sau khi nhúng vào giếng nước nóng, nó tất tả chạy đi tìm ban quản lý giải thích rằng dịch cúm gia cầm đang hoành hành, ăn trứng như thế là không bảo đảm an toàn. Chị Hai tôi la lên: *“Khùng quá, lại xía vào chuyện của người ta...”*.

Ngày tiền nó lên máy bay, nó nhìn tôi, mặt méo xẹo: *“Chị Tư, chị thấy em có khủng thật không?”*. Tôi nhìn nó mỉm cười khê lắc đầu: *“Không, em chỉ là chàng hiệp sĩ Đôngkisốt đơn độc đang chiến đấu chống lại những chiếc cối xay gió khổng lồ...”*

(Bài *“Hiệp sĩ Đôngkisốt”* của Nguyễn Thị Thúy Nga, đăng trên báo “Tuổi Trẻ”, ra ngày 22/11/2005).

9.3. Nhân cách sáng tạo

Nhân cách sáng tạo là nhân cách lý tưởng có thành tích sáng tạo, thể hiện ở việc giải quyết một hoặc nhiều vấn đề mang tính xã hội.

Nhiều nhà lãnh đạo, quản lý đánh giá sức mạnh, sự giàu có của đất nước mình theo các tiêu chí vật chất như sản lượng thép, xi măng, điện, dầu mỏ, than, lúa mì, gạo, tài nguyên thiên nhiên... tính trên đầu người, hoặc GDP trên đầu người. Tuy nhiên, còn có những tiêu chí tinh thần quan trọng hơn các tiêu chí vật chất nói trên, bởi vì chúng không chỉ quyết định các tiêu chí vật chất mà còn xác định tương lai của đất nước, thậm chí, toàn bộ nhân loại. Các tiêu chí tinh thần nói đến ở đây, không phải là số lượng các nhà khoa học, kỹ sư, nghệ sỹ, nhà văn, họa sỹ... lại càng không phải số lượng học vị, học hàm, danh hiệu của họ. Những con số loại đó không phản ánh hiệu quả làm việc của tầng lớp trí thức và không quyết định tốc độ phát triển. Tiêu chí thực sự phản ánh sức mạnh, sự giàu có về tinh thần của một đất nước là số lượng các nhân cách sáng tạo mà xã hội đó tạo ra. Nói chính xác hơn, sự phát triển tỷ lệ thuận với tỷ số các nhân cách sáng tạo trên dân số quốc gia. Lịch sử phát triển nhân loại cho thấy mối quan hệ qua lại: Tỷ số nói trên cao giúp xã hội phát triển nhanh và ngược lại. Đồng thời, một xã hội với các quyền con người được thực thi tạo điều kiện thuận lợi để tăng tỷ số nói trên và ngược lại.

Như vậy, bất kỳ một xã hội nào muốn phát triển bền vững, đều rất cần có nhiều công dân là các nhân cách sáng tạo. Chính những nhân cách sáng tạo không chỉ lao động miệt mài để cho ra đời các kết quả, sản phẩm sáng tạo, mà còn vượt qua biết bao lực cản, chịu nhiều hy sinh cả về vật chất lẫn tinh thần để đưa chúng vào đời

sống, phục vụ lợi ích của đông đảo mọi người. Trước đây, quá trình hình thành và phát triển nhân cách sáng tạo còn chưa tạo được sự quan tâm khoa học cần thiết. Ngày nay, đã bắt đầu xuất hiện các công trình nghiên cứu tìm các quy luật và xây dựng các biện pháp điều khiển quá trình nói trên. Lúc này, quá trình hình thành và phát triển nhân cách sáng tạo sẽ diễn ra một cách chủ động, khoa học, trước hết, nhờ các biện pháp giáo dục trường học.

Nhân cách sáng tạo có sáu phẩm chất sau:

1) Xác định được mục đích xứng đáng, hiểu theo nghĩa, mục đích đó đem lại ích lợi cho xã hội.

Không thể trở thành nhà sáng tạo chân chính, nếu như cá nhân không có mục đích xứng đáng và theo đuổi nó bằng tất cả sức lực (trí tuệ, hành động) của mình. Mục đích xứng đáng cần thỏa mãn các tiêu chuẩn:

- Mục đích phải là mới hoặc chưa đạt được trong xã hội. Hoặc các phương tiện để đạt mục đích phải là mới.

Dù mục đích xứng đáng có vĩ đại cỡ nào, mục đích không thể biện minh cho phương tiện xấu, phi đạo đức. Nói cách khác, mục đích xứng đáng phải đạt được bằng các phương tiện xứng đáng.

- Mục đích phải cụ thể chứ không chung chung kiểu như phục vụ nhân dân, vì hạnh phúc của nhân loại...

- Mục đích phải không quá hẹp, hiểu theo nghĩa, nó chỉ là yếu tố của mục đích lớn hơn. Điều này giúp cá nhân thấy, mục đích, trong trường hợp đạt được, vẫn còn có khả năng phát triển tiếp trong suốt cuộc đời con người, với tính ích lợi cho xã hội tăng thêm. Nói cách khác, cuộc đời của nhân cách sáng tạo là sự vận động về phía trước trên con đường, được đánh dấu bằng các cột mốc là chuỗi các mục đích mà không có mục đích cuối cùng. Chuỗi các mục đích đạt được trên đường đời phản ánh tính hiệu quả sống của nhân cách sáng tạo.

- Mục đích là mục đích sống, tương đương với giá trị cả cuộc đời mình. Do vậy, cá nhân cần tưởng tượng, cân nhắc để mục đích, một mặt, phải khá cao hơn năng lực của mình nhưng không quá viển vông. Mặt khác, mục đích không phải là những cái vụn vặt, mặc dù, những cái vụn vặt đó là cần thiết, không tránh khỏi.

- Mục đích, đặc biệt ở những giai đoạn đầu tiên, cần không phụ thuộc vào chi phí tài chính lớn, các máy móc, thiết bị đắt tiền. Những mục đích mới, mang tính cách mạng thường thuộc về số ít, đến mức, chỉ có một người nghĩ đến. Lúc này, người đó buộc chỉ còn hy vọng, trông chờ vào chính mình, mà mình thì không phải triệu phú đôla Mỹ.

- Mục đích xứng đáng có một số dấu hiệu như: Mục đích và những kết quả đầu tiên của bạn không được những người xung quanh tiếp nhận; bạn không có cạnh tranh trong các giai đoạn đầu theo đuổi mục đích. Điều này có thể hiểu được vì tính mới càng cao, rủi ro càng nhiều, càng khó được tiếp nhận và ở các giai đoạn đầu tiên, các

kết quả thu được chưa đem lại các lợi ích thấy ngay, lại càng chưa phải là các thành phẩm để có thể nghĩ đến chuyện kinh doanh kiếm lợi nhuận.

Cá nhân cần dành thời gian và công sức để xác định chính xác các mục đích xứng đáng. D. Schwartz nhấn mạnh: “Mục đích là cần thiết, quan trọng cho sự thành công, như không khí đối với sự sống”. Không có không khí thì không có sự sống. Không có mục đích, cá nhân không hành động, do vậy, cá nhân sẽ không có các kết quả sáng tạo, là phẩm chất thứ sáu của nhân cách sáng tạo.

2) Xây dựng chương trình (kế hoạch) phù hợp mục đích.

Sau khi mục đích xứng đáng đã được xác định, công việc tiếp theo cần làm là tìm cách tiếp cận thích hợp (hướng tìm kiếm) để đạt mục đích. Kế hoạch thực hiện được xây dựng dựa trên cách tiếp cận tìm ra, theo tinh thần “*chia tương lai để thực hiện từng ngày*”. Kế hoạch đề ra phải mang tính linh động, không cứng nhắc vì nhiều điều kiện trên thực tế, thậm chí, các mục đích ngắn hạn, trung gian có thể thay đổi. Rõ ràng, cần thiết lập quan hệ phản hồi để, một mặt, kiểm soát việc thực hiện kế hoạch, mặt khác, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với những gì mới nảy sinh. Kế hoạch không chỉ bao gồm những công việc trực tiếp hướng đích mà còn cả những công việc mang tính chất hỗ trợ, chuẩn bị như: Sức khỏe, học tập để nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, ngoại ngữ; thu thập, tích lũy các thông tin, kiến thức cần thiết và xử lý chúng... Ở đây còn có vấn đề quản lý thời gian. Ai cũng chỉ có 24 giờ một ngày đêm, trong đó, tùy người, 9 đến 12 giờ dành cho ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân, đi lại... Như vậy, thời gian làm việc còn lại từ 15 đến 12 giờ, là lượng thời gian dài nhất có thể có trong một ngày–đêm để thực hiện kế hoạch vạch ra.

3) Khả năng làm việc cao.

Khả năng làm việc cao thể hiện ở chỗ, trong suốt thời gian dài nhất có thể có, nhân cách thực hiện kế hoạch mình đề ra một cách đầy hứng thú, say mê. Trong khi những người khác nhìn vào lại cho rằng, “*ôm rơm rặm bụng*”, “*thân làm tội đời*”, “*có ai bắt đầu mà làm*”, “*tự mình làm khổ mình*”... Điều này có thể hiểu được, vì “làm việc” theo kế hoạch đề ra để đạt mục đích đã chọn, là nhu cầu cấp bách bên trong của nhân cách sáng tạo. Đây là lao động tự giác, loại lao động đem lại niềm vui không chỉ sau khi đã đạt được kết quả, mà còn trong các hành động trung gian của quá trình đang diễn ra.

Khả năng làm việc cao còn thể hiện ở chỗ, nhân cách sáng tạo vẫn tiếp tục làm việc một cách hứng thú, ngay cả trong những hoàn cảnh khó khăn, thiếu các điều kiện cần thiết, ví dụ, trong tù chẳng hạn. Cao hơn nữa, nhân cách sáng tạo còn tự tạo điều kiện làm việc cho chính mình, cho chính nhóm của mình để nuôi dưỡng, phát triển sự hứng thú, say mê. Bằng cách đó, họ luôn duy trì khả năng làm việc của họ ở mức cao, tận dụng hết lượng thời gian dài nhất có thể có, dành cho mục đích đã chọn, dù hoàn cảnh bên ngoài có những thay đổi bất lợi. Nói cách khác, các nhân cách sáng tạo có khả năng vượt lên trên hoàn cảnh, thay đổi hoàn cảnh, thực hiện các bước trong kế hoạch, nhằm đạt được mục đích xứng đáng mà mình đã chọn.

4) Biết giải quyết các vấn đề gặp trên con đường đến đích.

Nếu như trong quá khứ, phẩm chất này được hình thành, chủ yếu, nhờ các kinh nghiệm cá nhân, sau nhiều lần thử và sai. Ngày nay, nhờ phương pháp luận sáng tạo và đổi mới (PPLSTVĐM), phẩm chất này có thể đạt được ở mức cao nhờ đào tạo, huấn luyện.

5) Năng lực đương đầu với các khó khăn, cản trở, bảo vệ các ý tưởng, hành động của mình, trung thành với mục đích xứng đáng đã chọn.

Cái mới luôn tạo ra sự chống đối, tính mới càng cao, sự chống đối càng lớn. Sự chống đối không chỉ có nguyên nhân là tính ì tâm lý mà còn là vấn đề quyền lợi, quyền lực của những người chống đối bị xâm phạm, nếu như cái mới chiến thắng. Họ chống đối, cản trở xuất phát từ nhu cầu cá nhân chứ không phải vì sự phát triển của xã hội. Về phần mình, xã hội thiếu luật pháp, dân chủ, công khai, minh bạch càng tạo môi trường thuận lợi cho những người chống đối đó tác oai, tác quái. Biết đấu tranh để các ý tưởng của mình được công nhận, tiếp nhận, sử dụng trên thực tế, là phẩm chất cần thiết, không kém gì việc nhân cách sáng tạo đưa ra những ý tưởng mới đó.

6) Có các kết quả sáng tạo tương ứng với mục đích đã chọn.

Có được các kết quả sáng tạo, dường như là kết thúc tất yếu của năm phẩm chất trước đó. Một người có mục đích xứng đáng, biết lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch với khả năng làm việc cao, giải quyết vấn đề tốt, lại có năng lực đương đầu với các chống đối, cản trở, thì đạt được các kết quả sáng tạo là điều đương nhiên. Tuy nhiên, thực tế có thể không xảy ra như vậy. Thứ nhất, việc đưa ra yêu cầu phải có các kết quả sáng tạo nhằm nhấn mạnh: Không thể nói về nhân cách sáng tạo, nếu như người đó không có kết quả sáng tạo. Thứ hai, đối với những người đang trở thành nhân cách sáng tạo, họ phải coi việc chưa có kết quả như một dấu hiệu lo ngại, cảnh báo để điều chỉnh năm phẩm chất trước. Thứ ba, nhấn mạnh kết quả sáng tạo để nhân cách sáng tạo lưu ý về hiệu quả sáng tạo: Các chi phí (hiểu theo nghĩa rộng nhất) cho quá trình sáng tạo phải được biến thành các kết quả sáng tạo tương ứng.

Người viết muốn lưu ý bạn đọc rằng, sáu phẩm chất của nhân cách sáng tạo trình bày ở trên không đứng độc lập, mà liên kết với nhau thành hệ thống thống nhất. Đi sâu hơn, nhìn theo quan điểm của thế giới bên trong con người, rất nhiều các hiện tượng tâm lý kết hợp với nhau một cách nhuần nhuyễn thành các hệ thống ở các thang bậc cao, với những thay đổi về chất cần thiết cho nhân cách sáng tạo. Chúng ta có thể thấy, các nhu cầu phát triển xã hội đã chuyển hóa, kết hợp với nhu cầu “*cho những người khác*”, phát triển thành các nhu cầu cá nhân cụ thể, thể hiện trong mục đích xứng đáng đã chọn của nhân cách sáng tạo. Các kiến thức được cung cấp bởi xã hội, tự học, kết hợp với nhu cầu nhận thức mạnh và hành động, tạo thành hệ thống các xúc cảm dương (kể cả ý chí, nghị lực) đối với mục đích xứng đáng đã chọn. Trong số đó, nhiều xúc cảm trở thành các thói quen tự nguyện tốt đẹp, không chỉ ở mức ý thức, mà còn ở cả mức tiềm thức. Nhân cách sáng tạo có quan hệ phản hồi tốt với chính mình để tự rút kinh nghiệm, với các đồng nghiệp để học trên sai lầm của họ, với xã hội để điều chỉnh, phát triển mục đích đã chọn và thay đổi kế hoạch, hành động cho hợp lý. Nói cách khác, nhân cách sáng tạo có khả năng tự điều khiển, làm

chủ bản thân mình tốt. Các hiện tượng tâm lý giúp ích cho tư duy sáng tạo như liên tưởng, tính nhạy bén tư duy, trí tưởng tượng, linh tính được kết hợp và huy động ở mức cao... Sáu phẩm chất nhân cách sáng tạo mới là điều kiện cần tối thiểu để giải quyết một vấn đề và đưa thành phẩm ra áp dụng thực tế, tức là, dành cho một chu trình sáng tạo. Chu trình này chiếm nhiều năm trời. Tuy nhiên, con người có thể giải nhiều bài toán, thực hiện nhiều chu trình sáng tạo trong cuộc đời của mình. Nhân cách sáng tạo không phải huân chương hay danh hiệu suốt đời. Khi không sáng tạo nữa, con người cũng không còn là nhân cách sáng tạo. Tuy vậy, mỗi người bình thường đều có khả năng trở thành nhân cách sáng tạo.

Dưới đây, người viết trích tiểu sử và phân tích một nhân cách sáng tạo theo sáu phẩm chất kể trên:

☉ “Trong suốt 200 năm, cho đến giữa thế kỷ 19, sốt hậu sản xảy ra phổ biến trong các nhà hộ sinh Châu Âu. Có những năm, trên dưới 30% sản phụ bị chết. Một số con số thống kê cho thấy, riêng tại nước Phổ, trong 60 năm có 363.624 sản phụ chết, tức là lớn hơn số người chết vì đậu mùa và bệnh tả gộp lại. Tháng 12 năm 1842, số sản phụ chết là 31,3%. Ở thành phố Praha, năm 1848 có 37,36% sản phụ chết; 1849 – 45,54%; 1850 – 52,65%. Tỷ lệ tử vong 10% được coi là bình thường. Trong tất cả các loại bệnh được phân tích thống kê, sốt hậu sản có tỷ lệ tử vong cao nhất. Các sản phụ sợ đến các nhà hộ sinh, nhiều người trong số họ thích sinh con trên xe lửa và ngoài đường hơn. Ai phải vào nhà hộ sinh, trước đó đã phải nói lời vĩnh biệt những người thân, giống như trước khi lên đoàn đầu đài.

Các nhà chuyên môn thời đó coi sốt hậu sản là dịch và đưa ra tới 30 giả thuyết về nguyên nhân, ví dụ, do thay đổi trạng thái không khí, đất, do vị trí của nhà hộ sinh... Người ta đã thử điều trị bằng mọi cách, kể cả sử dụng thuốc tẩy. Mổ xác các nạn nhân cho thấy cùng một kết quả: Các sản phụ chết vì bị nhiễm trùng máu.

Năm 1847, bác sỹ của thành phố Viên (Áo) I.P. Semmelweis (1818 – 1865), khi đó mới 29 tuổi, đã tìm ra nguyên nhân gây nên biết bao cái chết thương tâm của các bà mẹ. Bằng các thông tin, dữ liệu thu thập được và xử lý chúng, ông đi đến kết luận, chính sự cầu thả của các bác sỹ khi thăm khám, đỡ đẻ, thực hiện các ca mổ bằng những bàn tay thiếu vệ sinh, trong các điều kiện thiếu vệ sinh đã dẫn đến sự nhiễm trùng máu. Ông đề nghị, không chỉ rửa tay bằng nước sạch và xà phòng, mà còn phải sát trùng bằng nước clo. Đây chính là nội dung của phương pháp phòng ngừa căn bệnh nói trên.

Tất cả các danh y của Châu Âu lúc đó đều chống lại phương pháp của Semmelweis và chính bản thân Semmelweis. Phương pháp của ông đã không được tiếp nhận một cách rộng rãi và triệt để khi ông còn sống. Ông mất năm 1865, tức 18 năm sau khi đưa ra phương pháp của mình, một phương pháp mà tính đúng đắn của nó có thể rất dễ dàng kiểm tra trên thực tế”.

Bây giờ, chúng ta đi vào các chi tiết cuộc đời của Semmelweis, nhìn theo sáu phẩm chất của nhân cách sáng tạo:

“1) Xác định mục đích xứng đáng.

Semmelweis chọn mục đích của mình không phải ngẫu nhiên. Năm 1844, sau khi tốt nghiệp khoa y, Đại học tổng hợp Viên, Semmelweis nhận bằng bác sỹ về sản và phụ khoa. Cũng trong năm đó, ông trở thành nghiên cứu sinh bệnh viện Klein ở Viên. Bệnh

viện Klein là bệnh viện có số sản phụ chết do sốt hậu sản thuộc loại cao nhất, trong số các bệnh viện ở Châu Âu.

Mục đích do Semmelweis chọn, rõ ràng, là mục đích xứng đáng, cao cả, đem lại nhiều ích lợi cho xã hội.

2) Xây dựng kế hoạch (chương trình).

Semmelweis có hai kế hoạch: Kế hoạch giải bài toán và kế hoạch áp dụng lời giải vào thực tế.

Kế hoạch thứ nhất được thực hiện bằng cách tiến hành loại trừ dần các yếu tố có thể gây ra bệnh ở sản phụ, để từ đó, xác định nguyên nhân đích thực. Semmelweis không chỉ sử dụng các dữ liệu thí nghiệm của mình, mà còn cả các dữ liệu thống kê. Sau đó, ông xây dựng phương pháp phòng ngừa và tiến hành thử nghiệm, lúc đầu, trên động vật, rồi chuyển sang người.

Kế hoạch thứ hai thể hiện ở chỗ, phải làm sao áp dụng phương pháp tìm ra một cách im lặng, không ồn ào. Semmelweis đã thấy trước phản ứng lớn, bởi vì phát hiện của ông chỉ ra rằng, chính các bác sỹ có lỗi trong việc gây ra căn bệnh cho các sản phụ. Lúc đầu, ông gửi những lá thư riêng cho các bệnh viện hàng đầu, sau đó, cho các bệnh viện còn lại của Châu Âu, thông báo và khuyến cáo người nhận sử dụng phương pháp mới. Ông hy vọng rằng, bằng cách như vậy, phương pháp sẽ được công nhận và tiếp nhận một cách rộng rãi nhất.

Khi Semmelweis nhận ra, người ta không đếm xỉa gì tới các lá thư riêng, kể cả quyển sách viết sau đó của ông, ông bắt đầu viết những bức thư ngỏ, công khai lên án họ và dọa sẽ đưa vấn đề ra trước công luận. Lời đề nghị, yêu cầu, thậm chí, khẩn cầu duy nhất trong những thư này là, hãy thử sử dụng phương pháp của ông để cứu lấy sự sống. Thế thôi, Semmelweis không hề nói gì, đòi hỏi gì về chuyện khen thưởng.

3) Năng lực làm việc.

Tuy các nhà viết tiểu sử của Semmelweis không nói rõ, Semmelweis làm việc mỗi ngày bao nhiêu giờ. Căn cứ vào các chi tiết khác, người đọc có thể thấy, Semmelweis đã làm việc bằng tất cả thời gian mà mình có để giải quyết vấn đề, với tất cả các xúc cảm dương cần thiết.

4) Các kỹ năng giải quyết vấn đề.

Semmelweis chủ yếu sử dụng phương pháp thử và sai. Trong đó, có những phép thử không dựa trên cơ sở lôgic nào cả. Ví dụ, tình cờ biết nhà hộ sinh gần đấy để các sản phụ sinh con trong tư thế nằm nghiêng, ông liền áp dụng tại bệnh viện của mình. Thế nhưng, tỷ lệ tử vong của các sản phụ, không vì thế mà giảm đi.

Tuy nhiên, Semmelweis có tính nhạy bén tư duy cao và cách thu thập, xử lý thông tin toàn diện hơn các đồng nghiệp. Ông để ý những điều mà các đồng nghiệp khác không để ý. Ông ít bị tính ì hơn họ vì ông mới ra trường, chưa kịp thuộc về trường phái y học nào, mức độ khách quan còn cao. Ngoài ra, cũng cần tính đến những may mắn (trong rủi ro) nhất định. Ví dụ, cái chết của bác sỹ J. Kolletschka – bạn thân, đã làm cho Semmelweis không chỉ đau buồn, mà còn thúc đẩy ông tìm hiểu nguyên nhân cái chết đó kỹ hơn. Hóa ra, bạn ông chết vì một vết dao cắt, ngẫu nhiên tự làm bị thương, khi mổ xác một sản phụ chết do sốt hậu sản. Ông đã cẩn thận nghiên cứu biên bản của người ta mổ xác bạn mình: Cùng một căn bệnh dẫn đến tử vong như các sản phụ.

Với tất cả thông tin có cho đến lúc ấy, Semmelweis đã suy nghĩ suốt ngày đêm,

cho đến khi trong đầu hình thành ý tưởng đầy tự tin là: “Các chất của tử thi bị bệnh” từ các bàn tay của các bác sỹ, xâm nhập vào mạch máu của những bà mẹ khỏe mạnh, làm họ bị lây bệnh và chết. Người viết lưu ý bạn đọc, mãi sau này mới có các công trình nghiên cứu của Pasteur, xác định các vi khuẩn như là nguồn của nhiều loại bệnh. Các giáo sư, bác sỹ, nhân viên y tế, sinh viên thực tập thường mổ xác hoặc tham gia mổ xác. Nước và xà phòng không đủ làm sạch hết “các chất của tử thi bị bệnh”. Họ lại đi thăm khám, đỡ đẻ và mổ các sản phụ. Chính những bàn tay bẩn đã lây truyền bệnh cho các sản phụ, làm họ chết, không kịp làm mẹ. Để khắc phục tình trạng này, Semmelweis, cuối cùng, quyết định dùng nước clo để rửa tay cho sạch hết “các chất của tử thi bị bệnh”. Sau đó, ông đưa ra lý thuyết về nguyên nhân gây bệnh và phương pháp sử dụng nước clo để phòng bệnh.

5) Năng lực đương đầu với sự chống đối, cản trở.

Phát hiện của Semmelweis chỉ ra các bác sỹ là những kẻ giết người bằng chính đôi tay lây nhiễm bệnh của mình. Đây là nguyên nhân chính làm cho phát hiện của ông ngay lập tức bị bác bỏ một cách dứt khoát và vô điều kiện. Phát hiện này, về bản chất, là bản tuyên án những người làm việc trong các nhà hộ sinh trên toàn thế giới, những người không công nhận công trình nghiên cứu của ông và vẫn tiếp tục làm việc theo phương pháp cũ.

Giám đốc bệnh viện, bác sỹ Klein cấm Semmelweis đăng con số thống kê giảm tỷ lệ tử vong nhờ sát trùng đôi tay. Klein nói rằng, công bố điều đó có nghĩa là sự phản bội. Trên thực tế, bệnh viện Klein đã đuổi việc Semmelweis, bằng cách không gia hạn hợp đồng làm việc, mặc dù, tỷ lệ tử vong ở bệnh viện giảm một cách rõ rệt. Ông phải rời Viên, chuyển về Budapest, nơi vất vả lắm mới xin được chỗ làm việc. Tại Hungary, trong bệnh viện của mình, ông đã kéo giảm tỷ lệ tử vong xuống còn 0,85%.

Lúc đầu, Semmelweis cố gắng viết những lá thư thông báo riêng đến các bác sỹ, kể cả các nhà khoa học nổi tiếng thời ấy như Wirchow, Simpson về phát hiện của mình. Các lá thư đã không có tác dụng nào. Ông sẵn sàng bỏ thời gian và tiền bạc để giới khoa học lắng nghe ông. Ví dụ, ông đề nghị các bác sỹ Đức tổ chức seminar bằng kinh phí do ông tài trợ, để nghe ông trình bày phương pháp của mình, với thời gian và địa điểm do họ tùy ý chọn. Lời đề nghị của ông bị từ chối. Năm 1861, ông viết sách, nhưng người ta cũng không thèm đếm xỉa đến sách của ông. Dưới mắt họ, Semmelweis còn quá trẻ, thiếu kinh nghiệm, lại là bác sỹ tỉnh lẻ, chưa đủ tư cách để đòi dạy dỗ, yêu cầu này nọ.

Sau tất cả những cố gắng kể trên, Semmelweis bắt đầu viết những lá thư ngỏ cho những người chống đối – những giáo sư nổi tiếng nhất. Trong một lá thư có những dòng sau đây: *“... nếu như chúng ta có thể chấp nhận tình trạng tử vong trước năm 1847, bởi vì lúc đó không thể kết tội ai vào tội ác, được thực hiện một cách không ý thức, thì tình hình hoàn toàn thay đổi với những cái chết hậu sản sau năm 1847. Năm 1864 là năm thứ 200, sốt hậu sản hoành hành trong các bệnh viện. Cuối cùng, đã đến lúc phải chấm dứt nó. Ai có lỗi trong việc 15 năm qua, sau khi xuất hiện lý thuyết phòng bệnh hậu sản, các sản phụ vẫn tiếp tục phải chết? Không ai khác, chính là các giáo sư sản khoa...”*.

Lá thư nhắm vào lương tâm của các nhà khoa học. Thay vì lương tâm thức tỉnh, vì uy tín cá nhân, các giáo sư bị sốc bởi lời lẽ lá thư, đã tuyên bố Semmelweis là người có *“tinh cách không thể chấp nhận được”*. Họ tung ra các *“lý thuyết khoa học”* bao bọc bởi thái độ không muốn hiểu bất kỳ cái gì trái với các quan điểm của họ. Họ bóp méo các sự kiện, làm các dữ liệu giả. Một số giáo sư, trên thực tế sử dụng phương pháp của

Semmelweis trong bệnh viện của mình để giảm tỷ lệ tử vong, nhưng báo cáo rằng, có được kết quả tốt như vậy là nhờ lý thuyết của mình, ví dụ, do cải tiến hệ thống thông gió trong các phòng bệnh... Đã có những bác sỹ thông báo các số liệu thống kê do mình bịa ra. Còn khi lý thuyết của Semmelweis bắt đầu được công nhận, một số nhà khoa học lại nhảy ra tranh công: Đòi quyền ưu tiên phát hiện thuộc về mình, như là người đầu tiên. Chống đối Semmelweis lâu nhất chính là các bác sỹ thuộc trường phái Praha, nơi có tỷ lệ tử vong các sản phụ cao nhất Châu Âu. Họ chỉ chịu công nhận phát hiện của Semmelweis 37 (!) năm sau khi phát hiện đó ra đời. Trên thực tế, phát hiện của Semmelweis chỉ được công nhận hoàn toàn bởi thế hệ mới các bác sỹ, trên tay họ không dính máu của các bà mẹ bị chết một cách oan uổng.

Công bằng mà nói, cũng có những người có lương tâm nhưng hành động tiêu cực. Ví dụ, G. Michaelis, một bác sỹ nổi tiếng của thành phố Kil đã sử dụng phương pháp sát trùng bằng nước clo do Semmelweis thông báo và bị thuyết phục bởi tỷ lệ tử vong giảm thấy rõ. Ông hết sức kinh ngạc, không chịu đựng nổi sự cắn rứt (hóa ra lâu nay là kẻ giết người mà mình không biết), ông tự tử năm 1848.

Trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng để bảo vệ chân lý, Semmelweis là thiếu số, thậm chí, cô độc kiểu “*một mình chống lại mafia*”, “*một mình chống lại tất cả*”. Tuy đã cố gắng vượt lên chính mình, ông dần trở thành người bản tính, cau có, thỉnh thoảng nổ ra những cơn giận dữ. Tình nhũn nhặn, chịu đựng, thậm chí, nhút nhát biến mất ở ông. Ông không còn biết gì đến các chuyện vui và giải trí. Ông dần trở nên mất trí. Giữa năm 1865 người ta đưa ông vào bệnh viện tâm thần ở Viên. Ông mất tại đó ngày 13 tháng tám năm 1865, ở tuổi 47. Theo một số nguồn, số phận thật trớ trêu, nguyên nhân chết của ông là vết thương nhiễm trùng trên ngón tay phải, xảy ra trong lần mổ phụ khoa cuối cùng của ông. Còn theo S.B. Nuland, trong một lần lên cơn đập phá, ông bị các nhân viên bệnh viện tâm thần đánh và chết vì những thương tổn hai tuần sau đó.

6) Kết quả sáng tạo.

Semmelweis đã thực hiện phát minh, phát triển nó thành lý thuyết. Ông cũng sáng chế ra phương pháp sát trùng sử dụng nước clo và áp dụng nó vào thực tế. Chính các kết quả sáng tạo của ông đã chuẩn bị ý tưởng và dư luận xã hội để các công trình sau này của Lister (1827 – 1912) về sát trùng tổng quát, của Pasteur (1822 – 1895) về vi khuẩn – nguồn gốc của nhiều loại bệnh được dễ dàng tiếp nhận”.

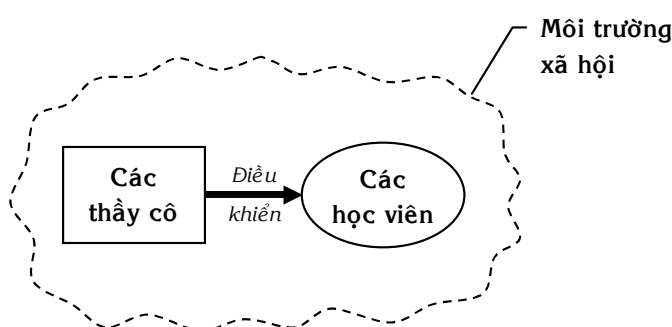
Đến đây, người viết muốn lưu ý rằng, chắc bạn đọc biết về Pasteur nhiều nhất, sau đó là Lister (ít ra, thông qua tên gọi của nước súc miệng sát trùng – Listerine Antiseptic Mouthwash, bán trong các hiệu thuốc) hơn là về Semmelweis. Trong khi đó, chính Lister công nhận: “*Không có Semmelweis, tôi không đạt được các thành tựu của mình (Without Semmelweis, my achievements would be nothing)*”. Điều này có thể giải thích, trong khi sáng tạo là cuộc chạy tiếp sức, thì số đông trong nhân loại thường chỉ nhắc đến người về đích cuối cùng của một giai đoạn nào đó. Chúng ta cần phải trả lại sự công bằng cho sự đóng góp của những người khác vào sự phát triển chung của nhân loại.

10. Mối liên hệ giữa giáo dục và xã hội

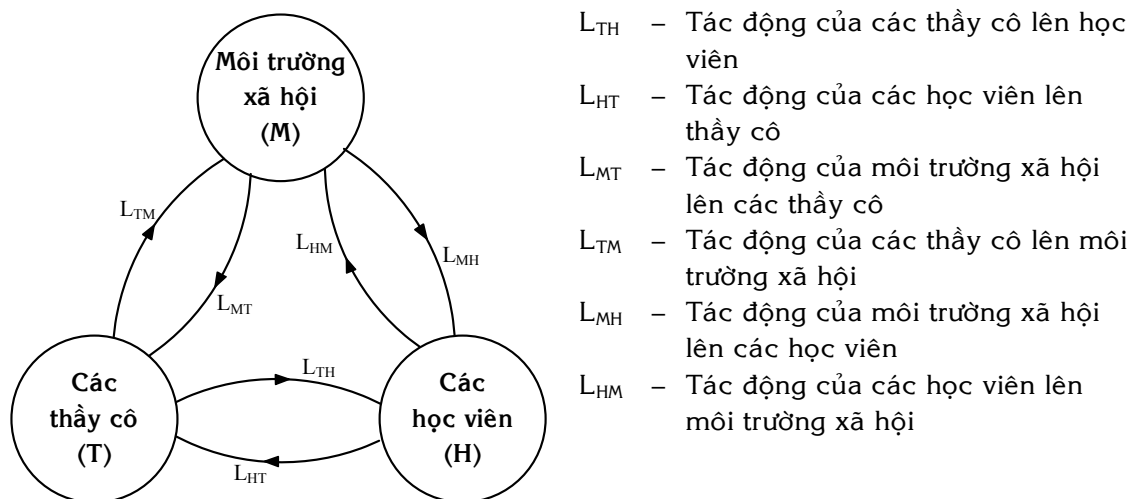
10.1. Các trường hợp có thể xảy ra

Hình 17 dưới đây phản ánh mối liên hệ giữa giáo dục trong nhà trường và xã hội. Trong nhà trường, thầy cô có nhiệm vụ điều khiển các học viên hướng tới những mục tiêu do giáo dục đặt ra. Trường học không khép kín mà tương tác với môi trường xung quanh là môi trường xã hội.

Tùy theo hoàn cảnh lịch sử cụ thể, tùy nơi, tùy lúc, ba hệ nói trên (các thầy cô, các học viên và môi trường xã hội) có thể ở những trạng thái thuận lợi khác nhau để đạt được mục đích điều khiển là nhân cách lý tưởng. Mặt khác, ba hệ nói trên là các hệ mở, liên kết với nhau, hiểu theo nghĩa, chúng tác động qua lại và các tác động này có thể tốt, có thể xấu trong mối quan hệ với việc hình thành và phát triển nhân cách lý tưởng, xem *Hình 18: Ba hệ và các tương tác giữa chúng* và *Hình 19: Bảng hình thái của ba hệ và các mối liên kết*.



Hình 17: Hệ các thầy cô, hệ các học viên và hệ môi trường xã hội



Hình 18: Ba hệ và các tương tác giữa chúng

Để cho đơn giản, người viết chỉ giới hạn ở hai trạng thái tốt (thuận lợi), xấu (không thuận lợi) đối với việc phát triển nhân cách học viên của ba hệ và sáu mối

liên kết. Trên thực tế, mức độ đa dạng của các trạng thái còn lớn hơn nhiều lần, do vậy, tình hình còn phức tạp gấp bội. Mỗi đến đây thôi, bạn đọc đã có thể thấy bài toán phát triển nhân cách không dễ giải chút nào, chưa kể, nếu đi sâu hơn vào từng hệ thống và các mối liên kết, chúng ta gặp những hiện tượng còn ít được nghiên cứu.

T	tốt	xấu	L_{TH}	tốt	xấu	L_{TM}	tốt	xấu	T – Thầy cô
H	tốt	xấu	L_{HT}	tốt	xấu	L_{MH}	tốt	xấu	H – Học viên
M	tốt	xấu	L_{MT}	tốt	xấu	L_{HM}	tốt	xấu	M – Môi trường xã hội

Hình 19: Bảng hình thái của ba hệ và các mối liên kết

Bảng hình thái trên Hình 19 cho chúng ta $2^9 = 512$ trường hợp có thể có. Chúng ta hãy thử cùng xem xét một số trường hợp đặc biệt, với chỉ số t tương ứng với trạng thái tốt của hệ hoặc mối liên kết; x – trạng thái xấu của hệ hoặc mối liên kết:

$$1) T_t - H_t - M_t - L_{THt} - L_{HTt} - L_{MTt} - L_{TMt} - L_{Mht} - L_{HMT}$$

Đây là trường hợp lý tưởng, khi mọi cái đều tốt: Có sự cộng hưởng của các cá nhân thầy cô, học viên và môi trường xã hội (xem Hình 15); sự cộng hưởng của hệ giáo dục (các thầy cô) và các học viên; sự cộng hưởng của các cá nhân trong xã hội với nhau. Điều này có nghĩa, mọi người đều đang là hoặc sẽ trở thành các nhân cách tốt.

$$2) T_t - H_t - M_x - L_{THt} - L_{HTt} - L_{MTx} - L_{TMt} - L_{MHx} - L_{HMT}$$

Đây là trường hợp các thầy cô tương tác tốt với các học viên, phát triển được nhiều nhân cách tốt và tác động tốt lên môi trường xã hội. Trong khi đó, môi trường xã hội và tác động của môi trường xã hội lên các thầy cô, các học viên là xấu. Trường hợp này dẫn đến kết quả: Một số thầy cô, học viên bị suy thoái về mặt nhân cách do tác động xấu của môi trường xã hội. Nói cách khác, ở đây có sự đấu tranh giữa tác động tốt của giáo dục và tác động xấu của môi trường xã hội. Nếu tác động tốt của giáo dục mạnh hơn, các thầy cô, các học viên nhân cách tốt, đặc biệt, khi ra đời sẽ tác động tích cực, cải tạo môi trường xã hội theo hướng tốt. Nếu tác động xấu của môi trường xã hội mạnh hơn, giáo dục nhân cách sẽ đi vào suy thoái và toàn bộ xã hội trở nên xấu hơn trước.

$$3) T_x - H_x - M_t - L_{THx} - L_{HTx} - L_{MTt} - L_{TMx} - L_{Mht} - L_{HMT}$$

Đây là trường hợp giáo dục phát triển nhân cách trong các nhà trường không đạt yêu cầu (xấu). Tuy nhiên, vẫn còn có hy vọng vì môi trường xã hội và tác động của môi trường xã hội lên các thầy cô, các học viên là tốt. Ở đây, có sự đấu tranh giữa tác động tốt của môi trường xã hội và tác động xấu của giáo dục lên người học. Nếu tác động tốt của môi trường xã hội mạnh hơn, hệ thống giáo dục sẽ được cải tạo theo chiều hướng tích cực, phát triển các nhân cách tốt. Nếu tác động xấu của giáo dục mạnh hơn, toàn bộ xã hội trở nên xấu hơn trước.

$$4) T_x - H_x - M_x - L_{THx} - L_{HTx} - L_{MTx} - L_{TMx} - L_{MHx} - L_{HMx}$$

Đây là trường hợp mọi cái đều xấu. Toàn bộ xã hội trên con đường suy thoái. Bạn đọc thử suy nghĩ xem, có cách nào lật ngược tình thế không? Nếu có thời gian, bạn đọc còn có thể xem xét các trường hợp khác, ngoài bốn trường hợp đặc biệt nói trên.

10.2. Các điều kiện xã hội và giáo dục lý tưởng để có nhiều hành động cá nhân tốt

Ở đây, người viết tổng kết những gì đã trình bày từ mục 8. *Cá nhân và môi trường* cho đến nay. Công việc tổng kết nhằm mục đích chỉ ra các điều kiện lý tưởng, thực chất, là cái đích lý tưởng mà xã hội và giáo dục cần hướng đến:

1) Môi trường xã hội, các thầy cô, các học viên và các mối liên kết giữa ba hệ này đều tốt (xem trường hợp $T_t - H_t - M_t - L_{THt} - L_{HTt} - L_{MTt} - L_{TMt} - L_{Mht} - L_{Hmt}$ trong mục nhỏ 10.1. *Các trường hợp có thể xảy ra*).

2) Phạm vi ① (xem Hình 13 và văn bản đi kèm của mục nhỏ 8.2. *Cá nhân và xã hội lý tưởng*) là phạm vi các hành động cá nhân vừa làm thỏa mãn các nhu cầu cá nhân, vừa làm thỏa mãn các nhu cầu xã hội, thì xã hội lý tưởng phải bảo đảm các nhu cầu chính đáng của cá nhân được thỏa mãn bằng cách thực thi đầy đủ quyền con người (xem mục 8.1. *Cá nhân trong tư cách là con người hiện đại*).

3) Phạm vi ② (xem Hình 13 và văn bản đi kèm) là phạm vi các hành động cá nhân làm thỏa mãn các nhu cầu cá nhân nhưng ảnh hưởng xấu đến xã hội. Có thể coi những hành động cá nhân này là các hành động xấu. Xã hội lý tưởng là xã hội có những biện pháp làm cho cá nhân không hành động trong phạm vi ② một cách có hiệu quả. Những biện pháp này, về mặt nguyên tắc, là những biện pháp dựa trên quy luật: *Hành động cá nhân xuất phát từ nhu cầu cá nhân và nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân*. Để cá nhân không hành động trong phạm vi ②, các biện pháp phải làm cho cá nhân không có nhu cầu hành động trong phạm vi ② và nếu trót hành động ở phạm vi ② thì cá nhân sẽ lãnh hậu quả: *Các nhu cầu khác không được thỏa mãn đến mức tạo ra xúc cảm âm đủ độ để cá nhân không tái diễn hành động trong phạm vi ② nữa*. Những biện pháp này gọi chung là các biện pháp răn đe, ngăn chặn, trừng phạt bao gồm các biện pháp luật pháp, hành chính, thái độ của những người xung quanh, dư luận xã hội...

4) Phạm vi ③ (xem Hình 13 và văn bản đi kèm) là phạm vi các hành động cá nhân làm thỏa mãn nhu cầu xã hội nhưng không thật sự thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Để có nhiều cá nhân hành động trong phạm vi ③ giúp xã hội phát triển nhanh, xã hội cần có những biện pháp khuyến khích: Cá nhân càng hành động trong phạm vi ③ thì các nhu cầu chính đáng của cá nhân càng thỏa mãn, từ đó tạo nên các xúc cảm dương đủ độ trong cá nhân.

5) Có nhiều cách hình thành xúc cảm (xem mục nhỏ 7.2. *Một số cách tạo xúc cảm cá nhân*). Trong đó có cách khá phổ biến là cá nhân tiếp thu các thông tin tạo

xúc cảm từ bên ngoài. Những thông tin này có thể đến từ những người xung quanh, truyền thông các loại, các sách văn học, các loại hình nghệ thuật. Nhìn dưới quan điểm quản lý xã hội, những người có trách nhiệm đối với truyền thông, văn hóa, nghệ thuật cần chọn lọc để phát những thông tin tạo xúc cảm tốt thúc đẩy các hành động tốt của những cá nhân trong xã hội nhận những thông tin đó, hạn chế đến không có nữa những thông tin tạo xúc cảm xấu. Những người sáng tác các tác phẩm truyền thông, văn hóa, nghệ thuật cũng cần nâng cao trách nhiệm trong việc tạo các xúc cảm tốt và hạn chế các xúc cảm xấu ở người nghe, người đọc, người xem các tác phẩm của mình.

Thực hiện đầy đủ các điểm 1, 2, 3, 4, 5 một cách có hiệu quả, chúng ta sẽ có được sự cộng hưởng thực sự giữa cá nhân (công dân) và toàn xã hội (xem Hình 15 và văn bản đi kèm).

6) Trong các biện pháp nói ở trên dành cho các phạm vi ①, ② và ③ (xem Hình 13 và văn bản đi kèm của mục nhỏ 8.2. *Cá nhân và xã hội lý tưởng*) có các biện pháp thuộc về giáo dục trường học. Rõ ràng, nếu giáo dục cho ra trường những nhân cách lý tưởng thì xã hội tiếp nhận ngay những cá nhân biết phải làm gì trong các phạm vi ①, ② và ③. Điều này giúp xã hội có ngày càng nhiều các nhân cách lý tưởng: Các hành động tốt càng ngày càng tăng, các hành động xấu càng ngày càng giảm.

7) Giáo dục nhân cách lý tưởng phải có được 8 đặc trưng liệt kê trong mục nhỏ 9.2. *Giáo dục nhân cách lý tưởng trong trường học*.

8) Cao hơn nữa, giáo dục cần hướng tới xây dựng các nhân cách sáng tạo, là những người giải quyết thành công các vấn đề xã hội đang gặp phải, giúp tăng tốc độ phát triển xã hội một cách bền vững (xem mục nhỏ 9.3. *Nhân cách sáng tạo*).

11. Một số suy nghĩ về xã hội và giáo dục ở nước ta

Mục nhỏ 10.2. *Các điều kiện xã hội và giáo dục lý tưởng để có nhiều hành động cá nhân tốt* đã tổng kết các mục từ 8 đến 10 và đề ra các mục tiêu (đích) mà xã hội và giáo dục của bất kỳ nước nào cần đạt, để có thật nhiều các hành động cá nhân tốt, thật ít các hành động cá nhân xấu trong xã hội.

Trong mục này, người viết so sánh tình hình xã hội, giáo dục nước ta hiện nay với các mục tiêu (đích) nói trên để thấy những cái còn chưa đạt. Những cái còn chưa đạt có nhiều, người viết không có tham vọng nói hết, nói đủ mà chỉ nêu một số điểm mà người viết cho là chính.

Nhân đây, người viết muốn nói rõ hơn để tránh hiểu lầm. Xã hội và giáo dục nước ta đã đạt được rất nhiều thành tích, được ghi nhận trong rất nhiều báo cáo, nghị quyết, sách, báo... Người viết tin rằng, các bạn đọc đều biết điều đó. Ở đây, do đề tài và mục đích của quyển sách, người viết không nhắc lại các thành tích đó mà tập trung nhấn mạnh những gì chưa đạt trong xã hội và giáo dục nước ta, chứ không có ý “bôi đen” tình hình.

11.1. Về xã hội

1) So với điểm 2 của mục nhỏ 10.2. *Các điều kiện xã hội và giáo dục lý tưởng để có nhiều hành động cá nhân tốt*, trong phạm vi ① (xem Hình 13 và văn bản đi kèm của mục nhỏ 8.2. *Cá nhân và xã hội lý tưởng*), ở nước ta, xã hội chưa thực sự bảo đảm thỏa mãn các nhu cầu chính đáng của cá nhân, trong đó cần nhấn mạnh đến việc **trả lương thỏa đáng**. Cụ thể, từ năm 1975 cho đến nay tình trạng trả lương không đủ sống vẫn tồn tại.

Dưới đây là một số bài báo phản ánh tình trạng đó:

☉ Ăn tối xong, Thơm - vợ Đức - chưa đi soạn bài ngay mà cứ mân mê tờ hóa đơn tiền điện với cái thờ dài như một câu hỏi: “*Linh lương chưa?*”...

Đức đã 12 năm làm công chức, trải qua ba cơ quan từ tỉnh lẻ lên trung ương; còn Thơm là người thật thà nên cũng khá chi li.

Để chứng minh rằng lương của chồng chỉ gần đủ nuôi anh 20 ngày mỗi tháng thôi, chị lôi ra một cuốn sổ nhỏ ghi mọi khoản chi tiêu trong nhà. Mục chi dài dằng dặc: Điện: 186 ngàn đồng, nước: 35, ga: 88, điện thoại: 149... rồi xăng xe (các khoản sửa chữa), ăn uống, quần áo, dép mũ, xà phòng, kem đánh răng, học phí, đường sữa, sinh nhật, ma chay cưới giỗ, tiếp khách (bạn bè, họ hàng, đồng nghiệp), về quê... v.v... và v.v... Tổng các khoản chi cố định này xê dịch mỗi tháng từ 6,5-7,5 triệu đồng. Đây là Thơm chưa dám tính đến khấu hao nhà cửa, tiện nghi, vật dụng như: Bàn là, tivi, máy giặt, phích nước, xoong nồi, dây phơi, đinh, móc... Và lạy giời, còn ốm đau, sinh nở, tai nạn...

Đức có hai đứa con nhỏ. Chia sòng phẳng thì mỗi người cũng chi từ 1,7-2 triệu đồng/tháng. Thế nhưng lương của Đức, người trụ cột gia đình, sức lao động đầu tàu chỉ 1,1 triệu đồng đổ lại.

Đã thành lệ từ ngày cưới nhau, Đức lĩnh lương xong thì đưa cả cho vợ. Thơm sẽ đếm và “thối lại” cho chồng 20-25%. Số còn lại hoặc là chị trả tiền điện, nước, điện thoại và đường sữa cho thằng út; hoặc chị dùng để đi chợ mua đồ ăn cùng mấy thứ lặt vặt trong một tuần đến mười ngày. Lương của Thơm, giáo viên cấp II, cũng chừng ấy tiền. Tháng nào hai vợ chồng cũng chắc chắn lo được 1/3 các khoản chi bắt buộc để duy trì đời sống gia đình. 2/3 đời sống còn lại cộng với toàn bộ nhu cầu hưởng thụ, phát triển và tích lũy họ không thể trông vào đồng lương.

Một nhà nghiên cứu kinh tế đồng thời cũng là một công chức gần 30 năm hưởng lương nhà nước nói: Chưa bao giờ đồng lương công chức VN đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu của đời sống. Thời bao cấp, CBCNV bám vào nó như một nỗi tủi hổ vì nó quá thấp nhưng họ lại không có cách nào khác. Thời đổi mới, đồng lương tuy có nhiều lần thay đổi nhưng thực tế vẫn không thể hoàn thành được chức năng số 1 của mình là nuôi sống người làm công. Nhưng lúc này công chức đã có nhiều “*bầu sữa*” khác và Nhà nước cũng dần dà chấp nhận những nguồn thu không chính thức của công chức.

“Kế hoạch 3” thời nay

Hôm họp sơ kết sáu tháng đầu năm 2006 của cơ quan Đức, trong mục thành tích ông phó giám đốc đọc đồng dục: “*Để nâng cao đời sống anh em, cải thiện thu nhập cho cán bộ nhân viên cơ quan, ban lãnh đạo đã sáng tạo tận dụng lợi thế của cơ quan:*

Cắt diện tích chưa dùng cho thuê cửa hàng bán bia và mở dịch vụ trông giữ xe đạp xe máy. Đem lại nguồn thu đáng kể cho cán bộ nhân viên mỗi tháng...". Lúc này Đức mới hiểu cái khoản 450.000 đồng mỗi tháng được gọi là phụ cấp làm ngoài giờ của anh là từ chỗ này đây.

Mặc dù anh chị em nhiều lời ra tiếng vào nhưng thật ra cũng không ai kiện cáo, kiến nghị đòi hủy bỏ cái dự án “*sáng tạo*” đó, bởi vì cũng nhờ nó mà họ có thêm nửa triệu bạc mỗi tháng. Thôi đó là bổng lộc. Hoa thơm mỗi người hưởng một tí! Đưa đề tài này ra bàn nhậu hôm liên hoan Đức mới biết là rất nhiều cơ quan nhà nước, đặc biệt là những đơn vị càng ít quyền lực xã hội như văn hóa, lao động bảo hiểm xã hội, thể thao, các viện nghiên cứu... hầu hết đều có những khoản “*kế hoạch 3*” được “*sáng tạo*” ngoài lương.

Và đây là chuyện bình bầu thi đua cuối năm ở một viện nghiên cứu kinh tế tại HN. Một anh tiến sĩ được lãnh đạo viện đánh giá rất cao vì anh đã có công kéo được nhiều dự án có tài trợ nước ngoài về cho viện: Cải thiện đời sống anh em, bổ sung nguồn lực kinh tế cho cơ quan. Vì vậy xứng đáng chiến sĩ thi đua...

Mọi người vỗ tay. Trong bữa nhậu, một giáo sư phàn nàn: Vị tiến sĩ đó không có các sản phẩm nghiên cứu xứng tầm, cũng chớ nên ca tụng anh ta quá... Có người phản biện: Nhưng anh ta đem lại nguồn thu cho cơ quan. Giáo sư nói: Là nhà khoa học thì phải có công trình nghiên cứu. Nếu để kiếm tiền thì anh nên mở quán bia, quán hát sẽ tốt hơn! Tuy vậy, ông cũng rất thông cảm và thương lãnh đạo viện và cả anh tiến sĩ trẻ kia vì đó cũng là cách duy nhất để họ có thể sống mà không làm điều tội lỗi...

“*Kế hoạch 3*” có lịch sử từ thời bao cấp. Thời đó các DN bị kìm hãm trong cơ chế chỉ tiêu. Thiếu thốn, khốn cùng đã khiến một vài đơn vị “*xé rào*”, tự xoay vốn (đáng lẽ chờ vốn nhà nước cấp), tự mua nguyên liệu giá ngoài (qui định là phải mua theo giá nhà nước) và cố gắng tăng năng suất. Nộp đủ chỉ tiêu sản phẩm cho Nhà nước thì phần còn dư được phép tự bán lấy lãi chi cho anh em lao động và quỹ đơn vị. Phần này gọi là “*kế hoạch 3*”.

Kế hoạch 3 ban đầu là một ý tưởng dũng cảm và nhân văn. Nhưng sau này nó được biến hóa muôn hình vạn trạng. Nó biến nhiều ngành, nhiều đơn vị có lợi thế độc quyền trở thành những ốc đảo xanh tốt, màu mỡ về nguồn thu. Đó là các ngành điện lực, hàng không, bưu điện, ngân hàng, bảo hiểm, xăng dầu, dầu khí... với các khoản “*kế hoạch 3*” vô cùng phong phú, béo bở. Nó thường nấp danh: Quỹ lương, thưởng, phụ cấp, tăng ca, thêm giờ, phúc lợi, công đoàn... mà khiến bất cứ cán bộ công chức nào cũng thêm muốn.

Năm 2002 giám đốc một ngân hàng thương mại ở HN bị kỷ luật vì quá “*lo cho đời sống anh em*” với mức thưởng tết 22 triệu đồng/người. Một trong những vụ bê bối ở Tổng công ty Hàng không là quỹ phúc lợi của tổng công ty có thể trích tới hàng chục tỉ để tài trợ chương trình văn hóa văn nghệ chào mừng một dịp kỷ niệm của đơn vị bạn.

Bổng và lộc

Và bài học đầu tiên làm công chức của Đức là: Đi họp bây giờ ai cũng có “*tiêu chuẩn*”, tức là tiền đựng trong phong bì. Mức tiêu chuẩn tùy thuộc vào cơ quan tổ chức, khách mời và sự kiện họp. Phong bì là một khoản thu nhập không thể thiếu đối với công chức loại quèn như Đức...

Ban đầu bổng lộc kiểu này chỉ là phần thưởng, vận may từ nỗ lực, tận tâm của người làm việc và từ hảo tâm của đối tác. Nhưng vì thiếu thốn, các cán bộ công chức

đã tận dụng lợi thế vị trí công việc để vùi vĩnh. Và đến nay căn bệnh đó đã trở thành mãn tính, ăn vào hầu hết mọi huyết mạch của đời sống, nhất là hệ thống hành chính sự nghiệp; hằng ngày, hằng giờ làm mục ruỗng đạo đức công chức, văn hóa xã hội...

Nguyên bộ trưởng Bộ KH-ĐT, ông Trần Xuân Giá, kể: Con gái ông làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thiếu giấy khai sinh, cô ở xa không về được. Vợ ông đem bản khai sinh gốc ra phường nhờ họ chứng thực bản sao. Cô văn thư phường hẹn nhiều lần và vẫn chưa giải quyết. Cuối cùng cô ta đòi phải có chứng nhận của chính quyền nơi cô dâu sinh. Mẹ cô dâu nói: Nếu cô dâu sinh ở nước ngoài thì sao? Chị văn thư đành mặt gắt: *"Thì bay ra nước ngoài mà xin!"*. Cuối cùng sự việc phải nhờ đến ông bộ trưởng tư pháp can thiệp mới xong. Có người nói: Tội gì phải tự gây khó cho mình như vậy, chỉ cần bà cụ *"bồi dưỡng"* 100.000 đồng thì bà có thể biến kẻ vô lễ, thiếu văn hóa thành đứa cháu lễ phép, công chức mẫn cán và việc dù khó đến mấy cũng xong... Đằng này, bà cắt đi cái khoản *"bổng"* hiển nhiên và thường xuyên thì cô văn thư ấy làm sao chịu được...

Những khoản *"bổng"* như vậy hiện có mặt ở bất cứ cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp hay công ích nào. Các cơ quan càng có quyền lực, ảnh hưởng lớn đến xã hội thì càng nhiều bổng. Ví dụ ở bộ phận làm đăng ký xe máy của công an giao thông. Chỉ cần *"chịu khó"* tìm cho khách biển số tương đối đẹp một chút là được họ bồi dưỡng rồi. Số chẵn 10 nút, 9 nút, số lộc phát (68), số trùng với sinh nhật, số tứ quý... càng hiếm càng có lộc. Cơ quan hải quan, thuế, quản lý thị trường, chứng nhận đăng ký kinh doanh, cấp phép kinh doanh... thì gần như *"không làm cách nào tránh"* được tiền bồi dưỡng mỗi ngày.

Ngay cả bà bán nước vỉa hè cũng rất thành thạo *"hợp tác"* với mấy anh thanh tra giao thông, cảnh sát trật tự. Khi xe kiểm tra đến, họ đẹp ghế, tắt điện. Xe qua họ lại bày hàng. Khách hỏi: Không sợ họ quay lại à? Bà nói: Tháng nào chả phải chi đủ cho các ông! Ngay cả mấy anh dân phòng cũng có tới hàng triệu tiền *"lộc"* mỗi tháng. Thậm chí cán bộ văn thư lưu trữ của tòa án, viện kiểm sát, thống kê, địa chính, kể cả dân số kế hoạch hóa gia đình cũng dành hơn nửa đời sống nhân viên của mình cho... nhân dân nuôi dưỡng.

Ai đó đến xin một bản trích lục, một số liệu, tấm bản đồ... (là những việc đương nhiên họ phải phục vụ) cũng đều được giải quyết gọn nhẹ, niềm nở, tận tình. Tất nhiên, họ chỉ tận tình với người hiểu *"qui định"*: Không ai rồi hơi mà làm không công! 100.000, 50.000, 20.000 thậm chí 10.000 đồng... cũng được! *"Của ít lòng nhiều"* và cứ đều đều như thế thì *"cán bộ văn thư, tổng hợp, tiếp dân... lương không đủ tiền rau như chúng tôi mới có cửa sống chứ!"*. Đời thật trái ngang, các khoản *"bổng lộc"* tức là vận may, là phần thưởng của người này thì lại nảy sinh nhiều nhất ở những chỗ hoạn nạn, rủi ro, đau khổ của người kia.

Đó là ở bệnh viện, cửa các cơ quan pháp luật, tụng đình. Có người đưa vợ đi sinh con phải đổi sẵn các loại tiền: 5.000, 20.000, 50.000 và 500.000 đồng để *"đưa mẹ con cháu vượt cạn!"*. Nhiều bệnh viện còn có dịch vụ tư nhân: Đổi tiền lẻ. 100.000 chỉ được ăn 90.000. Tiền đó đúng với *"mệnh giá"* của những cửa bệnh nhân phải qua... Và từ chị hộ lý, bà quét rác, anh trông xe... cũng có *"mô"* có *"phận"* của mình... Cũng có những bác sĩ nhất định không nhận tiền bồi dưỡng, thế nhưng họ lại đưa tấm danh thiếp ghi tên địa chỉ của họ và nói rằng muốn chữa được bệnh hãy đến phòng khám trên địa chỉ này...

"Lậu" - cái bóng của lương

Tường làm lái xe của một DN công ích trong ngành môi trường trên địa bàn Hà Nội. Do mất lòng cấp trên nên anh đang lái xe hơi cho các sếp vừa nhàn hạ lịch sự, sạch sẽ vừa được ăn nhậu, phong bì, quà cáp liên bị chuyển xuống lái xe tải chở phế liệu. Vất vả, lương thấp, nhem nhuốc. Anh chì chiết: *“Nó tưởng chơi được mình chết, nhưng mình đã mấy chục năm lái xe trong cơ quan nhà nước. Kiểu gì cũng sống tốt...”*

Về đây, Tường biết cách bớt xăng dầu, khai man chuyển chạy và chở thuê bên ngoài. Anh nói: *“Đã là cơ quan nhà nước thì ở chỗ nào cũng có thể kiếm được ‘lậu’.* Không có ‘lậu’ làm sao nhà nước có người làm? Tường là công nhân viên chức thời bao cấp nên anh quen dùng khái niệm *“lương - lậu”*.

Theo Tường, *“lậu”* tức là những khoản tiền trực lợi từ tài sản nhà nước mà những CBCNV có thể làm được. Ở cơ quan anh vừa rồi có vụ đấu đá nẩy lửa để chui vào chân văn phòng. Ngày xưa, làm văn phòng chỉ là nhận thư, báo chí, công văn, mua chè, nấu nước, quét nhà... nhưng nay lại là chỗ màu mỡ chỉ sau các sếp. Cán bộ văn phòng sẽ có những bộ phận chính như sắm trang thiết bị, tiếp khách và chăm lo đời sống... Người ký những hợp đồng mua sắm thiết bị: Máy tính, máy photo, điện thoại, bàn ghế, rèm, hoa, phích, chậu, nước lọc... thì được nhà cung cấp chia hoa hồng. Đó là chưa kể họ bắt tay nhau nâng giá, rút ruột, đổi tráo... Người tiếp khách thì có mối quan hệ với các nhà hàng, khách sạn. Ăn một thì khai hai, giá 10 thì nâng 13, 14. Những người không được ngồi ở ghế đó thì cũng tận dụng bất cứ một cơ hội nào để hưởng *“lậu”*.

Ví dụ như sử dụng xe công vào việc riêng, gọi điện thoại việc riêng, dùng máy tính, giấy in vào việc riêng. Thậm chí còn đem quần áo lên cơ quan để tắm cho đỡ tốn điện nước, xà phòng của nhà... Những việc đó được xem là chuyện bình thường ở cơ quan. Người ta còn khuyên nhau, mách nhau cách trục lợi của Nhà nước thế nào cho nhiều, cho khéo... Và khi bất cứ ai trong số đó trở thành quan chức, cán bộ quản lý thì đương nhiên khoản *“lậu”* của họ cũng lớn lên tương ứng và lúc này nó được gọi là tham nhũng. Công chức của chúng ta đã được tập tham nhũng từ khi chưa có cơ hội.

Một cán bộ già kể: Ông có con trai du học tại Mỹ và ở lại đó làm việc. Bố sang thăm, anh mời bố đi ăn hàng. Bữa cơm hết 200 USD. Anh rút túi hai chiếc thẻ thanh toán đều là của cơ quan cấp: Một chiếc dùng để tiếp khách, tức là thanh toán vào công quỹ; một chiếc là dành cho chi tiêu cá nhân. Anh trả bằng tài khoản cá nhân. Ông bố hỏi: *“Sao con không thanh toán bằng thẻ công vụ?”*. Anh con nói: *“Con mời bố tức là chi việc riêng. Không thể gọi là tiếp khách được. Nếu con lấy tiền công chi việc riêng thì nhân phẩm của con chỉ đáng 200 USD sao?”*.

Ông già liên tưởng đến mấy người bạn của con mình. Chúng cùng học một trường, một thầy, trình độ, sức trẻ và tâm huyết không khác nhau. Thế nhưng những anh về nước, nằm trong bộ máy công chức thì chỉ sau vài năm công tác đều đã trở thành *“chuyên gia”*... nhận bổng và lậu.

Chọn lựa của công chức trẻ

* Có bằng đại học, làm chuyên viên cho một bộ, mỗi tháng tôi được lĩnh hơn 600.000 đồng tiền lương. Dầu không đòi hỏi vì đóng góp chưa nhiều nhưng tôi không hiểu chúng ta căn cứ vào cái gì để trả mức lương cho công chức như thế? Riêng tiền thuê nhà, mức thấp nhất tôi có thể ở được đã mất 500.000 đồng/tháng. Tiền điện, nước hết 50.000 đồng, 100.000 đồng tiền xăng. Như vậy tôi không còn gì để ăn mà đi làm. Nhà nước không muốn tôi chết đói nhưng vẫn trả *“đồng lương chết đói”* thì coi như họ phải tìm cách kiếm thêm: Hoặc đi làm ngoài giờ hoặc tìm mọi kẻ hở để moi ngân sách,

hoặc hạch sách để ăn tiền dút.

Tôi thật sự là người “vô sản”. 100 năm sau nếu cứ giữ mình trong sạch, dù làm thêm tôi cũng không thể có được căn nhà cho mình. Trong khi đó, một đứa bạn cùng quê với tôi, học hết cấp II lên làm bảo vệ cho một công ty tư nhân, một tháng cũng được trả 1,5 triệu đồng.

(Nguyễn Xuân Hà, chuyên viên bộ G)

* Tốt nghiệp ĐH tôi đã xin được việc tại Trung tâm thông tin thư viện - ĐHQG Hà Nội với mức lương 400.000 đồng/tháng. Tại đây, tôi được giao rất ít công việc. Sau nhiều ngày suy nghĩ, tôi quyết định thi vào Công ty Grant Thornton và bắt đầu làm việc từ tháng 4-2004 tại đây. Nếu như trước đây làm ở cơ quan nhà nước tôi phải dè sẻn từng đồng lương, thậm chí không dám đi sinh nhật bạn chứ đừng “mơ” đến những vật dụng giá tiền triệu như tivi hay đầu đĩa...

Nhưng từ khi làm ở công ty mới với mức lương gấp 13 lần mức lương nhà nước trước đây (gần 500 USD/tháng, tương đương 8 triệu VNĐ), tôi có thể mua vé bơi cho cả mùa đông. Chỉ cần tiết kiệm một, hai tháng lương tôi đã sắm được những vật dụng có giá trị trong nhà...

(Dương Thu Giang, 25 tuổi)

(Bài “*Muôn đường... lương lậu*” của Ngọc Vinh - Quang Thiện - Kim Sơn - Kim Liên - Hữu Nghị - Y.T., báo Tuổi Trẻ, ra ngày 22/10/2006).

☉ Là giáo viên môn phụ, đọc ý kiến trên tôi càng tủi thân. Khi người ta lấy ý kiến về việc dạy thêm, nhiều người cho rằng giáo viên không sống nổi bằng lương nên phải dạy thêm. Thế nhưng, có một bộ phận không nhỏ giáo viên môn phụ vẫn phải sống bằng lương và vẫn phải đóng tiền cho con em học thêm hàng tháng!

Vì vậy, bữa cơm gia đình giáo viên môn phụ của chúng tôi thường xuyên là rau và cá vụn. Chúng tôi đang ăn cơm mà có khách đến chơi nhà là cả nỗi kinh hoàng... Những lúc như vậy, tụi nghiệp con tôi, chúng cuống cuống thu dọn bàn ăn chớp nhoáng để khách khỏi nhìn thấy mâm cơm chỉ toàn là rau. Đó là chuyện lúc chưa bị “bão giá”, còn hiện nay mâm cơm của gia đình tôi đến rau cũng phải hạn chế.

Đã nhiều năm rồi tôi không dám may cho mình một chiếc áo dài mới. Các giáo viên cùng tổ sử dụng với tôi nếu không nhờ chồng thì cũng thế cả. Khổ nhất là cô bạn tôi có chồng bị bệnh nhũn não, mẹ ruột bị bệnh cao huyết áp, hai con còn đi học, nên sau buổi dạy cô thường chạy chợ để kiếm thêm ít đồng, nhưng do không quen mua bán nên thường bị lỗ lã...

Còn tôi thì có nghề đánh máy vi tính nhưng lâu lâu các quầy photo mới thuê một lần. Một trang đánh máy vi tính người ta trả 2.000 đồng tiền công, nhưng yêu cầu canh lề thật nhỏ, đánh cỡ chữ 12. Ngồi mỗi cả lưng, ê cả vai mới kiếm được vài chục ngàn đồng. Kiếm tiền khó khăn như vậy nhưng trước cơn bão giá hiện nay, tiêu cái vào là hết ngay...

Đời sống của giáo viên môn phụ chúng tôi khó khăn như vậy nên việc làm thế nào để nâng cao chất lượng giáo dục không phải là mối quan tâm hàng đầu của chúng tôi trong lúc này. Mong ngành giáo dục thông cảm, mong các bậc phụ huynh tha lỗi.

(Bài “*Mâm cơm với rau và cá vụn*” của Trần Thị Tuyết Loan, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 4/3/2008).

⊙ Lương và giá quả là bản bi ca bất tận. Nguyên Nghi với bài viết “Đau đầu đi chợ” (Tuổi Trẻ ngày 15/10/2007) và một loạt bài viết tiếp theo: “Nát óc đi chợ”, “Bài toán nan giải” (tác giả Tam Quyên, Lê Tâm, Tuổi Trẻ ngày 24/10/2007)... Tôi muốn an ủi những tác giả đó rằng được “đau đầu” hay “nát óc” tính toán để đi chợ còn diễm phúc hơn tôi! Tôi với tiền lương của một giáo viên hợp đồng ngắn hạn, hầu như không có bao nhiêu để tính nếu không làm thêm để sống.

Sau bảy năm hợp đồng dạy tiếng Anh cho một trường tiểu học ở Cà Mau, lương của tôi từ 320.400 đồng nhích lên được 450.000 đồng. Gọi là lương nhưng số tiền này cũng chỉ nằm trong sổ lương mà thôi. Thực tế tôi còn phải thực hiện một số nghĩa vụ và trích nộp các khoản bảo hiểm nữa. Vào đầu năm học (tháng 9-2007), lương của tôi phải trích ra để nộp năm khoản sau:

- Tiền tương trợ nộp phòng giáo dục: 17.000 đồng
- Mua bảo hiểm tự nguyện: 125.000 đồng
- Quĩ công đoàn: 100.000 đồng
- Chăm lo mẹ VN anh hùng: 3.000 đồng
- Quĩ hỗ trợ xây dựng sửa chữa nhà cho cán bộ - giáo viên: 20.000 đồng.

Cộng năm khoản trên là 265.000đ, chưa kể BHXH và nộp quĩ cho tổ. Tính ra tháng đầu năm học tôi lĩnh được chỉ hơn 100.000 đồng! Các tháng khác trong năm học thì các khoản phải đóng có ít hơn, nên mỗi tháng số tiền tôi lĩnh được dao động 300.000-400.000 đồng.

Với vài tờ giấy bạc mỏng manh trên tay, tôi đâu cần phải tính! Mà tính toán làm sao nổi với những khoản chi bất ngờ trong một tập thể trường có 77 cán bộ - giáo viên cùng với con cái và tứ thân phụ mẫu. Thôi nôi, đây tháng, tân gia, mừng thọ, đám cưới, đám tang, đau ốm, tai nạn... liên tục nối đuôi nhau. Số tiền lương còm cõi còn lại nói trên tôi dùng để chi cho giao tế, tương trợ. Còn lại chút ít cộng với số tiền khiêm tốn tôi kiếm được do làm thêm, tôi sống với cơm rau qua ngày.

Đã dành hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa nhà tuyển dụng và người lao động. Tôi ký hợp đồng có nghĩa là tôi chấp nhận công việc được phân công, điều kiện làm việc và mức lương qui định, thế nhưng tôi vẫn thấy một cái gì đó thật bất công khi trả lương cho giáo viên hợp đồng thấp như vậy. Lương như thế làm sao tái tạo sức lao động? Làm sao phục hồi buồng phổi khô đầy bụi phấn và cái cổ họng viêm rát triền miên?

Biết bao lần tôi tự ru mình bằng những ý nghĩ lạc quan rằng tôi vẫn còn sống, tôi được theo đuổi nghề dạy học mà mình yêu thích, tôi được ngắm nhìn những khuôn mặt thiên thần là học trò tôi mỗi ngày... Ru mình như vậy nhưng tôi không chắc là cái bụng rỗng sẽ làm tôi nhẹ tênh bay bổng với lý tưởng hay sẽ quật tôi xuống ngắc ngoải lúc nào không biết...

(Bài “*Thê thăm lương giáo viên hợp đồng*” của Yên Chi (giáo viên ở Cà Mau), báo Tuổi Trẻ, ra ngày 27/10/2007).

⊙ Tôi là bác sĩ, làm việc ở một cơ quan của Nhà nước đến nay là 11 năm bảy tháng. Tôi đã trải qua bốn bậc lương và chứng kiến bốn lần tăng lương tối thiểu, nhưng hiện tại lương cơ bản hằng tháng của tôi chỉ có 1.498.500 đồng. Nếu tính cả phụ cấp thì xấp xỉ 2 triệu đồng/tháng. Tôi chưa lập gia đình, với khoản lương còm này, hằng tháng tôi phải gánh các khoản chiết trừ và chi phí cố định (ở mức chi dè sẻn) như sau:

- Tiền ăn: 750.000 đồng
- Tiền điện, nước: 70.000 đồng
- Tiền chất đốt: 80.000 đồng
- Tiền xăng xe, đi lại: 250.000 đồng
- Tiền phí điện thoại cố định: 100.000 đồng
- Tiền phí điện thoại di động: 200.000 đồng
- Tiền xà phòng tắm, giặt, dầu gội, kem đánh răng: 50.000 đồng
- Tiền quần áo, giày dép...: 100.000 đồng
- BHXH, BHYT, công đoàn phí, đảng phí: 120.000 đồng
- Các khoản phí: Vệ sinh, đổ rác, an ninh trật tự khu phố: 20.000 đồng.

Như vậy, chỉ tính phần “cứng”, mỗi tháng tôi đã tiêu tốn mất 1.740.000 đồng, chưa kể các khoản đóng góp đột xuất nhưng lại rất thường xuyên ở cơ quan và ở khu phố.

Tính ra mỗi tháng tôi chỉ còn nhiều nhất là 260.000 đồng để trong ví phòng khi phải sửa chữa xe cộ hoặc các sự cố đột xuất khác. Gọi là chi phí dự phòng nhưng tháng nào tôi cũng tiêu hết số tiền này cho việc giao tế như thăm người ốm, cưới hỏi, sinh nhật, tang ma. Cuối cùng, tôi chẳng để được đồng nào để dự phòng cho những lúc ốm đau, bệnh tật.

Là bác sĩ nên nhu cầu tự học để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ là hết sức cần thiết. Vậy mà tôi không thể có nổi khoản tiền nào để mua tài liệu chuyên môn vì sách bán trên thị trường hiện có giá rất cao. Có những quyển sách rất cần thiết cho chuyên môn của tôi như cuốn *Dược thư Việt Nam* có giá tới 380.000 đồng! Giá sách cao như vậy nên tôi chỉ dám ngắm nhìn và chiêm ngưỡng chứ không mua nổi.

Tôi thấy có một khẩu hiệu hô hào vẫn xuất hiện thường xuyên trong các văn kiện, báo cáo là: *“Đội ngũ cán bộ cần luôn luôn tự trau dồi và nâng cao kiến thức, tri thức cho bản thân”*, nhưng với đồng lương ít ỏi như thế, với một cuộc sống eo hẹp như thế thì chúng tôi lấy cái gì để nâng cao kiến thức?

Đồng lương còm như thế thì chuyện nhà cửa để *“an cư lạc nghiệp”* là giấc mơ xa vời với chúng tôi. Bản thân tôi đang ở chung với gia đình thì còn đỡ, chứ nhiều công chức nhà nước khác nhà ở xa, phải ở nhà thuê thì mất thêm ít nhất cũng 400.000 đồng/tháng.

Tôi thấy thật buồn khi phải kể ra như vậy, nhưng thực trạng phần lớn cán bộ công chức nhà nước có cuộc sống quá khổ sở, quá chật vật vì đồng lương eo hẹp đã tồn tại dai dẳng hàng chục năm qua buộc tôi cũng như nhiều người khác trước tôi đã lên tiếng trên mặt báo.

Vừa qua, sau nhiều vụ đình công của công nhân, Bộ LĐ-TB&XH quyết định kể từ 1-1-2008 sẽ tăng lương tối thiểu cho người lao động trong khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lên 1 triệu đồng/tháng. Nghe thông tin này, tôi tự hỏi khi nào thì Bộ LĐ-TB&XH thấy rằng cần phải có quan điểm và chính sách tiền lương mới đối với đội ngũ công chức nhà nước?

(Bài *“Tôi và đồng lương ‘suy dinh dưỡng’*” của Minh Nghĩa (bác sĩ ở Thái Nguyên), báo Tuổi Trẻ, ra ngày 30/10/2007).

⊙ Hàng chục ý kiến của bạn đọc là công chức nhà nước đã chia sẻ, đồng cảm với bác sĩ Minh Nghĩa - tác giả bài viết: *“Tôi và đồng lương suy dinh dưỡng”*, Tuổi Trẻ ngày 30-10.

Nhịn ăn sáng đến công sở

* Tôi là một công chức trẻ sống ở thành phố Đà Lạt. Giá cả ở đây quá cao so với đồng lương còm cõi 1,2-1,4 triệu đồng/tháng của những công chức trẻ như tôi. Hẳn mọi người sẽ thắc mắc rằng lương như vậy thì làm sao chúng tôi sống được? Xin thưa, chúng tôi sống thoi thóp được là phải chi tiêu dè sẻn từng đồng, phải nhịn ăn sáng để đến công sở.

Nhiều người đến công sở mà lòng se lại khi nghĩ đến chuyện vợ đi chợ mua cái gì cho bữa trưa, bữa tối để đủ ăn cho đến kỳ lĩnh lương... Từ trước đến nay, mỗi lần Nhà nước tăng lương đều không đủ bù cho khoản trượt giá. Lương tăng nhỏ giọt, giá cả tăng phi mã! Cuộc sống công chức khổ quá! Chính phủ cần làm một việc gì đó giúp cuộc sống của người công chức bớt khổ.

Nguyễn Giang (giangcctl@...)

* Tôi là cán bộ phụ trách chuyên môn ở một phòng giáo dục - đào tạo. Tôi đã trải qua 29 năm công tác, bậc lương là 4,06, tổng thu nhập chỉ có 1,9 triệu đồng/tháng. Thật trớ trêu, tôi cũng là cán bộ ngành giáo dục nhưng không được hưởng chế độ ưu đãi của ngành. Vì vậy, thu nhập của tôi không bằng 1/2 của một giáo viên có hệ số lương bằng tôi ở một trường học.

Bản thân tôi cũng phải *“cõng”* các khoản chi phí như của bác sĩ Minh Nghĩa trong bài viết nói trên. Toàn bộ thời gian tôi dành hết cho công việc ở cơ quan. Tôi không có thời gian để làm thêm bất kể công việc gì. Do đó cuộc sống gia đình tôi vô cùng chật vật. Tôi không biết Bộ LĐ-TB&XH nghĩ gì khi cán bộ chúng tôi phải nói ra những điều ai cũng biết nhưng không ai giải quyết này?

Phan Thị Xuyên

* Tôi là công chức ngành thống kê, sống tại TP Biên Hòa, Đồng Nai. Làm công chức được 12 năm, mỗi tháng lương tôi còn lại chỉ được 1.269.000 đồng sau khi trừ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phí công đoàn, Đảng phí. Cộng với phụ cấp xăng xe 100.000 đồng, ăn trưa 100.000 đồng, tổng thu nhập mỗi tháng của tôi chỉ khoảng 1,5 triệu đồng. Thu nhập của vợ tôi có khá hơn: 2,3 triệu đồng/tháng.

Tôi có hai con, cháu lớn 6 tuổi, cháu nhỏ 2 tuổi. Để chi phí cho một gia đình bốn người với thu nhập nói trên, tôi không dám chở vợ con đi ăn một tô phở, không thể giao lưu tiệc tùng với bạn bè. Nói chung, gia đình tôi chỉ đảm bảo cuộc sống tối thiểu là không phải chết đói, nhưng mỗi lần cần mua một vật dụng gì đó trong gia đình là phải nhịn ăn để mua!

Trước thực trạng tham nhũng, tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, công chức nhà nước, người dân hay nghĩ cán bộ, công chức nhà nước không sống bằng lương mà sống bằng *“lậu”*, bổng lộc. Xin nói rõ: Chúng tôi là những công chức không có bổng lộc gì cả, chỉ có mồ hôi và nước mắt khi nghĩ rằng làm công chức 12 năm mà lương không nuôi nổi thân mình và con cái một cách đàng hoàng.

Trần Q. Hòa (Biên Hòa, Đồng Nai)

* Tôi là công chức làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin ở TP.HCM đã bốn năm. Tôi đã có vợ và một con nhỏ nên cuộc sống vô cùng khó khăn với đồng lương

mỗi tháng chỉ hơn 1 triệu đồng (450.000 đồng \times 2,34).

Đồng lương thấp như vậy nhưng công việc ở cơ quan hành chính bây giờ khác trước nhiều rồi. Chúng tôi phải chịu rất nhiều áp lực, áp lực từ công việc, từ lãnh đạo, từ người dân...

Bảo Hùng (chn_tinh1@...)

Bụng đói thì nghĩ được gì?

* Tôi là một kỹ sư công nghệ thông tin làm việc trong cơ quan nhà nước. Đây là ngành được ưu tiên phát triển chứ không ưu tiên về... tiền lương, nên lương tôi mỗi tháng chỉ có 1,2 triệu đồng.

Đã là công chức nhà nước thì phải xác định toàn tâm toàn ý phục vụ Nhà nước, phục vụ nhân dân. Nhưng thử hỏi khi cuộc sống thiếu thốn, khi cơm áo gạo tiền không ổn định thì tâm trí đâu mà phục vụ Nhà nước, phục vụ nhân dân? Nói cho dễ hiểu và thực tế hơn thì khi bụng ta đói, liệu ta nghĩ được gì hơn là nghĩ xem làm thế nào để có cái cho vào bụng?

Trần Hoàng Dũng (trandungbc@...)

* Tôi chờ đợi lâu lắm rồi mới có một bài viết rất thật và rất “*trong cuộc*” về vấn đề tiền lương như bài viết của bác sĩ Minh Nghĩa nói trên. Tôi nghĩ thời buổi này ai quan tâm đến đồng lương hàng tháng thì người đó là những cán bộ, công chức chân chính và tâm huyết, chỉ sống bằng lương chứ không phải sống bằng bổng lộc hay những nhiều dân.

Tôi đề nghị những đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc hoạch định chính sách tiền lương phải tính toán sao cho đồng lương của cán bộ, công chức nhà nước không phải mãi mãi chạy đuổi theo giá cả hàng hóa như từ trước đến nay. Phải có chính sách tiền lương mới sao cho phù hợp, chứ không thể chỉ hô hào, đòi hỏi cán bộ công chức nhà nước tận tâm phục vụ, nhưng đồng lương không nuôi nổi bản thân và con cái họ.

B.Đ.

* Tôi là cử nhân kinh tế, từng làm việc tại doanh nghiệp nhà nước, sau đó chuyển về cơ quan quản lý nhà nước. Tổng cộng tôi có thâm niên công tác là 11 năm 6 tháng, nhưng lương của tôi chỉ có 1.201.500 đồng (chưa trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, đảng phí). Tôi đã có vợ và một con, mức lương của vợ tôi làm ngoài quốc doanh khá hơn một chút: 1,5 triệu đồng/tháng.

Với đồng lương như vậy, cuộc sống của gia đình tôi cũng khó khăn, bế tắc như bất kỳ gia đình công chức nào chỉ sống bằng đồng lương.

Tôi đề nghị Nhà nước cần có chính sách thích hợp để bình ổn giá cả thị trường; đồng lương danh nghĩa không chênh lệch quá xa với đồng lương thực tế; đảm bảo cuộc sống đích thực của công chức về ăn, ở, đi lại và được tự nâng cao trình độ đáp ứng với tình hình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Thắng Lợi (Lâm Đồng)

(Bài “*Lương đủ sống cho công chức nhà nước, bao giờ?*”, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 31/10/2007).

◎ Lương đủ sống, chuyện tưởng như hiển nhiên nhưng lại là niềm mơ ước, nỗi khát khao của rất nhiều công chức nhà nước, từ những thầy giáo trẻ mới vào nghề đến các

cán bộ có thâm niên công tác mấy chục năm...

Chất xám rẻ mạt

* Tôi là một giảng viên trẻ. Nhìn đồng lương mình lĩnh hằng tháng tôi không khỏi xót xa và chạnh lòng. Lương cơ bản 450.000 đồng \times 2,34, cùng với các khoản phụ cấp khác, tổng cộng chỉ vỏn vẹn 1.596.000 đồng. Sống ở TP.HCM với đồng lương ấy làm sao tôi có thể yên tâm học tập và nghiên cứu khoa học phục vụ công việc nghiên cứu và giảng dạy sau này tại một trường đại học trọng điểm của cả nước?

Hồi học phổ thông, tôi đứng vào hàng nhất nhì trong lớp và chỉ vì yêu nghề dạy học, tôi đã quyết tâm thi vào sư phạm. Bốn năm học đại học tôi cũng phải học hành vất vả, cực khổ như tất cả sinh viên của các trường đại học khác, thế nhưng khi ra trường tôi và các bạn mình cảm thấy thật xấu hổ và chua chát khi ngẫm so sánh lương của mình với lương của bạn bè đồng trang lứa làm trong các công ty, doanh nghiệp nước ngoài. Lương của họ được tính bằng USD và qui đổi ra tiền VN trung bình phải từ 5.000.000 đồng trở lên, còn lương của chúng tôi thật quá khiêm tốn nếu tính bằng USD (xấp xỉ 100 USD/tháng). Tại sao lại có sự chênh lệch quá lớn như thế? Chẳng lẽ chúng tôi không có trình độ bằng họ? Chẳng lẽ bằng đại học của chúng tôi kém chất lượng hơn họ? Chẳng lẽ chất xám của chúng tôi rẻ mạt hơn họ?

Thật ngậm ngùi và xót xa khi nhìn tấm bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi của mình!

Nguyễn Thị Thủy Nguyên (cothom24483@...)

* Sáu năm làm giảng viên của một trường đại học ở Trà Vinh mà thu nhập của tôi cũng chỉ 1,2-1,4 triệu đồng/tháng. Với mức tăng giá nhảy vọt của hàng hóa như hiện nay, tôi sống gần như "thoi thóp" cho qua ngày đoan tháng. Nói ra thì thật không phải với bà con của mình, nhưng mỗi khi có thiên tai, bão lũ thì chúng tôi phải trích lương ra ủng hộ bà con, trong khi chính bản thân chúng tôi cũng đang cần "cứu trợ" để tái tạo sức lao động (chưa nói đến nghiên cứu khoa học vốn là điều bắt buộc của một người làm công tác giảng dạy).

Thu nhập luôn đi sau đuôi giá cả thì chúng tôi làm sao an tâm công tác? Từ ngày đi làm tôi thấy nỗi lo chồng chất nỗi lo...

Lâm Quang Vinh (lamquangvinhtv@...)

Ăn thì không được ốm!

* Chính sách tiền lương của ta xây dựng trên qui mô gia đình có hai con, nghĩa là bố nuôi một con và mẹ nuôi một con. Tôi có thâm niên công tác 21 năm, trong đó có chín năm là lãnh đạo phòng, 10 năm là lãnh đạo cấp sở. Con đường phấn đấu và trưởng thành của tôi vào loại được. Ấy thế mà lương của tôi hiện nay chỉ có 2,3 triệu đồng/tháng. Với đồng lương còm này, gia đình tôi sống vô cùng chật vật giữa thành phố là trung tâm du lịch của cả nước. Hầu như tôi luôn trong tình trạng tiền không đủ chi cho những nhu cầu tối thiểu hằng ngày. Hãy thử tính: Tiền ăn của hai bố con 1.500.000 đồng/tháng; tiền gas, điện nước 400.000 đồng/tháng; tiền điện thoại 100.000 đồng/tháng; tiền xăng xe 200.000 đồng/tháng; tiền tổ dân phố an ninh: 100.000 đồng/tháng. Tổng cộng hết dút 2,3 triệu đồng lương của tôi.

Như vậy, nếu tôi không có việc gì làm thêm thì với đồng lương của Nhà nước con tôi sẽ không được đi học, bố con chúng tôi không được phép ốm, gia đình tôi không được tiếp khách, không được hiếu hỉ với bố mẹ, anh chị em, bạn bè... Xin nói thêm là lương của tôi thuộc vào loại cao thứ nhì ở cơ quan và cao gấp đôi cán bộ công chức

mới vào nghề 5-7 năm!

Nguyễn Văn Tuyên (tuyenkhanhhoa@...)

* Tôi tốt nghiệp đại học năm 1993, rồi về công tác tại một viện nghiên cứu đầu ngành trong lĩnh vực nông nghiệp cho tới bây giờ. Mặc dù được cử đi đào tạo bài bản ở nước ngoài, nhưng sau nhiều lần được tăng lương thì thu nhập hiện nay của tôi cũng chỉ có 1.350.000 đồng/tháng (450.000 đồng \times 3,0).

Lương tôi thấp như vậy nhưng tháng nào tôi cũng nghe vợ nhắc: “Anh ơi, anh lãnh lương đem về để em đóng tiền học cho con”.

Trương Quốc Ánh (Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam)

Con tôi suy dinh dưỡng

* Tôi là một cán bộ công chức, đang công tác trong ngành tư pháp. Không những tôi mà cả con tôi cũng đang sống “suy dinh dưỡng” vì đồng lương quá eo hẹp của vợ chồng tôi. Tôi vào ngành từ năm 2002. Năm đầu tiên tôi làm hợp đồng khoán với thời gian hành chính, lương và phụ cấp tiền ăn được 734.000 đồng/tháng.

Chồng tôi cũng là công chức, vào ngành sớm hơn tôi, thu nhập được khoảng 1.200.000 đồng/tháng. Năm 2003, chúng tôi sinh con đầu lòng. Tôi làm hợp đồng khoán nên không có chế độ gì khi nghỉ sinh cả. Trong thời gian tôi sinh con, lương của chồng tôi sau khi trừ các chi phí xăng xe, còn lại không đủ mua sữa cho con!

Năm 2004, tôi vào biên chế và được xếp lương theo qui định. Hiện nay thu nhập của tôi sau khi trừ các khoản bảo hiểm còn lại khoảng 1.000.000 đồng/tháng. Lương của chồng tôi khoảng 1.500.000 đồng/tháng.

Lương thấp lại ở nhà thuê nên vợ chồng tôi làm gì cũng phải hết sức tần tiện. Ngay cả đám cưới bạn bè thân thiết, chúng tôi cũng chỉ dám gửi 100.000 đồng mừng ngày vui của họ chứ không dám đến dự tiệc cưới (vì dự tiệc cưới sẽ phải tốn tiền nhiều hơn)! Cứ tính toán chi li như vậy nhiều khi tôi thấy mình sống mà không còn biết lễ nghĩa, tình cảm gì nữa!

Vừa rồi con bệnh, tôi đưa cháu vào bệnh viện, bác sĩ trách: “Sao để cháu suy dinh dưỡng như vậy, phải chăm sóc chu đáo hơn”. Ngực tôi nặng và mắt tôi cay xè khi nghe lời trách của bác sĩ. Tôi im lặng nhưng lòng thầm nhủ: Trên đời này có người mẹ nào muốn con mình suy dinh dưỡng đâu, nhưng không có tiền thì biết làm sao được!

Hoa Lê (hoale01@...)

Cải cách tiền lương - yêu cầu bức bách

* Nhiều chuyên gia cho rằng hệ thống lương ở nước ta không ổn, nhất là hệ thống lương từ ngân sách. Lương được tính bằng cách lấy lương tối thiểu (450.000đ) nhân với hệ số lương (từ hệ số 1-13). Sự không ổn ở đây chính là lương không theo sát thị trường và chưa trở thành nguồn thu nhập chính đủ để nuôi sống người công chức (chứ chưa nói đến tích lũy cho tương lai). Đồng lương và những khoản thu nhập chưa trở thành công cụ khuyến khích hữu hiệu cán bộ công chức cống hiến và sáng tạo.

Tiền lương không thể chỉ đủ để cho người công chức tồn tại, mà còn để tái tạo sức lao động và đáp ứng các nhu cầu cơ bản khác của con người. Thiết nghĩ cải cách tiền lương phải trở thành yêu cầu bức bách và không thể trì hoãn. Vì muốn có một nền hành chính hữu hiệu, lành mạnh thì mỗi người trong nền hành chính đó phải sống được và sống tốt bằng đồng lương do mình làm ra.

L.Q.Q. (Đà Nẵng)

(Bài “*Lương không đủ sống: Ai giải quyết?*”, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 1/11/2007).

◎ **Bộ máy nhà nước công kênh, không hiệu quả**

* Theo tôi, lương cán bộ công chức thấp đến vô lý là do bộ máy nhà nước công kênh, làm việc thiếu hiệu quả. Lấy ví dụ từ thị xã nhỏ bé quê tôi, đưng đâu cũng có công sở, đi đâu cũng gặp công chức. Ngân sách phải trả lương cho các cơ quan Đảng, chính quyền, các hội, đoàn thể..., nhưng thật sự những người lãnh lương nhà nước này họ làm bao nhiêu việc? Làm việc như thế nào? Ở quê tôi, người dân khi cần đến các cơ quan công quyền (nhất là ủy ban nhân dân) không ai dám đến trước 8g sáng vì giờ đó các “quan” chưa vào. Còn buổi chiều, 16g mà vác đơn đến sẽ chỉ gặp bảo vệ!

Theo tôi, nên sắp xếp lại toàn bộ bộ máy nhà nước, tinh giản biên chế và thời giờ làm việc phải thật sự là vàng ngọc. Một công chức sẽ làm bằng ba hiện nay thì ngân sách sẽ trả lương cho họ đủ sống hoặc có của để dành. Ngược lại, cán bộ công chức cũng phải làm việc cật lực hơn để xứng đáng với đồng lương họ nhận được. Làm được như vậy thì ngân sách chỉ cho lương không tăng, nhưng tăng lòng tin của dân vào bộ máy nhà nước.

Trước đây khi ra trường, tôi đi làm công chức nhà nước (đồng lương công chức ngày đó còn đói hơn bây giờ nhiều). Trong khi đó, bạn tôi vào làm việc cho một liên doanh lắp ráp ô tô với mức lương 500 USD/tháng. Anh bạn tôi bảo: “*Tiền nào của đó*”, anh lãnh lương 500 USD/tháng nhưng phải làm việc gấp 10 lần một công chức như tôi!

thientungcom@...

Chống tham nhũng không thể chỉ hô hào

* Đọc loạt bài về lương không đủ sống của công chức nhà nước trên báo Tuổi Trẻ mấy ngày qua tôi thấy buồn đến rơi nước mắt. Không biết các nhà làm lương có đọc, thấu hiểu và có sống bằng lương không?

Thực tế cho thấy lương không đủ sống thì người ta phải loay hoay tìm nguồn thu khác để sống. Một số người trong quá trình đi tìm nguồn thu khác đó đã bị quá đà, sai phạm.

Trần Thanh Huyền (TP Cần Thơ)

* Nhiều người đặt câu hỏi lương thấp như vậy sao công chức nhà nước vẫn sống được? Tôi thấy để sống được thường người ta phải kiếm việc làm thêm, cả trong và ngoài giờ làm việc của cơ quan. Như thế chắc chắn công việc ở cơ quan sẽ ít nhiều bị xao lãng. Cũng có không ít người tìm cách lợi dụng những mối quan hệ, lợi dụng những kẻ hở trong quá trình công tác để kiếm chác, trục lợi... Những người này chính là những cán bộ, công chức quan liêu, nhũng nhiễu, hách dịch...

Trịnh Minh Giang (Q.Thủ Đức, TP.HCM)

Chính sách tiền lương quá lạc hậu!

* Đất nước chúng ta đang phát triển theo nền kinh tế thị trường, nhưng chính sách tiền lương đã quá lạc hậu. Tôi nghĩ không cần phải lý giải nhiều thì các nhà hoạch định chính sách tiền lương cũng nhận thấy điều đó. Cùng trên một đất nước, năm 2006 tôi làm việc cho một công ty xây dựng của Nhà nước thì mức lương hằng tháng của tôi chỉ khoảng 2 triệu đồng (làm việc cả chủ nhật và tăng ca trên công trường!).

Còn hiện nay tôi đang làm việc cho một công ty xây dựng của nước ngoài thì mức lương hằng tháng của tôi là 1.000 USD (chưa kể phụ cấp tiền ăn, tiền xăng, tiền điện thoại)! Tôi cũng muốn được làm việc cho các công ty nhà nước lắm chứ, nhưng với mức lương như nói trên thì tôi xin chịu!

KTS. Phan Thanh Tùng

Phải bình ổn giá cả khi tăng lương!

* Nhà nước phải có biện pháp kìm hãm sự tăng giá sao cho hữu hiệu như: kiểm tra một số ngành nghề kinh doanh xem chi phí sản xuất có phù hợp với giá cả không, giảm thuế nhập khẩu các mặt hàng nhạy cảm với thị trường. Phải bình ổn giá cả thị trường thì việc tăng lương mới có ý nghĩa. Hiện nay giá cả tăng lên như hỏa tiễn, còn đồng lương thì tăng như *"bong bóng bay"*. Tăng lương như vậy không đủ bù cho khoản trượt giá, nói gì đến chuyện đảm bảo cuộc sống cho cán bộ công chức.

Văn Giáp

* Người ta thường hay than phiền rằng công chức nhà nước làm việc chưa tích cực. Thử hỏi với đồng lương quá thấp như thế làm sao tạo được động lực để người ta làm việc tốt? Đó là chưa nói đến việc họ còn phải bươn chải kiếm thêm thu nhập nuôi sống gia đình.

Đành rằng lương cao không phải là liều thuốc vạn năng chữa căn bệnh tham nhũng, nhưng nếu lương đủ sống chắc chắn sẽ làm giảm đi nạn tham nhũng nhiều, gây phiền hà cho người dân. Việc trả lương không đủ sống cho công chức làm cho bộ máy nhà nước trở nên ỉ ạch, không hiệu quả trong nhiều năm, dân kêu ca rất dữ.

Lan Anh

(Bài *"Lương không đủ sống: Ai giải quyết?"*, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 2/11/2007).

☉ Đồng lương *"suy dinh dưỡng"* đã làm nhiều người đứng giữa sự chọn lựa: Làm nhà nước hay tư nhân? Trong sạch hay tiêu cực?... Dưới đây là những câu chuyện của bạn đọc.

Chắc tôi đành buông tay...

* Con tôi tốt nghiệp đại học chính qui ngành kế toán - kiểm toán, tiếng Anh lưu loát, tin học bằng B. Tôi có nguyện vọng cho cháu làm việc ở cơ quan nhà nước. Hiện nay, cháu đang công tác tại Sở Tài chính TP.HCM (được sáu tháng). Ngày nào cũng vậy, cháu đi làm từ 6g30 đến tận 20g mới về nhà. Nhiều lần cháu mang tài liệu về nhà làm đến 2- 3 giờ sáng mới xong. Cộng hết các khoản, mỗi tháng con tôi chỉ lĩnh được 1.300.000 đồng.

Đã có nhiều nơi mời gọi con tôi với mức lương 4-6 triệu đồng/tháng, nhưng tôi khuyên cháu khoan bỏ cơ quan nhà nước mà đi. Khuyên con như vậy nhưng tôi không biết đến khi nào gia đình tôi thôi chu cấp hằng tháng để cháu tiếp tục đi làm cho nhà nước? Gia đình tôi cũng không khá giả gì nên nếu cứ với cái đà lương thấp, giá cao thế này thì chắc tôi đành buông tay để con tôi bỏ cơ quan nhà nước mà đi...

Nguyễn Văn Linh (Q.6, TP.HCM)

"Cố gắng" với đồng lương "suy dinh dưỡng"!

* Tôi 26 tuổi, khi tốt nghiệp đại học (ngành thương mại), nói thật là đi làm cơ quan nhà nước mà trong tôi luôn nhắm có công ty tư nhân hay nước ngoài tuyển đúng ngành

mình học, trả lương cao hơn là sẵn sàng đi ngay dù biết rằng nếu bỏ cơ quan nhà nước thì gia đình tôi buồn lắm (mọi người đều nói làm nhà nước là ổn định). Tôi rất muốn mua sách đọc thêm, muốn đi học thêm khóa này khóa nọ nhưng không đủ tiền. Ngay cả tiền xăng xe nhiều lúc tôi cũng phải xin tiền gia đình. Lúc nào lãnh đạo cơ quan tôi cũng động viên chúng tôi phải cố gắng, nỗ lực, cố gắng... Nhưng tôi có đủ sức và đủ nhiệt tâm để “*nhiệt tâm với công việc*”, “*cố gắng*”, “*vươn lên*” một khi hằng tháng tôi vẫn phải xin tiền gia đình thêm để đủ sống qua ngày?

Nguyễn Kim Thành (đường Phan Đình Phùng, Đà Nẵng)

Nếu không thỏa hiệp với tiêu cực, tôi biết làm sao?

* Ngày tốt nghiệp đại học, nói thật tôi không muốn làm cơ quan nhà nước. Nhưng gia đình tôi nhất định nói rằng tôi phải xin cho được vào cơ quan nhà nước để làm, vì làm nhà nước “*ổn định, không lo đói*”, rằng “*làm nhà nước không chỉ có lương mà còn nhiều khoản khác*”. Nhiều người còn đưa ra một “*hình ảnh đẹp*” về nhiều viên chức: sáng đi chiều về, có tiền đi nhậu thường xuyên, ai cũng có xe, nhiều người còn có nhà... Tôi nghe lời gia đình đi thi công chức và được nhận vào làm ở một cơ quan nhà nước.

Hiện nay tôi làm một tuần 40 giờ, nhưng nói thật tất cả mọi việc của một tuần tôi có thể hoàn thành một ngày là xong. Nhưng tôi vẫn cứ phải đứng giờ đến, đứng giờ về mỗi ngày, việc không có vẫn cứ ngồi cơ quan. Lương không đủ sống, mọi người nói tôi phải “*tìm cách làm*”, phải “*chạy ngoài*” vì “*có ai làm nhà nước mà chỉ lĩnh lương*”... Đối với tôi, điều đó là tiêu cực. Nhưng ngặt một nỗi nếu tôi còn làm cơ quan nhà nước, một khi không chấp nhận thỏa hiệp với tiêu cực thì tôi phải chấp nhận đồng lương “*suỵ dinh dưỡng*”.

Sau đó, tôi lấy vợ và có con, cuộc sống khó khăn, nhiều lúc con đau không có đủ tiền thuốc thang. Chẳng lẽ có vợ con rồi mà còn về xin tiền cha mẹ, vậy tôi phải tìm cách làm thêm, tìm cách “*ăn cắp*” giờ nhà nước để “*chạy ngoài*”. “*Chạy ngoài*” rồi “*chạy trong*”, thu nhập tôi khá hơn, con tôi có đủ sữa nên mập mạp hơn. Vợ chồng tôi cũng không còn cảnh đau ốm không đủ tiền thuốc thang. Điều đó cũng có nghĩa là tôi đã thỏa hiệp với tiêu cực từ lâu, điều tôi không hề muốn. Nhưng nếu không, tôi biết phải làm sao?

Trần V. (P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM)

(Bài “*Lương không đủ sống: Ai giải quyết?*”, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 5/11/2007).

© Kính thưa bà thứ trưởng Bộ Tài chính Vũ Thị Mai. Mấy hôm nay, tôi và nhiều bạn bè giáo viên ngồi đâu cũng bàn về bài “*Mức giảm trừ như thế là khoan sức dân rồi*” phỏng vấn bà về mức giảm trừ gia cảnh.

Tôi là một giáo viên dạy văn, vì thế bạn bè bèn bắt tôi cắt nghĩa “*khoan sức dân*” là gì? Tôi trả lời thế này: Theo Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học, khoan (danh từ) là một dụng cụ để tạo lỗ bằng cách xoay sâu vào.

Khoan còn là động từ, có nghĩa là dùng khoan xoay sâu vào tạo thành lỗ; hoặc “*Thong thả đừng vội, đừng thực hiện ngay việc định làm*”. Còn trong Từ điển Hán - Việt của Đào Duy Anh, khoan có nghĩa rộng rãi, độ lượng. Còn theo Đại Việt sử ký toàn thư, trong di chúc của Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn đã nhấn mạnh “*khoan thư sức dân*”. Nhà cầm quyền thời bình, nhiệm vụ quan trọng nhất là phải lo cho đời sống của dân, cấm kỵ nhất là làm cho dân thêm khổ cực. Vì vậy, nếu học theo tiên nhân để nói, chính xác thì phải là “*khoan thư sức dân*” chứ không phải “*khoan sức dân*”. Nói ngắn

gọn thế, không khéo lại bị xuyên tạc thành “khoan thủng sức dân”!

Đây là cuộc chuyện trò của chúng tôi ngoài xã hội, còn khi về nhà, cởi bỏ chiếc áo dài ra thì chúng tôi thành những bà nội trợ bận bịu, lo lắng vì mâm cơm gia đình; vì tiền ăn tiền học, tiền sữa, tiền điện nước cùng vô vàn các thứ tiền khác. Tôi nghĩ có lẽ bà thứ trưởng cũng giống chúng tôi, sau giờ làm việc về nhà thì cũng là một bà nội trợ. Nhưng bà nội trợ thứ trưởng giỏi hơn chúng tôi ở chỗ: Bà khẳng định rằng với mức giảm trừ gia cảnh 6 triệu đồng/tháng cho người thu nhập chính và 2,4 triệu đồng/tháng cho người phụ thuộc vào năm 2014 là đã khoan thủng sức dân (nói cho chính xác là phải có chữ “thư”), nghĩa rằng với chừng đó là đủ sống.

Thưa bà, chúng tôi không đợi tới năm 2014 mà áp dụng ngay từ bây giờ cũng đã thấy số tiền đó không đủ. Tôi xin dẫn chứng chuyện nhà: Hai đứa con của tôi, một học mẫu giáo và một học cấp II. Cả hai cháu đều học trường công lập chứ không phải trường tư hay trường quốc tế. Mỗi tháng chúng tôi đóng cho hai cháu là 1,7 triệu đồng. Con bé học mẫu giáo đóng 900.000 đồng, được ăn bữa sáng và bữa trưa. Thành anh đóng 800.000 đồng được vốn vẹn bữa trưa.

Hiệu trưởng trường thành bé của tôi học vẫn than thở: “Một bữa ăn năm ngoài trị giá 25.000 đồng phong phú hơn hẳn bữa ăn thu 30.000 đồng của năm nay, nhưng không dám tăng thêm vì phụ huynh than quá”. Lấy theo mức cơ bản của nhà trường, tôi còn lo cho hai đứa chúng nó hai phần ăn chiều ($2 \times 30.000 \text{ đồng} = 60.000 \text{ đồng}$) và một phần ăn sáng cho thành anh (một ổ bánh mì 15.000 đồng) trong 22 ngày (tổng cộng 1,65 triệu đồng). Chưa kể chúng nó còn đến tám ngày nghỉ cuối tuần tôi phải lo đủ ba bữa với tổng cộng 1,2 triệu đồng ($75.000 \text{ đồng} \times 8 \text{ ngày} \times 2 \text{ đứa}$). Như vậy, với những khoản tôi vừa nêu, nó đã ngốn hết ngân quỹ của chúng tôi đến 4,55 triệu đồng.

Thưa bà, theo mức giảm trừ gia cảnh mà Bộ Tài chính đưa ra, hai cháu nó chỉ được phép sống với 4,8 triệu đồng; như vậy tôi còn có 250.000 đồng, làm sao lo cho hai cháu uống thêm sữa, may áo quần, mua sách vở...? Và đó là chúng nó không được phép bệnh đấy!

Đọc xong bài phỏng vấn bà trên Tuổi Trẻ, chúng tôi đâm lo vì biết đâu mình và các bạn bè là những bà nội trợ kém, vụng tính? Vì vậy, rất mong được bà - với tư cách là đồng nghiệp nội trợ với nhau - bằng kinh nghiệm của mình, hãy chỉ cho chúng tôi biết làm thế nào để chi tiêu đủ cho hai đứa con với 4,8 triệu đồng/tháng ở năm 2012 này chứ khoan nói đến năm 2014.

(Bài “*Thư gửi bà nội trợ thứ trưởng*” của Giáng Hương, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 18/3/2012).

- Qua các bài báo nói trên, bạn đọc có thể thấy:

* Mức lương không đủ sống trả trên quy mô lớn, cho nhiều triệu người, đủ mọi thành phần xã hội, đặc biệt những người làm cho Nhà nước, kể cả những người làm việc trong các lĩnh vực được Nghị quyết Đảng coi là “quốc sách hàng đầu”. Như vậy, trả lương không đủ sống ở nước ta mang tính hệ thống, phổ biến và kéo dài suốt từ 1975 đến nay. Trước 1975, cả nước còn trong hoàn cảnh chiến tranh nên không tính đến.

* Như chúng ta đã biết, hành động cá nhân xuất phát từ nhu cầu cá nhân nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân (xem mục 3. *Nhu cầu cá nhân*), đồng thời, có thể có nhiều cách hành động để thỏa mãn nhu cầu cho trước (xem Hình 1 và văn bản đi kèm). Do

vậy, nếu như bất kỳ người nào đều có nhu cầu thiết yếu tối thiểu là đủ sống (*“có thực mới vực được đạo”, “chẳng cơm, chẳng cháo mạnh bạo gì thầy”*) và người đó hành động để thỏa mãn nhu cầu đủ sống theo cách đã biết không thỏa mãn nhu cầu đủ sống, thì người đó sẽ hành động cách khác (*“đói thì đầu gối phải bò”*). Những cách khác là những cách nào? Cũng qua các bài báo trên, có thể liệt kê một số cách:

- Nhịn ăn như nhịn ăn sáng, nhịn thịt cá chỉ ăn rau... để *“đói cho sạch, rách cho thơm”*. Nhưng có câu hỏi đặt ra: *“Liệu có thể nhịn từ năm 1975 đến nay (2012) suốt 37 năm không?”*. Người lớn còn cố gắng nhịn còn trẻ con có nhịn sữa được không? Bị bệnh tật có nhịn chữa không?...

- Xin tiền bố mẹ, gia đình để đủ sống dù hiện là công chức Nhà nước.

- Chuyển sang làm việc tại các công ty, tổ chức... trả lương cao hơn.

- Làm thêm bằng nhiều cách từ giờ thứ 9 trở đi sau khi thực hiện *“8 giờ vàng ngọc”* ở nơi làm việc chính. Biến công việc chính thành công việc phụ và ngược lại, công việc phụ thành công việc chính, *“chân ngoài dài hơn chân trong”*.

- Khai thác tối đa ngay tại nơi làm việc tất cả những gì có thể đem lại tiền, từ kê tăng hóa đơn mua sắm (dối trá), *“thợ may ăn giẻ, thợ vẽ ăn hồ”* (ăn cắp, tham những vật) đến nhận *“lại quả”*, đi đêm các dự án, công trình... nhiều tỷ đồng (tham những lớn).

Do trả lương không đủ sống mà nhiều người lao động *“đói ăn vụng, túng làm liều”* và *“bần cùng sinh đạo tặc”*.

- Người viết muốn *“mở xẻ”* chi tiết hơn về những cái xấu do việc trả lương không đủ sống mang lại.

- Trả lương không đủ sống làm suy dinh dưỡng, bần cùng hóa những người lao động chỉ biết làm công ăn lương, không biết xoay sở gì thêm.

- Trả lương không đủ sống trong lĩnh vực Nhà nước dẫn đến việc chảy máu chất xám: Những người có năng lực không làm cho Nhà nước mà làm trong các lĩnh vực tư nhân, liên doanh, 100% vốn nước ngoài, các tổ chức quốc tế đóng tại Việt Nam.

- Khi lương không đủ sống thì người lao động luôn luôn canh cánh trong đầu câu hỏi: *“Làm sao cho đủ sống đây?”*. Người lao động làm việc phân tâm, không còn toàn tâm, toàn ý cho công việc nữa. Lòng yêu nghề giảm dần, tinh thần trách nhiệm sa sút. Người lao động dần dần làm việc một cách câu giờ, qua quýt, cầu thả, ẩu. Điều này làm giảm năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, sản phẩm, công trình. Người lao động trở nên dửng dưng, lãnh đạm, bàng quan không chỉ đối với công việc của mình mà còn đối với nhiều thứ khác, vì không đủ sống thì không còn hơi sức đâu mà quan tâm.

- Báo cáo thành tích láo (dối trá, lừa đảo) về công việc hoàn thành để được nhận tiền thưởng bù cho lương không đủ sống.

- Lúc đầu là ăn cắp thời gian kiểu đi muộn về sớm; tranh thủ tạt ngang, tạt ngửa; kéo dài thời gian trà lá, nghỉ ngơi... Rồi dùng ngay những gì có sẵn trong cơ

quan cho việc riêng để khỏi tốn tiền mình. Ví dụ, dùng điện để nấu ăn bữa trưa, nước để tắm giặt trước khi về, điện thoại, máy photocopy, máy tính...

– Bắt đầu ăn cắp chính cái mình quản lý như mang bột giấy, bút, đồ dùng văn phòng phẩm về cho con đi học; tài xế lấy bột xăng dầu đem bán;... rút ruột công trình và ăn cắp ngày càng nhiều.

– Lúc đầu nhận tiền bồi dưỡng của người đưa tự nguyện. Sau chủ động gợi ý, cố tình gây khó khăn, vò vĩnh để người có việc phải dứt lốt, hối lộ và giá dứt lốt, hối lộ ngày càng tăng.

Với định nghĩa “tham nhũng là bất cứ sự đòi hỏi tiền của hay bất cứ sự nhận tiền công xá nào khác ngoài khuôn khổ lệ phí đã định của công chức” thì tham nhũng ở nước ta đã trở thành quốc nạn. Tham nhũng có mặt ở mọi nơi, mọi lúc, mọi lĩnh vực, mọi thang bậc của xã hội.

Dưới đây là ba bài báo nói về mức độ tràn lan của tham nhũng và sợ nhất là người ta bình thường hóa, sống chung với tham nhũng.

⊙ “Giữa dốc cầu Kinh và dốc cầu Bình Triệu (TP.HCM) có một con đường nhỏ không tên và cũng không có bảng cấm xe hơi. Đường ngắn và hẹp nhưng xe hơi vẫn chạy, nhất là khi họ muốn đi tắt tới cầu Bình Triệu để quẹo lên. Ở ngay góc đó cũng không có bảng cấm quẹo phải. Có công việc thường xuyên ở khu vực Thanh Đa nên tôi đã đi taxi hàng trăm lần trên con đường nhỏ này.

Vậy mà cách đây vài ngày chiếc xe chở tôi bị cảnh sát trật tự của địa phương chặn lại, lấy giấy tờ của chú tài xế và kêu chú theo họ tới trụ sở. Biết những cảnh sát này đã làm việc không đúng chức năng nhưng chú tài xế cũng nhỏ nhẹ trình bày rằng mình đã đi trên con đường này vì không có bảng cấm xe hơi. Nhưng người cảnh sát trả lời: “*Luật ở đây là vậy*” rồi yêu cầu chú tháo bảng số để giam xe. “*Biết chuyện*” chú tài xế nói: “*Tôi còn 200.000 đồng xin mấy anh cầm đỡ*”. Nói xong câu đó, chú bị quát một câu: “*Phòng đông người làm việc như vậy mà đưa có 200.000 hả? Đưa 300.000đ đây*”. Chú tài xế chạy ra xe lấy thêm tiền mà mặt đỏ gay vì tức.

Tôi hỏi: “*Mình không sai luật sao em không cãi tới nơi tới chốn?*”. Chú tài xế cười và giải thích: “*Càng cãi càng thua cô à. Cái lý của kẻ có quyền không thể cãi được. Bây giờ em sợ đi tỉnh lắm rồi vì mấy ông bắn tốc độ vô tội vạ mà ngoài đường không có một bảng biểu nào cho biết phải chạy bao nhiêu cây số/giờ là đúng. Khi mình nói chạy theo qui định của thành phố lại bị một câu trả lời: “Ở đây thì khác. Bộ mấy anh không biết nhất địa phương nhì mới trung ương sao?”. Mà bị bắt thì phải nộp phạt bạc triệu hoặc giam xe. Đằng nào cũng khổ, thà không đi tỉnh nữa thì hơn. Trước kia em chạy xe đò, luôn phải ngừng ở một số trạm để “đóng hụi chết”. Một lần ế khách quá, vừa bước xuống trạm X em nói: “Kỳ này ít khách quá các anh cho tôi đóng bớt một chút”. Cô biết họ phản ứng thế nào không? Một anh chàng không nói gì mà dùng dùi cui đánh ngay ống quyển của em đau điếng*”.

Trầm ngâm một lúc, chú tài xế nói thêm: “*Mỗi lần như vậy em tức điên nhưng ráng cười và quên để sống còn với nghề nghiệp, nhưng không thể nào nén nổi một sự khinh thường sâu sắc*”. (Bài “*Tâm tư chú tài xế*” của Nguyễn Thị Oanh, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 28/10/2005).

⊙ Nộp hồ sơ tại “một cửa” nếu không có 50.000 đồng kẹp trong bộ giấy tờ, sẽ có

thể bị từ chối nhận không rõ lý do, hoặc nếu không muốn chịu đựng bộ mặt, lời nói khó chịu của nữ nhân viên tiếp nhận hồ sơ xinh đẹp; vào bệnh viện, muốn “tiêm không đau” phải đưa y tá 10.000 đồng, muốn được mổ sớm thì chi 2 triệu; trong quy hoạch, dự án có thể chỉ tối đa 9 tầng, nhưng nếu nhà đầu tư “biết điều” thì có thể được nâng tầng, được tạo thuận lợi trong quá trình làm thủ tục đầu tư, cấp phép xây dựng... Đó chỉ là một vài ví dụ nhỏ của việc tham nhũng vật ở ta. Ở một nơi như trường học thì nạn tham nhũng vật cũng diễn ra dưới nhiều hình thức, từ chạy trường, chạy lớp, đến gian lận tuyển sinh.

Trong khi Đảng, Chính phủ đang nỗ lực chống tham nhũng, chủ yếu tập trung vào những vụ án lớn thì nạn tham nhũng vật hằng ngày hằng giờ tác động đến đời sống của người dân và bào mòn uy tín của nền hành chính công. Và điều đặc biệt nguy hại là tham nhũng vật dường như đang tạo cho cả xã hội một thái độ thỏa hiệp, mọi người để được việc đều xem đó là chuyện bình thường hơn là nhìn nhận như một hành vi vi phạm pháp luật.

Theo một báo cáo từng được công bố năm 2011 cũng của Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam (UNDP), có đến 90% người được hỏi, trả lời bị ảnh hưởng bởi tham nhũng nhưng lại lựa chọn việc “không tố cáo hành vi tham nhũng”. Lý do người dân chọn sự im lặng thì có nhiều nhưng cơ bản do sợ bị trả thù hoặc không rành về thủ tục tố cáo. Hơn nữa, tham nhũng vật hiện nay có liên quan đến tội nhận hối lộ và đưa hối lộ. Theo bộ Luật Hình sự, nếu xử lý hối lộ thì đồng thời xử lý cả người nhận và đưa hối lộ. Cho nên việc người đưa hối lộ tự giác tố cáo là rất ít mặc dù đã có chính sách giảm nhẹ nếu khai báo trước khi bị phát hiện nhưng không mấy hiệu quả.

Điều đặc biệt của tham nhũng vật là số tiền tham nhũng không lớn, nhưng lại xảy ra thường xuyên, trên diện rộng. Do vậy, việc phát hiện các vụ án lớn có thể khiến dư luận quan tâm nhưng người dân bình thường lại được lợi nhiều hơn nếu tham nhũng vật được xóa bỏ. Kinh nghiệm nhiều nước cho thấy, giải quyết tình trạng tham nhũng vật trong hành chính công không khó nhưng cần có thời gian và quyết tâm. Minh bạch trong quá trình giải quyết và cung cấp dịch vụ công là chìa khóa cho thành tích chống tham nhũng ở một số nước châu Á. Chỉ bằng việc thực hiện chính phủ điện tử, vi tính hóa các hồ sơ tòa án khi giải quyết hồ sơ tồn đọng, kiểm toán xã hội trong việc thực hiện chính sách đầu tư cho nông thôn đã khiến Ấn Độ trở thành “điểm sáng” về chống tham nhũng trong khu vực.

Ngoài ra cũng cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền để có thể thay đổi thói quen, nếp nghĩ của người dân trước những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng. Thay vì sẵn sàng thỏa hiệp, tiếp tay cho tham nhũng vật, người dân và các tổ chức đoàn thể cần có thái độ kiên quyết, không biến nó thành một thứ “văn hóa” trong xã hội.

(Bài “Số tiền nhỏ, hậu quả lớn” của An Nguyên, báo Thanh Niên, ra ngày 4/5/2012).

© Kết quả khảo sát chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2011 do Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) phối hợp các cơ quan liên quan công bố ngày 3.5 tại Hà Nội cho thấy, tình trạng tham nhũng vật ở Việt Nam phổ biến, trở thành vấn nạn mang tính hệ thống.

31% “lót tay” trong dịch vụ y tế

Kiểm soát tham nhũng công là một trong 6 nội dung lớn UNDP thực hiện khảo sát trong năm 2011. Kết quả khảo sát cho thấy, khi được hỏi về một số hành vi tham nhũng cụ thể trong lĩnh vực công, có tới 31% người tham gia khảo sát (trong tổng số

13.600 người) xác nhận có tình trạng hối lộ trong dịch vụ y tế công, 29% thừa nhận có phong bì “lót tay” khi xin việc làm trong khu vực nhà nước, 21% xác nhận chỉ phong bì khi xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 17% cho biết có phong bì cho giáo viên để con em mình được quan tâm hơn ở trường.

Mức tiền hối lộ trung bình trên toàn quốc ở bệnh viện tuyến huyện/quận là 2,6 triệu đồng và ở trường tiểu học để học sinh được quan tâm đặc biệt hơn là 1,2 triệu đồng. Số tiền cụ thể người dân đã phải chi ngoài quy định cho y, bác sĩ thấp nhất là 5.000 đồng (ở tỉnh Điện Biên) và cao nhất là 29,2 triệu đồng ở tỉnh Cà Mau. *“Những con số này cho thấy chung chi hay quà cảm ơn mà bệnh nhân/người nhà bệnh nhân thường là phong bì, phong bao cho cán bộ y tế theo cách mà nhiều người gọi là văn hóa phong bì đã thành thông lệ... Quà cảm ơn vô hình trung dẫn tới hệ quả là cơ chế “xin - cho” có đất để sống và tham nhũng trở thành một vấn nạn mang tính hệ thống”,* Cố vấn Chính sách về cải cách hành chính và chống tham nhũng của UNDP, ông Jairo Acuna - Alfaro nhấn mạnh.

Đáng chú ý, khi khảo sát đánh giá của người dân về quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương, chỉ có 22,9% số người được hỏi cho rằng chính quyền địa phương của họ nghiêm túc trong xử lý các vụ việc tham nhũng đã được phát hiện. Tỷ lệ này ở Hà Nội cao nhất với 50,66% và Bạc Liêu thấp nhất với 5,39%. Điều này phù hợp kết quả khảo sát trong số 330 người trả lời trên toàn quốc cho biết cá nhân họ hoặc người thân trong gia đình đã bị cán bộ xã/phường vò vĩnh, nhưng chỉ có 13,27% cho biết họ đã tố cáo. Lý do được viện dẫn rất nhiều, từ suy nghĩ tố cáo tham nhũng không mang lại lợi ích gì; sợ bị trù úm, trả thù; hay do thủ tục tố cáo quá rườm rà...

Thủ tục đất đai gây khó dân nhất

Báo cáo của nhóm nghiên cứu cũng cho thấy có tới 80% người tham gia khảo sát cho biết họ không biết gì về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương. Đồng thời, chỉ có 22% người được hỏi cho biết họ có cơ hội đóng góp ý kiến vào các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của xã/phường. Trong số 5 người dân đóng góp ý kiến thì 2 người cho biết ý kiến của họ đã được tiếp thu.

Qua khảo sát, nhóm nghiên cứu chỉ ra: *“Thủ tục và dịch vụ hành chính liên quan đến chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) là nội dung mà người dân còn phản nản nhiều nhất. Người dân không những chưa hài lòng với dịch vụ và quy trình thủ tục, mà còn phản nản nhiều về thái độ làm việc của công chức”.*

Khi được hỏi về tình trạng tham nhũng trong khu vực công, trên toàn quốc có 21% người trả lời cho biết hối lộ để làm xong thủ tục về CNQSDĐ là cần thiết. Về mức tiền hối lộ, người dân Hải Phòng dường như phải chi nhiều nhất bởi giá trị trung bình của chỉ số này ở ngưỡng 9,8 triệu đồng. Ngược lại, ở Hà Giang, người dân hầu như không phải đưa hối lộ để làm xong thủ tục này.

“Nếu trong một năm, người dân vừa phải chi phong bì cho khám chữa bệnh, vừa phải chi cho thầy cô để con được quan tâm hơn, vừa phải làm thủ tục xin cấp giấy CNQSDĐ thì trung bình họ sẽ phải mất khoảng 7,5 triệu đồng cho việc “lót tay”, gấp 7 lần mức lương tối thiểu quy định hiện nay”, ông Jairo Acuna - Alfaro, nói.

(Bài *“Tham nhũng vật thành hệ thống”* của Bảo Cầm, báo Thanh Niên, ra ngày 4/5/2012).

– Lúc đầu người ta tham nhũng để đủ sống, vì không đủ sống. Đủ sống rồi thì tham nhũng tiếp để sống khỏe. Sống khỏe rồi thì tham nhũng để làm giàu cho mình,

cho bà con họ hàng, cho con cháu mình mai sau (*“hy sinh đời bố củng cố đời con”*), cứ như thế không có điểm dừng.

Điều nói trên là quy luật và do vậy có thể hiểu được. Vì, người ta hành động về phía cực đại hóa xúc cảm dương (xem mục 4. *Xúc cảm cá nhân*). Tham nhũng mà không bị trừng phạt, nhu cầu cá nhân thỏa mãn, cá nhân có xúc cảm dương với tham nhũng. Theo Marx và Engels, con người *“có các nhu cầu vô hạn và có khả năng mở rộng những nhu cầu đó”* (xem mục nhỏ 3.1. *Nhu cầu cá nhân*). Do vậy, tham nhũng trót lọt thúc đẩy tham nhũng nhiều hơn nữa (*“được 1 lại muốn được 2; được 3, được 4 lại đòi được 5...”*). Còn cha ông chúng ta trong trường hợp này thì nói *“lòng tham vô đáy”*.

– Cũng theo quy luật (xem mục 5. *Thói quen tự nguyện*), xúc cảm dương đối với tham nhũng lặp đi lặp lại nhiều lần, kéo dài suốt 37 năm qua chắc chắn đã làm cho nhiều người ở nước ta có thói quen tự nguyện tham nhũng rất khó bỏ. Tham nhũng trở thành *“tiếng nói lương tâm”*, *“mệnh lệnh trái tim”*, *“nghĩa vụ tự giác”* của họ. Điều này thật là đáng sợ. Họ không còn biết hối hận, xấu hổ, nhục nhã là gì nữa. Bài báo dưới đây phản ánh điều đó.

◎ Khi bản án được tuyên và công số 8 đã khóa, những bị cáo vốn là những cán bộ ngành Bưu điện trong vụ án Nguyễn Lâm Thái được công an dẫn giải về nơi giam giữ. Chúng ta không hề nhìn thấy một chút gì của sự đau khổ hay ân hận. Ngược lại, những tội nhân kia giờ cao công số 8 lên và nở nụ cười... rất tươi như chẳng có chuyện gì và cũng như thản nhiên thách thức cả xã hội.

Chúng ta từng được nhìn thấy những nụ cười trước kẻ thù của những người hy sinh cuộc đời mình cho sự nghiệp vĩ đại của dân tộc họ. Những nụ cười đó đã để lại trong lòng chúng ta niềm tự hào và kính trọng. Chúng ta chưa bao giờ nhìn thấy những nụ cười như thế của kẻ phạm tội. Bây giờ thì chúng ta đã nhìn thấy. Nhưng những nụ cười như thế đã làm chúng ta thực sự xấu hổ và rất lo ngại.

Khi nhìn thấy cái cười của những kẻ phạm tội ấy, có người bạn tôi đã phải kêu lên: *“Một cái cười suy đồi!”*. Trước kia, một kẻ mắc tội, dù là nhỏ cũng thấy xấu hổ và nhục nhã trước xã hội. Có kẻ phạm tội đi học tập cải tạo về cả năm ở trong nhà không dám ra đường. Có kẻ bỏ nơi ở cũ đến một nơi khác vì không dám nhìn người quen. Có kẻ chỉ ăn cắp con gà, con vịt nhưng thấy xấu hổ mà phải bỏ làng, bỏ nước. Những kẻ như thế cho dù đã phạm tội nhưng vẫn còn ít nhiều tự trọng. Còn bây giờ, ăn cắp đấy, ăn trộm đấy, ăn cướp đấy, tham ô đấy, tham nhũng đấy... mà lại bị đưa lên báo chí, lên truyền hình thế, nhưng vẫn cười như chẳng có gì quan trọng.

Vì sao lòng tự trọng của con người bây giờ lại khác con người trước kia? Không phải do tội lỗi bây giờ được quan niệm khác với trước kia. Tội lỗi mãi mãi vẫn là tội lỗi, cái ác mãi mãi vẫn là cái ác, cho dù xã hội có văn minh đến đâu, có dân chủ đến đâu. Chỉ vì bây giờ, kẻ phạm tội nhiều hơn và còn trắng trợn *“rủ rê”* nhau phạm tội. Cả một tập thể cùng tham nhũng thì việc gì mà phải xấu hổ. Đấy chính là sự suy đồi.

Và không ít người hiểu rằng: Cái cười của những kẻ phạm tội kia như muốn nói với xã hội rằng họ đang có tiền, có rất nhiều tiền và họ có thể sẽ đổi thay mức án mà Tòa án vừa tuyên bố. Cái cười ấy là báo động ở cấp cao nhất về nhân cách của con người trong xã hội chúng ta. Nếu đó là những kẻ bụi đời, những kẻ hết tính người, những kẻ không được học hành thì còn dễ hiểu và đỡ lo sợ. Nhưng đó lại là những cán bộ Nhà

nước, trong đó có cả những đảng viên, thì cái cười ấy chính là những “vết hoại tử” của một cơ thể. Hỏi có bao nhiêu người nhận ra “bản thông cáo đen” ấy?

Một cái cười rất tươi và khinh thường thiên hạ của những kẻ có tội làm cho những người có suy nghĩ choáng váng như bị nện một nhát búa trúng đỉnh đầu. Khi con người không còn biết xấu hổ, không còn biết nhục nhã, không còn biết ăn năn thì cái Thiện bắt đầu kết thúc. Một xã hội với 1.000.000 kẻ có tội nhưng biết xấu hổ, biết nhục và biết ăn năn thì chúng còn hy vọng vào con người. Còn một xã hội chỉ với 100 kẻ có tội nhưng chúng vô cảm với tội lỗi của chúng thì hết thuốc chữa. Suốt một năm qua, chúng ta từng chứng kiến biết bao hành động vô cảm của con người đối với tội lỗi của họ. Hỏi có ai giật mình vì những “bản thông cáo đen” như thế?

Tôi chỉ là một người bé mọn trong xã hội này. Nhưng tôi cam chắc rằng, nếu chúng ta không biết và không dám tuyên án sự suy đồi về nhân cách của chính chúng ta thì chúng ta sẽ bị phá sản hoàn toàn trong công cuộc xây dựng một xã hội như chúng ta mong muốn. Một nhà thơ bạn tôi nói: Chúng ta đang mất mùa người. Câu nói đó có vẻ văn chương nhưng thật kinh hoàng. Mất mùa lúa ngô nghĩa là chưa mất gì đáng kể. Nhưng mất mùa người thì có thể mất hết mọi thứ. Đau đớn và kinh hãi thay!

(Bài “Một cái cười... suy đồi” của Nguyễn Quang Thiều, báo Phụ Nữ, ra ngày 23/5/2008).

– Xã hội gồm nhiều lĩnh vực tác động qua lại lẫn nhau, do vậy, tham nhũng xảy ra trong lĩnh vực này sẽ ảnh hưởng xấu sang lĩnh vực khác. Dưới đây là bài báo nói về tham nhũng trong lĩnh vực đăng kiểm xe ô tô:

⊙ Nhiều vụ tai nạn thương tâm do các lỗi kỹ thuật của xe như mất thắng, thay đổi kết cấu, thay đổi vỏ xe sai quy cách đã xảy ra. Đa số lỗi này có thể phát hiện, xử lý khi xe đi đăng kiểm. Tuy nhiên chỉ cần có tiền, nhiều đăng kiểm viên sẽ bỏ qua tất cả.

Nhiều chủ xe, tài xế khẳng định: “Đi xét xe luôn phải chung chi, nếu không chung đủ thì xe vừa xuất xưởng cũng bị ngâm, còn xe cũ thì cách gì cũng có lỗi, không đạt cho tới khi “hiểu ý” thì thôi. Mức giá chung chi từ 200.000-300.000 đồng/xe, xe càng cũ nát, càng nhiều lỗi giá càng cao”.

Không tiền sẽ bị hành tới tở

Giữa tháng 5-2012, một bạn đọc gọi tới đường dây nóng báo Tuổi Trẻ phản ánh ông đưa ô tô du lịch tới Trung tâm đăng kiểm 5005V (đường Phan Văn Trị, Q.Gò Vấp, TP.HCM) để đăng kiểm, không để tiền “bôi trơn” thì bị đánh rớt, yêu cầu đi sửa. Ông không sửa, để tiền trong xe, làm lại lần hai thì tiền không còn, xe được đánh đập. “Nếu không dứt tiền thì dù xe cũ hay mới cũng bị hành tới tở” – ông D. bức xúc.

Để tìm hiểu những gì ông D. nói, ngày 21-5, chúng tôi theo một tài xế tên T. đưa chiếc xe tải hạng nhẹ vào Trung tâm đăng kiểm 5005V, chiếc xe được đưa vào dây chuyền số... Sau khi dừng xe ở đầu dây chuyền, anh T. vào đóng lệ phí rồi ra khá trễ.

Chiếc xe qua công đoạn kiểm tra khói, tới công đoạn kiểm tra thắng, đăng kiểm viên tên Thanh ngồi trên xe điều khiển, gọi tài xế: “Ngồi lên đi!”. Tài xế T. không lên xe, đứng phía cửa phụ hỏi với lên: “Một xị hay hai?”. Ông Thanh tỏ ra bức bối, vừa đưa hai ngón tay lên vừa quát: “Hai”. Tài xế T.: “Đây, hai xị đây”.

Trước đó, ngày 25-4, tại trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 5003V (đường Phú Châu, P.Tam Bình, Q.Thủ Đức, TP.HCM) chỉ có 2/4 dây chuyền kiểm định làm việc, xe khá đông nên phải xếp hàng dài chờ đợi. Anh Đ., một tài xế đi xét xe đang xếp hàng chờ,

tâm sự: *“Xe tui bị mất thắng, gạt nước hư, vỏ mòn, đèn chỉ còn pha, không cốt. Nếu xét chỗ lạ thì giá “chất” lắm, mà khó nữa!”*. Theo anh Đ., giá của các lỗi này có khi lên tới cả triệu đồng nếu xét ở chỗ lạ. Nhưng anh là *“mối ruột”* tại trung tâm này nên có thể làm với giá rất mềm.

Để chứng minh mình là mối ruột của trạm này, anh Đ. móc điện thoại gọi cho một đồng nghiệp tên Thịnh đang làm việc bên trong dây chuyền: *“Anh Thịnh à! Em mới lấy cái xe, anh xét nhanh giúp em cái!”*.

Vài phút sau, đồng nghiệp tên Thịnh bước tới, đứng ngoài cửa xe hỏi: *“Sao mỗi ngày ông đi một xe thế?”*. *“Xe của thằng D., hôm qua nó gọi anh đấy. Xe cùi này anh lấy giá nhiều? Lấy giá hữu nghị còn làm ăn lâu dài đó!”* – anh Đ. vừa cười vừa hỏi. *“Thôi, mỗi thì ông lấy nó 2 xị (200.000 đồng - PV), đưa tôi xị rưỡi được rồi”*. Cầm tiền xong, ông Thịnh nói: *“Ông cứ để đây, tôi làm luôn cho”*.

Anh Đ. cho biết ông này là *“trùm”* ở đây nên xe kiểu gì cũng có thể làm được với giá *“cạnh tranh”*. Khoảng mười phút sau, chúng tôi gặp lại anh Đ. khi anh đưa xe ra khỏi dây chuyền vào bãi đậu chờ dán tem. Do xe bị lỗi, bị đồng nghiệp *“hành”*, sợ rớt nên anh Đ. lại điện thoại cho ông Thịnh: *“Anh ơi! Lúc này ông kia xét xe mình bị mất đèn cốt, gạt nước một bên không quay, anh coi nói giúp em nha!”*. Ông Thịnh nói: *“Lấy giá hữu nghị rồi mà bắt tôi chạy chết á!”*. Anh Đ. năn nỉ: *“Xe mới lấy nên em không biết, anh giúp em, chút em gửi anh thêm 1 xị nữa!”*. Ông Thịnh nói: *“Ông quay lại đây gặp tôi!”*.

Anh Đ. đi vào nhà vệ sinh cùng ông Thịnh, đưa thêm 100.000 đồng và giục ông Thịnh dán tem nhanh. Ông Thịnh tỏ vẻ bức mình: *“Biết rồi, tôi còn lạ gì các ông nữa. Suốt ngày...”*.

Ngày 21-4, một tài xế đưa ô tô loại 16 chỗ ngồi hiệu Mercedes được hoán cải thành xe tải, các vỏ xe đều đã mòn tới bố, trên nóc đầu xe có gắn trụ đèn cứu thương vào dây chuyền ông Thịnh đang làm việc. Theo lời tài xế, anh này đã đưa cho ông Thịnh 500.000 đồng để được *“bỏ qua”* các lỗi vừa nêu. Sau đó, anh ta gọi điện báo lại cho chủ xe. Ông D. – chủ chiếc xe – gọi liền cho ông Thịnh mắng vắn: *“Xe đó em làm bình thường có 3 xị, anh lấy tài xế tới 5 xị!”*. Ông Thịnh hỏi lại: *“Rồi sao?”*. Ông D. quay qua năn nỉ: *“Anh cho lại tài xế ít tiền cà phê đi!”*. Ông Thịnh đồng ý, nói tài xế quay lại gặp và trả lại 100.000 đồng. Người tài xế xin thêm thì ông Thịnh nói: *“Thế thôi. Tôi bỏ qua hết các lỗi cho ông, mà xe ông là xe tải kén chữ có phải xe cứu thương đâu”*.

“Chung” thiếu: Hãy đợi đấy

Sáng 19-4, tại khuôn viên Trung tâm đăng kiểm 5007V (quốc lộ 1A, P.Trung Mỹ Tây, Q.12, TP.HCM), anh D. – tài xế xe đầu kéo container mang biển số phía Bắc – đang bức dọc vì xe bị đánh rớt. Anh than: *“Em xét mọi nơi chỉ 3 xị, hôm nay bỏ 3 xị vẫn rớt!”*. Nhiều tài xế đi quanh chiếc xe, phán: *“Xe ông 8 vỏ sau thì có 6 cái nát, ông bỏ 3 xị rớt là phải”*.

Theo chỉ dẫn của các *“đàn anh”* chuyên xét xe tại đây, tài xế D. đưa xe ra ngoài, đầu giờ chiều quay lại. Trước khi đưa xe vào dây chuyền, anh D. cẩn thận đếm năm tờ 100.000 đồng xếp ngay ngắn trong khe để giấy tờ phía trước bên phải ghế tài xế. Chiếc xe tới công đoạn kiểm tra thắng, đồng nghiệp tên Sơn ngồi vào ghế tài xế, thò tay phải móc hết số tiền, đếm xong, dứt túi thì thắng xe từ *“bó chết”* được báo lại là *“yếu lắm”* rồi cũng được đi ra, dán tem.

Ngày 24-4, một tài xế xe tải nhẹ vào trung tâm đăng kiểm, chiếc xe qua hết các

công đoạn, tới phần kiểm tra thắng, đăng kiểm viên tên Lợi gọi tài xế đi theo mà không nói gì. Sau đó, ông Lợi chỉ tài xế lên xe ngồi, mở cửa bên phụ thò đầu, thò tay vào ra dấu ba ngón tay. Tài xế lắc đầu mặc cả: *“Không được đâu anh ơi, chủ xe đưa em có 2 xí à!”*. Ông Lợi rút tay, đóng hờ cửa quay ra rồi quay lại thò tay nhận 200.000 đồng của tài xế. Chiếc xe cuối cùng cũng được cấp tem, giấy chứng nhận an toàn.

(Bài *“Có tiền mới lọt cửa đăng kiểm”* của Gia Minh, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 11/6/2012).

Đọc xong bài báo nói trên, bạn đọc hãy liên tưởng và tưởng tượng tiếp, những chiếc xe không đạt tiêu chuẩn nhưng nhờ tiền vẫn lọt qua cửa đăng kiểm, khi lưu thông có thể gây ra những cái gì? Trong số hơn 10.000 người chết mỗi năm do tai nạn giao thông đường bộ, có bao nhiêu người chết do tham nhũng trong lĩnh vực đăng kiểm?

Tương tự như vậy, bạn đọc có thể tưởng tượng tiếp: Tham nhũng trong giáo dục, y tế, hải quan, thuế, công an, tòa án, viện kiểm sát... gây ra những hậu quả xấu nào cho những lĩnh vực khác và cho toàn xã hội.

Tóm lại, trả lương không đủ sống là nguyên nhân của rất rất nhiều cái xấu với quy mô lớn trong xã hội.

- Có thể khắc phục được việc trả lương không đủ sống hay không? Dưới đây là bài báo nêu ý kiến trả lời:

⊙ Lẽ ra lương là một công cụ hữu hiệu để điều hành vĩ mô, thúc đẩy phát triển, nhưng do chúng ta chưa thay đổi được quan niệm lạc hậu về lương và chính sách tiền lương nên lương đã không trở thành động lực để cán bộ công chức tận tụy phục vụ quốc gia... Ông Trần Đình Thiên, phó viện trưởng Viện Kinh tế VN, trao đổi với Tuổi Trẻ Cuối Tuần xung quanh vấn đề này.

*** Từ trước đến nay hầu hết cán bộ công nhân viên chức (CBCC) chưa ai có thể sống được bằng đồng lương?**

– Những người làm việc trong bộ máy hành chính, lực lượng vũ trang, khối Đảng, đoàn thể, một số chức danh trong các hội nghề nghiệp và các đơn vị tổ chức kinh tế nhà nước hưởng lương từ ngân sách nhà nước và các đơn vị thuộc Nhà nước chi trả. Khi lương họ quá thấp so với đòi hỏi của đời sống tức là ngân sách không đủ cang đáng và các đơn vị không trả lương xứng đáng cho người lao động!

*** Xét về lý thuyết thì nhân dân đóng thuế cho Nhà nước. Nhà nước dùng tiền đó thuê CBCC làm việc phục vụ dân. Vậy thì tại sao Nhà nước lại không đủ tiền trả lương cho CBCC?**

– Ngân sách phải được tính toán để phân phối cho mọi nhu cầu: An ninh, quốc phòng; cơ sở hạ tầng; an sinh xã hội... và một phần là lương CBCC. Khi quỹ lương được chi trả thiếu khoa học (tức là phân phối không hợp lý về đối tượng và phương thức tính) thì nó sẽ bị dàn trải và không hoàn thành được chức năng, không phát huy được thế mạnh. Không những thế nó còn bị tác động xấu và sinh thiếu hụt.

*** Theo ông, cách chi trả và phương thức tính lương hiện hành gọi là gì?**

– Đó là: Chúng ta xem tiền lương là một khoản chi ngân sách, gần giống như chi cho phúc lợi xã hội, hưu trí, y tế, giáo dục... Quan điểm này làm nảy sinh tư tưởng bình

quân, cào bằng, ổn định và tiết kiệm. Thực tiễn ở nhiều quốc gia thì tiền lương được xem là một khoản đầu tư xã hội. Quan điểm này khiến quỹ lương linh hoạt, minh bạch, rạch ròi và giống như mọi khoản tiền đầu tư khác, nó được đổ vào những khu vực, dự án hay con người có thể sinh lời và hiệu quả nhất.

*** Quan điểm lương là một khoản chi ngân sách đã được thể hiện trên thực tế ở nước ta như thế nào, thưa ông?**

– Về nguyên tắc, chỉ có khoản tiền trả cho người làm công mới được xem là lương. Tức là chỉ có CBCC đang làm việc mới có lương của Nhà nước trả. Thế nhưng hiện quỹ lương của chúng ta chia cho quá nhiều đối tượng: CBCC, hưu trí, thương binh liệt sĩ; hệ thống chính trị: Đảng, đoàn thể, một số hội nghề nghiệp...

Đúng ra các khoản hưu bổng, bảo trợ, an sinh xã hội... (tuy cũng thuộc ngân sách chi trả) phải tách khỏi lương và không được xem là khoản đầu tư. Còn thu nhập của các hiệp hội đoàn thể càng không được tính vào lương bởi vì đây là những tổ chức tự nguyện và độc lập (nếu có thể thì ngân sách chỉ hỗ trợ các tổ chức này dưới một hình thức nào đó, có thể qui định trong luật, nhưng nhất thiết phải tách rời lương).

Lương chỉ trả cho người làm công. Ai làm tốt thì lương cao, làm không tốt thì lương thấp, không làm thì không có. Như vậy đồng lương nhà nước chỉ bỏ ra khi Nhà nước có thể nhận lại một sản phẩm có giá trị tương ứng hoặc hơn giá trị của đồng lương ấy. Nhưng quan điểm “ngân sách” đã dùng lương để chi trả cho các đối tượng không làm ra của cải vật chất hay những giá trị xã hội tương tự. Biểu hiện thứ hai của “quan điểm ngân sách” là chúng ta đã trả lương theo vị trí công chức chứ không trả theo công việc.

*** Xin ông phân tích về biểu hiện này?**

– Ví dụ, tôi cần thuê thợ xây một căn nhà. Tôi phải đầu tư cho phần việc đó 100 triệu đồng. Tôi không cần biết có bao nhiêu thợ tham gia. Tất cả theo hợp đồng với những yêu cầu kinh tế, kỹ thuật, thời gian... thỏa thuận. Nếu họ có 20 người thực hiện phần việc đó thì lương mỗi thợ là 5 triệu đồng. Nếu là những người lành nghề và yêu công việc thì chỉ cần 10 người và lương của họ là 10 triệu đồng.

Quan điểm này gọi là trả lương theo công việc. Còn Nhà nước ta đang trả lương theo vị trí làm việc. Tức là cũng căn nhà ấy nhưng có đến 40-50 thợ, cơ bản là lười và tay nghề kém tham gia xây dựng. Ông chủ toán thợ buộc phải hạ lương xuống ở mức thấp nhất để đỡ thua lỗ. Hệ quả của hai cách làm trên là: Một bên kích thích người làm việc ngày một hiệu quả hơn; một bên kích thích chỗ làm việc, tức là cứ vào được vị trí làm việc là có thu nhập.

Đã vậy, Nhà nước lại có chính sách biên chế suốt đời, tăng lương đều đều theo thâm niên và cất nhắc lên thì dễ nhưng hạ xuống thì khó dù hiệu quả công việc thấp. Kết quả là “thực khách” ngày một đông mà “miếng bánh” ngân sách thì có hạn nên ai cũng phải ăn miếng bé. CBCC nào cũng cố kiếm chỗ ngồi ở vị trí cao để hưởng phụ cấp cao. Đáng lý phụ cấp chỉ dành cho lực lượng yếu thế trong xã hội như thất nghiệp, tàn tật... thì ta lại dành cho người có thế mạnh trong xã hội. Chính sách lương kiểu này còn dẫn đến hàng loạt tác động xấu khác cho xã hội.

*** Những tác động xấu đó là gì?**

– Vấn đề mấu chốt của cải cách hành chính là tinh giản và nâng cao hiệu quả bộ máy. Thế nhưng vì trả lương theo vị trí khiến ai cũng cố gắng níu giữ vị trí của mình và họ không cần làm việc hiệu quả cũng vẫn được hưởng mức lương bằng người làm hiệu quả. Tiếp theo là khi lương quá thấp, mỗi CBCC tự tìm những kênh thu nhập ngoài

lương để sinh tồn.

Nhà nước khi không đảm bảo được đời sống của công chức thì cũng không thể ràng buộc họ được. Thậm chí Nhà nước phải dần dần chấp nhận sự “không chung thủy” của mỗi CBCC. Ban đầu chỉ là “chân trong chân ngoài” như: “Đầu đường đại tá bơm xe. Cuối đường thiếu tá bán chè đỗ đen”. Hay cán bộ nghiên cứu đi tìm dự án bên ngoài. Thầy cô giáo mở lớp dạy thêm. Bác sĩ mở phòng mạch tư... Lâu dần đến những nhiều, ép tiền hối lộ như thanh tra xây dựng ép phong bì, công an giao thông ăn tiền mãi lộ...

Còn khi trở thành quan chức thì góp phần đưa quốc gia lên danh sách tham nhũng hàng đầu thế giới... Lương quá thấp và sự chấp nhận các kênh thu nhập phi chính thức chính là một căn cơ quan trọng khiến tình trạng công chức VN quá dễ dàng sa ngã vào tham nhũng, sách nhiễu, quan liêu, cửa quyền, suy đồi đạo đức. Và lúc này thì Nhà nước không thể kiểm soát được thu nhập của CBCC. Chính sách thuế thu nhập cá nhân trở nên vô cùng khó có hiệu lực thực tiễn là vì vậy.

*** Theo ông, chúng ta cần cải cách tiền lương theo hướng nào?**

– Chúng ta chỉ cần tham khảo bài toán tiền lương mà thế giới đã giải quyết từ lâu. Đó là cần minh bạch các khoản phân phối xã hội, trong đó có lương. Lương phải đúng nghĩa là lương. Tức là tách bạch các khoản chi cho an sinh xã hội, an ninh quốc phòng và hiệp hội, đoàn thể ra khỏi lương.

Tiếp theo là cần tìm cách trả lương theo công việc, theo con người chứ không phải theo vị trí. Khi đã có một phương pháp định dạng được mức lương theo công việc thì cắt bỏ tối đa các khoản thu nhập ngoài lương của CBCC như xe công, điện thoại, phụ cấp... Nếu trách nhiệm đó xứng đáng khoản thu nhập đó thì hãy qui ra lương. Rõ ràng và minh bạch. Lúc đó các phương pháp tính mức lương tối thiểu, hay hệ số, thang bảng lương thật ra chỉ là vấn đề kỹ thuật.

*** Ngành LD-TB&XH tính rằng mức lương trung bình của CBCC hiện nay mới đáp ứng khoảng 60% nhu cầu đời sống, nhưng đã quá lớn với việc cân đối ngân sách. Vậy nếu tăng lương để công chức sống được thì lấy đâu ra kinh phí?**

– Nếu cải cách tiền lương theo hướng vừa nói thì không những ngân sách vẫn đủ sức chi trả mà còn không ngừng lớn. Bởi vì khi trả lương theo công việc, một việc trước đây có 10 người làm nay chỉ còn 3-4 người thì số người làm sẽ đương nhiên được tăng lương. Hiệu quả công việc sẽ rất tốt vì có sự đào thải.

Mặt khác, hãy lấy chính những khoản chi ngân sách nằm ngoài lương dành cho CBCC mà qui thành lương. Ví dụ, một thứ trưởng có mức lương 2,5 triệu đồng/tháng nhưng lại có một chiếc xe công trị giá 500 triệu và một anh lái xe (có mức lương và các khoản thu khác từ ngân sách khoảng 4 triệu nữa), một tài khoản điện thoại 2 triệu... Cắt tất cả các khoản đó để chi cho ông thứ trưởng 20 triệu đồng/tháng. Ông ta muốn đi ô tô thì thuê, muốn gọi điện thì tự trả tiền. 20 triệu đồng chắc chắn giúp ông ta sẽ có cuộc sống tốt để cống hiến tâm sức phục vụ quốc gia.

*** Tại sao đến nay VN vẫn chưa thể thực hiện chính sách lương như thế?**

– Về kỹ thuật thì dễ nhưng khó nhất lại là về thay đổi tư duy. Dù khó nhưng đã đến lúc VN phải thay đổi tư duy về chính sách tiền lương. Phải giải quyết tốt các tồn đọng lịch sử và tìm ra những phương pháp, xây dựng những lộ trình phù hợp (với thói quen sinh hoạt, văn hóa, phong tục...) để cải cách ít gây những biến động xã hội. Còn những người có quyền lực cấp cao phải thấu hiểu được tiếng vọng khẩn thiết của cuộc sống

trước những đồng lương đang trì nín sự phát triển, tấn công vào đạo đức công chức, đạo đức xã hội.

(Bài “*Trả lương theo vị trí? Công việc?*” của Ngọc Vinh - Quang Thiện - Kim Sơn - Kim Liên - Hữu Nghị - Y.T., báo Tuổi Trẻ Cuối Tuần, ra ngày 22/10/2006).

Bài báo nói trên có nêu ý tưởng về việc tạo nguồn kinh phí để trả lương thỏa đáng bằng cách tinh giản, nâng cao hiệu quả bộ máy, thay vì trả lương theo vị trí thì trả lương theo công việc, chuyển các khoản thu nhập ngoài lương quy ra lương. Ngoài ra, theo người viết, còn có thể bổ sung nguồn kinh phí rất lớn để trả lương thỏa đáng, nếu như không có tham nhũng, lãng phí, làm ăn thua lỗ, các khoản nợ khó đòi. Dưới đây là hai bài báo “*Tham nhũng, lãng phí làm giảm 4% GDP/năm?*” và “*Các ông lớn ngồi trên đồng nợ*” minh họa điều đó.

⊙ Ảnh hưởng của tham nhũng, lãng phí đến các nguồn lực của đất nước cũng như đến tốc độ tăng trưởng GDP như thế nào?

Trao đổi với TTCT, PGS.TS Trần Đình Thiên, viện phó Viện Kinh tế VN, cho biết:

– Tại một nước đang phát triển như VN có rất nhiều yếu tố khiến khả năng tăng trưởng của nền kinh tế không được phát huy hết mức. Đó có thể là do nguồn nhân lực thiếu đào tạo, hạn chế của chính sách, độ mở của nền kinh tế... Nhưng có một yếu tố khác kéo tốc độ tăng trưởng xuống rất mạnh, tác động đến tất cả các chính sách khác, đó là tham nhũng. Tăng trưởng tạo ra của cải, tham nhũng phân phối bất bình đẳng khối của cải đó. Đáng lẽ nguồn lợi sẽ được đem đầu tư cho đại chúng thì nó lại rơi vào túi một số người, khiến họ giàu đến... đáng kinh ngạc. Của cải bị tham nhũng không tạo được nguồn tái đầu tư hoặc nguồn cầu cho nền kinh tế. Nếu có thì nó cũng là những trò ăn chơi lu bù, tạo những nguồn cầu tiêu cực. Hậu quả mà xã hội phải gánh rất lớn, nghiêm trọng hơn so với khoản phần trăm GDP có thể tính được.

Tham nhũng đe dọa phát triển bền vững

*** Tham nhũng đang “đánh” trực tiếp vào nguồn vốn FDI khi nhiều nhà đầu tư kêu rên vì không ít công chức luôn đòi “bôi trơn”. Có nhà đầu tư phải bị bật ra?**

– Chi phí “bôi trơn” không đáng gì so với tham nhũng chính sách, ở những vị trí chủ chốt, những khoản chi phí tiêu cực này cũng gây tổn kém, mệt mỏi cho nhà đầu tư. Chi phí “phong bì” không chỉ là vấn đề tiền bạc mà phải tính cả yếu tố thời gian. Sự nhũng nhiễu phiền hà có thể khiến cơ hội kinh doanh của nhà đầu tư qua đi mất, đồng nghĩa với cơ hội đón nhận đầu tư của đất nước cũng đi qua. Môi trường đầu tư vì thế bị đánh giá thấp. Mà những công ty càng lớn có tác động quan trọng đến nền kinh tế thì họ đòi hỏi càng cao. Qua trường hợp Công ty Intel vừa đầu tư vào VN cho thấy mất một cơ hội đầu tư nào, khả năng tụt hậu của đất nước cao lên chừng ấy.

*** Qua vụ PMU18, có thể thấy một nguồn lực lớn đáng ra sẽ được đầu tư cho phát triển, đã rơi vào túi một số người, làm tan biến cơ hội cải thiện cuộc sống cho nhiều người?**

– Đúng về nguyên lý, có nhiều dự án nhà nước không cần phải đầu tư vì đầu tư là sẽ lãng phí, không hiệu quả. Kinh nghiệm thế giới cái này rất rõ. Trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng không cứ nhất thiết phải tạo ra nhiều PMU. Có những con đường nên để cho tư nhân, nhà đầu tư nước ngoài họ làm rồi đặt trạm thu phí. Chỉ những đường miền núi, cảng biển lớn thì Nhà nước sẽ đảm nhận vì không hấp dẫn các nhà

đầu tư hoặc liên quan đến qui hoạch tổng thể quốc gia. Như thế nhiều người dân sẽ được hưởng lợi hơn.

*** Sai phạm trong quản lý đầu tư ở nước ta chưa là gì so với sai lầm trong qui hoạch đầu tư?**

– Quốc hội đã nói rồi, một trong những tổn thất lớn nhất là do qui hoạch sai. Tham nhũng đã có hại, qui hoạch sai còn tạo điều kiện cho lãng phí và gây tổn thất rất dài hạn. Như hàng loạt nhà máy đường qui hoạch sai, khiến nông dân gay go. Ảnh hưởng nặng nề của nó không chỉ ở số tiền bị mất từ dự án đầu tư sai đó. Rồi còn qui hoạch cảng biển, sân bay... Trong qui hoạch sai có nhiều nguyên nhân. Có cái do nôn nóng phát triển, có cái do năng lực kém nhưng có một lý do là chia phần dự án. Thiệt hại rất lớn vì nó làm giảm nội lực quốc gia.

*** Tham nhũng đang tác động toàn diện đến nền kinh tế. Xuất khẩu thì vướng hải quan, làm ăn thì có đến gần 30 cơ quan có quyền “hỏi thăm” doanh nghiệp. Gánh nặng đang đè lên cơ hội kinh doanh của người dân?**

– Đảng, Nhà nước đã thừa nhận tham nhũng ở ta rất nghiêm trọng và có điều tra về 10 nghề “nhạy cảm” nhất. Tai hại là tham nhũng luôn cản trở nhà đầu tư, làm cho bộ máy lác hậu, khó đổi mới theo hướng có lợi cho đất nước. Doanh nghiệp thì khó khăn, chi phí cao. Thu nhập cao bất hợp pháp khiến bất công xã hội có cơ hội nảy mầm, tiền đẻ cho sự bất ổn. Trong một nền kinh tế mở, tham nhũng còn làm giảm năng lực huy động nguồn lực cho phát triển khi nguồn vốn ODA, FDI thường đi kèm với những điều kiện cụ thể. Tham nhũng còn gắn chặt với lãng phí mà sự lãng phí tốn kém hơn tham nhũng nhiều. Những hậu quả này khó đo đếm vì không đơn thuần là mất tiền. Về tổng thể, tham nhũng, lãng phí sẽ dẫn đến sự tê liệt của nhiều chính sách và sự hư hỏng của bộ máy.

Kéo tụt phần trăm GDP?

*** Với tất cả hậu quả như trên, tham nhũng đang kéo tụt tốc độ phát triển của nền kinh tế VN?**

– Chắc chắn là như thế. Nếu không thoát, lãng phí, một lượng của cải xã hội sẽ bổ sung tốt cho phát triển. Nó sẽ giúp những chính sách phát huy tối đa tác dụng, tạo cơ hội phát triển cho một doanh nghiệp, một vùng, hay cả một ngành. Mà ở các nước sự lớn mạnh của một tập đoàn, một ngành có tác dụng rất lớn. Nếu nguồn vốn đầu tư được quản lý tốt thì chất lượng đầu tư sẽ tăng, chất lượng tăng trưởng cũng tăng, độ rủi ro của nền kinh tế cũng thấp xuống. Ít nhất là xã hội không phải bỏ tiền ra sửa chữa những công trình kém chất lượng. Bộ máy hoạt động nghiêm túc, hiệu quả hơn thì sức hút với ODA, FDI sẽ cao hơn.

*** Vậy tốc độ tăng trưởng GDP ở VN sẽ là bao nhiêu phần trăm trong năm qua nếu không có tham nhũng?**

– Về tổng thể chung thì không tính được (nếu hạn chế tốt tham nhũng, lãng phí) tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ tăng thêm bao nhiêu phần trăm, bởi vì chúng ta chưa điều tra được tham nhũng đã lấy đi bao nhiêu tiền và mức độ hạn chế đã bớt đi được bao nhiêu nguồn của cải đáng ra bị mất.

*** Nhưng chỉ tính trên nhận định ở Quốc hội: 20-30% vốn đầu tư xây dựng cơ bản bị thất thoát thì tốc độ tăng trưởng GDP ở VN đã bị giảm đi bao nhiêu?**

– Tổng đầu tư xã hội ở nước ta khoảng 35% GDP (17-18 tỉ USD). Trong đó, chi tiêu

nhà nước chiếm hơn 50% (khoảng 10 tỉ USD). Chi của nhà nước có nhiều khoản, tất nhiên chi phí văn phòng, mua xe cũng thất thoát nhưng thất thoát trong nguồn vốn đầu tư phát triển (khoảng 30% tổng đầu tư xã hội) được biết đến nhiều nhất. Mà nếu để thất thoát khoảng 25% lượng vốn này thì nó tương đương 4-5% GDP, cũng có thể hiểu thất thoát ấy sẽ kéo tụt tốc độ tăng GDP xuống từ 4-5%!

Phải làm gì?

**** Làm giàu dường như là mục tiêu phấn đấu của một bộ phận quan chức?***

– Học để làm quan ở phương Đông từ xưa đến nay là một cách hiệu quả để... đổi đời. Làm quan gắn với lợi ích, lợi ích về tinh thần và vật chất. Chính vậy mà Bác Hồ muốn chuyển khái niệm quan thành khái niệm công bộc của dân, người phục vụ xã hội. Hiện tại ở VN tình trạng sách nhiễu dân còn nặng. Quan vẫn gắn quá chặt với quyền lực mà quyền lực có một chức năng rất quan trọng là phân phối lợi ích. Quyền lực đó không được kiểm soát thì nó sẽ đem lại lợi ích cho riêng các quan. Nó bị lạm dụng mà khó bị trừng trị thì ngày càng nhiều người mong muốn nhảy vào đấy, dù với cái “giá” nào.

**** Nhiều ông quan đã giàu hơn cái mức lương mà họ được hưởng. Làm gì để mấy vị này không thể “kiếm ăn” từ nguồn tài sản quốc gia?***

– Chế tài là cách duy nhất để quan chức không lạm dụng quyền lực cá nhân, thực hiện đúng trách nhiệm được giao. Nhưng VN lại yếu nhất ở khâu chế tài. Chúng ta thấy có qui định trách nhiệm nhưng chế tài chưa rõ. Có ông chủ tịch tỉnh chỉ đạo sai, lãng phí nhiều tỉ đồng mà chỉ bị phê bình và... tại chức. Nếu hình phạt không đủ để quan chức sợ mà làm đúng nhiệm vụ thì sẽ có nguy cơ tha hóa bộ máy. Vậy nên các biện pháp quản lý công chức cần phải được pháp chế hóa cụ thể hơn cả các biện pháp quản lý công dân.

**** Thời gian qua có nhiều vụ tham nhũng lớn được đưa ra ánh sáng nhưng người dân vẫn chưa yên tâm. Vì có vẻ như cái cơ chế nhà nước hiện tại dễ sản sinh ra tham nhũng?***

– Đúng là nếu cơ chế chưa được khắc phục, vẫn còn kẻ có cả đồng tiền chạy án, có cả đồng xe để cho thì nó vẫn sinh ra những hành vi tương tự. Nên câu chuyện ở đây là chiến đấu với cơ chế, hoàn thiện cơ chế. Cấu trúc quyền lực ở VN từ trước đến nay đều theo ngành dọc. Mỗi quan hệ cấp trên, cấp dưới đơn tuyến nên rất dễ lấy lòng nhau, chia chác cho nhau. Trước phải duy trì cấu trúc đơn tuyến vì nhà nước bao cấp. Bây giờ, mọi thành viên tham gia phát triển kinh tế về nguyên tắc là bình đẳng. Nên ta cần nghiên cứu đưa thêm cấu trúc ngang vào cơ cấu quyền lực. Phải tạo ra cơ chế các cơ quan có quyền lực giám sát cũng bị giám sát. Như báo chí là một trong những cấu trúc ngang hiệu quả nhưng phải tạo chế tài mạnh hơn, để phát hiện hơn khi có hành động cản trở cấu trúc ngang giám sát.

**** Chúng ta có một mệnh đề rất đẹp: Dân giám sát. Với đồng lương hiện tại thì các quan chức không thể giàu được, nhưng bây giờ nói có quan chức nghèo thì dân nhất định không tin. Nhưng người dân làm gì có quyền lực để giám sát?***

– Nói chung chung thì dân giám sát, nhưng giám sát theo cơ chế nào thì rất khó cho dân. Dân nào đòi được cơ quan nhà nước cung cấp tài liệu? Nếu muốn dân giám sát thật thì phải có qui định cụ thể. Chứ hiện nay dân muốn gặp quan chức để đề đạt nguyện vọng đã khó rồi, nói gì đến giám sát.

**** Có phải nhiều công chức hư hỏng vì chúng ta quên mất việc dạy cho họ bài học đầu tiên trong việc làm công bộc của dân phải biết liêm sỉ?***

– Tôi nghĩ cái liêm sỉ không giá trị bằng việc làm sao để các quan chức phải sợ hãi khi tham nhũng. Các cụ đã nói “*nhân dục vô nhai*” – lòng tham vô đáy. Nhà chưa có, tiền đang thiếu thì liêm sỉ có được giáo dục cũng khó. Muốn họ giữ được liêm sỉ thì vẫn là yếu tố luật pháp, chế tài và cơ chế giám sát gắt gao. Phải bịt được các lỗ hổng chứ cứ để hở mà kêu gọi đạo đức thì sẽ mất luôn cả tiền lẫn đạo đức.

(Bài “*Tham nhũng, lãng phí làm giảm 4% GDP/năm?*” của Cẩm Văn Kinh, báo Tuổi Trẻ Cuối Tuần, ra ngày 23/4/2006).

◎ Theo đề án tái cấu trúc DNNN vừa được Bộ Tài chính trình Chính phủ, tính đến tháng 9-2011, tổng số nợ của các DNNN tại các ngân hàng lên đến trên 415.000 tỉ đồng, tương đương 16,9% tổng dư nợ tín dụng.

Tại hội thảo đổi mới cơ chế, chính sách tài chính hỗ trợ tái cấu trúc DNNN tổ chức ngày 31-5, các chuyên gia, nhà khoa học cũng như Bộ Tài chính cho rằng để xảy ra một loạt sai phạm của Vinalines, Vinashin... là do buông quản lý và giám sát vốn nhà nước tại các DNNN...

Nợ gấp 3-10 lần vốn chủ sở hữu

Trong tổng số nợ 415.000 tỉ đồng, hơn một nửa số tiền này là khoản vay của các tập đoàn, tổng công ty như Tập đoàn Dầu khí VN: 72.300 tỉ đồng, Tập đoàn Điện lực VN: 62.800 tỉ đồng, Tập đoàn Công nghiệp than và khoáng sản VN: 20.500 tỉ đồng, Vinashin: 19.600 tỉ đồng. Theo Bộ Tài chính, có đến 30/85 tập đoàn và tổng công ty có tỉ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu trên ba lần, đặc biệt có bảy tập đoàn và tổng công ty có tỉ lệ trên 10 lần.

Ông Đặng Văn Thanh, chủ tịch Hiệp hội Kế toán và kiểm toán VN, cho rằng cần phân tích những khoản nợ mà các tập đoàn và tổng công ty đang vay, khoản nào là bình thường, khoản nào không có khả năng trả. “*Chúng ta phải đánh giá cụ thể khả năng tài chính của từng DN. Còn việc DN không có vốn mà đi vay để kinh doanh là bình thường. Chỉ lo ngại là các DN đi vay ngắn hạn để đầu tư dài hạn. Còn kinh doanh đến mức không có khả năng thanh toán, hoạt động thua lỗ là điều không hay cho kinh tế, vì dù là vốn đi vay hay vốn của Nhà nước thì cũng là vốn của người dân, của toàn xã hội*” – ông Thanh nói.

Để đánh giá tình trạng tài chính của DN khỏe hay yếu, theo ông Thanh, có hai chỉ tiêu xem xét là tổng số nợ với tổng số tài sản. Nếu như tổng số nợ chiếm 50% tổng số tài sản thì DN đó lâm vào tình trạng không bình thường, còn khi nợ chiếm 90% tổng tài sản thì DN lâm vào tình trạng phá sản.

Thiếu minh bạch, quản lý lỏng lẻo

Ông Phạm Đình Soạn, nguyên cục trưởng Cục Tài chính DN (Bộ Tài chính), cho rằng sai phạm tại các DN như Vinalines do một phần cơ chế. Việc giám sát vốn nhà nước tại các DN có quá nhiều tầng nấc nhưng không tập trung mà “*anh nọ tưởng anh kia làm*”. Do vậy, cần tổ chức một đơn vị giám sát chịu trách nhiệm chính là Bộ Tài chính.

Ông Đặng Văn Thanh chia sẻ những sai phạm vừa qua như ở Vinalines, Vinashin chỉ được phát hiện khi cơ quan thanh tra tiến hành thanh tra là do cơ chế chưa thật sự minh bạch. Hiện nay gần như không có cơ chế tài chính - kế toán cho các tập đoàn và tổng

công ty, trong khi các “ông lớn” rất phức tạp, kinh doanh đa ngành, đan chéo, dọc có ngang có.

Chính vì vậy, báo cáo tài chính hợp nhất, xử lý tài chính nội bộ lúng túng, nói sai cũng được, nói đúng cũng được. Lỗ hổng này cơ quan quản lý đã nhìn ra từ vài năm nay nhưng không xử khi chưa thấy nổi lên ung bướu. Cho đến khi phát hiện thì ung thư đã di căn, con bệnh quật xuống đã gây thiệt hại lớn.

“Ngay cả những khoản chi tiêu lên đến hàng ngàn tỉ đồng mà bộ phận kế toán không hay, không có vấn đề mới lạ. Để chấn chỉnh tình trạng này, tới đây hệ thống kiểm soát nội bộ tập đoàn cần phải được thiết lập vì đây là hệ thống “cầu chì”, ví như hệ thống điện, nếu không có cầu chì thì nhiều thiết bị điện sẽ hư hỏng” - ông Thanh nói.

Không thể tiếp tục “nuôi”

Để tái cấu trúc DNNN, ông Đặng Quyết Tiến, phó cục trưởng Cục Tài chính DN (Bộ Tài chính), cho biết một trong những phương án mà Bộ Tài chính đưa ra là cần đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa. Theo đề án này, đến năm 2015 sẽ phải cổ phần hóa thành công 573 DNNN. So với tiến độ của năm 2011 và cả bốn tháng đầu năm nay, mới có sáu DNNN được cổ phần hóa nên phải tăng tốc khoảng 240% mới hoàn thành mục tiêu đề ra.

Tuy nhiên, ông Soạn lo ngại cổ phần hóa sẽ khó có thể thành công nếu *“làm trong tâm trạng lừng khừng, nửa vờ như hiện nay”*. Theo ông Soạn, phải xử lý ngay những vướng mắc liên quan phương thức xác định giá trị tài sản DN, xử lý công nợ... trên nguyên tắc phải theo cơ chế thị trường thì mới cổ phần hóa được.

Liên quan đến đề xuất thoái vốn đầu tư ngoài ngành tại các DNNN của Bộ Tài chính, ông Soạn đề nghị chỗ nào làm không hiệu quả, gây thiệt hại thì phải thoái sớm. Ngành nào hoạt động mang lại tỉ suất lợi nhuận cao nên tính toán thật kỹ. Ông Đinh Quang Tri, phó tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực VN, cho rằng việc cải tổ DNNN phải xem những DN nào không phát huy hiệu quả thì bán luôn. Thà rằng Nhà nước lỗ một tí còn hơn nuôi rồi sau này mất toàn bộ vốn. Có thể giải thể DN đó để tạo cơ hội cho tư nhân thúc đẩy lên.

Mặt khác, vụ đổ vỡ xảy ra do nhiều nguyên nhân cá nhân, công tác tổ chức cán bộ... Do đó, chính sách tài chính và cán bộ phải đi cùng với nhau. Nếu cơ chế tài chính rất đẹp nhưng người thực hiện không đủ năng lực kinh tế, quản lý, kỹ thuật và đạo đức thì cơ chế tài chính có đẹp bằng “giời” cũng hỏng.

(Bài “Các ‘ông lớn’ ngồi trên đống nợ” của Lê Thanh, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 1/6/2012).

- Người viết nhớ lại, và những gì nhớ lại được củng cố bằng bài viết *“Ngậm ngùi chuyện giáo sư”* của Quốc Phong, đăng trên báo Thanh Niên, ra ngày 24/7/2005. Cụ thể, người viết nhớ lại từ thời điểm năm 1954, khi hòa bình lập lại trên miền Bắc, Bác Hồ, Trung ương Đảng và Chính phủ đã lãnh đạo thực hiện thắng lợi kế hoạch 3 năm khôi phục kinh tế sau đó.

Lúc ấy, lương cho người tạp vụ, lao động giản đơn khởi điểm là 36 đồng, tương đương một chỉ vàng. Người vừa tốt nghiệp đại học (tương đương cử nhân bây giờ) nhận lương 60 đồng, riêng kỹ sư tốt nghiệp đại học bách khoa – 63 đồng. Tiến sỹ có

lương khởi điểm 75 đồng, tiến sỹ khoa học – 85 đồng, giáo sư – 160 đồng (tất cả đều không có thuế thu nhập cá nhân). Một đồng bằng mười hào, một hào bằng mười xu. Giá cả thị trường lúc đó là, gói xôi – 5 xu, bánh mì thêm nhân – 10 xu, tô phở bò – 25 xu. Tiền cơm tháng hai bữa chính trưa và tối là 18 đồng.

Chúng ta hãy lấy cử nhân với lương tháng 60 đồng làm ví dụ. Tiền ăn, kể cả ăn sáng (nếu ăn xôi) mất 20 đồng, chỉ chiếm một phần ba lương. Nếu 60 đồng quy ra phở thì cử nhân lúc đó có thể mua 240 tô phở. Người viết chọn tô phở bởi vì khi tính chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Việt Nam hiện nay, người ta đã sử dụng đơn vị sức mua ngang giá là tô phở bởi *“tính phổ biến của mặt hàng này cho phép so sánh được tương quan chi phí giữa các tỉnh”* (xem bài *“Bát phở trở thành đơn vị sức mua”* của Mạnh Quân, đăng trên báo Thanh Niên, ra ngày 14/1/2006).

Vậy cử nhân hiện nay cần được trả lương bao nhiêu để bằng cử nhân cách đây hơn nửa thế kỷ, nếu lấy đơn vị là tô phở. Tô phở trung bình hiện nay là 30.000 đồng. Lấy số này nhân với 240, chúng ta có 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm ngàn đồng). Trong khi đó, lương khởi điểm của cử nhân hiện nay khoảng hai triệu đồng. Còn lương giáo sư, phó giáo sư, tiến sỹ khoa học sắp về hưu hiện nay chỉ bằng khoảng lương khởi điểm của cử nhân cách đây hơn nửa thế kỷ.

Trên đây là nói về lương, ngoài lương ra, ở miền Bắc lúc đó Nhà nước còn có những bao cấp nhất định, có lẽ, chính vì thế, người viết đã không thấy những cảnh đời khốn khổ, nhếch nhác, nhiều hành động xấu như hiện nay. Chúng ta lại càng thấy được những nỗ lực chăm lo, sự sáng suốt của Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ, nếu nhớ rằng, miền Bắc trong kháng chiến chống Pháp bị tàn phá nặng nề, đất nước bị chia cắt, luôn phải đề phòng chiến tranh (quả thật, 5/8/1964, Mỹ bắt đầu cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc), viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em lúc đó không nhiều.

Còn bây giờ, nếu tính từ năm 1975 đến nay (2012) thì sao?

Từ năm 1975 đến nay, đất nước thống nhất, giang sơn quy về một mối, chưa bao giờ nước ta mạnh, giàu, có nhiều mối quan hệ quốc tế, có địa vị, uy tín cao trên thế giới như bây giờ. Có một điều người viết không tài nào hiểu nổi là tại sao sau 37 năm (1975 đến 2012), tức là dài hơn 30 năm (1945–1975) của cả hai cuộc trường kỳ kháng chiến thần thánh của dân tộc đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, mà tình trạng trả lương không đủ sống vẫn tồn tại và không biết bao giờ mới được giải quyết dứt điểm. Những người có trách nhiệm trong việc hoạch định chính sách lương hiện nay cần phải học lại kinh nghiệm trả lương của miền Bắc cách nay hơn nửa thế kỷ. Bao giờ cho đến ngày xưa?

Nhân đây, người viết trích dẫn câu nói của Bác Hồ, tháng 6 năm 1968 nhân dịp làm và xuất bản loại sách *“Người tốt việc tốt”*: *“Mấy chục năm nay, nhân dân ta phải tập trung sức lực để đánh giặc cho nên về xây dựng đời sống, ta chưa làm được nhiều. Nhưng đánh thắng giặc Mỹ rồi thì những việc chính của cách mạng là làm thế nào giải quyết ngày càng tốt hơn những vấn đề: Ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, phòng và chữa bệnh... Tóm lại là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của*

nhân dân". Trích từ quyển 2 Hồ Chí Minh tuyển tập, Nhà xuất bản "Sự Thật", Hà Nội, 1980, trang 488. Ở đây, người viết muốn nhấn mạnh cụm từ "*những việc chính của cách mạng*"; Không lẽ những người có trách nhiệm trong việc hoạch định chính sách lương từ năm 1975 đến nay có thể quên "*những việc chính của cách mạng*".

2) So với điểm 3 của mục nhỏ 10.2. *Các điều kiện xã hội và giáo dục lý tưởng để có nhiều hành động cá nhân tốt*, trong phạm vi ② (xem Hình 13 và văn bản đi kèm), ở nước ta, các biện pháp răn đe, ngăn chặn, trừng phạt chưa đạt yêu cầu.

Việc chưa đạt yêu cầu thể hiện trên các mặt:

– Các biện pháp răn đe, ngăn chặn, trừng phạt thường đưa ra quá chậm so với những hành động xấu xảy ra trên thực tế. Từ đây dẫn đến chuyện, thứ nhất các hành động xấu vẫn cứ xảy ra trong thời gian dài mà không có quy định, luật để xử. Thứ hai, các hành động xấu xảy ra trên quy mô lớn đến nỗi, sau khi ban hành các biện pháp răn đe, ngăn chặn, trừng phạt thì không đủ người, phương tiện, nguồn lực để thực thi các biện pháp đó.

Đã từ lâu, rất lâu, Lão Tử khẳng định: "*Vấn đề lớn nhất trên thế giới có thể giải quyết được khi nó còn nhỏ*". Khi mới có vài người vi phạm luật giao thông, phải giải quyết ngay; khi mới có vài kẻ tham nhũng, phải giải quyết ngay; khi mới có vài cán bộ lãnh đạo, quản lý ra quyết định sai, phải giải quyết ngay; khi mới có vài trường hợp quay cóp trong thi cử, phải giải quyết ngay... Những người có trách nhiệm đã không làm như vậy nên vấn đề càng ngày càng lớn, càng khó giải quyết.

– Các biện pháp răn đe, ngăn chặn, trừng phạt thường là nhẹ nên chúng không những có ít tác dụng mà còn làm cho con bệnh lớn thuốc, bệnh trở nặng hơn. Những người có hành động xấu sẵn sàng nộp phạt để tiếp tục vi phạm. Những người khác thấy vậy cũng đua nhau bắt chước thực hiện các hành động xấu. Nói cách khác, các biện pháp răn đe, ngăn chặn, trừng phạt chưa tạo ra xúc cảm âm đủ độ (xem mục 4. *Xúc cảm cá nhân* và mục 7. *Xúc cảm cá nhân – yếu tố quan trọng nhất đối với hành động cá nhân*) để cá nhân đủ sợ không dám hành động trong phạm vi ②.

Dưới đây là một ví dụ để thấy sự việc rất nghiêm trọng mà phạt quá nhẹ:

☉ Thường vụ Đảng ủy quân sự trung ương vừa ra quyết định số 03/QĐ-ĐUQSTW thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức đảng ủy viên Đảng ủy Tổng cục hậu cần đối với đại tá Nguyễn Tiến Long – tổng giám đốc Tổng công ty Thành An (Tổng công ty xây dựng 11), Tổng cục hậu cần – vì "*đã có việc làm trái với quy định của Nhà nước, vi phạm vào phẩm chất tư cách, đạo đức của người cán bộ, đảng viên*". Cùng ngày bộ trưởng Bộ quốc phòng cũng đã quyết định kỷ luật đại tá Long bằng hình thức cảnh cáo cũng với lý do trên.

Được biết, vào khoảng 17 giờ ngày 17/11/1998, đại tá Nguyễn Tiến Long đã tới nhà riêng bộ trưởng Bộ quốc phòng Phạm Văn Trà và để lại một phong bì có 10.000 USD. Phát hiện hành vi này, ngày 18/11/1998, bộ trưởng Phạm Văn Trà đã cho phó chánh văn phòng Bộ quốc phòng Đặng Văn Cẩn tới Tổng công ty Thành An để trả lại cho đại tá Long. Đồng thời bộ trưởng cũng chỉ đạo các cơ quan hữu quan của Bộ quốc phòng làm rõ hành vi của ông Long.

(Bài “*Tặng bộ trưởng 10.000 USD, tổng giám đốc Tổng công ty Thành An bị cảnh cáo*” của Tiến Thành, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 4/2/1999).

Có lẽ, chúng ta cần phải học Singapore trong việc đưa ra và thực thi các biện pháp răn đe, ngăn chặn, trừng phạt. Bạn hãy đọc những bài viết dưới đây về Singapore:

☉ Chuyện “*nhập gia tùy tục*” đã là điều hiển nhiên, ai cũng biết và cố gắng làm tốt, nhưng nhất nhất tuân theo thì không phải ai cũng có thể làm được. Khi đưa khách du lịch Việt Nam đến Singapore, hướng dẫn viên du lịch phải luôn mặc chiếc áo có những dòng chữ “*khuyến cáo*” trên người để nhắc nhở du khách Việt Nam tránh những lỗi vi phạm như: Vứt rác không đúng nơi quy định phạt... đôla, bỏ chewing-gum trên đường phạt... đô la, khạc nhổ phạt... đôla...? Đây là sự chu đáo của các công ty tổ chức tour nhằm giúp du khách tránh những phiền phức tưởng chừng rất nhỏ nhặt, nhưng là chuyện lớn ở đảo quốc sư tử vốn nổi tiếng là một đất nước xanh, sạch và không có rác.

Chúng ta sẽ nghĩ thế nào về hình ảnh này? Quả thật, nó không mang lại cảm giác dễ chịu cho tất cả du khách người Việt Nam đi trong đoàn. Có người bức xúc bảo rằng, cầu mong sao khách nước ngoài và người bản xứ không đọc được những dòng chữ “*di động*” trên người của hướng dẫn viên du lịch! Ngoài kiến thức về du lịch, hướng dẫn viên còn trang bị tận răng cho du khách tất cả những điều nên tránh tại Singapore. Khi vào một nhà hàng hải sản tự chọn giá 99 USD/người, anh hướng dẫn viên căn dặn nhiều lần, quý khách nên ăn hết những món lấy ra, nếu để dư 100g/món, khách sẽ bị phạt 100 USD. Ấy vậy mà vẫn có người bị phạm lỗi. Cho dù phân bua thế nào thì du khách này vẫn phải nộp 100 USD trước khi rời khỏi nhà hàng. Người nộp phạt ầm ỨC, khách cùng đi trong đoàn thì bức bối, quả là một con sâu làm rầu nồi canh!

Du khách nước ngoài đến Việt Nam thì sao, họ có phạm lỗi gì không? Chắc chắn là có, nhưng đó chỉ là thiểu số. Đôi khi cũng có một vài “*ông Tây*” dám vượt đèn đỏ, mặc quần đùi và áo thun ba lỗ ra đường. Theo cách lý giải của người cực đoan, thì đó là điều họ “*học*” được từ chúng ta?!

Sau mỗi chuyến đi, du khách Việt Nam hiểu biết thêm về nền văn hóa của đất nước mình đến và học tập thêm nhiều kinh nghiệm. Du khách nước ngoài đến Việt Nam cũng vậy. Ngoài những lời khen tặng Việt Nam là một điểm đến an toàn, món ăn của Việt Nam rất ngon, người Việt Nam rất thân thiện, mến khách... sẽ còn rất nhiều điều mà chúng ta phải cố gắng hoàn thiện, để hình ảnh Việt Nam đẹp hơn, văn minh hơn trong mắt bạn bè quốc tế.

(Bài “*Để ‘nhập gia tùy tục’...*” của Nguyễn Hữu, báo Sài Gòn Giải Phóng, ra ngày 28/12/2006).

☉ “*Hái hoa bẻ cành*” là một hình thức vi phạm qui định pháp luật khi phá hoại tài sản công, nhưng tại sao ở VN chưa có ai bị phạt nặng vì chuyện này? Bàn về câu chuyện “*Nỗi buồn tại lễ hội hoa anh đào*” kỳ này xoay quanh chuyện pháp luật và những bài học lớn từ người láng giềng Singapore...

Theo dõi mọi người bày tỏ ý kiến quanh sự cố “*ngắt hoa, bẻ cành*” ở lễ hội hoa anh đào, tôi thấy tất cả đều xác đáng. Thứ nhất, đó là sự bày tỏ chính kiến không thể chấp nhận hành động của nhiều bạn trẻ tại lễ hội. Thứ hai, mọi người bày tỏ một sự lo âu khi lý giải chuyện bất bình thường đã trở thành bình thường trong một bộ phận bạn trẻ hiện nay, khi họ làm những hành động xấu tại các lễ hội với một vẻ rất bình thường!

Đi tìm các giải pháp để chuyện “bẻ cành, hái hoa” sẽ không còn tái diễn ở các lễ hội, nhiều người đã đề cập đến vấn đề giáo dục trong nhà trường. Điều đó là chính xác, nhưng tôi cho rằng chưa đủ. Giáo dục cần phải mở rộng hơn, đó là “*giáo dục*” bằng các biện pháp chế tài.

Việc giáo dục bằng biện pháp chế tài nghiêm khắc, mạnh mẽ là một bài học lớn từ người bạn láng giềng Singapore đã áp dụng thành công. Hồi năm 1993, khi đoàn thể thao VN tham gia SEA Games 17 tại Singapore, mỗi thành viên trong đoàn được phát một tờ giấy nhắc nhở luật pháp ở đảo sư tử hết sức nghiêm khắc như đi trên bãi cỏ phạt 500 đôla Sing, vứt tàn thuốc ra đường phạt 300 đôla Sing, khạc nhổ bừa bãi phạt 200 đôla Sing... Và toàn đoàn VN ai cũng lắc đầu le lưỡi, cùng nhắc nhở bảo ban nhau nhớ những qui định đó. Hay năm 1996, cả ngàn cổ động viên VN đổ qua Singapore ủng hộ đội tuyển VN dự Tiger Cup đã có một hình ảnh thú vị là quý ông nào ghiền thuốc lá cũng thủ sẵn trong túi quần một chiếc hộp đựng phim nho nhỏ. Để làm gì? Để làm gạt tàn thuốc lá vì ai cũng biết gạt tàn hay vứt tàn thuốc ra đường là bị phạt nặng. Và thật sự ở đất nước này họ không tha bất cứ ai khi vi phạm các qui định xử phạt “*văn minh đô thị*”. Bằng chứng, một phóng viên VN quen cung cách ở nhà, từ sân vận động đến trung tâm báo chí phải đi đường vòng rất xa. Thế là anh này bèn băng qua bãi cỏ. Ngay lập tức cảnh sát huýt còi phạt 500 đôla Sing. Mặc kệ việc trình chiếu thể hành nghề, mặc kệ những lời năn nỉ, luật là luật và không nộp phạt thì về đồn! Thế là anh phóng viên nợ phải bấm bụng nộp phạt 500 đôla Sing. Hay qua báo chí chúng ta cũng đã từng nghe câu chuyện con một tỉ phú Mỹ chơi ngông khi lấy bình sơn xịt vào xe đậu trên đường. Bất chấp ông bố vận động đến cả tổng thống Mỹ xin tha, Singapore vẫn cương quyết đề cổ ông “*tỉ phú con*”... để đánh ba hèo chết đi sống lại.

Nghe những thông tin đó, tôi đảm bảo chẳng ai dám giỡn mặt khi đến đảo sư tử. Nhà báo Jeffi Low của tờ The Straits Times từng tâm sự với các phóng viên thể thao VN: “*Cách hay nhất để giáo dục người dân tuân thủ các qui định là đánh vào túi tiền của họ! Ngày xưa, đất nước chúng tôi cũng chẳng khác gì, nhưng nhờ cứng rắn và nghiêm minh, Singapore đã trở thành một quốc gia sạch nhất thế giới*”.

Vì vậy, đã đến lúc VN chúng ta cũng cần có những qui định xử phạt thật nghiêm cho những hành vi đi ngược với văn minh đô thị như tiểu bậy, khạc nhổ, vứt tàn thuốc nơi công cộng, cướp giật, phá hoại ở các lễ hội... Nếu thực hiện nghiêm minh, chắc chắn người dân VN sẽ có ngay thói quen tốt.

Tuy nhiên, kèm theo đó là phải tính đến cả các biện pháp chống việc lực lượng xử phạt tiêu cực, theo kiểu thay vì phạt 500.000 đồng thì chỉ lấy 200.000 đồng nhưng... không ghi biên lai!

(Bài “*Giáo dục bằng chế tài*” của Như Đan, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 11/4/2008).

© Dư luận Singapore đang có những phản ứng trái chiều sau vụ cô Samantha Lo, nghệ sĩ đường phố và cũng là nhà sáng lập tạp chí RCGNTN, bị bắt vì đã dán các decan mang một số thông điệp xã hội tại nơi công cộng.

Cô Lo, 25 tuổi, bị bắt hôm 1-6 nhưng đã được tại ngoại, được cho là đã xịt sơn lên mặt đường và dán decan tại nhiều nơi, trong đó có các decan mang thông điệp như “*Đừng có nhìn chăm chăm vào điện thoại*” trên mặt đường hay “*Bấm để du hành xuyên thời gian*” trên các nút bấm tại cột đèn giao thông.

Theo AsiaOne, Lo và RCGNTN bác bỏ mọi cáo buộc. Hơn 14.000 người đã ký vào kiến nghị yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho cô. Một số ý kiến trên mạng lên tiếng bênh vực Lo nhân danh việc “*sáng tạo thì cần một chút rối loạn*”.

Nghị sĩ Janice Koh còn cảnh báo không thể phát triển Singapore thành một xã hội sáng tạo nếu không nhẹ tay với các hoạt động hơi lộn xộn này. Thế nhưng, cũng có những ý kiến cho rằng không thể biện minh cho hành động phá hoại dưới danh nghĩa nghệ thuật được, cần phải xử thật nặng để không tạo tiền lệ xấu. Cảnh sát Singapore cũng khẳng định những hành động như thế là phá hoại, rất vô trách nhiệm, làm tổn thời gian và tiền của để dọn dẹp.

Theo luật về phá hoại được ban hành năm 1966, nếu bị truy tố, Lo có thể bị phạt 3 năm tù và nộp phạt 2.000 USD. Đối với đàn ông, kể cả phạm tội lần đầu, còn bị đánh 3 roi.

(Bài “*Sáng tạo hay phá hoại?*” của Thu Anh, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 11/6/2012).

– Các biện pháp răn đe, ngăn chặn, trừng phạt thường bị vô hiệu hóa bởi dút lót, đưa hối lộ cho những người thực thi pháp luật.

Dưới đây là một ví dụ:

☉ 7g sáng 16/4/2006, do vội đi làm tôi đã vô tình điều khiển xe vượt đèn đỏ. Bất ngờ nhìn thấy hai anh CSGT đứng trước nhà 480 đường CH (Q. Tân Bình, Tp.HCM) và một trong hai người giơ gậy điều khiển giao thông lên, tôi nghĩ mình sẽ bị phạt. Nhưng không, tôi mới tấp xe vào lề và chưa kịp xuất trình giấy tờ xe thì một anh CSGT lên tiếng: “*Đưa 100.000 đây rồi đi làm kéo trễ*”. Được CSGT mở lời trước, tôi cũng đồng lõa theo nhưng trong túi tôi chỉ còn 30.000 đồng nên phải năn nỉ mới được nhận và cho đi.

Ngoài tôi, lúc đó còn có nhiều người cùng cảnh ngộ và mặt ai cũng có vẻ đã đồng lõa chi tiền cho CSGT để không phải nộp phạt. Tôi đã có lỗi vượt đèn đỏ nhưng suốt ngày hôm ấy tôi cứ thắc mắc tại sao giữa thanh thiên bạch nhật mà CSGT vẫn tỉnh bơ nhận tiền của người vi phạm để không xử phạt?

(Bài “*Một lần vượt đèn đỏ*” của NH. Nguyên, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 28/4/2006).

– Khi người dân mất lòng tin vào các biện pháp răn đe, ngăn chặn, trừng phạt của Nhà nước, nhiều người hành động theo luật rừng, luật đường phố, tự xử, chống người thi hành công vụ, lại đóng góp thêm nhiều hành động xấu nữa.

- Nếu so sánh tiếp với mục nhỏ 10.2. *Các điều kiện xã hội và giáo dục lý tưởng để có nhiều hành động cá nhân tốt*, các điểm 1, 4, 5, 6, 8 ở nước ta đều chưa đạt yêu cầu. Do khuôn khổ của quyển sách, trong mục nhỏ này, người viết chỉ tập trung vào hai việc cần làm ngay. Đầu là phải trả lương thỏa đáng cho người lao động và lập lại kỷ cương xã hội bằng các biện pháp răn đe, ngăn chặn, trừng phạt, đạt hiệu quả cao trên thực tế. Mục nhỏ sau người viết sẽ dành nói về giáo dục ở nước ta hiện nay, tức là điểm 7 của mục nhỏ 10.2. *Các điều kiện xã hội và giáo dục lý tưởng để có nhiều hành động cá nhân tốt*.

11.2. Về giáo dục

Trong mục nhỏ này, người viết so sánh giáo dục nước ta hiện nay với giáo dục cần có (xem mục nhỏ 9.2. *Giáo dục nhân cách lý tưởng trong trường học*).

Theo Luật giáo dục được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005, điều 2 có ghi:

“Mục tiêu giáo dục

Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

So sánh mục tiêu giáo dục nêu ở trên với mục đích của giáo dục cần có nêu trong mục nhỏ 9.2. *Giáo dục nhân cách lý tưởng trong trường học* thì cả hai mục tiêu và mục đích này có thể coi là giống nhau về các nội dung cơ bản. Nói cách khác, mục tiêu giáo dục nước ta cũng nhắm đến đào tạo những con người tương tự như các nhân cách lý tưởng.

Hệ thống giáo dục trường học gồm các thầy cô và các học viên không phải là hệ thống khép kín mà tương tác với hệ thống môi trường xã hội (xem các Hình 17 và 18 cùng văn bản đi kèm của mục nhỏ 10.1. *Các trường hợp có thể xảy ra*). Do vậy, hệ thống giáo dục trường học ở Việt Nam không tránh khỏi những ảnh hưởng của môi trường xã hội Việt Nam như trả lương không đủ sống, các biện pháp xã hội răn đe, ngăn chặn, trừng phạt những hành động xấu có hiệu quả rất thấp... Mặt khác, thực tế cho thấy, hệ thống giáo dục trường học ở Việt Nam có rất nhiều vấn đề nội tại và chưa làm được chức năng tác động tốt lên xã hội để hoàn thiện xã hội thông qua giáo dục.

Cụ thể, nếu so hệ thống giáo dục trường học Việt Nam với nền giáo dục cần có theo tám đặc trưng được trình bày trong mục nhỏ 9.2. *Giáo dục nhân cách lý tưởng trong trường học* thì giáo dục trường học Việt Nam còn xa mới đạt yêu cầu. Chúng ta thử xem xét lần lượt các đặc trưng đó:

1) Các thầy cô phải là các nhân cách lý tưởng.

– Việc tuyển sinh vào các trường sư phạm ở nước ta thiếu sự chọn lọc cần thiết để có các giáo sinh và sau khi đào tạo là các thầy cô – các nhân cách lý tưởng, các tấm gương cho học viên.

– Bản thân các thầy cô hiện nay, nhiều khi không chỉ yếu về chuyên môn, nghiệp vụ mà còn là những tấm gương xấu cho học viên.

– Các thầy cô là các nhà lãnh đạo, quản lý giáo dục đưa ra các đòi hỏi duy ý chí về thành tích giáo dục cần đạt và bắt các thầy cô trực tiếp làm công tác giảng dạy phải tuân thủ. Từ đây dẫn đến bệnh thành tích mà thực chất là sự dối trá, gian lận, lừa đảo trong giáo dục.

Dưới đây là một số bài báo phản ánh tình hình nói trên:

© Lịch sử tuyển sinh đáng buồn của ngành sư phạm những năm gần đây liệu có tiếp tục? Theo GS.TS Đinh Quang Báo – nguyên hiệu trưởng Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, nguyên viện trưởng Viện Nghiên cứu khoa học sư phạm, “*ta đang thiếu rất nhiều biện pháp hỗ trợ để luôn có một lực lượng nhiều người giỏi làm trong ngành sư phạm*”.

Đội ngũ nào, chất lượng ấy

* Người ta vẫn hay nói ngoài đời rằng “*chuột chạy cùng sào mới vào sư phạm*”.

Giáo sư nghĩ sao?

– Thật ra không phải lúc nào câu đó cũng đúng. Từ giữa những năm 1990, chất lượng tuyển sinh ngành sư phạm tương đối khá. Thời kỳ hoàng kim trong tuyển sinh Trường ĐH Sư phạm Hà Nội là giai đoạn 1997-2003, hồi ấy thí sinh phải đạt 27 điểm/ba môn mới đỗ vào khoa toán, 24-25 điểm vào khoa văn, các khoa khác cũng phải 22 điểm, tỉ lệ là 7-8 em chọi 1, thậm chí mười mấy em chọi 1. Sau năm 2003, chất lượng đầu vào trường sư phạm đuối dần nhưng vẫn còn học sinh giỏi để tuyển, chỉ có điều những em xuất sắc nhất (như diện đoạt giải quốc gia, quốc tế) thì không vào sư phạm.

Nhưng vài ba năm nay thì tuyển sinh vào ngành sư phạm còn nặng nề hơn cả câu *“chuột chạy cùng sào”*, nghĩa là đã phải tuyển nhóm *“cùng sào”* rồi mà cũng không đủ. Nếu cứ tiếp tục thế này sẽ là một vấn đề báo động cho chất lượng giáo dục phổ thông. Trong một hội thảo bàn về đội ngũ nhà giáo gần đây, nguyên phó chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình nhắc lại một ý mà nhiều chuyên gia nước ngoài khi làm việc với chúng tôi cũng từng nhấn mạnh: *“Chất lượng giáo dục phổ thông không bao giờ vượt qua chất lượng đội ngũ giáo viên (GV)”*. Đây là một đúc kết, một quy luật phổ quát rồi. Anh muốn nâng cao chất lượng nền giáo dục mà chất lượng đội ngũ không được cải thiện thì chỉ là nói suông.

Tôi nghe nói năm nay hình như có chút biến chuyển nào đó, chẳng hạn lượng hồ sơ đăng ký dự thi vào Trường ĐH Sư phạm Hà Nội tăng đột biến so với năm ngoái. Tuy nhiên phải đợi sau tuyển sinh mới chắc được chất lượng đầu vào thay đổi đến mức nào.

* Theo giáo sư, đâu là nguyên nhân khiến tuyển sinh ngành sư phạm đi xuống?

– Chỉ có thể xác định nguyên nhân bằng phương pháp loại trừ, bắt đầu từ việc xác định tại sao lại có sự đột biến về chất lượng tuyển sinh ngành sư phạm từ mùa thi năm 1997. Chính sách miễn học phí cho sinh viên trường sư phạm có những thời điểm là kích thích đủ mạnh nhưng càng về sau đãi ngộ ấy không còn là vấn đề nữa với số đông. Nói cách khác, đến lúc chính sách đó hết hiệu lực kích thích học sinh thi vào sư phạm.

Vậy thì lý do ảnh hưởng lâu dài tới việc chọn nghề của học sinh là vấn đề lương và thu nhập. Một nguyên nhân gây ảnh hưởng tức thì, hiện là nguyên nhân số 1 là sinh viên sư phạm ra trường bị *“ế”*. Nếu lương thấp người ta vẫn có thể hi vọng sau này sẽ cao. Nhưng nếu tốt nghiệp ĐH để rồi thất nghiệp thì ai muốn thi vào?

* Lương GV thấp, nhưng thấp so với ai?

– Tôi không dám so thấp với ai. Tôi chỉ thấy trước hết là thấp so với cái người ta cần để tồn tại chứ chưa nói đến chuyện để sống sung sướng. Trước tháng 5-2012 (lương tối thiểu lên 1,05 triệu đồng), khi lương tối thiểu là 850.000 đồng, sinh viên giỏi trường sư phạm được giữ lại trường làm cán bộ giảng dạy chỉ được 75% lương hệ số 2, nghĩa là khoảng 1,4 triệu đồng/tháng, khi hết tập sự thì được hệ số 2,2, nghĩa là khoảng 2 triệu đồng/tháng. Cứ nhìn vào cái đáy này mà không ai thấy xúc động thì đó là một tội lỗi!

Thứ hai là thấp so với yêu cầu cần nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông. Như trên đã nói, GV là yếu tố quyết định chất lượng của nền giáo dục. Phải có đội ngũ nhà giáo có chất lượng để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục. Muốn nâng chất lượng đội ngũ nhà giáo thì phải tăng lương cho GV để thu hút được người giỏi vào ngành sư phạm, chí ít cũng phải là người khá trở lên. Nhà nước đặt ra yêu cầu tăng

chất lượng giáo dục mà lại lấy người “*cùng sào*” vào sư phạm, vì “*cùng sào*” nghĩa là bét! Như vậy, nói lương thấp ở đây là để so sánh với cái ngưỡng đặt ra để thu hút người khá giỏi vào sư phạm.

Không ai muốn vào ngành giáo dục để dạy thêm

*** Lúc này giáo sư có nói hình như năm nay lượng thí sinh đăng ký dự thi vào ngành sư phạm tăng. Giáo sư đã thử tìm hiểu lý do tại sao?**

– Nếu điều đó là sự thật thì có thể do dư luận xã hội nhận thấy triển vọng thu nhập của ngành sư phạm sáng sủa hơn. Trước hết là từ chế độ phụ cấp thâm niên có hiệu lực từ tháng 5-2011 và bắt đầu thực hiện chi trả từ năm nay. Lấy ví dụ là tôi, nhờ phụ cấp thâm niên mà lương tôi tăng hơn 40%. Đương nhiên là tôi thấy rất sung sướng. Cảm xúc đó lan tỏa trong cộng đồng nho nhỏ của gia đình tôi. Chắc chắn nó sẽ là tham số có ảnh hưởng tích cực tới việc chọn nghề của cháu tôi nếu nó sắp thi ĐH.

Mặt khác, từ khoảng một năm nay, các phương tiện thông tin đại chúng luôn đề cập vấn đề cải cách căn bản chế độ tiền lương của công chức, viên chức hưởng lương sự nghiệp. Những thông tin này gieo vào người ta một hi vọng. Tuy nhiên, đó chỉ là giả thuyết ban đầu của tôi.

*** Hay ngành sư phạm hấp dẫn trở lại do người ta nhìn vào thu nhập từ dạy thêm của các thầy cô?**

– Đúng là có những người rùng rình đồng ra đồng vào nhờ dạy thêm. Thậm chí cũng có những người khá đấy. Nhưng đứng về mặt thống kê, số GV giàu lên nhờ dạy thêm không phổ biến. Hơn nữa, dạy thêm chỉ có ở những vùng mà điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, chứ ở những nơi khác dân nghèo lấy đâu ra tiền đi học thêm!

Tôi nghĩ rằng nhiều GV xem dạy thêm là cực chẳng đã. Kiếm được đồng tiền từ dạy thêm cũng chẳng sung sướng gì, có người có con nhỏ vẫn phải cặm cụi dạy thêm tới 8-9 giờ tối. Hơn nữa, dạy thêm dù có tiền vẫn

* Để thu hút học sinh giỏi vào ngành sư phạm, ngoài chính sách về lương chúng ta nên có chiến lược xây dựng hình ảnh cho nghề giáo?

- Cần xây dựng chuẩn giá trị cho nghề giáo về vật chất cũng như về vị trí tinh thần. Nhiều nước có chuẩn giá trị nghề GV, bước chân vào ngành sư phạm họ phải cam kết thực hiện các trách nhiệm riêng cho nghề nghiệp. Trong một hội nghị về đội ngũ cán bộ, nhà giáo gần đây, PGS.TS Phạm Hồng Quang - hiệu trưởng Trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên - đề xuất cần quan tâm xây dựng môi trường sư phạm thật sự văn minh ngay từ khâu đào tạo.

Sinh viên sư phạm phải được quan tâm đặc biệt, đồng thời cũng phải có những đòi hỏi đặc biệt. Chẳng hạn, cần yêu cầu tất cả sinh viên sư phạm phải được rèn luyện tác phong, lối sống giống như sinh viên các trường của ngành công an, quân đội. Tôi chia sẻ quan điểm này với thầy Quang. GV phải là nhà giáo dục, là nhà văn hóa. Giá trị văn hóa của người làm nghề giáo vô cùng quan trọng, vì họ là những người làm nghề tác động tới con người.

Giá trị văn hóa được tạo nên từ những hành vi, phẩm chất văn hóa của người làm nghề giáo. Nhưng không phải tự nhiên mà nhà giáo có được những hành vi, phẩm chất có văn hóa. Chúng ta phải xây dựng môi trường để con người văn hóa trong anh ta được nuôi dưỡng. Khi một nhà giáo bước chân ra đường, anh ta phải thể hiện phong cách của nhà giáo... Ngay ở Việt Nam ngày trước, những người làm nghề giáo đều có phong cách riêng, họ đi ra ngoài là người ta nhận ra ngay đấy là sinh viên sư phạm, đấy là nhà giáo.

Theo tôi biết, một số nước, như Trung Quốc chẳng hạn, bắt buộc sinh viên phải ở ký túc xá. Đằng này ở mình, sinh viên sư phạm ở trọ trong những khu nhà nhếch nhác, phòng trọ thì bừa bãi. Sống trong môi trường như thế khó mà làm cho người ta có được tác phong mô phạm hoặc chỉ mô phạm được một chút trên bục giảng, bước ra khỏi lớp học là lộ ngay cái chất lôm côm.

làm hình ảnh người ta chêch nhác. Tôi cho rằng dạy thêm là một lựa chọn phát sinh, lương thế này nên buộc phải dạy thêm chứ không phải vì cơ hội dạy thêm mà nộp đơn vào sư phạm. Về mặt xã hội, tôi cho rằng không nên khuyến khích người ta đi theo nghề giáo bằng kiểu khổ sở như thế.

Ngay cả ở nước ngoài, lương GV cũng không cao so với một số ngành nghề khác, nói chung nghề GV chẳng mấy ai giàu có nhờ lương. Nhưng GV vẫn yên tâm làm việc vì họ được xã hội tôn trọng về mặt tinh thần, lương thì đủ sống. Xã hội đa dạng về năng lực, về nguyện vọng, về sở trường. Không phải ai sống cũng với mục tiêu phải có thật nhiều tiền, ngay trong những người giỏi nhất. Thế nên mới có người theo ngành nọ, người theo ngành kia. Nhưng việc đảm bảo cho người ta đồng lương đủ sống mới giúp người ta chọn nghề là vì sở trường, vì năng lực chứ không vì đồng tiền.

*** Có vẻ như khó đặt vấn đề tăng lương cho riêng lực lượng GV khi đội ngũ này chiếm 1/2 tổng số cán bộ, công chức, viên chức nhà nước?**

– Đội quân ấy đông vì đội quân đi học đông. Đội quân đi học là thế hệ tương lai. Về mặt ý chí chính trị nếu nhận thức như vậy thì phải xác định được việc cần làm đảm bảo cho sự tồn vong, phát triển của đất nước. Nhưng nếu bảo vì lực lượng đó quá đông, ta không có đủ tiền thì không bàn nữa.

*** Nhưng để nâng cao chất lượng đội ngũ chắc cũng cần những giải pháp ngoài vấn đề lương?**

– Đúng rồi. Lương chỉ là một yếu tố kích thích đầu vào, là một điều kiện cần để GV có thể toàn tâm toàn ý với công việc giáo dục. Để phát triển đội ngũ cần có một quá trình sàng lọc thường xuyên, trong đó năng lực nghề nghiệp là công cụ. Nếu lương thấp, người ta không mặn mà thì động thái sàng lọc là vô nghĩa, chưa cần sàng lọc người ta đã tự bỏ nghề.

Mặt khác, chế độ lương phải kích thích được những người trẻ có năng lực, có cố gắng. Cách trả lương hiện nay khiến người giỏi cũng như người kém, sống lâu lên lão làng. Nhiều GV trẻ rất giỏi nhưng vẫn phải “leo từ từ”. Một số nước áp dụng giấy phép hành nghề, tốt nghiệp ĐH sư phạm không có nghĩa là được đi dạy ngay mà phải vượt qua một kỳ sát hạch. Giấy phép hành nghề cũng có thời hạn, chẳng hạn cứ năm năm phải đổi một lần.

Ngay cả khi anh có khả năng vượt trội, anh được hưởng một mức lương tương xứng với khả năng đó cũng không có nghĩa là anh sẽ được hưởng mãi mãi. Nếu không cố gắng, thậm chí còn thụt lùi, anh sẽ phải quay về với mức lương thấp hơn. Nói chung cần rất nhiều biện pháp hỗ trợ về quản lý để luôn luôn có một lực lượng nhiều người giỏi làm trong ngành sư phạm.

*** Cảm ơn giáo sư!**

(Bài “Vì sao ‘Chuột chạy cùng sào mới vào sư phạm?’” của Thư Hiền, báo Tuổi Trẻ Cuối Tuần, ra ngày 10/6/2012).

○ “... Hồi đó tôi dạy ở Trường cấp III vừa học vừa làm Đức Linh, Thuận Hải. Vì nhà tôi ở sát cổng trường nên học trò cứ ra vô luân. Trong số đó có cậu B., dốt toàn diện, riêng môn toán thì phải nói là dốt kiệt xuất. Lẽ ra B. không được dự thi tốt nghiệp 12 năm đó vì kết quả học tập trong năm quá tệ, nhưng chúng tôi ai cũng nghĩ học trò ở trường này đã quá cực khổ, nay mà không cho dự thi tốt nghiệp thì “chết không nhắm được mắt”. Thế là chúng tôi thi nhau “nhắm mắt” cho điểm “lụi” rồi tổng kết “lụi” để B.

đủ điều kiện dự thi.

Chẳng biết nhờ phép màu nào mà B. đỗ luôn tốt nghiệp 12 năm đó. Phép màu tiếp tục triển khai, đưa B. “bay” vào trường cao đẳng sư phạm tỉnh rồi “bay” ra, “phóng” thẳng về trường phổ thông cơ sở xã tôi, dạy toán trúng luôn cái lớp 9 mà đứa em gái của tôi đang học.

Lẽ ra tôi cũng không biết hành trình trên của B. vì ngay sau năm B. tốt nghiệp 12, tôi đã chuyển sang dạy ở Đồng Nai. Nhưng một hôm tôi về thăm nhà, gặp đứa em đang làm toán và ghé mắt nhìn.

- Em làm sai hết rồi, làm lại đi.
- Ủa, em đang chép lại lời giải của thầy...
- Thầy nào mà... tôi suýt lỡ lời – đưa cuốn vở chép toán đây anh coi!

Tôi chăm chú coi hết cuốn vở, vô cùng kinh hoàng cho môn toán của ông thầy này.

- Thầy nào đang dạy toán em vậy?
- Thầy B., ngày trước học với anh, ra vô nhà mình hoài anh không nhớ à?

Tôi bật ngửa. Làm sao quên nổi đứa học trò “khủng khiếp” đó! Quả báo chắc? Tôi đã ghi điểm không, đã tổng kết tầm bậy cho B. thì bây giờ cậu ta dạy tầm bậy lại cho em tôi, đâu có gì lạ? Tôi đâm triết lý, cứ vắn vớ so sánh cái “đạo giáo” mà tôi đang hành với các thứ tôn giáo hiện có trên đời. Thì ra “đạo” của tôi khác nghiệt hơn cả. Làm điều xằng bậy, đạo Phật còn chờ đến kiếp sau, đạo Thiên chúa còn chờ đến ngày phán xét. Riêng cái “anh” giáo dục là làm liền, đem ngay cái xằng bậy do anh gieo ra giáng thẳng vào em út, con cái, cháu chắt mình ở kiếp này.

Như anh chàng bị sai quai hàm, đau nhói mà la không được...”

(Bài “*Gieo gì, gặt nấy*” của N.S.T, báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật, ra ngày 4.8.1996).

© Tôi không có ý định ngược dòng thời gian bình luận về cuộc triển lãm “*Hồn giấy dó*” cách đây đã nhiều năm của Nguyễn Duy. Tôi cũng chẳng định bàn về số phận thăng trầm của loại giấy này. Tôi chỉ muốn chia sẻ với mọi người nỗi buồn của một phụ huynh có con đang học tiểu học.

Chuyện là thế này. Trong sách Tiếng Việt lớp 4 của con trai tôi, ở phân môn chính tả có một bài tập như sau: Điền “*gió*” hay “*dó*” vào chỗ trống: Giấy... Cháu không biết chọn từ nào nên quay sang hỏi tôi. Tôi bảo cháu điền từ “*dó*” là đúng đồng thời giải thích giấy dó là loại giấy ngày xưa người ta hay dùng để vẽ tranh dân gian. Hôm sau cháu về nói với tôi rằng cô giáo đã sửa bài và bảo cả lớp phải điền từ “*gió*” mới đúng. Cháu kể cô giáo có giải thích từ “*giấy gió*” nhưng cháu không hiểu. Tôi cũng không hiểu “*giấy gió*” là gì. Mấy hôm sau tôi có hỏi lại một số cháu trong lớp, cháu nào cũng trả lời “*Cô sửa sao, cháu nghe vậy*”.

Đây không phải là lần đầu tiên cô giáo của cháu làm tôi đi từ ngạc nhiên, sửng sốt đến ngán ngẩm. Đã có lần cô định nghĩa cho học sinh rằng: Nước độc lập là nước... không có chiến tranh, vì thế từ trái nghĩa với độc lập là... chiến tranh.

Chưa hết, còn một chuyện cười ra nước mắt nữa là khi dạy về các đơn vị đo độ dài và đo khối lượng, cô giáo đã “*mở rộng*” kiến thức cho học sinh rằng các từ kiểu như kilômet, hectômet, kilôgam, hectôgam... chính là tên của những người đã đặt ra các

đơn vị đo lường đó (?!). Con trai tôi cứ băn khoăn không biết các vị đó có anh em họ hàng gì với nhau không mà đều có mét mét, gam gam... Còn chồng tôi lắc đầu nói tếu: *“Mấy ông Tấn, Tạ, Yến chắc là người Việt Nam hay Trung Quốc gì đấy”*. Nhưng tôi không sao cười nổi. Tôi chỉ cảm thấy buồn. Không biết có bao nhiêu thế hệ học sinh tiểu học đã, đang và sẽ được truyền đạt những kiến thức kỳ cục kiểu như vậy? Và trường hợp cô giáo dạy con tôi có phải là cá biệt không? Đó là con tôi đang học tại một trường đạt *“chuẩn quốc gia”* thuộc một quận nội thành Hà Nội, nơi vẫn được tuyên dương là có phong trào dạy và học tốt nhất nhì thủ đô.

Vậy thì những nơi không phải là *“chuẩn”*, không phải là *“nhất nhì”* thì chất lượng giảng dạy sẽ còn tệ hại đến mức nào nữa? Và nỗi buồn mà tôi tạm gọi tên là nỗi buồn... giấy dó e rằng không phải của riêng tôi.

(Bài *“Nỗi buồn... giấy dó”* của Diễm HN, báo Tuổi Trẻ Cuối Tuần, ra ngày 14/11/2010).

⊙ 1. Đón con ở cổng trường, thoáng qua chị thấy con có vẻ gì đó khác thường. *“Con có chuyện gì thế?”* - *“Dạ không!”*. Về đến gần nhà bỗng cháu cất tiếng: *“Mẹ ơi, viễn vọng là gì hở mẹ?”* - *“Là không thực tế, không có thực, khó có thể xảy ra...”* - chị trả lời ngay trước khi hỏi *“Vì sao con hỏi mẹ như thế?”*. Con gái chị lại im lặng. Về nhà chị lại gắng hỏi, cháu mới rụt rè mở cặp đưa bài văn cô vừa phát. Đề bài: *“Em hãy viết thư cho một người thân kể về ước mơ sau này của em”*. Dưới đề bài cô giáo phê hai chữ *“Viễn vọng!”* và cho 5,5 điểm.

Đọc lướt qua bài văn của con chị lặng người. Con chị đã viết thư cho ông nội. Sau phần hỏi thăm sức khỏe của ông, cháu bộc bạch cùng ông ước mơ sau này muốn trở thành một nhà khoa học. *“Ông ơi! Cháu xem phim thấy các nhà khoa học chế tạo ra nhiều công trình quý giá. Cháu chỉ ước làm nhà khoa học chế tạo ra một con rôbốt để tặng cho ông. Con rôbốt của cháu sẽ làm được mọi thứ, đặc biệt nó sẽ gài lửng cho ông nội. Thế là ông sướng rồi nhé và cháu cũng khỏi phải lo không có ai gài lửng cho ông...”*. Nước mắt chị nhòe đi vì thương con. Là mẹ, chị hiểu được tấm lòng của cháu với ông nội. Trước đây bố chồng sống chung với gia đình chị, tối nào hai ông cháu cũng quăn quýt nhau, bố chị vẫn hay nhờ con gái chị *“gài lửng hộ cho ông nội...”*. Từ ngày vợ chồng chị chuyển sang nhà mới ông không còn ở cùng. Thỉnh thoảng ông nội vẫn gọi điện hỏi thăm cháu gái và nói: *“Ông nhớ cháu và rất buồn vì không còn ai gài lửng cho ông nữa...”*.

2. Chị từng là học sinh giỏi văn. Khi con trai làm bài văn tả cây hoa hồng, chị dắt con ra sân quan sát kỹ và hướng dẫn con miêu tả thật cận kề. Con trai chị nói: *“Cô giáo bảo cây hồng phải có ong, có bướm tìm đến”*. Chị không đồng ý với lý do: *“Vườn hồng nhà mình có con ong con bướm nào đâu?”*. Kết quả bài văn của con chị bị điểm thấp nhất lớp với lời phê *“Thiếu ong và bướm...”*.

Thế giới trẻ thơ là thế giới hồn nhiên, trong sáng, tâm hồn các em nhạy cảm với mọi kích lệ, động viên hay những chê bai, phán xét cực đoan của người lớn. Cách giáo dục trực quan (qua thể văn quan sát - miêu tả của lớp 2, lớp 3) hay giáo dục tư duy tích cực, sáng tạo (thể văn tưởng tượng của lớp 4, 5) sẽ góp phần giúp trẻ có khả năng quan sát, cảm nhận cuộc sống một cách tinh tế nhất; bồi dưỡng ước mơ, cảm hứng sáng tạo, mục tiêu phấn đấu... cho trẻ. Cách dạy áp đặt sẽ gò bó tư duy sáng tạo của trẻ. Các em sẽ ỷ lại những *“sẵn có”* của thầy cô, lười quan sát, nhận xét một sự vật, sự việc. Còn nữa, sự không thống nhất ở quan điểm và phương pháp giáo dục giữa gia đình và nhà trường sẽ khiến trẻ lăm lăm rơi vào sự hoài nghi, mất niềm tin vào bản

thân mình và vào người lớn.

(Bài “*Tư duy của ai?*” của Đan Trâm, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 25/10/2010).

☉ Tối hôm trước, đứa cháu học lớp 3 của tôi gọi điện sang nhờ giải bài toán nâng cao. Cụ thể như sau: Ba xe gạo nhiều hơn xe số 3 là 97 bao, xe số 2 ít hơn xe số 1 là 7 bao. Hỏi xe số 1 có mấy bao gạo?

Sau một hồi suy nghĩ giải thế nào bằng các phương pháp lớp 3 được học, tôi đưa cho cháu lời giải, nhưng cháu bé cứ khẳng định: “*Không phải đâu chú ơi, cô giáo cháu giải ngắn lắm. Chỉ cần lấy $97 + 7$ rồi tất cả chia cho 2 là ra xe 1*”. Tôi ngỡ cả người ra, nhưng thực tế là kết quả đó đúng. Tôi hỏi: “*Cháu có biết tại sao lại giải thế không?*”. Cháu bé đáp: “*Cháu cũng chẳng hiểu, đây là bài nâng cao, cô bảo chỉ cần biết thế là được*”.

Tôi chẳng thể nào hiểu nổi cô giáo cháu sẽ giải thích với các cháu thế nào, vì nhiều vị phụ huynh nghe xong cũng lắc đầu: “*Chẳng có nguyên tắc gì cả, cứ giải là giải*”. Đây thật ra là lối tư duy mà có lẽ phải học sinh lớp 8, 9 hoặc hơn thế mới có thể hiểu.

Hôm sau, ngồi lai rai với bố cháu bé, chúng tôi lại nói chuyện về bài toán hôm qua của cháu. Bố cháu bé rất bức xúc: “*Nói thật với chú chứ bây giờ tôi chẳng hiểu người ta dạy kiểu gì nữa. Vứt đùng ra một cách giải mà đến tôi đọc mãi cũng không hiểu tại sao lại làm được như thế, nói gì đến con tôi. Tối nay tôi phải gọi điện để hỏi cô giáo xem cô ta giải kiểu gì. Học kiểu này khác gì chơi... cúť bắt*”.

Tôi vội vàng can ông anh: “*Em xin anh, bỏ qua đi. Mình làm khó người ta, người ta lại trù úm con mình. Ngày trước cũng tại bố mình hay vạo cô giáo mà cứ nhè bài khó cô gọi mình lên bảng rồi bị điểm kém, chả đại*”.

Ông anh nhăn nhó: “*Tôi biết, nhưng yên tâm. Ngày trước mấy lần đi họp phụ huynh tôi cũng đưa vấn đề này ra, tại sao lại giảng dạy cái kiểu đấy, khó đến mấy thì mình cũng phải hiểu chứ. Tôi còn đưa một bài toán thấć mắć, cô giáo cũng chỉ giảng qua loa, chẳng ai hiểu gì, mọi người cười ồ cả lên. Sau cuối, cô giáo kết luận: *Bây giờ phải học như thế, bác ạ*”...*

(Bài “*Bây giờ phải học như thế, bác ạ...*” của Phương Thành Trung, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 20/9/2005).

☉ Em gái tôi học lớp 10. Hôm qua đi đón em về, tôi thấy em mình ngồi với một cô bạn đang ăn chè ở cổng trường. Hai vạt áo dài cuộn lại, hai ống quần xắn ngược lên lộ cả bắp chân trắng hếu ra ngoài, chân chạng he, trông rất xấu xí.

Tôi góp ý: “*Con gái lớn rồi, ai lại ngồi hờ hênh thế!*”.

Em tôi lý luận: “*Cô giáo em cũng ngồi thế mà!*”. Em kể: “*Khi nào nói chuyện với phụ huynh nam thì cô ngồi vấć chéo hai chân trông đàng hoàng, thanh lịch lắm. Còn nếu tiếp phụ huynh nữ thì cô cũng xắn ngược ống quần lên bắp chân, rồi hai chân xoài rộng như vậy*”.

Cô bạn ngồi cạnh được thể kể thêm một loạt. Nào là “*cô giáo dạy Sinh còn mặc chiếc áo cổ rộng mênh mông, cúi xuống ký sổ đầu bài là thấy hết tất tần tậć*”. Nào là “*cô dạy Hóa toàn mặc vắć voan kính, trông rõ từng ngón bụոg, trông rõ cả hoa văn nội y*”.

Em tôi “*tố cáo*” thêm: Nữ sinh mặc áo dài cổ trớ hở khoảng 2-3 cm là bị giám thị

gọi xuống phòng kiểm điểm về tội làm hỏng vẻ đẹp truyền thống của dân tộc. Trong khi đó, rất nhiều cô giáo mặc áo dài không có cổ hay cổ thuyền... “Em hỏi chị, thế các cô có làm mất truyền thống dân tộc không?”.

Tôi giật mình, không giải thích được. Chỉ thầm biện minh cho các cô giáo: Chắc các cô cứ nghĩ rằng HS còn trẻ con lắm!

Nhưng nếu để cho HS bình luận về tư cách của mình qua những chuyện nhỏ nhặt như thế này thì có lẽ các cô cũng không nên cứ mãi... vô tư!

(Bài “*Chiếc áo của cô giáo*” của Trần Thu, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 8/5/2006).

☉ Con gái tôi đang học lớp 5. Hôm qua, sau khi kiểm tra bài cho con thấy tiết kỹ thuật có bài “*Thêu đường xương cá*”, tôi bảo con đưa cho coi “*con làm bài như thế nào?*”. Cháu bảo là không làm “*vì cô không dạy*”. Hỏi kỹ hơn tôi mới biết những môn như kỹ thuật, kể chuyện thật sự các cháu không hề được học. Những tiết này cô giáo thường dùng để dạy môn toán hay tiếng Việt. Nhưng trong vở các cháu vẫn ghi đầy đủ bài (có lẽ theo chương trình của Bộ GD-ĐT):

	Kể chuyện	Kỹ thuật
Tuần 1	Tấm Cám	(Không có tiết)
Tuần 2	Tấm Cám	Thêu chữ V
Tuần 3	Bông sen trong giếng ngọc	Thêu chữ X
Tuần 4	Thần Siêu luyện chữ	Thêu đường xương cá
Tuần 5	Hũ bạc của ông già đốt than	Thêu đường xương cá
Tuần 6	(Chưa đến tiết)	Thêu đường xương cá

Theo tôi, việc cắt bỏ các môn phụ không phải do tự ý giáo viên đứng lớp quyết định mà phải có sự đồng ý của ban giám hiệu. Vậy thì tại sao người lớn và thầy cô giáo lại có thể dạy các em dối trá như vậy? Có thể các em chưa hiểu sự thiệt thòi của mình khi không được học các môn phụ đó, nhưng các em không thể không nhận thấy sự thiếu trung thực của thầy cô mình và điều đó tác động như thế nào lên sự trong trắng của các em quả khó có thể lường hết được.

Những chuyện như trên mong rằng sẽ được chấm dứt một cách sớm nhất, vì chúng ta có thể mong chờ điều gì ở một lớp trẻ được học bài học không trung thực ngay từ những năm đầu đời, ở những người mà chúng kính trọng nhất?

(Bài “*Chuyện con gái tôi*” của Ban Mai, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 20/10/2005).

☉ Hai sự kiện gian lận thi cử nổi đình nổi đám ở Hà Tây và Tiền Giang vừa được “*lôi ra ánh sáng*” nhờ sự dũng cảm của giám thị Đỗ Việt Khoa và Sở GD-ĐT tỉnh Tiền Giang. Tất nhiên, chuyện gian lận thi cử không phải chỉ có ở hai nơi này và cũng không phải bây giờ mới diễn ra.

Năm 1991, tôi thi tốt nghiệp THPT. Ở vùng quê nghèo như quê tôi, cả huyện chỉ có một trường THPT nên HS trường chúng tôi được thi chung với nhau tại một hội đồng thi. Đọc danh sách các thí sinh thi chung phòng với mình, tôi ngỡ ngàng và thắc mắc: Bao nhiêu bạn có tên giống phụ âm đầu “T” như tôi đi đâu hết. Thay vào đó, tên thí sinh toàn bắt đầu bằng “N, M, P, H, A,...”. Vì học cùng trường nên khi đọc tên tôi đã biết người đó là ai, lực học như thế nào. Cả phòng chỉ có ba bạn học sinh khá, giỏi, còn lại toàn những HS nổi tiếng lười học nhưng cũng nổi tiếng vì cái “*mác*” quý tử của quan chức trong huyện. Hai giám thị gác thi ở phòng tôi trong suốt những ngày thi, ngoài

một người rất lạ thì người còn lại rất quen: Cô giáo dạy văn của tôi – một người tôi coi như thần tượng bởi những áng văn cô giảng đầy chất lửa. Học văn với cô, tôi thấy cuộc đời như đẹp hơn, ý nghĩa hơn.

Đề thi môn toán năm ấy khá dễ, tôi chỉ làm mất một nửa thời gian đã hoàn tất. Sau khi xem lại kỹ càng từng chi tiết nhỏ, tôi yên tâm đóng bút và ngồi nghĩ vẩn vơ. Chợt cô giáo dạy văn đến bên bàn: “Cho cô mượn bài thi của em...”. Tôi đưa bài thi cho cô bằng hai tay, xúc động nghĩ rằng “cô quan tâm đến mình quá...”. Nhưng không, cô cầm bài thi của tôi đến cuối phòng thi cho một nhóm thí sinh dưới đó cùng... chép. Chưa hết, cô còn quay lên chỉ đạo tôi: “Em làm xong rồi thì chỉ cho các bạn ngồi gần cùng làm với”. Trời ơi, khỏi nói thì các bạn cũng đã biết trong lòng tôi thất vọng như thế nào. Một người cô tôi yêu mến nhất trong các thầy cô. Người cô ngày ngày đứng trên bục giảng truyền đạt cho chúng tôi bao điều cao đẹp của cuộc sống, dạy chúng tôi phải học tập và làm theo những điều thanh cao ấy bây giờ lại có những hành động đi ngược lại với chính những gì mình đã dạy cho HS sao?

Năm ấy, huyện tôi đạt tỉ lệ tốt nghiệp 99,04%, chỉ có một thí sinh bị rớt. Tôi thấy xót xa cho những thí sinh đã làm bài thi nghiêm túc ở Hà Tây, Tiền Giang và cả những hội đồng thi “không ồn ào tiêu cực nhưng gian lận vô số”. Rồi đây ngành GD-ĐT có lấy lại được niềm tin cho HS không, hay niềm tin cứ bị trượt dài từ thế hệ này sang thế hệ khác?

(Bài “*Thi cử và niềm tin*” của Hòa An, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 1/7/2006).

⊙ Nghe tin ngày mai có đoàn kiểm tra của phòng giáo dục ghé trường, giáo viên chủ nhiệm các lớp liền “bỏ nhỏ” với một vài phụ huynh vào giờ trả trẻ: “Mai anh/chị thông cảm cho bé nghỉ một buổi vì có đoàn kiểm tra”. Đó là các bé bị béo phì, các cô sợ ảnh hưởng đến kế hoạch thi đua “không có trẻ suy dinh dưỡng và béo phì” đã đăng ký từ đầu năm học.

Ở lớp khác, vào tiết thao giảng, giáo viên phải gửi bớt một số trẻ học chậm hoặc hay quậy sang học nhờ lớp khác. Số trẻ còn lại được cô luyện tập, phân công bạn nào hát, bạn nào trả lời khi đến tiết có tham quan, dự giờ. Đó là chuyện ở một trường mầm non tại huyện Hóc Môn, TP.HCM.

Một giáo viên cho biết đầu năm nhà trường đã đăng ký chỉ tiêu thi đua bao nhiêu phần trăm giáo viên giỏi, không được có học sinh bỏ học, không được có điểm 0, điểm 1 trong sổ điểm, không được có học sinh hạnh kiểm yếu, phải có 70% học lực trên trung bình... đó là những nguyên tắc mà các giáo viên phải “khắc cốt ghi tâm” nếu không muốn mất danh hiệu thi đua mỗi năm học. Nhiều giáo viên bức xúc bởi để đảm bảo thi đua, không được cho học sinh điểm kém mà phải cho các em cơ hội gỡ điểm. Thế nhưng sổ điểm vẫn phải cập nhật đầy đủ, đúng thời hạn để kiểm tra. Thế là các giáo viên mà trong lớp có vài học sinh yếu kém phải xoay như chong chóng để đạt chỉ tiêu.

Từ câu chuyện học sinh béo phì phải nghỉ học vào những ngày thao giảng, đến chuyện loay hoay tìm cách cho học sinh gỡ điểm để có sổ điểm... đẹp, những áp lực của thi đua, của thành tích đang dần tạo nên một lớp “nước sơn” che đậy phần “gỗ” còn nhiều chỗ mối mọt, xiên xẹo nào đó của ngành giáo dục.

(Bài “*Danh hiệu của cô, nỗi khổ của trò*” của Thùy An, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 1/11/2010).

⊙ Cuối năm học, giáo viên chúng tôi – những người đang gắn đời mình với nghiệp

“trông người” – đứng trước hai lựa chọn: Hoặc phải “cày” cho ra điểm để đạt chỉ tiêu bộ môn hoặc bị cắt danh hiệu thi đua.

Chỉ tiêu bộ môn từ đâu ra? Đó là “*đưa con tinh thần*” được sinh ra từ hội nghị cán bộ công chức hằng năm mà trước đó các cuộc họp nhỏ lẻ như họp tổ chuyên môn, họp hội đồng sư phạm, họp công đoàn, chi đoàn... đã có những bàn luận “lót đường”. Ai cũng than vãn vì chỉ tiêu năm sau phải cao hơn năm trước. Và ai cũng biết để có những chỉ tiêu cao ngất ngưởng, giáo viên phải làm việc cật lực, đặc biệt là tìm trăm phương ngàn kế đối với học sinh (HS) yếu kém. HS yếu kém vì mất căn bản, vì lười học, vì gia cảnh, vì phương pháp dạy của giáo viên chưa phù hợp hay vì bất cứ lý do gì khác nữa, số phận các em đã được ấn định sẵn – các em nhất quyết không được tiếp tục yếu kém nữa.

Thật khó hình dung làm thế nào để các môn văn – toán phải đạt 83% HS có học lực trung bình trở lên đối với một trường đại trà, chẳng lớp chọn lớp chuyên. (Vây mà nó vẫn nhan nhản ở các trường, những con số có khác nhau đôi chút nhưng phải rất cao). Thật khó hình dung tỉ lệ ấy phải tiếp tục được đẩy lên qua mỗi năm học, đẩy lên đến khi nào không còn lên cao hơn nữa. (Khi ấy chúng ta sẽ có những ngôi trường trong mơ, trẻ em VN từ đồng bằng đến thành thị đều giỏi cả). Xét trên thực tế dạy và học, chúng tôi e rằng ta đang lý tưởng hóa mục tiêu giáo dục.

La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp trong “*Bàn luận về phép học*” (Luận học pháp) có quan điểm: *Mục đích chân chính của việc học là học để làm người*. Hệ quả của lối học chân chính là “*người tốt nhiều*”; người tốt nhiều thì “*triều đình ngay ngắn mà thiên hạ thịnh trị*”. Ông cũng nêu một lối học khác, lối học chuộng hình thức, chỉ có danh mà không thực chất, để rồi dẫn đến cảnh nước mất nhà tan. Ngẫm bài tấu mà thấy chạnh lòng về cách ứng xử của chúng ta đối với kết quả học tập của HS. Thay vì phải để cho cha mẹ HS và HS hiểu rằng kết quả học tập này là tương xứng với những cố gắng chưa tới hay bệnh lười nhác, thái độ học tập chưa đúng của các em; thay vì để cho hội đồng sư phạm nhà trường nhìn thấy rõ những việc chưa làm được, nguyên nhân và giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học, ta đã không cho HS cơ hội để nhìn thấy rõ những khiếm khuyết bằng một kết quả trung thực. Để rồi đồng nghiệp chúng tôi, người dạy cấp III trách thầy cô cấp II nhẹ tay, HS chẳng biết gì cứ cho lên lớp phà phà. Và thầy cô dạy cấp II thì trách giáo viên tiểu học. Rồi cũng có lúc ngậm ngùi nghe, trong các kỳ thi tuyển sinh vào đại học, cao đẳng, dư luận đổ lỗi cho thầy cô chính là nguyên nhân để kết quả thi cử HS thấp như thế.

Chúng ta đang đứng trước một nhiệm vụ chẳng đáng dừng. Ai đó lờ đại vì đã nghiêm túc trong việc ra đề kiểm tra cho HS mà quên “*mớm*” bài cho các em? Ai đó không đủ “*bản lĩnh*” để làm việc “*cấy điểm*”, hay không lao đầu vào việc cho HS kiểm tra lại hòng kịp cứu vãn tình thế thì giờ đây các bạn đang đứng trước những thách thức vô cùng khó khăn. Nhưng nếu bạn đang ulla cùng làn sóng chạy - rượt theo chỉ tiêu đề ra thì cũng hãy nên nghĩ đến sẽ ăn nói thế nào với phụ huynh, với HS khi mà chính chúng ta đang cố xây một căn nhà tri thức không nền móng cho cả một thế hệ trẻ. Và điều quan trọng là hãy đối diện với lương tâm của chúng ta. Sẽ có những lúc trần trở rồi tự tạo cho mình những cái giật mình, thảng thốt: “*Nói sao đây với các em về lòng trung thực khi chính chúng ta đã hành động như những kẻ dối lừa?*”.

(Bài “*Thầy cô giáo trên ‘đường đua bất đắc dĩ’*” của Đỗ Ngọc Thùy, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 31/5/2012).

☉ Nghe đâu đó người ta lên án, phê phán ngành giáo dục, giáo viên chúng tôi

cũng chột dạ, cảm thấy có lỗi. Nhưng chính bản thân chúng tôi như những người mắc trong đám kẹt xe, cứ phải lằm lũi mệt nhọc mà tiến, không cách nào thoát ra được.

Cứ cuối mỗi năm học, tổng kết điểm, báo cáo các loại số liệu, xét danh hiệu thi đua, chúng tôi đều cảm thấy mệt mỏi, thậm chí gần như đuối sức vì phải chạy theo những thành tích ảo – được thổi phồng thành những số liệu và tỉ lệ rất đẹp nhưng không biết để làm gì.

Cuối năm, rất nhiều giáo viên khóc dở mếu dở vì không được xét hoàn thành nhiệm vụ năm học. Chẳng phải vì dạy dở, vì vi phạm đạo đức nhà giáo, vì bỏ giờ trễ tiết... mà chỉ vì không đạt chỉ tiêu đặt ra. Thấp hơn 85% học sinh đạt điểm trung bình trở lên thì không được xét hoàn thành nhiệm vụ năm học. Không quá 90% học sinh đạt điểm trung bình trở lên thì không được xét lao động tiên tiến. Bất kể môn học nào và bất kể tình hình học sinh như thế nào, giáo viên bắt buộc phải đạt chỉ tiêu trên nếu không muốn bị mất danh hiệu thi đua.

Lẽ tất yếu, ai ai cũng cố đạt cho được cái chỉ tiêu cao ngất ngưỡng đó (đương nhiên không phải do sự hấp dẫn của khoản tiền thưởng cuối năm 100.000 đồng dành cho lao động tiên tiến và 70.000 đồng dành cho hoàn thành nhiệm vụ) bởi chẳng ai muốn trong hồ sơ lý lịch của mình lại có những năm “*không hoàn thành nhiệm vụ*” (và việc nâng lương dĩ nhiên cũng vì thế mà chậm lại).

Thật ra đạt được chỉ tiêu như vậy hoàn toàn không hề khó chút nào. Bài kiểm tra nếu không quá 50% học sinh trên điểm trung bình thì giáo viên phải cho kiểm tra lại lần 2, lần 3... (cho đến khi nào đạt được tỉ lệ đó thì thôi). Đối với những bài thi học kỳ không thể cho kiểm tra lại thì giáo viên phải đưa đề cương ôn tập sát với đề thi trước. Nên có nghịch lý trớ trêu là mỗi lần có bài kiểm tra thì người sợ bị điểm kém không phải học sinh mà là giáo viên!

(Buồn thay tình hình này xuất hiện ở cả cấp tiểu học. Hôm nghe kết quả thi học kỳ của con trai đang học lớp 1: Có 45/47 em đạt học sinh giỏi, tôi buột miệng khen các con giỏi ghê. Con trai tôi “*bật mí*”: Bài thi đã được cô cho làm trước nhiều lần rồi, đến khi thi chỉ việc chép lại thôi!).

Học sinh đi học không sợ điểm kém, không sợ lưu ban nên rất khó bảo và ngang ngược. Có nhiều người không giữ được bình tĩnh nên đã có những hành vi thiếu kiềm chế bị quay clip tung lên mạng. Dư luận xã hội lại được dịp phê phán chê bai giáo viên đủ cả. Nhưng ít ai biết được rằng phần lớn chúng tôi đều phải kiềm chế hết mức, mỗi ngày đi dạy về đều rất mệt mỏi và bức bối. Trớ trêu thay, giáo viên đi dạy phải sợ học trò!

Đối với giáo viên dạy các môn thi tốt nghiệp tình hình còn căng thẳng hơn. Vì sau mỗi kỳ thi tốt nghiệp sẽ có bảng thống kê tỉ lệ đậu rớt theo từng bộ môn, từng giáo viên giảng dạy. (Bất luận tình hình đầu vào như thế nào, cho dù điểm tuyển sinh của trường này chỉ bằng 1/3 của trường kia thì tỉ lệ tốt nghiệp cũng phải được so sánh ngang bằng nhau). Giáo viên cũng theo tỉ lệ đó mà được đánh giá nên ai nấy đều cực kỳ căng thẳng. Chúng tôi đều phải “*dạy dõ*” theo đúng nghĩa – dõ dành học sinh học được chữ nào mừng chữ ấy!

Chúng tôi thường ao ước “*bao giờ cho đến ngày xưa*”, khi học sinh đi học đều phải lo lắng bài vở của mình, sợ bị điểm kém, sợ bị thầy cô phê bình, sợ thi rớt. Còn giáo viên sẽ được thoải mái dạy dõ và đánh giá học sinh một cách khách quan, không bị áp lực của những chỉ tiêu “*trên trời*” kia nữa.

(Bài “Trò không sợ điểm kém nhưng thầy sợ” của Anh Minh, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 13/6/2011).

☉ Là một giáo viên (GV) đã từng nhận nhiều giấy khen và cả kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục nhưng thật lòng tôi không thấy tự hào vì tôi biết có nhiều giả dối trong đó. Đầu tiên là chất lượng giảng dạy của người thầy. Thường sau khai giảng năm học, GV phải đăng ký chất lượng bộ môn mình dạy, con số phải là 95% trở lên cho đến đạt 100%. Nghĩa là một lớp 40-50 học sinh (HS) chỉ được phép có một HS xếp loại dưới trung bình bộ môn mình dạy thôi. Cuối năm ban giám hiệu xem đây là một tiêu chí đánh giá xếp loại GV. Vì vậy, để bằng chi bằng em, không GV nào “dại dột” để HS lớp mình dạy có điểm trung bình dưới 5. Lại nữa, con số HS giỏi cũng được áp đặt từ đầu, GV phải làm sao đạt 20-30% hoặc cao hơn đạt tiêu chuẩn giỏi.

Thực tế làm gì có chuyện 100% HS bộ môn mình dạy đạt trung bình trở lên. Xin kể câu chuyện sau: Đồng nghiệp của tôi ở Trường T. – trường tên tuổi của tỉnh – phát hiện HS A học lớp 6 mà không biết viết đúng tên mình. Xác minh mãi đến nửa năm học mới kết luận được em A không đọc chữ và viết được tiếng Việt! Thế mà điểm các môn đều trên 5! Hỏi các em trong lớp, hóa ra giờ kiểm tra em chỉ trả lời miệng – đặc cách. Riêng giờ tập làm văn, cô giáo cho em kể thay vì viết ra giấy rồi cho điểm. Sự việc được báo lên ban giám hiệu và rồi cách giải quyết là GV chủ nhiệm lớp đó phải dạy cho em học văn, tập viết! Không thể trả em lại cho tiểu học vì em đã có bằng tốt nghiệp rồi! Cũng may là gần cuối năm em thôi học.

Lại một chuyện nữa: Cuối năm học xét tỉ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở, Trường X. đạt 99,6%. Cấp trên chỉ đạo: Phải đạt 100%! Thế là HS Y. (HS duy nhất nghỉ học từ giữa năm) được các thầy cô cho điểm không vào sổ điểm và học bạ để được xét đạt tốt nghiệp trung học cơ sở. Oái oăm thay em này đạt tốt nghiệp trung học cơ sở mà đâu có hay.

Việc thi cũng vậy, nào là tập trung, đổi trường, tăng cường giám thị... nhưng có ra gì; coi thi thì xuê xoa, giải bài cho HS; chấm thì nâng điểm để đạt yêu cầu.

Trường T. đạt tiêu chuẩn quốc gia còn lan truyền câu chuyện một HS lớp 9 thách thức GV chủ nhiệm: “Cô mà làm em ở lại lớp em mới sợ!”. Thật sự cô giáo đã thua vì cuối năm em vẫn được xét tốt nghiệp trung học cơ sở dù nghỉ quá hạn (được kéo xuống cho dưới khung!); học quá yếu (nhưng điểm thể hiện luôn trên 5 ở các môn, cá biệt có môn 8, 9 nhờ chép y trong sách!).

Như nhiều đồng nghiệp khác, tôi quen với sự giả dối từ lâu. Mỗi lần hướng dẫn thực tập, tập sự thấy xấu hổ vô cùng. Nói thật thì đụng đến chỉ tiêu, nói dối thì làm các em giả dối như mình. Chính vì thế tôi có kiến nghị như sau:

1. Việc đặt chỉ tiêu cho người thầy chỉ là để phấn đấu, đừng xem là quyết định trong đánh giá xếp loại GV. Đây là điều quan trọng, vì nếu dạy, đánh giá trung thực mà bản thân gặp khó khăn thì ai dám trung thực.

2. Kiểm tra, đánh giá, xếp loại HS là từ thực chất việc học không chạy theo thành tích. Không lấy việc HS đạt nhiều điểm 10 hay xếp loại giỏi để đánh giá GV.

3. Việc thanh tra GV là giúp GV dạy tốt, không phải là dìm bắt giờ GV. Nếu có yêu cầu bản thân thanh tra viên phải dạy cho GV phần hoặc bài mà GV bị cho là dạy chưa đạt.

4. Cho phép GV linh động, sáng tạo, tự chủ trong giảng dạy. Bài khó có thể dạy nhiều tiết, bài dễ có thể kết thúc nhanh, không lệ thuộc 100% vào bảng phân phối

chương trình.

5. Đơn giản các khâu giáo án, sổ sách. Có trường tự đặt mẫu rồi bắt GV in vì tính quá tốn kém, nhưng mỗi năm mỗi làm lại.

6. Cải thiện chế độ lương, phụ cấp... của GV để GV yên tâm với nghề.

(Bài “*Xin đừng giả dối*” của N. Trang, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 18/7/2006).

⊙ 1. Một người bạn vừa quyết định không tiếp tục “*mài đùng quần*” để lấy tấm bằng cao học nữa chỉ vì... không chịu nổi sự phi lý đến kinh khủng. Bạn cho biết chương trình cao học gì mà suốt học kỳ I ngày nào lên lớp cũng chỉ toàn học tiếng Anh và triết học. Mà có phải cao học là “*học cái cao cao*” gì cho sang. Tiếng Anh cũng bập bôm vỡ lòng, triết học thì vẫn những điều đã học ở ĐH. Trong khi đó, yêu cầu đối với tân cử nhân tốt nghiệp ĐH, ngoại ngữ đã tương đương trình độ B chứ chưa nói đến yêu cầu đối với bậc cao học. Tuy nhiên, điều khiến bạn tôi quyết định không học nữa vì câu phát biểu hết sức tự nhiên và... thành thật của một vị tiến sĩ đứng lớp: “*Nói trắng ra là các anh chị đóng tiền vào đây để... mua bằng nên ai muốn học sao thì học*”!

Nghe xong câu phát biểu xanh rờn đánh tan mọi nỗ lực và háo hức ấy, anh nhất mực khăn gói ra về dù đã đóng một khoản học phí kha khá. Mà không chỉ anh bạn này, hai người bạn khác cùng lớp cũng có quyết định tương tự vì “*không thể chịu nổi kiểu học hành như thế*”.

2. Còn tại một lớp cao học khác ở phía Nam, lịch trình giảng dạy của một số vị tiến sĩ ngoài Bắc vào cũng... ngộ không kém. Thường chỉ có năm, sáu ngày cho một chuyên đề nên tùy theo dung lượng dài ngắn của chương trình mà lớp sẽ học một hay hai buổi. Nhưng gần như có một công thức chung: Ngày đầu tiên làm quen để tạo thân tình, các ngày tiếp theo học, ngày cuối cùng dành cho những chuyến tham quan, picnic đây đó.

Thậm chí, có vị vừa ngồi xuống ghế đã lên hẳn lịch trình ngày nào học viên “*có nhiệm vụ*” dẫn thầy đi ăn, ngày nào “*có nhiệm vụ*” đưa thầy đi chơi. Vì quan điểm sẵn có: Học cao học phải tự nghiên cứu là chính, thầy giáo chỉ giúp về phương pháp. Nhưng phương pháp gì khi thời gian dành cho những chuyến thăm thú, chơi bời ngốn ngốn như thế! Và đã thành thông lệ, buổi học cuối luôn phải quà cáp coi như chia tay thầy cô. Một học viên trong lớp tiết lộ: “*Vui về gì đâu nhưng không thể không làm, có vậy thầy mới nhẹ tay khi chấm bài chứ*”!

3. Hai câu chuyện chưa thể nói hết được vấn đề nhưng cũng là điều đáng để ngẫm lại. Không vớ đũa cả nắm nhưng chả thế mà không ít người vẫn nửa đùa nửa thật: “*Bây giờ tiến sĩ đầy trường, còn thạc sĩ đầy đường*”. Và cũng chẳng có gì lạ nếu chất lượng giáo dục ngày càng sa sút khi mà nhiều thạc sĩ, tiến sĩ cứ đều đều “*ra lò*” từ những lớp học như thế.

(Bài “*Học cái cao cao... là thế sao?*” của Đình Trần, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 20/12/2005).

2) Giáo dục phải tạo ra được sự thay đổi chắc chắn và ổn định các hành động (hành vi) của người học.

Rất tiếc, giáo dục nước ta không làm được điều này vì phần lớn việc học là học thuộc lòng để trả bài cho thầy cô, để qua những kỳ kiểm tra, kỳ thi và sau đó thì... quên luôn. Chính vì vậy, ở những nơi không được kiểm soát thật chặt chẽ, các hành

vi hoang dã, vô giáo dục, vô văn hóa của những người đã từng đi học hoặc đang đi học được dịp thể hiện ra, thậm chí mang tính tập thể. Dưới đây là vài ví dụ minh họa:

☉ 1. Tàn cuộc tiệc, chúng tôi rời lầu 9 khách sạn Kim Đô (TP.HCM) ra về. Thang máy khá chật, đa số là cánh mày râu, phần nhiều đã chén choáng hơi men. Câu chuyện đang rôm rả thì thang máy dừng lại ở tầng 6, một cô gái Tây vội vã bước vào.

Cô gái rất đẹp, và cho dù là... Tây, cô cũng có vẻ lúng túng trước những ánh mắt soi mói, thô lỗ. Rồi những tiếng cười hô hố vang lên. Có những đoạn bình luận về mông, về ngực hết sức thô tục dành cho... người đẹp.

Xuống tầng trệt, mọi người chen lấn bước ra. Cô gái sải chân thật nhanh, và khi vừa đủ độ... an toàn, cô quay lại và nói như hét lên: *"Các anh là những kẻ mất... mất lịch sự"* bằng tiếng Việt. Một thoáng sững sờ, rồi có ai đó kêu lên: *"A! Nó biết tiếng Việt chúng mày ơ"*. Lại một tràng cười mở hết cỡ...

2. Một đoàn cán bộ trẻ được mời đi thăm đất nước Phù Tang. Xứ sở của con cháu Thái Dương Thần Nữ quá đổi hiện đại, với biết bao tiện nghi và mạch sống ngày đêm cuộn cuộn chảy, làm anh em ta ít nhiều cảm thấy choáng ngợp. Đoàn lần lượt tham quan các công xưởng lớn, viếng các di tích, đền thờ Thần đạo và một vài võ đường cổ xưa, kể cả đến sống trong một số gia đình trung lưu để hiểu biết thêm về đời sống sinh hoạt của người Nhật ngày nay.

Có một vài món quà tình cảm được trao tặng, đáng kể nhất có lẽ là mấy quyển sách viết về nền văn hóa cổ kính Nhật Bản, về các chiến binh samurai, về các trường phái thiền... Tất cả những giá trị vô giá về tinh thần ấy bị vứt bừa xuống sàn khách sạn ngày mọi người *"good bye"* nước Nhật. Trong hành trang của họ, quý giá nhất có lẽ là cái máy tính xách tay second hand, máy chụp ảnh kỹ thuật số.

3. Không biết khi các người phục vụ dọn phòng, họ nghĩ gì về cách hành xử của người Việt chúng ta? Và cô gái Tây ấy, rồi đây khi nhớ tới VN, có quên được mấy kẻ mất lịch sự mà cô lỡ gặp trong thang máy?

(Bài *"Người Việt trong mắt ai?"* của Hồng Quyền, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 21/3/2006).

☉ Vui và buồn! Đó là hai trạng thái cảm xúc mà cả ban tổ chức lẫn nhiều người đi dự lễ hội hoa anh đào (sakura) Nhật Bản lần 2 diễn ra tại Hà Nội trọn ngày chủ nhật 6-4 đều có.

"Vui thì đã rồi: Hơn một vạn người, chủ yếu là bạn trẻ, đến với lễ hội – chứng tỏ giới trẻ VN không thờ ơ với những sự kiện văn hóa và mang tinh thần học hỏi, hội nhập. Buồn vì một số bạn dự lễ hội mà có nhiều thái độ ứng xử không hiểu nơi công cộng!" – một thành viên ban tổ chức lắc đầu.

Ban tổ chức lễ hội đã mở hết các cánh cổng để khách vào. Tuy nhiên, nhiều bạn trẻ công kênh nhau bật tường rào để vào trong trước những ánh mắt ngỡ ngàng của nhiều người Nhật đang xếp hàng vào cổng cạnh đó. Hai thiếu nữ Nhật với trang phục kimono sợ đến phát run lên nép mình vào hàng rào khi có bạn trẻ cười sỗ sàng: *"Đẹp quá, cho đây sờ thử một cái!"*.

Ban tổ chức đã bố trí các gian hàng trưng bày và bán các loại thức ăn nhanh, ăn nhẹ ở hai phía sảnh lễ hội. Nhưng chưa đến 13g, toàn bộ hai bên sảnh ngập rác, trong khi các thùng rác được bố trí hầu như trống rỗng!

Khoảng 15g, khi lễ rước kiệu Yosakoi từ trung tâm tiếng Nhật trên phố Núi Trúc tới

khu vực Trung tâm triển lãm Giảng Võ chưa dứt thì khá đông bạn trẻ cả nam lẫn nữ ào ạt, xô đẩy nhau tới ba cây hoa anh đào thật (mà nhiều nghệ nhân đã mất nhiều thời gian để ghép từ 300 cành hoa) tranh nhau... bứt hoa bẻ cành! Trong chớp nhoáng, những cây hoa anh đào bị “*tiêu diệt*” gọn. Bảy cây hoa anh đào giả, hoa làm bằng lụa cùng với đèn lồng được ban tổ chức bố trí các góc sân cũng bị bẻ trụi. Thậm chí những dàn lưới treo lơ lửng hoa anh đào cũng bị nhiều bạn kiệu nhau lên “*thanh toán*” nốt!

Hành động đáng xấu hổ

Ngay tại lễ hội, nhiều bạn trẻ chứng kiến đã có một cảm giác chung: “*Đáng xấu hổ với những người bạn Nhật!*”

Đưa cháu gái đi dự lễ hội, bác Hà Thu Anh, khu tập thể Ngọc Khánh (Hà Nội), luôn để mắt trông chừng và dặn cô cháu gái 15 tuổi: “*Không được bứt một cánh hoa anh đào!*”. Khi chứng kiến cảnh “*tàn phá*” vào cuối buổi chiều, bác Thu Anh lắc đầu ngán ngẩm: “*Thật đáng xấu hổ!*”.

Khi chứng kiến cảnh các bạn trẻ VN tranh giành nhau bứt hoa bẻ cành, cô giáo Iurumi khá ngỡ ngàng hỏi các học trò VN của mình: “*Như vậy là sao?*”. Học trò của cô không biết trả lời thế nào. Cô giáo Iurumi lắc đầu: “*Ở Nhật, các bạn trẻ đều rất tôn trọng văn hóa công cộng và vì lợi ích chung*”.

(Bài “*Nỗi buồn từ lễ hội hoa anh đào: Sao đành ‘bứt hoa bẻ cành’?!*” của Trần Đình Tú, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 8/4/2008).

© Năm 1997, tôi ghé thăm chùa Bà ở Châu Đốc, An Giang. Trong một biển rác xung quanh, tôi loay hoay đi tìm một giỏ rác để bỏ mấy vỏ bao nhang. Mấy người bán hàng rong thắc mắc không hiểu tôi tìm cái gì, sau hiểu ra bèn cười với nhau: “*Cái thằng cha Việt kiều khùng, chả đi tìm thùng rác tụi bay ơi*”. Vì hành động không xả rác nơi công cộng, tôi đã bị đồng bào mình hiểu lầm. Tôi là người trong nước nhưng được cho là Việt kiều và bị cho là dở hơi.

Vài năm sau, đường phố Sài Gòn được trang bị các thùng rác công cộng. Một lần tôi tấp xe vào lề để bỏ rác vào thùng. Gần đó có một số em nhỏ khoảng mười một, mười hai tuổi đang chơi đùa với nhau. Tôi nghe mấy em cười nói với nhau, ra vẻ rất lạ lẫm: “*Coi cha nội kia đem rác bỏ vào thùng rác kia*”. Trong mắt các em, hành động của tôi khá kỳ quặc.

Năm ngoái tôi và một số bạn bè, đều là những người có học, đi nghỉ mát. Trên xe ai có rác gì cứ hạ kính xe xuống, vứt ra ngoài. Tôi không phản đối bạn bè, nhưng vẫn làm theo cách của mình là gom rác lại chờ khi xe dừng đem rác xuống. Một người bạn nhìn thấy chỗ tôi ngồi có một bọc rác, bèn cười nói với mọi người: “*Ông T. tiếc rác nên không dám vứt*”. Các bạn tôi cười, bạn bè đùa vui vô tư thôi, tôi cũng cười nhưng lòng dậm buồn.

Trải qua những kinh nghiệm cười ra nước mắt như vậy, nhiều khi tôi tự vấn: “*Hay mình khùng thật, hay là mình lập dị?*”. Mỗi khi như thế tôi luôn nghe một nỗi niềm gì đó rất đau buồn len lỏi trong tim, vì thấy mình cô đơn quá và lời bài hát của Trịnh Công Sơn: Có điều gì gần như niềm tuyệt vọng... Các bạn có để ý thấy trong những chuyến tham quan, du lịch, học tập... đến những xứ sở có ý thức cộng đồng cao như Hoa Kỳ, châu Âu, Nhật, Singapore... sự chấp hành trật tự công cộng của người Việt mình cũng không đến nỗi nào. Tuy nhiên, khi về đến Nội Bài hay Tân Sơn Nhất là tình hình khác ngay: Xả rác, chen lấn, không xếp hàng... vô tư.

Sau khi Tuổi Trẻ đăng bài về sự cố ở lễ hội hoa anh đào, có rất nhiều bài viết đăng những ý kiến bức xúc của nhiều bạn trẻ. Những bức xúc và đau lòng của các bạn làm tôi cảm thấy ấm lòng vì biết rằng mình không đơn độc. Tuy nhiên, tôi muốn nói với các bạn rằng từ suy nghĩ đến hành động là một khoảng cách rất lớn nếu chúng ta thiếu quyết tâm. Tôi cho rằng việc cải biến và nâng cấp ý thức cộng đồng của người dân đòi hỏi một nỗ lực to lớn từ nhiều phía, trong đó không ai khác, đội ngũ trí thức của chúng ta phải đảm nhiệm vị trí tiên phong. Người Việt chúng ta không hiểu tại sao lại có tật xấu chỉ thích đón nhận những lời ca ngợi của bạn bè.

Qua sự kiện lễ hội hoa anh đào vừa rồi, ngoài những ý kiến của người Việt có tâm với đất nước, tôi thiết nghĩ các cơ quan truyền thông của chúng ta nên tìm kiếm và cho trích đăng những nhận xét, phê bình của người nước ngoài, nhất là người Nhật, về sự kiện này. Chúng ta phải nhìn nhận lại bản thân để thấm thía sự nhục nhã, gắng sức bảo ban nhau mà trau dồi. Tôi nghĩ rằng nếu chúng ta còn chút lòng tự trọng là chúng ta vẫn còn hi vọng.

(Bài “*Nỗi buồn từ lễ hội hoa anh đào: Còn lòng tự trọng, chúng ta vẫn còn hy vọng*” của Trần Anh Triết, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 12/4/2008).

⊙ Câu chuyện liên quan đến cách hành xử của các bạn trẻ trong lễ hội hoa anh đào là một biểu hiện rõ ràng nhất sự lên ngôi của một thứ “*chủ nghĩa cá nhân hoang dã*” trong xã hội. Đây là thứ chủ nghĩa mà theo đó, mỗi cá nhân chỉ biết hành xử theo các qui tắc và nhu cầu của riêng mình mà không cần tính đến, quan tâm đến các chuẩn mực, qui tắc và lợi ích của cộng đồng. Khi đó, cá nhân sẽ bất chấp mọi thứ nhằm đạt được lợi ích cho riêng mình và biến cái chung thành cái riêng. Tại sao thứ chủ nghĩa này xuất hiện ngày càng nhiều trong xã hội ngày nay?

Trước hết nó là hệ quả, là sự phản ứng của một thứ chủ nghĩa tập thể tuyệt đối, chủ nghĩa bình quân cào bằng triệt tiêu mọi yếu tố riêng của cá nhân mà con người đã trải qua một khoảng thời gian dài trong quá khứ trước đây. Vì đã từng bị kìm nén một thời gian quá dài, giống như chiếc lò xo bị nén xuống, nên khi có điều kiện thì “*bung*” lên nhằm bù đắp cho những mất mát trong quá khứ. Như vậy tính cá nhân cực đoan hôm nay chính là sự đối nghịch lại một sự cực đoan trong quá khứ mà xã hội từng chứng kiến.

Bên cạnh đó, chủ nghĩa cá nhân hoang dã bùng phát chính là biểu hiện rõ nhất của sự thất bại trong quá trình xã hội hóa cá nhân của xã hội. Theo nghĩa xã hội học, xã hội hóa là quá trình cá nhân được đào luyện, được dạy cho các giá trị và chuẩn mực, các kỹ năng cần thiết để trở thành một đơn vị hợp chuẩn trong xã hội. Và ba tác nhân đóng vai trò xã hội hóa quan trọng nhất đó là gia đình, nhà trường và xã hội.

Nếu nhà trường cố gắng dạy thật tốt, trang bị cho học sinh những giá trị chuẩn mực cao đẹp cho xã hội, nhưng bố mẹ các em lại là những người “*phi chuẩn mực*” hay xã hội vận hành không theo trật tự, lễ thói thì sự giáo dục của nhà trường chắc chắn sẽ không có tác dụng. Nếu nhà trường dạy học sinh phải tôn trọng của công nhưng bố mẹ lại là người giàu có nhờ biển của công thành tư thì làm sao các em tôn trọng của công được?

Nếu nhà trường, gia đình dạy cho trẻ em những điều tốt đẹp nhưng khi bước ra ngoài lại chứng kiến bao cảnh trái tai gai mắt thì làm sao các em hành xử đúng được? Cái xấu, cái phi chuẩn đang hiện hữu trong xã hội như là điều bình thường thì chắc chắn cá nhân cũng dần dần xem chúng là bình thường.

Cuối cùng, chủ nghĩa cá nhân hoang dã còn cho chúng ta thấy học theo việc tiêu

dùng thì dễ, nhưng học những ứng xử văn minh thì khó khăn đến nhường nào. Các bạn trẻ của chúng ta có thể không thua các bạn trẻ Nhật Bản, Hàn Quốc trong khoản ăn diện hay xài sang nhưng chắc chắn là thua xa về cách ứng xử và giao tiếp nơi công cộng. Chính vì vậy mà người ta mới nói sự tụt hậu về kinh tế, về công nghệ không hề đáng ngại, mà cái đáng ngại đó là sự tụt hậu về giáo dục. Có tiền nhiều hay có mọi thứ sang trọng mà không được giáo dục tốt thì sẽ chỉ trở thành kẻ lỗ bịch và hoang dã trong hành vi mà thôi.

Trách nhiệm giáo dục lại không phải chỉ là chuyện của nhà trường mà là của tất cả chúng ta. Chuyện hoa anh đào buộc tất cả chúng ta phải bắt tay hành động chứ không thể thờ ơ được nữa rồi.

(Bài “*Chủ nghĩa cá nhân hoang dã*” của Lê Minh Tiến, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 12/4/2008).

☉ Năm học vừa qua, con gái tôi (học lớp sáu) thỉnh thoảng vẫn kể cho mẹ nghe về những trò chơi thật sự nguy hiểm của một vài bạn trong lớp. Có lần cháu kể rằng, bạn H. hôm nay bị điểm môn toán kém hơn bạn T. nên theo “*giao kèo*” trước đó, bốn bạn nam bắt bạn H. phải... cởi nút áo ra cho các bạn ấy xem. Tôi giật thót người. Tôi hỏi cháu: “*Thế cô giáo có biết chuyện này không?*”. Con tôi trả lời là tất nhiên cô không biết, vì các bạn ấy vào nhà vệ sinh để thực hiện... hình phạt.

Vài ngày sau, tôi lại nghe cháu thông báo một tin giật gân hơn. Hôm đó, vào giờ tan học, không biết sơ ý thế nào mà bạn H. lại bị các bạn nam giấu cặp sách. Tìm mãi không thấy, H. lại bị các bạn ấy ra điều kiện: Phải vào nhà vệ sinh kéo... dây kéo quần xuống cho các bạn ấy xem rồi sẽ được trả cặp sách. Chẳng biết có phải do sốt ruột vì sợ người nhà chờ đợi hay không mà H. đành làm theo lời yêu cầu đó. Tôi thắc mắc: “*Sao bạn H. đại dột thế, một khi bị các bạn ra điều kiện bậy bạ như thế sao không báo với cô giáo?*”. Con gái tôi đáp: “*Không phải bạn ấy đại dột đâu mẹ ơi, bạn ấy làm thế là vì bạn ấy thích thế!*”.

Tôi thật sự bị sốc đến nổi nửa tin nửa ngờ về câu chuyện của con gái. Nhưng chỉ vài ngày sau đó, tôi biết ngay điều đó là có thật 100% khi con tôi mang sổ liên lạc của bạn H. về nhà để tổng kết các mặt thi đua trong tuần (con tôi là tổ trưởng). Tôi lật xem lời nhận xét thật gay gắt và kiên quyết của cô giáo vào tuần trước đó trong sổ liên lạc của H. Nghe đâu, những trò đùa tai hại của H. dần dần bị bại lộ do có bạn nào đó báo với cô. Cô cũng đã trao đổi với cha mẹ của H. qua điện thoại.

Năm nay, con tôi lên lớp 7. Mỗi tối, tôi dạy thêm Anh văn cho các cháu học sinh ở nhà. Học trò của tôi đến từ nhiều trường khác nhau. Mấy hôm trước, một cô học trò của tôi (đang học lớp bảy) vô tư kể lại chuyện của lớp cháu: “*Lớp cháu có 42 học sinh, vậy mà hôm nay có đến 36 bạn bị cô đánh. Cô đánh đau lắm, tụi nó khóc quá chừng*”. Hỏi ra mới biết nguyên nhân: Gần hết lớp cháu (trừ cháu và vài bạn khác) vào giờ ra chơi đóng cửa lại, rủ nhau chơi trò ú xì (oẳn tù tì), ai thua thì phải cởi áo cho mọi người xem hoặc ôm hôn bạn khác giới. “*Thế sao cô biết chuyện đó?*” – Tôi hỏi cháu. “*Vì các bạn đóng cửa không sát, còn kê hở nên các bạn lớp bên cạnh nhìn thấy, mách lại cô. Chứ tụi con đâu dám báo với cô, tụi nó biết là ‘xử’ liền!*”. Tôi nghe mà bồng nổi da gà! Tôi chưa kịp hoàn hồn thì con gái tôi cũng “phán” luôn: “*Chuyện ấy có gì ngạc nhiên đâu mẹ, trong lớp con có mấy bạn vừa bị cô phạt tuần trước cũng vì những trò tương tự*”.

Vậy đó, những trò đùa của một số trẻ mới lớn ngày nay không còn vô tư và thơ ngây như trước nữa. Có phải do học sinh ngày nay chịu ảnh hưởng rất lớn từ phim ảnh,

mạng điện tử, từ sự bùng nổ thông tin hay chính vì sự đề cao của chủ nghĩa tự do cá nhân mà trong lớp chúng nảy ra những trò chơi thật là kinh khủng?

(Bài “*Nhức nhối trò chơi học trò*” của Nguyễn Đào, báo Phụ Nữ Chủ Nhật, ra ngày 4/11/2007).

3) So sánh với các đặc trưng 3, 4 và 5 (xem mục nhỏ 9.2. *Giáo dục nhân cách lý tưởng trong trường học*), giáo dục nước ta thiên về dạy học mang tính chất nhồi nhét vào trí nhớ người học một chương trình học quá tải, hầu như không tính gì đến các yếu tố thuộc thế giới bên trong của người học. Cụ thể, giáo dục nước ta không thực sự nhắm đến việc làm thỏa mãn các nhu cầu của người học, không tạo được trong người học các xúc cảm dương đối với việc học, không trang bị các công cụ, phương pháp, kỹ năng cần thiết để nâng cao năng lực của người học, đáp ứng với các thách thức mà người học gặp trong suốt cuộc đời của mình.

Điều này có thể thấy rõ qua kết quả hai môn học văn và lịch sử là hai môn giúp hình thành những xúc cảm tốt của người học, từ đó xây dựng các nhân cách tốt. Kết quả cho thấy rất đáng báo động:

◎ Kỳ thi tuyển sinh ĐH 2006 đã vào giai đoạn cuối của quá trình chấm thi và tình trạng thí sinh (TS) viết văn như nói, viết sai chính tả vẫn phổ biến. Thậm chí bài làm của một bộ phận khá lớn TS còn bị thảm hơn nhiều. Điều đó ít nhiều phản ánh thực trạng dạy và học ở bậc phổ thông hiện nay với những bài văn thật... dễ sợ và vì sức “*sáng tạo*” của những cô tú, cậu tú đáng quan ngại vô cùng...

Nhà văn mê... phụ nữ (!)

Thật không thể liệt kê hết các lỗi chính tả mà TS mắc phải trong bài làm. Thầy Nguyễn Mạnh Hiếu, giảng viên khoa ngữ văn Trường ĐH Sư phạm TP.HCM, cho biết trong số gần 1.000 bài thi mà thầy đã chấm (ở một hội đồng khác) có hơn 2/3 bài làm chữ viết tệ hơn cả HS tiểu học, phần đông sai chính tả đến không thể chấp nhận. Thầy Hiếu tỏ ra bức xúc: “*Những cô cậu này mà cũng lấy được bằng tú tài thì thật khó hiểu. Không biết giáo viên văn phổ thông chấm như thế nào mà số này qua khỏi bậc phổ thông?*”.

Trong lần chấm chung (cả tổ) môn văn, một giảng viên khoa ngữ văn của Trường ĐH Sư phạm phải vất vả lắm mới đọc được nội dung, nhưng tìm mãi vẫn không thấy một dấu câu nào trong bài làm dài bốn trang của một TS dự thi khối D. Chính tả viết không đúng thì việc dùng từ sai, viết câu “*quê*”, câu sai cấu trúc là lẽ thường. Một bài làm văn có khi sai đến gần 100 lỗi dạng này. Tôi rợn mình khi đọc những từ mà TS dùng để viết trong bài: *Mị có sắc đẹp hết sức khêu gợi; nhiều nhà thơ nhà văn mê phụ nữ, Tô Hoài cùng giống họ, cùng mê Mị... (?)*.

Trong khi đó, chuyện lấy râu ông này cắm cằm bà kia cũng không hiếm. Cô Mị xinh đẹp như thế mà TS lại nhấn tâm bảo rằng: *Mị về làm vợ cho nhà bá hộ, vất vả như con bò tốt nên Mị trở thành một thứ quái vật, người không ra người, ngợm không ra ngợm...* (chuyển sang hình dáng bên ngoài của Chí Phèo, sau khi ra tù).

Có một TS tỏ ra rất bất bình khi dẫn ra hoàn cảnh của A Phủ: *Vì bất bình trước việc dụ dỗ con gái nhà lành, A Phủ đánh Bá Kiến, bị Lí Cường bắt về gặt nợ, trói đứng không cho đi chơi mùa xuân. Bọn chúng thật là dã man. Em đọc đến đây thì bất bình lắm, thương cho A Phủ và hận cha con nhà Bá Kiến*. TS khác thì có óc “*khái quát*” cao

hơn khi phân tích chi tiết Mị và A Phủ bị trói: *Thấy chồng mình bị trói, Mị cảm thấy ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa...* (đã qua đến Hịch tướng sĩ). Còn A Phủ thì sao? A Phủ thấy vợ mình (tức Mị) bị bọn nó hành hạ thì liền xách dao chạy thẳng đến nhà Bá Kiến, đâm chết Bá Kiến rồi tự sát cho chết luôn! (chi tiết này nói về Chí Phèo).

Cũng có nhiều đoạn văn của TS đọc mãi mà tôi chẳng hiểu viết gì. Đơn cử đôi dòng trong số ấy để bạn đọc suy nghĩ hộ: *Xuân Diệu sinh ra sau ngày giải phóng, chứng kiến nhiều cảnh trái tai nên không chịu được. Một hôm Xuân Quỳnh sáng tác bài thơ một từ sóng. Đó là sự giải thoát phụ nữ của ông. Còn cuộc tình của Mị được một TS kể lại như một câu chuyện thời hiện đại: Mị đẹp hơn ai hết nên rất nhiều bồ. Một hôm trời đẹp ơ là đẹp, Mị được một cậu ấm họ Lí tên là Phá Sa con ông tá điền giàu có đeo được chiếc nhẫn kim cương vào tai và cuối cùng Mị đành vui vẻ nhận và theo về nhà làm vợ luôn. Từ đó Mị sống khổ lắm như là con ngựa nuôi trong xó bếp không ai thèm dòm tới nữa Mị đã tàn đời...*

TS khác thì thể hiện quyết tâm: *Sống nghĩa là tình yêu. Em đang bước vào yêu nhưng em sẽ yêu lãng mạng khi em đã hoàn thành ước nguyện bước vào ngưỡng cửa trường đại học, sẽ yêu và giữ lòng chung thủy như sóng dù em còn gặp nhiều chông gai trong yêu đương lắm lắm...*

“Em đâu có muốn...”

Các vấn đề thời sự nóng bỏng cũng được các sĩ tử đưa vào bài làm. Có lẽ nhà văn Nguyên Ngọc sẽ rất ngạc nhiên nếu ông đọc được những dòng này: *Hiện nay, nạn chặt phá rừng tràn lan trên khắp mọi miền của đất nước. Trước tai nạn đó, Nguyễn Trung Thành viết Rừng xà nu để cảnh báo mọi người, kêu gọi dừng chặt phá rừng nữa. Tôi tin chắc rằng chính tác giả cũng không thể nghĩ ra tác phẩm của mình mang “tính thời sự” như thế.*

Có lẽ bức xúc trước việc mua vé tàu lửa khó khăn, TS đã viết về hình ảnh con tàu trong bài Tiếng hát con tàu: *Chế Lan Viên muốn ngày càng có nhiều đoàn tàu chạy từ miền Nam ra miền Bắc để phục vụ hành khách, không còn xảy ra tình trạng chen lấn khi mua vé, lên tàu như hiện nay... Ông đã mơ ước thay cho nhiều người...*

Khủng khiếp hơn, có bài làm từ đầu đến cuối, sáu lần TS quả quyết Xuân Quỳnh là “ông”, còn bảo rằng “... sau Nguyễn Du, Xuân Quỳnh là nhà thơ nam hiểu rõ về phụ nữ khi viết bài thơ Sóng...”.

Có đến hàng mấy chục TS gọi Xuân Diệu là bà, cô, chị, trong khi chương trình THPT phần Xuân Diệu HS được học nhiều tiết nhất trong số các nhà thơ (một bài khái quát tác giả, ba bài thơ tiêu biểu).

Không những thay đổi giới tính nhà thơ, các TS còn tỏ ra “thông minh” khi tự “sáng chế” thơ và không ngần ngại gắn tên tác giả. Chẳng hạn mấy câu sau đây được TS đề tên tác giả là Xuân Diệu hết sức éo le như thế này: *Làm sao định nghĩa được chữ “mì”. Có khó gì đâu mà hỏi kỳ. Hai đứa gần nhau rồi sát lại. Mồi kẻ, mất nhắm, thế là “mì”.*

Không ít bài thi bỏ giấy trắng. Cũng có nhiều bài nói nhăng nói cuội cho có chữ chứ không ra nghĩa. Một số khác xem bài thi là “diễn đàn” để bày tỏ suy nghĩ, trút cạn tâm sự của mình. Một TS thật tình rằng: *“Cô ơi! Cô đừng chấm bài này, vì em đâu có biết gì mà thi, mẹ và chị em ép em nên em mới đi thi thôi chứ em đâu có muốn”.*

Không biết các bậc cha mẹ sẽ nghĩ gì khi đọc những dòng này? Có lẽ vì không học gì nên một TS đã ngâm ngợi mấy vần thơ trong bài làm: *“Làm sao định nghĩa được trường thi? Cẩn bút mà đâu biết viết gì. Đem phao nhét túi mà trật hết. Lần này chấm*

rớt chắt đi tu”. Có em năn nỉ thấy mà tội nghiệp: “*Thầy cô chấm nương tay cho em nhờ, lần này rớt chắc là đi hoang luôn, ba em hăm dọa như vậy đấy!*”. Một TS than thở: “*Học 12 năm, thi ba năm rồi mà vẫn không đậu. Bữa nay cầm đề thi mà rụng rời tay chân, trật tử nữa rồi thầy ơi, chắc rớt quá...*”.

Văn chương thế này mà không rớt mới lạ!

(Bài “*Những bài văn... dễ sợ!*” của Nguyễn Văn Cải, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 26/7/2006).

☉ Ở bậc học phổ thông, các môn khoa học xã hội, nhất là môn văn đã và đang bị xem nhẹ, thậm chí xem thường. Các môn khác như nhạc, họa, thể dục càng không được coi trọng. Cho nên, số đông học sinh ngày càng mơ hồ, ấu trĩ về nhân sinh quan, về lẽ sống, nhiều em rất ngô nghê, ngớ ngẩn về tư duy và kỹ năng sử dụng tiếng Việt.

Xin nêu một số dẫn chứng về việc dạy và học văn hiện nay (những chữ in nghiêng là chúng tôi nhấn mạnh) :

1. Đề bài: Em hãy phát biểu cảm nghĩ của mình về việc Nguyễn Du đã để lại cho chúng ta tác phẩm Kiều.

Một em học sinh lớp 11 PHTH Cái Bè đã viết:

“...Nguyễn Du là *lão tiền bối* của chúng ta. Mặc dù *tiền bối* đã sớm ra đi vào một chiều gió lạnh, nhưng vẫn làm *chấn động giới hậu bối* của chúng ta, qua *bí kíp vô công “Vương Thúy Liễu”* hay còn gọi là “*Đoạn trường thất thanh*”. Bằng chứng là qua các kỳ thi, pho bí kíp này lại xuất hiện và làm thất điên bát đảo cả giới hậu bối chúng ta...” (!!)

2. Đề bài: Trong các tác phẩm em đã học và đọc thêm, em thích tác phẩm nào nhất ? Vì sao ? Hãy chứng minh

Bài làm của em N.A.T lớp 10 PTTH viết :

“...Trong kho tàng văn học Việt Nam, ca dao dân ca rất giàu tình nghĩa... Trong các tác phẩm đó, em thích nhất là tác phẩm “Tắt Đèn”. Vì nó đã thể hiện tinh thần chống lại sự bóc lột phụ nữ của chế độ phong kiến. *Chứng tỏ chị đã bán con và chó để thể hiện tinh thần kiên quyết đó...*”

3. Đề bài: Em hãy phân tích trình tự diễn biến tâm trạng nàng Kiều trong đoạn trích “*Những nỗi lòng tê tái*”

Bài làm của em C.T.V lớp 10 PTTH P.N có đoạn viết:

“Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng”. Qua đó đã cho thấy tên *khách họ Hoàng* thật tàn nhẫn, hấn hôn Thúy Kiều đã rồi lại bắt Thúy Kiều hôn lại làm cho Kiều ngày càng biến thành gái lầu xanh chuyên nghiệp muốn ngóc đầu lên cũng không nổi”.

4. Đề bài: Em hãy cho biết bất công của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Bằng các tác phẩm đã học của Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, hãy chứng minh.

Một em tên Hoàn Nhân, lớp 9, THCS viết:

“...Sự bất công của người phụ nữ trong xã hội phong kiến lúc bấy giờ là: Họ không được tham dự bóng đá quốc tế, không được lái xe nhất là các loại xe con, xe gắn máy (!). Ngày nay quyền giải phóng phụ nữ đã được củng cố. Hàng năm người ta lấy ngày 8-3 làm ngày *quốc khánh phụ nữ...*”

5. Một bạn học sinh lớp 9 PTCS T.A, Huế đã viết:

“Thúy Kiều là người con gái *tài sắc* vẹn toàn, song nàng đã bị chế độ phong kiến vùi dập vào chốn bần nhơ. Đến nỗi nàng phải nhảy xuống sông Tiền Giang tự vẫn, may thay lúc đó có một bà đảng viên đi công tác về, bà liền nhảy xuống sông cứu nàng. Sau đó Kiều giác ngộ và đi theo con đường cách mạng”(!!).

Xin miễn bàn, chắc mọi người đã hiểu chất lượng dạy và học văn hiện nay.

Dạy các môn xã hội, nhất là môn văn là nhằm hình thành nhân cách cho học sinh, giúp các em tích lũy hiểu biết, từng bước làm giàu tình yêu gia đình, quê hương, đất nước và con người, Vậy mà bây giờ có không ít học sinh không thích văn, thậm chí rất sợ văn. Lỗi ấy không thuộc về các em. Phải tìm nguyên nhân từ những cơ quan, những người quản lý giảng dạy môn văn. Bộ giáo dục đào tạo đã có quá nhiều cải biên, cải cách về nội dung và phương pháp giảng dạy môn văn, thay cả sách giáo khoa, cho ra đời hàng loạt sách tham khảo, thực hiện nhiều cuộc hội thảo, tập huấn về thay sách trên phạm vi cả nước, tốn kém bạc tỉ. Song, tình hình dạy và học văn vẫn không hề sáng sủa.

Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, khó khăn chồng chất, sách không nhiều, giáo viên đâu có được tham dự nhiều lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, ngành giáo dục đâu được chi tiêu tiền bạc thoải mái như bây giờ thế mà học sinh rất ham thích, say mê môn văn nói riêng và các môn khoa học xã hội nói chung. Nhờ vậy đã đào tạo hàng loạt thế hệ học sinh, sinh viên trở thành những công dân tốt, có tình yêu thương sâu sắc, có trách nhiệm rõ ràng với bản thân, với gia đình và xã hội. Họ là những tấm gương sáng về lòng yêu nước.

So sánh như vậy không phải để hoài cổ hay bảo thủ, mà để thấy được tính hiệu quả trong việc giảng dạy văn chương.

Văn chương vẫn là văn chương, văn ca dao, văn thơ Nguyễn Du, văn Nam Cao, thơ Tố Hữu v.v... chỉ khác là ở người dạy và cách dạy. Dạy văn là dạy người, dạy cái phần hồn tinh túy, cao đẹp của con người Việt Nam thông qua hình tượng văn học. Muốn thế, trước hết là rất cơ bản là tâm hồn người thầy phải thật trong sáng, nhạy cảm và giàu tình thương yêu. Nếu cứ xem nhẹ đặc trưng bộ môn văn, quá thiên về phương pháp dạy và học, e rằng học sinh ngày càng sợ học văn.

Những năm gần đây Bộ giáo dục đã cho ra đời nhiều trường đại học ở các địa phương và mở rộng quy mô đào tạo quá vội vàng, dễ dãi, thiếu sự chuẩn bị nghiêm túc. Có những trường hôm qua là những trường cao đẳng, sáng hôm sau, sau lễ đón quyết định của Chính phủ thì nghiêm nhiên trở thành trường đại học. Những trường mới thành lập thường rơi vào những tình trạng “bình mới rượu cũ”, “hữu danh vô thực”, nhân mác thay đổi hoàn toàn, nhưng công nghệ đào tạo vẫn như cũ. Thế là trường lại phải xin Bộ cho thực hiện phương thức liên kết đào tạo với các trường đàn anh. Song, sự liên kết ấy khá lỏng lẻo, nặng về tài chính. Sự thật thì các trường đàn anh cũng gặp không ít khó khăn về đội ngũ. Vậy mà vẫn thầy đi dạy theo hợp đồng. Vì đấy là làm theo sự cho phép của Bộ, thật hợp lý và có tình, các thầy được cử đi dạy thuê được trả thù lao rất hậu hĩ, được lo ăn ở, đưa đón chu đáo và tốn kém. Đa số được dạy theo kiểu thầy đọc trò ghi. Thầy dạy xong lên xe về. Thầy dạy vượt chuẩn càng nhiều, thu nhập càng cao. Cho nên, dù vất vả cực nhọc vẫn không hề kêu ca, chối từ. Vậy còn thời gian đâu để thầy tự học, tự bồi dưỡng và tham gia nghiên cứu khoa học. Đó là phương thức hợp đồng rất lợi cho cả hai bên, nhưng bất lợi cho người học. Cứ thế, trò tăng theo cấp số nhân, thầy tăng theo cấp số cộng; chỉ tiêu tuyển sinh do bộ vạch ra năm sau cao hơn năm trước. Nghèo mà làm ăn không căn cơ, không tính toán khoa học và thiết thực là sự lãng phí ghê gớm và hậu quả xấu càng kéo dài.

Bộ giáo dục và đào tạo còn quá ôm đồm, bao biện trong công việc. Muốn làm tất cả, nắm tất cả từ A đến Z. Chẳng khác nào một ông chủ gia đình hành sử theo thói gia trưởng.

Công việc càng nhiều, càng khó khăn, một mình Bộ gánh sao nổi, “ôm rơm thì rậm bụng”. Bộ là cấp quản lý vĩ mô, là cơ quan tham mưu và hoạch định chiến lược phát triển cho chính phủ. Thế mà Bộ lại làm ngược, lấy phụ làm chính, lấy việc của cấp dưới làm việc của mình. Còn việc của mình thì xem nhẹ, xem thường; đến khi có sai sót lại đổ cho hoàn cảnh khách quan. Ai cũng biết, người mẹ đẻ của thể hệ học sinh, sinh viên là các trường. Bộ chỉ giữ vai trò như người ông, tại sao bộ cứ thích làm thay các trường. Đó là cách quản lý phản khoa học, mất dân chủ và tập trung hình thức.

Lại còn những chuyện thật như đùa, xưa không có, nay không hiếm. Đó là, cứ gần tới cuối năm học, lãnh đạo một số trường chỉ đạo tế nhị giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm lớp xem xét, vận động những học sinh có kết quả học tập kém tự nguyện xin thôi học với đủ kiểu lý do “chính đáng”. Nhà trường hứa sẽ nhận cho các em được học lại năm tới. Làm thế nhà trường và giáo viên sẽ có thành tích tốt hơn. Có một số giáo viên thì dạy đại khái qua loa, lại cho điểm rất thoải mái, rộng rãi để khỏi ảnh hưởng đến bình bầu thi đua và xét nâng bậc lương. Có địa phương, chồng làm cán bộ lãnh đạo ngành, vợ là giáo viên, thế là việc dạy thêm, êm thấm, chẳng ai dám ho he.

Nói tóm lại, chỉ khi nào Bộ giáo dục-đào tạo dám nhìn thẳng sự thật, chân thành tự phê bình, dũng cảm tiếp thu phê bình với thái độ và tấm lòng thương dân, yêu nước; đừng quá coi trọng lợi ích cá nhân và lợi ích cục bộ thì sự nghiệp giáo dục và đào tạo của đất nước mới khá lên được. Còn như cứ khư khư mãi cách nghĩ, cách làm giáo dục như hàng thập kỷ nay đã làm thì càng sửa chữa, càng cải cách lại càng lúng túng như ếch vào xiếc.

Làm giáo dục mà dùng quyền lực để thay đổi xoành xoạch như cơm bữa là coi thường con người, xem con người như mọi thứ hàng hóa khác; đó sẽ là tội lỗi và di hại khôn lường.

(Bài “*Đọc văn học trò mà muốn khóc!*” của Hoàng Trọng Ngôn, báo Công An Tp.HCM, ra ngày 16/10/2004).

☉ Có lẽ không có từ ngữ nào có thể diễn tả chính xác trạng thái cảm xúc nếu được chứng kiến kết quả bài thi môn lịch sử của thí sinh (TS) trong mùa tuyển sinh 2005 này bằng hai chữ: Bàng hoàng!

Số liệu thống kê từ các trường ĐH Sư phạm Hà Nội, ĐH Đà Lạt, ĐH Sư phạm TP.HCM và ĐH Sư phạm Đồng Tháp cho thấy kiến thức về lịch sử của TS hiện nay thật đáng báo động, đồng thời việc dạy và học môn sử trong nhà trường phổ thông cũng phải xem lại...

Chỉ có 308/9.008 TS đạt điểm 5 trở lên!

Bốn trường mà chúng tôi chọn để thống kê này đại diện cho bốn vùng miền khác nhau. Tính chung cả bốn trường này có 23.588 TS dự thi khối C thì chỉ có 2.296 TS đạt điểm môn sử từ 5 trở lên, tỉ lệ là 9,73%.

Bắt đầu từ ĐH Sư phạm Hà Nội, khối C của trường này có 5.399 TS dự thi thì lượng TS đạt trên 20 điểm/3 môn chỉ có 358 TS, từ 15 điểm trở lên/ 3 môn là 1.411 TS. Trong đó, môn lịch sử thi sao? Toàn trường chỉ có 103 TS đạt từ 8 trở lên, 804 TS đạt từ 5 trở lên, 985 TS đạt từ 4,5 điểm trở lên. Nếu thống kê số TS có điểm bài thi từ 3 điểm trở xuống thì có đến 4.048 TS; từ 2 điểm trở xuống có 3.541 TS và 1 điểm trở xuống có

2.828 TS. Làm bài toán giản đơn ta sẽ thấy số TS đạt điểm trung bình môn lịch sử chỉ có 14,9% (số liệu đã làm tròn).

Thế nhưng con số tỉ lệ trung bình của ĐH Sư phạm Hà Nội còn được xem là an ủi. Vì ngay như ĐH Sư phạm TP.HCM có 9.008 TS dự thi khối C mà cũng chỉ có một TS đạt 22 điểm/3 môn; 14 TS đạt 20 điểm/3 môn và nếu lấy ở mức điểm trung bình là 15 điểm/3 môn thì chỉ có 398 TS. Trong đó, môn lịch sử chỉ có 5 TS đạt từ 8 điểm trở lên và nếu lấy 5 điểm trở lên thì trường này chỉ có vỏn vẹn 308 TS, lấy 4,5 điểm trở lên chỉ có 426 TS. Nếu tiếp tục thống kê theo chiều đi xuống lại càng khủng khiếp: Số TS có điểm bài thi từ 3 điểm trở xuống có đến 8.102 TS, từ 2 điểm trở xuống có 7.269 và từ 1 điểm trở xuống có 5.856 TS. Chung cuộc trường này chỉ có 3,41% TS đạt điểm trung bình môn sử.

Trong khi đó ĐH Đà Lạt khối C có 7.807 TS dự thi, có 13 TS đạt 20 điểm trở lên/3 môn thi, 361 TS đạt 15 điểm trở lên/3 môn thi. Nếu xem ở mức 1 điểm trở xuống, môn lịch sử có 4.650 TS, 2 điểm trở xuống có 6.022 TS và 3 điểm trở xuống có 6.812 TS. Còn 4,5 điểm trở lên có 521 TS và điểm trung bình 5 điểm trở lên của môn này chỉ có 372 TS, tỉ lệ đạt điểm trung bình là 4,76%.

Còn ở ĐH Sư phạm Đồng Tháp có 1.374 TS dự thi khối C thì chỉ có 4 TS đạt 8 điểm trở lên ở môn lịch sử, 126 TS trở lên đạt mức sàn 5 điểm trở lên và 177 TS đạt mức 4,5 điểm trở lên. Số còn lại đều chia đều cho tốp dưới, vì có đến 486 TS đạt từ 1 điểm trở xuống, 801 TS đạt từ 2 điểm trở xuống và 1.052 TS đạt từ 3 điểm trở xuống. Trung bình ĐH Sư phạm Đồng Tháp có 9,17% số TS đạt điểm trung bình.

Bao giờ "dân ta mới biết sử ta"?

Đề thi sử năm nay được đánh giá là bám sát sách giáo khoa, sự kiện và quan điểm lịch sử đều được thể hiện trong sách lịch sử lớp 12 hiện hành. Thế nhưng thật xót xa và không thể không bàng hoàng trước con số có đến 13.820 TS /23.588 TS có bài làm đạt từ 1 điểm trở xuống, chiếm tỉ lệ đến 58,5%. Chắc chắn những người ra đề thi sẽ không ngờ đề thi lại có sự phân hóa khủng khiếp đến vậy (!).

Đã có quá nhiều bài báo, chương trình truyền hình, ý kiến các nhà giáo dục báo động thực trạng học sinh bây giờ chán học sử. Những giờ học sử chỉ là những giờ học nhàm chán, học sử mà chỉ chăm chăm mỗi việc nhớ cho được *"ngày tháng năm diễn ra sự kiện lịch sử"*, *"quân ta giết được bao nhiêu kẻ thù"*... Để rồi đứng trước một bài thi đòi hỏi khả năng suy luận, phân tích và đánh giá các sự kiện lịch sử thì tất cả đều... tắc tị.

Tại sao như thế?

Đó là một câu hỏi lớn mà những nhà quản lý giáo dục, nhà trường phổ thông và cả xã hội phải suy ngẫm và tìm kiếm lời giải thấu đáo!

(Bài *"Bàng hoàng môn Sử!"* của Nguyễn Phan, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 4/8/2005).

◎ Theo chúng tôi, điểm thi môn sử tồi tệ như bài báo trên phản ánh phải chăng là hậu quả tất yếu từ việc thầy chán dạy, trò chán học.

Đối với giáo viên lịch sử, khi mà các môn tự nhiên, ngoại ngữ chiếm ưu thế trong tiềm thức *"chọn ngành, chọn nghề"* của phụ huynh và học sinh hiện nay thì không ai học thêm môn sử.

Lương không đủ sống thì tâm trí nào để giáo viên dạy sử thối hồn vào bài giảng, đầu tư giáo án, sưu tầm tài liệu ngoài sách giáo khoa để dạy. Tâm lý chán nản lẫn ất

lòng yêu nghề yêu trẻ, chỉ dạy cho hết “nghĩa vụ” trên lớp.

Đối với học sinh, giờ lịch sử là “giải lao” đầu óc, tiếp thu qua loa vài sự kiện, vài nhân chứng, thậm chí nghe giảng cũng được, không nghe cũng chả sao vì tất cả đều có trong sách giáo khoa rồi! Học sinh thờ ơ với lịch sử còn có lý do khác là thời gian, tâm trí phải dành hầu hết cho việc học thêm các môn tự nhiên, ngoại ngữ, vi tính, để luyện một mẫu hình “thần đồng” theo phong trào “đánh bóng” con em của phụ huynh hiện nay.

(Bài “Do thầy chán dạy, trò chán học?” của Ngọc Trang, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 5/8/2005).

© PGS-TS Ngô Đăng Tri, Phó chủ nhiệm khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH&NV, Trưởng ban chấm thi đại học môn Sử: Có những phòng thi điểm trung bình là “zêrô”!

*** Thưa ông, có phải do đề thi năm nay khó nên tỷ lệ điểm thi môn Sử quá thấp?**

Đề thi Sử năm nay có những câu thí sinh phải suy nghĩ thêm, chứ không chỉ hoàn toàn trong chương trình sách giáo khoa (SGK). Nắm vững kiến thức nằm trong chương trình và trả lời theo chương trình là được điểm. Nhưng muốn đạt điểm cao năm nay phải nắm kiến thức sâu hơn, kỹ hơn. Qua chấm thi tại 3 trường: ĐH KHXH&NV, Luật, An ninh chỉ có khoảng 20% thí sinh có điểm từ 5 trở lên. Điểm 3 và 4 chiếm 1/3, 1/3 còn lại là điểm 0 (zêrô) và 0,5 điểm. So với năm ngoái, điểm thi năm nay môn Sử thấp hơn nhiều. Qua 30 năm chấm thi, thì năm nay là một trong những năm điểm thi môn Sử thấp nhất.

Thống kê sơ bộ, có những túi bài thi khi chấm cho điểm trung bình thấp là 1 hay 2 điểm, còn có những túi điểm trung bình là 0 điểm. Tình trạng năm nay điểm thấp chính là việc thí sinh không nắm kiến thức; đọc không hiểu kỹ đề thi và làm bài lạc đề rất nhiều.

*** Qua chấm các bài thi, ông nhận định thế nào về kiến thức của thí sinh?**

Qua chấm 9.000 bài thi cho thấy kiến thức nói chung về mặt lịch sử phổ thông rất yếu kém. Khi chấm bài, xuất hiện những câu từ lủng củng, chấm phẩy lung tung, chẳng hiểu ý thí sinh (TS) muốn viết gì. Có TS không biết sông Hiền Lương ở đâu; có thí sinh viết một cách hào hùng về trận “Điện Biên Phủ trên không” diễn ra ở... Điện Biên (!?); có thí sinh khẳng định Nhật đã thành lập chính phủ... Trần Bình Trọng; còn trận Phay Khắt Nà Ngần của đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là ở... Lào. Bên cạnh đó, việc nhầm lẫn về nhân vật; nhầm lẫn địa danh là lỗi “cơm bữa”. Có TS viết một cách hồn nhiên rằng: “VN giúp Lào đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn-Pốt; Lào tuyên bố độc lập do Xi-ha-núc làm Chủ tịch...”. Khi chấm bài thi còn nhận được cả những tâm sự về hoàn cảnh gia đình, hay miêu tả tâm trạng choáng váng khi bị người yêu phản bội... Bên cạnh đó còn có những loại bài thi “xin điểm”. Có TS chỉ xin cho được 1 điểm (cho dù không viết được chữ nào) để đỡ xấu hổ khi nhận được giấy báo điểm thi!

*** Như thế có phải lỗi là do chương trình giảng dạy môn lịch sử không thu hút học sinh?**

Chương trình giảng dạy bộ môn lịch sử hiện nay chưa hấp dẫn học sinh (HS) khiến một bộ phận HS không yêu thích môn lịch sử. Dạy mà chỉ sử dụng bộ sách chương trình thì không đủ, phải cho HS được đọc nhiều sách tham khảo, tham quan, thực tế... Không một ai là không muốn hiểu rõ về dân tộc mình, phải làm thế nào để cho giới trẻ

hiếu và yêu lịch sử như máu thịt. Ngày nay, các nước trên thế giới càng muốn nhấn mạnh đến lịch sử dân tộc họ và điều này thực sự cần thiết khi chúng ta hội nhập với thế giới. Chúng ta chưa quan tâm đúng tầm đến giáo dục lịch sử. Điều này khiến chúng tôi lo lắng.

(Bài “*Phải chấn chỉnh ngay việc dạy và học sử!*” của Minh Nhật-Khánh Chi, báo Phụ Nữ, ra ngày 5/8/2005).

4) Xây dựng các xúc cảm cao cấp (trí tuệ).

Theo quy luật, các xúc cảm cao cấp (trí tuệ) được hình thành do sự “*quy nạp*” các xúc cảm cụ thể. Tình yêu các vật bình thường (cụ thể) xung quanh mình phát triển dần dần mới trở thành lòng yêu nước (xúc cảm cao cấp). Bạn đọc xem lại điểm 6 của mục nhỏ 9.2. *Giáo dục nhân cách lý tưởng trong trường học*.

Ở Việt Nam các thầy cô thường làm ngược lại và không đi vào cụ thể. Ví dụ, các học viên được các thầy cô truyền đạt ngay những thông tin về các xúc cảm cao cấp mang tính khái quát cao như “*5 điều Bác Hồ dạy thiếu nhi*”:

Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào

Học tập tốt, lao động tốt

Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt

Giữ gìn vệ sinh thật tốt

Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm

và cho rằng, các học viên nhớ được 5 điều đó thì các học viên sẽ hành động theo 5 điều đó. Từ đây dẫn đến chuyện, các học viên thuộc lòng 5 điều Bác Hồ dạy nhưng hành động ngược lại.

Điều trở trêu là Bác Hồ dạy “*thật thà, dũng cảm*” nhưng trên thực tế, sự dối trá, hèn nhát lại diễn ra khá phổ biến trong trường học. Dưới đây, người viết bổ sung thêm một số ví dụ, ngoài những ví dụ đã nêu rải rác trong những phần trước.

⊙ Tôi là một học sinh học hành chăm chỉ, rất có ý thức học tập. Tôi học trường chuyên suốt thời phổ thông, bản thân từng đoạt một số giải thưởng liên quan đến trí tuệ (như công trình nghiên cứu số đảo ngược và số đối xứng do Cục Sở hữu trí tuệ cấp)...

Kể như vậy để thấy rằng tôi thuộc dạng học sinh có trí nhớ tốt, có phương pháp học tập đúng đắn. Thế nhưng tất cả những điều đó cũng phải chào thua trước áp lực bài vở quá khủng khiếp từ trường học. Và kết quả là tôi cũng như nhiều bạn bè khác phải lằm vào cảnh buộc phải quay cóp. Chúng tôi bị ép phải sống thiếu trung thực. Vì sao vậy?

- Thứ nhất, nhiều trường quản lý thi cử không nghiêm túc, tạo sự bức xúc, cảm giác thua thiệt cho những học sinh học hành đàng hoàng.

- Thứ hai, bệnh thành tích được “*gieo trồng*” từ những cấp học thấp nhất, dẫn đến việc quay cóp lan truyền trong học sinh từ sớm. Nhiều thầy cô sẵn sàng chạy theo thành tích mà “*nhắm mắt làm ngơ*” trước việc vi phạm của học sinh mình, từ đó học sinh lại càng lằm tưởng điều mình làm là đúng, không có gì là xấu xa, mất đạo đức. Khái niệm về sự trung thực ở học sinh theo đó bị bóp méo từ từ.

- Thứ ba, chương trình học nặng và không hợp lý. Một số môn khoa học xã hội được giáo viên dạy theo kiểu nhồi nhét kiến thức, dạy cho xong chương trình chứ không cần biết học sinh hiểu bài ra sao, tiếp thu thế nào... Với mô kiến thức được nhồi đầy ắp như thế chúng tôi không tài nào tiêu hóa nổi, và khi thi thì quay cóp là điều tất yếu phải làm nếu không muốn bị thi rớt...

Hiện tôi đang theo học trường của Anh và cảm thấy hết sức thoải mái, đam mê học ngày mỗi tăng bởi khi thi cử thầy cô ra đề mở và luôn động viên người học tự nêu ý kiến cá nhân. Chính vì vậy mà chuyện quay cóp là điều không thể.

(Bài “*Chúng tôi bị ép sống thiếu trung thực*” của Nguyễn Hữu Quang, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 10/6/2012).

☉ Bốn tin không vui trên mặt báo trong cùng một ngày thứ bảy, 17/6, đó là: Trong kỳ thi cao học ngành quản trị kinh doanh của Đại học Kinh tế Huế, ông Lê Trá Khoái – Phó Chánh Thanh tra tỉnh Quảng Bình và ông Lương Hải Lưu – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình đã nhờ người khác giả danh vào thi hộ một cách trót lọt; Tiền Giang hủy kết quả bài thi tốt nghiệp của 536 thí sinh hệ bổ túc THPT vì nội dung của các bài thi này giống nhau đến mức khó tin; Hà Tây dẫn đầu cả nước về thi tốt nghiệp THPT với tỉ lệ đậu 99,27%, trong khi đây cũng là địa phương bị phản ánh nhiều nhất về tình hình vi phạm quy chế thi và cuối cùng là ở Bạc Liêu, công an bắt khẩn cấp một giáo viên chạy điểm tốt nghiệp THPT.

Giáo sư Nguyễn Chung Tú, người có hơn nửa thế kỷ dạy học, không tin ở mắt mình khi đọc những dòng thông tin trên báo. “*Thật là khủng khiếp! Phải chuyển qua hình sự thôi!*”, ông thốt lên.

Không chỉ những nhà giáo tâm huyết lo lắng, mà cả người thợ sửa xe máy bình thường bên đường hôm ấy đọc xong những dòng tin trên cũng buột miệng: “*Thật hổ thẹn!*”. Không hổ thẹn sao được khi 2 thí sinh nhờ thi hộ cao học là các cán bộ lãnh đạo đương chức; 536 thí sinh có bài thi giống hệt nhau hầu hết đều là của cán bộ xã và huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Gian lận thi cử như con bệnh không thuốc chữa, ngày càng trầm kha. Trước đây, thí sinh có quay cóp thì đó còn là những hành động lén lút, nghĩa là biết mình làm bậy, muốn giấu đi. Còn nay, ở Hà Tây người ta rầm rộ góp tiền để “*mua*” luôn các giám thị; ở Cai Lậy - Tiền Giang người ta công khai tổ chức quay cóp nên mới có chuyện 536 bài thi của cùng hội đồng thi giống nhau đến khó tin, chỗ sai cũng sai giống nhau. Trước

Tôi từng hối hận vì không quay cóp!

Là lớp phó học tập suốt 12 năm phổ thông, tôi chưa từng quay cóp khi đi thi nhưng lý do không phải vì không muốn mà chỉ đơn giản là... không đủ can đảm!

Ngày đó, tôi thường xuyên sống trong sự dằn vặt với câu hỏi: Gian lận để điểm cao hay trung thực có thể điểm thấp? Thời cấp II, chúng tôi học trong sự cạnh tranh gay gắt, so kè nhau từng điểm một. Chính vì thế dẫu thừa biết bản thân không đủ can đảm quay, nhưng tôi vẫn lặn lưng tài liệu mỗi khi đi thi. Một số người bạn trong lớp cũng có suy nghĩ tương tự. Ai nhát thì cầm hồ cho an tâm, còn ai gan hơn sẽ quay cóp.

Tôi vui vì mình đã không quay cóp thời đi học, nhưng đôi khi nghĩ lại tôi cũng ít nhiều hối hận về việc mình từng nhát và “khờ” quá. Cảm giác của một người học hành đàng hoàng nhưng lại thấp điểm hơn những bạn quay cóp là rất khó chịu. Tôi không ngại học hành ngày đêm, chỉ cảm thấy quá bất công khi thi cử thầy cô lại có vẻ bao che, lơ là với sự gian lận, quay cóp. Khi sự trung thực, công bằng trong thi cử đã không được thầy cô đánh giá cao thì việc gì mình lại phải ép mình khổ sở như vậy.

Lê Hoàng Tuấn (Q.3, TP.HCM)

đây, gian lận là từ phía thí sinh thì nay có sự tiếp tay của giám thị. Sau mỗi buổi thi, phao thi gom vào sọt rác thành đống. Kỳ cương phòng thi nay cũng bị quăng vào sọt rác như thế!

Cả xã hội bất bình và lo lắng!

Làm thế nào để xóa sổ tiêu cực trường thi? Tuần rồi, nhân chuyến công tác vào TPHCM và một số tỉnh phía Nam, Thứ trưởng Bộ GD-ĐT Bành Tiến Long phát biểu những vụ tiêu cực trường thi đang được bộ chỉ đạo thanh tra làm rõ. Bộ GD-ĐT cũng đã chính thức đề nghị Bộ Công an vào cuộc. Quan điểm của bộ này là quyết tâm xóa bỏ tiêu cực trong thi cử.

Thấy quyết tâm của Bộ GD-ĐT, người dân khắp khởi mừng. Nhưng đây mới là những việc làm trước mắt. Tiêu cực phòng thi chỉ bị xóa sổ khi nào mọi người còn phân biệt cái đúng cái sai, còn biết hổ thẹn với việc làm sai trái của mình. Đó mới là cái gốc của giáo dục.

(Bài “*Hổ thẹn!*” của Từ Nguyên Thạch, báo Người Lao Động, ra ngày 19/6/2006).

© Tại xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân (An Giang), chúng tôi hết sức bất ngờ khi được biết nhiều HS vừa tốt nghiệp THCS nhất quyết bảo rằng mình không hề được học phổ cập một ngày nào. Cả gia đình, hàng xóm cũng khẳng định như thế, họ nói sợ đi tốt nghiệp THCS là do... địa phương gom tất cả đưa đi thi bằng được (Tuổi Trẻ 18-5 có bài “*Chuyện thật như đùa: Không học ngày nào vẫn tốt nghiệp THCS*”)! Chúng tôi bèn nhờ một số giáo viên thử test... Thật khó tin nổi: Nhiều HS đã tốt nghiệp THCS nhưng hầu hết đều không biết mấy dấu $>$, $<$, \neq , $\sqrt{\quad}$. Bài thơ “*Mùa xuân nho nhỏ*” của Thanh Hải vừa thi xong, chúng tôi đọc chậm rãi như đọc cho học sinh lớp 3 viết chính tả, vậy mà nhiều từ các em vẫn viết không được, viết sai hết sức ngô nghê; nhiều từ đơn giản, thông dụng vẫn viết sai chính tả be bét...

Hỏi không học ngày nào và học lực như thế sao lại thi đậu? Các em chân chất: “*Vào thi chừng 20 phút có bài giải đưa vào cho chép, phòng nào cũng vậy. Tụi con cứ... sao y nên đậu!*”. Vài em còn mô tả công đoạn... sao y bài giải rất cận kề: “*Bởi không học nên nhiều chữ lạ lạ tụi con không biết viết. Thấy trong tờ giấy photo ngoặc thế nào mình cứ ngoặc thế ấy. Chép không dám buông tay ra vì sợ không biết mình đã chép tới đâu...*”. Cầm bốn xấp photo bài giải bốn môn thi còn sót lại trên tay, nhìn những nét viết thâu chúng tôi thầm nghĩ: Bài làm của các em chắc... lạ lắm! Sự khác lạ, bất thường này khi chấm không thể nào không phát hiện. Vậy mà các bài thi vẫn đủ điểm cho các em đậu tốt nghiệp?!

Những cô cậu đã tốt nghiệp THCS này hiện ngày ngày vẫn quanh quẩn với công việc đồng áng, đi làm thuê mướn. Một số xin đi làm nơi xa rồi cũng đành trở lại chốn quê nhà lam lũ vì khả năng không đáp ứng. Chúng tôi không khỏi tự hỏi người ta đã phổ cập cho các em để làm gì, mảnh bằng thật mà học giả đó nào giúp ích gì cho các em trong cuộc mưu sinh?

Bao nhiêu nơi đã hoàn thành phổ cập giáo dục như xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân?

(Bài “*Phổ cập giáo dục hay... phổ cập sự gian trá?*” của Đức Vịnh, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 29/6/2006).

© Thanh niên Việt Nam nhận thức rất rõ về tầm quan trọng của tính liêm chính

nhưng cũng sẵn sàng chấp nhận thỏa hiệp để có lợi cho bản thân. Đó là một trong những phát hiện quan trọng trong cuộc khảo sát do Tổ chức Hướng tới minh bạch và Trung tâm Nghiên cứu phát triển và hỗ trợ cộng đồng công bố ngày 8-8.

Theo đó, 38% số thanh niên được hỏi cho rằng họ sẵn sàng vi phạm nguyên tắc liêm chính để được nhận vào một trường/công ty tốt, tỉ lệ với những người lớn được hỏi là 43%. Rất nhiều người cho rằng việc tố cáo tham nhũng không có tác dụng, hoặc cho rằng *“đó không phải là việc của tôi”*. So sánh giữa nhóm thanh niên có trình độ học vấn cao nhất và thấp nhất, các nghiên cứu viên nhận thấy phần lớn nhóm người có trình độ học vấn cao nhất tỏ ra bi quan về tác dụng của việc tố cáo, trong khi phần lớn những người có học vấn thấp nhất cho rằng đó không phải là việc của họ.

Những kết quả cụ thể từ cuộc khảo sát trên với 1.022 thanh niên (từ 15-30 tuổi) và 524 người lớn ở 11 tỉnh thành đã gây sự chú ý cho những người tham dự buổi công bố. Theo TS Đặng Cảnh Khanh – nguyên viện trưởng Viện Nghiên cứu thanh niên, điều đáng buồn và đáng báo động hiện nay là nhiều người cho rằng sự trung thực gắn liền với sự thiệt thòi, người trung thực bị coi là *“kẻ ngốc”*. Ông cho rằng thanh niên không có lỗi khi suy nghĩ như vậy mà trách nhiệm thuộc về xã hội, thuộc về các cơ chế tạo ra sự giả dối.

(Bài *“38% thanh niên sẵn sàng vi phạm nguyên tắc liêm chính”* của H. Giang, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 9/8/2011).

⊙ Đề thi văn tốt nghiệp năm nay bỗng trở thành đề tài luận bàn của nhiều phụ huynh vì cũ. Cũ không chỉ ở cách ra đề, cũ còn ở nội dung đề tài: *“Thói đối trá là biểu hiện của suy thoái đạo đức”*... Ủ, chuyện đối trá ấy có gì mới chứ!

Tôi là một giáo viên mà lựa chọn nghề theo thiên khiếu lẫn đam mê. Nhưng trong ngần ấy năm đó, tôi luôn day dứt những câu hỏi làm thế nào để dạy tốt học tốt trong một môi trường lẽ ra phải giáo hóa con người lại không khó bắt gặp những biểu hiện của sự thiếu trung thực...

Cách đây khoảng mười năm, hồi cấp II, chúng tôi có một số môn ngoại khóa như nấu ăn, thực hành điện, thể thao (không phải thể dục, chúng là các môn như bơi lội, bóng chuyền, điền kinh...), học trò phải tham gia một trong số các môn này để được điểm cộng xét chuyển cấp. Trong trường chúng tôi có một nhóm nữ sinh học lực trung bình đến khá, thường xuyên được tuyển chọn vào các chương trình thi văn nghệ, thi nghi thức Đội toàn quận huyện. Có lẽ vì phải tập trung vào một số hoạt động bề nổi mang tính *“đối ngoại”* nên số nữ sinh này được đặc cách không phải học các môn ngoại khóa, nhưng cuối năm trong học bạ họ vẫn có đầy đủ điểm cộng cần thiết. Sự việc diễn ra công khai. Không ai nghĩ rằng lúc đó chúng tôi đủ lớn để hiểu đó là hoạt động phong trào vì tinh thần là chính, còn việc học tập và thi cử phải bình đẳng chứ.

Đến khi đi dạy, chúng tôi - những thầy cô trẻ - cũng có một số chiêu trò về việc làm giáo án, học cụ, có lúc phải tuyển và dạy học sinh theo kiểu *“quả bói”* chứ không phải hướng tới giáo dục mặt bằng tri thức cho các em (để có cái còn *“khè”* với trường khác), chưa kể cả việc phải toát mồ hôi nghĩ ra làm thế nào để lớp mình ít nhất phải có hơn 95% em đạt loại khá giỏi. Trong khi ai cũng biết sẽ thực tế hơn với biểu đồ hình tháp, trong đó tỉ lệ các em khá khoảng 50%, các em giỏi chỉ chiếm khoảng 30%, các em trung bình hoặc yếu chiếm phần còn lại. Vậy mà chúng tôi vẫn chấp nhận chỉ tiêu thành tích bất bình thường đó như một chuyện hợp lý. Thậm chí phụ huynh cũng bị lôi vào cuộc, những hội trưởng hội phụ huynh cũng phụ một tay *“bóp đầu bóp trán”* với nhà trường (nhất là các cấp phổ thông) về các khoản thu không phải lúc nào cũng có

thể phản ánh trung thực các khoản chi.

Những câu chuyện lừa dối chẳng còn là vấn nạn nữa. Đông vui hơn, “xã hội hóa” hơn khi quay cóp trong thi cử được coi là bạn với đời học sinh, chuyện thầy cô “gà bài” – cả kín đáo và lộ liễu – cho học trò mình, là thủ thuật thỏa thuận giữa thầy trò trong các buổi dự giờ, là việc xào nấu luận án, thậm chí cả tiền cho giáo viên hướng dẫn để có những điểm số cần thiết.

Chúng không còn tồn tại trong các mối quan hệ cá nhân mà gần như xâm lấn vào cả toàn bộ máy giáo dục liên quan đến chuyện chạy điểm, chạy đua thành tích, đầu vào đầu ra... Sinh viên giờ đây chỉ cần đi học vừa đủ ngày giờ vẫn đủ sức ra trường vì chuyện thi tốt nghiệp chỉ để gọi là. Làm gì có công bằng hay thực chất giáo dục ở đây khi những điều dối trá đang hầu như phổ biến trong việc dạy và học. Cứ vài bữa nửa tháng báo chí lại phát hiện một vị quan chức nào đó sử dụng bằng giả, đạo văn, âm ỉ vài số báo rồi thôi... Đầu lại vào đấy. Và nếu học sinh nào quan tâm tới tình hình thời sự thì có lẽ còn đau lòng hơn. Chuyện người thừa hành pháp luật lại là người vi phạm pháp luật (một thí dụ nhỏ thôi như nhân viên kiểm lâm chính là người phá rừng), chuyện gây thiệt hại hàng nghìn tỉ đồng ở chức vụ này tiếp tục được cất nhắc bổ nhiệm sang chức vụ khác, chuyện nói một đằng làm một nẻo vẫn không thấy xấu hổ của những người lớn... không còn là chuyện hiếm.

Trong tình cảnh này, chẳng trách học sinh, sinh viên sẽ thấy “thiệt thòi” nếu trung thực. Một khi ai cũng dối trá để có kết quả như ý thì tại sao mình lại phải vất vả nhĩ, có ai khen mình đâu cơ chứ! Thậm chí, trung thực còn bị chê là ngu!

Vì thế chẳng còn nhiều người xem trung thực trong dạy và học như một thuộc tính của giáo dục, rằng nó khá căn bản trong việc thiết lập nhân cách con người khi còn trên ghế nhà trường. Sự dối trá cũng không bị nêu đích danh là một trong những hiện tượng góp phần làm băng hoại xã hội. Vậy nên nội dung đề thi trên là quá cũ. Và nếu muốn thay đổi thì đó phải là đề thi dành cho người lớn, bắt đầu từ người lớn.

(Bài “Đề thi dành cho người lớn” của Đông Nam, báo Tuổi Trẻ Cuối Tuần, ra ngày 10/6/2012).

Kết quả kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung học của 63 tỉnh thành đã được Bộ giáo dục-đào tạo công bố ngày 19/6/2012 với tỷ lệ tốt nghiệp là 98,97%. Đây là tỷ lệ cao nhất từ trước đến nay: Gần 100%. Con số đẹp này không đem lại niềm vui cho xã hội, vì xã hội hiểu rằng đằng sau con số này là sự thiếu trung thực, dối trá ở mức độ, quy mô rộng.

5) Các học viên được hưởng tới tự giáo dục, tự điều khiển (xem điểm 7 của mục nhỏ 9.2. *Giáo dục nhân cách lý tưởng trong trường học*).

Về điều này, giáo dục Việt Nam chỉ dừng lại ở những lời kêu gọi chung chung mà hầu như không làm gì cụ thể cả.

6) Vai trò điều khiển của thầy cô trong việc xây dựng học viên thành nhân cách lý tưởng (xem điểm 8 của mục nhỏ 9.2. *Giáo dục nhân cách lý tưởng trong trường học*).

Vai trò điều khiển của thầy cô ở Việt Nam phần nhiều là “điều khiển” điểm số của học viên kể cả bằng cách dối trá và lừa đảo chứ không phải chính nhân cách học

viên. Bởi vì, việc dạy và học quá nhấn mạnh về điểm số. Tình hình lại càng tồi tệ khi các biện pháp điều khiển của nhiều thầy cô mang tính thô thiển, xử lý các tình huống sư phạm yếu kém, vô trách nhiệm, thô bạo, xúc phạm nhân phẩm của người học. Điều này làm cho một bộ phận không nhỏ người học cảm thấy chán nản, bị tra tấn, phản ứng lại một cách tiêu cực, đến trường không phải là tự giác mà do bị ép buộc.

Dưới đây là một số minh họa:

⊙ “Con gái tôi đang là giáo viên một trường THPT chuyên của tỉnh. Hằng ngày cháu vẫn đem bài tập làm văn, bài kiểm tra của học trò về nhà chấm. Một lần, tôi giở xấp bài kiểm tra 15 phút ra đọc thử. Thật bất ngờ, tôi thấy chỉ chép một bài thơ thất ngôn bát cú bắt buộc phải học thuộc lòng, vốn vẹn chỉ 56 chữ thôi mà có học sinh lớp 11 viết sai đến 30 lỗi chính tả. Còn chữ “tác” chép thành chữ “tộ” thì xuất hiện ở nhiều bài lắm.

Nhưng bất ngờ về sự yếu kém văn chương chữ nghĩa của học trò THPT một, thì tôi lại bất ngờ với cách chấm điểm của cô con gái mình mười. Tất cả xấp bài tôi tò mò xem qua ấy đều được cô giáo cho từ điểm trung bình trở lên cả. Tôi đem bản khoản của mình ra trao đổi với con, nó buồn buồn giải thích: “Mẹ ơi! Cứ đường đường chính chính mà chấm thì xấp bài kiểm tra phải một nửa dưới điểm trung bình, thậm chí có bài phải xới trứng ngỗng ấy chứ. Nhưng không thể chấm như thế được đâu, nó sẽ ảnh hưởng đến không ít người, không ít vụ việc. Trước nhất người ta sẽ kết tội con là dạy dỗ yếu kém, dù kiến thức này là của các năm trước nhào nặn nên. Rồi tiếp đến, lớp không được là lớp tiên tiến, tổ chuyên môn không được là tổ dạy giỏi, HS bị khống chế, không được là HS xuất sắc...”.

Kết luận về sự nâng điểm cho HS có chủ đích kia, con gái tôi khẳng định: “Đồng nghiệp con bây giờ, nhất là giáo viên dạy văn, ai cũng chấm như thế cả. Năm đầu đứng trên bục giảng, khi phải cho điểm không đúng với giá trị thật, lương tâm cắn rứt dữ lắm. Nhưng chỉ vài năm là buộc phải quen với chuyện ấy nên mọi chuyện xem như bình thường thôi mẹ ạ!”.

Nghe con bày tỏ nỗi niềm, tôi chợt nhớ về thời đi học của mình. Với môn văn này, mỗi lần trả bài tập làm văn hay bài kiểm tra, cả lớp tôi chỉ có vài HS được điểm 7, điểm 8. Còn lại nửa lớp điểm dưới trung bình. Cầm bài thầy cô trả dưới điểm 5, chúng tôi buồn lắm nhưng vẫn hiểu được đây là điểm đúng với sức học của mình. Đêm nằm vắt tay lên trán tự hứa với mình phải cố gắng học tập để chữ nghĩa viết ra phải mỗi ngày một hay hơn.

Nghĩ đến đây, tôi lại chạnh buồn cho những giá trị ảo mà con gái tôi và đồng nghiệp của nó tạo ra đang làm thui chột năng lực thật sự của HS ngày nay.” (Bài báo “*Những giá trị ảo*” của Thanh Xuyên, đăng trên báo Tuổi Trẻ ngày 16/10/2004).

⊙ “Ghé thăm cô bạn (hiện là giảng viên trường đại học) vào một ngày cuối tuần, câu chuyện của chúng tôi cứ bị ngắt quãng bởi chuông điện thoại của cô reo liên tục. Chỉ trong 15 phút mà có đến ba cuộc gọi. Chuông reo lần thứ tư, cô bạn vội vội bấm cancel và tắt máy luôn: “*Toàn sinh viên gọi xin điểm*”. Nói rồi cô kéo tôi vào phòng trong, không quên gọi với ra dặn mẹ: “*Ai tới tìm, mẹ bảo con không có nhà nghe!*”. Cô than thở: “*Cứ sau mùa thi tổ phải trốn, khóa điện thoại di động, càng ít để SV gặp càng tốt. Không phải mình tổ mà nhiều giảng viên khác cũng phải làm thế. Thật khó xử khi SV năn nỉ xin điểm*”.

Chuyện SV xin điểm đã trở thành “*chuyện thường ngày*” ở các trường đại học từ

lâu nay. Chưa đủ điểm trung bình xin lên trung bình cho khỏi phải thi lại (như 4 điểm, 4,5 điểm xin lên 5 điểm; thậm chí có SV 3 điểm cũng nằn nì xin lên 5 điểm vì “*em đã thi lại lần thứ tư rồi*”). Chưa đủ điểm thi lại (tức dưới 3 điểm, SV phải đóng tiền học lại rồi mới được thi) thì xin được 3 điểm để thi lần hai... Không ít lần cô bạn tôi cảm thấy “*nóng mặt*” khi gặp những phụ huynh đề nghị thẳng thừng: “*Cô cho con tôi đậu kỳ thi này, bao nhiêu tôi cũng chi!*”

Nhiều SV ngày nay không có động lực học tập, không cần cù, siêng năng tích lũy kiến thức mà học cũng không có quyết tâm. Đất nước sẽ ra sao khi những SV xin điểm này sẽ trở thành cử nhân, kỹ sư - đội ngũ trí thức tương lai của nước nhà?”

(Bài “*Xin điểm*” của Việt Kha, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 22/10/2004).

☉ “Chuyện bắt đầu trong nhà nghệ sĩ Kim Cương. Ngày nọ, chợt thấy chị giúp việc của mình ngồi khóc, Kim Cương gắng hỏi thì chị đưa ra một lá thư. Nét chữ trẻ con. Thằng bé con chị người làm viết rằng nó muốn bỏ học. Người mẹ khóc vì thằng bé mới có chín tuổi, học lớp 4, và chị đi làm chỉ vì muốn con được học hành nên người. Gắng nữa thì ra cơ sự: Thằng bé (tạm gọi là A) học giỏi, được trao phần thưởng học sinh xuất sắc, gồm một cặp sách và mấy cuốn tập. Nhưng bỗng dưng cô giáo chủ nhiệm của nó gọi lên, bảo rằng bạn B - tạm gọi là thế - cùng học trong lớp cũng được điểm cao nhưng không có phần thưởng. Vậy A hãy giữ lấy mấy cuốn tập, còn cặp sách thì đưa cho bạn. Thằng bé đưa cái cặp - phần thưởng của mình - cho bạn. Rồi nó thấy rằng như thế là không công bằng. Hụt hắng. Mất lòng tin. Nó viết thư đòi bỏ học đi bán vé số phụ mẹ, vì có học giỏi cũng chẳng ích gì...

Kim Cương bất bình. Bà điện thoại xin gặp cô hiệu trưởng, hẹn một buổi ghé thăm trường. Và bà tự lái xe đến thật. Đến nơi, bà đưa ra lá thư của thằng bé. Cô hiệu trưởng tá hỏa, gọi cô chủ nhiệm. Cô chủ nhiệm cũng tá hỏa: “*Em xin lỗi, em sơ ý. Vì thằng bé kia cũng học giỏi mà lại không có phần thưởng. Em sẽ lấy lại cái cặp từ B đưa cho A*”.

Kim Cương càng bất bình. Lấy cặp của A cho B là làm tổn thương một đứa bé. Lấy lại của B đưa cho A, tự dưng khiến thêm một thằng bé nữa tổn thương. Liệu có “*sư phạm*”?

Lại tá hỏa: “*Em xin lỗi, cặp phần thưởng trường cho in logo, tên trường trên đó, số lượng có hạn, sau khi phát phần thưởng đã... hết mất rồi, hay là để em đi mua cái cặp khác đưa cháu?*”.

Nữ nghệ sĩ nén giận. Nếu đơn giản chỉ là đi mua cặp thì bà đâu phải đến trường. Vấn đề là làm sao cho thằng bé tìm thấy lòng tin vào sự công bằng. Nó còn nhỏ quá, với suy nghĩ rằng dù có phấn đấu hơn người mà chỉ cần một sự dàn xếp, mọi cố gắng sẽ thành vô nghĩa, nó lớn lên sao đây? Ít lâu sau đó, người giúp việc của Kim Cương gặp bà cảm ơn: Cô hiệu trưởng đã cho đặt một cái cặp giống hệt cặp phần thưởng, giao cho cô chủ nhiệm đích thân gọi cháu lên tặng. Giờ thằng bé không còn đòi bỏ học đi bán vé số nữa. Nó đã vui vẻ đi học trở lại.

Khi còn nhỏ, người ta dễ lấy lại lòng tin. Còn khi đã lớn mà chứng kiến bất công nhan nhản cho mình, cho người, liệu có dễ dàng “*vui vẻ bỏ qua*”? Nghĩa cử của nữ nghệ sĩ thật lớn cho một đứa bé, nhưng chỉ là muối bỏ biển so với vô vàn những ấm ức quanh ta. Nói vậy cũng chỉ để tự nhắc mình cố gắng hành xử công bằng, nhất là nếu đang ở địa vị trên, trước...”

(Bài “*Chuyện cái cặp*” của Hoài Hương, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 11/10/2005).

☉ 1. Cả nhà đang ăn cơm. Mẹ mới ăn một chén đã buông đũa. Bố lo lắng hỏi:

“Sao mẹ nó ăn ít thế?”. “Bữa nay mẹ mệt quá, cứ mắc ói hoài”. Cậu con trai ngồi kế bên nhanh nhẩu tát cái “bốp” vào mặt mẹ: “Mẹ hư quá! Ăn không được ói ra lớp nghe chưa? Hư quá! Hư quá! Ói hết ra đây đi rồi sẽ phải ăn tiếp đồ ói vào đấy (vừa nói vừa chìa tô cơm của mình ra trước mặt mẹ)”.

2. “Đồ chơi của bé Phong ngày càng nhiều quá, cái nào không chơi nữa cho em Thanh bớt đi” – vừa nói bà vừa xổ tung đồng đồ chơi từ cái thùng xốp và phân loại. Từ phía sau, một cái ô tô (đồ chơi trẻ em) bay thẳng vào lưng bà nội: “Ai cho bà vứt đồ chơi tung tóe thế này, có xếp vào thùng ngay không, tát cho một cái bây giờ”.

3. Buổi tối, sau khi ăn cơm xong, ông nội đề nghị: “Hôm nay cô dạy bé hát bài gì nào? Bé hát cho cả nhà nghe”. “Thôi, Phong không hát, Phong làm cô giáo trường mầm non cơ”. “Ừ, thế Phong làm cô giáo đi”. Bé đứng giữa nhà, một tay chống nạnh, tay kia chỉ thẳng vào mặt từng người trong nhà, má phồng lên, môi bặm lại: “Cả lớp ngồi im, không chạy nhảy, không nhúc nhích. Chờ cô chia cơm. Bạn ông nội lại đây (tay vẫy vẫy ông nội lại gần), chia hai tay ra, tại sao đánh bạn hả? Đánh bạn này! Đánh bạn này! Bạn bà nội sao lại tỏ ra quần thế kia? Lớn rồi chứ còn nhỏ đâu! Tỏ ra quần thì cứ việc mặc quần ướt nước đái mà ăn cơm đi nhá, hư quá, cô phạt không cho mặc quần mới. (Nói rồi chạy đến bên bà nội, phết liên tục mấy cái vào lưng bà). Đứng dậy khoanh tay lại xin lỗi cô chưa? Lần sau còn tỏ ra quần, cô đánh nữa cho mà đau. Bạn bố đứng lên, tại sao lại làm đổ cơm ra bàn thế này? Hư quá, hư quá (vừa nói vừa phết vào móng bố mấy cái). Khoanh tay lại, úp mặt vô tường, khi nào các bạn ăn xong rồi mới được ăn nghe chưa?”.

Bây giờ thì tôi đã hiểu các bé 3 tuổi thường hay bắt chước hành động của người lớn. Riêng bé nhà tôi, cứ vài ngày lại đóng vai làm cô giáo: Vừa mắng, vừa quát, vừa đánh đòn từng người một trong nhà. Thế nên tôi mới phải xin chuyển trường cho bé...

(Bài “*Khi bé làm cô giáo*” của Xuân Hoàng, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 9/12/2010).

⊙ Có nhiều hình phạt của giáo viên khiến học trò bị ám ảnh suốt đời. Kết quả khảo sát mới đây của Th.S Huỳnh Mộng Tuyền, Trường ĐH Sư phạm Đồng Tháp về ấn tượng của học trò đối với thầy cô, đã khiến nhiều người giật mình.

Không thuộc bài, phải làm trâu bò

Cuộc khảo sát đã được thực hiện trên 280 sinh viên (SV) các khoa văn, vật lý, giáo dục chính trị... của Trường ĐH sư phạm Đồng Tháp và thật đáng buồn khi có hơn 40% SV cho biết, thầy cô đã để lại ấn tượng xấu qua những hình phạt mà họ áp dụng với học sinh (HS).

Nhiều SV trong cuộc khảo sát cho rằng, thời HS các bạn bị thầy cô giáo mắng nhiếc không thương tiếc, dễ dàng chửi học trò là đồ khùng, đồ điên, ngu như bò... Nhưng đó chỉ là “*chuyện nhỏ*” so với những hình phạt được SV liệt kê dưới đây: Vì không thuộc bài, trò bị thầy dùng compa đâm thẳng vào tay đến chảy máu; bị bắt phải làm trâu bò cho HS khác cười vòng quanh lớp. “*Đặc biệt*” hơn, thầy giáo bắt học trò đứng trên bục giảng làm... bia cho các bạn bắn thun vào người; hoặc phải tự tát vào mặt 20 cái và tự bảo ngu như bò 20 lần. SV T.H.N. nhớ như in cái cảnh mình bị thầy bắt lấy hũ yaourt múc nước ở nhà vệ sinh để... tưới hết hàng cây của khuôn viên trường vì không làm bài tập về nhà.

Cũng theo khảo sát này, những học trò ngủ gật trong lớp thường là “*nạn nhân*” khi thầy yêu cầu HS ngồi gập tít thật mạnh cho... tỉnh. Có khi, thầy cô tự “*xử*” bằng cách rón rén lại gần và hét thật lớn vào tai học trò đến nổi cả lớp phải giật mình. Bên cạnh

đó, giáo viên còn có những sáng tạo độc chiêu để "trị" bệnh ngủ gật của học trò như: Lấy nước đổ lên mặt, búng lỗ tai, bật lửa đốt vào chân HS, yêu cầu cả lớp nhẹ nhàng ra về và khóa cửa ngoài, nhốt HS ngủ gật lại...

SV Đ.T.T., cho biết, mình không thể nào quên được hình ảnh người bạn học cùng lớp 6, vì nói chuyện trong giờ học đã bị thầy giáo bắt ngậm giẻ rách. Còn N.M.L. thì "khai" mình chính là nạn nhân khi năm lớp 5, bị thầy bắt đeo bảng có dòng chữ: "Em hứa không nói chuyện trong giờ học", "tôi là người nhiều chuyện nhất trường"... và đi vòng vòng khắp trường theo yêu cầu của thầy.

Theo khảo sát mới đây của ThS Nguyễn Thị Hằng Phương, Đại học Quốc gia Hà Nội trên hơn 600 HS về mối quan hệ thầy trò, đã có hơn 14% HS cho biết có quan hệ không tốt với thầy cô, bởi: Thầy cô bảo thủ, độc đoán, khó tính, thiên vị, quá nghiêm khắc, thiếu công bằng, thù vật, không tôn trọng cá nhân HS, áp đặt suy nghĩ của mình vào suy nghĩ của HS...

Không thể phạt cho hả dạ

Ngoài những hình phạt, thầy cô giáo đôi khi lại có những cách ứng xử không hay khiến cho học trò hụt hẫng. Điều này cũng được chứng minh bởi nhiều ý kiến của SV Trường ĐH Đồng Tháp. Một SV bộc bạch: "Mình bị bệnh và phải nghỉ học đến 10 ngày. Khi vào lớp, thầy không hề một lời hỏi thăm. Có hôm mẹ bị bệnh nặng, mình phải đưa mẹ đi cấp cứu nên vào lớp trễ ảnh hưởng đến thi đua của lớp, thầy không hề hỏi lý do vì sao mà còn chửi mắng và hạ bệ hạnh kiểm."

Thật ra, những tình huống trong cuộc khảo sát không mang tính khái quát nhưng đã phần nào nói lên cách ứng xử chưa phù hợp của người thầy. "Trước những lỗi lầm của HS, giáo viên thường không dùng sức mạnh của vẻ đẹp tâm hồn, trí tuệ, nhân cách... để cảm hóa thuyết phục các em. Một bộ phận không nhỏ giáo viên hiện nay do bất lực trong phương pháp giáo dục học trò nên chỉ biết cậy nhờ vào sức mạnh của kỷ luật, quyền lực và bạo lực để làm cho học trò phải nhận ra sai trái, sửa sai trong xấu hổ, nhục nhã. Điều này làm tổn thương nghiêm trọng đến tinh thần của các em", ThS Tuyền nói.

ThS Nguyễn Ngọc Tài, phó phòng Giáo dục Q.5, TP.HCM khẳng định: "Để học trò học tốt, ngoan ngoãn, thầy cô giáo không thể cứ xử theo kiểu phạt cho hả dạ, phạt cho học trò phải nhục nhã trước mặt bạn bè. Điều này vô cùng phản tác dụng. Chính sự khoan dung, độ lượng mới để lại trong lòng các em ấn tượng tốt và mới có thể giúp các em thay đổi. Hãy để cho các em tự nhận hình phạt. Điều quan trọng là phải tìm hiểu cá tính của các em trước khi ra một hình phạt. Đôi khi, việc tìm ra và khen ưu điểm của một HS cá biệt lại có tác dụng tốt hơn dùng hình phạt và chê bai. Những hình phạt phản sư phạm như bắt HS làm trâu bò cho bạn, chửi mắng thậm tệ là đáng lên án".

TS Bùi Thanh Truyền, ĐH Sư phạm Huế cho rằng, hình ảnh người thầy đang dần xấu đi. Không chỉ giáo viên phổ thông, các giảng viên đại học, cao đẳng cũng biểu hiện không hay trong lời ăn tiếng nói và cả cách ứng xử.

(Bài "Ám ảnh hình phạt của thầy" của Bạch Dinh, báo Phụ Nữ, ra ngày 29/11/2010).

⊙ Từ quan niệm đánh sẽ để lại dấu vết nhưng mắng nhiếc thì không, nhiều giáo viên đã dùng cách la mắng, chửi bới, xúc phạm, trấn áp học sinh.

"Mẹ ơi, hôm nay đi học con vui lắm!" – bé N.T.N., học sinh lớp 3 Trường tiểu học ĐD (Q.4, TP.HCM) vui vẻ khoe với mẹ. Chị T., mẹ bé, ôm con và hỏi: "Có chuyện gì vui

hả con?”. “Vì hôm nay con không bị cô đánh”.

Nghe con nói mà chị T. như xé lòng.

“Cô lạy sống em luôn”

Mấy ngày sau, chị T. phát hiện con thường xuyên ăn cắp tiền của mình. Không có tiền, bé la khóc và không chịu đi học. Lo sợ, chị đưa bé đi khám bác sĩ tâm lý. Trong buổi nói chuyện, bé kể ở trường có HS lớp 5 ngày nào cũng bắt bé cống nộp 20.000 đồng, nếu không nộp sẽ bị đánh. Bé còn kể chuyện ở lớp học thêm của cô giáo chủ nhiệm: “Con làm sai bài tập, cô giáo lấy roi đánh vào đầu. Rồi cô thắp ba cây nhang, lạy ba lạy xong cắm vào túi áo con, con ngồi viết bài một hồi, cây nhang rút xuống đất”.

Chúng tôi tìm gặp cô V., giáo viên chủ nhiệm của bé, thì được phân trần: “Tính tôi rất nóng nảy nên thỉnh thoảng cũng có la mắng và đánh HS khi quá bực vì các cháu không tập trung vào bài. Còn chuyện thắp nhang tôi không làm mà chỉ nói: Học hành như em chắc cô thắp nhang cô lạy sống em luôn”. Ban giám hiệu Trường ĐD đã chuyển bé N. sang lớp khác, đồng thời phê bình cô V.

Một nhóm phụ huynh cũng ở Q.4 gửi cho chúng tôi CD ghi âm một tiết học của HS lớp 11 tại Trường THPT NHT. Trong đó, giáo viên dạy toán tên C. dành hơn nửa thời gian để la mắng học trò, kể chuyện trên trời dưới đất, nói xấu đồng nghiệp, dùng nhiều câu chữ khó nghe đối với HS. Theo lời phụ huynh và HS, “mỗi tiết học trở thành cực hình”. Khi phát hiện, nhà trường nghiêm túc phê bình giáo viên C.. Tuy nhiên, quan hệ giữa giáo viên và các phụ huynh gửi đơn khiếu nại nói trên chưa thể hàn gắn được.

“Cái lớp này rất gian”

Một HS lớp 9 ở Q.1 bày tỏ nỗi bức xúc về một giáo viên dạy vật lý ở trường: “Cháu mong dừng đến tiết đó, đó là nỗi kinh hoàng, ám ảnh, mỗi tuần mong nó qua đi thật nhanh. Những lúc bực dọc cô chỉ ghi tựa bài lên bảng rồi ngồi im không dạy và còn nói: “Muốn khó tôi cho khó luôn”. Mỗi lúc đến tiết của cô cả lớp phải ngồi im không động đậy. Ai cũng sợ cô”.

Trong khi đó, một số HS Trường THCS NTT (Hà Nội) tâm sự: “Thầy dạy toán của chúng em là giáo viên giỏi có tiếng. Nhưng cách cư xử của thầy khiến chúng em rất sợ. Khi giảng bài, chúng em chưa hiểu thầy thường nói: “Cái lớp này ngu lắm, chả biết gì cả”. Hoặc gọi ai lên bảng không thuộc bài, làm sai, thầy hay có câu cửa miệng là “ngu quá” hoặc “ngu thế lần sau đến giờ tôi không cần vào học nữa”. Việc đó khiến chúng em rất ức chế. Môn toán cuối cấp rất khó, lại thêm ức chế nên chúng em đầu óc mụ mẫm, cứ xem thời khóa biểu có môn toán là đêm đó ngủ không ngon giấc”.

Một HS khác ở Trường THCS BD, Hà Nội kể: “Em được cô giao nhiệm vụ cất micro cho cô sau mỗi buổi dạy. Nhưng có hôm không hiểu bạn nào nghịch ngợm đã giấu micro của cô. Thế là cô đã nói em trước lớp rất lâu về tội để mất micro và kết luận: “Cái lớp này rất gian. Tôi vừa vào lớp đã biết ngay, tôi chưa thấy ở đâu như HS ở đây”. Có thể cô tức giận nên nói cho đỡ tức, nhưng em thấy nặng nề và bị xúc phạm. Em không còn muốn học giờ của cô nữa”.

Khủng hoảng

Không chịu nổi việc bị giáo viên la mắng, đánh đòn, một HS lớp 5 ở Q.Thủ Đức, TP.HCM đã sinh hoảng loạn, không chịu đi học. Em viết trong máy tính: “Suốt cuộc đời học trò, tôi sẽ không bao giờ quên năm học lớp 4. Tôi rất yêu mái trường HD nhưng không biết từ bao giờ tôi lại sợ bước vào sân trường đến thế. Sợ sự la mắng chửi rủa

của cô, sợ những đòn roi, sợ ánh mắt nhìn hằn học không thân thiện của cô, sợ những lời lẽ miệt thị của cô trước lớp. Tôi không hiểu mình đã làm gì nên tội". HS này sau một thời gian khủng hoảng tâm lý đã được phụ huynh chuyển sang học ở một trường khác.

Trường hợp như HS này, đáng tiếc, không phải là cá biệt. Thời gian qua, phòng khám tâm thần nhi Bệnh viện Tâm thần TP.HCM tiếp nhận khá nhiều trường hợp bị khủng hoảng tâm lý ở độ tuổi là học sinh mà nguyên nhân thường do một cú sốc tâm lý hoặc sợ hãi khi bị uy hiếp, đe dọa ở trường. Một bác sĩ kể lại ca bệnh gần đây: K. là HS lớp 9 ở Q.Phú Nhuận, TP.HCM. Ở lớp có một thầy giáo rất khó tính, thường xử phạt HS bằng cách đánh vào đầu. K. có anh trai đang học ĐH dạy kèm ở nhà nên không đi học thêm nhà thầy. Vì vậy, em có cảm giác mình bị "đi". Từ đó em thường than nhức đầu, nhức mình. Bố mẹ đưa em đến bác sĩ vì phát hiện em bị ói mửa, khủng hoảng vào những ngày đi học có giờ của thầy giáo đó. Từ một HS tương đối ngoan, khá, sức học và sức khỏe của em giảm nhanh chóng và phải điều trị tại bệnh viện tâm thần định kỳ mỗi tháng một lần.

(Bài "*Nhận diện bạo hành tinh thần nơi học đường*" của Lưu Trang-Vĩnh Hà, báo Tuổi Trẻ, ra ngày 4/11/2010).

Rất tiếc, giáo dục nước ta còn chưa đạt được những gì mà phụ huynh mong mỏi, chưa nói gì tới đạt được nền giáo dục cần có. Vậy phụ huynh mong mỗi điều gì? Dưới đây là thư của một người cha Mỹ gửi thầy hiệu trưởng nơi con mình học. Người viết cho rằng, nội dung lá thư cũng phản ánh những mong mỏi của các phụ huynh Việt Nam.

⊙ "Con tôi sẽ phải học tất cả những điều này, rằng không phải tất cả mọi người đều công bằng, tất cả mọi người đều chân thật. Nhưng xin thầy hãy dạy cho cháu biết cứ mỗi một kẻ vô lại ta gặp trên đường phố thì ở đâu đó sẽ có một con người chính trực; cứ mỗi một chính trị gia ích kỷ, ta sẽ có một nhà lãnh đạo tận tâm. Bài học này sẽ mất nhiều thời gian, tôi biết; nhưng xin thầy hãy dạy cho cháu biết rằng một đồng đôla kiếm được do công sức lao động của mình bỏ ra còn quý giá hơn nhiều so với năm đô la nhặt được trên hè phố...

Xin hãy dạy cho cháu biết cách chấp nhận thất bại và cách tận hưởng niềm vui chiến thắng. Xin hãy dạy cháu tránh xa sự đổ kỵ. Xin dạy cháu biết được bí quyết của niềm vui chiến thắng thầm lặng. Dạy cho cháu biết được rằng những kẻ hay bắt nạt người khác nhất là những kẻ dễ bị đánh bại nhất...

Xin hãy giúp cháu nhìn thấy thế giới kỳ diệu của sách... nhưng cũng cho cháu có đủ thời gian để lặng lẽ suy tư về sự bí ẩn muôn thuở của cuộc sống: Đàn chim tung cánh trên bầu trời, đàn ong bay lượn trong ánh nắng và những bông hoa nở ngát bên đồi xanh.

Ở trường xin thầy hãy dạy cho cháu biết chấp nhận thi trượt còn vinh dự hơn gian lận trong khi thi. Xin giúp cháu có niềm tin vào ý kiến riêng của bản thân, dù tất cả mọi người xung quanh đều cho rằng ý kiến đó hoàn toàn sai lầm...

Xin hãy dạy cho cháu biết cách đối xử dịu dàng với những người hòa nhã và cứng rắn với những kẻ thô bạo. Xin tạo cho cháu sức mạnh để không chạy theo đám đông khi tất cả mọi người đều chỉ biết chạy theo thời thế.

Xin hãy dạy cho cháu biết phải lắng nghe tất cả mọi người nhưng cũng xin thầy dạy cho cháu biết cần phải sàng lọc những gì nghe được qua một tấm lưới chân lý để

cháu chỉ đón nhận những gì tốt đẹp.

Xin hãy dạy cho cháu biết cách mỉm cười khi buồn bã... Xin hãy dạy cháu biết rằng không có sự xấu hổ trong những giọt nước mắt. Xin hãy dạy cho cháu biết chế giễu những kẻ yếu thế và cẩn trọng trước sự ngọt ngào đầy cạm bẫy.

Xin hãy dạy cho cháu rằng có thể bán cơ bắp và trí tuệ cho người ra giá cao nhất nhưng không bao giờ cho phép ai ra giá mua trái tim và tâm hồn mình.

Xin hãy dạy cho cháu ngoảnh tai làm ngơ trước một đám đông đang gào thét... và đứng thẳng người bảo vệ những gì cháu cho là đúng.

Xin hãy đối xử dịu dàng với cháu nhưng đừng vuốt ve nuông chiều cháu bởi vì chỉ có sự thử thách của lửa mới tôi luyện nên những thanh sắt cứng rắn.

Xin hãy dạy cho cháu biết rằng cháu phải luôn có niềm tin tuyệt đối vào bản thân, bởi vì khi đó cháu sẽ luôn có niềm tin tuyệt đối vào nhân loại.

Đây quả là một yêu cầu quá lớn, tôi biết, thưa thầy, nhưng xin thầy cố gắng hết sức mình... con trai tôi quả thật là một cậu bé tuyệt vời”.

(Ruby sưu tầm từ Internet, đăng trên báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật ngày 4/11/2001).

- Trên đây người viết đã so sánh giáo dục của nước ta hiện nay với giáo dục cần có (xem mục nhỏ 9.2. *Giáo dục nhân cách lý tưởng trong trường học*).

Trong khi mục đích, mục tiêu của giáo dục nước ta và giáo dục cần có là giống nhau về cơ bản thì tất cả các đặc trưng của giáo dục nước ta đều không đạt, đều cách xa các yêu cầu cần có, thậm chí, có những cái phản khoa học, phản giáo dục, phản đạo đức, duy tâm, duy ý chí.

Tóm lại, giáo dục nước ta đang có rất nhiều vấn đề cần giải quyết, đang ở trong trạng thái khủng hoảng, đang bị bệnh nặng một cách trầm trọng.

Nhiều người đề nghị thực hiện đổi mới giáo dục, cải cách giáo dục, làm cuộc cách mạng trong giáo dục, thậm chí, làm lại giáo dục từ đầu. Người viết cho rằng, việc chọn từ ngữ không quan trọng bằng việc đề ra và thực hiện một cách có hiệu quả các biện pháp làm giáo dục ở nước ta quay trở lại đúng con đường phát triển phù hợp với các quy luật của giáo dục nói riêng, các quy luật về con người nói chung để đạt được giáo dục cần có.

12. Thay cho kết luận

Người viết không có ý định kết luận cho quyển sách này, vì quyển sách này còn để ngỏ nhiều điều cần phải nói và làm tiếp tục.

Tuy nhiên, trước hết, người viết làm công việc tóm tắt quyển sách này để bạn đọc không chỉ thấy cây mà còn thấy rừng.

Mục 1. *Mở đầu* nêu lý do vì sao quyển sách này ra đời.

Từ mục 2. *Hành động cá nhân* đến mục 7. *Xúc cảm cá nhân – yếu tố quan trọng nhất đối với hành động cá nhân*, người viết trình bày các luận điểm mang tính quy luật của các yếu tố hợp thành thế giới bên trong con người thúc đẩy hành động cá

nhân như nhu cầu, xúc cảm, thói quen tự nguyện, tư duy. Trong đó, người viết đặc biệt nhấn mạnh vai trò của xúc cảm cá nhân đối với hành động cá nhân. Đồng thời, người viết cũng nhấn mạnh việc cần khai thác tiềm năng vô cùng to lớn của tư duy, không chỉ giúp suy nghĩ giải quyết vấn đề và ra quyết định một cách có hiệu quả cao, mà tư duy còn có thể điều khiển các yếu tố bên trong khác là nhu cầu, xúc cảm và thói quen tự nguyện để cá nhân có thể làm chủ bản thân mình.

Mục 8. *Cá nhân và môi trường* dành nói về con người trong thế giới hiện đại với các quyền con người, được ghi nhận trong các bài nói, viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hiến pháp nước ta và các Công ước quốc tế của Liên hiệp quốc mà Việt Nam có tham gia. Các quyền con người chính là các nhu cầu của con người được pháp luật, xã hội công nhận và cần được thỏa mãn. Trong mục này, người viết cũng xem xét mối liên hệ giữa cá nhân và xã hội với các trường hợp cụ thể mang tính lý tưởng, để có thể tạo ra sự cộng hưởng giữa cá nhân và xã hội trong sự phát triển hài hòa của cả hai.

Trong mục 9. *Giáo dục*, người viết trình bày mục đích của giáo dục là phải xây dựng và phát triển các nhân cách lý tưởng, cao hơn nữa, các nhân cách sáng tạo. Người viết cũng nêu ra 8 đặc trưng mà nền giáo dục lý tưởng cần có (xem mục nhỏ 9.2. *Giáo dục nhân cách lý tưởng trong trường học*).

Trong mục 10. *Mối liên hệ giữa giáo dục và xã hội*, như tên gọi, người viết đưa ra các trường hợp có thể xảy ra trong mối liên hệ nói trên và liệt kê mang tính chất tổng kết các điều kiện lý tưởng, thực chất, là cái đích lý tưởng mà xã hội và giáo dục cần hướng đến (xem mục nhỏ 10.2. *Các điều kiện xã hội và giáo dục lý tưởng để có nhiều hành động cá nhân tốt*).

Mục 11. *Một số suy nghĩ về xã hội và giáo dục ở nước ta* dành cho việc so sánh xã hội và giáo dục nước ta với cái đích lý tưởng cần có. Việc so sánh đã giúp phát hiện nhiều vấn đề nóng bỏng mà xã hội và giáo dục nước ta chưa giải quyết được. Trong số các vấn đề nóng bỏng đó, người viết đặc biệt nhấn mạnh ba vấn đề lớn cần ưu tiên giải quyết:

- 1) Trả lương thỏa đáng cho người lao động.
- 2) Lập lại kỷ cương xã hội, phép nước bằng cách đưa ra và thực thi một cách hiệu quả cao các biện pháp răn đe, ngăn chặn, trừng phạt để các hiện tượng xấu (mà chúng ta thường gọi là tiêu cực) không xảy ra.
- 3) Làm cho giáo dục hiện nay trở thành giáo dục cần có.

Ba vấn đề nói trên là những vấn đề cấp bách vì chúng đã tồn tại dai dẳng trong thời gian dài, có khuynh hướng mở rộng quy mô và ảnh hưởng xấu đến việc phát triển đầy đủ, ổn định và bền vững của nước ta. Thật ra, bây giờ mới thật sự tập trung giải quyết ba vấn đề nói trên là đã muộn. Thôi thì tự an ủi “*thà muộn còn hơn không khi nào*” và lưu ý rằng “*thời gian không ủng hộ chúng ta*”.

Trên đây là các đề nghị, còn các giải pháp thì sao? Người viết cho rằng, trước hết, cần tìm ra được các công trình sư trưởng, nhạc trưởng thích hợp và tạo các điều

kiện cần thiết, đầy đủ để họ đề ra và thực thi các giải pháp giải quyết ba vấn đề nói trên. Các công trình sư trưởng, nhạc trưởng nói trên không chỉ là những người tài năng, đức độ, có đổi mới tư duy mà đổi mới tư duy của họ phải đạt đến đổi mới xúc cảm đủ độ mới có thể thúc đẩy các hành động thích hợp giải quyết ba vấn đề nêu trên. Bởi vì, theo quy luật trình bày trong quyển sách này, tư duy không phải là nguồn gốc và động lực của hành động.

Hiện nay chúng ta có phong trào học tập và làm theo tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh. Liên quan đến những gì trình bày trong quyển sách này, người viết càng cảm phục Bác Hồ. Bác Hồ là tấm gương vĩ đại của những xúc cảm trí tuệ, của cách tiếp cận xúc cảm, cảm hóa đối với những người Bác có dịp tiếp xúc để giúp những người đó có những hành động tốt phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân. Các câu chuyện của những người từng làm việc, phục vụ, gặp, biết Bác Hồ là những minh chứng hùng hồn cho việc cần phải học và có được các xúc cảm tốt của Bác Hồ để thực hiện các hành động tốt.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÂN CÁCH

Những đặc điểm của nhân cách dưới đây được dịch từ quyển sách tiếng Nga “*Tâm lý học*” của K.K. Platônôv và G.G. Golubev, nhà xuất bản “*Đại học*”, năm 1977. Người viết lưu ý bạn đọc:

1) Loại từ phản ánh các đặc điểm nhân cách là danh từ. Khi dịch chúng sang tiếng Việt, để cho gọn và dễ sắp xếp theo thứ tự chữ cái, người viết bỏ những từ “*tính*”, “*sự*” ... Ví dụ, tính phiêu lưu, người viết chỉ giữ lại “*phiêu lưu*” và xếp vào mục chữ cái “*P*”.

2) Người viết không dịch hết bản danh sách các đặc điểm nhân cách, vì có những từ tiếng Nga phản ánh những sắc thái mà người viết chưa tìm ra được từ tiếng Việt tương đương.

3) Một số từ tiếng Nga, để cho thoát ý, người viết phải dịch thành một cụm từ.

A

- Ác độc
- Ai oán
- Am hiểu
- Âm đàm
- An bình
- An nhàn
- An phận thủ thường
- Anh dũng
- Anh hùng
- Anh minh
- Ảo não
- Áp đặt
- Ăn bám
- Ăn chực
- Ăn không ngồi rồi
- Ăn tục nói phét
- Ăn vụng
- Âm ỉ
- Ấm áp
- Ân cần
- Ân hận
- Ẩn dật
- Ấu
- Ấu trĩ

B

- Ba hoa
- Ba phải
- Bạc nhược
- Bách khoa

- Bài bản
- Bại hoại
- Bám dai như đĩa
- Bản sắc riêng
- Bàng quan
- Bao biện
- Bao dung
- Bảo ban
- Bảo thủ
- Báo cô
- Báo thù
- Bạo lực
- Bạo ngược
- Bạo tàn
- Bạt mạng
- Bạt tử
- Bay bướm
- Bẩn gắt
- Bẩn tính
- Băng đảng
- Bất bễ
- Bất chước
- Bần tiện
- Bẩn thủ
- Bận rộn
- Bất bình thường
- Bất chấp lễ phải
- Bất chính
- Bất đắc dĩ
- Bất hạnh
- Bất kham
- Bất khuất
- Bất lịch sự

- Bất lực
- Bất lương
- Bất mãn
- Bất nghĩa
- Bất nhã
- Bất nhân
- Bất tài
- Bất trị
- Bậy bạ
- Bè phái
- Bẻm mép
- Bép xép
- Bê tha
- Bệ vệ
- Bền bỉ
- Bền vững
- Bệnh hoạn
- Bi hài
- Bi kịch
- Bi quan
- Bi thảm
- Bí hiểm
- Bị cắn rứt
- Bị động
- Bị giày vò
- Bị ruồng bỏ
- Biết điều
- Biết hết tất cả
- Biết kiêng nịnh
- Biết lẽ phải
- Biết lo xa
- Biết nhiều
- Biết ơn

- Biết phải trái
- Biết suy nghĩ
- Biết tiết chế
- Bình dị
- Bình thản
- Bình thường
- Bình tĩnh
- Bịp bợm
- Bóp méo
- Bốc đồng
- Bốc phét
- Bối rối
- Bội tín
- Bội ước
- Bông đùa
- Bồng bột
- Bộp chộp
- Bợ đỡ
- Bủn xỉn
- Buồn bã
- Buồn ngủ
- Buồn nôn
- Buồn ói
- Buồn tẻ
- Buồn thảm
- Buông thả
- Buông tuồng
- Bừa bãi
- Bừa bộn
- Bướng bỉnh

C

- Cả lo
- Cả nghi
- Cả nghi
- Cả tin
- Cải tiến
- Cam chịu
- Cảm hứng
- Cắm đố
- Can đảm
- Càn rỡ
- Cảnh giác
- Cao cả
- Cao đạo
- Cao nhả
- Cao quý
- Cao thượng
- Cầu nhàu
- Cay độc
- Căm thù con người
- Cẩn cơ
- Căng thẳng
- Cẩn cù
- Cẩn mẫn
- Cẩn thận
- Cầu kỳ
- Cầu thị
- Cầu tiến
- Cầu toàn
- Cầu thả
- Chai đá
- Chải chuốt
- Chan hòa
- Chán chường
- Chán đời
- Chán ngắt
- Chạy theo đàn bà
- Chắc chắn
- Chăm chỉ
- Chăm nom
- Chẳng giống ai
- Châm chọc
- Chạm chạp
- Chạm hiểu
- Chân chất
- Chân chính
- Chân thật
- Chấp nhận
- Chất phác
- Chỉ điểm
- Chí công
- Chí lý
- Chia sẻ

- Chiến đấu cao
- Chín chắn
- Chỉnh tề
- Chính thống
- Chính xác
- Chính xác đến từng ly từng tý
- Chịu đựng
- Chịu khó học hỏi
- Chịu khó rèn luyện
- Chịu nhiều đau khổ
- Cho mình là trung tâm
- Chu đáo
- Chủ quan
- Chú ý
- Chung thủy
- Chuộng mốt
- Chuyên cần
- Chuyên chế
- Chuyên nghiệp
- Chừng mực
- Chững chạc
- Có chí tiến thủ
- Có cơ sở
- Có đạo đức
- Có đặc lợi
- Có đặc quyền
- Có đủ giá trị
- Có đức hạnh
- Có giáo dục
- Có hại
- Có hại đối với xã hội
- Có học
- Có lý
- Có năng khiếu âm nhạc
- Có nghĩa
- Có nhiều kinh nghiệm
- Có niềm tin
- Có nội dung
- Có óc thẩm mỹ
- Có phương pháp
- Có tài điều khiển
- Có tài lãnh đạo
- Có tài tổ chức
- Có tay nghề
- Có tâm hồn
- Có thiện tính
- Có tinh thần

- Có tình người
- Có tính đảng
- Có tính người
- Có văn hóa
- Con buôn
- Cong cớn
- Cô độc
- Cô đơn
- Cổ lỗ sĩ
- Cố chấp
- Cố gắng
- Cố tật
- Công bằng
- Công thức
- Cơ động
- Cơ hội
- Cởi mở
- Cột nhà
- Cúc cung tận tụy
- Cục cằn
- Cục mịch
- Cục súc
- Cùng cực
- Cùng khổ
- Cuồng loạn
- Cuồng tín
- Cuống quýt
- Cự phách
- Cửa quyền
- Cực kỳ sâu sắc
- Cứng chiều
- Cứng cỏi
- Cứng đầu cứng cổ
- Cứng nhắc

D

- Dã man
- Dai sức
- Đại đột
- Đại gái
- Đại khờ
- Dạn dĩ
- Danh dự
- Dày dạn
- Dạy đời
- Dâm dật
- Dâm dục
- Dâm dăng
- Dè sẻn
- Dẻo dai

- Dễ bán đứng người khác
- Dễ bảo
- Dễ bắt chuyện
- Dễ bị kích động
- Dễ bị lừa
- Dễ bị mua chuộc
- Dễ bị phẫn khích
- Dễ bị tổn thương
- Dễ cấu bần
- Dễ chinh phục
- Dễ chịu
- Dễ cộng tác
- Dễ dãi
- Dễ gần
- Dễ gây ảo tưởng
- Dễ gây bất hòa
- Dễ giao tiếp
- Dễ hòa hảo
- Dễ hưng phấn
- Dễ khoái trá
- Dễ kích động
- Dễ kích thích
- Dễ làm lạnh
- Dễ làm mủi lòng
- Dễ làm thôi miên (người khác)
- Dễ mất bình tĩnh
- Dễ nguôi giận
- Dễ nhân nhượng
- Dễ nhận thấy
- Dễ nổi cáu
- Dễ nổi nóng
- Dễ phẫn khởi
- Dễ sa ngã
- Dễ thân
- Dễ thích nghi
- Dễ thích thú
- Dễ thỏa mãn
- Dễ thỏa thuận
- Dễ thông cảm người khác
- Dễ thuyết phục
- Dễ thương
- Dễ tin
- Dễ tính
- Dễ tử thân
- Dễ uốn
- Dễ vỡ
- Dễ xúc cảm
- Diêm dúa
- Điều cốt

- Dịu dàng
- Dọa nạt
- Đối trá
- Dơ dáy
- Dở hơi
- Du côn
- Du đãng
- Du thủ du thực
- Dung túng
- Dũng cảm
- Dũng mãnh
- Duy vật
- Dữ dội
- Dửng dưng
- Dương dương tự đắc

D

- Đa cảm
- Đa dạng
- Đa dục
- Đa nghi
- Đa sầu
- Đa tình
- Đại bất kính
- Đại bợm
- Đại độ
- Đàn bà
- Đàn ông
- Đàng hoàng
- Đàng trí
- Đáng chê
- Đáng chú ý
- Đáng để ý
- Đáng khinh bỉ
- Đáng kính
- Đáng lưu tâm
- Đáng thương
- Đáng tin cậy
- Đáng yêu
- Đáng khinh
- Đạo đức
- Đạo đức giả
- Đạt nhiều kết quả
- Day nghiến
- Dăm chiêu
- Dằm thắm
- Dằn dặt
- Đầu ra đầy
- Đây tớ
- Đây ý nghĩa

- De dọa
- Đen đủi
- Deo đũa đến cùng
- Đê hèn
- Đê mặt
- Đê tiện
- Đểu cáng
- Điềm đạm
- Điềm nhiên
- Diên
- Diên rồ
- Điều độ
- Dĩnh đạc
- Định kiến
- Định mệnh
- Đọc nhiều
- Đòi hỏi
- Đòi hỏi cao
- Đom đóm
- Đồng đánh
- Đóng kịch
- Đồ dỏm
- Đồ giả
- Đồ đốn
- Độ lượng
- Độc ác
- Độc đáo
- Độc lập
- Độc miệng
- Độc mồm
- Độc tài
- Đổi bại
- Đổi chiều theo gió
- Đổi mới
- Đối đầu
- Đối nghịch
- Đốn mặt
- Đồng bóng
- Đồng cam cộng khổ
- Đồng cảm
- Đồng chí
- Đồng đội
- Động kinh
- Đơn điệu
- Đơn độc
- Đơn giản
- Đơn nhất
- Đúng đắn
- Đúng mực
- Dụt
- Đứng đắn
- Được đào tạo

- Được đặc ân
- Được thử thách nhiều
- Được ưu đãi

E

- Êo lá

G

- Gan dạ
- Gàn dở
- Gay cấn
- Gay gắt
- Gây chiến
- Gây hại
- Gây hấn
- Gây mất đoàn kết
- Ghen tức
- Ghen tỵ
- Ghét phụ nữ
- Ghê tởm
- Gia trưởng
- Già nua
- Giả dối
- Giả đồ
- Giả nghĩa
- Giả nhân
- Giả tạo
- Giả vờ
- Gian dối
- Gian xảo
- Gian tham
- Giáo dục tốt
- Giáo điều
- Giàu kinh nghiệm
- Giàu sức sống
- Giàu xúc cảm
- Giật gân
- Gièm pha
- Giỏi chịu đựng
- Giữ lời hứa
- Gọn gàng
- Gương mẫu
- Gượng gạo

H

- Hà tiện
- Hách dịch
- Hạch sách

- Hai lòng
- Hai mặt
- Hải hươc
- Hải lòng
- Ham hiểu biết
- Hăm tòi
- Hám danh
- Hám lợi
- Hám thành tích
- Hàn lâm
- Hạn chế
- Hãnh diện
- Hào hiệp
- Hào hứng
- Hào nhoáng
- Hào phóng
- Hảo hán
- Hảo tâm
- Hảo ý
- Háo danh
- Hay ám
- Hay bắt bẻ
- Hay bắt chước
- Hay bực mình
- Hay cãi
- Hay cầu nhàu
- Hay cấu kỉnh
- Hay chê bai
- Hay chế giễu người khác
- Hay chiều
- Hay cho
- Hay cười
- Hay cười cợt người khác
- Hay đánh nhau
- Hay để bụng
- Hay để ý vụn vặt
- Hay động lòng thương
- Hay đùa
- Hay đưa chuyện
- Hay gặp xui
- Hay gắt gỏng
- Hay gây gỗ
- Hay gây tội ác
- Hay ghen tỵ
- Hay giận dữ
- Hay giận dữ
- Hay giúp đỡ người khác
- Hay khóc

- Hay la hét
- Hay làm phiền
- Hay lâu bầu
- Hay lằm lổ
- Hay lẫn
- Hay lo lắng
- Hay lỡ mồm
- Hay lý luận
- Hay nghỉ ngơi
- Hay nghịch
- Hay nhường nhịn
- Hay nổi nóng
- Hay phòng xa
- Hay quấy rầy
- Hay quên
- Hay sinh sự
- Hay thay đổi
- Hay thắng lợi
- Hay thù oán
- Hay thương người
- Hay vắn vẹo
- Hay xin xỏ
- Hăm dọa
- Hằn học
- Hâm
- Hầm hiu
- Hấp dẫn
- Hấp tấp
- Hèn hạ
- Hèn mạt
- Hẹp hòi
- Hềnh mũi
- Hết lòng
- Hiểm độc
- Hiên ngang
- Hiền hậu
- Hiền lành
- Hiền từ
- Hiệp sỹ
- Hiểu biết nhiều
- Hiểu chiến
- Hiểu danh
- Hiểu dân
- Hiểu động
- Hiểu học
- Hiểu kỳ
- Hiểu sắc
- Hiểu thắng
- Hiệu quả
- Hình thức
- Hoa hờn hoa sỏi
- Hòa giải

- Hòa hiếu
- Hòa hợp
- Hòa thuận
- Hóa rồ
- Hoài bão
- Hoàn hảo
- Hoàn thiện
- Hoang dã
- Hoang dã vô độ
- Hoang mang
- Hoang phí
- Hoảng loạn
- Hoạnh hợ
- Hoạt bát
- Học không đến nơi đến chốn
- Hóm hỉnh
- Hối hộp
- Hối hận
- Hồn hậu
- Hồn nhiên
- Hồn độn
- Hống hách
- Hốt hoảng
- Hờ hững
- Hơi dốt
- Hơi ngốc
- Hời hợt
- Hợm hĩnh
- Hợp lý
- Hốt hóng
- Hốt lẻo
- Hủ hóa
- Hủ lậu
- Hung hăng
- Hùng biện
- Hùng hồn
- Huyền thuyên
- Hư danh
- Hư đốn
- Hư hỏng
- Hư vinh
- Hưng phấn
- Hứng thú
- Hưởng ngoại
- Hưởng nội
- Hy sinh
- Hy sinh bản thân

I

- Ích kỷ

- Im lặng
- Ít dịch chuyển
- Ít học
- Ít lời
- Ỉu xìu

K

- Kém phát triển trí tuệ
- Keo bần
- Keo kiệt
- Kế thừa
- Kênh kiêu
- Khả năng làm việc cao
- Khách quan
- Khách sáo
- Khảng khái
- Khát máu
- Khát vọng
- Khắc kỷ
- Khắt khe
- Khéo léo
- Khéo xoay xở
- Khép kín
- Khét tiếng
- Khệnh khạng
- Khêu gọi
- Khiêm tốn
- Khiếm khuyết về tính cách
- Khiếp nhược
- Khiêu dâm
- Khiêu khích
- Khinh bỉ
- Khinh khỉnh
- Khinh miệt
- Khinh suất
- Khinh thường
- Khó đoán
- Khó giáo dục
- Khó hiểu
- Khó nết
- Khó thay đổi
- Khó tính
- Khoa trương
- Khoác lác
- Khoan dung
- Khoan hồng
- Khoe khoang
- Khoe mẽ

- Khô khan
- Khổ ải
- Khổ đau
- Khổ hạnh
- Khôi hài
- Khôn khéo
- Khôn lỏi
- Khôn ngoan
- Không áp dụng được
- Không bản sắc
- Không bao giờ sai
- Không bị khuất phục
- Không biết bảo vệ danh dự
- Không biết buồn
- Không biết kinh doanh
- Không biết nghe lời
- Không biết sợ
- Không biết xấu hổ
- Không cảnh giác
- Không cân bằng
- Không cẩn thận
- Không cầu kỳ
- Không cầu toàn
- Không chán
- Không chấp nhận
- Không chín chắn
- Không chú ý
- Không có chính kiến
- Không có khả năng lao động
- Không có khí tiết
- Không có lập trường
- Không có nhu cầu
- Không có nội dung
- Không có sáng kiến
- Không có sức sống
- Không công bằng
- Không cực đoan
- Không dao động
- Không dứt khoát
- Không đàn hoàng
- Không đáng kể
- Không đáng kính trọng
- Không đáng tin
- Không đặc sắc

- Không đúng mực
- Không giả tạo
- Không giận lâu
- Không hại ai
- Không hệ thống
- Không hiểu nổi
- Không hoạt động
- Không hối cải
- Không hối hận
- Không khiêm tốn
- Không kiểm chế
- Không kiên quyết
- Không kiên trì
- Không tìm được
- Không tìm hãm được
- Không kín miệng
- Không làm méch lòng
- Không lý tưởng
- Không mạnh mẽ
- Không may mắn
- Không mệt mỏi
- Không một vết nhơ
- Không mục đích
- Không mưu mô
- Không nén được
- Không ngồi yên một chỗ được
- Không nhanh nhẹn
- Không nhất quán
- Không nhìn xa
- Không nổi bật
- Không phương pháp
- Không quý quyết
- Không suy nghĩ
- Không sửa được
- Không sức sống
- Không tập trung
- Không tế nhị
- Không thay đổi
- Không thay thế được
- Không thân thiện
- Không thể bất chước
- Không thể mua chuộc
- Không thể so sánh
- Không thích dịch chuyển

- Không thích giao thiệp
- Không thích thay đổi
- Không thiên vị
- Không thỏa mãn
- Không thỏa thuận được
- Không thông minh
- Không thực tế
- Không thương tiếc
- Không thương xót
- Không tin
- Không tính toán
- Không vô tư
- Không vượt qua được
- Không xảo quyết
- Không xấu hổ
- Không xứng đáng
- Khờ dại
- Khờ khạo
- Khúm núm
- Khùng
- Khủng hoảng tinh thần
- Khuôn sáo
- Kích động
- Kích thích
- Kiểm chuyện
- Kiên định
- Kiên nhẫn
- Kiệt
- Kiệt xuất
- Kiêu căng
- Kiêu hãnh
- Kiêu kỳ
- Kiêu ngạo
- Kiểu cách
- Kiểu mẫu
- Kinh doanh kém
- Kinh tởm
- Kỳ cục
- Kỳ dị
- Kỳ khôi
- Kỳ quặc
- Kỷ luật
- Kỹ càng
- Kỹ lưỡng
- Ký sinh

L

- Lá mặt lá trái
- Lạc đề
- Lạc hậu
- Lạc quan
- Làm bộ làm tịch
- Làm đối
- Làm điều
- Làm kinh ngạc
- Làm ngạc nhiên
- Làm như mèo mửa
- Làm rối việc
- Lãng mạn
- Lãng phí
- Lạnh chanh
- Lạnh đậm
- Lạnh lẽo
- Lạnh lùng
- Lạnh nhạt
- Lạnh như đá
- Láo lếu
- Láo xược
- Lạt lẽo
- Lấu cá
- Lấu lỉnh
- Lắm điều
- Lắm lời
- Lắm mồm
- Lãng mạ
- Lãng nhục
- Lãng xằng
- Lẳng lơ
- Lặp đi lặp lại
- Lầm li
- Lắm cảm
- Lẩn thần
- Lẩn vào xung quanh
- Lập dị
- Lật lọng
- Lễ độ
- Lễ phép
- Lệ thuộc
- Lệnh lạc
- Lên cơn nóng lạnh bất thường
- Lên mặt
- Liều lĩnh
- Linh động
- Linh lợi
- Lo lắng

- Lo sợ
- Lo xa
- Loạn luân
- Loạn óc
- Loạn trí
- Loanh quanh
- Lơ lơ
- Long trọng
- Lỗ mãng
- Lổ lảng
- Lôi thôi
- Lỗi thời
- Lộn xộn
- Lộng hành
- Lộng lẫy
- Lơ là
- Lờ đờ
- Lời nói sắc sảo
- Lời nói việc làm trái ngược nhau
- Lớt phớt
- Lù khù
- Lú lẫn
- Luẩn quẩn
- Lung tung
- Lúng túng
- Luôn cho là mình đúng
- Luồn cúi
- Luông tuồng
- Lừ đừ
- Lừa dối
- Lừa đảo
- Lười biếng
- Lươn lẹo
- Lưu manh
- Ly khai
- Lý sự cùn
- Lý thuyết hảo
- Lý tính
- Lý trí
- Lý tưởng

M

- Ma lanh
- Mách lẻo
- Mải bát phở
- Mải chơi
- Man đại
- Man man
- Man rợ

- Mang tiếng
- Mãnh liệt
- Mãnh khỏe chính trị
- Mạnh mẽ
- Mau hiểu
- Máy móc
- Mặc cảm
- Mặt dạn mày dày
- Mẫn cảm
- Mẫn cán
- Mất trật tự
- Mất tự nhiên
- Mâu thuẫn
- Mê hoặc
- Mê hồn
- Mê muội
- Mê tín
- Mềm dẻo
- Mềm yếu
- Mệt mỏi
- Mỉa mai
- Miệng lưỡi
- Minh mẫn
- Mọi rợ
- Mỏng manh
- Mọt sách
- Mộ đạo
- Mộc mạc
- Mồm mép
- Mơ mộng
- Mũ ni che tai
- Mưu mẹo
- Mưu trí
- Mỹ dân

N

- Náo nùng
- Náo ruột
- Năng động
- Năng khiếu
- Năng lực
- Năng suất
- Nặng nề
- Ngạc nhiên
- Ngại ngùng
- Ngang ngạnh
- Ngang ngược
- Ngang tàng
- Ngạo mạn
- Ngắn gọn

- Ngây ngô
- Ngây thơ
- Nghệ sỹ
- Nghị lực
- Nghĩa hiệp
- Nghịch lý
- Nghịch ngợm
- Nghiêm khắc
- Nghiêm trang
- Nghiêm trọng
- Nghiêm túc
- Nghiệt ngã
- Ngoa ngoắt
- Ngoại giao
- Ngoan cố
- Ngoan đạo
- Ngoan ngoãn
- Ngọt ngào
- Ngọt xốt
- Ngổ ngáo
- Ngốc
- Ngờ ngạc ch
- Ngổ ngẩn
- Ngu dốt
- Ngu ngốc
- Ngu si
- Ngu xuẩn
- Nguy hiểm
- Nguyên tắc
- Ngượng
- Nham hiểm
- Nhàm chán
- Nhảm nhí
- Nhàn hạ
- Nhàn nhã
- Nhàn rỗi
- Nhàn tản
- Nhanh nhẹn
- Nhanh trí
- Nhát gan
- Nhặt nhẻo
- Nhạy cảm
- Nhặt nhanh
- Nhân ái
- Nhân đạo
- Nhân hậu
- Nhân từ
- Nhẫn tâm
- Nhất quán
- Nhẹ dạ
- Nhẹ nhàng
- Nhí nhảnh

- Nhị tâm
- Nhiệt tình
- Nhiều âm mưu
- Nhiều tài
- Nhiều tài lẻ
- Nhìn xa
- Nhịn nhục
- Nhỏ mọn
- Nhỏ nhen
- Nhơ bẩn
- Nhờ dai
- Nhờ ơn
- Nhu mì
- Nhu nhược
- Nhu thuận
- Nhục dục
- Nhục mạ
- Nhục nhã
- Những nhiều
- Nhút nhát
- Nhường nhịn
- Nịnh bợ
- Nịnh hót
- Nịnh nọt
- Nói dóc
- Nói dối
- Nói điều
- Nói xấu
- Non nớt
- Nóng tính
- Nô lệ
- Nỗ lực
- Nổi bật
- Nổi danh
- Nổi điên
- Nổi loạn
- Nổi tiếng
- Nổi trội
- Nội tâm
- Nông cạn
- Nông nổi
- Nồng nhiệt
- Nũng nịu
- Nuông chiều
- Nữ tính
- Nửa vời

O

- Oai hùng
- Oai vệ
- Ổng ẹo

Ô

- Ô nhục
- Ôm đồm
- Ôn ào

P

- Phách lối
- Phải đạo
- Phải lẽ
- Phải lòng
- Phải phép
- Phản bội
- Phản động
- Phản phúc
- Phản trắc
- Phân tán
- Phấn chấn
- Phấn đấu
- Phê phán
- Phi kinh tế
- Phi lý
- Phỉ báng
- Phiền nhiễu
- Phiền toái
- Phiến diện
- Phiêu lưu
- Phỉnh nịnh
- Phong nhã
- Phong phú
- Phòng xa
- Phóng dăng
- Phóng khoáng
- Phóng túng
- Phô trương
- Phổ biến
- Phốt tỉnh
- Phù hoa
- Phù thủy
- Phụ thuộc
- Phức tạp

Q

- Quả cảm
- Quá chi li
- Quá dễ dãi
- Quá nguyên tắc
- Quá thời
- Quá trốn
- Quá tự tin

- Quái thai
- Quan cách
- Quan dạng
- Quan sát tốt
- Quan tâm
- Quan trọng hóa
- Quanh co
- Quân tử
- Quần trí
- Quấy rầy
- Què quặt
- Quên mình
- Quỷ quyệt
- Quý báu
- Quý phái
- Quy lụy
- Quyền thế
- Quyền rũ

R

- Ra vẻ ta đây
- Ranh mãnh
- Ranh vật
- Ranh mạch
- Rắc rối
- Răn dạy
- Rập khuôn
- Rất chính xác
- Rất thận trọng
- Rất tỉ mỉ
- Rầu rĩ
- Rồ dại
- Rối rắm
- Rõng tuếch
- Rộng lòng
- Rộng rãi
- Rủi ro
- Rứt rề

S

- Sa đọa
- Sách vở
- Sạch sẽ
- Sai khiến người khác
- Sám hối
- Sang trọng
- Sảng khoái
- Sáng chói
- Sáng dạ

- Sáng kiến
- Sáng suốt
- Sáng ý
- Sành ăn
- Sành điệu
- Sao chép
- Say đắm
- Say mê
- Say sưa
- Sắc sảo
- Sặc sỡ
- Sấn sóc
- Sâu sát
- Sâu sắc
- Sâu xa
- Sầu não
- Sầu thảm
- Sĩ nhục
- Siêng năng
- Sinh động
- Sính thảo dự án
- Sở sàng
- Sôi nổi
- Sống ăn bám
- Sô vanh
- Sợ bóng sợ gió
- Sợ sệt
- Sùng đạo
- Suông sã
- Suy nhược
- Suy tưởng
- Suy xét

T

- Tà đạo
- Tà giáo
- Tài ba
- Tài giỏi
- Tài hoa
- Tài năng
- Tài năng trời cho
- Tàn ác
- Tàn bạo
- Tàn nhẫn
- Tản mạn
- Tàng tàng
- Tao nhã
- Táo bạo
- Tay sai
- Tăm tối
- Tâm thần

- Tâm thần bất định
- Tầm bậy
- Tầm thường
- Tận tâm
- Tập thể
- Tế nhị
- Tha hóa
- Tham ăn
- Tham lam
- Tham vọng
- Thảm hại
- Thanh cao
- Thanh thản
- Thành kiến
- Thành tâm
- Thành thạo
- Tháo vát
- Thạo nghề
- Thạo việc
- Thẳng thắn
- Thâm độc
- Thâm hiểm
- Thâm thúy
- Thầm lặng
- Thân ái
- Thân mật
- Thân thiện
- Thần kinh thép
- Thẩn thờ
- Thận trọng
- Thấp hèn
- Thấp kém
- Thất bại
- Thất tín
- Thất vọng
- Thật thà
- Thẹn thùng
- Thế nào cũng được
- Thi sĩ
- Thích cô độc
- Thích dạy dỗ người khác
- Thích đáng
- Thích giảng đạo đức
- Thích hào nhoáng bề ngoài
- Thích hưởng thụ
- Thích làm quan
- Thích lễ loi
- Thích lý sự
- Thích quyền hành

- Thích ra lệnh
- Thích sai bảo
- Thích suy luận
- Thích tranh luận
- Thích uy quyền
- Thích ứng
- Thiên lệch
- Thiên tài
- Thiên tư
- Thiên vị
- Thiển cận
- Thiện ý
- Thiết tha
- Thiếu não
- Thiếu cá tính
- Thiếu lịch thiệp
- Thiếu nội dung tư tưởng
- Thiếu sâu sắc
- Thiếu suy nghĩ
- Thiếu thận trọng
- Thiếu ý chí
- Thỏa hiệp
- Thoải mái
- Thoát ly
- Thô bạo
- Thô bỉ
- Thô kệch
- Thô lỗ
- Thô tục
- Thối tha
- Thông minh
- Thông thái rởm
- Thông thạo
- Thơ mộng
- Thơ phú
- Thờ ơ
- Thù dai
- Thù địch
- Thù hận
- Thù nghịch
- Thú dữ
- Thụ động
- Thủy mị
- Thủy chung
- Thừa hành
- Thực dụng
- Thực tế
- Ti tiện
- Tỉ mỉ
- Tích cực
- Tiên tiến

- Tiến bộ
- Tiết kiệm
- Tiêu cực
- Tiêu hoang
- Tiểu nhân
- Tin cẩn
- Tin cậy
- Tinh ma
- Tinh nghịch
- Tinh quái
- Tinh tế
- Tinh thần sa sút
- Tinh ý
- Tình bạn
- Tình cảm
- Tinh táo
- Tính toán
- Tò mò
- Toàn diện
- Ton hót
- Tổ chức
- Tội tở
- Tối dạ
- Tốt bụng
- Trác táng
- Trách nhiệm
- Trái tính trái nết
- Trái tự nhiên
- Trang nhã
- Tráng lệ
- Tráo trở
- Trắc ẩn
- Trắng trợn
- Trầm lặng
- Trầm mặc
- Trầm ngâm
- Trầm tĩnh
- Trầm tư mặc tưởng
- Cây lười
- Trẻ con
- Trẻ hơn tuổi
- Trẻ trung
- Trêu chọc
- Trêu người
- Tri ân
- Trì trệ
- Trí thức
- Triết lý
- Trinh bạch
- Trình độ cao
- Trò hề
- Trong sạch

- Trong trắng
- Trọng danh dự
- Trốn việc
- Trông rộng
- Trống rỗng
- Trơ tráo
- Trơ trên
- Trơn tuột
- Trục lợi
- Trung lập
- Trung thành
- Truy lạc
- Trữ tình
- Trước sau như một
- Trưởng thành
- Tục tũ
- Tuyệt vọng
- Tư biện
- Tư lợi
- Tư lự
- Tư tưởng
- Từ bi
- Từ điển bách khoa
- Từ tâm
- Từ thiện
- Tự ái
- Tự an ủi
- Tự ca ngợi
- Tự cao tự đại
- Tự chủ
- Tự do
- Tự do tư tưởng
- Tự do vô kỷ luật
- Tự đánh bóng
- Tự hành hạ
- Tự hào
- Tự khen
- Tự kiểm chế
- Tự kiêu
- Tự làm khổ
- Tự mãn
- Tự nhiên
- Tự phán xét
- Tự phán xử
- Tự phụ
- Tự tin
- Tự trọng
- Tự tư tự lợi
- Tự ty
- Từng trải
- Tươi tắn
- Tỵ nạnh

U

- U mê
- U sầu
- Uể oải
- Uy tín
- Ủy mị

Ư

- Ưa nghe nói ngọt
- Ươn hèn
- Ương bướng
- Ướt át

V

- Văn minh
- Vắt vả
- Vẻ ngoài
- Vênh váo
- Vĩ cuồng
- Vị kỉ
- Vị lợi
- Vị tha
- Vô bổ
- Vô cảm
- Vô chính phủ
- Vô chính trị
- Vô dụng
- Vô duyên
- Vô đạo đức
- Vô độ
- Vô giá
- Vô giáo dục
- Vô hại
- Vô học
- Vô ích
- Vô kỷ luật
- Vô lễ
- Vô liêm sỉ
- Vô lương tâm
- Vô lý
- Vô nguyên tắc
- Vô nhân đạo
- Vô ơn
- Vô tài
- Vô tâm
- Vô tích sự
- Vô tình
- Vô trách nhiệm
- Vô tri vô giác

- Vô tư
- Vô vị
- Vội vã
- Vồn vã
- Vờ vĩnh
- Vu khống
- Vu oan giá họa
- Vụ lợi
- Vui cười
- Vui mừng độc địa
- Vui nhộn
- Vui sướng trên đau khổ người khác
- Vui tính
- Vui tươi
- Vui vẻ
- Vụng trộm
- Vụng về

X

- Xa lánh mọi người
- Xả thân
- Xài phí
- Xấc láo
- Xấc xược
- Xấu hổ
- Xấu xa
- Xấu xí
- Xỏ xiên
- Xoàng
- Xoi mói
- Xốc vác
- Xơ cứng
- Xởi lởi
- Xu lợi
- Xu nịnh
- Xuất chúng
- Xuất sắc
- Xúc tích
- Xúc xiểm
- Xúi bẩy
- Xúi giục
- Xúi quẩy
- Xun xoe
- Xuyên tạc
- Xử sự hợp lý hợp tình

Y

- Ý lại

- | | | | |
|---|--|--|--|
| <ul style="list-style-type: none">• Ý chí• Ý thức cao• Yếu thế• Yên ổn tâm hồn | <ul style="list-style-type: none">• Yêu cái đẹp• Yêu cầu cao• Yêu đời• Yêu hòa bình | <ul style="list-style-type: none">• Yêu lao động• Yêu nước• Yêu sách• Yêu tự do | <ul style="list-style-type: none">• Yếu điệu• Yếu đuối• Yếu hèn• Yếu lòng |
|---|--|--|--|

CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH VÀ NÊN TÌM ĐỌC THÊM, KỂ CẢ CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

TIẾNG VIỆT:

- Nguyễn Chân, Dương Xuân Bảo, Phan Dũng. *Algôrit sáng chế*. Nhà xuất bản khoa học – kỹ thuật. Hà Nội. 1983.
- Phan Dũng. *Làm thế nào để sáng tạo: Khoa học sáng tạo tự giới thiệu*. Ủy ban khoa học và kỹ thuật TpHCM. 1990.
- Phan Dũng. *Phương pháp luận sáng tạo khoa học – kỹ thuật*. Ủy ban khoa học và kỹ thuật TpHCM. 1991.
- Phan Dũng. *Sổ tay sáng tạo: Các thủ thuật (nguyên tắc) cơ bản*. Ủy ban khoa học và kỹ thuật TpHCM. 1992.
- Phan Dũng. *Nghiên cứu giảng dạy và áp dụng phương pháp luận sáng tạo vào hoạt động sở hữu công nghiệp*. Báo cáo nghiệm thu đề tài nghiên cứu cấp thành phố. Ủy ban khoa học và kỹ thuật TpHCM. 1992.
- Phan Dũng. *Hiệu quả kinh tế của đổi mới công nghệ: Nhìn từ những quy luật bên trong của chính quá trình đổi mới*. Báo cáo nghiệm thu đề tài nhánh của đề tài nghiên cứu cấp bộ. Bộ khoa học, công nghệ và môi trường. Hà Nội. 1993.
- Phan Dũng. *Hệ thống các chuẩn giải các bài toán sáng chế*. Trung tâm sáng tạo KHKT. TpHCM. 1993.
- Phan Dũng. *Giáo trình sơ cấp tóm tắt: Phương pháp luận sáng tạo khoa học – kỹ thuật giải quyết vấn đề và ra quyết định*. Trung tâm sáng tạo KHKT. TpHCM. 1994.
- Phan Dũng. *Giáo trình trung cấp tóm tắt: Phương pháp luận sáng tạo khoa học – kỹ thuật giải quyết vấn đề và ra quyết định*. Trung tâm sáng tạo KHKT. TpHCM. 1994.
- Phan Dũng. *Giới thiệu: Phương pháp luận sáng tạo và đổi mới (quyển một của bộ sách “Sáng tạo và đổi mới”)*. Trung tâm Sáng tạo KHKT (TSK). TpHCM. 2004. Nhà xuất bản Trẻ, TpHCM, 2010. Nhà xuất bản Đại học quốc gia TpHCM, 2012.
- Phan Dũng. *Thế giới bên trong con người sáng tạo (quyển hai của bộ sách “Sáng tạo và đổi mới”)*. Trung tâm Sáng tạo KHKT (TSK). TpHCM. 2005. Nhà xuất bản Trẻ, TpHCM, 2010. Nhà xuất bản Đại học quốc gia TpHCM, 2012.
- Phan Dũng. *Tư duy lôgic, biện chứng và hệ thống (quyển ba của bộ sách “Sáng tạo và đổi mới”)*. Trung tâm Sáng tạo KHKT (TSK). TpHCM. 2006. Nhà xuất bản Trẻ, TpHCM, 2010. Nhà xuất bản Đại học quốc gia TpHCM, 2012.
- Phan Dũng. *Các thủ thuật (nguyên tắc) sáng tạo cơ bản: Phần 1 (quyển bốn của bộ sách “Sáng tạo và đổi mới”)*. Trung tâm Sáng tạo KHKT (TSK). TpHCM. 2007. Nhà xuất bản Trẻ, TpHCM, 2010. Nhà xuất bản Đại học quốc gia TpHCM, 2012.
- Phan Dũng. *Các thủ thuật (nguyên tắc) sáng tạo cơ bản: Phần 2 (quyển năm của bộ sách “Sáng tạo và đổi mới”)*. Trung tâm Sáng tạo KHKT (TSK). TpHCM. 2008. Nhà xuất bản Trẻ, TpHCM, 2010. Nhà xuất bản Đại học quốc gia TpHCM, 2012.

- Phan Dũng. *Các phương pháp sáng tạo (quyển sáu của bộ sách “Sáng tạo và đổi mới”)*. Trung tâm Sáng tạo KHKT (TSK). TpHCM. 2008. Nhà xuất bản Trẻ, TpHCM, 2010. Nhà xuất bản Đại học quốc gia TpHCM, 2012.
- Phan Dũng. *Các quy luật phát triển hệ thống (các quy luật sáng tạo và đổi mới) (quyển bảy của bộ sách “Sáng tạo và đổi mới”)*. Trung tâm Sáng tạo KHKT (TSK). TpHCM. 2009. Nhà xuất bản Trẻ, TpHCM, 2010. Nhà xuất bản Đại học quốc gia TpHCM, 2012.
- Phan Dũng. *Hệ thống các chuẩn dùng để giải các bài toán sáng chế (quyển tám của bộ sách “Sáng tạo và đổi mới”)*. Trung tâm Sáng tạo KHKT (TSK). TpHCM. 2011. Nhà xuất bản Đại học quốc gia TpHCM, 2012.
- Phan Dũng. *Algôrit giải các bài toán sáng chế (ARIZ) (quyển chín của bộ sách “Sáng tạo và đổi mới”)*. Trung tâm Sáng tạo KHKT (TSK). TpHCM. 2011. Nhà xuất bản Đại học quốc gia TpHCM, 2012.
- Phan Dũng. *Phương pháp luận sáng tạo và đổi mới: Những điều muốn nói thêm (quyển mười của bộ sách “Sáng tạo và đổi mới”)*. Trung tâm Sáng tạo KHKT (TSK). TpHCM. 2011. Nhà xuất bản Đại học quốc gia TpHCM, 2012.

TIẾNG ANH:

- Albrecht K. *Brain Power: Learn to Improve Your Thinking Skills*. Prentice Hall Press. 1980.
- Altshuller G.S. *Creativity as an Exact Science: The Theory of the Solution of Inventive Problems* (translated by Anthony Williams). Gordon & Breach Science Publishers. 1984.
- Altshuller G.S. *And Suddenly the Inventor Appeared : TRIZ, the Theory of Inventive Problem Solving* (translated by Lev Shulyak). Technical Innovation Center. 1996.
- Altshuller G.S. *40 Principles: TRIZ Keys to Technical Innovation* (translated and edited by Lev Shulyak and Steven Rodman). Technical Innovation Center. 1998.
- Altshuller G.S. *The Innovation Algorithm: TRIZ, the Theory of Inventive Problem Solving* (translated by Lev Shulyak and Steven Rodman). Technical Innovation Center. 1998.
- Carlson N.R. *Psychology*. Allyn and Bacon. 1990.
- Carnegie D. *How to Win Friends and Influence People*. CEDAR. 1995.
- Carnegie D. *How to Stop Worrying and Start Living*. CEDAR. 1984.
- Davis K., Newstrom J.W. *Human Behavior at Work: Organizational Behavior*. Mc. Graw-Hill Book Company.
- Dessler G. *Personel/Human Resource Management*. Prentice-Hall International Editors. 1990.
- Dewey J. *How We Think*. New York. 1910.
- Feinberg M.R. *Effective Psychology for Managers*. Prentice-Hall, Inc. 1965.
- Ferris G.R., Rowland K.M., Buckley M.R. *Human Resource Management*. Allyn and Bacon. 1990.
- Fey V.R., Rivin E.I. *The Science of Innovation, A Managerial Overview of The TRIZ Methodology*. TRIZ Group. USA. 1997.
- Garnham A. *The Mind in Action*. Routledge. London and New York. 1991.
- Goleman D. *Emotional Intelligence: Why It Can Matter More Than IQ*. Bantam Books. 1995.
- Grobstein C. *The Strategy of Life*. W.H. Freeman and Company. 1965.

- Hermann N. *The Creative Brain*. Lake Lure, NC: Brain Books, 1988.
- Kirton M.J. *A Theory of Cognitive Style*. In M.J. Kirton (Ed.), *Adaptors and Innovators: Styles of Creativity and Problem-Solving* (pp. 1 – 36). London: Routledge. 1989.
- Lefton L.A., Valvatne L. *Mastering Psychology*. Allyn and Bacon. 1988.
- Losoncy L. *The Motivation Leader*. Prentice Hall Press. 1985.
- Maruyama M. *Mindscales in Management*. Dartmouth. 1994.
- McConnell J.V. *Understanding Human Behavior: An Introduction to Psychology*. Holt, Rinehart and Winston. 1983.
- Murdock A., Scutt C.N. *Personal Effectiveness*. Butterworth Heinemann. 2003.
- Nierenberg G.I. *The Art of Creative Thinking*. Simon and Schuster, Inc. New York. 1980.
- Orloff M.A. *Inventive Thinking Through TRIZ: A Practical Guide*. Springer. 2003.
- Ornstein R. *The Evolution of Consciousness*. Prentice Hall Press. 1991.
- Osborn A.F. *Applied Imagination: Principles and Procedures of Creative Problem Solving*. Charles Scribner's Sons. 1953.
- Pace R.W., Smith P.C., Mills G.E. *Human Resource Development*. Prentice-Hall. 1990.
- Patton P. *Emotional Intelligence in The Workplace*. Raffles Editions. Singapore. 1997.
- Phan Dung. *Introducing Creativity Methodologies into Vietnam* (invited article). *Creativity and Innovation Management*, V. 3, N° 4, 240-242, UK. 1994.
- Phan Dung. *TRIZ: Inventive Creativity Based on The Laws of Systems Development* (invited article). *Creativity and Innovation Management*, V. 4, N°. 1, 19-30, UK. 1995
- Phan Dung. *Systems Inertia in Creativity and Innovation*. Lecture presented at the Fifth European Conference on Creativity and Innovation, Vaals, the Netherlands, April 28 - May 2, 1996. In the Conference Proceedings: "Creativity and Innovation: Impact", 143-150, 1997.
- Phan Dung. *Creatology: A Science for the 21st Century*. Keynote paper presented at the International Symposium and Seminar: "Education: The Foundation for Human Resource and Quality of Life Development", Chiang Mai, Thailand, August 26-30, 1996.
- Phan Dung. *The Renewal in Creative Thinking Process for Problem Solving and Decision Making*. Keynote paper presented at the Sixth National Seminar on Educational Management and Leadership "Personal Renewal Towards Leadership Maturity in Educational Management", Genting Highlands, Malaysia, December 9-12, 1996.
- Phan Dung. *Creativity and Innovation Methodologies Based on Enlarged TRIZ for Problem Solving and Decision Making* (The textbook for English Speaking Learners). The CSTC, Hochiminh City. 1996.
- Phan Dung. *Dialectical Systems Thinking for Problem Solving and Decision Making*. The 7th International Conference on Thinking, Singapore, June 1-6, 1997. Also in Morris I. Stein (ed.) *Creativity's Global Correspondents* - 1998, Florida, Winslow Press, USA, 143-161. And in *The Korean Journal of Thinking & Problem Solving*, 2000.4, 49-67.
- Phan Dung. *On the Basic Program "Creativity Methodologies for Problem Solving and Decision Making" Being Taught by the CSTC in Vietnam* (invited article). In Morris I. Stein (ed.) *Creativity's Global Correspondents* - 1999, Florida, Winslow Press, USA, 250-256.
- Phan Dung. *Some Results Derived from Teaching the Course "Creativity Methodologies"* (invited article). In Morris I. Stein (ed.) *Creativity's Global Correspondents* – 2000,

- Florida, Winslow Press, USA, 205-212.
- Phan Dung. *My Experiences with my Teacher Genrikh Saulovich Altshuller* (invited article). In Morris I. Stein (ed.) *Creativity's Global Correspondents – 2001*, Florida, Winslow Press. USA, 255-270.
- Phan Dung. *Enlarging TRIZ and Teaching Enlarged TRIZ for the Large Public*. Keynote paper presented at the International Conference “TRIZCON 2001”, Woodland Hills, California, USA, March 25-27, 2001.
- Also in “The TRIZ Journal”, Issues June and July 2001 on the website <http://www.triz-journal.com/index.html>
- Phan Dung. *Are Methodologies of Creativity Really Useful for You as a Teacher of Creativity* (invited article). In Morris I. Stein (ed.) *Creativity's Global Correspondents – 2002*, New York, USA, 211 – 218.
- Polya G. *How to Solve It?* Anchor Book. 1945
- Prager D. *Happiness Is A Serious Problem*. HarperCollins Publishers. 1998.
- Rantanen K. Domb. E. *Simplified TRIZ: New Problem-Solving, Applications for Engineers and Manufacturing Professionals*. CRC Press LLC. 2002.
- Salamatov Y. *TRIZ: The Right Solution at The Right Time*. Edited by Valeri Souchkov. Insytec. The Netherlands. 1999
- Sashkin M., Morris W.C. *Organizational Behavior: Concepts and Experiences*. Prentice-Hall Company. 1984.
- Sternberg R.J. *Cognitive Psychology*. Harcourt Brace College Publishers. 1996.
- Terninko J., Zusman A., Zlotin B. *Step-By-Step TRIZ: Creating Innovative Solution Concepts*. Responsible Management Inc. USA. 1996.
- Terninko J., Zusman A., Zlotin B. *Systematic Innovation: An Introduction to TRIZ (Theory of Inventive Problem Solving)*. St. Lucie Press. USA. 1998.
- Thurrow L.C. *Human Resource Development as an Aspect of Strategic Competition*. MIT Club of Singapore. 1992.
- Williams J.K. *The Wisdom of Your Subconscious Mind*. Reward Books. 1982.
- Yihong F. *From Integrative Worldview to Holistic Education: Theory and Practice*. Southwest Jiaotong University Press. 2004.

TIẾNG ANH:

- Агекян В.Ф., Фан Зунг. “Спектры отражения, фотолюминесценции твёрдых растворов $Cd_{1-x}Mn_xTe$ при $0 < x < 0,5$ ”. Вестник Ленинградского университета, серия физики, в. 16, с. 6-13, 1984г.
- Агекян В.Ф., Фан Зунг. “Селективно возбуждённая люминесценция и резонансное комбинационное рассеяние света в полупроводнике $Cd_{1-x}Mn_xTe$ ”. Физика и Техника полупроводников, Т. 18, в. 10, с. 1859 – 1861, 1984г. Bài báo này được Viện Vật lý Hoa Kỳ (American Institute of Physics) dịch sang tiếng Anh và đăng lại ở Mỹ dưới nhan đề: *Selectively Excited Luminescence and Resonance Raman Scattering of Light in Semiconducting $Cd_{1-x}Mn_xTe$* .
- Агекян В.Ф., Фан Зунг. “Люминесценция смешанных кристаллов $Cd_{1-x}Mn_xTe$ связанная с присутствием марганца”. Физика твёрдого тела, Т. 27, в. 4, с. 1216-1219, 1985г. Bài báo này được Viện Vật lý Hoa Kỳ (American Institute of Physics) dịch sang tiếng Anh và đăng lại ở Mỹ dưới nhan đề: *Luminescence of Mixed $Cd_{1-x}Mn_xTe$ Crystals Associated with*

the Presence of Manganese.

Агемян В.Ф., Фан Зунг. “Люминесценция полупроводниковых твёрдых растворов $Cd_{1-x}Mn_xTe$ ”. В Сборнике: Тезисы докладов X всесоюзной конференции по физике полупроводников. Минск, часть 1, с. 46-47, сентябрь 1985г.

Агемян В.Ф., Фан Зунг, Погарёв С. В. “Магнитолюминесценция твёрдых растворов $Cd_{1-x}Mn_xTe$ при $0 \leq x \leq 0,7$ ”. Физика твёрдого тела, Т. 29, в. 11, с. 3312-3314, 1987г. Bài báo này được Viện Vật lý Hoa Kỳ (American Institute of Physics) dịch sang tiếng Anh và đăng lại ở Mỹ dưới nhan đề: *Magnetoluminescence of $Cd_{1-x}Mn_xTe$ Solid Solutions Having Compositions $0 \leq x \leq 0.7$.*

Агемян В.Ф., Погарёв С. В., Фан Зунг. “Магнито- и пьезолюминесценция в твёрдых растворах $Cd_{1-x}Mn_xTe$ ”. В Сборнике: Тезисы докладов XX всесоюзного съезда по спектроскопии. Киев, часть 2, с. 126, сентябрь 1988г.

Агемян В.Ф., Фан Зунг. “Влияние всестороннего сжатия на фотолюминесценцию твёрдых растворов $Cd_{1-x}Mn_xTe$ ”. Физика твёрдого тела, Т. 30, в. 10, с. 3150-3153, 1988г. Bài báo này được Viện Vật lý Hoa Kỳ (American Institute of Physics) dịch sang tiếng Anh và đăng lại ở Mỹ dưới nhan đề: *Influence of Hydrostatic Pressures on the Photoluminescence of $Cd_{1-x}Mn_xTe$ Solid Solutions.*

Агемян В.Ф., Фан Зунг. “Экситонная люминесценция твёрдых растворов $Cd_{1-x}Mn_xTe$ во внешних полях”. В Сборнике: Тезисы докладов всесоюзного совещания “Экситоны в полупроводниках – 88”, Вильнюс, с. 80, ноябрь 1988г.

Агемян В.Ф., Фан Зунг. “Селективно возбуждённая магнитолюминесценция в полумагнитных твёрдых растворах $Cd_{1-x}Mn_xTe$ / $x = 0,25 - 0,5$ ”. Физика твёрдого тела, Т. 30, в. 11, с. 3444-3447, 1988г. Bài báo này được Viện Vật lý Hoa Kỳ (American Institute of Physics) dịch sang tiếng Anh và đăng lại ở Mỹ dưới nhan đề: *Selectively Excited Magnetoluminescence in Semimagnetic $Cd_{1-x}Mn_xTe$ Solid Solutions Having Compositions $0.25 < x < 0.5$.*

Агемян В.Ф., Фан Зунг. “Люминесценция $Cd_{1-x}Mn_xTe$ в температурном интервале магнитного фазового перехода”. Физика твёрдого тела, Т. 31, в. 7, с. 105-108, 1989г. Bài báo này được Viện Vật lý Hoa Kỳ (American Institute of Physics) dịch sang tiếng Anh và đăng lại ở Mỹ dưới nhan đề: *Luminescence of $Cd_{1-x}Mn_xTe$ on the Temperature Interval of Magnetic Phase Transition.*

Альтшуллер Г.С. *Как научиться изобретать*. Тамбовское книжное издательство. 1961г.

Альтшуллер Г.С. *Основы изобретательства*. Воронеж. Центрально – черноземное книжное издательство. 1964г.

Альтшуллер Г.С. *Алгоритм изобретения*. Московский рабочий. 1973г.

Альтшуллер Г.С. *Творчество как точная наука*. Советское радио. Москва. 1979г.

Альтшуллер Г.С., Селюцкий А.Б. *Крылья для Икара*. Карелия. Петрозаводск. 1980г.

Альтшуллер Г.С. *И тут появился изобретатель*. Детская литература. Москва. 1984г.

Альтшуллер Г.С., Злотин Б.Л., Филатов В.И. *Профессия – Поиск нового*. Картя Молдовеняскэ. Кишинёв. 1985г.

Альтшуллер Г.С. *Найти идею*. Сибирское отделение: “Наука”. Новосибирск. 1986г.

Альтшуллер Г.С. Злотин Б.Л., Зусман А.В., Филатов В.И. *Поиск новых идей: От озарения к технологии*. Картя Молдовеняскэ. Кишинёв. 1989г.

Альтшуллер Г.С., Вёрткин И.М. *Как стать гением: Жизненная стратегия творческой личности*. Беларусь. Минск. 1994г.

- Андреев И.Л. *Происхождение человека и общества*. "Мысль". Москва. 1988г.
- Антонов М.Ф. *НТР: Роль человеческого фактора*. "Молодая гвардия". 1987г.
- Злотин Б.Л. Зусман А.В. *Месяц под звёздами фантазии*. "Лумина". Кишинёв. 1988г.
- Злотин Б.Л. Зусман А.В. *Изобретатель пришёл на урок*. "Лумина". Кишинёв. 1990г.
- Злотин Б.Л. Зусман А.В. *Решение исследовательских задач*. "Прогресс". Кишинёв. 1991г.
- Иванов Г. ... *И начинайте изобретать: ТРИЗ*. "Восточно – Сибирское книжное издательство". Иркутск. 1987г.
- Иванов С. *Формула открытия*. "Детская литература", Москва, 1976г.
- Иванов С. *Абсолютное зеркало*. "Знание". Москва. 1986г.
- Исмаилов И.М., Гахраманов Н.Ф., Фан Зунг, "*Получение монокристаллов InS и исследование их фотопроводимости*", Республиканская научная конференция молодых учёных – физиков, Академия наук Азербайджанской ССР, Баку, май, 1973г.
- Исследование проблем психологии творчества* (Ответственный редактор, доктор психологических наук Я. А. Пономарёв). "Наука". Москва. 1983г.
- Капица П.Л. *Эксперимент, теория, практика*. "Наука". Москва. 1987г.
- Карпов А.В. *Психология принятия управленческих решений*. "Юрист". Москва. 1998г.
- Кедров Б. *О творчестве в науке и технике*. "Молодая гвардия". Москва. 1987г.
- Коган Л.Н. *Человек и его судьба*. "Мысль". 1988г.
- Короленко Ц.П., Фролова Г.В. *Вселенная внутри тебя (эмоция, поведение, адаптация)*. "Наука". Новосибирск. 1979г.
- Краткий психологический словарь*. Под общей редакцией А.В. Петровского и М.Г. Ярошевского. "Издательство политической литературы". Москва. 1985г.
- Лихтенштейн Е.С. *Слово о науке*. "Знание". Москва. 1976г.
- Ломов Б.Ф. *Методологические и теоретические проблемы психологии*. "Наука". Москва. 1984г.
- Лук А.Н. *Эмоции и чувства*. "Знание". Москва. 1972г.
- Лук А.Н. *Психология творчества*. "Наука". Москва. 1978г.
- Общая психология (Под редакцией академика АПН СССР А.В. Петровского)*. "Просвещение". Москва. 1986г.
- Основы инженерной психологии (Под редакцией члена – корреспондента АН СССР Б.Ф. Ломова)*. "Высшая школа". 1986г.
- Платонов К.К., Голубев Г.Г. *Психология*. "Высшая школа". 1977г.
- Пономарёв Я.А. *Психика и интуиция*. "Политиздат". Москва. 1967г.
- Пушкин В.Н. *Эвристика – наука о творческом мышлении*. "Политиздат". Москва. 1967г.
- Ракитов А.И. *Принципы научного мышления*. "Издательство политической литературы". Москва. 1975г.
- Рубинштейн С.Л. *Основы общей психологии*. "Педагогика". Москва. 1989г.
- Саламатов Ю.П. *Как стать изобретателем*. "Просвещение". Москва. 1990г.
- Симонов П.В. *Междисциплинарная концепция человека*. "Знание". Москва. 1989г.

- Техника – Молодёжь – Творчество: Дерзкие формулы творчества.* Составитель А.Б. Селюцкий. “Карелия”. Петрозаводск. 1987г.
- Техника – Молодёжь – Творчество: Нить в лабиринте.* Составитель А.Б. Селюцкий. “Карелия”. Петрозаводск. 1988г.
- Техника – Молодёжь – Творчество: Правила игры без правил.* Составитель А.Б. Селюцкий. “Карелия”. Петрозаводск. 1989г.
- Техника – Молодёжь – Творчество: Как стать еретиком.* Составитель А.Б. Селюцкий. “Карелия”. Петрозаводск. 1991г.
- Техника – Молодёжь – Творчество: Шанс на приключение.* Составитель А.Б. Селюцкий. “Карелия”. Петрозаводск. 1991г.
- Фан Зунг, “Объективный характер законов природы и их познание (на примерах физики)”, Общесоюзная интернациональная научная конференция студентов естественнонаучных и медицинских специальностей на тему “Философские проблемы естествознания”, Ленинград, 24 по 26 октября 1972г.
- Фан Зунг. *Исследование фотопроводимости полупроводников InS .* Дипломная работа. Азербайджанский государственный университет. Баку. 1973г.
- Фан Зунг. *О психологической инерции при решении творческих задач.* Дипломная работа. Институт изобретательского творчества. Баку. 1973г.
- Фан Зунг. *Оптические свойства полумагнитных полупроводников $Cd_{1-x}Mn_xTe$.* Кандидатская диссертация. Ленинградский государственный университет. Ленинград. 1985г.
- Фан Зунг. “Оптические процессы в широкозонных полумагнитных полупроводниках $Cd_{1-x}Mn_xTe$ ”. Вестник Ленинградского университета, серия 4, в. 2/ № 11/, с. 7 – 11, 1989г.
- Фан Зунг. *Оптические процессы в широкозонных твёрдых растворах A^2B^6 с магнитной компонентой.* Докторская диссертация. Ленинградский государственный университет. Ленинград. 1989г.
- Шарден П.Т.Д. *Феномен человека: преджизнь, жизнь, мысль, сверхжизнь.* “Наука”. Москва. 1987г.